

SAMUEL BUTLER

CÁNH CỬA MỞ RỘNG

VỚI LỜI GIỚI THIỆU CỦA
NHÀ TOÁN HỌC NGÔ BẢO CHÂU
VÀ NHÀ VĂN PHAN VIỆT



tiểu thuyết

xác thịt về đấu

Thái Hòa dịch



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

**SAMUEL
BUTLER**

Thái Hòa dịch



**XÁC THỊT
VỀ
ĐẦU**

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



Tủ sách hợp tác giữa
**nhà toán học Ngô Bảo Châu,
nhà văn Phan Việt
với Nhà xuất bản Trẻ**

Tủ sách CÁNH CỬA MỞ RỘNG được thực hiện nhằm mục đích giới thiệu những đầu sách có giá trị của thế giới và trong nước đến bạn đọc Việt Nam, đặc biệt là bạn đọc trẻ, góp phần thúc đẩy việc đọc sách, tinh thần hiếu học, coi trọng tri thức và những giá trị sống. Các tựa sách trong tủ do nhà toán học Ngô Bảo Châu và nhà văn Phan Việt tuyển chọn và giới thiệu.

Tủ sách được phân thành ba mảng: văn học, khoa học xã hội - kinh tế, và khoa học tự nhiên; trước mắt cấu tạo tủ sách gồm 80% các sách có khả năng tiếp cận đông đảo bạn đọc và 20% cho các sách chuyên ngành.

LỜI GIỚI THIỆU

Bạn đã bao giờ thử nghĩ về các thế hệ trong đại gia đình của mình và tự hỏi: tại sao ông mình suốt đời chỉ là một người thợ lặn lẽ dù ông rất giỏi, tại sao cha mình lúc nào cũng rao giảng đạo đức và ép mình phải đi theo nghề của cha, tại sao mẹ mình nhẫn nhục chịu đựng cha đến mức tự biến mình thành một người đàn bà giả trá, chao chát; tại sao các cô chú, cậu mợ và anh chị em họ của mình trở thành những người như họ đã trở thành... Và tại sao tất cả những cá thể người riêng rẽ, dường như hoàn toàn khác biệt này lại dính chặt với nhau trong cái liên kết gọi là “gia đình”, mà ở đó sự hành hạ lẫn nhau có khi còn nhiều hơn tình thương yêu?

Trong cuốn tiểu thuyết kinh điển *Xác thối về đầu* của Samuel Butler, Ernest Pontifex sinh ra trong một đại gia đình và đã bắt đầu cuộc sống bằng sự trung thành tuyệt đối với gia đình mình. Ở tuổi bắt đầu trưởng thành, anh tuân ý người cha độc đoán theo đuổi việc học hành với ý định trở thành một mục sư. Nhưng cuộc sống được sắp xếp trước này không suôn sẻ; cuộc đời Ernest trải qua nhiều thăng trầm, bao gồm cả việc vỡ mộng với các tín điều tôn giáo, vào tù, bị cha mẹ từ bỏ, nghèo khó, bị vợ phản bội, ốm đau, bị lừa dối... Trước khi có thể trở thành một con người độc lập, sống cuộc đời mình. Là cuốn tiểu thuyết có tính phá vỡ khuôn mẫu các tiểu thuyết đạo đức thời Victoria, *Xác thối về đầu* mô tả cuộc sống của bốn thế hệ nhà Pontifex; đồng thời cho chúng ta thấy những mẫu số chung trong cuộc sống gia đình và trong đời người. Samuel Butler viết: “... Khi về già... Chúng ta biết rằng cuộc sống chủ yếu là những hù dọa nhau hơn là những tổn thương thật sự.” Quả thật, những trò về mà con người ta, nhất là người trong gia đình, dùng để hành hạ nhau nhiều khi chỉ xuất phát từ sự hù dọa và khẳng định quyền lực cá nhân một cách vô thường vô phạt, nhưng đôi khi để đi đến chỗ hiểu ra điều đó, chúng ta mất cả một đời.

Ngô Bảo Châu & Phan Việt



Hồi những năm đầu thế kỷ, khi còn là một cậu trai nhỏ, tôi nhớ có một ông già mang quần ống túm và bút tất len, thường tập tễnh chống gậy bước đi trên con đường làng. Vào năm 1807, hẳn ông đã phải được tám mươi tuổi rồi. Tôi khó có thể nhớ được trước đó ông thế nào, bởi đến năm 1802 tôi mới chào đời. Mái tóc đã bạc, lưng hơi còng và đôi chân mỏng manh, nhưng ông vẫn còn vẻ tráng kiện, và vẫn được tôn trọng ở Paleham, cái thế giới bé nhỏ của chúng tôi. Tên ông là Pontifex.

Người ta nói ông là người sợ vợ; tôi đã được nghe là bà ấy có đem lại cho ông một ít tiền, nhưng chắc chắn chỉ một ít mà thôi. Đó là một người đàn bà thân dài vai rộng (cha tôi thường gọi bà ấy là mẹ đàn bà Gothic). Bà đã nhất nhất đòi cưới ông vào cái thời mà ông còn trẻ và quá tử tế, chưa thể chối từ bất cứ ai theo đuổi mình. Cuộc sống của họ vẫn ổn, bởi ông Pontifex là người dễ dãi và sớm biết cách nhân nhượng trước tính khí như lửa của bà vợ.

Nghề nghiệp chính của ông Pontifex là thợ mộc, và theo tôi nhớ thì cũng có một thời gian ông làm người giúp lễ. Tuy nhiên, ông đã phát lên nhiều và nhờ đó không còn phải lao động tay chân nữa. Thời trai trẻ, ông đã tự mày mò học vẽ, tôi không nói là ông vẽ giỏi, nhưng việc ông vẽ được như thế quả là một điều đáng ngạc nhiên rồi. Vốn sống ở Paleham từ năm 1797, cha tôi đã có được nhiều bức họa đẹp của ông cụ này. Ông luôn vẽ tranh về quê hương mình, và hết sức kỳ công đến mức trông chúng tựa như tác phẩm của một bậc thầy hội họa thời xưa vậy. Tôi nhớ là chúng đã được lồng khung kính treo trong văn phòng mục sư của cha tôi, với gam màu nhẹ hòa với màu gian phòng, và màu xanh lá trong tranh tựa hồ như phản chiếu màu những

dây thường xuyên đang quấn quanh khung cửa sổ. Tôi cứ ngỡ là những nhánh thường xuyên đang vươn dài ra mãi, hòa cùng làm một với khung tranh xanh xanh đó.

Làm họa sỹ chưa đủ, ông Pontifex còn muốn mình làm nhạc sỹ. Ông tự tay làm cây dương cầm đặt trong nhà thờ, và làm một cây khác nhỏ hơn cho riêng mình. Khả năng âm nhạc của ông không kém gì khả năng hội họa, dù không tuân theo những tiêu chuẩn chuyên nghiệp cho lắm, nhưng cũng hơn những gì người ta có thể kỳ vọng. Khi biết tôi cũng hứng thú với âm nhạc từ thuở nhỏ giống mình, ông đã dành cho tôi một sự ưu ái rất ư là đặc biệt.

Người ta có thể nghĩ là với một mớ bộn bề những thứ muốn làm như thế, rất khó để ông có thể trở nên thật giàu có, nhưng sự thực không phải vậy. Cha của ông là một người làm công nhật, và ông cũng khởi nghiệp chỉ với lương tri và sức khỏe của mình; nhưng giờ đây, ông làm chủ một xưởng bán gỗ lớn, và cơ ngơi của ông đã yên bề ổn định. Cho đến những năm cuối của thế kỷ trước, không lâu trước lúc cha tôi đến Paleham nhận nhiệm sở, ông đã có một trang trại chín mươi mẫu Anh^u, một dấu ấn đáng kể cho thành công trong cuộc sống. Cùng với nó là một căn nhà theo kiểu cổ nhưng đầy tiện nghi với sân vườn, cùng vườn cây ăn quả tuyệt đẹp. Ông dời xưởng mộc ra một trong những ngôi nhà phụ, vốn là một phần của kiến trúc tu viện cũ Abbey Close mà phần nào vẫn còn tồn tại đến ngày nay. Bao quanh bởi cây kim ngân và dây hồng leo, ngôi nhà của ông là nơi đẹp đẽ nhất làng, và bên ngoài rục rĩ bao nhiêu thì nội thất trong nhà cũng ngăn nắp chuẩn mực bấy nhiêu. Người ta đồn rằng bà Pontifex còn là hồ cứng cho khăn trải giường của mình, và tôi cũng tin như thế thật.

Tôi còn nhớ khá rõ về phòng khách của bà với cây dương cầm được chính tay ông Pontifex làm chiếm trọn nửa gian, cùng vài trái lê khô thơm nức hái từ cây mọc cạnh nhà; trên bệ lò sưởi là tác phẩm con bò đạt giải tự tay ông Pontifex vẽ, cùng bức tranh kính mờ vẽ một người soi đèn cho chiếc tứ mã trong đêm mưa tuyết, vốn cũng là tác phẩm của khổ chủ; trang trí trong phòng còn có hai bức tượng ông bà già nho nhỏ, chuyên dùng để báo thời tiết, cặp tượng cô cậu mục đồng bằng sứ, một vài lọ hoa lá với đôi chiếc lông công thật nổi bật, cùng những bát sứ đựng đầy cánh hồng khô và muối

hồng. Tất cả những thứ đó đã biến mất, giờ chỉ còn trong ký ức, dấu phai mờ nhưng vẫn còn thoang thoảng trong tôi.

Và tôi vẫn còn nhớ căn bếp của bà, chút hình ảnh về hầm rượu ở đó, nơi có chút tia sáng hắt ra từ chiếc bình sữa, hay từ những bàn tay và khuôn mặt của các cô gái đang hút bột kem, còn những thứ quý giá bà cất nơi nhà kho, trong đó có loại sáp môi nổi tiếng vốn là một trong những niềm hãnh diện của bà, cũng như món thịt đông hằng năm bà thường giới thiệu cho những người mà bà thấy đáng trọng và đáng mến. Vài năm trước khi mất, bà đã viết công thức món này cho mẹ tôi, nhưng chúng tôi chẳng bao giờ làm món đó ngon được như bà. Khi chúng tôi còn nhỏ, thỉnh thoảng bà có gửi lời hỏi thăm đến mẹ tôi, và xin phép cho chúng tôi đến dùng trà với bà, những lúc như vậy bà thường cho chúng tôi ăn uống thật no nê. Theo những gì tôi thấy được, quả thật chúng tôi không nghĩ có người phụ nữ nào lại thú vị bằng bà, cho dù ông Pontifex có phải chịu đựng bà điều gì đi nữa thì riêng chúng tôi vẫn chẳng có gì để phàn nàn về bà. Sau khi đã chén no nê, chúng tôi được nghe ông Pontifex chơi đàn, cả nhóm đứng vòng quanh há hốc mồm và nghĩ rằng ông là người thông thái tuyệt vời nhất trên thế gian, tất nhiên là ngoại trừ cha chúng tôi.

Bà Pontifex không có chút hài hước nào, ít nhất thì tôi nhớ chưa lần nào thấy bà tỏ ra hóm hỉnh, nhưng chồng bà lại là người rất có óc khôi hài, mặc dù ít người đoán được điều đó qua vẻ ngoài của ông. Tôi nhớ có một lần cha tôi bảo tôi đến xưởng của ông để xin ít hồ, và tôi tình cờ được thấy ông già đang trách mắng cậu nhỏ của ông. Ông xách tai nó – cái thằng đầu đất ấy và nói ‘Thế nào, đầu óc lại vợ vẫn đâu rồi, cái thằng ngốc này’ (Tôi tin rằng người ta đã đoán trước rằng thằng bé đó sinh ra phải là đứa vẫn vợ, nhưng đến khi nó như thế thật thì người ta lại gọi nó là đồ vợ vẫn) ‘Nào, nhìn đây, ông tương,’ ông nói tiếp, ‘có một số đứa bị dốt bẩm sinh, và mày là một đứa như vậy; có một vài đứa dốt do đào tạo, và mày cũng loại đó, Jim à, mày vừa dốt bẩm sinh vừa biết tăng cái bản tính đó của mày lên nhiều lần’ (và đến chỗ cao trào này thì đầu và tai thằng bé bị lắc qua lắc lại liên tục) ‘và có đứa bị cái dốt nhập vào, nhưng nếu Chúa cho phép, thì mày sẽ không phải loại đấy bởi vì ta sẽ trục cái dốt ra khỏi mày, cho dù để được như vậy ta có

phải cho mày vài cái bạt tai,’ nhưng tôi không thấy ông già tát tai thẳng nhỏ cái nào, và ông cũng chẳng làm gì khiến nó sợ, bởi cả hai đều hiểu nhau quá rõ rồi. Lần khác, tôi nhớ là đã nghe ông gọi người bắt chuột của làng, ‘lại đây nào, cái thằng ba ngày ba đêm’ về sau tôi được biết rằng câu đó ám chỉ những lúc say sưa của ông bắt chuột, nhưng những chuyện đùa giỡn như thế, tôi sẽ không kể thêm nữa. Mỗi khi nhắc đến tên ông già Pontifex, vẻ mặt cha tôi lại sáng lên. ‘Ta nói con nghe này Edward, ông già Pontifex không chỉ là một người tài, mà còn là một trong những người giỏi giang nhất ta từng biết.’ một thiếu niên như tôi chưa đủ để hiểu điều đó. Tôi trả lời cha, ‘Cha ơi, vậy ông ấy đã làm những gì? Ông ấy có thể vẽ được chút ít, nhưng cả đời ông ấy có bức tranh nào được triển lãm ở học viện hoàng gia đâu? Ông ấy làm được hai cây đàn và có thể một tay chơi bản minuet trong vở *Samson*, tay kia chơi hành khúc trong vở *Scipio*; ông là một thợ mộc tài ba và có đôi chút khiếu ăn nói; ông xứng là một ông già tốt, nhưng lại sao cha lại đề cao ông ấy quá mức như vậy?’

Cha tôi trả lời, ‘Con à, con không được đánh giá bằng thành quả, mà phải xét thành quả trong phạm vi hoàn cảnh. Con nghĩ xem, liệu Giotto hay Filippo Lippi^[2] có được bức tranh nào dự triển lãm không? Liệu trong những bức tranh tường mà chúng ta đã thấy ở Padua, có bức nào có chút cơ hội được treo lên trong triển lãm thời nay hay không?’

Trời, những người của viện hàn lâm hẳn sẽ không thêm hạ cố viết thư báo cho Giotto tội nghiệp đến để đem tranh về nhà. ‘Chao ôi,’ ông tiếp lời với chút giận dữ, ‘nếu ông già Pontifex có được cơ hội như của Cromwell^[3], thì ông sẽ làm được tất cả những điều Cromwell đã làm, và còn làm tốt hơn nữa; nếu ông có được cơ hội như của Giotto, thì ông hẳn sẽ làm được những việc không kém gì Giotto; nhưng mà đời là thế, ông ấy là một thợ mộc làng, và ta bảo đảm với con rằng suốt cuộc đời mình, ông ấy chưa bao giờ cầu thả với bất cứ sản phẩm nào.’

‘Nhưng chúng ta không thể đánh giá một người bằng nhiều chữ ‘nếu’ như thế,’ tôi thốt lên. ‘Nếu ông Pontifex sống vào thời của Giotto, hẳn ông đã là một Giotto thứ hai, nhưng ông lại sống vào một thời khác mất rồi.’

‘Ta nói cho con nghe này, Edward.’ Cha tôi nói với một giọng có phần nghiêm khắc, ‘chúng ta không dựa nhiều vào những gì cụ thể người ta làm để đánh giá họ, mà dựa vào những gì họ khiến chúng ta thấy cái tâm của họ. Nếu một người đã làm nhiều việc trong hội họa, âm nhạc hay trong đời sống đến mức người đó khiến cho ta cảm thấy ta có thể tin tưởng họ trong một tình huống hiểm nghèo thì nghĩa là người đó có tâm. Ta không đánh giá một người dựa trên những nét cọ mà người ta đã thực sự đưa trên tấm toan, cũng không dựa vào những hành động họ đã làm, hay có thể nói là chúng ta không đánh giá một người dựa trên những nét vẽ trên tấm toan cuộc đời của họ, mà ta đánh giá dựa trên cảm nhận của ta về việc người đó đã cảm thấy và đã hướng đến cái gì. Nếu người đó khiến ta thấy rằng anh ta trân trọng những thứ mà bản thân ta cũng trân trọng thì ta chẳng đòi hỏi gì hơn nữa; ngữ pháp của anh ta có thể không hoàn hảo nhưng ta vẫn có thể hiểu anh ta; giữa ta và người đó đã có sự đồng cảm rồi; và nghe này Edward, ta nói lại lần nữa, ông già Pontifex đó không chỉ là một người có tài, mà còn là một trong những người giỏi giang nhất ta từng biết.’

Chẳng còn gì để phản bác lại cha tôi, và chị của tôi cũng đã đưa mắt bảo tôi im lặng. Không biết sao hể mỗi lần tôi với cha có bất đồng gì, chị của tôi đều đưa mắt bảo tôi im lặng.

Bị kích động do tôi, cha tôi khịt mũi nói tiếp ‘Còn nói về đứa con thành đạt của ông ấy, nó không đáng đánh giày cho cha nó. Nó có vài ngàn bảng^[4] một năm, trong khi cha nó có lẽ chỉ có ba ngàn shilling^[5] mỗi năm cho đến cuối đời. Nó là một kẻ thành đạt, nhưng cha nó, người tập tễnh bước trên đường Paleham với đôi tất len xám, chiếc mũ rộng vành và cái áo đuôi tôm đáng giá gấp trăm lần cái thắt Geogre Pontifex đó, bởi tất cả xe, ngựa và mọi thứ, ông đều tự mình gây dựng nên.’

‘Nhưng mà,’ cha tôi nói thêm “Geogre Pontifex cũng không phải là kẻ ngu.’ Và câu này đẩy chúng tôi bàn đến thế hệ thứ hai của nhà Pontifex mà chúng tôi có chút liên hệ.



Ông già Pontifex cưới vợ vào năm 1750, nhưng suốt một thời gian dài, họ chẳng có được mụn con nào. Rồi chợt đến năm thứ mười lăm, bà Pontifex khiến cho cả làng kinh ngạc với những biểu hiện không thể nhầm lẫn là bà đang mang thai đứa con thừa tự cho ông Pontifex. Đã từ lâu người ta xem bà chẳng còn hy vọng con cái gì nữa, và rồi khi bác sỹ chỉ ra ý nghĩa của những triệu chứng này, bà nổi cơn thịnh nộ và rửa xả ông ta là ăn càn nói bậy. Bà không chịu ở cữ cũng như chẳng chuẩn bị gì cho ngày sinh nở, nhưng những hàng xóm của bà hiểu rõ về cái thai hơn bà nên đã giấu bà mà chuẩn bị đủ hết mọi thứ. Có lẽ bà kính sợ nữ thần Báo ứng, mặc dù chắc chắn bà chẳng biết nữ thần là ai hay cái gì; có lẽ bà sợ bác sỹ đã chẩn đoán sai và bà sẽ thành trò cười cho thiên hạ; dù gì đi nữa, bà đã không chịu thừa nhận mầm sống rõ ràng đó, bà rõ ràng đã chối bỏ không chịu nhận ra nó, cho đến một đêm tháng Giêng đầy tuyết người ta phải gọi vị bác sỹ làng khẩn cấp chạy trên con đường gồ ghề xóc nảy mà đến hộ sinh cho bà. Khi đến nơi, ông thấy có hai chứ không chỉ một một bệnh nhân, bởi đứa trẻ đã kịp được rửa tội và đặt tên là George. Tôi tin chắc rằng bản tính của George Pontifex chịu ảnh hưởng nhiều từ người mẹ ương bướng này, một người mẹ luôn nghĩ rằng trên thế giới này bà yêu chồng mình hơn bất cứ ai (và tiếp theo là núm ruột của mình, tất nhiên). Khi sinh nở vào tuổi đó, người mẹ này gắn chặt âu yếm nhất với đứa con mà bà vốn không dám mơ tới, dù bà ít khi thể hiện tình cảm đó ra ngoài.

George lớn lên thành một chú bé nhanh nhẹn mạnh khỏe, rất sáng dạ và có lẽ cực kỳ hứng thú sách vở. Sống trong một gia đình triu mến, giống như mọi người, tự bản chất cậu yêu mến cha mẹ, nhưng ngoài ra cậu chẳng mến

ai. Cậu có ý thức khá mạnh về bản thân, và ít biết quan tâm đến người khác. Được nuôi nấng trong bầu khí trời của một làng quê lành mạnh và đẹp đẽ nhất nước anh, cậu được nô đùa khá nhiều, và vào thời đó đầu óc con trẻ không chịu nhiều thứ nặng nề như bây giờ, nên có lẽ đó là lý do vì sao cậu tỏ ra rất khao khát được học hỏi. Đến năm bảy hay tám tuổi, cậu đã có thể đọc, viết và làm toán giỏi hơn bất kỳ đứa trẻ nào cùng tuổi trong làng. Lúc đó cha tôi chưa nhận nhiệm sở ở Paleham, và ông không thể nhớ nổi tuổi thơ của George, nhưng tôi nghe chòm xóm nói với ông rằng, đứa trẻ này nhanh nhẹn và khôn lanh nổi trội. Theo tự nhiên, cha mẹ của cậu cũng tự hào về đứa con của mình, và mẹ cậu quả quyết rằng một ngày nào đó cậu sẽ trở thành một nhà cầm quyền và một trong những người quản cả địa cầu.

Tuy nhiên, quyết tâm cho con mình đạt được những danh giá tột bậc trong cuộc sống là một việc, nhưng sắp xếp sao cho đạt được thành công đó lại là một việc khác. Có lẽ George Pontifex đã được nuôi dạy để làm một người thợ mộc, và chỉ có thể nối nghiệp cha mình làm một trong những ông chủ nhỏ ở Paleham, mặc dù như thế là đã quá cao so với thực chất của anh rồi, bởi theo tôi chẳng có thành tựu nào trong thế giới này vững chắc hơn những gì ông bà Pontifex đã đạt được. Tuy nhiên, khoảng năm 1780, lúc George được mười lăm tuổi, có một việc xảy đến: người chị của bà Pontifex, phu nhân của ông Fairlie, đã ghé thăm Paleham trong vài ngày. Ông Fairlie là chủ một nhà xuất bản, chuyên in sách tôn giáo, ông có một trụ sở ở phố Paternoster; cuộc sống của ông phát lên, và bà vợ cũng nhờ đó mà thơm lây. Suốt vài năm, hai chị em chẳng có mối thân tình sâu sắc nào, và tôi chẳng nhớ được chính xác vì sao ông bà Fairlie lại viếng thăm ngôi nhà yên tĩnh nhưng cực kỳ dễ chịu của ông bà Pontifex; nhưng vì một lý do gì đó, kết quả chuyến viếng thăm là cậu George sớm được di dưỡng của mình chiếu cố đến. Một cậu bé thông minh nhanh nhẹn, thể chất tốt, biết cách nói chuyện và cha mẹ thì đáng kính, rõ ràng tiềm ẩn nhiều giá trị trong mắt một thương gia có óc thực tế như ông Fairlie, người cần nhiều thuộc cấp có thể khiến ông an tâm giao phó công việc. Cuối chuyến viếng thăm, ông Fairlie đề xuất với ông bà Pontifex cho mình đưa cậu George vào làm việc cho ông, và cũng hứa rằng nếu cậu làm tốt thì ông sẽ giữ cậu lâu dài. Bà Pontifex biết

con mình rất háo hức với lời đề nghị đó, nên mọi chuyện nhanh chóng được quyết định, và rồi khoảng hai tuần sau khi ông bà Fairlie đi, George được gửi đến London để sống với di dưỡng của mình.

Đây là bước khởi đầu quan trọng đối với anh. Giờ đây anh mang trên mình những bộ áo hợp thời trang hơn, cái dáng đi cũng như cách nói chuyện có phần mộc mạc quê mùa của Paleham sớm hoàn toàn biến mất, để rồi chẳng bao lâu sau anh đã như thể được sinh ra và nuôi dạy từ lâu trong môi trường của những con người thường được gọi là có học thức. Anh dành toàn tâm toàn ý cho công việc của mình, luôn thể hiện bản thân còn đầy triển vọng hơn những gì ông dưỡng Fairlie đã từng nghĩ về anh. Thỉnh thoảng, ông Fairlie cho anh về Paleham nghỉ vài ngày, và ông bà Pontifex sớm nhận ra rằng anh đã mang lấy dáng vẻ và cách nói chuyện khác hẳn với thời còn ở nhà. Họ tự hào về anh, cũng như sớm thích ứng với tình trạng mới này. Họ không còn thể hiện sự chi phối của bậc cha mẹ lên anh, vì điều đó thật sự không cần thiết nữa. Đáp lại, George luôn ân cần với họ, và cho đến tận cuối đời, trong anh vẫn giữ một tình cảm triu mến đối với cha mẹ, một tình cảm tràn trề hơn bất cứ cảm xúc nào mà anh có đối với bất kỳ một con người nào khác.

Những chuyến viếng thăm của George không bao giờ kéo dài, bởi khoảng cách giữa London và Paleham chưa đến mười dặm, hơn nữa đã có xe ngựa nối hai nơi, nên việc đi lại rất dễ dàng; do đó cả anh và cha mẹ anh đều luôn cảm nhận được những điều mới lạ đang diễn ra giữa họ. George thích không khí miền quê trong lành và những cánh đồng xanh so với phố Paternoster tăm tối mà anh đã quen, mà bây giờ con phố đó trông như một con hẻm u ám hơn là một con đường. Dù chẳng có chút hứng thú nào đối với việc gặp gỡ những người nông dân quen thuộc trong làng, nhưng anh vẫn thích được người ta nhìn nhận và khen ngợi là một cậu trẻ đẹp trai và triển vọng, bởi anh không phải loại thanh niên giấu diếm niềm tự hào của mình. Mỗi buổi tối, ông Fairlie dạy anh tiếng Latin và Hy Lạp; anh thành thạo hai ngôn ngữ này và nhanh chóng nắm bắt được những điều mà các cậu trẻ cùng tuổi phải mất hằng năm mới học được. Tôi cho rằng kiến thức đã cho anh sự tự tin, một sự tự tin tự nó nảy sinh cho dù anh có chủ định như vậy hay không; dù

gì đi nữa, anh sớm bắt đầu tự cho mình là một nhà phê bình văn học, rồi dần dần là phê bình nghệ thuật, kiến trúc, âm nhạc, và tất cả mọi thứ. Như cha mình, anh biết giá trị của đồng tiền, nhưng anh lại sớm khoa trương hơn và ít rộng rãi hơn ông; hơn nữa, lúc còn là một đứa trẻ, anh đã là một con người rất cẩn thận, tuân theo những nguyên tắc mà chính anh đã trải nghiệm và rút ra hơn là theo những lời khuyên thâm thúy mà cha anh vốn tuân theo tự bản năng mà chẳng băn khoăn gì.

Như tôi đã nói, ông Pontifex bối rối về anh và để mặc anh tự do. Anh với ông có một khoảng cách nào đó, và ông vẫn biết rất rõ điều đó, dù không nói ra. Sau vài năm, bất kỳ lúc nào anh về nhà, ông đều lấy những bộ áo đẹp nhất để mặc thay cho những bộ đồ thường cho đến khi anh về lại London. Tôi tin rằng với lòng tự trọng và tình cảm của mình, ông già Pontifex cũng phần nào thấy sợ hãi chính đứa con của mình, cho dù ông không thể hiểu thấu điều này, và những cách hành xử đó, mặc dù bên ngoài tỏ ra hài lòng, nhưng vẫn không phải là cách hành xử của ông. Bà Pontifex chẳng nhận thấy gì, với bà, cậu George hoàn hảo tuyệt đối, và bà thấy, hay tôi nghĩ là bà thấy, hài lòng rằng về mặt tính cách thì anh giống bà và giống gia đình bà hơn là chồng mình và gia đình chồng.

Khi George khoảng hai mươi lăm tuổi, ông Fairlie cho anh vào công ty với những điều kiện rất thoải mái. Ông hầu như chẳng có gì phải hối hận về việc này. Chàng trai trẻ Pontifex đã truyền thêm luồng khí lực tươi mới cho một công ty vốn đã mạnh mẽ rồi, và theo thời gian, lúc ba mươi tuổi anh chợt nhận ra mình đã có trong tay khoản thu nhập không dưới một ngàn năm trăm bảng một năm tính theo phần chia lợi tức của mình. Hai năm sau, anh kết hôn với một quý cô trẻ hơn anh bảy tuổi, và cô đã đem lại cho anh một khoản hồi môn đáng kể. Cô ấy mất vào năm 1805, lúc sinh đứa con út Alethea, và George cứ ở vậy, không tái giá.



Hồi những năm đầu thế kỷ, bắt đầu có những chuyến viếng thăm định kỳ đến Paleham của năm đứa trẻ và hai bảo mẫu. Bọn trẻ là những người nối dõi nhà Pontifex, và không cần phải nói thì ông bà nội chúng quý chúng hết mực, như thể bọn trẻ là con của Ngài Quản hạt vậy. Chúng tên là Eliza, Maria, John, Theobald (sinh cùng năm 1802 với tôi) và Alethea. Ông già Pontifex luôn luôn thêm chữ ‘cậu’ hoặc ‘cô’ lúc gọi những đứa cháu của mình, ngoại trừ với Alethea, đứa cháu ông yêu quý nhất. Để những đứa cháu đừng quá quắt với chồng cũng như với mình, thậm chí bà Potifex phải nhún nhường trước chúng, cho chúng làm tất cả mọi chuyện, những thứ mà chẳng bao giờ bà cho tôi và các chị tôi, những người bà thương chỉ sau cháu bà, được phép làm. Hai nguyên tắc duy nhất mà những đứa cháu này phải tuân theo là, chùi giày trước khi bước vào nhà, không được mạnh tay với cây đàn của ông Pontifex, cũng như không được tháo những ống sáo ra ngoài.

Ở nhà chúng tôi, không có thời gian nào đáng trông đợi cho bằng chuyến viếng thăm Paleham thường niên của các cô cậu nhỏ nhà Pontifex. Chúng chính là giấy phép đặc biệt cho chúng tôi. Chúng tôi đến dùng trà với bà Pontifex để gặp các cô cậu, rồi mời chúng đến nhà dùng trà với mình, đó là những khoảng thời gian thật tuyệt vời. Tôi yêu Alethea say đắm. Thật sự là chúng tôi yêu nhau. Chúng tôi đóng giả và thay nhau diễn vai vợ chồng một cách công khai thoải mái trước mặt các bà bảo mẫu. Chúng tôi đã rất vui vẻ, nhưng thời đó đã quá lâu rồi, đến nỗi tôi gần như quên mất mọi thứ ngoại trừ việc chúng tôi ĐÃ rất vui vẻ. Hầu như thứ duy nhất còn đọng lại trong tâm trí tôi là vào một ngày nọ, Theobald đã đánh và chọc tức bà bảo mẫu,

rồi khi bà nói trong nước mắt là bà sẽ nghỉ việc, nó đáp rằng ‘Bà sẽ không đi đâu hết, tôi sẽ giữ bà ở lại đây để hành hạ bà.’

Nhưng rồi vào một buổi sáng mùa đông năm 1811, lúc còn đang thay đồ, chúng tôi nghe thấy tiếng chuông nhà thờ đổ hồi và được biết đó là chuông báo tử của bà Pontifex. Anh hầu John đã báo cho chúng tôi và còn lờ lờ nói thêm là những tiếng chuông đó rung lên để người ta đến và đưa bà đi chôn. Cái chết của bà xảy đến do một cơn tê liệt bất ngờ. Ai cũng sốc, càng sững sốt hơn bởi bà bảo mẫu đã quả quyết với chúng tôi rằng nếu Chúa đã chọn, thì hết thảy chúng tôi sẽ chịu nhiều cơn tê liệt và rồi sẽ bị đưa thẳng đến Ngày Phán xét. Theo những người có vẻ biết chuyện nhất, thì dù thế nào đi nữa, Ngày Phán xét sẽ sớm đến trong vài năm nữa, cả thế giới sẽ tàn lụi, còn chúng tôi sẽ bị đẩy vào chốn ngục hình vĩnh viễn, trừ phi chúng tôi biết sửa đổi lối sống hiện tại của mình. Tất cả những điều này khiến chúng tôi hoảng hốt vô cùng, đưa nào đưa nấy hét toáng cả lên, gây náo động đến nỗi bà bảo mẫu phải cố gắng lắm mới giữ yên được. Rồi khi nghĩ đến cảnh mình sẽ không còn được dùng trà bánh ở chỗ bà Pontifex nữa, chúng tôi khóc nức, đầu cũng đã bình tĩnh hơn rồi.

Tuy nhiên, đến ngày đưa tang, chúng tôi lại phấn khích vô cùng, ông già Pontifex gửi cho mỗi đứa một chiếc bánh đồng xu theo một tập tục vẫn còn phổ biến cho đến hồi đầu thế kỷ. Trước đó, chúng tôi chưa bao giờ được biết về tập tục này, và mặc dù thường được nghe về bánh đồng xu nhưng lại chưa từng được thấy cái nào. Hơn nữa, người ta phát bánh cho chúng tôi với tư cách một người dân làng, và chúng tôi được đối xử như một người lớn, bởi cha mẹ và những người hầu, mỗi người cũng đều có bánh, nhưng họ cũng chỉ được một cái như chúng tôi mà thôi. Và bởi chưa bao giờ nghĩ đến việc mình là một dân làng, nên những chiếc bánh này đối với chúng tôi mà nói quả thật là điều mới mẻ, chúng khiến chúng tôi thích thú vô cùng; chúng là những thứ chúng tôi hiếm khi hoặc không bao giờ được phép giữ, như thế đó là thứ gì không mấy tốt đẹp. Bởi thế, lòng thương cảm dành cho bà bạn già của chúng tôi phải cự lại với nỗi hào hứng về nguồn gốc của tục lệ phát bánh, về quyền công dân và quyền sở hữu, về vẻ đẹp mắt và sự ngon lành của những chiếc bánh, và về ý thức rằng chúng tôi là những người quan

trọng nhờ đã từng thân thiết với người quá cố. Thế rồi còn thật ngốc nghếch khi cả bọn ngồi bàn với nhau xem ai sẽ sớm ra đi, và bởi lẽ chẳng có lý do gì để đoán trước được là đứa nào, chúng tôi thích thú với ý tưởng là sẽ có một người khác vào nghĩa địa chứ không phải là một trong số chúng tôi. Thế là trong một thời gian ngắn, từ đau khổ vô cùng chúng tôi chuyển sang hân hoan tột bậc, một thiên đường mới, một trần gian mới mở ra cho chúng tôi khi nhận ra được những điều hay ho sẽ đến lúc một người bạn của chúng tôi qua đời, và tôi sợ rằng đôi khi chúng tôi chú tâm đến sức khỏe của một ai đó trong làng chỉ bởi họ sẽ sớm mang lại cho chúng tôi những chiếc bánh tang lễ.

Thời đó, những điều vĩ đại dường như đã trôi xa vào quá khứ, chúng tôi lấy làm kinh ngạc khi khám phá ra rằng Napoleon là một con người có thực. Đứa nào cũng cho rằng một người vĩ đại như thế chỉ có thể sống vào một thời xưa, rất xưa, thế mà giờ đây ông ta lại như thể đang đứng sờ sờ trước mặt chúng tôi vậy. Điều này khiến cả bọn thấy Ngày Phán xét có lẽ gần hơn trong tiềm thức, tuy nhiên bà bảo mẫu nói rằng bà biết mọi việc hiện giờ vẫn đang tốt đẹp ổn thỏa. Vào thời đó, tuyết rơi lâu hơn và đọng dày hơn trên đường so với bây giờ, đôi khi cả sữa còn đóng tuyết vào những ngày đông giá, và chúng tôi thường chạy xuống bếp để xem nó. Tôi cho rằng ở đâu đó trong anh quốc vẫn còn có những trường học đôi lúc có sữa đóng băng vào mùa đông, nhưng ở London thì tôi chưa thấy bao giờ, nên đồn rằng bây giờ mùa đông ấm hơn thời trước.

Một năm sau cái chết của người vợ, ông Pontifex cũng về với tổ tiên. Cha tôi đã được gặp ông một ngày trước khi ông mất. Ông già có một nguyên tắc riêng về hoàng hôn, ông đã xây hai bậc cấp nơi bức tường trong khu vườn bếp để vào những lúc trời quang đãng, ông thường đứng đó ngắm mặt trời xế bóng. Cha tôi đến thăm ông vào buổi chiều hôm đó, lúc hoàng hôn đang đổ xuống, thấy ông đặt tay dựa trên gờ tường nhìn về phía mặt trời đang hắt bóng trên cánh đồng, nơi con đường cha tôi đang tiến đến. Lúc mặt trời mất dạng, cha tôi nghe ông nói ‘Tạm biệt mặt trời. Tạm biệt mặt trời.’ Qua giọng nói và dáng vẻ của ông, cha tôi biết ông đang rất yếu. Và rồi ông đã ra đi trước buổi hoàng hôn tiếp theo.

Lần này chẳng có ai phát bánh. Có vài đứa cháu của ông đến dự đám tang, và chúng tôi trách chúng đôi chút về việc này. John Pontifex, lớn hơn tôi một tuổi, tỏ ra khinh miệt chuyện về những chiếc bánh, nó cho rằng tôi muốn có bánh chỉ bởi vì cha mẹ tôi không thể mua nổi một cái cho tôi, tôi còn nhớ là chúng tôi đã đánh nhau vì chuyện đó, có lẽ John bị thương nhiều hơn tôi, nhưng cũng có thể là ngược lại. Tôi còn nhớ bà bảo mẫu của em tôi đã mách lại hết mọi việc có phóng đại thêm phần nào khiến cả hai chúng tôi đều bị cho là xấu xa, nhưng nhờ đó chúng tôi đã tỉnh mộng hoàn toàn. Một thời gian lâu sau đó, John và tôi đều lấy làm hổ thẹn khi nghe ai nhắc đến bánh đồng xu. Về sau, có đến cả tá lần người ta phát thứ bánh đó, nhưng chúng tôi chẳng buồn đụng đến một cái nào.

George Pontifex dựng một bia tưởng niệm cha mẹ trong nhà thờ Paleham. Đó là một tấm đá phẳng được khắc những dòng mộ chí sau:

TƯỞNG NHỚ ĐẾN

JOHN PONTIFEX

SINH NGÀY 16 THÁNG TÁM, 1727

VÀ MẤT NGÀY 08 THÁNG HAI, 1812

HƯỞNG THỌ 85 TUỔI

CÙNG TƯỞNG NHỚ RUTH PONTIFEX, VỢ ÔNG

SINH NGÀY 13 THÁNG MƯỜI, 1727

VÀ MẤT NGÀY 10 THÁNG GIÊNG, 1811

HƯỞNG THỌ 84 TUỔI.

HỌ SỐNG GIẢN DỊ NHƯNG GƯƠNG MẪU ĐỐI VỚI NHỮNG BỔN PHẬN TÔN GIÁO, ĐẠO ĐỨC, VÀ XÃ HỘI.

CON TRAI ĐỘC NHẤT PHỤNG LẬP.



Trận Waterloo xảy ra sau đó một hoặc hai năm, và rồi hòa bình đến Âu châu. Ông George được xuất ngoại nhiều lần. Tôi nhớ là nhiều năm sau đó, ở Battersby, tôi đã được đọc quyển nhật ký mà ông mang theo trong suốt chuyến đi đầu tiên. Đó là một quyển sổ rất đặc biệt. Tôi có cảm giác rằng ông George đã chuẩn bị cho mình một tư tưởng chỉ ái mộ những gì ông cho là đáng ái mộ, chỉ nhìn vào tự nhiên và nghệ thuật qua những lăng kính mà ông học được từ những kẻ mạo danh và hợm hĩnh vốn truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Lần đầu tiên nhìn thấy đỉnh Mont Blanc khiến ông ngất ngây như thói thường người ta vẫn vậy. ‘Tôi không thể diễn tả nổi cảm giác của mình. Lúc chớm thấy tòa tu viện trên rặng núi, tôi đã há hốc mồm, và thậm chí còn không dám thở ra hơi. Dường như tôi thấy thần linh đang ngồi trên chiếc ngai kì diệu, vươn cao khỏi những người anh em đang mong mỏi Người, và dường như sự cô độc của Người bất chấp cả vũ trụ này. Cảm xúc tràn ngập trong tôi đến nỗi tôi gần như mất tự chủ và ngoại trừ tiếng kêu bật lên lúc mắt mới nhìn thấy ngọn núi, tôi không dám thốt lên một lời nào cho đến khi dòng nước mắt tuôn trào xoa dịu khoảng hồn thao thức của tôi. Tôi đau đớn bật khóc khi nghĩ đến việc lần đầu tiên được chứng kiến cảnh tượng siêu phàm này từ khoảng không mờ mờ ảo ảo (mặc dù tôi cảm thấy tâm hồn và đôi mắt mình đã cuốn theo nó mất rồi).’ Sau khi đã xem cận cảnh dãy Alpes từ Geneva, và đi được chín trên mười hai dặm đường dốc xuống, ông viết: ‘Tâm trí và tâm hồn tôi tràn ngập quá đỗi, đến mức tôi không thể ngồi nghỉ, và chỉ thấy nhẹ nhõm được đôi chút sau khi chuyển đi bộ đã vắt kiệt xúc cảm của mình.’ một lúc sau, ông đến được thị trấn Chamonix và rồi dành ngày Chủ nhật để lên đỉnh Montanvert ngắm biển băng Mer de Glace.

Tại đó, ông viết những dòng thơ sau trong quyển sổ tham quan, và ông xem những dòng đó thật ‘hợp với thời gian và cảnh vật’.

‘Lạy Chúa con, những kiệt tác tay Ngài Khi trông thấy, linh hồn con kính phục.

*Cô tịch siêu vời và yên bình kinh hãi
Tháp tuyết vươn lên tinh khôi hùng vĩ
Đây đỉnh vút nhọn, kia đồng băng êm
Mặt biển chìm trong mùa đông bất diệt
Hết thủy đều do tay Ngài tác tạo
Và lúc lặng ngắm những kỳ công đó
Trong thinh không, con nghe lời tán tụng vang vang’*

Một vài nhà thơ luôn bắt đầu chơi với sau bảy hoặc tám dòng. Ông Pontifex đã rất vất vả với hai dòng cuối, và gần như mọi chữ đều bị xóa đi viết lại ít nhất một lần. Dù vậy, trong quyển sổ tham quan tại Montanvert, hẳn ông đã phải đắm mình vào những dòng thơ đó. Xem qua những dòng thơ này, tôi có thể nói rằng ông đã đúng khi cho rằng chúng hòa hợp với thời gian; nhưng tôi không muốn quá bắt bẻ về chuyện biển băng, nên tôi sẽ không bình luận gì về việc chúng có phù hợp với cảnh vật hay không. Rồi ông Pontifex đến đèo Great St. Bernard và tại đây ông cũng viết một vài dòng thơ nữa, lần này tôi e là bằng tiếng Latin. Ông cũng ấn tượng với nhà nghỉ hospice cùng vị thế của nó. ‘Toàn bộ chuyến hành trình vô cùng đặc biệt này như thể một giấc mơ, nó tóm lược thật kì diệu một xã hội hào hoa, với sự êm ái và hài hòa ẩn trong cả những khối đá thô cứng nhất và trong cả một vùng đất quanh năm tuyết phủ. Ý nghĩ rằng mình đang ngủ trong một tu viện và nằm trên chiếc giường của chính Napoleon, rằng tôi đang được ở trên đỉnh cao nhất của thế giới, trong một chốn đầy danh tiếng, khiến nhiều lần tôi phải giật mình tỉnh giấc trong đêm.’ Để thấy được một thứ trái ngược với cảm giác của ông, có lẽ tôi nên trích dẫn lá thư mà cháu nội ông, Ernest đã viết cho tôi, trong đó có câu: ‘Con lên đến đèo Great St. Bernard, và trông thấy những con chó.’ rồi sau đó, ông Pontifex tìm qua nước Ý, chìm đắm trong tột đỉnh ngưỡng mộ sự trang nhã của những họa phẩm và các tác phẩm nghệ thuật, những thứ ít nhất đang là xu thế thời thượng thời bấy giờ.

Ông viết về phòng trưng bày Uffizi ở Florence như sau: ‘Tôi dành trọn ba tiếng sáng nay trong nhà triển lãm, và xác quyết với mình rằng nếu được chọn một trong số những kho báu của Ý quốc, thì tôi sẽ chọn ngay gian phòng triển lãm này. Nó lưu giữ bức tượng Vệ Nữ của Medici, tượng Nhà Thám hiểm, bức tượng Đấu sỹ, tượng Thần Nông Nhảy múa và một bức tượng thần Apollo thật đẹp. Những bức tượng này còn giá trị hơn cả tượng Laocoon và tượng Belvedere Apollo ở Rome. Ngoài ra, trong phòng này còn có họa ảnh thánh John do Raphael vẽ và nhiều kiệt tác của những nghệ nhân vĩ đại nhất thế giới’. Tôi thấy khá hay khi so sánh tình cảm dạt dào của ông Pontifex với sự hào hứng tột bậc của những nhà phê bình nghệ thuật ở thời đại này. Gần đây, một ngòi bút đáng kính tuyên cáo với thế giới rằng ông ta sẵn sàng khóc trong vui sướng trước một tác phẩm của Michael Angelo. Tôi tự hỏi rằng nếu như những nhà phê bình nhận xét rằng Michael không phải là một thiên tài, hay nếu như lúc đó Michael chưa có được danh tiếng gì, thì liệu ông ta có sẵn sàng làm vậy trước một Michael Angelo bằng xương bằng thịt hay không. Nhưng tôi cho rằng một kẻ hợm hĩnh đầu ngấp tiền vào sáu mươi, bảy mươi năm về trước cũng sẽ làm giống hệt như ông ta bây giờ vậy.

Hãy xem cách Mendelssohn nói về gian phòng mà ông Pontifex đã cảm thấy quá xứng đáng để gắn liền danh tiếng của mình với tư cách là một con người của văn hóa và thẩm mỹ. Mendelssohn thấy như thế không đáng cho lắm và viết ra những dòng sau, ‘rồi tôi đến gian phòng Tribune. Nó là một gian phòng đầy thú vị và chỉ rộng khoảng mười lăm bước chân, nhưng lại chứa đựng cả một thế giới nghệ thuật. Một lần nữa, tôi lại tìm thấy chiếc ghế tay dựa yêu thích của tôi đặt dưới bức tượng ‘Người nô lệ mài dao’ (bức l’arrotino), và tự thưởng cho mình được ngồi vào đó trong hai giờ đồng hồ; rồi từ đây, tôi nhìn ngắm được bức ‘Madonna del Cardellino’ của giáo hoàng Julius II, một bức chân dung phụ nữ do Raphael vẽ, và trên nó là một bức ảnh Thánh gia đẹp đẽ của họa sỹ Perugino; và gần bên tôi đến nỗi tôi có thể chạm vào được là tượng Venus của Medici; xa hơn nữa là những tác phẩm của Titian... Phần còn lại trong gian phòng treo những họa ảnh khác của Raphael, Titian, hay Domenichino, vân vân và vân vân. Tất cả đều đặt trọn trong một chu vi hình bán nguyệt nhỏ bằng một gian phòng của bạn mà

thôi. Đây là nơi con người ta có thể cảm thấy sự tầm thường của mình cũng như sẽ học được cách cư xử khiêm cung.’ Đối với những người như Mendelssohn, gian phòng Tribune không phải là một nơi để nhận biết sự thấp hèn của chính mình. Nói chung những người như thế càng lại gần gian phòng này thì lại càng rời xa nó hơn. Tôi tự hỏi Mendelssohn đã tự thán phục mình đến mức nào về việc ngồi hai tiếng đồng hồ trên chiếc ghế đó. Tôi cũng không biết liệu trong hai tiếng ngồi ở đó, bao nhiêu lần ông đã xem đồng hồ và tự cho phép mình được sánh ngang với những nghệ sỹ có họa phẩm trưng bày trong gian phòng này, và cũng không biết bao nhiêu lần ông tự hỏi có khách tham quan nào nhận ra ông và ngưỡng mộ ông vì đã ngồi ở chiếc ghế đó lâu đến vậy không, và bao nhiêu lần ông bực tức vì người ta đi ngang qua mà chẳng thèm chú ý đến ông. Nhưng có lẽ thực sự thì ông chẳng ngồi đó được hai giờ đồng hồ đâu.

Lại nói về ông Pontifex, không biết liệu ông có thích thú mà ông tin là những kiệt tác của nghệ thuật Hy Lạp và Ý quốc hay không, nhưng ông đã mang về một vài bản sao của các nghệ nhân Ý, những họa bản mà tôi tin là ông đã tự hài lòng rằng chúng cực kỳ giống với bản gốc. Theobald thừa kế hai trong số những bản sao này, và tôi thường thấy chúng mỗi khi đến Battersby thăm vợ chồng anh. Chúng là bức họa Madonna của Sassoferrato với chiếc mũ trùm màu xanh trên đầu Đức mẹ làm mờ đi phân nửa bức tranh, và còn lại là bức Magdalena của Carlo Dolci với mái tóc đẹp cầm chiếc bình ngọc trên tay. Thời thanh niên, tôi đã từng nghĩ rằng những bức họa này thật đẹp, nhưng mỗi lần viếng thăm Battersby, tôi lại càng thấy chúng khó ưa hơn bởi phải nhìn thấy cái tên ‘George Pontifex’ ký trên đó. Cuối cùng tôi liêu lĩnh giả vờ đòi xóa chúng đi, nhưng Theobald và vợ anh cùng nhau nổi nóng với tôi ngay lập tức. Họ không thích cha của mình, nhưng lại tin tưởng vào uy thế và khả năng của ông, cũng như tin tưởng khiêu thầm mỹ tuyệt vời của ông đối với văn học và nghệ thuật – rõ ràng là quyển nhật ký hành trình xuất ngoại của ông đã chứng tỏ điều đó. Tôi sẽ trích dẫn quyển nhật ký này thêm một câu ngắn nữa thôi. Đó là trong thời gian ở Florence, ông Pontifex có viết: ‘Tôi đã vừa nhìn thấy Đại Công tước và gia đình ngài trên hai cỗ xe ngựa, nhưng người ta chỉ chú ý hơn chú ý

tôi, một kẻ hoàn toàn vô danh ở đây.' Ông tin là mình hoàn toàn vô danh ở Florence hay ở bất kỳ nơi nào khác ư? Tôi không nghĩ như thế!



Chúng ta được bảo rằng Tài lộc là một người mẹ nuôi con một cách mù quáng và thất thường, những tặng vật của bà được trao cho con cái một cách ngẫu nhiên. Nhưng nếu chúng ta tin như vậy thì thật là bất công vô cùng đối với bà. Hãy theo dấu sự nghiệp của một người từ lúc anh ta mới khởi nghiệp cho đến tận khi xuống mồ, và chú ý xem Tài lộc đã xử thế nào với anh ta, bạn sẽ thấy được rằng một khi anh ta đã chết thì Tài lộc có thể được bào chữa khỏi tội thất thường hời hợt mà người ta gán cho bà. Sự mù quáng của bà chỉ là chuyện bịa đặt, bà có thể nhìn ra được những người bà yêu quý, trước cả khi họ được sinh ra. Chúng ta ngày hôm nay và ông cha chúng ta thời trước, đều bình đẳng với nhau trong đôi mắt trong sáng đầy tình mẫu tử của bà mẹ Tài lộc, bà có thể nhìn ra được hết những giông tố đang kéo đến. Bà mỉm cười khi đặt những kẻ bà yêu quý nơi một con hẻm của London và đặt kẻ bà quyết định loại bỏ nơi chốn cung điện vua chúa. Hiếm khi bà động lòng đối với những kẻ mà bà đã nuôi nấng trong tàn nhẫn và cũng hiếm khi bà hoàn toàn bỏ rơi một đứa trẻ mà bà đã chiếu cố.

Vậy George Pontifex là một đứa trẻ được bà mẹ Tài lộc chiếu cố hay là không? Tóm lại toàn bộ, tôi có thể nói là không, bởi ông không tự cho mình là một người như vậy, ông quá đậm chất tôn giáo để tôn thờ bà mẹ Tài lộc; ông nhận lấy tất cả những gì bà cho và không bao giờ tạ ơn bà, ông tin chắc rằng bất cứ thứ gì ông có được là do tay ông mà ra. Nhưng tất cả những thứ ông có được chính là bởi thần Tài lộc đã cho ông có thể có được như vậy.

‘Nos te, nos facimus, Fortuna, deam,’ một nhà thơ đã từng tuyên bố như thế. ‘hỡi thần Tài, chính chúng ta đã tôn người làm thần.’ Và như thế thần Tài đã cho chúng ta có thể tạo ra bà. Nhà thơ đó đã chẳng nói gì về việc tạo

nên cái ‘chúng ta.’ Có thể một số người không lệ thuộc vào quá khứ, hoàn cảnh và đã có được một sức mạnh nội tại tuyệt đối không dính dáng gì với quan hệ nhân quả; nhưng điều này được xem là một vấn đề nan giải, và nên tránh xa nó. Chúng ta chỉ cần cho rằng George Pontifex không xem mình là một người may mắn, và cũng không xem vận thế của mình là vận rủi.

Ông quả thật là một người giàu có, được hết thảy mọi người tôn trọng và có một bản tính nổi trội. Nếu ông ăn nhậu ít hơn, thì hẳn không bao giờ bị xem là một kẻ sống về đêm. Có lẽ sức mạnh chính yếu của ông nằm ở việc dù có hơn mức trung bình một chút, nhưng năng lực của ông vẫn không quá cách xa với mọi người. Rất nhiều người khôn ngoan đã bất đồng ý kiến về điểm này. Một người thành đạt sẽ nhìn ra nhiều điều hơn hẳn những gì mà các đồng bạn của anh nhìn ra, nhưng những điều đó nếu được chỉ ra thì các đồng bạn của anh phải có khả năng hiểu được nó. Biết quá ít vẫn tốt hơn biết quá nhiều. Người ta sẽ chê bai người biết quá ít, nhưng sẽ phẫn uất khi phải cố gắng nỗ lực chạy theo người biết quá nhiều. Lúc này ví dụ khá nhất mà tôi có thể chỉ ra về sự khôn ngoan của ông Pontifex trong các vấn đề kinh doanh là cuộc cách mạng mà nhờ đó ông đã tác động đến phong cách quảng cáo các sản phẩm của công ty mình. Lúc ông mới vào làm thì các mẫu quảng cáo của công ty như sau:

‘Những quyển sách đáng mua mùa này...’

‘Giáo Dân Ngoan Đạo, là những đường hướng một Kitô hữu nên sống mỗi ngày để trọn cuộc sống được bảo đảm và thành công; sống ngày Sabbath như thế nào; sách Kinh Thánh nào nên đọc trước hết; toàn bộ phương pháp giáo dục; tập hợp những đức hạnh quan trọng nhất để làm đẹp linh hồn; một bài viết về Buổi Tiệc ly; những nguyên tắc để cứu chữa linh hồn đang yếu đuối; bởi thế trong tập này có đủ tất cả những nguyên tắc cần thiết cho ơn cứu độ. Xuất bản lần thứ tám, kèm theo phụ lục. Giá 10đ.’

Sẽ có chiết khấu cho người mua sách để bán hoặc tặng.’> Vài năm sau, quảng cáo đó thành như thế này:

‘Giáo Dân Ngoan Đạo. Một tập sách đầy đủ cho Ơn gọi Kitô hữu. Giá 10đ.’

Sẽ giảm giá cho những người mua với mục đích phân phát rộng rãi cho người khác.'

Thật là một bước tiến dài từ mẫu quảng cáo trước đến mẫu sau này, và khi người khác không nhận ra sự khiếm nhã trong mẫu quảng cáo cũ, thì ông Pontifex thật thông minh khi biết loại bỏ nó.

Vậy điểm yếu của George nằm ở đâu? Tôi cho rằng điểm yếu của ông chính là việc ông đã phát lên quá nhanh. Gần như cần thiết phải có một sự giáo dục truyền qua nhiều thế hệ để người ta có thể thoải mái hưởng dùng một khối tài sản lớn. Người đời dễ dàng thoải mái chấp nhận sự vươn lên dần dần qua nhiều thế hệ hơn là chấp nhận việc một người chỉ cần một đời nỗ lực là đã có được giàu sang tột bậc. Tuy nhiên, một sự may mắn nào đó thường sẽ song hành với một người tự lập đến tận cùng. Chính con hay cháu của họ mới là những kẻ chịu nhiều mối nguy hại, bởi dòng dõi đó có thể sẽ không còn lặp lại những thành quả ấn tượng đột ngột và những triều sóng thành công như cá nhân người khởi nghiệp đã từng làm, và người thành đạt bước đầu đó càng khôn ngoan bao nhiêu, thì sự suy sụp của thế hệ nối tiếp càng lớn bấy nhiêu, sự tàn lụi đó cứ tiếp diễn cho đến khi mọi thứ trở lại như thuở ban đầu. Do đó, thường là đứa cháu của người thành đạt đó sẽ thành công hơn người con – hạt giống tinh thần của người cha đã bị người con bỏ mặc, và nó được nghỉ ngơi để làm tươi mới hầu sẵn sàng bùng nổ mới mẻ nơi người cháu. Hơn nữa, một người cực kỳ thành đạt mang trong mình một sự lai tạp, ông ta là một giống vật mới, thoát thai từ tập hợp những yếu tố lạ lẫm và ai ai cũng biết là một lứa cây trồng hay thú vật dị thường là một thứ bất thường và không đáng tin, cho dầu chúng tuyệt đối không vô dụng.

Và tôi chắc rằng thành công của ông Pontifex đến cực kỳ nhanh chóng. Chỉ vài năm sau khi gia nhập công ty, dựng và di của ông đều qua đời trong vòng vài tháng và để lại cho ông quyền thừa kế gia sản của họ. Ông không chỉ là cổ đông duy nhất trong công ty, mà hơn nữa còn có được một gia tư 30.000 bảng, một khối tiền lớn vào thời đó. Tiền đổ vào túi ông, và tiền vào càng nhiều ông lại càng say mê nó, mặc dù ông thường nói rằng ông xem trọng đồng tiền không phải vì nó là tiền, mà chỉ vì nó là phương tiện để ông chăm lo cho con cái của mình.

Nhưng khi một người say mê tiền của mình quá đỗi, thì không dễ dành hết thời gian chăm chút cho con cái.

Tiền và con cái giống như Phú quý và Chúa Trời. Ngài Macaulay có viết một đoạn so sánh những thích thú của việc đọc sách với sự phiền phức do đồng bạn của người đó gây nên. ‘Platon không bao giờ ủ rũ. Cervantes chẳng đời nào hờn dỗi. Demosthenes có bao giờ lỗi nhịp đâu. Dante chẳng ở nơi nào quá lâu. Bất đồng chính kiến không thể làm Cicero nên khó ưa. Chẳng một dị giáo nào khiến nổi Bossuet tỏ ra ghê tởm.’ Tôi dám nói là có lẽ tôi không tán thành ngài Macaulay trong đánh giá về những nhân vật ngài vừa kể ra, nhưng không thể bác được ý chính của ông, đó là chúng ta không được để những vấn đề của người khác vượt ngoài tầm mức suy nghĩ của bản thân mình, cho dù đám bạn bè không phải lúc nào cũng dễ dàng tha cho chúng ta. George cảm nhận được điều này khi suy xét về con cái và tiền bạc. Tiền của ông không bao giờ quấy ông, chúng không bao giờ làm âm ỉ hay bày bừa ra đó, chúng không đổ đồ ăn ra khăn trải bàn, hay không để mặc cửa mở toang lúc ra ngoài. Những lợi tức của ông không tranh cãi nhau, và những khoản thế chấp của ông cũng không khiến ông phải lo lắng xem liệu đến tuổi trưởng thành nó có tiêu hoang rồi bắt ông phải gánh nợ hay không. Ông thấy John có những chiều hướng khiến ông rất lo lắng, còn đứa con thứ hai Theobald thì biếng nhác và nhiều lần không trung thực. Có lẽ những đứa con của ông biết cha chúng xem trọng điều gì, biết rằng cha chúng thường khó khăn với chúng nhưng chẳng bao giờ khó dễ với tiền. Ông chưa bao giờ hấp tấp hay bực bội với tiền của mình, và có lẽ nhờ đó mà ông và tiền bạc chung sống thật tốt đẹp với nhau.

Phải nhớ rằng vào đầu thế kỷ xIx, mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái vẫn còn rất tệ. Như những mẫu quảng cáo kiểu cũ của hãng Messrs. Fairlie & Pontifex một thời đã bị loại bỏ, giờ đây trong văn học cũng hiếm có hình ảnh một người cha bạo hành như thường thấy trong mô tả của Fielding, Richardson, Smollett và Sheridan, nhưng về bản chất thì dạng người cha độc đoán đó vẫn chưa biến mất hẳn. Hình ảnh cha mẹ trong những tiểu thuyết của Austen không còn là những quái vật man rợ như thời trước, nhưng rõ ràng trong phần lớn các tác phẩm của mình, cô nhìn cha mẹ với một sự ngờ

vực, và cảm thấy khó chịu về việc người cha có quyền làm tất cả mọi thứ. Vào thời nữ hoàng Elizabeth, mối liên hệ cha mẹ con cái này nói chung đã êm đềm hơn nhiều. Trong phần lớn truyện của Shakespeare, cha và con là những người bạn với nhau, thói xấu cũng không xuất hiện và vươn lên đến đỉnh điểm xấu xa của nó cho đến thời kỳ mà Thanh giáo khiến người ta quen với những tư tưởng Do Thái mà chúng ta phải cố gắng làm theo mỗi ngày. Những tiền lệ nào mà Abraham, Jephthah và Jonadab con của Rechab đã không làm? Trong thời mà hiếm người có lý trí biết nghi ngờ về việc liệu mỗi một lời trong Cựu Ước có thật là lời được truyền từ miệng Thiên Chúa hay không, thì quá dễ để trích dẫn sách và tuân theo những luật đó. Hơn nữa, Thanh giáo cấm tiết những khoái cảm tự nhiên; nó lấy ai ca thay cho Khải hoàn ca, và nó quên mất rằng những hủ tục của mọi thời luôn muốn được tiếp tục duy trì.

Ông Pontifex có thể nghiêm khắc với con cái hơn người ngoài một ít, nhưng chỉ một ít mà thôi. Ông đánh đòn các cậu nhỏ hai hay ba lần mỗi tuần và có lúc còn nhiều hơn nữa, nhưng thời đó các bậc làm cha vẫn thường luôn làm vậy. Sẽ dễ dàng thấy hợp lý hơn nếu những người khác cũng làm vậy, nhưng may thay mà cũng có thể bất hạnh thay, kết quả của những trận đòn chẳng có giá trị gì để xác định là đám con có lỗi hay không có lỗi, mà chúng chỉ là một việc làm cho có, bất kể kết quả là gì đi nữa. Có lỗi hay không có lỗi chẳng thay đổi gì được kết quả; việc này đặt ra một vấn đề là liệu những người biết lý lẽ có hành động theo kiểu quá máy móc như thế đó là một nhiệm vụ được giao hay không. Vào thời đó, ai ai cũng cho rằng không dùng đến roi vọt là làm hư con trẻ, và thánh Phaolô đã xem việc không vâng lời cha mẹ là một điều vô cùng xấu xa. Nếu con cái làm điều gì đó mà ông Pontifex không thích, có nghĩa là rõ ràng chúng đã không vâng lời ông. Và như thế chỉ có một lối duy nhất mà một người biết lý lẽ buộc phải làm. Điểm mấu chốt trong việc trừng phạt này chính là để kiểm soát những dấu hiệu đầu tiên của thói tự tung tự tác trong những đứa con của ông, lúc chúng vẫn còn chưa đủ lớn để phản ứng lại một cách nghiêm trọng hơn. Nói theo lối thịnh hành, là nếu ý muốn của chúng được ‘đập tan một cách tốt đẹp’ từ thuở nhỏ, thì chúng sẽ có được những thói quen vâng lời mà

chúng sẽ không dám liều lĩnh phá vỡ cho đến khi được hai mươi mốt tuổi. Rồi có lẽ chúng sẽ tự chiều theo ý mình; còn ông phải biết cách để tự bảo vệ mình; như thế, cho đến lúc đó chúng sẽ biết cảm kích ông và tiền của ông hơn.

Chúng ta biết quá ít về những suy nghĩ của mình, hành động phản chiếu chính chúng ta, tất nhiên là vậy, nhưng chính suy nghĩ cũng vậy! Quả thật, con người tự tôn là nhờ vào ý thức. Chúng ta tự hào rằng chúng ta khác với những cơn gió, con sóng, những hòn đá rơi cũng như cây cối, những thứ chẳng biết vì sao chúng lớn lên, và chúng ta cũng khác với những sinh vật lang thang rình mò săn mồi. Liệu chúng ta có thỏa chí nói được như thế nếu không nhờ có lý luận? Chúng ta biết rõ rằng chúng ta đang làm gì, và tại sao chúng ta làm như thế, hoặc không làm như thế. Thời này có một quan điểm đang lên, và tôi cho rằng nó đúng phần nào, đó là ý kiến cho rằng những suy nghĩ và hành động thiếu ý thức của chúng ta là nét định hình chính cho đời sống của chúng ta và của những kẻ hậu sinh của chúng ta.



Ông Pontifex không phải là một người bận lòng nhiều về vấn đề động cơ cho những hành động. Người thời đó không suy xét nội tâm nhiều bằng chúng ta; họ sống theo một luật tự đặt ra cho mình. Tiến sỹ giáo dục arnold đã không tạo nên một loạt những nhà tư tưởng nhiệt tâm mà chúng ta đang có, và người thời đó cũng không nhìn ra được tại sao họ không được hành động theo cách riêng của mình khi dường như việc đó chẳng đem lại hậu quả xấu gì cho họ. Nhưng rồi bây giờ khi đã thay đổi, đôi khi người ta lại để mình vướng vào những hậu quả tệ hại hơn những gì họ tính toán nhiều.

Giống như những người giàu có đầu thế kỷ này, ông Pontifex ăn uống nhiều hơn mức cần thiết. Ngay cả thể trạng tốt của ông cũng không thể phủ nhận quá trình ăn uống vô độ kéo dài, mà ngày nay chúng ta có thể gọi là nhậu nhẹt quá nhiều. Gan của ông hay trở chứng, và ông thường xuống ăn sáng với đôi mắt vàng héo. Những lúc như vậy các cậu nhỏ biết rằng tốt hơn chúng nên đề phòng cẩn thận. Không thể bảo đảm rằng việc đòi hỏi bọn trẻ quá mức sẽ làm hại chúng. Nhưng những bậc cha mẹ tốt hiếm khi đòi hỏi con cái quá sớm, và chính những người đòi con cái mình phải giỏi giang quá mức mới là kẻ làm hại con mình.

Tôi cho là thoạt nhìn qua thì thật là bất công khi đời cha ăn mặn đời con khát nước, nhưng các bạn trẻ nên nhớ rằng trong suốt nhiều năm ròng, con cái là một phần gắn liền với cha mẹ và do đó chúng cũng được dự phần hưởng dùng cùng cha mẹ chúng. Nếu chúng đã quên mất những hưởng dùng chúng có thì, chẳng khác gì một người đau đầu sau khi quá chén tối hôm trước. Người đau đầu không thể đòi hỏi mình tách biệt khỏi người đã quá chén, và không thể nói rằng bản thân mình say sưa tối qua không phải là

chính mình phải chịu khổ sáng nay; con cái không nên than phiền cơn đau trút xuống trên chúng là do đã gắn liền với cha mẹ mình, bởi cho dù không rõ ràng ngay lập tức, nhưng sự đồng nhất nối tiếp giữa cha mẹ và con cái luôn luôn hiện diện. Tuy nhiên, điều khó chấp nhận là việc cha mẹ vẫn còn chơi bời sau khi đã có con cái, và buộc chúng phải chịu khổ vì việc đó.

Rồi khi đến thời khốn khổ của mình, người cha sẽ nhìn mọi vật thật u ám và tự nói với mình rằng tại sao mình đã tốt với con cái như thế mà chúng lại không yêu thương mình. Nhưng ai có thể yêu thương một người thất thường như vậy? Ông có thể than với mình rằng đám con thật vô ơn đến đốn mạt. Thật là khó chấp nhận đối với ông, một người con tốt, và luôn tôn kính vâng lời cha mẹ cho dù họ không cho ông một phần trăm tài sản của họ để ông hoang phí thời trai trẻ. Ông có thể tự nói với mình rằng ‘luôn là vậy, những đứa con này càng được cho nhiều thì càng vô ơn; ta đã phạm một sai lầm nghiêm trọng; ta đã quá tốt với đám con cái; nhưng chẳng thành vấn đề, ta đã hoàn thành bổn phận với chúng, và còn làm hơn thế nữa; nếu chúng thiếu tôn kính ta, đó là việc chúng phải trình bày với Chúa. Còn ta, dù gì đi nữa, ta vô can. Sao, sao đây, ta nên tái hôn và làm chủ một gia đình mới và có lẽ là một gia đình đầm ấm yêu thương hơn,... v.v...?’

Ông thương thân vì đã dùng nhiều tiền của cho con cái ăn học, ông không nhận ra rằng vì việc học của chúng, bọn trẻ phải đánh đổi nhiều hơn ông, bởi nó lấy đi của chúng năng lực tự kiếm sống hơn là đưa chúng đến với đời, nó còn khiến chúng phải sống nhờ vào sự chiếu cố của cha mình nhiều năm sau khi đáng ra chúng đã đến tuổi nên sống tự lập rồi. Trường học chặn đứng đường lùi của đám trẻ, khiến chúng không còn có thể trở thành một lao công hay một thợ máy, và chúng chỉ còn cách sống lệ thuộc trong một thời hạn nhất định – tất nhiên ngoại trừ những kẻ được thừa kế một gia sản hay những kẻ sống đời thanh niên trong một lối mòn an toàn cũ kỹ. Ông Pontifex không nhìn ra được chút gì trong điều này; tất cả những gì ông thấy chỉ là, ông đã dành quá nhiều tiền bạc cho con cái hơn mức luật buộc, và ai có thể làm nhiều hơn ông nữa đây? Sao ông không cho hai đứa con đi theo nghề bán rau nhỉ? Nếu chưa làm vậy thì sao lại không làm vậy ngay ngày mai? Ý nghĩ ưa thích này tất nhiên gây hứng thú với ông mỗi khi ông nổi

nóng; nhưng cũng tất nhiên, ông không bao giờ cho con đi theo nghề bán rau, tuy vậy, những đứa con của ông khi nghĩ đến việc này, đôi lúc lại mong muốn giá mà ông làm như vậy thì hơn.

Những lúc thấy không thoải mái, ông lại lấy cái ý tưởng đó ra để dọa chúng mà mua vui. Ông tưởng tượng đến cảnh ông cắt hết tiền của từng đứa một rồi để dành số đó mà làm từ thiện, cho đến tận lúc ông buộc phải kêu chúng về, để rồi ông lại được hưởng cái thú đuổi chúng đi lần nữa mỗi lúc bực mình.

Tất nhiên, nếu những người trẻ để tư cách của mình bị ảnh hưởng bởi ý muốn của người khác, thì đó là một điều sai lầm và phải biết là nó sẽ dẫn đến những kết cục tồi tệ, tuy thế, sức mạnh của sự áp chế ảnh hưởng về mặt ý muốn hoàn toàn có thể xâm phạm và liên tục trở thành một công cụ hành hạ người khác đến nỗi nếu có quyền, tôi sẽ thông qua một luật tước hết mọi quyền được quyết định ý muốn của một người trong vòng ba tháng kể từ ngày họ xâm phạm ý muốn của người khác, và để mặc cho ban hội thẩm và quan tòa toàn quyền quyết định tài sản của kẻ đó theo cách mà họ xem là đúng đắn và hợp lý trong trường hợp người đó qua đời trong khoảng thời gian chịu án.

Ông Pontifex hẳn đã nói với những đứa con trai của ông trong giờ cơm thế này. ‘John và Theobald yêu quý của ta, hãy nhìn vào ta đây. Lúc khởi nghiệp, ta chẳng có gì ngoài bộ áo quần mà ông bà nội các con đã cho ta để đến London. Cha ta cho ta mười và mẹ ta cho năm shilling để dẫn túi và ta nghĩ như thế là đã hào phóng quá rồi. Suốt đời, ta không bao giờ hỏi xin cha ta một đồng, cũng không lấy chút gì từ ông, ngoại trừ khoản tiền ông trợ cấp cho đến lúc ta bắt đầu nhận lương. Ta đã tự làm mọi thứ, và ta hy vọng những đứa con của ta cũng sẽ làm được như vậy. Ta cầu xin các con đừng nuôi ý nghĩ rằng ta dùng cả đời để làm lụng kiếm tiền còn các con là người tiêu xài. Nếu các con muốn có tiền, thì hãy tự làm lấy như ta trước đây, bởi ta tuyên bố rằng ta sẽ không để lại cho các con một xu nào nếu các con không chứng minh được là mình xứng đáng với nó. Ngày nay, đám thanh niên dường như mong muốn những xa hoa hưởng thụ mà ta chưa từng nghe đến khi còn là một đứa trẻ. Tại sao, bởi cha ta là một người thợ mộc bình

thường, còn bây giờ, cả hai con đều được đi học, và tiêu tốn của ta hàng trăm bảng mỗi năm, trong khi vào tuổi các con, ta phải cật lực làm việc bàn giấy trong phòng tài vụ của ông dượng Fairlie. Nếu có được một nửa điều kiện mà các con đang có bây giờ, thì còn gì mà ta không làm được nữa đây? Các con phải trở thành một công tước, hay thiết lập nên một đế quốc mới ở một vùng đất chưa ai biết đến, và thậm chí như vậy ta vẫn không chắc là các con đã có thể sánh ngang với những gì ta đã làm hay chưa. Không, không, ta sẽ để các con học xong đại học, và rồi, xin các con tự bước trên đường đời giùm ta.'

Như thế, ông làm khổ mình khi cho rằng những nóng giận của mình là chính đáng để rồi đôi lúc đánh bọn trẻ vì những cái cố ông bất thần nghĩ ra.

Nhưng mà, lớn lên, những đứa trẻ nhà Pontifex thật may mắn, bởi cứ mười nhà có con trẻ trở nên tồi tệ, mới có một nhà có con cái giỏi giang lên; hơn nữa, chúng còn được ăn uống đầy đủ, ngủ trên giường êm ái, có những bác sỹ tốt nhất chăm sóc cho chúng, và có được nền giáo dục tốt nhất có thể mua được bằng tiền. Bọn trẻ sống nơi những con phố London không cần không khí trong lành cho lắm: phần lớn chúng vẫn hát ca vui đùa như thể chúng đang ở một cánh đồng hoang Scotland vậy. Bởi chưa bao giờ biết đến, nên chúng không cảm nhận được sự thiếu thốn một môi trường dễ chịu cho trí óc. Những người trẻ có khả năng lạ thường là chúng có thể tự loại bỏ hoặc hòa nhập vào những hoàn cảnh khác nhau. Thậm chí nếu chúng thấy không vui, rất không vui, thì thật lạ là chúng gần như không nhận ra điều đó, và chúng cũng chẳng quy kết nỗi buồn đó cho bất cứ lý do gì ngoài chính lỗi lầm của chúng.

Tôi muốn nói với những bậc cha mẹ muốn có một cuộc sống yên ả như thế này: hãy nói với con bạn rằng chúng rất hư đốn – hư đốn hơn hầu hết những đứa trẻ khác. Hãy chỉ cho chúng thấy những người chúng quen biết vốn có thể làm hình mẫu cho sự hoàn hảo và đồng thời gây cho chúng một ấn tượng mạnh về sự tồi tệ của bản thân mình. Bạn có nhiều khí giới hơn chúng và như thế chúng sẽ không thể chống lại bạn. Điều này được gọi là tác động về mặt tinh thần, và nó sẽ cho bạn kìm hãm chúng theo đúng mức bạn mong muốn. Chúng nghĩ rằng bạn hiểu biết, và chúng sẽ không nhận

biết đủ rằng bạn đang nói dối để rồi nuôi hoài nghi về việc bạn có phải là một con người thanh tao và chân thật như những gì bạn nói với chúng hay không; và chúng cũng không biết bạn là một kẻ hèn nhát đến thế nào, cũng như không biết rằng bạn sẽ thoái lui nhanh chóng đến mức nào nếu chúng nổi dậy chống lại bạn với đầy đủ phán đoán và quyết tâm. Bạn là người điều hành cuộc chơi của bạn và con cái bạn. Hãy gian lận đi, bởi bạn sẽ dễ dàng chặn đứng không cho chúng kiểm tra độ chân thật của cuộc chơi. Hãy nói với chúng là bạn đã khoan dung vô cùng đến thế nào; hãy nhấn mạnh vào vô số đặc ân mà bạn đã ban cho chúng, đầu tiên là đã đưa chúng đến với thế giới, và đặc biệt hơn nữa là đã cho chúng làm con bạn chứ không phải con của một kẻ nào khác. Bất cứ lúc nào bạn nổi nóng và muốn làm khổ mình, hãy nói rằng chúng không còn quan tâm đến bạn nhiều nữa. Hãy lặp đi lặp lại nhiều lần rằng chúng phải quan tâm đến bạn trên hết mọi sự. Hãy tay đấm tay xoa như trong những câu chuyện ngày chủ nhật của ông giám mục Winchester. Bạn giữ hết những lá bài chủ, hay nếu như không có, bạn có thể trộm chúng, nếu bạn dùng những lá bài chủ cho chuẩn, bạn sẽ thấy mình quá thật là người chủ của một gia đình hạnh phúc, hợp nhất, và biết kính sợ Thiên Chúa, hết như ông bạn già Pontifex của tôi vậy. Thật sự là một ngày nào đó, con cái của bạn sẽ biết được hết mọi sự thật, nhưng thời điểm đó sẽ không đến sớm đâu, và như thế bạn sẽ không phải chịu nhiều phiền hà cũng như con cái bạn cũng sẽ chẳng được hưởng lợi nhiều từ nó. Một vài ngòi bút châm biếm đã than van về cuộc sống bởi tất cả mọi khoái lạc đều thuộc về lớp người đi trước, và khi truyền đến chúng ta, nó đã hao hụt đi nhiều cùng với những khốn cùng của tuổi già hư nát.

Đối với tôi, tuổi trẻ như thể mùa xuân, một mùa đáng ca ngợi quá đỗi; đây say mê nếu người ta yêu quý nó, nhưng thực sự thì hiếm người yêu quý nó, nói rõ ra là bởi, theo quy luật chung, nó mang trong mình cơn gió đông cắt da cắt thịt hơn là làn gió nhẹ êm đềm. Mùa thu là một mùa dịu dàng hơn, và cây trái đã thay thế thậm chí còn tốt đẹp hơn những đóa hoa nữa. Vào tuổi chín mươi, khi được hỏi rằng đâu là thời gian đẹp nhất trong đời mình, Fontenelle đã nói rằng ông không biết thời nào hơn thời nào, nhưng có lẽ những năm tháng đẹp đẽ nhất cuộc đời ông là khoảng năm ông năm mươi

lăm đến bảy mươi lăm tuổi. Còn ngài Johnson cho rằng tuổi già nhiều niềm vui hơn xa tuổi trẻ. Thật vậy, khi về già chúng ta sống dưới bóng Thần Chết, như thể dưới lưỡi gươm của Damocles có thể hạ xuống bất kì lúc nào, nhưng từ lâu chúng ta đã biết được rằng trong cuộc sống chủ yếu là những hù dọa nhau hơn là những tổn thương thật sự, và như thế chúng ta giống như những người sống dưới ngọn núi lửa Vesuvius, và đánh liều với nó mà chẳng e ngại gì.



Có lẽ chương trước đã nói đủ về lứa thanh niên rồi, còn bây giờ tôi bàn riêng về con cái của ông Pontifex. Hai cô chị Eliza và Maria, không đẹp mà cũng không xấu, họ rõ ràng là những quý cô thời thượng, nhưng Alethea thì cực kỳ xinh đẹp và tâm tính của cô đầy trù mẫn và vui tươi, đối lập sâu sắc với những anh chị của mình. Cô thừa hưởng nhiều điều từ ông nội mình, không chỉ ở nét mặt, mà còn ở tính vui vẻ, thứ mà cha cô không có, dù cho ông cũng có được kiểu hóm hỉnh ồn ào và thậm chí là thô thiển.

John lớn lên trở thành một anh chàng điển trai và lịch thiệp, xét nét đến cả những tiểu tiết một cách quá thường xuyên và tỉ mỉ. Anh ăn vận rất đẹp, tác phong tốt, và chăm chú vào sách vở đến nỗi mọi thầy giáo đều yêu quý anh; và anh còn mang trong mình bản năng ngoại giao vốn không dễ gì thấy được nơi những cậu bé. Thay vì dạy bảo, cha anh thường đoán xem anh nghĩ gì, về sau ông rất tự hào về anh; hơn nữa, ông thấy nơi anh triển vọng của một thương nhân giỏi, và như thế gia đình trong tay anh sẽ không lụn bại. John biết cách chiều lòng cha cũng như biết cách làm đẹp lòng bất cứ ai, như thế đó là bản chất của anh vậy. Từ lúc còn khá nhỏ, John đã được cha tin nhiệm rất nhiều.

Theobald không so bì được với anh mình, nó biết điều đó cũng như chấp nhận số phận như vậy. Nó không bảnh trai cũng không ăn nói có duyên bằng anh nó, khi còn nhỏ, nó là một đứa dễ kích động, nhưng bây giờ nó lại kín đáo và rụt rè, tôi có thể nói rằng nó biếng nhác cả về trí óc lẫn thể xác. Nó không ngăn nắp bằng John, cũng không có khả năng khẳng định mình như anh, và ít biết cách làm vừa lòng tính khí thất thường của cha. Tôi không nghĩ là nó có thể yêu ai thật lòng, trong gia đình này ai ai cũng muốn tìm

hãm cái tính này của nó, ngoại trừ Alethea, một người quá nhanh nhẹn và hoạt bát so với tính khí phần nào ủ ê của nó. Theobald luôn luôn là đứa giờ đầu chịu báng, đôi khi tôi nghĩ là nó có đến hai ông cha để phải trình bày, là cha của nó và anh John, rồi còn hai người chị là Eliza và Maria nữa. Có lẽ nếu cảm nhận được cảnh tù túng của bản thân một cách sâu sắc, thì hẳn nó đã bỏ đi bụi rồi, tuy nhiên Theobald mang trong mình bản tính sợ sệt, và sự khắc nghiệt của người cha càng khiến nó gắn chặt với anh chị của mình hơn.

Xét theo mặt nào đó, hai cậu con trai nhỏ rất có giá trị với cha chúng. Ý của tôi là ông dùng chúng để giữ lẫn nhau. Ông không cho chúng nhiều tiền tiêu, và ông thuyết phục Theobald rằng những đòi hỏi của John là quan trọng nhất, trong khi đó ông lại nhấn mạnh với John rằng gia đình mình đông con, và quả quyết nghiêm túc rằng những chi phí ông phải trả quá nhiều và đến cuối đời, ông chẳng còn gì nhiều để chia cho con cái. Ông không quan tâm liệu chúng có đối chiếu những lời đó với nhau hay không, miễn là chúng đừng có làm vậy trước mặt ông là được. Theobald không than phiền về cha mình, ngay cả khi không có ông. Tôi biết rõ nó từ khi còn bé, đến lúc đi học, và rồi vào đại học Cambridge, nhưng rất hiếm khi tôi nghe nó đề cập đến tên cha mình thậm chí cả lúc ông còn sống, còn lúc ông đã mất thì nó tuyệt đối không nhắc đến nữa. Ở trường, nó không bị ganh ghét nhiều như anh nó, nhưng nó quá đần và thiếu sôi nổi nên chẳng ai biết đến.

Trước khi Theobald được phong chức, mọi chuyện đã được quyết định rằng nó hẳn phải trở thành một mục sư. Ông Pontifex, một nhà xuất bản sách tôn giáo có tiếng, dường như muốn dâng hiến ít nhất một đứa con của mình cho Giáo hội; việc này có thể thúc đẩy công việc kinh doanh của ông, hoặc ít nhất cũng làm cho nó được vững chãi, hơn nữa, ông Pontifex phần nào có quan hệ với các giám mục và giáo chức, nên có thể ông hy vọng rằng ảnh hưởng của ông sẽ tạo thuận lợi cho con đường thăng tiến của con mình. Ông chỉ cho Theobald số phận tương lai của nó từ lúc còn rất nhỏ, và xem đó như một vấn đề gần như đã được nó chấp nhận rồi. Tuy vậy, nó cũng thể hiện phần nào rằng nó tự do ửng thuận việc đó. Ông Pontifex nói rằng thật hợp lý khi cho con cái quyền chọn lựa, và thật xác đáng quá đôi khi buộc phải ửng thuận với con mình bất cứ điều gì có lợi cho nó. Ông sẽ thốt lên

rằng ông ghê sợ việc hướng một người trẻ theo một nghề nghiệp mà nó không thích. Ông chẳng bao giờ gây áp lực lên con cái để chúng thuận theo ý ông trong việc chọn nghề nghiệp, nhất là đối với ơn gọi tận hiến cho Chúa.

Điều nói này ông thường dùng đến mỗi khi có khách đến nhà và khi có Theobald ngồi với ông. Ông cũng nhấn mạnh về điểm này, và những ông hói, những bà cô quá hiền lành không thể không say mê với bài nói của ông. Tôi tin là hẳn phải có hai hay ba người chủ gia đình quanh đó đã cho con họ toàn quyền lựa chọn nghề nghiệp, và tôi không chắc về sau họ có hối hận nhiều vì việc đó hay không. Những người khách, khi thấy Theobald khép nép và hầu như không nhúc nhích suốt cuộc nói chuyện bàn về mơ ước của nó, hẳn sẽ tự nhủ rằng cậu bé này hầu như không thể sánh với cha nó và hẳn sẽ đánh giá thấp nó như một đứa thụ động, một đứa cần thêm sinh khí và cần phải ý thức hơn về những thuận lợi nó đang có được nhờ cha nó.

Không một ai tin vào sự hợp lý của toàn bộ tiến trình này hơn chính Theobald, cảm giác bồn chồn khiến nó im lặng, nhưng việc này quá sâu xa và quá sức đối với nó khiến nó không thể lĩnh hội được hoàn toàn, cũng như không thể tự mình hiểu được. Nó sợ cái quắc mắt của cha mỗi khi nó thể hiện sự chống đối dù là nhỏ nhất. Một đứa trẻ mạnh mẽ sẽ không xem những lời đe dọa dữ dằn hay những lời châm chích thô thiển của cha nó là nghiêm trọng, nhưng Theobald là một đứa yếu đuối, và dù đúng hay sai, nó đã cho là cha nó sẵn sàng biến những lời đe dọa này thành sự thật. Chống đối cha nó chẳng đem lại kết quả mong muốn nào, và thậm chí nhún nhường cũng vậy, ngoại trừ lúc nó đột nhiên muốn làm đúng ngay điều mà cha nó mong muốn. Nếu nó đã từng ắp ứ ý định kháng cự, thì giờ đây suy nghĩ đó đã tan biến hết, và sức lực để chống đối của nó cũng không còn bởi quá hiếm khi nó dám làm vậy; nó chẳng còn biết làm gì ngoại trừ ưng thuận một cách vô tri như một kẻ ngu si bị đè nén.

Nó có thể mập mờ nhận thức rằng đó không phải là cuộc sống của nó, có thể đôi lúc nó mơ mình là một chiến binh hay một thủy thủ nơi vùng đất ngoại bang xa xôi, hay thậm chí là một đứa con nông dân trên đồng hoang ruộng vắng, nhưng như vậy vẫn chưa đủ để cho nó một cơ hội biến những

giấc mơ đó thành hiện thực, và rồi nó cứ trôi vô định trong dòng chảy cuộc đời, một dòng chảy tẻ ngắt và, tôi e rằng, còn đục ngầu nữa.

Tôi nghĩ là Giáo lý Giáo hội còn nhiều điều phải làm với những mối quan hệ không tốt đẹp vốn phổ biến đến tận bây giờ, giữa cha mẹ và con cái. Thủ bản giáo lý hiện thời được viết hoàn toàn từ quan điểm của các ông cha bà mẹ, và người soạn ra nó không nhờ đến con cái giúp mình trong việc này, ông ta rõ ràng không phải là một người trẻ, và tôi có thể nói rằng ông ta không thích trẻ con, cho dầu, nếu tôi nhớ không nhầm, thì có một lần ông dùng đến từ ‘đứa con tốt của ta’ nhưng với giọng không được âu yếm cho lắm. Ấn tượng chung của con trẻ khi đọc cái này là chúng thấy mình xấu xa từ lúc lọt lòng, được gột rửa ‘phần nào’ nhờ phép rửa tội, và sự thật đơn giản rằng tuổi đời còn nhỏ của chúng đang góp phần vào trong cái ‘phần nào’ đó đang gần như tô đậm thêm cái bản chất tội lỗi trong chúng.

Nếu cần một thủ bản giáo lý mới, tôi muốn mở đầu bằng vài lời nhấn mạnh về bốn phạm kiếm tìm tất cả những vui thú hợp lý và tránh đi tất cả những nỗi đau có thể tránh được. Tôi muốn thấy những đứa trẻ được dạy rằng chúng không nên nói là chúng thích những thứ mà chúng không thích chỉ đơn giản bởi vì người ta bảo rằng chúng thích điều đó, và thật là ngu xuẩn khi nói rằng chúng tin tưởng điều này hay điều kia lúc chúng còn chẳng hiểu chút gì về nó. Nếu người ta cho rằng những thêm thắt này khiến cho thủ bản trở nên quá dài, thì tôi sẽ cắt ngắn bớt phần nói về bốn phạm đối với đồng loại và đối với các bí tích. Tôi sẽ bỏ luôn câu đầu ‘Tôi khao khát Chúa Trời tôi, Cha chúng tôi’ – nhưng có lẽ tôi nên để việc chỉnh sửa này lại cho những người có thẩm quyền hơn, và quay lại với anh bạn Theobald của tôi.



Ông Pontifex đã quyết tâm phải cho Theobald học đại học trước khi trở thành một mục sư. Điều này sẽ dự phòng cho cậu và bảo đảm cho cuộc sống của cậu trong trường hợp những người bạn giáo chức của ông không giúp gì được. Việc học hành của cậu đủ tốt để vào đại học, và cậu được ông gởi vào một trường thuộc đại học Cambridge và được kèm cặp bởi những gia sư tốt nhất có thể. Một năm trước khi Theobald lấy bằng, hệ thống thi cử mới đã được áp dụng và nó cho cậu nhiều cơ hội thăng tiến hơn, bởi năng lực của cậu phù hợp với ngành cổ điển hơn là ngành khoa học, mà hệ thống này lại thiên về những nghiên cứu cổ điển hơn thời nay.

Theobald nhận thức được rằng cậu đang có cơ hội thoát khỏi sự ràng buộc của cha mình, nếu như biết học hành chăm chỉ, và cậu cũng thích thú với việc được trở thành một sinh viên. Bởi thế, cậu đã chuyên tâm hết sức vào việc học, và cuối cùng lấy được bằng, và như thế chuyện cậu được nhận vào hàng giáo sĩ chỉ là vấn đề thời gian. Ông Pontifex thật sự hài lòng về cậu, và hứa rằng sẽ tặng cậu tác phẩm của các tác giả nổi tiếng tùy theo ý cậu chọn. Theobald chọn những tác phẩm của Bacon, và rồi mười tập sách hay của Bacon đến tay cậu ngay. Nhưng khi xem xét một chút, thì cậu thấy những quyển này chỉ toàn là sách cũ.

Giờ đây, khi đã lấy được bằng, việc tiếp theo của cậu chỉ là chờ được phong chức, và Theobald cho đến nay hầu như ưng thuận việc đó như thể nó là chuyện tất yếu phải vậy. Tuy nhiên, khi việc này đã thực sự đến và sẽ thành hiện thực chỉ trong vòng vài tháng nữa thì cậu bỗng hoảng sợ khi nghĩ về nó như một thứ mà một khi bước vào cậu sẽ chẳng bao giờ thoát ra được. Cậu không thích việc tấn phong sắp đến, và thậm chí đã thể hiện vài nỗ lực

yếu ớt để trốn tránh nó. Có thể thấy được thái độ này qua những thư tín mà Ernest, con trai cậu đã tìm thấy nơi những tờ giấy thiếp vàng, với những dòng mực đã phai, được cột lại gọn gàng, kèm theo một dòng phân loại trên đó, nhưng lại không có thêm bất kỳ chú thích nào nữa. Tôi viết lại nguyên văn lá thư đó ra đây:

‘Cha kính mến,

Con không thích bàn đến một vấn đề đã được cân nhắc kỹ lưỡng rồi, nhưng theo thời gian, con bắt đầu thấy rối trí về việc con rất khó hòa hợp với đời sống của một mục sư. Con không hoài nghi điều gì về Giáo hội anh, và con có thể chân thành tán đồng tất cả mọi điểm trong bản Ba mươi chín điều⁶¹, một bản văn đối với con thật sự là đỉnh cao khôn ngoan hoàn mỹ của nhân loại, đến nỗi không gì có thể công kích được điểm này, ngay cả nhà thần học Paley cũng phải đồng ý như vậy; nhưng con chắc rằng con sẽ đi ngược lại mong muốn của cha, nếu như con giấu diếm với cha rằng con không cảm nhận được ơn gọi làm mục sư Tin mừng bên trong con, thứ mà trong lễ tấn phong, con buộc phải nói là con đã cảm nhận được. Con đã cố để cảm nhận, con sốt sắng cầu nguyện xin ơn này, có đôi khi con ngỡ ngợ rằng con đã có được nó, nhưng rồi nó mau chóng biến mất, và cho dù con hoàn toàn không khó chịu với việc trở thành một mục sư và con cũng tin tưởng rằng, nếu trở thành một mục sư, con sẽ tận tâm sống theo Vinh quang Thiên Chúa và làm sáng Danh Ngài, nhưng con cảm nhận rằng để hoàn toàn xứng đáng dẫn thân trong hội Thánh, thì con còn cần thêm nhiều điều nữa. Con biết rằng dù cho có đỡ phần nào nhờ học bổng của con, thì cha vẫn đã phải tiêu tốn rất nhiều cho con, nhưng cha đã từng dạy con rằng phải tuân theo lương tâm mình, và lương tâm của con mách bảo rằng nếu con trở thành mục sư thì đó sẽ là một hành động sai lầm. Con đã quả quyết với cha là con có tinh thần tu trì, con cũng đã liên li cầu nguyện xin ơn đó, nhưng có lẽ Chúa đã không ban cho con, và như thế liệu có tốt hơn nếu con cố gắng tìm kiếm một lối đi khác hay không?

Con biết rằng cả cha và anh John đều không muốn con theo nghiệp cha, và con cũng chẳng hiểu gì về chuyện tiền bạc, nhưng con còn có thể làm được gì nữa đây? Con không thích phải xin cha nuôi con để con học ngành

y hay luật, nhưng một khi con được nhận vào học rồi, việc này cũng không lâu nữa đâu, thì con sẽ cố gắng hết sức để không khiến cha phải phí tiền vì con nữa, có lẽ con sẽ kiếm được ít tiền nhờ việc viết lách và dạy học. Con tin rằng cha sẽ không nghĩ lá thư này là vô phép, con hoàn toàn không muốn làm cha phải phiền lòng. Con hy vọng rằng cha sẽ đồng thuận với cảm giác hiện thời của con, một cảm xúc chỉ bắt nguồn từ sự tôn trọng đối với lương tâm của con, một điều mà chính cha đã thường dạy con phải làm. Mong sớm nhận được thư của cha. Con hy vọng cơn cảm lạnh của cha chóng qua. Cho con gởi lời thăm Eliza và Maria, con trai yêu dấu của cha.

THEOBALD PONTIFEX.'

Và đây là lá thư trả lời của cha cậu:

'Theobald, con thân mến, ta có thể hiểu những cảm giác của con và hoàn toàn không muốn chê trách con điều gì về chuyện giải bày nó. Thật bình thường và hợp lý khi con có những cảm giác như vậy ngoại trừ một điểm mà thôi, một điểm mà nếu suy xét kỹ thì con sẽ cảm nhận được rõ ràng là nó vô phép, và ta sẽ chỉ nói ngắn gọn rằng, ý nghĩ đó của con thật sự khiến ta bị tổn thương. Con không nên nói rằng 'dù cho có đỡ phần nào nhờ học bổng của con'. Câu đó của con chỉ đúng, khi con có thể làm được gì đó giúp ta bớt đi gánh nặng nuôi con ăn học, nghĩa là tiền đó phải được chuyển cho ta. Mọi lời trong thư của con khiến ta tin chắc rằng con đang chìm trong tính nhạy cảm không lành mạnh, một công cụ yêu thích của ma quỷ để dẫn lối người ta đến diệt vong. Đúng như con nói, ta đã tiêu tốn rất nhiều cho việc học của con. Ta đã không tiếc gì để cho con những điều kiện học hành thuận lợi, và với tư cách là một quý ông người anh, ta đã lao tâm biết bao để có thể chu cấp cho con, nhưng ta không sẵn sàng để thấy những phí tổn đó tan thành mây khói và lại phải xây lại từ đầu, chỉ bởi những ngại ngùng xuẩn ngốc của con, những thứ mà con phải thấy là nó sẽ gây tệ hại cho con hơn là cho ta.

Cái mong muốn luôn mãi được biến động đó, thứ sẽ hủy hoại nhiều người trong thời đại này, đừng để nó lớn lên trong con.

Tất nhiên, nếu con không thấy cần phải chịu chức thánh; thì chẳng ai ép con, con được tự do hoàn toàn, con đã hai mươi ba tuổi rồi và tự biết suy

ngĩ, nhưng tại sao con không nhận ra ý muốn đó sớm hơn, và lại chẳng bao giờ hé một lời bóng gió nào phản đối việc này cho đến tận khi ta đã trang trải hết mọi phí tổn để cho con học Đại học, một việc ta sẽ chẳng bao giờ làm nếu không tin rằng con đã xác quyết với chính mình về việc dẫn thân làm mục sư? Ta đã nhận được nhiều thư của con bày tỏ sự sốt sắng gần như hoàn toàn cho việc được phong chức, và anh chị con cũng sẽ đồng ý với ta là đã chẳng có ai gây áp lực gì lên con cả. Con đang sai lầm và vô cùng hoang mang, đó có thể là điều rất tự nhiên, nhưng chính nó cũng phải chịu trách nhiệm cho những hậu quả nghiêm trọng xảy đến với chính con. Ta vốn không được khỏe lắm, và lá thư gây nhiều lo lắng của con đang giày vò ta nhiều hơn nữa. Xin Chúa chỉ lối cho con quyết định sáng suốt hơn. Cha yêu quý của con.

G. PONTIFEX.'

Khi nhận được lá thư này, Theobald mạnh dạn hơn. Anh tự nhủ, 'Cha tôi nói là tôi không cần phải chịu chức nếu tôi không muốn. Tôi không muốn điều đó, bởi vậy tôi sẽ không chịu chức. Nhưng mà 'chịu trách nhiệm cho những hậu quả nghiêm trọng xảy đến với chính con' nghĩa là gì? Những lời đó có hàm ý đe dọa gì không đây, mặc dù thật không thể hiểu nổi những từ này cũng như ý mà cha định nói. Liệu cha có cố ý nói như vậy để khiến mình e sợ mà vẫn không cần phải thể hiện ra giấy hay không?'

Theobald biết cha mình đủ rõ để ít khi hiểu sai ý của ông, nhưng do anh quá bạo dạn đối ngược lại ý của cha mình, và cũng quá ước ao được thoát khỏi việc chịu chức, nên anh đã đánh liều với ông một phen. Anh viết những dòng sau gửi lại cho ông:

'Cha kính mến. Cha nói với con, và con chân thành cảm ơn cha vì điều đó, rằng sẽ không ai ép buộc con phải chịu chức. Con biết rằng cha sẽ không ép buộc con phải làm theo sắp đặt của cha, nếu lương tâm của con thật sự phản đối việc đó; bởi thế con đã kiên quyết từ bỏ ơn gọi, và con tin rằng nếu cha tiếp tục cho con những thứ như lâu nay vẫn vậy, cho đến khi con có được học bổng, vốn sẽ không lâu nữa đâu, thì con sẽ không làm cha phải tốn thêm một đồng nào nữa. Con sẽ cố gắng hết sức mình để sớm xác

định nghề nghiệp con muốn theo đuổi, đến lúc đó con sẽ báo cho cha luôn thể.

Con yêu dấu của cha,

THEOBALD PONTIFEX.'

Còn đây là lá thư cuối cùng, rất ngắn gọn nhưng rõ ràng.

'Theobald yêu quý, ta đã nhận được thư con. Ta rất bối rối khi nhận ra được những động cơ trong quyết định của con, nhưng lại rất rõ ràng khi ra quyết định dựa trên lá thư đó. Con sẽ không nhận được đồng nào từ ta cho đến khi con đổi ý. Nếu con ngoan cố lỳ lợm với sự điên rồ ngu muội của mình, thì ta vẫn hài lòng biết rằng ta còn có những đứa con khác với cách cư xử sẽ cho ta được vẻ vang cũng như hạnh phúc hơn. Người cha yêu quý nhưng đang đầy lo lắng của con,

G. PONTIFEX.'

Tôi không biết hệ quả ngay lập tức của loạt thư này là gì, nhưng đến cuối cùng thì mọi chuyện đều tốt đẹp. Hoặc Theobald đổi ý, hoặc anh hiểu những lời thúc đẩy bên ngoài của cha anh như là tiếng gọi nội tâm hướng đến điều mà tôi chắc rằng anh đã sốt sắng cầu xin rất nhiều – bởi anh là một tín hữu tin tưởng vững chắc vào tác động của lời cầu nguyện. Tôi không chắc lắm về chuyện này. Tennyson đã nói rằng lời cầu nguyện còn cho chúng ta nhiều hơn những gì chúng ta mơ tưởng, nhưng ông cũng đã khôn ngoan không nói ra chúng là những điều tốt hay xấu. Lời cầu nguyện cũng có thể làm được nhiều thứ, đó có thể là mơ mộng mà cũng có thể là một nhận thức chung, nhưng rõ ràng không dễ xác định được nó. Cuối cùng, nhờ may mắn, không lâu sau khi tốt nghiệp, Theobald được thu nhận, và được phong chức vào mùa thu năm đó, 1825.



Ông Allaby là mục sư Crampsford, một ngôi làng cách Cambridge vài dặm. Ông cũng có được một tấm bằng khá, và được Giáo hội thu nhận, rồi có được khoản thu nhập 400 bảng một năm cùng một ngôi nhà, còn thu nhập riêng của ông không đến 200 bảng một năm. Ông đã cưới một phụ nữ trẻ hơn mình nhiều và sinh được mười một người con, bây giờ còn lại chín người, hai nam bảy nữ. Hai người con gái lớn của ông đã có gia đình yên ổn, nhưng lúc này vẫn còn năm người con gái chưa thành thân, tuổi đời từ ba mươi đến hai mươi hai, và thêm hai người con trai vẫn còn sống nhờ vào ông. Rõ ràng là nếu có chuyện gì xảy ra cho ông Allaby, gia đình ông sẽ rơi vào cảnh nghèo khó, và điều này hẳn nhiên khiến ông bà Allaby lo lắng phiền lòng vô cùng.

Các bạn đọc của tôi, có bao giờ các bạn rơi vào cảnh thu nhập cao nhất cũng chẳng nhiều nhận gì cho lắm, và nếu bạn mất thì nó cũng tiêu tan, chỉ còn lại 200 bảng một năm mà thôi, hay không? Có bao giờ bạn vừa có hai người con trai phải khởi nghiệp cùng năm người con gái vẫn chưa thành thân, và thật sự cũng khó kiếm chồng cho chúng, hay không? Nếu sống hợp đạo nói chung cho người ta được an bình lúc xế chiều, thì thành thật mà nói, liệu ở trong những hoàn cảnh như trên, bạn có hy vọng hão rằng mình đã có một đời sống hợp đạo hay không?

Và cho dù bạn có một người vợ tốt, chẳng khiến bạn phiền lòng, và cũng không bệnh tật để làm bạn phải đổ bệnh theo; và dù gia đình bạn có mạnh mẽ, tử tế, và có phúc như người ta thường nói, thì bạn có chắc là mình có một đời sống hợp đạo hay không? Tôi biết nhiều người lớn tuổi có tiếng là đạo đức, nhưng lại sống với những người bạn đời mà họ đã hết yêu từ lâu,

hay có những đứa con gái ở giá xấu xí gắt gỏng chẳng bao giờ có chồng, những đứa con gái mà họ khinh ghét và cũng khinh ghét họ trong lòng, hoặc có những đứa con trai ngu ngốc hay hoang phí, liên tục gây phiền phức cho họ. Liệu một người có những điều như thế có được kể là sống hợp đạo không? Như những gì ông già Pecksniff Bacon^[2] đã làm được cho khoa học, thì cũng cần phải có một ai đó làm điều tương tự cho đạo đức chứ.

Nhưng chúng ta hãy trở lại với ông bà Allaby. Bà Allaby nói về đám cưới của hai cô con gái đầu như là một chuyện dễ dàng chưa từng có. Bà nói vậy bởi bà nghe những bà mẹ khác cũng nói như vậy, nhưng tự thâm tâm mình, bà chẳng biết làm thế nào mình lại làm được vậy, mà thật sự đó cũng chẳng phải là việc do tay bà. Trước hết, phải tìm được một chàng trai chịu kết giao với những đứa con gái mà bà đã cố gắng tập cho chúng những kỹ thuật nhất định, những thứ bà tưởng tượng ra hết lần này đến lần khác, nhưng lại hoàn toàn không thể áp dụng vào thực tế. Rồi tiếp theo là những tuần lễ xen lẫn hy vọng và e sợ, cùng đôi chút mưu mẹo thường được tính toán rất cẩn thận, và đến cuối cùng, chàng trai trẻ si tình phải quỳ gối cầu hôn con gái họ. Đối với bà, dường như đó là một điều quá may mắn, và thật khó hoặc chẳng bao giờ lặp lại lần nữa. Thật ra bà đã lặp lại được phép màu này thêm một lần, và có lẽ cũng nhờ vào vận may, nhưng năm lần sau đều thất bại! Thật tồi tệ: tại sao bà lại sinh ra đến bảy đứa con gái, mà không phải là ba đứa, để giờ đây cùng lắm bà chỉ phải đau khổ bởi một đứa chưa chồng mà thôi.

Dù gì đi nữa thì cũng phải kiếm chồng cho chúng, và bà Allaby tội nghiệp luôn luôn nhìn những chàng trai trẻ như thế họ là những con rể tương lai của mình vậy. Các ông cha bà mẹ thường hỏi những cậu trai rằng tình ý các cậu dành cho con gái họ liệu có đáng tin được không. Tôi nghĩ rằng có những lúc các cậu trai sẽ hỏi những ông cha bà mẹ đó rằng nếu họ đồng ý ghé thăm những gia đình còn nhiều cô gái chưa chồng thì thử hỏi xem tình ý của họ có đáng tin nữa hay không.

Ông Allaby nói với vợ mình khi cả hai bàn về kế hoạch sắp tới. ‘Tôi không đủ tiền để mời thêm một phụ tá giúp việc giáo xứ. Sẽ thoải mái hơn nếu có một người trẻ đến giúp tôi vài giờ trong ngày Chủ nhật. Tôi sẽ trả một đồng guinea mỗi ngày Chủ nhật, và chúng ta có thể tiếp tục chọn lựa

cho đến khi có được người thích hợp.’ Ông Allaby chắc chắn đã không còn sung sức nữa, và ông cần một ai đó giúp mình trong các tác vụ ngày Chủ nhật.

Bà Allaby có một người bạn lớn, là bà Cowey, vợ của Giáo sư Cowey lừng danh. Bà ta là một người thật sự rộng rãi, hơi đầy đà, có ria mép mờ, và quan hệ rộng với các sinh viên, đặc biệt là với những người thích tham gia vào các phong trào Phúc âm đang nở rộ. Mỗi hai tuần, bà tổ chức một buổi tiệc tối, và một phần buổi tối đó được dành để cầu nguyện. Bà không chỉ là một người rộng rãi sẵn lòng giúp đỡ người khác, mà theo như những gì bà Allaby thường nói, thì bà ta còn là một người phụ nữ hoàn hảo, và mang trong mình sự mạnh mẽ của một người đàn ông. Bà có hai người con gái, nhưng bà thường than thở với bà Allaby rằng mình không được tốt số bằng, bởi từng đưa một đứa theo chồng và để tuổi già của bà thực sự sẽ sống trong cô đơn nếu như không còn ông Giáo sư ở bên nữa.

Tất nhiên, bà Cowey biết được xu thế của tất cả giáo sỹ chưa vợ trong Đại học, và cũng chính bà sẽ giúp tìm một người đủ tư cách phụ tá cho chồng bà Allaby. Nên vào một buổi sáng tháng mười một năm 1825, theo sắp xếp trước, bà Allaby đến dùng bữa nhẹ với bà Cowey và nán lại ở đó cả buổi chiều. Sau khi dùng bữa, hai người cùng nghỉ với nhau, và lúc đó chuyện của hai bà mới thực sự bắt đầu. Họ bàn về việc cả hai đã tranh luận thế nào, họ nhận xét nhau thế nào, điều gì họ không muốn người kia làm, rồi họ bàn đến những chuyện nhăng nhít nhỏ nhặt như người phó tế này nọ có xứng đáng không, rồi khi đã thấy là xứng đáng, họ lại bàn đến những chuyện tốt xấu của người đó, tất cả những chuyện này tôi xin phép để tùy theo trí tưởng tượng của các bạn. Bà Cowey đã quen với việc tự xác định với mình rằng bà nên chỉ ra đường đi lối bước cho người ta hơn là để mặc họ. Nhiều bà mẹ tìm đến bà lúc cần kíp, và bởi họ cũng là những người rộng rãi, nên bà Cowey luôn luôn cố hết sức để giúp họ; nếu như cuộc hôn nhân của một Cử nhân Nghệ thuật không phải do Chúa, thì nó cũng hoàn toàn có thể, hay cao nhất có thể, là do bởi tay bà. Và lúc này đây, hai bà đang bàn thấu đáo về những phó tế đầy tiềm năng ở trường Đại học, rồi bà Cowey kết luận rằng anh bạn Theobald của chúng ta là người tốt nhất bà có thể tìm được.

‘Tôi không cho rằng đó là một cậu trai đặc biệt hấp dẫn, và cậu chỉ là con thứ, nhưng rồi cậu ta sẽ được chọn làm mục sư, và tôi thấy là con của chủ nhà xuất bản Pontifex, dù chỉ là con thứ, cũng sẽ mang lại được nhiều điều tốt đẹp.’

Bà Allaby mãi nguyện reo lên, ‘Tại sao lại không chứ, bà bạn của tôi, đây chính là điều tôi cần đó.’



Mọi cuộc vui đều có giờ tàn, ngày đã hết, và bà Allaby còn sáu dặm đường phải đi về nhà ở Crampsford. Khi bà quấn khăn ngồi vào xe, James, người quản gia nhà Allaby không thấy biến đổi nào lạ thường trên khuôn mặt bà, và suốt đoạn đường về cũng chẳng nhận ra gì nhiều những viễn cảnh tươi đẹp mà bà chủ của ông đang họa nên trong đầu.

Giáo sư Cowey có xuất bản một vài tác phẩm ở nhà xuất bản của cha Theobald, do đó bà Cowey đã dìu dắt anh từ những bước đầu tại trường Đại học. Bà đã dõi theo anh và gần như xem mình có trách nhiệm phải tìm cho anh một người vợ, giống như kiểu bà Allaby cố gắng kiếm chồng cho con gái mình vậy. Lúc này, bà đã viết thư mời anh đến gặp bà nếu anh thấy hứng thú. Khi anh đến, bà bắt đầu đề cập đến tình hình sức khỏe của ông Allaby, và trông bộ dạng nhiệt tình của bà cứ như thể chính bà phải chịu trách nhiệm giải quyết những khó khăn này vậy. Cuối cùng, hai người quyết định rằng Theobald sẽ đến Crampsford trong sáu ngày chủ nhật liên tục, và sẽ làm phân nửa công việc của ông Allaby với tiền công là nửa guinea một ngày, do bà Cowey đã hạ thấp mức thù lao thông thường một cách không thương tiếc còn Theobald lại không đủ cứng rắn để thương lượng.

Theobald chẳng hay biết gì về những toan tính được chuẩn bị sẵn để giảng bầy tâm hồn đơn giản của anh, mà cũng không nghĩ gì ngoài việc kiếm được ba đồng guinea, và có lẽ là thêm việc gây ấn tượng cho dân chúng Crampsford bằng kiến thức học viện của mình. Sáng sớm ngày Chủ nhật, chỉ vài tuần sau khi được phong chức, Theobald rào bộ tiến về nhà xứ Crampsford để nhận việc. Bài giảng hôm đó khiến anh vất vả rất nhiều. Đó là bài giảng về địa chất học, một vấn đề thần học nhức nhối hàng đầu. Anh

chỉ ra rằng nếu như địa chất học chẳng chứng minh được gì – và anh là người quá rộng rãi, không thành kiến để trở nên khinh miệt ngành đó – thì như thế là chứng thực cho yếu tố lịch sử tuyệt đối rõ ràng trong trình thuật Sáng tạo mà Moses đã viết trong sách Sáng Thế, và bất cứ giả thiết nào thoát qua đối lập với quan điểm này đều là giả thiết đầy thiên kiến và không đáng nghiên cứu. Thật là một bài giảng tuyệt vời, khi Theobald trở về nhà xứ để dùng bữa, ông Allaby khen ngợi anh hết lời vì khởi đầu hoàn hảo của anh, còn các cô con gái của ông chẳng tìm ra lời nào để thể hiện hết sự ngưỡng mộ dành cho anh.

Theobald chẳng biết gì về phụ nữ. Những phụ nữ duy nhất anh gần gũi là các chị em của anh mà hai trong số đó lại luôn khiển trách anh, ngoài ra chỉ còn thêm một vài người bạn học ở Elmhurst nữa mà thôi. Những cô gái này hoặc quá nhút nhát nên Theobald chưa bao giờ hòa hợp với họ, hoặc có thể quá khôn ngoan và nói những lời quá cao sang đối với anh. Theobald không nói những lời cao sang và cũng chẳng muốn người ta dùng những lời như vậy. Ngoài ra, họ thường nói chuyện về âm nhạc, anh ghét âm nhạc, về hội họa, anh ghét hội họa, về sách vở, mà ngoài thể loại cổ điển ra, còn lại anh ghét sách vở luôn thể. Rồi đôi khi anh muốn khiêu vũ với họ, nhưng lại chẳng biết cách, mà cũng chẳng muốn học khiêu vũ làm gì. Anh cũng đã được gặp và được người ta giới thiệu với nhiều quý cô ở những bữa tiệc của bà Cowey. Anh đã cố tỏ ra dễ chịu, nhưng lại luôn luôn có ấn tượng rằng mình đã không làm được như vậy. Các quý cô anh gặp ở nhà bà Cowey hoàn toàn không phải là những người hấp dẫn nhất trường Đại học, và có lẽ người ta cũng chấp nhận được nếu Theobald chẳng ưng ý phần nhiều trong số những cô đó, nếu anh thấy cảm một cô nào đó xinh xắn hơn và tốt tính hơn, thì gần như ngay lập tức đều bị những kẻ bạo dạn hơn hớt tay trên, và rồi anh tránh đi như một tên bất lực.

Tôi không thể nói trước liệu một cô gái thật sự tốt sẽ làm gì với anh chàng này, nhưng số phận đã không cho anh gặp được cô gái nào như vậy, ngoại trừ cô em gái nhỏ Alethea, và nếu như đó không phải là em gái mình, thì hẳn anh đã phải lòng cô mất rồi. Kinh nghiệm nói với anh rằng phụ nữ chẳng bao giờ làm điều gì tốt đẹp cho anh, và anh cũng không quen với việc thoải

mái kết bạn cùng họ; nếu như Hamlet có chút gì liên hệ với phụ nữ, thì khi biên tập vở kịch người ta cũng cắt bỏ đoạn đó đi, bởi Hamlet buộc phải hành động như thể anh không tin tưởng vào sự hiện diện của đám phụ nữ đó. Theobald chưa bao giờ hôn một người con gái nào ngoại trừ em gái anh, và những đứa em gái của tôi nữa, lúc chúng tôi còn nhỏ. Ngoài những nụ hôn đó, mãi cho đến gần đây anh còn bị bắt phải nghiêm chỉnh hôn lên má cha để chúc ngủ ngon và chào buổi sáng, tôi tin rằng đó là tất cả những người anh từng hôn cho đến nay. Kết quả là anh trở nên ghét phụ nữ, như thể họ là những sinh vật bí ẩn, chẳng có chút gì giống anh trong cả cách cư xử cũng như suy nghĩ.

Với những chuyện cũ như vậy, lẽ tự nhiên Theobald cảm thấy thật ngại khi nhận ra năm quý cô chưa quen biết này lại ái mộ anh đến thế. Tôi nhớ lúc còn nhỏ, có lần tôi đã dùng trà ở trường nữ sinh của các chị em tôi. Lúc đó tôi chỉ mới mười hai tuổi. Suốt tuần trà, mọi chuyện đều tốt đẹp, bởi bà hiệu trưởng cũng có mặt ở đó. Nhưng rồi bà rời đi để tôi lại một mình với các cô gái nhỏ. Ngay lúc bà vừa quay gót, cô gái cầm đầu cả đám, cũng chỉ trạc tuổi tôi, tiến đến chỉ tay vào tôi, đánh nét mặt và gằn giọng, ‘Thả-ả-ả-ng bà-ả-ả-âu!’ Toàn bộ đám con gái còn lại cũng thay nhau lặp lại hành động và lời nói đó để rửa xả bản tính con trai của tôi. Tôi thật sự quá sợ hãi. Tôi tin là tôi đã khóc, và sau đó tôi phải mất một thời gian dài mới dám đối mặt với một cô gái mà không quay đầu bỏ chạy.

Lúc đầu, Theobald cũng có cùng cảm giác như những gì tôi từng lãnh lấy nơi trường nữ sinh, nhưng các quý cô Allaby lại không nói anh là một thả-ả-ả-ng bà-ả-ả-âu. Cha mẹ các cô quá thân thiện còn các cô đã khéo léo tán dương anh suốt buổi trò chuyện, đến nỗi trước cả khi bữa ăn kết thúc, Theobald đã có suy nghĩ rằng đây thật là một gia đình tuyệt vời, và nhận thấy một cảm giác mà anh chưa từng biết đến, một sự trân trọng lạ lùng dành cho mình.

Bữa ăn đó đã xóa tan đi cảm giác rụt rè trong anh. Rõ ràng anh không tầm thường, danh tiếng học thuật của anh rất đáng được người ta chú ý. Anh chẳng có gì để người ta coi là lỗi bịch hay bất thường, anh gây ấn tượng cho

các cô bao nhiêu thì chính anh cũng bị ấn tượng bởi các cô bấy nhiêu, bởi những cô gái đó biết nhiều về đàn ông hơn là những gì anh biết về phụ nữ.

Ngay khi anh vừa rời đi, không khí trong nhà liền bị phá vỡ bởi một vấn đề mới nổi lên là ai trong số năm cô sẽ được trở thành bà Pontifex. Khi thấy các con không thể giải quyết chuyện này với nhau, ông Allaby mới nói ‘Các con, hãy chờ đến ngày mai, rồi hãy chơi bài mà giành lấy anh ta.’ Nói xong, ông rút về phòng làm việc, hút thuốc và dùng một ly whisky theo thông lệ buổi tối.



Sáng hôm sau, lúc Theobald đang dạy kèm trong phòng mình, thì nơi phòng của cô chị cả nhà Allaby, các quý cô này đang sát phạt lẫn nhau trên ván bài và phần thưởng chính là Theobald.

Kẻ thắng cuộc là Christina, người con gái chưa chồng thứ hai, đã hai mươi bảy tuổi và như thế là lớn hơn Theobald đến bốn tuổi. Các cô em phàn nàn rằng thật là phí phạm một người chồng tương lai nếu để Christina thử tán tình anh, bởi cô quá già và chẳng có chút cơ hội nào; nhưng việc này khiến cho Christina hùng hổ một cách bất thường, bởi thường ngày cô vốn rất nhu mì và điềm đạm. Bà Allaby quyết định rằng cô cần phải được giúp đỡ, và rồi hai đứa con gái lên tiếng chống đối bị đẩy đi xa thăm bạn bè, trong nhà chỉ còn lại những người biết nghe theo sắp xếp của bà mà thôi. Về phần mình, các anh em trai chẳng nhận thấy điều gì lạ lùng, và vẫn tin rằng việc tuyển phụ tá chỉ là bởi cha mình thật sự muốn có người giúp đỡ, thế thôi.

Những chị em được ở lại trong nhà vẫn giữ lời và giúp Christina hết sức có thể, bởi ý thức công bằng của họ cho biết rằng Theobald càng sớm lấy Christina thì càng sớm có một phó tế khác đến thay, và đó là cơ hội mới cho họ. Tất cả mọi chuyện được sắp đặt quá nhanh, nên chưa đến chủ nhật tiếp theo, ngày Theobald lại đến, thì hai cô em chống đối đã bị đẩy đi khỏi nhà rồi.

Thời gian này, Theobald cảm giác gần như thể đang ở nhà mình khi ghé thăm những người bạn mới này (bà Allaby đã nhấn mạnh rằng anh nên gọi họ như vậy). Bà đã nói rằng, bà thương những chàng trai trẻ, đặc biệt là những giáo sỹ, như con mình vậy. Theobald tin mọi lời bà nói, cũng như anh

tin tưởng cha và anh chị mình từ thuở nhỏ. Christina ngồi cạnh anh và từng lời ăn tiếng nói của cô vẫn đầy cần trọng như lúc chơi bài với chị em mấy hôm trước. Bất cứ lúc nào anh quay sang nói chuyện với cô, cô đều mỉm cười (nụ cười là một trong những điểm mạnh của cô); cô dùng hết chút tự nhiên của mình, và dùng hết chút khôn khéo của mình sao cho có tác dụng nhất. Ai có thể trách cô đây? Theobald không phải là mẫu người lý tưởng mà cô mơ về mỗi lúc đọc truyện của Byron hàng đêm trên gác với các chị em, nhưng anh là một người thực mà cô có khả năng có được, hơn hết, anh vẫn tốt hơn những người thực đã trốn khỏi đời cô. Cô có thể làm gì nữa đây? Chạy trốn khỏi nhà? Cô không dám. Cưới một người thấp kém hơn mình và mang tủi nhục cho gia đình? Cô cũng không dám. Ở lại nhà và trở thành một bà cô già bị cười chê? Không, sẽ không làm như vậy nếu cô vẫn còn xoay sở được. Cô chỉ làm điều được xem là hợp lý mà thôi. Cô đang chết chìm, và Theobald dù chỉ là một cọng rơm mỏng manh, nhưng cô có thể nắm được anh và cô đã làm như vậy.

Nếu con đường tình yêu không bao giờ bằng phẳng, thì đôi khi con đường xe đôi kết lứa cũng như vậy. Chuyện xe tơ kết nguyệt cho Theobald diễn tiến quá chậm. Anh rơi vào bẫy đã đặt sẵn một cách dễ dàng hơn mức mong đợi của hai bà Cowey và Allaby. Đáng vẻ lời cuốn của Christina đã quy phục được Theobald: anh ái mộ vẻ đạo đức trong mọi lời cô thốt ra; ái mộ sự dịu dàng cô dành cho các chị em cũng như cha mẹ, ái mộ sự sẵn lòng làm lấy những việc nhỏ nhặt mà vốn chẳng ai muốn làm, anh cũng ái mộ phong cách hoạt bát của cô, tất cả mọi điều ở cô khiến anh say mê, bởi dù anh không quen với phụ nữ, nhưng tất nhiên vẫn là một con người. Anh được tôn lên nhờ vẻ khiêm nhu của cô, nhưng rõ ràng tự anh vẫn thấy thán phục chính mình; dường như cô nhìn anh với một ánh mắt đầy âu yếm và hiểu anh hơn bất kỳ ai. Thay vì chinh đốn anh như cha và anh chị của anh thường làm, cô lại khơi gợi anh, chăm chú lắng nghe tất cả những gì anh muốn nói, và rõ ràng là muốn được nghe anh nói thêm nữa. Anh kể với một bạn học rằng anh biết là anh đang yêu, anh thực sự đang yêu, bởi anh thích được sống với quý cô Allaby hơn bất kỳ người chị em nào của mình.

Ưu điểm mạnh nhất của Christina có lẽ là một giọng nữ trầm rất êm tai. Chắc hẳn cô mang giọng nữ trầm, bởi cô không thể hát cao hơn nốt rê, nhưng giọng của cô có một điểm yếu duy nhất là nó cũng không xuống thấp được; tuy nhiên, vào thời đó, người ta cho giọng nữ trầm cũng bao gồm cả giọng nữ cao nếu giọng nữ cao không thể hát đến những nốt cao được, và không nhất thiết phải có những tiêu chí giọng nữ trầm như của thời nay. Quãng dài và sức giọng của cô phụ thuộc vào cảm hứng lúc cô hát. Cô đã chuyển bài ‘Những thiên thần sáng ngời ngay thẳng’ qua tông giọng thấp hơn để phù hợp với giọng mình, và điều đó chứng minh điều mà mẹ cô thường nói là cô rành về âm luật; không chỉ vậy, mỗi đoạn dừng cô đều thêm vào một hợp âm rải dọc suốt bàn phím, theo một quy luật mà nhạc sư đã dạy cho cô; và như thế cô đã thêm sinh khí và hứng thú cho đoạn nhạc vốn nặng nề của handel. Về phần nhạc sư của cô, thì đó thật sự là một nhạc công hoàn hảo hiếm thấy: bà là học trò của ngài Clarke lừng danh ở Cambridge, và đã từng chơi khúc mở màn ở atalanta, trong dàn nhạc của Mazzinghi.

Nhưng cũng phải mất một thời gian, Theobald mới đủ dũng khí để nói lên lời cầu hôn. Anh xác định khá rõ với mình rằng anh đã bị cô cướp mất trái tim rồi, nhưng tháng này qua tháng khác, gia đình Allaby vẫn cứ phải hy vọng chờ anh, còn ông Allaby thậm chí không dám thừa nhận rằng mình đã đủ sức làm việc một mình, và cứ mỗi nửa đồng guinea trả công cho anh, ông càng thấy nóng ruột hơn nữa, nhưng anh vẫn chưa chịu nói lời cầu hôn. Bà Allaby thì đoán chắc với anh rằng Christina là cô gái hoàn hảo nhất, và sẽ là một bảo vật vô giá cho bất kỳ ai cưới được cô. Theobald chân thành đón nhận những tình cảm của bà Allaby, nhưng cho dù thường viếng thăm nhà ông mục sư hai đến ba lần mỗi tuần không kể ngày chủ nhật, anh vẫn chưa quyết định cầu hôn. Một ngày nọ, bà Allaby lân la nói với anh ‘anh Pontifex à, con bé có một con tim chân thật, ít nhất thì tôi tin là vậy. Tôi nói như thế không phải là muốn có nhiều người ái mộ nó, không phải vậy, nó thật sự có nhiều người ái mộ, nhưng thật khó để có ai làm nó vừa lòng. Tuy nhiên tôi nghĩ là, con bé sẽ phải lòng một người CAO THƯỢNG VÀ TỬ TẾ.’ Và bà nhìn sang Theobald đang đỏ mặt, nhưng rồi nhiều ngày nữa trôi qua mà vẫn chưa thấy lời cầu hôn đâu. Một lần khác Theobald đã tin tưởng tâm sự với

bà Cowey, có lẽ bà cũng đã đoán được tình cảm của anh với Christina đến mức nào rồi. Bà Cowey cố dùng sự ghen tuông để dẫn dụ anh, và ám chỉ đến một tình địch có thể xuất hiện. Theobald đã, mà cũng có thể là giả bộ như, rất hoảng hốt; lòng anh nhói lên một chút ghen tuông và anh bắt đầu tin tưởng hoàn toàn rằng anh không chỉ đang yêu, mà còn đang yêu một cách sâu sắc, nếu không anh đã không cảm thấy ghen tuông đến thế. Tuy nhiên, anh vẫn để thời gian trôi qua mà chẳng ngỏ lời cầu hôn với cô.

Gia đình Allaby đã cư xử rất khôn ngoan, thận trọng. Họ chiều lòng anh cho đến khi anh hết rụt rè, dù lâu nay anh vẫn luôn tự khoa trương rằng mình là một người cởi mở. Một ngày nọ, khoảng sáu tháng sau khi Theobald đã là một vị khách gần như hằng ngày ở nhà ông mục sư, hai người bàn nhau về chuyện gán bó lâu dài. Theobald đã rất khinh suất nói ra: ‘Tôi không thích làm việc lâu dài, ông cũng vậy đúng không?’. Với một giọng gắt, ông Allaby trả lời, ‘Không, và tôi cũng không muốn chuyện tán tỉnh lâu dài’, rồi ông nhìn Theobald với một ánh mắt mà có cố anh cũng không thể chối cãi ý nghĩa của nó được. Lập tức, anh rút về Cambridge nhanh nhất có thể. Với cảm giác hốt hoảng vì cuộc trò chuyện vừa rồi, anh thảo ngay thư và gửi đi cùng chiều hôm ấy đến Crampsford. Nội dung lá thư như sau:

‘Cô Christina thân mến, Tôi không biết liệu cô có đoán được những tâm tư đang lớn dần trong tôi về cô hay không, những tâm tư mà tôi đã cố gắng hết sức giấu diếm, bởi tôi sợ rằng nếu không làm như vậy, tôi sẽ kéo cô vào một việc hứa hẹn mà tôi biết là phải khá lâu dài; nhưng dù đã cố, tôi không còn đủ sức để giấu diếm nó lâu hơn nữa; tôi yêu cô, yêu nồng nàn, yêu hết lòng, và tôi gửi cô những dòng này để hỏi xem cô có muốn làm vợ tôi hay không, bởi tôi không dám tin vào miệng lưỡi của mình để bày tỏ sự dạt dào trong tình cảm mà tôi dành cho cô.

Tôi không thể giả vờ trao cho cô một trái tim chưa bao giờ biết đến tình yêu hay thất tình. Tôi đã từng yêu, và đau đớn nhìn cô ấy theo người khác, giờ đây sau nhiều năm, con tim tôi đã yên bình trở lại. Tuy nhiên, như chính mắt cô thấy, mọi chuyện đã qua rồi, và tôi đã vui trở lại sau nỗi đau thất tình mà tôi đã từng nghĩ là nó sẽ giết chết tôi. Có lẽ nó khiến tôi yêu bớt nồng nhiệt hơn trước kia, nhưng lại làm tăng gấp mười lần khả năng nhận

thức và cảm kích sự duyên dáng của cô cũng như cảm được nỗi khát khao trong tôi muốn cưới cô làm vợ. Mong cô hãy hồi âm vài dòng trao ngay cho người mang thư, và cho tôi biết liệu lời thỉnh cầu của tôi có được chấp nhận hay không. Nếu cô chấp nhận, tôi sẽ đến ngay và thưa chuyện này với ông bà Allaby, những người mà tôi hy vọng một ngày không xa, tôi sẽ được gọi là cha và mẹ.

Tôi nên báo cho cô biết rằng, thời gian từ lúc cô ưng thuận làm vợ tôi cho đến lúc kết hôn sẽ phải mất vài năm, bởi tôi không thể kết hôn cho đến lúc có được thu nhập từ nhiệm sở mới. Bởi thế, nếu cô cho là hợp lý khi từ chối thì tôi sẽ không ngạc nhiên, dù lòng tôi sẽ đau đớn lắm. Người yêu cô hết lòng,

THEOBALD PONTIFEX.'

Và đó là tất cả những gì mà việc học hành đến cấp đại học có thể giúp ích cho anh! Cho dù về phần mình, anh nghĩ đây là một lá thư hay, và tự tán dương mình về sự khôn khéo khi sáng tạo ra câu chuyện về người tình cũ, với ý định rằng sẽ dùng chuyện đó để tránh né nếu như Christina trách anh thiếu nhiệt tình với cô.

Tôi không cần phải bàn đến lời đáp của Christina, tất nhiên là cô ưng thuận. Dù Theobald rất sợ ông Allaby, nhưng tôi không nghĩ là anh sẽ dám nói lên một lời cầu hôn thực sự, bởi thời gian hứa hôn sẽ phải kéo dài rất lâu, có cả tá vấn đề có thể nảy sinh và hủy hoại hôn ước đó. Anh thường rất bất bình với những hôn ước hứa hẹn kéo dài của người khác, tuy nhiên, tôi không biết liệu trong trường hợp này của mình, anh có còn phản đối người ta như trước nữa hay không. Đôi uyên ương hết như hoàng hôn và bình minh: chúng có đó hằng ngày nhưng hiếm khi chúng ta nhìn thấy chúng. Theobald tỏ vẻ như mình là một tình nhân rạo rực nhất có thể tưởng tượng ra được, nhưng, nói theo kiểu đơn giản thời này, thì đó chỉ là 'chuyện vật'. Christina đang yêu, và thực sự tình yêu của cô lớn hơn của Theobald cả chục lần. Nhưng cô là người nhạy cảm và không thể cầm được nước mắt mỗi khi nghe đến thành phố Missolonghi^[8]. Mỗi Chủ nhật, lúc Theobald để lại túi bài giảng của mình, Christina đều ôm nó vào lòng trong giấc ngủ và rồi đau khổ vô cùng khi phải trả nó lại vào ngày Chủ nhật tới; nhưng tôi không nghĩ là

Theobald lại ôm chiếc bàn chải của Christina đi ngủ bao giờ. Tôi đã từng biết một chàng trai ôm đôi giày trượt băng của người yêu đi ngủ suốt cả hai tuần lễ và khóc nức lên mỗi khi phải rời nó. Vậy vì sao Theobald lại không như thế?



Chuyện đính ước của Theobald tiến triển rất tốt, nhưng nơi văn phòng tài vụ phố Paternoster, còn có một quý ông đầu hói má hồng, người sớm hay muộn phải được biết về dự định của con trai mình, và Theobald rất bối rối mỗi khi tự hỏi mình về thái độ của cha anh đối với vấn đề này. Tuy nhiên, mọi chuyện chẳng thể che đậy mãi, và Theobald quyết định thú nhận dự định, có lẽ là khinh suất của mình. Anh gửi thư thưa với cha rằng anh và Christina, người đã cùng anh thảo lá thư này, luôn nghĩ đến đạo làm con, và cũng bày tỏ rằng chính anh đang mong chờ được kết hôn càng sớm càng tốt. Anh không thể không nói ra điều này, bởi Christina đang đứng sau lưng lúc anh viết những dòng này, nhưng anh cũng nghĩ rằng sẽ chẳng có chuyện gì đâu bởi tin rằng có lẽ ông sẽ chẳng giúp anh việc này. Anh kết thư bằng lời hỏi xin cha dùng tầm ảnh hưởng của ông để giúp anh kiếm được một việc gì đó đủ nuôi sống mình, vì có lẽ phải mất thêm vài năm nữa, anh mới có được nhiệm sở, và ngoài hướng này ra anh chẳng thấy một cơ may nào có thể cho phép anh tiến tới cuộc sống hôn nhân, vì hiện tại và tương lai, anh chẳng có gì ngoài học bổng của mình, mà khoản tiền này sẽ biến mất ngay nếu anh chính thức kết hôn.

Tất cả mọi nước đi của Theobald chắc chắn đều sẽ khiến cha anh phật ý, nhưng đặc biệt việc một chàng trai hai mươi ba tuổi muốn kết hôn với một cô gái không đồng xu dính túi và còn lớn hơn anh đến bốn tuổi là một sai lầm quá rõ ràng khiến quý ông lớn tuổi này, từ bây giờ có lẽ tôi nên gọi ông như vậy, bởi ít nhất ông cũng đã sáu mươi rồi, vô cùng hăm hở nắm lấy để bác bỏ.

‘Sự điên rồ cùng cực,’ ông hồi âm cho Theobald ‘trong tình cảm nhất thời con dành cho cô Allaby khiến ta vô cùng ái ngại. Dung thứ cho sự mù quáng của một kẻ đang yêu, ta vẫn tin chắc rằng đó hẳn là một cô gái trẻ trung, có hạnh kiểm tốt và tử tế, một người sẽ không làm bẽ mặt gia đình, nhưng cho dù cô ấy có hơn kỳ vọng của ta gấp chục lần, thì cảnh nghèo khó chung của hai con vẫn là một vật cản không thể vượt qua trên con đường tiến đến hôn nhân. Ta có bốn đứa con nữa, và những khoản chi quá nhiều không cho phép ta để dành một đồng tiết kiệm nào. Năm nay ta còn phải chi nhiều hơn nữa, thật sự ta đã phải tậu hai mảnh đất khá tốt đột nhiên được người ta rao bán và ta cũng cần chúng để hoàn thiện khối tài sản mà bấy lâu nay ta hằng mong ước. Ta đã không tiếc tiền cho con một nền tảng giáo dục xứng đáng, và nó đã cho con có một khoản thu nhập khá thoải mái, trong khi những người bằng tuổi con vẫn phải sống phụ thuộc vào gia đình. Con đã được nhận từ ta một khởi đầu đáng kể, và có lẽ ta nên nói rõ rằng con phải ngừng việc ăn bám vào ta. Hứa hôn lâu dài rõ ràng là một việc không được tốt đẹp cho lắm, và trong hoàn cảnh hiện tại của con thì dường như chẳng biết bao giờ mới có thể cưới được. Vậy con nghĩ ta có gì để cho con một khoản thu nhập đây? Liệu ta có thể đi quanh đất nước này cầu xin người ta chu cấp cho con trai của ta bởi nó đã có ý nghĩ muốn kết hôn lúc chưa có đầy đủ tài lực hay không?’

Ta không muốn dùng những lời nhẹ nhàng, tất cả những gì ta nói ra đều xuất phát từ tình cảm thật sự ta dành cho con, nhưng có lẽ những lời khô khan lại ân cần hơn những lời có cánh nhưng vô thực. Thật lòng mà nói, ta ghi nhớ trong đầu rằng, con đã lớn rồi, và do đó con có thể làm những gì con thấy vừa lòng, nhưng nếu con chọn cách viện đến luật pháp, và hành động bất kể cảm giác của cha con, thì con đừng lấy làm ngạc nhiên khi có một ngày ta dùng đến những đặc quyền của ta. Hãy tin vào ta, người cha yêu quý của con, G. PONTIFEX.’ Lá thư này kèm với những thư mà tôi đã cho các bạn biết ở trên và một vài lá thư khác không cần thiết phải dẫn ra, nhưng xuyên suốt những lá thư này là luôn cùng một giọng điệu, và tất cả đều gần như có một điểm rung động ý chí rõ ràng ở cuối thư. Nhớ lại việc Theobald hầu như chẳng nhắc đến cha mình nhiều năm sau cái chết của ông, và qua

việc anh giữ lại những lá thư này cùng lời chú thích viết trên chúng ‘Những lá thư của cha tôi’ đã nói lên hết sự yếu đuối về thân xác cũng như bản tính của anh.

Theobald không cho Christina biết về những lá thư của cha mình, và tôi tin rằng anh cũng chẳng cho ai xem nó. Bản chất anh kín đáo, và anh còn bị đè nén quá nhiều cũng như quá sớm đến nỗi không thể làm âm ỉ hay xả giận những gì có liên quan đến cha anh. Cảm giác về sự bất công vẫn cứ âm nín trong anh, như một khối nặng nề tê bại vô tri đè nén trên anh ngày này qua ngày khác, và nó còn khiến anh giật mình thức giấc nhiều đêm, nhưng anh vẫn hầu như không biết nó là thứ gì. Có lẽ tôi là người bạn thân nhất với anh, nhưng tôi chỉ hiểu được chút ít về anh, bởi tôi và anh không sống với nhau được lâu. Anh nói rằng tôi không có lòng tôn kính, nhưng trái lại tôi nghĩ là tôi rất tôn kính những gì đáng tôn kính, ngoại trừ đối với những linh thần mà anh tưởng là bằng vàng nhưng thực sự chỉ được làm từ kim loại tầm thường mà thôi. Như tôi đã nói, anh không bao giờ than phiền về cha mình, và những người bạn hiếm hoi của anh cũng như thế, điềm đạm và đạo đức, có khuynh hướng phúc âm, và hằn sâu một ý thức tội lỗi đối với bất kỳ hành động nào chống lại cha mẹ; thật là những chàng trai tốt, và người ta chẳng thể xả giận vào một chàng trai tốt được.

Khi nghe Theobald cho biết về thái độ phản đối của cha, và về khoảng thời gian cần thiết để có thể tiến đến hôn nhân, Christina quyết định giải thoát anh khỏi hôn ước này, chẳng biết cô có thật lòng trong quyết định này không nữa; nhưng Theobald không muốn như vậy, ‘ít nhất’ anh nói ‘không phải là hiện giờ.’ Christina và bà Allaby biết là họ có thể điều khiển anh, và như thế, dù không hài lòng lắm, nhưng họ vẫn giữ hôn ước.

Trong suy nghĩ của Theobald, việc đính hôn và quyết định không hủy hôn ước, cả hai cùng nhau khiến anh thấy mình có giá trị hơn. Một kẻ ngốc nghếch như anh chẳng biết tự tán thưởng mình trong im lặng. Anh ngưỡng mộ chính mình vì cái danh Đại học, vì đời sống trong sạch (tôi đã từng nói rằng chỉ cần tính khí anh khá hơn một chút thì hẳn anh đã vô tội như quả trứng mới đẻ rồi), và vì sự liêm chính không thể bắt bẻ về vấn đề tiền bạc. Anh vẫn hy vọng một khi được nhận nhiệm sở mình sẽ thăng tiến hơn nữa

trong Giáo hội, và tất nhiên anh nuôi hy vọng về khả năng một ngày nào đó sẽ trở thành giám mục, mà Christina cũng bảo rằng cô cảm thấy chắc chắn anh sẽ được như vậy.

Là con gái và vợ chưa cưới của một mục sư, những suy nghĩ của Christina hướng nhiều đến tôn giáo là một điều tự nhiên, và cô xác quyết rằng cho dầu cô và Theobald không có được những địa vị cao quý, thì đức hạnh của họ vẫn sẽ đầy giá trị ở đời sau. Quan điểm tôn giáo của cô hoàn toàn hợp với Theobald, và hai người đã nhiều lần trò chuyện về vinh quang Thiên Chúa, về sự hòa hợp mà họ sẽ cùng nhau dâng lên Chúa ngay khi Theobald có được sinh kế và cả hai đi đến hôn nhân. Cô quá tin chắc vào những kết quả cao vời nên đôi lần cô tự hỏi về sự Quan Phòng mà cô hoàn toàn không thấy được, là liệu Thiên Chúa có thật sự không muốn sớm gọi về trời những mục sư đang giữ vị trí mà Theobald cần để có sinh kế hay không.

Vào thời đó, người ta tin một cách thật thà đơn giản, một kiểu tin chẳng thấy nơi những người có ăn học thời bấy giờ. Chưa bao giờ Theobald có ý nghĩ hoài nghi về nghĩa đen của bất kỳ chữ nào trong Kinh Thánh. Anh chưa đọc quyển sách nào chống đối, và cũng chưa từng gặp một ai nghi ngờ về điểm này. Thật ra, người ta có chút e ngại địa chất học, nhưng cũng chẳng có chuyện gì xảy ra. Nếu Kinh Thánh nói Thiên Chúa dựng nên trời đất trong vòng sáu ngày, thì tại sao lại là sáu ngày mà không hơn không kém; nếu Kinh Thánh nói Thiên Chúa đã cho Adam ngủ say, lấy một xương sườn của ông và làm nên một người đàn bà, thì tại sao người ta lại cho là chắc chắn phải như vậy. Adam cũng ngủ y hệt như Theobald vậy, trong một khu vườn cũng giống như khu vườn ở nhà mục sư tại Crampsford, đẹp đẽ suốt những tháng hè, chỉ khác là nó lớn hơn và có những loài động vật hoang dã hiền lành. Rồi Thiên Chúa đến bên Adam giống như ông Allaby hoặc cha Theobald đến bên anh, khéo léo lấy ra một xương sườn của anh mà không làm anh thức giấc, và chữa lành vết thương một cách kỳ diệu đến nỗi hoàn toàn không có một vết tích nào. Cuối cùng, Thiên Chúa đem xương sườn, có lẽ, vào trong nhà vườn, rồi biến nó thành một người phụ nữ như Christina. Đó là cách mọi chuyện xảy ra; chẳng có gì khó khăn hay thậm chí là tưởng như khó khăn trong việc này. Liệu Thiên Chúa có thể làm tất cả mọi việc

Ngài thích, và liệu, trong quyển sách mà Ngài đã linh hứng cho viết ra, Ngài có giấu diếm việc gì mà Ngài đã làm hay không?

Đây là quan điểm bình thường đối với thuyết sáng thế của Moses trong những người trẻ có giáo dục cách đây khoảng năm mươi, bốn mươi hay thậm chí là hai mươi năm trước. Bởi thế, cuộc chiến chống những người vô tín ngưỡng đã không cho những giáo sỹ trẻ đầy táo bạo nhiều đất diễn, và Giáo hội cũng chẳng nhận thức được ý nghĩa những hành động của mình nơi lớp dân nghèo thành thị. Do vậy, những người kế nghiệp Wesley trong phái Kháng Cách gần như không có một nỗ lực nào để đương cự lại hay kết hợp với tầng lớp lao động. Việc truyền giáo ở những nước ngoại đạo vẫn được thúc đẩy mạnh, nhưng Theobald không nhận thấy chút gì về ơn gọi này. Christina đã nhiều lần gợi ý điều này với Theobald, và quả quyết với anh rằng cô sẽ hạnh phúc khôn tả khi được làm vợ một nhà truyền giáo, cùng chia sẻ hiểm nguy với anh; có thể cả hai người sẽ được tử đạo, tất nhiên là tử đạo cùng lúc, và lúc đang ngồi trong vườn nhà mục sư nghĩ đến việc tử đạo phải nhiều năm sau mới xảy đến, thì chẳng có gì là đau đớn, hơn nữa nó sẽ bảo đảm cho họ vinh quang nước trời, cùng với đó là tiếng tăm truyền hậu thế, ngay cả khi họ không được sống lại đi nữa; đó chẳng phải là những gì mà các thánh tử đạo đã từng nhận được hay sao. Tuy nhiên, nhiệt tình của Christina không lay chuyển được Theobald, nên cô quay sang Giáo hội Roma, một kẻ thù có thể còn nguy hiểm hơn cả dân ngoại đạo. Dấy lên chiến sự với Giáo hội Roma có thể cho hai người triều thiên tử đạo. Thật vậy, vào thời điểm đó, Giáo hội Roma đang khá im hơi lặng tiếng, nhưng đó là khoảng lặng trước cơn bão, cô chắc chắn như vậy, và tin tưởng sâu sắc điều này cho dầu cô chẳng có bao nhiêu lý lẽ để ủng hộ nó.

Cô nói với giọng quả quyết, ‘Theobald yêu dấu, chúng ta sẽ giữ vững đức tin. Chúng ta sẽ kiên cường đứng vững và động viên nhau cả trong giờ chết. Chúa lòng lành sẽ giải thoát chúng ta khỏi án thiêu sinh. Ngài sẽ làm như vậy hoặc không. Lạy Chúa tôi,’ và cô hướng mắt về trời, ‘xin giải cứu Theobald, hoặc nếu không thì hãy cho anh ấy chịu chém đầu cũng được.’

Theobald trang trọng tiếp lời, ‘Em thân yêu, đừng để chúng ta dao động vào thời điểm quan trọng này. Nếu giờ phán xét đến, chúng ta sẽ được chuẩn

bị tốt nhất để đón nhận nó bằng một đời sống âm thầm bỏ mình và dâng hiến cho vinh quang Thiên Chúa. Một đời sống như thế là lời cầu nguyện của chúng ta xin Chúa rủ lòng cho chúng ta biết cầu nguyện xin ơn được Ngài dẫn dắt.’

Với dòng nước mắt chực tuôn trào, Christina kêu lên, ‘Theobald yêu dấu, anh luôn luôn, luôn luôn đúng. Chúng ta hãy từ bỏ chính mình, hãy sống trong sạch, công chính, chân thật trong lời nói và việc làm.’ Và cùng với lời nói, hai tay cô siết lại, mắt ngược lên trời.

Người yêu Theobald của cô đáp lời, ‘Em thân yêu, cho đến nay, chúng ta đã nỗ lực để có được tất cả những điều này; chúng ta không phải là những đứa con của thế gian, chúng ta phải tỉnh thức và cầu nguyện để tiếp tục sống được như thế cho đến tận cùng.’

Trăng đã lên và khu vườn đang chìm dần trong bóng tối, nên họ tạm ngừng chuyện này lại cho một dịp khác thuận tiện hơn. Trong những buổi chuyện trò khác, Christina hình dung cô và Theobald sẽ phải đương đầu với sự khinh miệt của gần như hết thảy mọi người, để hoàn thành một bốn phận cao cả nào đó hầu góp phần vào vinh quang Đấng Cứu Độ của cô. Và vì Chúa, cô có thể đương đầu với bất kỳ điều gì xảy đến. Nhưng cuối những tưởng tượng của cô luôn có một cảnh đấng quang nho nhỏ nơi Thiên đàng, chính Con Thiên Chúa đặt mũ miện lên đầu cô, và chư vị thiên thần cùng tổng lãnh thiên thần đứng nhìn cô với ánh mắt ghen tỵ cùng ngưỡng mộ, và thậm chí Theobald cũng không được như cô. Nếu như có Thần bảo đảm sự Công chính, thì chắc chắn Christina đã làm bạn với ông. Cha mẹ cô là những người rất đáng kính trọng và việc họ có được một lâu đài trên nước trời để hưởng an bình thanh thản vô hạn chỉ là vấn đề thời gian mà thôi, và chắc chắn các chị em của cô cũng vậy; có lẽ là cho cả các anh của cô nữa; nhưng riêng bản thân mình, cô nghĩ rằng số mệnh của mình phải cao hơn nữa, và bốn phận của cô là không được xao lãng đích nhắm đó. Bước đầu tiên đến với số mệnh đó là cuộc hôn nhân với Theobald. Tuy nhiên, cho dầu có những mộng mơ bay bổng về tôn giáo, Christina vẫn là một cô gái đủ tốt tính, và nếu như cô cưới một giáo dân biết phải trái, một người chủ khách

sạn chẳng hạn, cô cũng sẽ trở thành một giáo dân tốt và xứng đáng được lòng với khách khứa của mình.

Cuộc sống đính hôn của Theobald cứ thế trôi qua. Họ tặng nhau nhiều món quà nhỏ, và ân cần chuẩn bị những bất ngờ nho nhỏ dành cho nhau. Chẳng bao giờ họ cãi nhau, cả hai người đều không có thói ong bướm. Bà Allaby và các cô chị em vợ đều thần tượng Theobald cho dù họ chưa thể kiếm được một phó tế mới để dẫn dụ trong thời gian anh còn có thể giúp việc cho ông Allaby, tất nhiên là bây giờ anh giúp không công và chẳng toan tính gì hết; hai cô em vốn xoay xở tìm chồng trước cả Christina giờ đã lập gia đình, và chồng của cả hai cô đều nhờ Theobald giới thiệu cho. Cuối cùng chỉ còn hai trong số bảy cô con gái vẫn chưa được lập gia đình.

Sau ba hay bốn năm, ông Pontifex đã quen với việc đính hôn của con trai mình, và xem nó như một việc đáng phải được ông rộng lòng chấp nhận. Vào mùa xuân năm 1831, hơn năm năm sau ngày đầu tiên Theobald bước vào nhà ông mục sư ở Crampsford, một trong những vị trí mục sư tốt nhất bất ngờ trống chỗ, và vì nhiều lý do khác nhau mà hai người thâm niên hơn đã từ chối nhận nó, nên vị trí đó được trao cho anh, người mà cả hai đều nghĩ là phù hợp với vị trí này. Người ta đề nghị anh và tất nhiên anh nhận lời, đó là một nhiệm sở với thu nhập ít nhất 500 bảng một năm cùng một ngôi nhà vườn tương xứng. Ông Pontifex rộng tay hơn bình thường khi cho con trai và con dâu 10.000 bảng để lo cho cuộc sống. Vào tháng Bảy năm 1831, Theobald và Christina đã chính thức được nên vợ nên chồng.



Những đôi giày được ném lên chiếc xe ngựa chở đôi uyên ương^[9] xuất phát từ nhà mục sư rồi rẽ hướng ở cuối làng Crampsford. Người ta còn thấy được chiếc xe thêm hai hay ba trăm yard^[10] nữa khi nó băng qua bãi cây linh sam, rồi mất hút sau đó.

‘John, đóng cổng’, ông Allaby nói với người hầu và đi vào nhà với tiếng thở dài nhẹ nhõm dường như muốn nói lên rằng: ‘Ta đã làm được, và ta vẫn còn sống.’ Đây là phản ứng sau một sự phẫn khích hào hứng tràn đầy mà do nó, quý ông này đã chạy theo xe ngựa hai mươi yard để ném vào đó một đôi giày bệt, và ông đã ném trúng.

Nhưng Theobald và Christina cảm giác thế nào khi xe ngựa đang rời xa ngôi làng và lặng lẽ băng qua cánh đồng linh sam đó? Trong hoàn cảnh như thế này, ngay cả những con tim mạnh mẽ nhất cũng phải xáo động, chỉ ngoại trừ những con người đang chìm đắm trong tình yêu mà thôi.

Nếu một chàng trai đang ở trong con thuyền nhỏ giữa biển khơi sóng động, cùng với cô dâu mới của mình mà cả hai đều đang bị say sóng, và nếu chàng trai đó có thể quên đi những khó chịu mình phải chịu để chìm trong hạnh phúc được ôm lấy người yêu đang rẽ rời, thì đó chính là anh đang yêu, và cánh đồng linh sam ủ rũ của chính anh sẽ chẳng thể bao trùm nỗi buồn lên anh được. Những người không như thế sẽ phải trải qua mười lăm phút hay nửa tiếng ít nhiều khốn khổ tùy trường hợp của họ, và bất hạnh thay, quá nhiều người sau khi kết hôn được xếp vào loại ‘những người không như thế’ này. Xét cho kỹ, tôi nghĩ rằng con đường dẫn từ nhà thờ thánh George ở quảng trường Hanover, còn chứng kiến nhiều thống khổ tinh thần hơn là những gian phòng tử tù ở nhà giam Newgate. Không có quãng thời gian nào,

mà *la figlia della Morte*, con gái Thần Chết theo cách nói của người Ý, rũ hơi lạnh khủng khiếp xuống một người đàn ông cho bằng nửa giờ đầu tiên ngồi một mình với người phụ nữ anh mới cưới nhưng lại chưa bao giờ thật lòng yêu.

Con gái Thần Chết không chừa Theobald. Từ trước đến giờ anh đã cư xử rất tốt. Khi Christina cho phép anh ra đi, anh đã cao thượng ở lại và anh tự hào về điều đó. Từ lúc đó trở đi, anh tự nhủ rằng: ‘Dù gì đi nữa, ta là một tâm hồn cao thượng; ta không phải là cái này cái kia...v.v. Thật sự, lúc anh thể hiện hành động cao thượng đó, thì tiền bạc vẫn còn là thứ có thể nói là xa vời đối với anh; lúc cha anh chính thức ưng thuận cho anh tiến đến hôn nhân, mọi thứ bắt đầu thật hơn; khi có một vị trí mục sư bỏ trống và anh nhận lấy vị trí đó, mọi chuyện càng thật hơn nữa; nhưng khi Christina xác định ngày cưới, thì con tim của Theobald chết lặng trong anh.

Thời gian đính hôn quá dài, khiến anh đi vào lối mòn quen thuộc, và giờ viễn cảnh thay đổi cuộc sống lại xáo trộn mọi thứ. Anh tự nhủ rằng Christina và anh đã có nhiều năm trời tốt đẹp; tại sao, tại sao, tại sao nó không tiếp tục như thế cho đến hết đời. Nhưng anh như con cừu bị đem đi giết thịt, không thể thoát khỏi hoàn cảnh này, và cũng như con cừu, anh cảm nhận được rằng chống đối chẳng đem lại được gì, nên anh hoàn toàn chẳng có hành động nào hết. Đúng ra mà nói, anh đã cư xử rất đúng với hình ảnh một chú rể, và tất cả đều xác nhận rằng anh là một trong những người đàn ông hạnh phúc nhất trên thế gian này.

Tuy nhiên, chúng ta hãy dùng đến một phép ẩn dụ khác, án treo cổ đã thực hiện, và kẻ tội nghiệp khốn khổ đang chơi vơi giữa không trung cùng với thứ phát xuất từ cảm tính của hắn. Thứ này giờ đã ba mươi ba tuổi, và nhìn xem: cô đang khóc lóc, mắt và mũi ửng đỏ; nếu ‘Ta đã làm xong, và ta còn sống’ là những lời trên gương mặt ông Allaby sau khi ném được chiếc giày lên xe ngựa, thì ‘Ta đã làm xong, và ta thấy rõ là làm sao ta có thể sống nổi một thời gian quá lâu nữa đây’ là những lời hắn trên gương mặt của Theobald suốt con đường dọc bãi linh sam. Tuy nhiên, lúc còn ở nhà mục sư thì điều này chưa hiện rõ. Ở đó, tất cả những gì người ta nhìn thấy chỉ là cái

đầu nhô lên nhấp xuống, lúc ẩn lúc hiện sau hàng rào mỗi lúc anh nhấp bàn đạp, cùng với màu đen vàng của cỗ xe ngựa.

Một khoảng lâu, hai người chẳng nói gì; cảm giác của họ trong nửa tiếng đầu tiên này như thế nào, các bạn phải đoán, bởi tôi không thể nói cho các bạn được, tuy nhiên hết nửa giờ đó, Theobald lục tìm trong góc ngách nào đó của tâm hồn mình một kết luận là bây giờ anh và Christina kết hôn càng sớm thì tương lai quan hệ của họ càng tốt đẹp hơn. Nếu những người đang gặp rắc rối chỉ cần làm theo điều hợp lý chút ít đầu tiên mà họ có thể nhận ra được là nó hợp lý, thì bước tiếp theo sẽ luôn thật dễ dàng cho họ nhìn nhận và thực hiện. Rồi Theobald nghĩ rằng ở đây, ngay lúc này, vấn đề đầu tiên và rõ ràng nhất cần phải xem xét là gì, và nhìn nhận mối liên hệ giữa anh và Christina như thế nào mới hợp lý? Có một chuyện rõ ràng là bữa ăn đầu tiên sẽ là bước mở màn cho những trách nhiệm và hạnh phúc của đời sống hôn nhân. Và cũng rõ ràng là Christina có trách nhiệm gọi món, còn Theobald thì ngồi ăn và trả tiền.

Những suy nghĩ lý lẽ cuối cùng cũng dẫn đến một kết luận, và nó nảy sinh trong đầu Theobald vào khoảng ba dặm rưỡi kể từ Crampsford, trên con đường đến Chợ mới. Anh đã dùng bữa sáng khá sớm, nhưng thói thèm ăn thường có giờ lại đang làm khổ anh. Anh đã rời nhà cha vợ vào buổi trưa mà không chịu nán lại dùng bữa ăn nhẹ cho đám cưới. Theobald thích được ăn tối sớm, anh chợt nghĩ rằng anh bắt đầu đói, và việc này dễ dàng dẫn đến bước quyết định tiếp theo mà chúng ta đã biết ở trên. Sau vài phút suy nghĩ, anh bắt đầu đề cập chuyện này với cô dâu của mình, và nó đã xua tan đi sự lạnh lẽo giữa hai người.

Bà Theobald chưa chuẩn bị cho một nhiệm vụ quá quan trọng ập đến bất ngờ như vậy. Thần kinh của cô vốn yếu, và sự kiện đám cưới ban sáng đã khiến cô căng thẳng hết sức rồi. Cô muốn tránh mặt mọi người, cô biết là bây giờ trông cô già đi hơn đôi chút so với hình tượng cô dâu ban sáng, cô sợ bà chủ khách sạn, người hầu phòng, người phục vụ, tất cả mọi người và tất cả mọi thứ, tim cô đập quá nhanh đến nỗi cô nói không thành tiếng, giờ đây cô lại phải chịu đựng thêm một việc khó khăn là gọi món trong một khách sạn lạ lẫm với một bà chủ lạ lẫm. Cô van nài cầu xin cho được thoát

khỏi việc này. Nếu lần này Theobald gọi món, thì từ nay trở về sau, cô sẽ luôn chịu trách nhiệm làm việc này.

Nhưng Theobald ngoan cố không chịu bỏ qua với một lý do ngớ ngẩn như thế được. Bây giờ anh là người chủ gia đình. Chẳng phải mới chưa đầy hai giờ trước, Christina đã trang trọng thề hứa sẽ tôn trọng và vâng phục anh hay sao? Vậy mà sao giờ đây cô lại quay ngoắt thái độ chỉ vì một chuyện vặt vãnh như thế này? Nụ cười khả ái biến mất trên gương mặt anh, thay vào đó là một cái quắc mắt, mà đến gã quý già, cha anh còn phải chào thua. ‘Thật vớ vẩn và vô lý, Christina yêu dấu của anh à,’ anh nói nhẹ nhàng với đôi chân hậm hực giậm lên sàn xe ngựa. ‘Trách nhiệm của người vợ là gọi món cho chồng, em là vợ anh, và anh hy vọng rằng em sẽ gọi món cho anh.’ Bởi Theobald luôn là người sống bằng sự hợp lý.

Cô dâu bắt đầu khóc, và nói rằng anh không tốt; anh chẳng nói gì nhưng suy xét trong lòng những chuyện khó khăn này. Liệu đây là kết quả cho sáu năm tận tình không ngơi nghỉ hay sao? Khi Christina muốn giải thoát hôn ước nhưng anh nhất quyết giữ lại chỉ để đi đến chuyện như thế này hay sao? Cô nói cho nhiều về bốn phận và đời sống tôn giáo để rồi kết quả là ngay ngày cưới, cô lại không nhìn ra bước đầu tiên trong việc vâng phục Thiên Chúa chính là phục tùng chồng mình sao? Anh sẽ lái xe về lại Crampsford và than trách ông bà Allaby, anh đã không muốn cưới Christina, mà đúng anh đã không cưới cô, đây chỉ là một cơn ác mộng mà thôi, anh sẽ làm như vậy. Nhưng có một giọng nói vang lên trong anh:

‘NGƯỜI KHÔNG THỂ, NGƯỜI KHÔNG THỂ, KHÔNG THỂ.’

Con người đang buồn bực trong anh gào lên:

‘TÔI KHÔNG THỂ Ừ?’

‘ĐÚNG’ giọng nói lạnh lùng cất lên, ‘NGƯỜI KHÔNG THỂ, NGƯỜI ĐÃ LẬP GIA ĐÌNH.’

Anh buông mình vào góc xe, và lần đầu tiên anh cảm nhận được luật hôn nhân của anh quốc vô lý đến mức nào. Nhưng anh sẽ mua những tác phẩm của Milton và đọc luận bàn của ông về vấn đề li dị. Có lẽ anh sẽ có thể mua được chúng ngay tại Chợ mới. Rồi cô dâu ngồi khóc một góc, góc kia chú rể ngồi hờn dỗi, và e ngại theo đúng kiểu một chú rể.

Tuy nhiên, từ góc cô dâu ngồi, một giọng yếu ớt cất lên:

‘Theobald yêu dấu, Theobald yêu dấu, thứ lỗi cho em, em đã rất, rất sai trái. Xin đừng giận em nữa. Em sẽ gọi...’ - từ ‘món’ bị nghẹn lại trong tiếng thốn thức.

Khi Theobald nghe những lời này, anh hồi tâm trở lại, nhưng anh chỉ ngồi nhìn cô, và vẫn chưa hài lòng lắm.

Giọng nói nhỏ nhẹ lại tiếp tục, ‘anh hãy cho em biết anh thích món gì, và em sẽ nói với bà chủ khách sạn khi chúng ta đến Chợ m...’ – một tiếng nấc nữa lại chặn đi từ cuối cùng của cô.

Lòng Theobald lại nhẹ nhõm hơn nữa. Xét cho cùng, có thể không phải là cô ấy muốn xỏ mũi mình? Ngoài ra, liệu cô ấy có đang khôn khéo chuyển sự chú ý của mình từ cô sang bữa ăn sắp đến hay không?

Anh loại bỏ ý nghĩ đó và nói, giọng vẫn còn rầu rĩ, ‘anh nghĩ chúng ta nên dùng gà nướng với sốt kèm bánh mì, khoai tây nấu với đậu xanh, và rồi xem thử chúng ta có thể gọi được món bánh nhân hạnh đào với một ít kem được không.’ Vài phút sau, anh kéo cô lại, hôn xóa những giọt nước mắt, và cam đoan với cô rằng anh biết cô có thể trở thành một người vợ tốt.

‘Theobald yêu dấu,’ cô reo lên đáp lời, ‘anh đúng là một thiên thần.’

Theobald tin tưởng lời cô, và mười phút sau, đôi uyên ương hạnh phúc đã bước xuống khách sạn ở Chợ mới.

Christina mạnh dạn thực hiện nhiệm vụ khó khăn của cô. Cô lặng lẽ đến nài bà chủ quán đừng để Theobald của cô phải chờ lâu ngoài thời gian cần thiết tối thiểu để làm món.

‘Bà Barber, nếu bà có món súp đã chuẩn bị sẵn, thì nó sẽ bớt được mười phút, bởi chúng tôi nên có món đó để dùng trong thời gian chờ nướng gà.’

Việc cần phải làm đã kích thích cô. Dù thực sự đầu cô đã đau như búa bổ, và muốn vứt bỏ hết mọi thứ để được ngồi một mình mà thôi.

Buổi ăn diễn ra tốt đẹp. Một panh^{uu} rượu xerex đã làm ấm lòng Theobald, và anh bắt đầu hy vọng rằng, sau tất cả, mọi chuyện vẫn sẽ tốt đẹp với anh. Anh đã chiến thắng trong trận chiến đầu tiên và nó làm tăng trọng lượng lời nói của anh lên rất nhiều. Thật là dễ dàng! Tại sao anh lại không cư xử như thế với các bà chị của anh nhỉ? Lần sau gặp họ, anh sẽ làm như vậy; và có

thể một lúc nào đó phù hợp, anh sẽ đối diện thẳng với anh trai John hay thậm chí là cha anh. Và đó là cách chúng ta xây lên cho mình một lâu đài trên cát khi được chuốc say bởi men rượu và men say chiến thắng.

Đến cuối kì trăng mật, bà Theobald trông đúng là người vợ biết vâng lời và tận tình nhất trên toàn nước anh. Theobald đã uốn cây từ thuở còn non, hay nói theo kiểu anh là giết con mèo ngay từ lúc đầu. Đó có thể là một con mèo rất nhỏ, một con mèo con, hay cũng có thể là anh ngại đối mặt với nó, nhưng rồi anh đã đấu với nó một mất một còn, và đem xác nó trưng ra trước mặt vợ. Sau lúc đó, mọi chuyện còn lại thật dễ dàng.

Thật là lạ khi một người mà từ trước đến giờ tôi mô tả như một kẻ nhút nhát và dễ bị bắt nạt lại bất ngờ cư xử mạnh mẽ như một chiến binh du mục ngay ngày cưới của mình. Có lẽ tôi đã quá vội vàng bỏ qua những năm tháng anh và Christina chưa kết hôn. Suốt thời gian này, anh đã trở thành một giảng viên đại học, và cuối cùng là một phó chủ nhiệm khoa. Tôi chưa gặp người nào lại không thay đổi ý thức về tầm quan trọng của bản thân một khi đã nắm được một địa vị chính thức trong năm hoặc sáu năm. Nhưng có một sự thật là, ngay khi vừa đến cách nhà cha anh khoảng mười dặm, sự hăng hái bỗng lìa bỏ anh, đôi chân anh chột trở nên yếu đuối, sự tự tôn biến mất, và anh lại thấy mình như một đứa trẻ to xác luôn mãi chịu thất thế; nhưng may thay anh không thường ngụ lại Elmhurst, và mỗi khi rời nó, lời nguyện thất thế lại được rũ bỏ, để rồi anh lại là một giảng viên đại học, một phó chủ nhiệm khoa, vị hôn phu của Christina, thần tượng của các cô nhà Allaby. Từ tất cả những chuyện này, chúng ta có thể thấy được là, nếu như Christina là một con gà rừng, biết xù lông lên phản kháng thì hẳn Theobald đã không dám bắt nạt cô, nhưng cô không phải là gà rừng, mà chỉ là một con gà nhà bình thường, và tính can đảm trong cô cũng chỉ hơn con gà nhà một chút mà thôi.



Battersby Trên Đồi là tên của ngôi làng Theobald đến đảm nhiệm vị trí mục sư. Nó có khoảng bốn hay năm trăm dân, sống rải rác trong một khu vực rộng lớn, và toàn bộ đều là nông dân hoặc là lao công nông nghiệp. Nhà mục sư rất rộng rãi và nằm trên đỉnh đồi nên khung cảnh nhìn từ đó thật tuyệt vời. Quanh đó có vài người hàng xóm trong tầm có thể đi lại thăm viếng nhau được, nhưng ngoại trừ một, hai ngoại lệ, còn lại đều là nhà của mục sư các làng lân cận.

Nhờ đó, gia đình Theobald được chào đón như một người hàng xóm đáng giá. Người ta kháo nhau rằng ông Pontifex đây là một học giả kinh điển và một nhà biện luận trình độ; thực sự là một thiên tài hoàn hảo, hơn nữa ông còn là người đầy óc thực tiễn. Là con trai của một nhân vật xuất chúng như nhà xuất bản Pontifex, thế nào trong tương lai anh cũng sẽ được nắm một gia tài lớn. Theobald vẫn còn một người anh nữa mà? Đúng là thế, nhưng khối tài sản đó quá lớn, và chắc chắn dù có chia ra, Theobald vẫn sẽ có được một khoản đáng kể. Tất nhiên những người hàng xóm thân thiện này sẽ dùng bữa tiệc tối với nhau. Và bà Pontifex thật là một người phụ nữ duyên dáng, có thể cô không thật sự xinh đẹp, nhưng cô có một điệu cười quá đổi ngọt ngào và dáng vẻ của cô toát lên sự rạng rỡ và quyến rũ. Cô tận tình hết sức với chồng mình và chồng cô cũng vậy; họ thật sự giống hệt như hình mẫu uyên ương lý tưởng thời đó; thật hiếm khi gặp được một đôi như vậy trong những thời suy đồi này; họ thật đáng yêu biết bao,... V.v. Đó là những lời hàng xóm đã bàn tán về hai người lúc họ mới vừa dọn đến.

Trong giáo xứ của Theobald, các nông dân biết lễ độ còn các lao công và những bà vợ của họ thì đầy khúm núm. Có một chút rắc rối nho nhỏ là đồng

hỗn độn từ người tiền nhiệm bất cẩn để lại, nhưng bà Theobald đã tự hào nói, ‘Tôi nghĩ chúng ta có thể tin tưởng Theobald trong việc xử lý CHUYỆN NÀY.’ Ngôi thánh đường ở Battersby khá đẹp với phong cách cuối thời Norman, cùng vài nét điểm xuyết mang phong cách anh thời kỳ đầu. Nếu theo tiêu chuẩn ngày nay, thì có thể nói là nó được sửa chữa rất tệ hại, nhưng cách đây bốn mươi, năm mươi năm, ít có nhà thờ nào được tu sửa cho thật tốt. Nếu muốn tìm một nét đặc biệt của thế hệ này so với những thế hệ đi trước thì đó chính là việc đại tu những ngôi thánh đường.

Horace đã nói về việc phục hồi các thánh đường trong bài tán ca của ông:

Những đứa con thành Roma hồi

Tội lỗi của cha ông chúng ta

Đâu đến nỗi phải hứng lấy trừng phạt

Bao lâu chúng ta còn biết phục hồi những thánh đường

Tân trang những ngôi nhà của Thần

Và phủ áo mới cho các bức tượng đen mù đổ nát.

Sau thời thịnh trị của Augustus, Roma chẳng bao giờ thịnh vượng được lâu dài, nhưng tôi không chắc điều này là do họ đã không tu sửa những ngôi đền hay ngược lại nữa. Sau thời Constantine, rõ ràng là Roma đã đi xuống, nhưng dù gì hiện giờ nó vẫn là một trong những thành đô đầy quyền lực.

Tôi phải kể ra luôn ở đây là sau vài năm coi xứ Battersby, Theobald bỗng nảy ý định làm một việc thiết thực là phục hồi lại nhà thờ này, một việc mà anh dự tính sẽ tốn khá nhiều, và anh phải tự mình quyên tiền cho việc đó. Anh tự làm kiến trúc sư, và điều này tiết kiệm được cho anh một khoản, nhưng vào năm 1834, lúc Theobald bắt đầu khởi công, người ta vẫn chưa nắm bắt được nhiều về ngành kiến trúc, và kết quả công trình của anh không được hài lòng cho lắm, giá mà anh chờ thêm vài năm nữa có lẽ nó đã khá hơn nhiều rồi.

Tác phẩm của một con người, cho dù trong văn học, âm nhạc, hội họa, kiến trúc hay bất cứ ngành nào khác đều là bức chân dung của chính người đó, và anh ta càng cố gắng che đậy chùng nào thì đặc nét của anh ta lại càng thể hiện ra chùng đó. Nói như thế cũng có thể là tôi đang lên án chính mình, bởi tôi biết rằng suốt thời gian viết quyển sách này, cho dù thích hay không,

thì tôi cũng đang thể hiện chính mình hơn là thể hiện bất cứ nhân vật nào mà tôi giới thiệu với các bạn. Tôi rất lấy làm tiếc vì điều đó, nhưng tôi chẳng thể làm gì khác. Còn về Theobald, tôi cho rằng nhà thờ Battersby sau khi được tu sửa, luôn luôn gây ấn tượng cho tôi rằng nó là bức chân dung thực nhất về anh, thực hơn bất kỳ kiệt tác điêu khắc hội họa nào có thể diễn tả.

Tôi nhớ là đã đến thăm Theobald khoảng sáu hay bảy tháng sau khi anh kết hôn, và lúc đó nhà thờ vẫn chưa được tu sửa. Tôi đến viếng nhà thờ và cảm giác trong tôi giống hệt như cảm giác mà hãn Naaman phải cảm nhận được những lúc thắp tùng vua của mình sau khi ông đã được chữa khỏi bệnh cùi, có thể nói là cái cảm giác đang sống cùng một người mình từng tôn thờ nhưng bây giờ đã mất đi uy thế đó vậy. Những chuyện, những người tôi gặp trong chuyến viếng thăm này, tôi không nhớ lắm, ngoại trừ bài giảng của Theobald. Thậm chí đến bây giờ, những gì tôi vẫn còn nhớ được trong nhà thờ chỉ là những người mặc áo choàng xanh phủ đến gót chân, và vài bà già đang mặc áo choàng đỏ; một dãy những anh nhỏ lơ đãng, ngốc nghếch, chưa được dạy bảo, bị nuôi nấng một cách hời hợt, khuôn mặt thì vô duyên, vô hồn, lãnh đạm, loạt người này thật giống như những nông nô Pháp trước thời cách mạng mà Carlyle đã mô tả, một thời đã quá dĩ vãng; loạt người đó giờ đã bị hất căng bởi một thể hệ thông minh hơn, duyên dáng hơn, và có triển vọng hơn, một thể hệ đã khám phá ra rằng họ có quyền mưu cầu hạnh phúc theo khả năng của mình, và cũng ý thức rõ ràng về những phương tiện tốt nhất để đạt được hạnh phúc đó.

Họ nối nhau kéo đến nhà thờ, hơi thở lạnh ngắt bởi đang là mùa đông, và tiếng giày tuyết gõ ầm ỹ trên đường; họ rũ tuyết khỏi người rồi bước vào, qua cánh cửa nhà thờ tôi chợt thoáng thấy bầu trời u ám ảm đạm và một bia mộ ngập trong tuyết. Không biết làm sao, tôi bỗng nhớ ra giai điệu mà Handel phổ cho câu này ‘Đây người thợ cày sát gần trong tầm tay,’ về sau tôi vẫn không quên được nó. Handel thật hiểu những người nông dân này biết bao! Họ cúi chào Theobald lúc đi qua bục giảng (Christina nói nhỏ với tôi, ‘những người này thật lễ phép, họ biết tôn trọng những người cao hơn họ’), rồi ngồi xuống những dãy ghế dài sát tường. Ca đoàn đi lên chỗ dành cho mình, cùng với nhạc cụ của họ, một cây cello, một kèn clarinet, và một kèn

trombone, tôi chỉ nhìn ra các ca viên lúc họ cất lên bài ca nhập lễ, một giai điệu thật thô kệch, nếu tôi không lầm thì hẳn nó là tàn tích của kinh nguyện trước thời Kháng Cách. Tôi tin là mình đã từng nghe nguyên bản xa xưa của nó ở nhà thờ hai Thánh Giovanni và Paolo tại Venice cách đây không đến năm năm; và thêm một lần nữa được nghe nó ở một chốn xa xôi nơi vùng biển trung Đại Tây Dương vào một ngày Chủ nhật xám xịt, nơi sóng và gió đều đờ đẫn, những người di cư tụ lại trên sàn tàu và cất lên những bài Thánh vịnh nào nùng cuốn lên bầu trời mù sương bạc, còn biển cả hoang vắng quanh họ vẫn mãi vang vang tiếng thở dài trầm buồn đến vô vọng. Và người ta cũng còn có thể nghe được bài ca này nơi Trại họp mặt của phái Giám lý ở vùng đồi xứ Wales, nhưng đã từ lâu chẳng ai dùng đến nó trong nhà thờ anh giáo nữa. Nếu là một nhạc sỹ thì hẳn tôi đã lấy nó làm ví dụ cho tính khoan thai chậm rãi trong hòa âm của phái Giám lý rồi.

Tiếng clarinet, cello, và trombone cất lên hỗn loạn như những tạo vật than van ai oán trong sách Ezekiel, thật nghịch tai nhưng đầy thống thiết. Rồi vang lên giọng oang oang âm ì của người thợ rèn nghe như thể con bò Basan cất tiếng rống, rồi đến giọng nhẹ nhàng của người thợ mộc, tiếp theo là giọng chắc mạnh của người mộc đồng với mái tóc đỏ, tiếng anh át hẳn những người khác, cho đến đoạn ‘Những mộc tử với đoàn chiêm trung thành’ thì tính e lệ làm anh bối rối, và khiến anh nín hẳn, cho dầu chất giọng của anh vẫn còn dư rất nhiều. Họ khốn khổ và mặc cảm tội lỗi ngay từ lúc đầu tiên tôi thấy họ, nhưng chất ca viên vẫn còn trong mình, và họ hát to lên:

‘Những bàn tay độc ác đã đâm vào và giữ lấy Ngài, xuyên sâu ghì chặt Ngài trên cây thập giá.’

Nhưng tôi chẳng còn thêm lời nào để tả cho đúng về đoạn này nữa.

Rất lâu về sau, lần cuối cùng tôi dự lễ nhà thờ Battersby, có một cô gái dễ thương ngồi chơi hạc cầm cùng dàn đồng ca thiếu nhi, và chúng hát thánh ca đúng giai điệu nhất, tôi nhớ đó là bài Thánh ca xưa và nay; còn những chiếc ghế dành riêng đã không còn, chính xác thì chỗ cho dàn đồng ca thời xưa đã bị bỏ đi như một thứ xấu xa gọi cho người ta về sự phân biệt địa vị. Lúc đó Theobald đã già, còn Christina đã yên nghỉ dưới gốc thủy tùng trong vườn nhà thờ rồi.

Nhưng tối sau hôm đó, tôi lại thấy ba người đàn ông rất già đang cười khoái trá trong một nhà nguyện bất chính thống, và chắc chắn đó là người thợ rèn, người thợ mộc, và người mục đồng năm xưa. Trên gương mặt họ toát lên sự mãn nguyện, và tôi tin chắc rằng đó là do họ đã được hát, cho dù không chắc là có dàn nhạc đệm như xưa hay không, nhưng dù gì họ vẫn được hát những bài ca Sion thời xưa chứ không phải cất lên những bài ca theo phụng vụ mới.



Bài thánh ca đã thu hút sự chú ý của tôi, lúc nó kết thúc tôi mới có thời gian để nghĩ về cộng đoàn này. Họ chủ yếu là những nông dân mập mạp, khá sung túc, một vài người trong số họ đưa theo vợ con từ những trang trại xa xôi cách đó vài dặm, họ ghét chế độ Giáo hoàng và ghét bất cứ thứ gì người ta xem là có liên quan đến Giáo hoàng, họ cũng là những người tốt, tử tế, căm ghét giáo điều dưới mọi hình thức, lý tưởng của họ là giữ vững nguyên trạng mọi thứ và có lẽ là họ hoài niệm đầy âu yếm những thời chiến tranh xưa, họ còn ý thức sai lầm rằng mình có thể hoàn toàn điều khiển được thời tiết, họ mong muốn giá cả lên cao và tiền công xuống thấp, nhưng ngược lại, thấy hài lòng khi mọi thứ ít biến động nhất, nếu không yêu mến thì họ cũng cam chịu những gì đã quen thuộc, và ghét tất cả những gì chưa quen, hẳn họ đều sẽ thấy gớm ghiếc khi nghe nói, hoặc nhìn thấy trong thực tế, một ai đó hoài nghi đạo của họ.

‘Liệu giữa Theobald và giáo dân của anh có được điểm chung nào hay không?’ Christina nói với tôi, lúc Theobald không hiện diện ở đó. ‘Tất nhiên là không nên phàn nàn, nhưng chắc chắn tôi rất đau lòng khi thấy một người đầy khả năng như Theobald bị đẩy vào một nơi như thế này. Nếu chỉ cần chúng tôi ở Gaysbury mà thôi, nơi có ông này, bà kia, ngài nọ ở gần, như anh cũng biết đó, thì tôi sẽ không thấy như thể mình đang sống giữa sa mạc như thế này, nhưng tôi tin vào những khả năng tốt nhất có thể có,’ cô tươi giọng lên, ‘và tất nhiên nếu Giám mục có đi đâu đó gần đây thì hẳn ngài sẽ ghé thăm chúng tôi, chứ nếu như chúng tôi đang ở Gaysbury, thì thế nào ngài cũng sẽ chỉ ghé qua nhà một ngài lớn nào đó mà thôi.’

Có lẽ tôi đã nói đủ nhiều để trình bày cho các bạn biết nơi anh được bổ nhiệm là chốn như thế nào, và vợ anh là kiểu đàn bà nào. Còn nói về công chuyện thường ngày của anh, tôi đã từng thấy anh mệt mỏi lê bước trên những con hẻm bùn lầy và những cánh đồng đầy chim choi choi để thăm viếng người vợ sắp chết của một lão nông. Anh lấy thịt và rượu từ nhà mình mà cho bà, không phải chỉ cho một ít, mà thực sự anh rất rộng tay trong việc này. Theo quan điểm của mình, anh làm những gì mà anh thấy hài lòng để đem lại sự khuây khỏa trong tâm hồn.

‘Thưa ngài, tôi sợ rằng tôi phải xuống hỏa ngục,’ người bệnh nói với giọng rên rỉ. ‘Ôi thôi, xin ngài hãy cứu tôi, cứu tôi với, đừng để tôi phải xuống đó. Tôi không chịu nổi điều này, ngài ơi, tôi sẽ chết trong sợ hãi mất, ý nghĩ đó khiến tôi đổ mồ hôi lạnh suốt.’

‘Bà Thompson,’ Theobald trang trọng đáp lời, ‘bà phải tin vào máu vô giá Đấng Cứu Chuộc đã đổ ra; chỉ có mình Ngài mới cứu được bà.’

‘Nhưng, thưa ngài,’ bà nói giọng buồn bã, ‘ngài có chắc là Chúa sẽ tha thứ cho tôi hay không, bởi tôi đã không sống tốt, chắc chắn là không tốt; và nếu tôi hỏi Chúa rằng tội của tôi có được tha hay không, liệu Ngài có đáp lời ‘Có’ hay không?’

‘Nhưng bà Thompson ơi, tội lỗi của bà đã ĐƯỢC tha,’ Theobald nói với giọng nghiêm nghị, bởi cách nói như thế đã hiệu quả nhiều lần rồi, và anh đã nâng đỡ cho nỗi sợ của người đàn bà này trong suốt mười lăm phút. Rồi anh chấm dứt câu chuyện bằng cách lặp lại những lời cầu nguyện trong bản kinh ‘Thăm viếng người bệnh,’ và với những bày tỏ lo âu hơn về tình trạng của bà, nhưng chính anh lại khiến cho con người khốn khổ này càng sợ hãi và lo lắng hơn nữa.

‘Thưa ngài,’ bà kêu lên thảm thương lúc thấy anh chuẩn bị quay đi, ‘ngài không thể nói với tôi rằng không có Ngày Phán xét, và không có Địa Ngục nào cả, hay sao? Không có Thiên Đàng tôi chịu được, nhưng tôi không chịu nổi Địa ngục.’ Theobald đã bị kích động nhiều vì lời này.

‘Bà Thompson à,’ Theobald nhẹ nhàng đáp lại, ‘tôi nài xin bà hãy chấp nhận không chút nghi hoặc về hai tảng đá góc trong tôn giáo của chúng ta, nhất là trong thời khắc này. Nếu có điều gì chắc chắn, thì đó là chúng ta sẽ

trình diện trước Ngai Đức Kitô, và kẻ dữ sẽ chết dần mòn trong biển lửa không bao giờ tắt. Bà Thompson, nếu bà hoài nghi điều này, thì bà sẽ mất linh hồn.’

Người đàn bà tội nghiệp vùi đầu vào trong chăn với nỗi sợ lên đến cực điểm, cuối cùng, trong những giọt nước mắt trào ra, bà được nhẹ lòng hơn đôi chút.

‘Bà Thompson,’ Theobald nói khi đang đứng ở ngưỡng cửa, ‘hãy bình tĩnh lại; bà phải đón nhận lời của tôi rằng vào Ngày Phán xét, tội lỗi của bà sẽ được rửa sạch trong máu Con Chiên.’ anh nói tiếp trong quay cuồng, ‘Đúng, cho dầu chúng có đỏ như máu, cũng sẽ được trắng như bông,’ và rồi anh rời khỏi túp lều tranh hôi hám đó nhanh nhất có thể để về lại với không khí trong lành bên ngoài. Ôi, thật nhẹ lòng biết bao khi chấm dứt được buổi nói chuyện này!

Anh về lại nhà, ý thức rằng anh đã làm xong trách nhiệm của mình, và đã mang được sự an ủi tôn giáo đến cho một tội nhân đang hấp hối. Người vợ đáng ngưỡng mộ của anh đang chờ ở nhà, và đoán chắc với anh rằng chưa có một mục sư nào lại tận tụy với con chiên của mình như anh. Anh tin cô, về bản chất, anh có thiên hướng tin tưởng tất cả những gì người ta nói với anh, và còn ai biết chuyện hơn vợ của anh nữa đây. Anh chàng tội nghiệp! Anh đã làm hết sức mình, nhưng một con cá rời xa mặt nước, thì dù làm hết mình nó sẽ được cái gì đây? Anh đã cho họ thịt và rượu, đó là những gì anh có thể làm; anh sẽ lại ghé thăm và lại cho họ thêm thịt rượu; ngày qua ngày, anh lại lê bước qua những cánh đồng đầy chim chơi chơi, và cuối cùng, đều lắng nghe một nỗi sợ hãi lo xa giống nhau. Ngày qua ngày, anh vẫn im lặng, nhưng không rời đi, cho đến tận lúc sự suy nhược quá đỗi khiến người bệnh không còn bận tâm đến tương lai của mình nữa, và Theobald hài lòng rằng giờ đây tâm hồn bà ta đã được nghỉ ngơi yên bình trong tay Chúa.



Trong số những trách nhiệm nghề nghiệp của mình, anh không thích thú gì việc đi thăm bệnh nhân này, thực sự là anh ghét nó, nhưng lại không dám thừa nhận với chính mình điều đó. Thói quen không dám thừa nhận với chính mình đã ăn rễ thâm căn cố đế trong anh rồi. Dù vậy, chúng vẫn ám ảnh trong anh một ý thức rõ ràng và không lành mạnh, đó là cuộc đời sẽ thoải mái hơn nếu như không có những tội nhân đau bệnh, hoặc nếu không thì họ cũng nên lãnh đạm hơn với sự trừng phạt đời đời. Anh không thấy mình đang sống đúng môi trường. Dường như môi trường này hợp hơn với những người nông dân. Họ đầy đặn, khỏe mạnh và mãn nguyện, nhưng giữa anh và họ có một hố sâu lớn ngăn cách. Trên khóe miệng anh bắt đầu hằn lên vẻ nặng nề và co lại, đến nỗi nếu anh không mang bộ áo đen và dải băng trắng, những đứa trẻ vẫn có thể nhận ra anh là một mục sư.

Anh biết là anh đang thực thi bốn phận của mình. Mỗi ngày trôi qua anh càng chắc chắn về nó hơn, nhưng rồi anh lại chẳng có nhiều việc để làm. Anh buồn vì mong muốn có một việc gì đó để làm. Anh không hứng thú gì với các môn thể thao ngoài trời, những thứ được xem là không thích hợp với một mục sư cách đây bốn mươi năm. Anh không cưỡi ngựa, không săn bắn, không câu cá, không đua ngựa, và cũng không chơi cricket. Anh cũng chưa bao giờ thích học hành hết sức mình, và ở Battersby này có động lực gì để anh phải vùi đầu vào sách vở chứ? Sách cũ hay sách mới, anh đều không đọc. Anh chẳng có hứng thú với nghệ thuật hay khoa học, hay chính trị, nhưng lại mau chóng thay đổi thái độ nếu có ai đó nói về những tiến bộ mới mà anh chưa biết. Thật sự là anh tự viết những bài giảng của mình, nhưng ngay cả vợ anh cũng cho rằng, điểm mạnh của anh chính là đời sống gương

mẫu (một đời sống tận hiến lâu dài) hơn là đứng trên bục giảng. Sau bữa ăn sáng, anh rút về phòng nghiên cứu sách vở, ở đó, anh cắt một vài mẫu nhỏ trong sách Kinh Thánh và tỉ mỉ dán chúng cho thật khéo bên cạnh nhau, việc này được anh gọi là Tân Cựu Ước hòa hợp. Sát bên những mẫu này, anh sao chép lại thật hoàn hảo những mẫu viết tay của mede (người duy nhất, theo Theobald, thật sự hiểu được sách Khải huyền), Patrick, và những thần học gia cổ khác. Anh đều đặn làm việc này suốt nửa tiếng mỗi buổi sáng suốt nhiều năm, và kết quả của nỗ lực này thật đáng giá. Vài năm sau, anh dạy con cái mình học, và hằng ngày chúng đều thét lên rằng những gì trong sách lại đang nói về những chuyện khủng khiếp trong nhà của chúng. Anh cũng thu thập mẫu cây, và nhờ cha mình, đã một lần anh được nhắc đến trong Báo Thứ bảy về việc là người đầu tiên khám phá ra một giống cây ở vùng phụ cận Battersby, tên gì thì tôi quên mất rồi. Số báo này được anh gói trong da dê, và đặt nơi bàn phòng khách. Anh thường đi vãn vợ trong vườn, và nếu nghe thấy tiếng gà mái cục tác thì liền chạy vào báo Christina rồi đi tìm quả trứng ngay lập tức.

Thỉnh thoảng hai ông bà Allaby đến ở với Christina, và mỗi lần như vậy, họ đều nói là cuộc sống của hai vợ chồng Theobald quá đổi điên viên vui thú. Thật sự thì Christina hạnh phúc với lựa chọn của mình, bởi nó giống những quyển tiểu thuyết mà cô ưa thích, còn hạnh phúc của Theobald lại tùy nơi Christina. Không biết vì sao Christina luôn ngại chơi bài với các chị em của mình, trong khi lại rất hứng chơi bài kipbi hay bài ulyt với người khác, nhưng các chị em của cô hiểu rằng nếu đề cập đến chuyện này thì sẽ chẳng bao giờ họ được mời tới Battersby một lần nữa, và để được mời thì tất nhiên các cô sẽ chẳng hé môi về ván bài năm xưa. Nhưng ngay cả nếu Theobald là người khó chịu, anh cũng sẽ không trút giận lên họ.

Theo bản tính vốn có của Theobald, thì chỉ cần có người chịu nấu ăn cho mình, anh sẵn sàng sống trên một hoang đảo. Trong thâm tâm, anh đồng ý với Giáo hoàng rằng ‘mối phiền toái nhất cho một con người chính là một con người,’ và phụ nữ, có lẽ là ngoài Christina ra, thì còn tệ hơn nữa. Dù suy nghĩ như thế, nhưng khi một vị khách gọi đến tên mình, anh đều tươi nét mặt một cách lạ lùng không ngờ đến.

Anh cũng rất nhanh nhẹn đề cập đến tên tuổi những nhà văn có tiếng mà anh đã từng gặp trong nhà cha mình, và nhờ đó sớm tạo được thanh danh toàn diện về nhiều mặt, đến nỗi ngay cả Christina cũng cảm thấy mãn nguyện thay cho anh.

Có ai được *integer vitae scelerisque purus*, suốt cả đời không vướng phải chuyện thị phi nào như ông Pontifex ở Battersby hay không? Ai là người đáng để hỏi ý kiến về những vấn đề nảy sinh trong giáo xứ? Ai là người kết hợp hoàn hảo hình ảnh một Kitô hữu thành thật và lương thiện với một người thành công từng trải? Rõ ràng đó là anh. Người ta kháo nhau rằng anh là một người làm ăn rất tuyệt vời. Nếu anh đã nói là sẽ trả một món tiền vào một thời điểm nào đó, thì chắc chắn số tiền đó sẽ đến đúng ngày, và đối với bất kỳ ai cũng vậy. Sự rụt rè tự bản chất không cho phép anh cố gắng lừa lẹo ai cho dù việc đó rất khó bị bại lộ hay bị chống đối, và cái lối hợp lý cũng như vẻ mặt khá nghiêm nghị của anh cũng bảo vệ anh khỏi bị người ta lừa lọc. Anh không bao giờ nói đến chuyện tiền bạc, và hễ người ta bắt đầu nói về tiền bạc anh liền đổi chủ đề, luôn luôn như vậy. Biểu hiện ngầm chê ghét thói bần tiện dưới mọi hình thức là một bảo đảm đủ để người ta biết anh không phải là một kẻ như vậy. Ngoài ra anh không có giao dịch nào ngoại trừ những quyển sách thường nhật. Những gì anh ham thích, nếu có, thì như chúng ta đã thấy, rất giản đơn: anh có 900 bảng một năm, và một căn nhà; hàng xóm tầm thường, và có lúc anh chẳng có những đứa con bám đuôi mình nữa. Tại sao người ta lại phải ghen tị với anh chứ? Mà nếu có ghen tị thì sau đó cũng sẽ tôn trọng anh, bởi Theobald chẳng có gì đáng để bị ganh ghét cả.

Nhưng xét chung, tôi nghĩ rằng Christina hạnh phúc hơn anh. Cô không phải đi thăm viếng những giáo dân đau bệnh, hơn nữa việc quản lý nhà cửa cũng như trông nom tài chính đã đủ việc cho cô rồi. Trách nhiệm chính của cô, như lời cô nói, là làm đẹp lòng chồng mình, yêu anh, tôn trọng anh, và giữ cho anh được vui vẻ. Theo tiêu chuẩn của mình, thì cô đã hoàn thành trách nhiệm này hết mức rồi. Có lẽ nó sẽ khá hơn nếu như cô không quá thường xuyên quả quyết với chồng rằng anh là người giỏi nhất và khôn ngoan nhất, bởi trong thế giới nhỏ bé của anh, chẳng ai phản bác nổi điều

đó, và chẳng bao lâu anh chẳng còn nghi ngờ gì về điều này nữa. Với tính khí đôi khi trở nên rất quá khích của anh, Christina phải chiều lòng anh mỗi khi có những biểu hiện nhỏ nhất của cơn giận trong anh chực trào ra. Cô đã sớm thấy được việc này thật quá dễ dàng. Hiếm khi anh nổi cơn thịnh nộ với cô. Rất lâu trước lúc cưới, cô đã biết cái lối đó của anh rồi, và biết cách làm sao để đổ thêm dầu vào lửa, rồi thận trọng hạ nó xuống, và làm sao cho khi lửa tắt, càng ít khói càng tốt.

Christina là người rất chi li trong vấn đề tiền bạc. Cứ mỗi ba tháng, Theobald cấp cho cô một khoản để mua áo xống, dẫn túi, làm từ thiện và mua quà tặng. Cô ăn vận rất tiết kiệm, nên bao nhiêu tiền còn dư cô dùng để mua quà tặng và làm từ thiện hết. Ôi, Theobald thật yên tâm khi nghĩ về việc anh có một người vợ mà anh tin là không bao giờ tiêu phí một xu khi chưa được phép của anh! Ngoài sự phục tùng tuyệt đối, ngoài sự ăn khớp hoàn hảo về suy nghĩ trên mọi phương diện, và sự quả quyết liên tục rằng anh luôn đúng trong mọi việc anh suy nghĩ hay hành động, thì một trong những điều nâng đỡ anh, đó là sự đúng đắn của Christina trong chuyện tiền bạc. Sau nhiều năm, anh trở nên yêu thích vợ mình, như bản chất của anh yêu thích bất cứ những gì sống động, và anh tự khen mình vì khi trước đã giữ vững hôn ước, một chút hi sinh để giờ đây anh gặt hái được phần thưởng như thế này. Ngay cả khi Christina chi quá tay khoản tiền hàng quý của cô trong phạm vi 30 shilling hay bảng, thì cô luôn làm rõ với Theobald về lý do cho việc đó, chẳng hạn như khoản chi bất thường cho một cái váy dạ hội có thể dùng được rất lâu, hay có đám cưới một ai đó cần quà tặng đắt tiền vượt quá giới hạn khoản chi hàng quý của cô; và cô luôn hoàn trả khoản chi quá tay đó vào quý sau hoặc quý sau nữa, cho dù mỗi lần chỉ trả lại 10 shilling mà thôi.

Tuy nhiên, tôi tin là khoảng hai mươi năm sau khi cưới, không hiểu vì sao Christina bắt đầu mất đi sự chuẩn mực vốn có trong vấn đề tiền bạc. Cô khất nợ suốt nhiều quý liên tiếp, cho đến khi buộc phải chấp nhận vay anh một khoản 7 hay 8 bảng. Cuối cùng, Theobald nhận ra rằng anh buộc phải lên tiếng về việc này, và nhân dịp đám cưới bạc, anh tuyên bố xóa hết nợ cho Christina và cùng với đó anh khấn nài cô từ nay về sau đừng bao giờ chi tiêu

vượt quá khoản thu của mình nữa. Cô bật khóc đầy biết ơn và yêu thương, cam đoan với anh rằng anh là con người tốt nhất và rộng lượng nhất, rồi từ đó về sau không bao giờ cô lạm chi, dù chỉ là 1 shilling.

Christina ghét sự thay đổi dưới mọi hình thức hệt như chồng cô. Cô và Theobald đã có gần như mọi thứ mà họ mong muốn, tại sao người ta vẫn muốn đưa ra đủ loại thay đổi mà chẳng ai biết được rồi sẽ đi về đâu? Cô tin chắc rằng, từ lâu đạo của cô đã đạt đến bước tiến cuối cùng rồi, và một người biết phải trái chẳng thể đón nhận một đức tin nào hoàn hảo hơn đức tin trong Giáo hội anh giáo của cô. Cô chẳng thể nghĩ ra được một địa vị nào lại đáng trọng hơn làm vợ một mục sư, ngoại trừ là vợ một giám mục. Khi xem xét tầm ảnh hưởng vốn có của cha mình, cô thấy không phải là không có khả năng một ngày nào đó, Theobald sẽ trở thành giám mục, và rồi trong đầu cô nhận ra một thiếu sót nhỏ trong việc hành đạo của Giáo hội anh giáo, tất nhiên không phải là một thiếu sót về giáo lý, mà là thiếu sót trong chính sách của Giáo hội, một điều mà cô cho là rất sai lầm. Đó là việc vợ các giám mục không được xếp vào cùng đẳng cấp với chồng mình.

Tục này là do nữ hoàng Elizabeth, một người đàn bà xấu xa, và đáng ngờ về đạo đức bởi tận trong lòng, bà ta là một kẻ theo chủ nghĩa Giáo hoàng. Có lẽ người ta nên đề cao hơn phẩm giá của giáo dân, nhưng thế giới vẫn như thế, và những sự hạ giá này vẫn cứ mãi có giá trị, cho dù người ta có nên thay đổi hay không. Chắc chắn chúng ta không thể nghi ngờ tầm ảnh hưởng rõ ràng của bà Pontifex, có thể là vợ của giám mục Winchester chẳng hạn. Một người như cô không thể không tạo sức nặng cho lời nói của mình chỉ cần cô đủ điều kiện để đạt đến tầm ảnh hưởng rõ ràng và rộng khắp; nhưng nếu trở thành quý bà Winchester, hay bà Giám mục, một cái tên thật hay làm sao, thì ai dám nghi ngờ về việc cô sẽ còn làm được nhiều điều tốt đẹp hơn nữa? Và mọi chuyện sẽ càng tốt hơn nữa, nếu cô có một đứa con gái, và đứa con gái đó sẽ chẳng thể trở thành một bà Giám mục được trừ phi nó cưới một giám mục, nhưng điều này không dễ xảy ra đâu.

Trong những ngày hạnh phúc tươi đẹp đời mình, Christina nghĩ những điều như thế đó, có những lúc khác, với suy xét công tâm hơn, cô nghi ngờ không biết là nếu xét về mọi phương diện thì mình đã đủ thánh thiện cần

thiết hay chưa. Cô phải tiến lên, dần thân hơn nữa, cho đến khi tất cả mọi địch thù ngăn cản ơn cứu độ của cô bị khuất phục, và chính Satan cũng phải thảm bại quy phục dưới chân cô. Có lúc cô nghĩ rằng mình nên làm một bước đột phá hơn những người đương thời, bằng cách bỏ thói ăn dồi lợn, một thứ mà từ trước đến nay hễ người ta giết lợn là cô đều dự phần; và cô nghĩ mình cũng nên cẩn thận kiểm tra xem liệu những con gà dọn lên mâm đã bị bóp cổ hay được cắt tiết để máu chảy ra ngoài. Thánh Phaolô và Giáo đoàn Jerusalem đã nhấn mạnh rằng ngay cả những giáo dân không phải là người Do Thái vẫn cần phải tránh xa những thức ăn chưa cắt tiết cũng như tránh ăn máu, và họ đã đón nhận lệnh cấm này cũng như xem đó chắc chắn là một thói xấu xa tận bản chất; bởi vậy cô thấy sắp tới cô nên kiêng khem bớt và chờ xem có xảy đến một hệ quả tinh thần đáng chú ý nào không. Cô đã ăn kiêng như vậy, và chắc chắn rằng từ ngày quyết chí làm như thế cô thấy mình khỏe hơn và tâm hồn trong sáng hơn, cũng như xét về mọi phương diện, đang sốt sắng hưởng thưởng hơn bao giờ hết. Theobald không chú tâm vào việc này bằng cô, nhưng bởi Christina là người dọn mâm cơm, nên chẳng bao giờ cô dọn ra một con gà chưa cắt tiết; còn về món dồi lợn, thì may thay, thuở nhỏ Theobald đã thấy cách người ta làm món này, và anh mang nỗi ác cảm với món đó cho đến tận nay. Cô mong muốn có thật nhiều người biết được việc kiêng khem này, nhưng mà với chuyện này, chắc chỉ có quý bà Winchester mới có thể có sức hút đến vậy, còn một bà Pontifex bình thường thì đến việc thử cũng chẳng có chút hy vọng nào đâu.

Rồi năm này qua năm khác, cuộc sống của đôi lứa đáng trọng này cứ thế nhẹ nhàng trôi. Nếu bạn đã qua tuổi trung niên, và nếu bạn có mối liên hệ với đời sống mục sư, hẳn bạn sẽ nhớ ra biết bao nhiêu mục sư và vợ họ, những người sẽ không đồng ý với Theobald và Christina về việc họ không coi trọng vật chất như thế này. Hồi tưởng lại ký ức và trải nghiệm từ cách đây gần tám mươi năm, lúc tôi còn là một đứa trẻ trong nhà mục sư cũng là cha tôi, tôi có thể nói rằng cuộc sống của tôi tốt đẹp hơn cuộc sống của một mục sư làng quê cách đây khoảng năm mươi năm. Tuy nhiên tôi cũng thừa nhận rằng, ngày nay chẳng kiếm đâu ra những con người như vợ chồng Theobald nữa. Xét cho cùng, thì dù có tìm khắp anh quốc, cũng chẳng thể có

được một cặp nào hòa hợp, hay hạnh phúc hơn họ. Đời sống hôn nhân của họ chỉ có một bóng mờ duy nhất, đó là đến nay họ vẫn chưa có được mụn con nào.



Thời gian trôi qua và nỗi buồn này cũng tan biến. Năm năm sau khi cưới, Christina sinh được một bé trai. Hôm đó là ngày mồng sáu tháng Chín năm 1835.

Tin này được báo ngay cho ông Pontifex khiến ông rất hài lòng. Vợ của John chỉ sinh được một đứa con gái, và ông thực sự đang rất lo lắng bởi sợ không có người nối dõi. Thế nên, tin mừng này được chào đón hơn nữa, và nó càng khiến ông cụ ở Elmhurst vui mừng chừng nào thì tại Woburn Square, John càng mất tinh thần chừng ấy.

Thực sự, nỗi thất vọng của John càng nặng nề hơn nhiều bởi anh không thể thoải mái bộc lộ nó, nhưng ông nội Pontifex này quá đổi vui mừng, nên chẳng buồn quan tâm đến cảm giác của John, ông muốn có một đứa cháu trai, và giờ ông đã có, như thế đáng ra là đủ rồi, nhưng bây giờ, nghĩ rằng Christina sẽ cứ đà này mà tới, có thể sinh cho ông thêm vài đứa cháu trai nữa, thì ông càng thêm mong chờ điều đó, bởi với ông, ít nhất phải có ba đứa cháu trai mới đủ đảm bảo cho dòng dõi.

Ông rung chuông gọi người quản gia.

‘Gelstrap,’ ông cất giọng trịnh trọng, ‘ta muốn xuống hầm rượu.’

Gelstrap lấy nển dẫn đường cho ông bước vào khu hầm bên trong, nơi cất những chai rượu ngon nhất.

Ông xem qua rất nhiều thùng: có rượu Port 1803, Imperial Tokay 1792, Claret 1800, Sherry 1812, ông đều bỏ qua hết, chúng không đủ xứng đáng để khiến ông chủ gia đình Pontifex phải đích thân xuống hầm rượu. Có một chiếc thùng, nhìn qua có vẻ trống rỗng, nhưng khi người quản gia soi đèn

vào, thì thấy trong đó chỉ có độc một chai loại một panh. Đây mới là thứ ông Pontifex tìm kiếm.

Gelstrap thường nghĩ xem cái chai này là như thế nào. Chính tay ông Pontifex đã đặt nó vào thùng cách đây mười hai năm, sau chuyến viếng thăm người bạn là nhà du hành trú danh Tiến sỹ Jones, nhưng trên vỏ chai lại không có bất kỳ ghi chú nào để biết trong đó chứa thứ gì. Nhiều lần, lúc ông Pontifex quên chìa khóa hầm rượu, như ông vẫn thường hay vậy, Gelstrap đã thử đủ mọi cách mà anh dám làm để mở chai, nhưng nó được bịt quá cẩn thận đến nỗi dù dùng đủ mọi chước anh vẫn chẳng thể làm được gì với cái chai này.

Và giờ đây, bí mật đã được giải đáp. Nhưng than ôi! Dường như đây lại là lúc cái chai sẽ được uống cạn đến hộp cuối cùng, bởi ông Pontifex đã nắm chai trong tay và đưa lên kiểm tra nút bịt. Ông mỉm cười và cầm chai rượu quay trở lên.

Nhưng chuyện khủng khiếp đột ngột xảy đến. Ông chợt vấp phải một cái thùng rỗng, rồi vang lên tiếng thủy tinh vỡ, và ngay lập tức nền nhà lênh láng thứ nước vốn đã được giữ gìn cẩn thận suốt nhiều năm trời.

Với một phản ứng nhanh như thường thấy, ngay lập tức, ông Pontifex hỗn hển cảnh cáo trừ một tháng lương của Gelstrap. Rồi ông đứng dậy, và giậm chân bực bội y hệt như Theobald làm với Christina khi cô không chịu gọi món.

‘Đó là nước từ sông Jordan,’ ông cúi gắt kêu lên, ‘mà ta đã để dành cho lễ rửa tội của cháu trai ta. Gelstrap, đồ khốn, sao mà lại dám bất cẩn tệ hại đến thế khi để cái thùng này bừa bãi trên nền vậy hả?’

Tôi cho là như thế thứ nước từ dòng sông thiêng này đang dựng đứng lên trên nền và trách mắng anh ta vậy. Về sau, Gelstrap kể cho một người hầu khác rằng lời lẽ của ông chủ đã khiến hấn lạnh cả sống lưng.

Tuy nhiên, ngay lúc nghe cái từ ‘nước’, anh liền nhìn xuống nền, và chạy như bay xuống bếp. Trước khi ông chủ kịp nhận ra, anh đã trở lại với miếng bọt biển và cái chậu, bắt đầu rút lại dòng nước từ sông Jordan, cho dù lúc này trông nó chẳng khác gì một vũng nước bẩn tầm thường.

‘Thưa ngài, tôi sẽ lọc lại,’ Gelstrap ngoan ngoãn nói. ‘Nó sẽ sạch lại thôi’

Ông Pontifex thấy cách này khá khả quan. Chỉ cần thêm tấm giấy lọc và cái phễu nữa là sẽ được. Cuối cùng, Gelstrap vớt lại được nửa panh nước, và như vậy cũng đủ rồi.

Kế đó, ông Pontifex đi chuẩn bị mọi thứ cho chuyến viếng thăm Battersby. Ông ra lệnh đem theo những hòm thức ăn ngon nhất, và một hòm đồ uống ngon. Tôi dùng từ ‘ngon’ và ‘ngon nhất’, bởi cho dù với háo hức ban đầu, ông đã chọn ra một số chai rượu mà ông thích nhất, nhưng sau một hồi suy nghĩ, ông cảm thấy rằng cần phải tiết độ trong mọi thứ, và nhất là khi đã đem cho chai nước từ sông Jordan quý giá nhất rồi, thì giờ chỉ nên gởi những rượu gần tốt nhất mà thôi.

Trước khi đến Battersby, ông ghé London một hay hai ngày, một việc mà giờ đây ông hiếm khi làm, bởi đã hơn bảy mươi tuổi, và trên thực tế cũng đã gác công việc qua một bên rồi. Gia đình John theo dõi ông rất kỹ, và đau lòng khi biết được rằng trong khoảng thời gian đó, ông đã có một buổi nói chuyện với các cố vấn pháp luật của mình.



Lần đầu tiên trong đời, Theobald cảm thấy mình đã làm được một điều đúng đắn, và lần đầu tiên anh có thể trông chờ được gặp cha mà không phải đề phòng gì. Tất nhiên, ông cụ đã viết cho anh một lá thư vô vàn thân ái, báo rằng mình nhận làm cha đỡ đầu cho đứa nhỏ. Mà đúng ra tôi nên trích nguyên văn nó ra, như thế mới thấy được rõ nhất tình cảm của ông. Lá thư như thế này:

‘Theobald yêu quý, lá thư của con đã khiến ta thật mãn nguyện, và niềm vui của ta thực sự còn lớn hơn nữa, bởi ta vốn đã từng nghĩ đến khả năng tệ nhất có thể, do đó, con hãy nhận lấy lời chúc thật tâm của ta dành cho con và cho vợ con.

Lâu nay ta đã giữ gìn một lọ nước lấy từ sông Jordan để dùng cho lễ rửa tội của cháu trai đầu của ta, và Chúa đã rủ lòng thương cho ta một đứa. Lọ nước này ta được ông bạn Tiến sỹ Jones tặng. Con sẽ đồng ý với ta rằng cho dù hiệu năng của bí tích rửa tội không dựa trên chất nước, tất cả mọi thứ đều như nhau, nhưng trong dòng nước lấy từ sông Jordan có một điều gì đó đặc biệt không thể phủ nhận. Những chuyện nhỏ nhặt như thế này đôi khi lại có ảnh hưởng lớn đến công danh tương lai sau này của đứa trẻ.

Ta sẽ đem theo đầu bếp riêng của ta, và ta cũng đã dặn phải chuẩn bị mọi thứ cho buổi tiệc mừng lễ rửa tội. Hãy mời càng nhiều lán giềng càng tốt, sao cho chật kín bàn ăn là được. Và ta cũng nói với lesuer là ĐỪNG ĐEM THEO TÔM HÙM, tốt hơn con nên tự đến Saltness và mua vải con (bởi Battersby chỉ cách biển có mười bốn hay mười lăm dặm đường); tôm ở đó ngon hơn bất kỳ nơi nào trên nước anh này, ít nhất cũng là ta nghĩ vậy.

Ta đã để lại cho con trai của con một khoản và sẽ được trao lúc nó tròn hai mươi một tuổi. Nếu anh trai John của con vẫn không có con trai, thì ta sẽ còn tặng khoản đó lên nữa, nhưng ta còn nhiều việc phải làm, và ta chưa hết thời như con nghĩ đâu.'

Cha yêu quý của con.

G. PONTIFEX.'

Vài ngày sau, cỗ xe độc mã đi dọc con đường mười bốn dặm từ Gildenham đến Battersby mang theo ông và đoàn tháp tùng của mình. Lesuer, đầu bếp ngồi trên bệ xe với xà ích, và người ta nhét thật nhiều thùng đựng đồ đầy trên nóc xe cũng như tất cả mọi chỗ khác có thể nhồi vào được. Ngày hôm sau, John, Eliza, Maria cũng đến, và cả Alethea, người sẽ làm mẹ đỡ đầu cho đứa trẻ theo chính nguyện vọng của cô. Ông Pontifex đã quyết định là phải tổ chức một buổi tiệc gia đình thật hạnh phúc, nên tất cả họ phải đến, và tất cả họ đều phải hạnh phúc, nếu không thì chẳng biết chuyện tồi tệ nào sẽ đổ xuống đầu họ đâu. Đến ngày tiếp theo, nhân vật chính của toàn bộ chuyện này đã được nhận phép rửa tội. Theobald muốn đặt tên con là George lấy theo tên của ông nội, nhưng lạ thay, ông Pontifex lại vượt quyền con và đặt cho đứa nhỏ cái tên Ernest. Từ 'Ernest'^[12] chỉ vừa mới thịnh hành đây thôi, và ông nghĩ rằng mang cái tên đó, cũng giống như việc được rửa tội bằng nước sông Jordan, sẽ có một tác động vĩnh viễn lên tính cách của đứa trẻ, và thúc đẩy nó làm điều tốt trong những thời khắc quan trọng của cuộc đời.

Tôi được mời làm cha đỡ đầu thứ hai của đứa trẻ, và rất vui sướng vì có cơ hội được gặp lại Alethea, bởi đã lâu lắm rồi chúng tôi chưa gặp nhau, dù vẫn liên lạc thường xuyên. Chúng tôi luôn giữ được tình cảm bạn bè từ thuở thơ ấu cho đến nay. Ông bà nội đã qua đời khiến cô không còn lui tới làng Paleham của chúng tôi nữa, nhưng tôi vẫn giữ được mối thân tình với gia đình Pontifex nhờ học cùng trường rồi cùng đại học với Theobald, và mỗi lần được gặp Alethea, tôi lại càng say mê cô hơn, với tôi dường như cô là người phụ nữ tốt tính nhất, tử tế nhất, tế nhị nhất, đáng yêu nhất và xinh đẹp nhất mà tôi từng gặp. Trong gia đình Pontifex, chẳng ai xấu xí, cả gia tộc họ đều dễ nhìn, nhưng xét về ngoại hình thì Alethea đúng là hoa khôi nổi bật

trong vườn, còn những phẩm chất của cô càng khiến cô trở nên một người quá đỗi đáng yêu. Dường như những tính tốt vốn được định là ban đủ cho cả ba chị em lại được truyền hết cho Alethea, các cô chị chẳng được điểm nào, còn Alethea lại có đủ tất cả.

Tôi thật không thể giải thích tại làm sao mà cả tôi và cô ấy đều chưa lập gia đình. Chúng tôi biết rất rõ lý do, và tôi chỉ nói như vậy là đã đủ cho các bạn hiểu rồi. Cả hai chúng tôi đều đồng cảm và hiểu nhau hoàn toàn, chúng tôi biết rằng chúng tôi sẽ chẳng kết hôn với bất kỳ một ai khác. Tôi đã cầu hôn cô ấy hơn chục lần, nhưng ngang đây, tôi sẽ không nói thêm nhiều đến những chuyện không cần thiết cho câu chuyện của tôi. Vài năm gần đây, chúng tôi khó gặp được nhau, và tôi đã không được gặp cô ấy trong một thời gian dài, nhưng như tôi đã nói, chúng tôi vẫn giữ liên lạc thư từ thân mật với nhau. Thật tự nhiên khi tôi quá sung sướng lúc được gặp lại cô; bây giờ cô đã ba mươi tuổi, nhưng tôi nghĩ rằng lúc này trông cô lại đẹp hơn bao giờ hết.

Tất nhiên, cha của cô là người ồn ào nhất bữa tiệc, nhưng khi thấy chúng tôi đều ngoan ngoãn và khá nóng lòng chờ đến giờ ăn, nên dù ồn ào, ông chỉ nói những lời vui vẻ chứ không rầy la gì. Thật thú vị khi nhìn ông nhét khăn ăn vào dưới cái cằm già hồng hào của mình, rồi để nó buông trên chiếc áo thụng, còn ánh đèn trúc dài đang nhảy điệu vui tươi trên cái đầu hói của ông trông hệt như ngôi sao lạ.

Món súp là một cả một con rùa biển, rõ ràng ông già rất hài lòng và ông bắt đầu cười mở hơn nhiều. Gelstrap đứng bên cạnh ông chủ mình. Còn tôi ngồi kế bên tay phải của bà chủ nhà, do đó đối diện với ông Pontifex, nhờ vậy được dịp quan sát ông thật nhiều.

Suốt mười phút đầu hay hơn một chút, trong thời gian dùng món súp và dọn món cá tiếp theo, tôi đã nghĩ là ông thật là một ông già tử tế và con cái hẳn phải rất tự hào về ông; nhưng đột nhiên khi ông tự mình xoay xở với món xốt tôm hùm, thì mặt ông đỏ bừng lên, và sự phật ý tột độ lộ hẳn ra ngoài, ông ném hai cái nhìn kín đáo nhưng đầy bức bối đến Theobald và Christina ở hai đầu bàn tiệc. Hai con người đơn giản tội nghiệp này, tất nhiên nhìn ra được rằng có việc gì đó rất xấu, và tôi cũng vậy, nhưng tôi

không thể đoán được đó là điều gì cho đến khi ông già rít lên bên tai Christina: ‘Nó không được làm bằng tôm hùm cái. Ta đặt tên cho cháu ta là Ernest và rửa tội cho nó bằng nước sông Jordan để làm gì, nếu như cha nó không biết phân biệt tôm hùm đực hay cái?’

Điều này cũng làm tôi chưng hửng, bởi tôi thấy là cho đến tận lúc đó tôi chẳng biết gì nhiều về việc tôm hùm cũng có đực với cái, nhưng tôi từng nghĩ áng chừng rằng những cặp tôm hùm cũng tựa như thiên thần trên thiên đàng vậy, hầu hết chúng lớn lên một cách tự nhiên nhờ đá và cỏ biển.

Trước khi món tiếp theo được dọn ra, ông Pontifex đã bình tĩnh trở lại, và từ đó đến lúc tan tiệc, ông cư xử thật chuẩn mực. Ông kể cho chúng tôi nghe về lọ nước lấy từ sông Jordan, và nó đã được ngài Jones đem về cùng với những chiếc lọ đá khác chứa nước sông Rhine, sông Rhone, sông Elbe, và sông Danube như thế nào, và vì chúng mà ông ấy đã gặp rắc rối ở phòng hải quan ra sao, rồi còn về ý định làm rượu bằng nước kết hợp từ những dòng sông lớn nhất âu châu và về việc ông Pontifex đã không để dòng nước sông Jordan bị dùng vào việc lãng phí đó như thế nào,... V.v. ‘Không, không, không,’ ông tiếp tục, ‘hoàn toàn không được làm thế, các con biết đó, như thế là vô cùng báng bổ; bởi vậy, mỗi người chúng ta đã lấy một chai một panh về nhà, và không có chúng món rượu còn ngon hơn nữa. Tuy nhiên, ta đã thoát hiểm ngoạn mục, vào ngày chuẩn bị mang nó đến Battersby, ta đã vấp vào một chiếc thùng và ngã ra, nếu không hết mực giữ gìn thì hẳn cái chai đã bị vỡ rồi, nhưng ta đã giữ được nó.’ mà trong lúc ông nói, Gelstrap vẫn luôn đứng bên ông suốt buổi!

Không có thêm việc gì làm mất lòng ông Pontifex nữa, nên nhờ đó chúng tôi có được một buổi tối thật vui vẻ, mà tôi vẫn thường nhớ lại mỗi khi dõi theo đứa con đỡ đầu của tôi.

Một, hai ngày sau, tôi ghé lại và thấy ông Pontifex vẫn còn ở Battersby, nằm liệt với cơn đau gan và suy sụp nhiều bởi thấy mình ngày càng yếu hơn. Tôi nán lại đến buổi ăn trưa. Ông già rất khó tính và mệt mỏi, ông chẳng ăn gì, hoàn toàn không muốn ăn. Christina cố dỗ dành ông ăn một miếng nhỏ thịt nạc cừ. Ông gào lên giận dữ, ‘làm thế nào mà lại bảo ta ăn một miếng thịt cừ, Christina ơi, con quên rằng dạ dày của ta đang tệ lắm hay sao?’. Và

ông đẩy cái đĩa ra xa, bĩu môi cau mày như một đứa trẻ hư. Với những chuyện về sau nữa, tôi nghĩ rằng trong lúc này tôi chẳng thấy gì ngoài những đau đớn đang lớn dần lên trong ông, kèm theo là sự cáu gắt âm ỉ không thể không có vào giai đoạn chuyển tiếp của một đời người. Tôi cho rằng trong thực tế, không một chiếc lá nào vàng úa khi thu về mà lại không ngừng lo lắng về nhựa sống đang dần mất đi của chính nó, rồi cứ làm phiền cây mẹ với những tiếng làu bàu cần nhắc mãi; nhưng chắc chắn, nếu thực sự chú tâm vào đó tự nhiên sẽ tìm ra được cách làm được việc này nhưng ít gây cáu gắt hơn. Tại sao tất cả các thế hệ đều phải gối lên nhau? Tại sao chúng ta lại không được vui như những quả trứng trong những ngăn nhỏ gọn gàng ở Ngân hàng anh quốc, với mười hay hai mươi ngàn bảng quanh mình; rồi thức giấc, như kiểu con ong bắp cày, để khám phá ra rằng cảnh khốn khó của chúng ta là do bởi, cha mẹ chúng ta đã cung cấp dự phòng cho chúng ta thật dư dật, nhưng trước khi chúng ta kịp sống có ý thức về chúng thì chúng đã bị những con chim sẻ ăn mất rồi?

Khoảng một năm rưỡi sau, Battersby lại mở tiệc, bởi vợ của anh John cũng vừa sinh được một đứa con trai. Một năm sau hay hơn nữa, ông George bị đột tử bởi chứng tê liệt, cũng như mẹ ông lúc trước, nhưng ông không được thọ như bà. Trong di chúc của ông, khoản tiền di chúc gốc 20.000 bảng của riêng Theobald (chưa kể khoản tiền mà ông đã cho hai vợ chồng lúc kết hôn) đã bị giảm thành 17.500 bảng lúc ông Pontifex để lại ‘một khoản’ cho Ernest. Khoản tiền được xác minh là 2.500 bảng này sẽ được giao cho người ủy thác để tích lũy. Toàn bộ tài sản còn lại thuộc về John, ngoại trừ mỗi cô con gái được để lại 15.000 bảng chưa kể mỗi người được thêm 5.000 bảng thừa kế từ mẹ.

Ông cụ đã nói cho Theobald sự thật nhưng lại không phải là toàn bộ sự thật. Hơn nữa, Theobald có quyền gì phàn nàn? Thật sự Theobald gần như không phải là kẻ thắng cuộc, và cũng chẳng thể cảm thấy vinh dự vì khoản di chúc này, khi mà số tiền đó hầu như luôn nằm ngoài hầu bao của anh. Mặt khác, cha anh chắc chắn đã viện lẽ rằng ông chưa bao giờ nói với Theobald rằng anh sẽ được nhận một khoản nào cả, và ông có toàn quyền quyết định tiền của ông theo ý riêng ông; nếu Theobald có ấp ủ những kỳ vọng vô căn

cứ, thì đó chẳng phải là việc ông phải bận tâm; ông có quyền cho Theobald bao nhiêu tùy ý; và nếu ông có lấy 2.500 bảng trong phần của Theobald thì ông cũng vẫn để lại cho con trai anh, tất nhiên là, đúng y số tiền như vậy mà.

Không một ai chối cãi được là người lập chúc thư có toàn quyền quyết định, nhưng các bạn cũng sẽ đồng ý với tôi rằng trước sự việc như thế này, hẳn Theobald và Christina không còn xem buổi tiệc mừng lễ rửa tội của mình là một thành công lớn được nữa. Khi còn sống, ông Pontifex đã dựng một mộ bia ở nhà thờ Elmhurst để tưởng nhớ vợ mình (một phiến đá khắc hình những chiếc vạc và các tiểu thiên sứ trông như những đứa con rơi của vua George đệ tứ), và ông cũng đặt sẵn một chỗ cho mình ngay dưới đó. Tôi không biết những dòng mộ chí là do con của ông, hay một người bạn nào đó viết cho họ. Tôi không tin là những dòng này lại có ý châm biếm gì. Những gì tôi nghĩ là mộ chí này muốn nói rằng chỉ đến Ngày Phán xét mới có thể xác định được ông Pontifex là một người tốt đến mức nào, nhưng dù gì lúc mới đọc qua, thì thật khó để không thấy cái ý mỉa mai trong đó. Mộ chí bắt đầu với ngày sinh và ngày mất; rồi tiếp theo ghi rõ là người quá cố đã đứng đầu công ty Fairlie và Pontifex trong nhiều năm ròng, và đã cư trú tại giáo xứ Elmhurst này. Đó chỉ là những dòng chữ bình thường không có ý tán dương mà cũng chẳng chê bai. Còn dòng cuối cùng như sau:

GIỜ ĐÂY,

ÔNG NẴM ĐÓ CHỜ ĐỢI SỰ PHỤC SINH HÂN HOAN TRONG NGÀY SAU HẾT.

NGÀY ĐÓ SẼ CHỈ RA ÔNG LÀ MỘT CON NGƯỜI NHƯ THẾ NÀO.



Tuy nhiên, phần lớn chúng ta có thể nói rằng, một người đã sống được gần bảy mươi ba tuổi và chết trong giàu sang hẳn phải là một người khá hòa hợp với mọi thứ quanh mình. Tôi đã từng nghe nói rằng đôi khi cuộc đời của những con người như thế chỉ là giả dối mà thôi; nhưng không có cuộc đời nào của ai lại giả dối quá mức, chỉ cần còn tiếp diễn thì chắc chắn ít nhất chín phần mười, nó là thật.

Ông Pontifex không chỉ sống thọ, mà còn giữ được phú quý đến tận lúc ra đi. Như vậy chưa đủ hay sao? Việc rõ ràng nhất phải làm khi sống trên đời này không phải là tận dụng nó, có nghĩa là tôn trọng những gì đúng đắn để được sống thọ và thoải mái, rồi làm theo như vậy hay sao? Ngoại trừ con người ra, tất cả động vật đều biết rằng việc chính yếu nhất trong cuộc đời là tận hưởng, và chúng tận hưởng bao nhiêu tùy vào con người và hoàn cảnh cho phép. Người tận dụng cuộc sống tốt nhất, là người tận hưởng nó tốt nhất; Chúa sẽ lo liệu cho chúng ta tận hưởng không vượt quá mức vốn mang lại điều tốt đẹp cho chúng ta. Nếu có gì phải chê trách về ông Pontifex, đó là đáng ra ông không nên ăn uống vô độ để khỏi phải chịu chứng đau gan hành hạ đến thế, và như vậy sẽ có thể sống được thêm một, hai năm nữa.

Sự tốt lành sẽ vô dụng nếu nó không hướng đến tuổi đời cao và của cải dư đầy. Tôi nói điều này một cách đại thể, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt. Trong Thánh vịnh có viết, ‘Người công chính sẽ không phải thiếu bất kỳ điều tốt đẹp nào.’ hoặc đây chỉ là sự phóng túng trong thơ ca, hoặc nó có nghĩa là người thiếu mọi thứ tốt đẹp thì không công chính; cũng có thể cho rằng người đã trải qua nhiều năm cuộc đời mà không thiếu bất kỳ điều gì tốt đẹp tự thân cũng là người đủ tốt để đón nhận những hoa trái thực tế.

Với ông Pontifex, những thứ khiến ông chú tâm nhiều, ông chẳng thiếu bao giờ. Thật vậy, ông đã có thể hạnh phúc hơn nếu biết bận tâm đến những điều mà ông vốn không bận lòng đến, nhưng vấn đề mấu chốt là ở chỗ ‘nếu ông đã biết bận tâm.’ Chúng ta hết thấy đều tội lỗi và không xứng đáng được hưởng vinh dự là tự cho mình được sự thoải mái mà vốn chúng ta có thể dễ dàng làm được. Việc tự cho mình sự thoải mái vốn dĩ là việc mà có lẽ chúng ta dễ dàng làm được, nhưng tất cả chúng ta đều tội lỗi và không đáng được hưởng vinh quang đó. Nhưng ông Pontifex lại là một trường hợp đặc biệt, ông không bận tâm và hẳn sẽ không kiểm cho nhiều những thứ mà ông vốn không muốn.

Không điều gì sỉ nhục con người hơn là việc tâng bốc đức hạnh như thể tự bản chất nó vẫn chưa đủ tốt cho nó, mà còn cần phải thêm một loạt dây dợ những thứ liên hệ, được các nhà tâm linh suy diễn ra, nhưng lại chẳng ăn nhập gì với nó. Nguồn gốc thực sự của đức hạnh lâu đời hơn và đáng trọng hơn tất cả những gì người ta có thể nghĩ ra cho nó. Đức hạnh xuất phát từ trải nghiệm về hạnh phúc riêng của chính con người, và điều này, dù không hẳn là tuyệt đối đúng, nhưng vẫn là điều ít sai lầm nhất mà chúng ta biết được. Nếu không có một nền tảng tốt hơn chính nó, thì một hệ thống không thể đứng vững và sẽ luôn mang trong mình sự bất ổn rồi sẽ đổ nhào cho dẫu chúng ta có đặt nó trên cái gì đi nữa.

Từ lâu, nhân loại đã xác định rằng đạo lý và đức hạnh là điều sẽ đưa người ta đến bến bình an. Châm ngôn đã nói, ‘hãy sống đức hạnh, rồi người sẽ được hạnh phúc.’ Chắc chắn nếu một đức hạnh được cho là tốt lại không cho người ta được bình an thì nó chỉ là một biến tướng của thói xấu mà thôi, và nếu một thói bị cho là xấu lại không gây ra mỗi nguy hại nghiêm trọng nào trong suốt nhiều năm sau, thì nó không phải là một thói quá xấu như người ta nghĩ. Bất hạnh thay, dù tất cả chúng ta đều biết về quan điểm cốt yếu rằng đức hạnh quy hướng về hạnh phúc, và thói xấu hướng về đau khổ, chúng ta lại không đồng thuận với nhau về chi tiết của luận điểm này, chẳng hạn như, liệu trong trường hợp nào, thì hút thuốc hướng người ta đến hạnh phúc hay đau khổ.

Từ những quan sát nghèo nàn của mình, tôi xin nói ra như thế này, sự tàn nhẫn và ích kỷ của cha mẹ đối với con cái thường không kéo theo những hệ quả xấu cho bậc cha mẹ đó. Họ có thể phủ bóng tối lên cuộc đời con cái trong nhiều năm trời mà lại không phải chịu đựng bất kỳ đau khổ nào. Như vậy, tôi có thể nói rằng, các bậc cha mẹ chẳng làm gì trái ngược ghê gớm với đạo đức, nếu như họ xem con cái là gánh nặng đối với mình trong mức độ nào đó.

Cho rằng ông Pontifex không phải là một người quá cao thượng, thì như thế, những người bình thường cũng không cần phải quá cao thượng. Nếu đức hạnh và tinh thần của chúng ta chỉ cần ngang mức ‘chính yếu’ hay ‘vừa vừa’, hoặc có thể nói là trung bình so với nhân loại, thì như vậy là đủ rồi.

Có một thực tế là những người giàu có và sống thọ là những người biết sống quân bình. Những người vĩ đại nhất và khôn ngoan nhất nhân loại hầu hết là những người quân bình nhất – những người giữ được sự ‘vừa vừa’ giữa hai thái cực đức hạnh và thói xấu. Họ hầu như không thể thành công nếu như không làm được điều này, và khi xem xét những kẻ thất bại, chúng ta thấy sẽ chẳng có chuyện đó nếu người đó không tệ hơn đồng loại của mình. Homer đã kể cho chúng ta về một người đã làm việc với mục đích luôn mãi được nổi trội và đứng trên người khác. Đó quả thật là một con người khó chịu và chẳng thể kết bạn với anh ta nổi! Nhân vật chính của homer cuối cùng lãnh kết cục thâm thảm, và tôi cũng đã chẳng chút hoài nghi rằng dù anh ta là ai, sớm hay muộn cũng sẽ chịu như vậy mà thôi.

Có một chuẩn mực cao dành cho những đức hạnh hiếm có, và một đức hạnh hiếm có thì cũng như một giống cây, động vật hoặc đồ vật hiếm vậy, những thứ không thể giữ nguyên được vị thế của mình trong đời. Một đức hạnh hữu ích phải giống như thứ vàng được đem pha trộn với những kim loại thường hơn nhưng lại bền vững hơn.

Người ta phân biệt thói xấu và đức hạnh như thế chúng là hai thứ tách biệt, chẳng chút gì dính dáng đến nhau cả. Nhưng, không phải như vậy. Không có một tính tốt hữu dụng nào lại không có lẫn chút thói xấu, và hiếm có thói xấu nào lại không có được chút ít tính tốt trong đó; đức hạnh và thói xấu giống như sự sống và sự chết, hay tinh thần và vật chất, những thứ

không thể tồn tại nếu không có cái đối lập với chúng. Sự sống thực nhất vẫn hàm chứa sự chết, và kẻ chết vẫn còn sống theo nhiều phương diện; cho nên người ta đã nói thế này, ‘lạy Chúa, nếu Ngài quá khắt khe xét những lỗi phạm’, và như thế thể hiện rằng cho dù những lý tưởng cao nhất mà chúng ta có thể lĩnh hội được, vẫn cho phép thỏa hiệp với thói xấu, và vẫn có chỗ cho những thói xấu hèn hạ nếu như chúng không nghiêm trọng quá đáng. Hiển nhiên là thói xấu phải tỏ lòng kính trọng đức hạnh, chúng ta gọi cái đó là đạo đức giả; vậy thì cũng nên có một từ để nói lên lòng kính trọng dành cho thói xấu, một việc mà đức hạnh hiếm khi làm, nhưng dù gì cũng nên làm một cách khôn ngoan.

Tôi cho rằng có vài người sẽ tìm hạnh phúc bằng cách cố cho được những gì, mà chúng ta thấy là, ở một chuẩn mực đạo đức cao hơn người khác. Tuy nhiên, nếu người ta đi theo lối này, thì họ phải hài lòng với đức hạnh như một phần thưởng cho chính bản thân nó, và không được phàn nàn trách móc nếu họ thấy ra rằng tính hào hiệp thái quá chỉ là một thứ cực kỳ xa xỉ, một thứ không thuộc về thế giới này. Họ buộc lòng không được phép xao động khi loại bỏ một tính xấu để cố gắng đạt đến những gì tốt nhất ở cả đời này và đời sau. Có lẽ chúng ta không tin vào những chi tiết trong lịch sử Kitô giáo, nhưng nếu như chúng ta chấp nhận những tình tiết này, thì phần quan trọng của giáo lý Kitô giáo vẫn còn đúng. Chúng ta không thể thờ cả Thiên Chúa và Tiền tài; lối nhỏ và cửa hẹp^[13] sẽ ban cho kẻ tin điều khiến họ được xứng đáng với nước trời, và không có nơi nào nói rõ điều này hơn Kinh Thánh. Thật chính đáng khi có những người nghĩ như vậy, và cũng thật chính đáng khi những kẻ đầu cơ sẽ tự đào hố chôn mình – nhưng sẽ không còn chính đáng nữa nếu đại đa số nhân loại lìa bỏ cái lối mòn ‘quân bình’ đó.

Đối với hầu hết mọi người, và hầu hết hoàn cảnh, sự khoái lạc, nghĩa là phú quý vật chất hữu hình trong đời này, là phép thử an toàn nhất đối với đức hạnh. Tiến trình đời sống trải qua những khoái lạc hơn là những đức hạnh khắt khe tột bậc, và đức hạnh cao nhất lại thiên về sự cực đoan hơn là khổ hạnh. Hãy lấy kinh tế ra làm ẩn dụ, chúng ta có thể thấy rằng tình hình cạnh tranh thật khốc liệt, và lợi nhuận lại đang sụt giảm, khiến cho đức hạnh không thể bỏ qua bất kỳ cơ hội tốt nào, và phải đặt hành động của mình trên

dòng tiền thực đang quản lý hơn là trên những quảng cáo viễn vông. Bởi thế, cũng như những người đủ thận trọng và đủ kỹ năng kinh doanh, đức hạnh sẽ không hề hững với những nhân tố quan trọng vốn cho chúng ta một cơ hội có được một nhận thức thoát ly, hoặc cũng có thể là thoát khỏi đời này. Và những người cẩn trọng cũng như biết xoay xở cũng sẽ làm như vậy trong những vấn đề khác. Một đức hạnh hợp lẽ sẽ tận dụng cơ hội này với giá trị xứng với nó, dù ít hay nhiều.

Và xét đến tận cùng, khoái lạc là người dẫn đường an toàn hơn cả quyền lợi và nghĩa vụ. Bởi thật khó để biết được điều gì sẽ cho ta khoái lạc, nhưng để phân rõ được quyền lợi và trách nhiệm thì còn khó hơn nữa, và hai thứ này cũng hết như một quan điểm khoái lạc sai lầm; nếu chúng ta sai lầm với chúng, chúng sẽ dẫn chúng ta đến một hoàn cảnh thật đáng buồn. Khi người ta tự chuốc họa vào mình do đã chạy theo khoái lạc, họ sẽ tìm cho ra sai lầm của mình và đi đến nhận thức được điểm nào đẩy họ vào sai trái, một cách dễ dàng hơn là đối với những người chạy theo những trách nhiệm hay những lý tưởng hảo huyền về một đức hạnh đúng đắn. Thật vậy, khi ác quỷ đội lốt thiên thần, thì chỉ những người lão luyện đặc biệt tinh thông mới nhận ra được nó, và quỷ dữ thường làm vậy đến nỗi thật khó phân biệt ác quỷ với thiên thần, nên những người cẩn trọng sẽ đi theo tiếng gọi của khoái lạc như là một người dẫn đường đơn giản hơn nhưng lại đáng trọng hơn, và trên tất cả là, đáng tin hơn.

Lại nói về ông Pontifex, ngoài việc ông đã sống thọ và giàu có, ông còn có con đàn cháu đống, những người mà ông không chỉ truyền cho những đặc tính thể lý và tinh thần, với những biến đổi vừa phải như bình thường vẫn vậy, mà hơn nữa, ông còn để lại một đặc nét không nhỏ, và khó truyền lại hơn, đó chính là đặc tính mang tên tiền tài của ông. Người ta có thể nói ông có được tiền tài chỉ bằng cách ngồi không và để dòng tiền tự vận hành như nó vẫn vậy. Nói như thế chính xác là để phản bác ông, nhưng đó lại không phải là lời phản bác cho những người không nắm được dòng tiền khi nó vận hành, hay những người thậm chí chỉ có tiền trong một thời gian ngắn và không thể giữ lâu dài để truyền lại cho con cháu, hay sao? Nhưng ông Pontifex đã nắm được dòng tiền đó. Ông đã giữ được những gì mà người ta

cho là ông đã làm ra, và tiền bạc, thứ dễ kiếm hơn là giữ, giống như một chứng nhận cho năng lực của ông.

Như thế, xét toàn bộ mọi sự, tôi không có khuynh hướng khắt khe với ông như cha tôi đã làm. Nếu đánh giá ông theo một chuẩn mực quá cao đẹp, thì ông chẳng là gì cả. Nhưng nếu đánh giá ông theo chuẩn mực trung bình, thì chẳng thấy được nhiều thiếu sót nơi ông. Tôi đã nói ra hết đây những điều tôi đã nói qua trong những chương trước, và tôi sẽ không phá vỡ mạch truyện của mình để lặp lại nữa. Tôi nên tiếp tục câu chuyện và không cần điều chỉnh những phán xét mà có lẽ các bạn đã hoặc sẽ vội vàng hấp tấp quy cho không chỉ riêng ông Pontifex, mà còn cho Theobald và Christina nữa.

Còn bây giờ, tôi xin tiếp tục câu chuyện của mình.



Đứa con mới sinh đã mở mắt cho Theobald thấy một thứ mà từ trước đến nay anh chỉ thấy mờ mờ. Anh đã không biết một đứa trẻ sơ sinh sẽ gây phiền toái đến mức nào. Những đứa trẻ đột ngột đến với thế giới này, và làm rối tung mọi thứ lên thật khủng khiếp; tại sao chúng không thể rón rén đi vào cuộc sống chúng ta và gây ít chấn động cho gia đình hơn chứ? Mà vợ anh vẫn chưa hồi phục sau thai kỳ, trong vài tháng tới, cô ấy sẽ chẳng làm được việc gì; rồi nó còn gây nên một phiền toái quá thể nữa là buộc anh phải lạm nhiều đến khoản để dành dự phòng cho gia đình của mình. Bây giờ anh đã có gia đình, và càng phải thắt lưng buộc bụng hơn, thế nhưng đứa trẻ mới sinh đã phá hỏng hết dự định của anh. Có lẽ các nhà lý luận sẽ nói rằng họ thích sự hiện hữu của đứa con bởi nó là tiếp nối cho đặc tính của cha nó, nhưng chúng ta đều sẽ thấy những người nói như vậy là những kẻ chẳng có con cái. Những người cha trong gia đình thực sự mới hiểu rõ điều này hơn nhiều.

Khoảng mười hai tháng sau khi sinh Ernest, thêm một đứa trẻ nữa ra đời, lại là một bé trai, được rửa tội đặt tên là Joseph, rồi chưa đến một năm sau, Christina lại sinh thêm một bé gái, lấy tên Charlotte. Vài tháng trước khi sinh đứa con thứ ba, cô đã ghé thăm anh John ở London, và khi biết mình có mang, cô liền đến viếng triển lãm của học viện hoàng gia để xem những bức chân dung hình mẫu các phụ nữ đẹp, bởi cô nghĩ rằng đứa bé lần này sẽ là một bé gái. Alethea đã cảnh báo cô đừng làm như vậy, nhưng cô không chịu nghe, và rồi đứa trẻ mới sinh rõ ràng không được đẹp cho lắm, dù tôi không biết việc này có phải do những bức chân dung kia không nữa.

Theobald chưa bao giờ thích trẻ con. Anh tránh xa chúng ngay khi có thể, và chúng cũng vậy. Ôi thôi, anh tự hỏi mình rằng tại sao lũ trẻ không được sinh ra trong tình trạng đã trưởng thành cho rồi? Nếu Christina có thể sinh ra vài mục sư đã trưởng thành và được đứng trong hàng giáo sĩ, mang quan điểm quân bình, nhưng có hơi thiên về phái Phúc âm, có thu nhập thoải mái và giống hệt Theobald về mọi phương diện, nếu được như vậy thì chẳng phải hợp lý hơn ư? Hoặc tại sao người ta không thể mua những đứa trẻ đã được làm sẵn trong một cửa hàng với đủ loại lứa tuổi và giới tính, thay vì phải tạo ra chúng ở nhà và cứ mãi bắt đầu từ bước đầu tiên với chúng, dù như thế có vẻ sẽ tốt hơn, nhưng mà Theobald không thích như vậy. Cảm nhận của anh giống hệt như lúc anh bị buộc phải đến cưới Christina, nghĩa là anh phải tỏ ra dễ thương trong một thời gian dài, và cứ lặp lại như vậy mãi. Trong việc kết hôn, anh đã bị ép buộc phải tỏ ra như vậy; nhưng thời thế đã thay đổi, và nếu bây giờ có điều gì không vừa lòng, anh có thể tìm đủ lý lẽ xác đáng để tỏ rõ nó ra.

Mọi chuyện có lẽ sẽ tốt hơn nếu thời trẻ Theobald đã dám phản kháng hơn với cha mình; nhưng sự thật là anh đã không làm như vậy, nên anh càng có lý do để hy vọng những đứa con sẽ tuân phục anh tuyệt đối. Anh có thể tin tưởng vào sự tốt đẹp của chính mình. Anh đã cho rằng (và Christina cũng vậy), anh sẽ khoan dung hơn cha mình; và anh cũng cho rằng (và một lần nữa Christina cũng vậy) nếu có gì đó không ổn là do anh quá khoan dung mà thôi; anh phải chống lại tính này, bởi nhiệm vụ lớn nhất của bậc cha mẹ là dạy cho con cái biết vâng lời họ trong tất cả mọi việc.

Cách đây không lâu anh đã đọc về một nhà du hành phương Đông, khi ông khám phá một vùng xa xôi đâu đó tại Ả rập và Tiểu á, đã gặp được một cộng đoàn nhỏ các Kitô hữu rất mực siêng năng, điềm đạm, dũng cảm và khỏe mạnh, thì ra đó là con cháu của Jonadab, dòng dõi Rechad^[14]. Rồi một thời gian sau đó, ở Battersby, có hai người đàn ông mặc âu phục, nhưng lại nói tiếng anh với giọng bập bẹ, và màu da chỉ rõ họ là người phương Đông; họ tự giới thiệu là hậu duệ của nhóm người vừa kể trên, và đến đây xin tiền gây quỹ hòng cải đạo cho những đồng bào của mình qua nhánh Kitô giáo thuộc anh giáo. Nhưng thực ra, họ là những kẻ mạo danh, bởi khi Theobald

cho họ 1 bảng, và Christina rút tiền túi cho thêm 5 shilling nữa, thì họ ghé ngay quán rượu ở ngôi làng bên cạnh mà chè chén; dù vậy điều này vẫn không làm mất giá trị câu chuyện của nhà du hành phương Đông họ. Rồi Theobald còn được nghe biết về dân Roma, những người mà đối với họ sự cao quý phải gắn liền với uy quyền tốt đẹp của người chủ gia đình trên mọi thành viên trong gia đình đó. Một vài người Roma đã giết cả con cái họ, điều này đã đi quá xa rồi, nhưng mà dân Roma thời đó chưa theo đạo, nên chẳng biết được phải trái về lẽ này cho lắm.

Những điều vừa nói ở trên, đã gây nên một niềm tin trong Theobald, và như thế cũng là trong Christina, rằng trách nhiệm của họ là phải rèn luyện con cái theo con đường đúng đắn mà chúng phải theo, và phải làm việc đó ngay từ trong trứng nước. Phải canh chừng những dấu hiệu ban đầu của sự bướng bỉnh, và phải triệt tận gốc trước khi chúng lớn thêm lên. Có thể nói một cách hình tượng rằng, Theobald đã giữ lấy con rắn vô cảm này và nâng niu nó trong lòng mình.

Trước khi Ernest biết bò, Theobald đã tập cho nó quỳ; trước khi nó biết nói, anh đã tập cho nó bập bẹ kinh lạy Cha và kinh Thú mình. Tôi thật chẳng hiểu làm sao lại có thể tập cho trẻ con những thứ như thế sớm đến vậy? Nếu Ernest lơ là, hay đãng trí, thì với anh đó là thứ cỏ dại sẽ lớn lên nhanh chóng, trừ khi bị nhổ đi ngay lập tức, và cách duy nhất để loại bỏ chúng là dùng đến roi vọt, hoặc nhốt trong tủ chè, hoặc tước đi một vài niềm vui nhỏ nhỏ của tuổi thơ. Trước lúc lên ba, Ernest đã biết đọc, và viết tạm tạm. Trước lúc lên bốn, nó đã được học tiếng Latin, và có thể làm được phép cộng.

Còn riêng về Ernest bé bỏng, tự bản tính nó điềm đằm, rất quý chị vú nuôi, thích chơi với mèo con và chó con, cũng như tất cả thứ gì tử tế với nó, có nghĩa là cho nó được phép yêu mến chúng. Nó cũng yêu mẹ vô cùng, nhưng với cha thì khác, về sau nó đã nói với tôi rằng nó chẳng có cảm giác gì với cha ngoài sợ hãi và tránh né. Christina không khuyên can việc Theobald áp đặt những bài học nghiêm khắc lên đứa trẻ, và cũng không ngăn cản những trận đòn, thứ vốn được xem là cần thiết vào thời đó. Thật sự là mỗi khi Theobald vắng nhà, việc dạy bảo Ernest được giao cho cô, và cô

buồn rầu thấy ra rằng khắt khe là việc duy nhất phải làm, và cô làm việc đó hiệu quả không kém gì Theobald, nhưng cô trù mến với đứa trẻ, điều mà Theobald không có, và phải rất lâu về sau cô mới có thể khiến cho đứa con trai đầu này quên đi hết những tình cảm dành cho cô. Nhưng dù gì cô cũng đã rất cố gắng yêu thương nó.



Thật lạ lùng! Christina tin rằng cô quá đỗi yêu mến Ernest, và rõ ràng là cô yêu nó nhiều hơn bất kỳ đứa con nào khác. Vấn đề của cô là cô cứ giữ ý tưởng rằng chưa có bậc cha mẹ nào biết bỏ mình và tận tâm đối với hạnh phúc của con cái cho bằng cô và Theobald. Cô chắc rằng tương lai của Ernest sẽ rất đỗi xán lạn. Và như thế càng cần phải nghiêm khắc hơn nữa, để ngay từ đầu giữ được sao cho không vết nhơ tội lỗi nào vấy bẩn tâm hồn trong sạch của nó. Cô không thể để mình mơ tưởng viễn vông theo kiểu các bà mẹ Do Thái thời trước khi Đấng Messia đến, bởi Ngài đã đến rồi, nhưng đã hơn ngàn năm trôi qua, và, cô nghĩ, chắc chắn không lâu sau năm 1866, lúc Ernest vừa đến tuổi trưởng thành, thì sẽ cần xuất hiện một Elijah mới để báo trước cho Đấng sắp đến. Chúa làm chứng cho cô rằng chưa bao giờ cô nguôi đi ý nghĩ được tử đạo cùng Theobald, và cô còn mong muốn điều này cho con trai mình nữa, nếu như điều đó cần thiết để phụng sự Đấng Cứu Thế. Ôi thôi, không! Nếu Chúa bảo cô hãy hiến tế đứa con trai đầu lòng của mình, như Ngài đã nói với Abraham, thì cô sẽ đưa nó lên đồi Pigbury và hạ ngọn..., không, cô không thể làm vậy, cô sẽ không làm nếu không nhất thiết phải là chính tay cô, có lẽ sẽ có một ai khác làm việc đó.

Không phải ngẫu nhiên mà Ernest được rửa tội bằng nước sông Jordan. Cô không chủ tâm việc đó, Theobald cũng vậy. Cả hai đã không cố tạo ra việc này. Khi nước từ dòng sông thiêng muốn đến với đứa trẻ được hiến thánh, thì nó sẽ tìm đường từ Palestine xa xôi băng qua bao vùng đất và vùng biển để đến được cửa nhà đứa trẻ đó. Sao nào, đó là một phép lạ! Đúng vậy! Đúng như vậy! Giờ đây cô đã thấy được toàn bộ chuyện này. Dòng sông Jordan đã cất công đến tận nhà cô. Thật phi lý khi nói đó không phải là

một phép lạ. Không phép lạ nào xảy đến mà không nhờ vào phương tiện nào đó; tín hữu và kẻ ngoại đạo chỉ khác nhau ở chỗ nhìn ra phép lạ hay không. Người Do Thái đã không nhìn ra phép lạ, ngay cả trong biến cố phục sinh cho Lazaro và trong việc hóa bánh cho năm ngàn người ăn. Gia đình anh John có thể không nhìn ra phép lạ trong dòng nước Jordan này. Bản chất của phép lạ không phải nơi việc bỏ qua những phương tiện đó, mà cốt ở chỗ hướng những phương tiện đó đến kết cục cao đẹp và cùng lúc đó phải chấp nhận nhiều trở ngại xảy đến; và chẳng ai nhận ra được rằng ngài Jones hẳn đã không đem dòng nước đó về nếu như không được Chúa linh hướng. Cô sẽ nói điều này với Theobald, và cho anh thấy được phép lạ này lúc... Nhưng có lẽ tốt hơn là không nên. Với những vấn đề như thế này, phụ nữ nhìn thấu hơn và chính xác hơn đàn ông. Chẳng phải người duy nhất được đón nhận hầu như hoàn toàn sự viên mãn của Thiên Chúa chính là Đức mẹ, một người phụ nữ, hay sao? Nhưng tại sao cô lại không cất giữ dòng nước đã dùng để rửa tội cho Ernest? Không nên, không bao giờ nên đổ nó đi, nhưng mà chuyện đã như vậy rồi. Tuy nhiên, có thể điều này cũng là để hướng đến điều tốt đẹp nhất mà thôi; có thể vợ chồng cô sẽ bị cám dỗ nhiều để giữ nước đó lại, và có thể nó sẽ trở thành mối nguy hại cho linh hồn họ, thậm chí họ sẽ trở nên kiêu ngạo, một tội mà cô ghê tởm nhất trên đời.

Còn về con đường mà dòng nước này đến được Battersby, đó chẳng phải là qua địa cầu này, nơi dòng sông Jordan đang chảy đó sao. Ngài Jones rõ ràng là một con người thuộc về thế gian, quá trần tục; và cô đau lòng khi nghĩ rằng cha chồng của cô cũng như vậy, cho dù có đỡ hơn phần nào, trong tim ông rõ ràng là có tính hướng thượng, và tuổi càng cao, ông ngày càng hướng thượng hơn, dù vẫn còn vương vấn thế gian này có lẽ là cho đến tận những giờ cận kề cái chết. Trong khi đó, cô và Theobald đã bỏ lại sau lưng tất cả vì Chúa. Họ không thuộc về thế gian này. Ít nhất thì chỉ một mình Theobald không được như vậy mà thôi. Còn cô thì có, và cô chắc rằng cô đã lớn lên thêm trong ân sủng từ lúc cô bỏ ăn những thứ chưa cắt tiết, và việc này cũng hết như dòng nước sông Jordan rửa sạch những vết nhơ mà người ta đã vương phải trên hai dòng sông như uế abana và Pharpar ở Damacus vậy. Con trai của cô sẽ không bao giờ được ăn những thứ chưa được cắt tiết

và cả đời lợn nữa, mà dù sao thì cô cũng có thể canh chừng chặt chẽ chuyện này. Cô nên cho Ernest một mảnh san hô đỏ lấy từ vùng phụ cận Joppa, nơi có nhiều vụn san hô dọc bãi biển, nhờ đó sẽ có thêm chút tác động nhỏ cho mọi chuyện được dễ dàng hơn; cô sẽ viết thư nhờ ngài Jones về việc này,...v.v. Và cô cứ theo đuổi những suy nghĩ như thế, từng giờ từng ngày, từng năm ròng. Thật sự thì Christina yêu quý đứa con này với một lòng mến yêu cao cả tột bậc, nhưng những mộng mơ ban ngày của cô lại quá cao, còn cao hơn cả những gì cô mơ thấy trong giấc ngủ nữa.

Như tôi đã nói, khi Ernest mới được hai tuổi, Theobald đã bắt đầu dạy nó tập đọc. Và chỉ hai ngày sau đó, anh đã dùng đến roi vọt.

‘Tôi đau lòng’ Theobald nói với vợ như vậy, nhưng đó là cách duy nhất phải làm và anh đã làm như vậy. Ernest nhỏ con, nhợt nhạt và đau yếu luôn, nên hai vợ chồng phải đưa nó đến bác sỹ suốt để ông cho nó uống calomel và thuốc bột James. Cả hai đều làm tất cả mọi chuyện với tình thương, lo lắng, sợ sệt, và cả với sự dạn dột cũng như thiếu kiên nhẫn. Họ ngớ ngẩn trong những việc nhỏ nhặt, và đứa trẻ vốn đã đôi chút ngớ ngẩn cũng do đó mà trở nên ngu dại hơn nhiều.

Lúc này ông Pontifex đã mất, và Theobald cũng khám phá ra sự thay đổi nho nhỏ trong di chúc lúc ông để lại một khoản cho Ernest. Đó thật là một điều khó chấp nhận, nhất là bây giờ hai vợ chồng anh đã không thể nói với ông dù chỉ một lời rằng ông không còn có thể đe dọa được họ nữa. Còn về phần đứa trẻ, ai ai cũng thấy được là khoản di chúc đó hẳn phải là một vận rủi giáng xuống đầu nó. Cho một đứa trẻ chút ít độc lập về tiền bạc, cũng có thể là việc gây tai hại nhất cho nó. Số tiền đó có thể phá hỏng nghị lực, và xóa mờ khát vọng lao động của nó. Nhiều người trẻ đã sa vào con đường lầm lạc chỉ bởi nó biết được rằng khi đến tuổi trưởng thành, nó sẽ được nhận đến vài ngàn bảng.

Theobald và vợ anh chắc chắn phải hiểu những ý thích của con mình, và hẳn phải phán đoán về những ý thích đó tốt hơn nó, cho dù lúc đó nó đã được hai mươi một tuổi đi chẳng nữa. Hơn nữa, nếu Jonadab, dòng dõi Rechad, đã để lại cho con cháu một gia sản đáng kể, thì tại sao ông lại không muốn chúng sống một cách dễ dãi hơn, v.v...^[15] Sau khi bàn về vấn đề này vài

chục lần, Theobald nói với vợ, ‘Em à, việc duy nhất có thể chỉ cho chúng ta một lối thoát và khuây khỏa phần nào, là hãy thoát khỏi những chuyện thực tế trước mắt này đi đã. Tôi sẽ đi thăm bà Thompson một chuyến.’

Vào giai đoạn đó, người ta kháo nhau rằng bà là người đã được gột rửa sạch hết mọi tội lỗi,...v.v, sớm hơn và dứt khoát hơn những người khác một chút.



Lúc con đỡ đầu của tôi còn nhỏ, tôi thường thỉnh thoảng đến ở lại Battersby vài ngày. Thật khó để nói vì sao tôi đến đó, bởi Theobald và tôi ngày mỗi xa cách nhau, nhưng đôi khi người ta cứ làm theo những gì đã thành lệ, và thứ được cho là tình bạn giữa chúng tôi vẫn tiếp tục tồn tại, cho dù nó kém xa thuở ban đầu. Ernest khiến tôi hài lòng hơn những đứa em của nó, nhưng dường như nó không có được sức sống của trẻ con, và trông như một ông cụ non ốm yếu, tái xám, tệ hơn cả tôi nữa. Tuy vậy, khi còn nhỏ tuổi, người ta rất sẵn sàng thân thiện với người khác.

Tôi nhớ là trong một lần viếng thăm như vậy, ngày đầu tiên tôi mới đến, Ernest và em trai nó cứ luẩn quẩn quanh tôi, trên tay cầm đầy những nhành hoa đang héo, và cuối cùng chúng đem tặng cho tôi. Lúc đó, tôi làm một việc mà tôi nghĩ là chúng đang chờ đợi; tôi hỏi chúng xem gần đây có nơi nào để chúng mua kẹo bánh hay không. Chúng nói là có, và tôi lục túi mình, nhưng chỉ có hai đồng một xu, và một đồng nửa xu mà thôi. Tôi đưa cho chúng, và hai đứa nhóc, bốn tuổi và ba tuổi, chap chững tự đi mua đồ cho mình. Không lâu sau, chúng quay trở về, và Ernest nói, ‘Chúng con không thể mua kẹo với toàn bộ số tiền này’ (tôi thấy như đang bị trách, nhưng chúng hoàn toàn không có ý trách gì tôi), ‘chúng con có thể mua kẹo với cái này’ (đưa ra một xu), ‘và cái này’ (đưa ra một xu nữa), ‘nhưng không thể mua được với toàn bộ cái này,’ và nó thêm đồng nửa xu vào với hai xu đó. Tôi cho là chúng muốn một cái bánh giá hai xu, hay một cái gì tương tự như thế. Tôi rất thích thú, và để cho chúng tự giải quyết vấn đề này theo cách của chúng, và háo hức chờ xem tiếp theo sẽ là gì đây.

Chẳng mấy chốc sau, Ernest nói, ‘Có lẽ chúng con đưa lại cho bố cái này’ (đưa đồng nửa xu ra), ‘và không đưa bố cái này và cái này được không?’ (đưa ra hai đồng một xu). Tôi đồng ý, và chúng thở phào nhẹ nhõm rồi hân hoan chạy đi mua kẹo. Với thêm vài xu và vài món đồ chơi nhỏ nữa, tôi đã chinh phục được chúng, rồi chúng bắt đầu tin tưởng chuyện trò với tôi.

Chúng kể với tôi một chuyện mà tôi nghĩ là mình không nên nghe. Chúng nói rằng nếu ông ngoại của chúng sống thọ hơn, thì hẳn ông đã thành một giám mục lớn, rồi cha của chúng sẽ được thành Đức Ông, nhưng bây giờ ông của chúng đã ở trên thiên đàng cùng với bà ngoại Allaby mà hát ngợi khen Chúa Giêsu, Đấng yêu thương chúng hết mực; và chúng còn kể lúc Ernest bị ốm, mẹ đã nói với nó rằng nó không cần phải sợ cái chết bởi nó sẽ được lên thẳng thiên đàng, chỉ cần nó biết hối lỗi về những lần học hành không tốt hay những lúc làm phật ý cha nó, và hứa sẽ không bao giờ, không bao giờ làm phật ý cha nữa; rồi khi nó lên đến thiên đàng, ông bà ngoại sẽ gặp nó, và nó sẽ được ở mãi với ông bà, họ sẽ rất tốt với nó, sẽ dạy nó hát những bài thánh ca tuyệt hay, hay hơn nhiều những bài mà hiện giờ nó đang thích,...v.v; nhưng nó không muốn chết, và rất mừng khi khỏe lại, bởi trên thiên đàng không có mèo con, và nó cũng không nghĩ là thiên đàng sẽ có cây anh thảo hoa vàng để làm trà anh thảo cho nó uống.

Christina rõ ràng là thất vọng về hai đứa con trai. ‘Những đứa con của tôi, chẳng đứa nào có thiên tư, anh Overton ạ,’ cô nói với tôi như thế vào một bữa ăn sáng nọ. ‘Chúng có khả năng tương đối, và nhờ được Theobald dạy dỗ, chúng giỏi hơn so với tuổi, nhưng không có vẻ gì là thiên tài cả: thiên tài là một điều khác biệt hẳn, đúng không anh Overton?’

Tất nhiên câu trả lời của tôi là ‘Có, nó khác biệt hẳn’, nhưng nếu nói rõ hơn thì sẽ là ‘mong cô làm ơn đưa cho tôi tách cà phê, và đừng nói chuyện ngớ ngẩn nữa.’ Tôi chẳng rõ thiên tài là thế nào, nhưng theo những gì tôi nghĩ, thì có thể nói rằng đó chỉ là một từ ngớ ngẩn mà những kẻ nịnh hót trong khoa học và văn chương sẽ chẳng chịu bỏ nó cho sớm đâu.

Tôi không biết chính xác Christina kỳ vọng điều gì, nhưng có thể hình dung ra gần như thế này: ‘Con cái của tôi hẳn đều phải là thiên tài, bởi chúng là con của tôi và Theobald, và thật nhảm nhí nếu chúng không được

như thế; nhưng sự thật là chúng không thể giỏi giang và thông minh như Theobald và tôi được, và nếu chúng có thể hiện nào như thế, thì chúng thật quá hư đốn. Nhưng may thay, chúng không được như vậy, nhưng như thế lại cũng thật tệ. Thôi đi, thôi đi, sao nào, một thiên tài phải thể hiện sự khác biệt về trí tuệ ngay từ lúc còn rất nhỏ, mà những đứa trẻ của tôi, chưa có đứa nào lên mặt báo. Tôi sẽ không để chúng được lên mặt kiêu như thế, tôi với Theobald được lên báo là quá đủ cho chúng tự hào rồi.'

Người đàn bà tội nghiệp, cô không biết rằng, sự vĩ đại khoác lên mình một chiếc áo tàng hình, và đến rồi đi với người ta mà không ai biết được; nếu nó không tự giấu mình đi, và giấu mình khỏi ánh mắt người ta trong suốt nhiều năm trời, thì sự vĩ đại đó chẳng mấy chốc sẽ biến dạng thành một thứ rất tầm thường mà thôi. Người ta có thể thắc mắc rằng trở nên vĩ đại có gì tốt? Câu trả lời là có lẽ bạn sẽ nhận biết được một điều cao cả tốt đẹp hơn nơi mọi người, dù còn sống hay đã chết, và bạn chọn một trong số đó rồi tận dụng cũng như nắm bắt được nó, từ đó bạn sẽ có thể đem hoan lạc đến cho cả những người cao quý nhất, và có thể sống trong cuộc đời cả những kẻ chưa được sinh ra. Người ta sẽ thấy được rằng chừng đó là đã đủ cho sự vĩ đại, mà chẳng cần phải thêm cái tham vọng muốn đè đầu cưỡi cổ người khác, cho dù tham vọng đó có giấu mình trong sự nhún nhường đi chăng nữa.

Tôi có đến nhà Theobald vào một ngày chủ nhật và chứng kiến sự nghiêm ngặt trong việc giữ ngày Sabbath mà vợ chồng anh dạy cho các con, chúng không được bỏ những việc thường làm và cũng không được vẽ vào ngày chủ nhật, và chúng thấy thật nặng nề, bởi những anh em họ bên nhà bác John được làm những việc đó. Những anh em họ của chúng được phép chơi tàu lửa đồ chơi vào ngày chủ nhật, chỉ có một điều là chúng phải hứa chỉ chạy đoàn tàu ngày chủ nhật, còn tất cả mọi con tàu khác đều bị cấm. Vào ngày Chủ nhật, với đám trẻ nhà Theobald, chỉ có một điều khác biệt được cho phép mà thôi, đó là tối đó, chúng được phép chọn bài thánh ca cho riêng mình.

Vào buổi tối, chúng tôi ngồi trong phòng khách, đám trẻ nhà Theobald hát thay vì đọc một vài thánh ca tặng riêng cho tôi, và tôi đã được nghe thấy

giọng chúng tốt đến thế nào. Ernest hát đầu tiên, và nó chọn một bài về cây hoàng hôn. Tôi không phải là nhà thực vật học, và chẳng biết cây hoàng hôn là loại cây gì, nhưng bài hát bắt đầu như thế này, ‘Đến đây, đến, đến đây, đến với cây hoàng hôn bởi ngày đã hết, đã trôi qua.’ Giai điệu thật dễ thương, và Ernest say sưa với chúng, bởi nó có hứng thú đặc biệt với âm nhạc và giọng trẻ con của nó nghe thật ngọt ngào.

Tuy nhiên, nó rất chậm trong việc phát âm cho chuẩn từ ‘đ’, do vậy thay vì nói ‘đến’, nó nói thành ‘tến, tấn, tến.’

Từ chiếc ghế bành trước lò sưởi, với hai tay khoanh trước ngực, Theobald nói, ‘Ernest, con không nghĩ là sẽ tốt hơn nhiều, nếu con nói ‘đến’ như người ta, thay vì ‘Tến’ hay sao?’

‘Con đã nói tấn mà’ Ernest thừa lại, ý nó là nó đã nói ‘đến’.

Theobald luôn khó chịu vào tối chủ nhật. Cho dù là do cảm giác chán chường ngày chủ nhật giống như các giáo dân, hay do mệt mỏi, hay do bất kỳ lý do nào khác, thì có một sự thật là các giáo sỹ thường không có tâm trạng thật tốt vào buổi tối ngày này; tôi đã thấy những dấu hiệu đó nơi Theobald, và hơi lo ngại khi nghe Ernest nhanh miệng đáp lại ‘Con đã nói tấn mà’ ngay khi cha nó vừa lên tiếng nhắc nhở.

Theobald nhận ra đứa trẻ đang cãi lại mình. Anh đứng dậy khỏi ghế và bước đến bên cây đàn.

‘Không, Ernest, con không được đọc như vậy,’ anh nói, ‘con chẳng đọc đúng gì hết, con nói ‘tến’ chứ không phải ‘đến’. Nào, bây giờ nói theo cha, ‘đến’.’

‘Tến,’ Ernest nói ngay, ‘vậy tốt hơn chưa?’ Tôi chắc rằng nó nghĩ là nó đã phát âm tốt hơn, nhưng thực ra không phải vậy.

‘Nào, nào, Ernest, con không chịu cố gắng; con không cố gắng cho đủ. Bây giờ là lúc con cần phải học để nói ‘đến’, sao ư, Joey có thể nói ‘đến’, đúng không, Joey?’

‘Dạ, con có thể,’ Joey trả lời, và rồi phát âm nghe gần với chữ ‘đến’.

‘Đó, con nghe chưa, Ernest? Chẳng có gì khó khăn cả, một chút cũng không. Nào, bây giờ đến lượt con, hãy nghĩ về từ đó, và nói theo cha, ‘đến’.’

Thằng bé im lặng chần chừ một khắc, rồi lại nói ‘tến’.

Tôi bật cười, nhưng Theobald quay sang tôi nóng nảy và nói, ‘Đừng có cười, anh Overton; như vậy sẽ làm cho đứa trẻ nghĩ rằng chuyện này vớ vẩn, nhưng đây là một chuyện quan trọng,’ rồi anh quay sang Ernest, ‘Nào, Ernest, ta sẽ cho con một cơ hội nữa, và nếu con không nói ‘đến’ được, thì ta sẽ biết là con ương bướng và hư đốn đến mức nào.’

Trông anh rất giận, và khuôn mặt Ernest thoáng hiện nét lo sợ, giống như con chó con lúc bị mắng mà chẳng hiểu duyên cớ vì sao. Nó thấy được điều gì sắp xảy đến, và e sợ, rồi nó cố gắng, nhưng tất nhiên, nó lại nói ‘tến’ một lần nữa.

‘Được lắm, Ernest,’ Theobald nói, rung rung đôi vai giận dữ. ‘Ta đã làm hết sức mình để dạy cho con, nhưng nếu con muốn làm như vậy, thì cứ làm,’ rồi anh lôi đứa trẻ tội nghiệp đang khóc vì sợ hãi ra khỏi phòng. Vài phút sau, chúng tôi có thể nghe thấy tiếng thét từ phòng ăn, vang khắp sảnh ngăn giữa phòng khách với phòng ăn, và như thế có nghĩa là Ernest tội nghiệp đang bị đánh đòn.

‘Tôi đã cho nó đi ngủ,’ Theobald nói, lúc anh trở lại, ‘còn giờ, Christina, anh nghĩ là chúng ta nên gọi các người hầu vào để bắt đầu giờ kinh,’ rồi anh tự tay rung chuông, một việc đáng ra là của Christina.



Cậu hầu William vào và chuẩn bị ghế cho các cô hầu, rồi chẳng mấy chốc, họ đã tập trung đủ trong phòng. Đầu tiên là cô hầu của Christina, rồi đến anh đầu bếp, rồi chị hầu phòng, và cuối cùng là bác xà ích. Tôi ngồi đối diện với họ, và theo dõi khuôn mặt họ trong lúc Theobald đọc một đoạn Kinh Thánh. Họ là những con người rất tử tế, nhưng trên khuôn mặt lại là vẻ vô hồn hoàn toàn mà xưa nay tôi chưa từng thấy.

Theobald bắt đầu đọc một vài câu trong Cựu Ước theo cách riêng của anh. Đó là một đoạn trích trong chương mười lăm, sách Dân Số: về nội dung, thì đoạn này chẳng có gì đặc biệt, nhưng cái hơi hướng của nó lại phảng phất giống như chính Theobald vậy, và như thế sau khi nghe hết, tôi có thể hiểu rõ hơn là làm sao mà anh đi đến hành động và suy nghĩ như bây giờ.

Đoạn đó như sau:

‘Những kẻ nào cố tình phạm luật, dù là người bản xứ hay ngoại kiều, thì nó xúc phạm đến chính Đức Chúa. Con người ấy sẽ bị tiểu trừ khỏi đồng bào của nó. Vì nó đã khinh khi lời Đức Chúa và phế bỏ lệnh Người truyền. Con người ấy phải bị tiêu diệt. Nó phải mang lấy tội ác của nó.’

Khi con cái Israel còn ở trong sa mạc, thì người ta bắt được một người đang lượm củi ngày Sabbath. Những người bắt được kẻ đang lượm củi liền điếu y tới ông Moses, ông aharon và toàn thể cộng đồng. Họ nhốt y lại vì chưa có quyết định phải xử với y như thế nào. Đức Chúa phán với ông Moses: ‘Con người ấy sẽ phải chết; toàn thể cộng đồng sẽ ném đá nó bên ngoài doanh trại.’ Theo lệnh Đức Chúa truyền cho ông Moses, toàn thể cộng đồng đã đưa y ra khỏi trại, ném đá y và y đã chết.

Đức Chúa phán với ông Moses: ‘Người hãy nói với con cái Ít-ra-en và bảo chúng phải làm tua khâu vào tà áo của chúng, qua mọi thế hệ, và cột lên tua áo đó một sợi dây đỏ tía. Vậy các người sẽ mang tua áo, và khi nhìn thấy nó, các người sẽ nhớ đến mọi mệnh lệnh của Đức Chúa mà thi hành, chứ không theo con tim và đôi mắt các người.

Như thế các người sẽ nhớ và thi hành tất cả các mệnh lệnh Ta truyền như những người đã được thánh hiến cho Thiên Chúa các người. Chính Ta, Đức Chúa, là Thiên Chúa các người, Ta đã đưa các người ra khỏi đất Ai Cập để làm Thiên Chúa của các người, Ta, Đức Chúa, Thiên Chúa các người.’

Khi Theobald đọc đoạn trên, tôi cứ nghĩ vẫn vợ về một chuyện nhỏ mà tôi đã gặp vào chiều hôm đó.

Vài năm về trước, có một đàn ong đến làm tổ nơi mái nhà Theobald, dưới lớp ngói, và chúng sinh sôi nảy nở nhiều đến nỗi vào mùa hè, hễ mỗi khi mở cửa phòng khách là chúng lại thay nhau ùa vào lớn vờn đầy trong phòng. Giấy dán phòng khách là loại có tô điểm những đóa hồng trắng và đỏ, và đôi lần tôi thấy những con ong, bay đến những đóa hồng giả mà chúng tưởng là thật đó và cố thử xem chúng có mật không, chúng cứ thử từ đóa này qua bông khác, cho đến khi chạm phải trần nhà; rồi bắt đầu thử từng đóa một theo chiều đi xuống, cho đến khi đụng phải chiếc ghế sofa, rồi chúng lại lần từng đóa lên lại, rồi lại xuống lại, cứ thế, cứ thế, cho đến khi tôi quá mệt mỏi không thể quan sát tiếp được nữa. Và giờ đây, khi nghĩ về những giờ kinh gia đình cứ lặp lại mỗi sáng mỗi tối, tuần này qua tuần khác, tháng này qua tháng khác, và năm này qua năm khác, tôi không thể tránh được ý nghĩ rằng, việc này cũng như kiểu con ong cứ lần theo những bông hoa giả lên lên xuống xuống, mà chẳng bao giờ ngờ được rằng quá nhiều những gì trưng ra được trước mắt họ chỉ là những vật vãnh, còn thứ chính yếu vẫn cứ tránh mặt đi trong vô vọng, mãi mãi vô vọng.

Khi Theobald đã đọc xong, chúng tôi cùng quỳ xuống và cúi mặt xuống ghế, còn phía sau chúng tôi, hai bức tranh Carlo Dolce và Sassoferrato đang hướng mắt nhìn xuống. Tôi chú ý thấy rằng Theobald cầu nguyện cho chúng tôi được ‘thật lòng lương thiện và tận tâm’ trong mọi việc làm, và tôi cười cái từ ‘thật lòng’ của anh. Rồi tôi lại nghĩ về những con ong, và tôi suy tư

thấy rằng xét đến cùng có lẽ đối với Theobald, chúng tôi cầu nguyện mà hiếm khi biết hướng tâm lên cho đủ, còn đối với tôi, tôi lại cầu nguyện cho sớm có một người sẽ làm cho Theobald những gì anh vừa làm với Ernest.

Tôi lại tiếp tục nghĩ vẩn vơ tính toán khoảng thời gian lãng phí vào việc cầu nguyện này, và liệu người ta sẽ làm được những gì với mười phút này nhỉ, rồi tôi nghĩ rằng ý nghĩ này của tôi, cũng như ý tưởng muốn lấy thời gian kinh nguyện để làm việc khác, chẳng được ai đón nhận đâu. Cuối cùng Theobald xướng lên ‘Nhờ Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng con’ và vài giây sau buổi kinh nguyện kết thúc, các người hầu lại lục tục đi ra như lúc họ đi vào.

Ngay khi họ vừa rời khỏi phòng, Christina, đang cảm thấy xấu hổ vì tôi đã chứng kiến chuyện Ernest bị đánh đòn, nên đã đại dột nhắc lại chuyện đó với tôi, và bắt đầu bào chữa, nói rằng chuyện đó khiến tim cô đau nhói, cả Theobald cũng vậy và thậm chí còn hơn nữa, nhưng đó ‘chỉ là chuyện đã rồi.’

Tôi lãnh đạm với chuyện này trong mức độ lịch sự cho phép, và sự im lặng trong suốt những giờ còn lại của buổi tối thể hiện sự bất bình của tôi với những gì đã phải chứng kiến.

Ngay hôm sau, tôi lên đường về lại London, nhưng trước lúc đi, tôi bảo rằng muốn có vài quả trứng mới đẻ, và Theobald đưa tôi đến nhà của một nông dân trong làng, cách nhà anh khoảng một tầm ném đá. Ernest, vì một lý do nào đó, cũng được cho đi theo. Tôi nghĩ rằng những con gà đã bắt đầu đập ổ, nhưng không hiểu sao mà quá hiếm trứng, và bà chủ nhà chỉ tìm được cho tôi khoảng bảy, tám quả, rồi chúng tôi gói chúng trong giấy thành từng quả một, để có thể an toàn đem về thành phố.

Chúng tôi làm việc này ngay trước cửa nhà họ, và trong lúc còn chưa làm xong, thì đứa con của chủ nhà, cũng trạc tuổi Ernest bước qua một quả trứng đã được gói, và đập vỡ mất.

‘Này này, Jack,’ mẹ nó lên tiếng, ‘xem con đã làm gì kìa, con đã đập vỡ một quả trứng và làm tiêu mất một xu của mẹ. Emma, đây này,’ bà gọi đứa con gái, ‘đem thẳng nhỏ đi chỗ khác, chúng ta có khách quý.’

Emma đến ngay và dắt thẳng nhỏ đi, để nó đừng phá hư thêm cái gì nữa.

‘Cha.’ Ernest hỏi, khi đã ra khỏi nhà đó, ‘tại sao bà heaton lại không đánh Jack khi nó làm vỡ quả trứng?’

Tôi đã có sẵn bực mình với Theobald rồi, nên không thể giấu được nụ cười hiểm ác, thể hiện rõ ràng cái ý nghĩ trong tôi là Ernest đã vừa cho cha nó một vố khá nặng.

Theobald đỏ mặt và có vẻ giận dữ. ‘Ta dám bảo đảm rằng,’ anh nói nhanh, ‘mẹ của nó sẽ đánh đòn ngay khi chúng ta vừa đi.’

Tôi không cho là vậy, và tôi nói là tôi không tin mọi chuyện sẽ như vậy, rồi cho qua vấn đề, nhưng Theobald không quên, và từ đó về sau càng ngày tôi càng ít ghé thăm Battersby.

Lúc trở về nhà, chúng tôi thấy người đưa thư vừa đến và đem cho Theobald một phong thư chỉ định Theobald đảm nhận chức trưởng hạt vừa trống chỗ do vị mục sư quản hạt vừa mất. Những lời lẽ giám mục viết cho Theobald đầy tình cảm và bảo đảm với anh rằng ông đánh giá cao anh như một trong những mục sư coi xứ tận tâm và chăm chỉ nhất. Tất nhiên Christina rất vui mừng, và thể hiện cho tôi hiểu rằng khi người ta biết nhiều hơn đến công trạng của anh thì điều này phải đến, đây chỉ là phần thưởng tất yếu đối với chân giá trị cao vời có sẵn trong Theobald mà thôi.

Tôi không ngờ rằng vài năm sau, tôi và con đỡ đầu của tôi lại gắn chặt với nhau đến thế, nếu đã lường trước được điều này, thì chắc hẳn tôi đã nhìn nó với ánh mắt khác, và chú ý nhiều đến những thứ mà vào lúc đó, tôi đã không buồn để mắt đến. Còn lúc này, tôi lại mừng vì được thoát khỏi nó, bởi tôi chẳng làm được gì cho nó, hoặc tôi đã quyết định xem là như thế, và tôi đau đớn nhiều vì việc này. Một con người không chỉ nên đi theo con đường của mình thật xa hết mức có thể, mà còn phải biết hòa hợp với những thứ đang thúc đẩy cho con đường của họ đi lên, để nhờ đó họ có được sự thoải mái an bình. Ngoại trừ trong những hoàn cảnh bất thường hoặc trong thời gian ngắn, hay do người ta không thể thấy được sự héo mòn và còi cọc của con vật hay rau xanh, thì người ta sẽ chẳng ăn thứ thịt đã teo tóp, hay ủ bệnh cũng như những thứ rau không được trông cho đàng hoàng. Bởi tất cả mọi thứ lai tạp nhau tạo nên con người ta, và việc người ta chọn liên kết với những thứ nào sẽ quyết định xem người đó sẽ tốt hơn hay tệ hơn, và nếu

được tốt hơn, thì người đó sẽ được sống thọ và hạnh phúc. Tất cả mọi thứ đều phải có chút ít lai tạp trộn lẫn, nếu không, nó sẽ chết đi; nhưng những thứ thánh thiêng, ví dụ như những vị thánh của Giovanni Bellini, sẽ chẳng pha tạp với thứ nào cả ngoại trừ loại tốt giống như chúng.



Cơn thịnh nộ của Theobald như tôi vừa kể trong chương trước là một ví dụ cho những gì diễn ra hằng ngày trong suốt nhiều năm. Cho dù bầu trời có xanh trong đến mấy, thì vẫn luôn có khả năng bị mây đen che kín một phần tư hay hơn nữa, và sấm sét sẽ đổ xuống đầu bọn trẻ trước khi chúng kịp hiểu chuyện gì đang xảy ra.

‘Và rồi, bố biết đó,’ Ernest nói với tôi cách đây không lâu, lúc tôi hỏi chuyện nó về những ký ức tuổi thơ để bổ sung cho câu chuyện của tôi, ‘chúng con đã học những giai điệu của bà Barbould; chúng ở thể văn xuôi, và có một bài viết về con sư tử bắt đầu như thế này, ‘Đến đây, và ta sẽ cho người thấy sức mạnh là gì. Con sư tử cực mạnh; khi nó bật dậy khỏi chỗ nằm, lắc cái bờm của nó và cất tiếng rống, lũ thú vật đều cao chạy xa bay, những con ác thú trong hoang mạc lo sợ tìm chỗ trốn, bởi nó, con sư tử, khủng khiếp vô cùng.’ Khi con lớn hơn một chút, con đã nói điều này với Joey và Charlotte, và so sánh nó với cha con, nhưng chúng luôn tuân theo những gì được dạy, và chúng bảo rằng con thật hư đốn.

Một trong những lý do mà gia đình các mục sư thường không hạnh phúc là bởi các ông ở nhà quá nhiều hay quá gần với gia đình. Một bác sỹ dành phân nửa thời gian của mình đi thăm viếng bệnh nhân, luật sư và nhà buôn có văn phòng cách xa nhà, nhưng một mục sư chẳng có văn phòng gì hết, và như thế ông ta chỉ rời nhà trong vài giờ vào những thời điểm nhất định. Những ngày thích thú của con và các em con là lúc cha đi mua sắm ở Gildenharn. Chúng con cách xa nơi đó đến vài dặm, còn cha con phải mất cả ngày để giải quyết đồng công việc tồn đọng của mình, rất nhiều việc. Ngay khi ông vừa quay lưng ra đi thì bầu trời dường như sáng rạng hơn; ngay lúc

cánh cửa chính mở ra đón ông về, thì cái phép tắc phủ bóng lên tất cả mọi thứ ‘không được đụng, không được thử, không được làm’ lại đè xuống chúng con. Điều tệ hại nhất là con không thể tin được Joey và Charlotte, chúng có thể làm theo con, nhưng rồi lại đổi ý, hay thậm chí trót làm hết một việc rồi, rồi lại hối hận và đi mách với cha mẹ. Chúng thích chạy cùng với thỏ lên một nơi nào đó, nhưng rồi bản năng lại đưa chúng về phe với chó săn.’

‘Dường như đối với con,’ Ernest tiếp lời, ‘gia đình là nơi để duy trì cái nguyên tắc vốn hợp lý hơn nếu áp dụng trên động vật nuôi nhốt, và động vật nuôi nhốt là thứ đối nghịch với sự phát triển cao. Tự nhiên thấy thế nào về động vật nuôi nhốt, thì con cảm nhận về gia đình cũng vậy, và con sẽ xếp nó vào chủng loại cấp thấp và kém phát triển. Tự nhiên chắc chắn chẳng quý mến gì cái hệ thống gia đình. Hãy thử làm một cuộc bỏ phiếu về các dạng đời sống đi, và người ta sẽ thấy gia đình chỉ được một thiểu số phiếu cực kỳ nhỏ đây lỗ bịch. Loài cá không biết đến hệ thống gia đình, và chúng sống ổn đó thôi. Loài kiến và loài ong, với số lượng đông gấp nhiều lần loài người, căn cha chúng đến chết như thế là một việc tất yếu, và có thói quen căn nát chín phần mười đám con của chúng, nhưng có một kết cấu cộng đồng nào đáng nể hơn chúng nữa đây? Nói về con cu cu, liệu có loài chim nào giống chúng ta hơn nó nữa không?’

Tôi thấy là Ernest đã bắt đầu lạc đề và cố để đưa nó trở về lại với những ký ức thơ ấu mà tôi muốn nghe, nhưng vô dụng.

‘Thật là điên rồ,’ nó nói, ‘khi một con người buộc phải nhớ tất cả mọi chuyện xảy ra hơn một tuần trước trừ phi nó là thứ gây khó chịu, hoặc nó là thứ người ta có thể dùng đến được.’

Với những người có tâm hồn nhạy cảm, họ gần như đã chết trong lúc hãy còn sống. Một người khoảng năm, sáu chục tuổi chẳng còn phải hối hận vì đã không có thời thơ ấu ra hồn, có chăng ông ta hối hận vì đã không được sinh ra trong một gia đình hoàng tộc mà thôi. Hẳn người đó sẽ hạnh phúc hơn nếu có được thời thơ ấu may mắn, nhưng trong chừng mực hiểu biết của người đó, nếu có được thời thơ ấu như thế, thì một thứ khác sẽ xảy đến và có lẽ sẽ giết chết người đó lâu rồi. Nếu con được sinh lại lần nữa, con sẽ vẫn

muốn được sinh ra ở Battersby, với cha mẹ như thế, và con sẽ không biến đổi bất kỳ điều gì đã từng xảy đến với con.’

Điểm hay nhất mà tôi có thể nhớ về thời thơ ấu của Ernest là lúc khoảng bảy tuổi, nó nói với tôi rằng nó chuẩn bị có một đứa con hoang. Tôi hỏi nó vì sao lại nghĩ như thế, và nó giải thích với tôi là cha mẹ nó luôn bảo rằng không một ai chưa kết hôn mà có con được cả, và nó tin như thế nên tất nhiên chẳng có ý tưởng gì về việc có con cho đến tận lúc nó trưởng thành; nhưng rồi không lâu sau, nó đọc quyển sách lịch sử nước anh của bà Markham và đọc đến đoạn ‘Vua John thành Gaunt có vài đứa con hoang’, do đó nó đã hỏi cô gia sư của nó, con hoang là gì, không phải tất cả mọi đứa trẻ đều tự nhiên hoang dại hay sao?

‘Ôi, con ơi,’ cô gia sư kêu lên, ‘con hoang là đứa trẻ mà người ta sinh ra trước khi kết hôn.’ Và nếu đã như thế, thì lẽ hợp lý là nếu John thành Gaunt có con trước khi kết hôn, thì nó, Ernest Pontifex cũng có thể có, và nó sẽ vô cùng biết ơn nếu tôi nói cho nó biết trong hoàn cảnh thế này, thì phải làm sao cho tốt đây.

Tôi hỏi là nó đã khám phá ra việc này được bao lâu rồi. Nó bảo là đã được khoảng hai tuần, và nó chẳng biết tìm đứa trẻ ở đâu, bởi đứa trẻ có thể đến vô chừng không liệu được. ‘Bố biết là trẻ con đến rất bất ngờ; người ta đi ngủ rồi sáng mai thấy đứa trẻ có đó rồi. Sao đây, nó có thể chết vì lạnh nếu chúng ta không tìm ra nó. Con hy vọng đó sẽ là một đứa con trai.’

‘Và con đã hỏi cô gia sư của con về việc này chưa?’

‘Dạ, rồi. Nhưng cô ấy cứ lảng đi và không giúp gì cho con cả, cô ấy nói là trong nhiều năm nữa chưa có chuyện này đâu, và cô hy vọng là không.’

‘Con có chắc là con đã không làm gì bậy bạ trong tất cả chuyện này đấy chứ?’

‘Ôi, không có đâu, bởi vì, bố biết đó, cô Burne đã đến cách đây vài ngày để canh chừng con. Và mẹ con choàng tay qua con rồi hỏi cô ấy, ‘Nó có phải là con của ông Pontifex không, cô Burne, hay là con tôi đây?’ Tất nhiên, mẹ không thể hỏi như thế nếu như cha không có những đứa con của riêng cha. Con nghĩ là các ông có toàn con trai, còn các bà có toàn con gái, nhưng không thể như thế được, bởi nếu không thì mẹ đã không hỏi cô Burne đoán

xem thử con là con ai. Rồi cô Burne nói, ‘Ôi, nó là con của ông Pontifex, TẤT NHIÊN rồi,’ và con không rõ lắm cái ý của cô lúc cô nói ‘tất nhiên’, dường như là con đúng khi nghĩ rằng toàn bộ con trai là của ông chồng, còn con gái là của bà vợ. Con mong bố giải thích cho con toàn bộ việc này với.’

Điều này thật khó cho tôi, nên sau khi cam đoan với nó là sẽ cố hết sức, tôi bèn lảng sang chủ đề khác.



Ba hay bốn năm sau khi hạ sinh Charlotte, Christina lại chuẩn bị trở dạ thêm lần nữa. Từ lúc kết hôn, cô cứ yếu luôn, và có linh cảm rằng lần ở cữ này, cô sẽ không qua khỏi. Vì thế, cô viết lá thư sau đây, và theo những gì cô viết, thì lá thư sẽ được trao cho Ernest lúc nó được mười sáu tuổi. Nhưng cô vẫn còn sống, còn đứa trẻ chưa sinh lại chết. Và nhiều năm sau vào đám tang của mẹ, Ernest mới được nhận lá thư này. Người ta tìm thấy nó giữa đồng giấy tờ mà Christina đã sắp xếp cẩn thận nhiều lần, và triện thư đã bị mở ra rồi. Tôi nghĩ điều này là bởi Christina đã đọc nó và nghĩ rằng lá thư này quá giá trị, không thể bỏ đi được, cho dù thời điểm cô vốn định cho nó đã qua đi rồi. Lá thư như sau:

‘BATTERSBY, ngày mười lăm tháng Ba, năm 1841.

Hai con trai thân yêu của mẹ. Khi lá thư này đến tay các con, thì các con có còn nhớ đến người mẹ đã mất từ lúc các con còn rất nhỏ hay không? (mà ta sợ rằng các con hầu như đã quên ta rồi.) Ernest, con sẽ nhớ mẹ hơn, bởi lúc đó con đã được hơn năm tuổi, và nhiều, thật nhiều lần, mẹ đã dạy con những lời kinh, những bài thánh ca, những phép tính, và kể chuyện cho con nghe nữa, rồi còn thêm những buổi tối chủ nhật hạnh phúc của mẹ con mình, chắc hẳn chúng sẽ không biến mất khỏi tâm trí con đâu. Về phần con, Joey, dù lúc đó, con chỉ mới bốn tuổi, nhưng có lẽ trong con vẫn còn nhớ được chút gì đó. Các con rất yêu dấu của mẹ, vì người mẹ yêu thương các con hết tình, và vì hạnh phúc riêng của các con về sau, hãy chú tâm và hãy cố nhớ, cũng như hãy đọc đi đọc lại những lời cuối cùng mẹ có thể nói với các con đây. Khi nghĩ đến chuyện bỏ lại các con mà ra đi, có hai việc khiến mẹ đau lòng, một là nỗi buồn của cha các con (bởi các con yêu quý của mẹ,

các con sẽ chỉ nhớ mẹ một lúc rồi sớm quên nỗi đau mất mát này thôi), hai là hạnh phúc lâu dài của các con. Mẹ biết nỗi buồn của cha các con sẽ đến mức nào và kéo dài bao lâu, và mẹ biết rằng cha sẽ xem các con là niềm an ủi duy nhất cho ông nơi dương thế này. Các con biết (bởi mẹ chắc chắn là các con biết) ông đã tận tụy dành hết cuộc đời mình cho các con và dạy dỗ các con, cũng như đã lao tâm vất vả để hướng các con đến những gì đúng đắn và tốt đẹp. Ôi, hãy chắc chắn rằng các con LÀ nguồn an ủi cho cha mình. Hãy để cha thấy các con biết vâng lời, trù mẫn, và biết chú tâm đến những mong muốn của cha, sống ngay chính, biết bỏ mình, và siêng năng; đừng để cha các con phải hổ thẹn hay đau lòng vì những lỗi phạm và những lời rồ dại của các con, các con nợ cha mình món nợ ân tình, và bổn phận trước hết của các con là phải chăm lo cho ông được hạnh phúc.

Các con đều mang cùng một cái họ, và dòng họ đó không được bị người ta làm nhục, cha và ông nội của các con đã chứng tỏ được rằng họ xứng đáng với tên gọi Pontifex; tư cách đáng trọng và hành động đúng đắn của các con trong đời phụ thuộc chính nơi các con, nhưng còn một điều quan trọng hơn tư cách và cư xử thế gian tốt bậc, và những thứ này chẳng là gì khi so với nó, chính là hạnh phúc bất diệt của các con, và các con phải tự lo lấy điều này cho mình. Các con biết bổn phận của mình, nhưng cảm bầy và cảm dỗ bùa đầy lối con đi, và càng tiến gần đến tuổi trưởng thành, các con càng cảm nhận điều này mạnh mẽ hơn. Với sự giúp sức của Chúa, và với lời hứa của Chúa, cũng như với tâm hồn khiêm hạ, các con sẽ đứng vững trước mọi điều, nhưng nếu ngừng tìm kiếm Chúa, và dựa vào chính mình, hoặc giả các con tự tin thái quá, hay chỉ nghe theo lời khuyên và gương mẫu của vô vàn người quanh con, thì các con sẽ, và chắc chắn sẽ, phải sa ngã và thất bại. Ôi, ‘chỉ có Chúa là chân thật, còn tất cả con người đều giả dối.’ Chúa nói rằng con không thể vừa thờ phượng Ngài vừa thờ Tiền bạc. Chúa đã nói rằng cửa hẹp mới dẫn đến sự sống đời đời. Có nhiều người tìm cách để mở rộng cánh cửa đó; họ sẽ nói với con rằng những hành động nuông chiều bản thân chỉ là một lối có thể bỏ qua được, rằng những sự chiều theo thế gian này kia có thể được tha thứ và thậm chí còn là việc phải làm. KHÔNG THỂ như thế được. Bởi cả trăm lần, Chúa đã nói với các con như thế. Hãy

nhìn vào Kinh Thánh và xem thử có đúng như vậy hay không, và nếu không thì sao, ôi thôi, ‘đừng có ương ương dở dở,’ nếu Chúa là Đức Chúa thì con hãy theo Ngài, chỉ cần mạnh mẽ và dũng cảm, và Ngài sẽ không bao giờ bỏ rơi con. Hãy nhớ, trong Kinh Thánh không có, dù chỉ một, luật riêng cho người giàu hay người nghèo, cho kẻ có học hay kẻ vô học. Đối với TẤT CẢ mọi người, chỉ có một điều cần thiết. TẤT CẢ đều phải sống cho Chúa và cho tha nhân, chứ không phải cho riêng mình. TẤT CẢ trước hết phải tìm kiếm Nước Thiên Chúa và Sự công chính của Ngài- phải TỪ BỎ CHÍNH MÌNH, sống trong sạch, giản dị, và nhân đức theo đúng nghĩa đầy đủ nhất và rộng nhất của những từ đó. Tất cả phải ‘quên đi tất cả những thứ sau lưng, và hướng đến phía trước, để đoạt lấy phần thưởng cao quý mà Thiên Chúa đã gọi mời.

Và mẹ chỉ nói thêm hai điều nữa mà thôi. Trong đời, các con hãy sống thành thật với nhau, hãy yêu thương nhau với tình máu mủ, hãy cùng cố, trông chừng và động viên lẫn nhau, và đừng chống đối nhau, hãy làm sao để thấy nhau như một người bạn trung thành và đáng tin cậy cho đến tận giờ phút cuối cùng. Và, các con ơi, hãy ân cần và chăm lo cho em gái của các con, không có mẹ, em sẽ cần gặp đôi tình thương, sự ân cần và chỗ dựa nơi các con. Mẹ chắc rằng em con sẽ tìm kiếm những điều đó, và sẽ yêu thương các con, cũng như cố gắng để làm các con được vui lòng, hãy cam đoan rằng các con không khiến em phải buồn, và hãy nhớ rằng nếu cha con mất đi, mà em chưa kết hôn thì nó còn cần sự che chở của các con hơn nữa. Mẹ đặc biệt gửi gắm em cho các con. Ôi! Ba đứa con yêu dấu của mẹ, hãy sống thật tâm với nhau, với cha con, và với Chúa. Hầu Ngài có thể hướng dẫn và chúc phúc cho các con đến một thế giới tốt đẹp hơn và hạnh phúc hơn.

Mẹ và các con sẽ còn được gặp lại nhau trên Thiên đàng.

Mẹ yêu dấu vô cùng của các con,

CHRISTINA PONTIFEX.’

Sau khi tìm hiểu, tôi thỏa mãn với những gì tôi vừa khám phá ra là hầu hết các bà mẹ viết những lá thư như thế này sau kỳ ở cũ, và một nửa trong số đó, giữ chúng lại, hết như những gì Christina đã làm.



Lá thư trong chương trước đã cho thấy sự lo lắng của Christina đối với hạnh phúc thiên đàng hơn là hạnh phúc dương thế của các con mình. Người ta có thể nghĩ rằng trong thời gian này, cô đã gieo đủ hạt giống tôn giáo vào lòng các con, nhưng về sau cô vẫn còn gieo thêm nhiều nữa. Dường như đối với tôi, những ai sống hạnh phúc trong đời này là những người tốt hơn và đáng yêu hơn, và như thế vào ngày Phục Sinh và Phán xét, gần như họ sẽ được xét là đáng được hưởng phúc Thiên đàng. Có lẽ Christina có một tiềm thức lờ mờ về việc này, và nó lý giải tại sao cô quá bận lòng đến hạnh phúc lúc còn sống của Theobald, hoặc cũng có thể cô lo cho đời này của Theobald bởi tin chắc rằng hạnh phúc vĩnh cửu của anh là một chuyện tất nhiên rồi, nên việc còn lại chỉ là lo cho hạnh phúc đời này của anh mà thôi. Anh phải được ‘thấy các con vâng lời, trù mẫn, biết chú tâm đến những mong muốn của anh, biết từ bỏ chính mình và siêng năng’ thật đúng là một dãy tất cả những tính tốt quá thuận lợi cho một bậc cha mẹ; anh không bao giờ phải bị xấu hổ bởi những lời rồ dại của những đứa con ‘nợ anh một món nợ phải biết ơn’, và ‘trách nhiệm trên hết của chúng là chăm lo cho hạnh phúc của anh.’ Quả đúng là tấm lòng bà mẹ! Phần lớn sự bận lòng này là lo sao cho những đứa con không có những mong muốn và cảm giác cho riêng chúng, những thứ có thể gây nên nhiều vấn đề khó khăn, dù là trong tưởng tượng hay hiện thực. Và tự do ý chí theo cô nghĩ chỉ là phần nền của toàn bộ những ngộ nghịch mà đứa con có thể gây nên, nhưng cho dù như thế, có một điểm mà chúng ta có thể nhận thấy được, là Christina đã nhận thức được đầy đủ rõ ràng về những trách nhiệm của con trẻ đối với cha mẹ, và cảm thấy rằng hoàn thiện được toàn bộ trách nhiệm đó là một điều quá khó khăn, nên

cô rất hoài nghi không biết Ernest và Joey sẽ làm được đến mức nào nữa. Rõ ràng, cô có một chút ánh mắt ngờ vực dành cho chúng. Nhưng với Theobald thì hoàn toàn không; cô tin rằng anh sẽ tận tụy suốt đời cho con cái. Thật đúng là những lời vô vị, chẳng nói cũng biết rồi.

Tôi hỏi các bạn, hãy xem một đứa trẻ chỉ mới hơn năm tuổi, được nuôi dạy trong một môi trường toàn kinh nguyện, thánh ca, các phép toán và những buổi tối chủ nhật hạnh phúc, chưa nói đến những roi vọt hằng ngày, mà Christina vốn chẳng nhắc đến lời nào, chỉ vì những kinh nguyện thánh ca vừa kể trên, liệu một đứa trẻ như thế có thể phát triển lành mạnh hay sung mãn dù cho mẹ của nó chắc chắn yêu nó hết mực theo cách riêng của mình và thỉnh thoảng có kể chuyện cho nó nghe, hay không? Các bạn đọc chẳng lẽ lại không thấy được rằng cơn thịnh nộ của Chúa đang chuẩn bị giáng xuống đầu nó, một đứa trẻ được nuôi dạy theo cái kiểu như trong lá thư tôi vừa nêu ra đó hay sao?

Tôi thường nghĩ rằng Giáo hội La Mã đã rất khôn ngoan khi không cho các giáo sỹ kết hôn. Có một sự thực ở anh quốc này là con trai của các mục sư thường xoàng xĩnh và tầm thường. Lý do rất đơn giản, nhưng thường người ta lại không thấy, nên tôi xin phép được nói ra ở đây. Mục sư được xem là con người bận rộn ngày chủ nhật. Vào ngày này, những thứ mà loại người của ngày thường có thể chiêm chước được, lại là những thứ buộc phải thành toàn trong một mục sư. Hơn nữa, cái giá phải trả cho nghề nghiệp này là một cuộc sống nghiêm ngặt hơn những người khác. Đó là *raison d'être*, lẽ sống của một mục sư. Nếu các giáo dân của ông thấy ông sống được như vậy, họ ủng hộ ông, bởi họ nhìn lên ông như là hình mẫu cho cái mà họ cho là một đời sống thánh thiện. Đây là lý do vì sao người ta thường gọi mục sư là *vicar*, người đại diện, một người mà sự tốt đẹp của ông đại diện cho những người mà ông chịu trách nhiệm. Nhưng gia đình của ông vẫn là một pháo đài cô lập như tất cả mọi người anh khác, và với ông, cũng như với mọi người khác, những áp lực bất thường và không cần thiết trong xã hội sẽ gây nên sự mệt mỏi cho ông. Con cái của ông là thứ yếu ớt nhất trong tầm tay, và gần như ông toàn lấy chúng để xả nỗi bức dọc của mình.

Thêm vào đó, mục sư cũng lại là người rất khó cho phép mình xem xét mọi chuyện một cách nhẹ nhàng. Nghề nghiệp của ông đứng hẳn về một khuynh hướng, và do đó, ông không thể xem xét khuynh hướng đối lập mà không có thành kiến được.

Chúng ta quên mất rằng tất cả mọi mục sư, cũng như những phụ tá của ông đều có thu nhập cố định, tất cả đều là những người được trả tiền để lên tiếng ủng hộ cho Giáo hội, như thế một luật sư được thuê để cãi trắng án cho thân chủ họ vậy. Chúng ta nên lắng nghe họ với tâm thức của một quan tòa, nghĩa là cứ để lắng phán quyết và cân nhắc đầy đủ lý lẽ của luật sư phản biện. Trừ phi chúng ta có được một lẽ gì đó, và được phát biểu nó sao cho kẻ đối lập với chúng ta phải thừa nhận đó là một phản bác hợp lý, còn nếu không, chúng ta hoàn toàn chẳng có quyền gì để tuyên bố rằng chúng ta có chính kiến. Bất hạnh thay, ở vùng đất này, luật là chỉ có một bên nói, và bên còn lại chỉ được phép nghe mà thôi.

Theobald và Christina cũng không ngoại lệ. Khi đến Battersby, họ mang trong mình đầy những khát khao muốn làm tròn bổn phận của họ, và muốn tận hiến chính mình cho vinh quang và danh dự của Thiên Chúa. Nhưng trách nhiệm của Theobald là nhìn nhận vinh quang và danh dự của Đức Chúa theo quan điểm của một Giáo hội đã tồn tại hơn ba trăm năm, mà chẳng nhìn ra được bất kỳ lý do nào để phải thay đổi dù chỉ một trong những quan điểm của nó.

Tôi hoàn toàn có thể ngờ rằng Theobald chẳng bao giờ hoài nghi về sự khôn ngoan của Giáo hội ngay cả trong những vấn đề nhỏ nhất. Anh khá nhạy bén đối với những mối nguy có thể xâm hại điều này, và Christina cũng vậy. Như thế có nghĩa là nếu một trong hai người phát giác ra những triệu chứng mới chớm của mối nguy hại, họ sẽ bóp chết ngay từ trong trứng nước, và cũng làm như thế với Ernest, mà có lẽ là làm tốt hơn nữa kia, tôi cho là vậy. Nhưng Theobald tự xem mình, và phần đông cũng xem anh, chắc chắn là một người trung tín đặc biệt, thật vậy, anh được xem như là hiện thân của tất cả những đức hạnh sẽ khiến cho một người nghèo nên đáng trọng và bắt một kẻ giàu cũng phải ngả mũ kính trọng. Rồi theo thời gian, anh và vợ anh đã tin chắc như một điều mặc định rằng không một ai, khi

được ở dưới mái nhà của họ mà không cảm thấy biết ơn họ sâu sắc. Con cái của họ, người hầu của họ, các giáo dân của họ, tất cả hẳn đều thật tốt số khi được gắn bó với họ. Không có lối đi hạnh phúc nào ở đời này hay đời sau, ngoại trừ con đường mà chính họ đang nắm giữ; chẳng có người tốt nào mà lại không suy nghĩ giống hệt họ trong mọi chuyện; chẳng có người biết phải trái nào lại mơ tưởng có được phần thưởng vốn dành cho họ, Theobald và Christina.

Và chính điều này khiến cho con cái của họ nhột nhạt và còi cọc, bởi chúng phải chịu đựng SỰ BỆNH HOẠN ngay chính nơi NHÀ mình. Chúng thiếu thốn, còi cọc, bởi trong đầu chúng chỉ nhồi nhét đầy những thứ sai lầm. Chúng sống theo tự nhiên, nhưng Theobald và Christina thì không. Tại sao lại như thế? Nhưng tại sao họ lại không phải trải qua một cuộc đời khốn khổ. Trên đời này có hai loại người, loại gây nên tội lỗi, và loại bị tội lỗi gây hại, nếu phải chọn một trong hai, thì tốt hơn nên người ta nên chọn làm loại đầu tiên thì hơn.



Tôi sẽ không kể thêm về cuộc đời thuở nhỏ của Ernest, nhân vật chính của chúng ta nữa. Nó đã nỗ lực vượt qua giai đoạn này, và đến năm mười hai tuổi, đã học thuộc lầu lầu ngữ pháp Latin và Hy Lạp. Nó đã đọc hết những phần hay nhất trong các tác phẩm của Virgil, Horace và Livy, cùng với vô số vở kịch Hy Lạp nữa, đồng thời nó cũng thành thục trong số học, nắm bắt hết bốn quyển sách của Euclid, và tiếng Pháp của nó cũng vừa đủ dùng. Lúc này, Ernest đã đến tuổi phải đến trường, và xét theo trình độ của mình, nó được cho theo học với Tiến sỹ Skinner ở Roughborough.

Theobald đã được biết sơ qua Tiến sỹ Skinner lúc còn ở Cambridge. Đó là một con người ngay từ thuở nhỏ đã luôn đầy say mê và nổi bật trong tất cả mọi lĩnh vực ông tham gia. Ông là một đại thiên tài. Tất cả mọi người đều biết như vậy, tất nhiên, người ta nói rằng ông là một trong số ít người mà từ thiên tài hoàn toàn đúng với ông, và chẳng có gì là cường điệu thối phồng cả. Chẳng phải là ngay trong năm học đầu tiên, ông đã có được không biết bao nhiêu học bổng hay sao? Chẳng phải ông là Thủ khoa tốt nghiệp, được nhận huy chương danh dự, và còn vô số thứ khác nữa hay sao? Rồi ông còn là một diễn giả tuyệt vời, ở Câu lạc bộ Tranh luận, ông chẳng có đối thủ, và tất nhiên, cũng là trưởng hội này. Còn đạo đức, vốn là điểm yếu của nhiều thiên tài, lại là điều hoàn toàn không thể chê trách được nơi ông. Nhưng, trên tất cả những phẩm chất vĩ đại này, và thậm chí còn ấn tượng hơn cả tài năng thiên phú, chính là điều mà những người viết tiểu sử gọi là ‘sự háo hức hồn nhiên như một đứa trẻ’ của ông, và người ta có thể cảm nhận được nó qua thái độ nghiêm túc của ông ngay cả khi ông nói về những chuyện nhỏ

nhật. Và chẳng cần nói cũng biết, tư tưởng chính trị của ông thiên về phái Tự do.

Ngoại hình của tiến sỹ Skinner không gây cảm tình cho lắm. Ông cao vừa vừa, béo mập, với đôi mắt xám sắc lạnh tóe lửa dưới cặp lông mày rậm và gây sợ hãi cho bất kỳ ai đến gần. Mạnh mẽ bên ngoài, nhưng ông sẽ hoàn toàn yếu đuối, nếu người ta biết được điểm yếu của ông. Lúc còn trẻ, mái tóc ông màu đỏ, nhưng sau khi tốt nghiệp, ông mắc phải bệnh viêm não, dẫn đến hói đầu, và lúc bình phục, ông mang một bộ tóc giả, nhưng màu của nó lại đỏ hơn nhiều so với màu tóc tự nhiên. Ông chẳng bao giờ vứt bộ tóc giả đó đi, và nó cứ phai màu dần, cho đến khi ông được bốn mươi tuổi. Thì nó chẳng còn chút gì là màu đỏ nữa, mà đã hóa sang màu đà mất rồi.

Khi tiến sỹ Skinner còn rất trẻ, chưa quá hai mươi lăm tuổi, chức vụ hiệu trưởng trường Ngữ pháp Roughborough bị trống chỗ, và người ta chẳng chút lưỡng lự bổ nhiệm ngay ông vào vị trí này. Kết quả nói lên tất cả. Các học sinh của ông, khi vào bất kỳ Đại học nào cũng đều thể hiện được nét riêng của mình. Ông nhào nặn đầu óc họ theo khuôn mẫu của chính ông, và đóng vào họ một dấu không thể phai mờ ngay cả trong đời sau. Một người xuất thân từ Roughborough, dù thế nào đi chẳng nữa, chắc chắn sẽ luôn cho người khác cảm tưởng rằng họ là một Kitô hữu sốt sắng kính sợ Thiên Chúa và là một người theo phái Tự do, nếu không cũng là phái Cấp tiến. Tất nhiên, một vài cậu bé không thể cảm nhận được cho đúng vẻ đẹp và sự cao quý nơi bản tính của ngài Skinner. Hỡi ôi, trường nào cũng có những đứa như vậy. Những cậu bé đó cảm thấy thật nặng nề khi ở dưới quyền của ông. Ông chống lại chúng, và chúng chống đối ông suốt thời gian còn ở trong trường. Chúng không những không thích ông, mà đúng hơn, chúng ghét tất cả những gì mà ông đại diện cho, và suốt đời, chúng ghét tất cả những gì nhắc nhớ đến ông. Tuy nhiên, chỉ có một thiểu số như vậy, còn toàn trường rõ ràng đều mang lấy tinh thần Skinner của ông.

Tôi đã từng được vinh dự chơi cờ với con người vĩ đại này. Hôm đó nhằm dịp Giáng Sinh, và tôi ghé xuống Roughborough vài ngày để thăm Alethea có chút việc. Ông thật tử tế khi chú ý đến tôi, bởi tôi chỉ mới chớm nổi trong nghề văn, một chớm nhỏ bé vô cùng mà thôi.

Thật sự là trong khoảng thời gian đó, tôi có viết nhiều bài hay, nhưng gần như chỉ hoàn toàn trong phạm vi kịch nghệ, và cũng chỉ là những vở kịch trào phúng và châm biếm. Tôi đã viết rất nhiều trong thể loại này, toàn những kiểu chơi chữ và những bài hát khôi hài, nhờ đó cũng có được thành công tương đối, nhưng tác phẩm tốt nhất của tôi là một nghiên cứu về lịch sử anh quốc trong thời kỳ Kháng cách, trong đó tôi có nhắc đến Cranmer, ngài Thomas More, Henry Đệ Bát, Catherine thành Arragon, và Thomas Cromwell (thời trẻ ông nổi tiếng hơn với cái tên Malleus Monachorum), và tôi đã thể hiện bài đó rất sinh động. Tôi cũng có chuyển thể truyện ‘hành hương’ thành vở kịch châm diễu vào dịp Giáng Sinh, và dàn dựng một cảnh quan trọng về hội Chợ Phù hoa, với ngài Độ lượng, Con quý, Kitô hữu, Nhân từ, và hy vọng là những nhân vật chính. Dàn nhạc trong vở kịch đó chơi những bản nhạc nổi tiếng nhất của handel, nhưng có biến đổi nhiều, nhất là phần hòa âm. Ngài Độ lượng là một người rất mập mạp với cái mũi đỏ, mang một chiếc áo gilê rộng, cùng áo sơ mi có diềm lớn ngay phía trước. Hy vọng được tôi họa lên đầy tinh nghịch hết mức có thể, với trang phục của một thanh niên sang trọng thời đó, ngâm điệu xì gà phì phèo mãi trên miệng. Kitô hữu không mặc gì nổi bật, thật sự thì người ta đồn rằng bộ áo mà giám đốc nhà hát vốn chuẩn bị cho nhân vật này bị chê là không phù hợp, ngay cả ngài lord Chamberlain cũng nói vậy, nhưng chuyện này không thành vấn đề.

Với tất cả những công cuồng phóng túng của mình, chắc chắn tôi phải thấy thật tội lỗi khi ngồi chơi cờ, một việc tôi vốn rất ghét, với tiến sỹ Skinner người Roughborough vĩ đại, nhà sử học Hy Lạp và chủ bút tờ Demosthenes. Hơn nữa, tiến sỹ Skinner là một trong những người tự hào về khả năng có thể khiến cho người ta thấy an bình ngay lập tức, và như thế, tôi cứ ngồi nép vào thành ghế suốt buổi tối đó.

Nhưng tôi vốn luôn là người dễ dàng tạo được sự nể trọng nơi những ngài hiệu trưởng.

Ván cờ kéo dài khá lâu, và đến chín giờ rưỡi, giờ ăn nhẹ, chúng tôi chỉ còn mỗi người vài con cờ. Giọng trong vắt của bà Skinner vang lên ‘Ông định dùng gì đây, tiến sỹ Skinner?’ một lúc lâu, ông chẳng trả lời, nhưng

cuối cùng, với một giọng gần như nghiêm trọng quá mức, ông nói ‘Không,’ rồi tiếp ‘Không gì cả.’

Tuy nhiên, gần như ngay lúc đó, tôi có một cảm nhận như thể mình đang gần ngày tận thế hơn bao giờ hết. Gian phòng dường như tối hơn, hòa cùng với khuôn mặt u ám của tiến sỹ Skinner, một khuôn mặt đang chực nói gì đó. Nét mặt ông càng khó đăm đăm, và gian phòng như càng tối tăm hơn nữa. ‘Khoan,’ một lúc sau, ông mới nói, và tôi thấy dù sao đi nữa thì như thế cũng đã chấm dứt một tình trạng chờ đợi vốn nhanh chóng khiến người ta không thể chịu đựng nổi. ‘Khoan, có lẽ bây giờ tôi cần một ly nước lạnh, và vài mẩu bánh mì kèm bơ.’

Tiếng ‘bơ’ của ông xuống thấp đến nỗi thành một tiếng thì thậm chí khó có thể nghe cho rõ; rồi cuối câu, ông thở hắt ra như thể được giải thoát, và bây giờ mọi thứ đều đã ổn.

Sau mười phút im lặng đến nghiêm trọng, ván cờ của chúng tôi cũng kết thúc. Tiến sỹ nhanh nhẹn bật dậy và ngồi vào bàn ăn. Ông vừa nói với giọng vui vẻ, ‘Bà Skinner, cái thứ là lạ này là gì thế’, vừa nhìn món đồ ăn được bọc trong một lớp khoai tây.

‘Chúng là hào, ông Skinner ạ’

‘Cho tôi một ít, và cho cả anh Overton nữa.’ rồi ông dùng hết đĩa hào thơm ngon của mình, thêm một vỏ hào chứa thịt bê băm được rán vàng, vài bánh táo, và một khoanh to bánh mì kẹp pho mát. Một mẩu bánh mì với bơ nghĩa là chừng đó đấy.

Khăn trải bàn được dọn ra kèm với những chiếc cốc và muống trà, một hai trái chanh và một bình nước nóng. Con người vĩ đại của chúng ta bắt đầu thoải mái, khuôn mặt ông sáng lên.

‘Và giờ là đồ uống gì đây?’ ông nói với giọng quyền uy. ‘Brandy và nước ư? Không. Nên là gin và nước. Gin tốt hơn cho sức khỏe.’ rồi rượu gin được dọn lên, và được pha rất cẩn thận, nóng và đặc.

Người ta có thể ngạc nhiên về ông, hoặc làm gì cũng được ngoại trừ thấy thương hại ông. Ông chẳng phải là hiệu trưởng trường Roughborough hay sao? Có bao giờ ông nợ tiền ai hay không? Ông đã lấy của ai, đã làm nhục ai, hay đã chiếm đoạt của ai bao giờ chưa? Đã có ai từng xì xào bàn tán về

đức hạnh của ông hay chưa? Nếu như ông giàu có chính là nhờ một thứ đáng trọng nhất, kiến thức văn chương của ông. Trên tất cả các tác phẩm học thuật tuyệt vời của ông, quyển ‘Suy ngẫm về Tông thư và Đặc tính của thánh Giuda’ đã đặt ông vào hàng những thần học gia nổi tiếng nhất anh quốc; toàn bộ đều cho rằng ai đã mua quyển sách này rồi thì chẳng cần phải suy gẫm lại vấn đề đó làm gì nữa, thật sự những ai cố tìm tòi thêm điều gì trong đó chỉ khiến mình mệt thêm mà thôi. Chỉ riêng tác phẩm này đã đem lại cho ông 5.000 bảng, và có lẽ trước lúc ông chết, khoản lợi nhuận này sẽ còn tăng gấp đôi. Một người đã làm được tất cả những việc trên, và chỉ muốn một mẩu bánh với bơ, người đó phải có quyền đòi hỏi những thứ cao sang hơn cho hợp với địa vị của người đó. Và khi nghe lời ông nói, người ta phải biết tìm cho ra cái mà ông gọi là ‘ý nghĩa sâu xa và ẩn giấu.’ Những ai biết tìm hiểu cho được cái ý sâu xa đó ngay cả trong những lời rõ ràng nhất của ông, sẽ chẳng mất phần thưởng của họ đâu. Họ sẽ phải hiểu cho được rằng ‘bánh mì và bơ’ theo đúng ý của tiến sỹ Skinner nghĩa là hầu kẹp thịt băm và bánh táo, còn nước phải hiểu là rượu gin nóng.

Nhưng gạt vấn đề tiền bạc sang một bên, chính những tác phẩm của ông đã làm cho tên tuổi ông sống mãi trong nền văn học. Có lẽ Gallio đã nghĩ rằng tên tuổi của mình sẽ nổi tiếng nhờ vào những bài luận về lịch sử tự nhiên mà ông đã biên tập, và chúng ta cũng đã tìm thấy nơi nhà ông ở Seneca những thứ, mà theo những gì chúng ta biết, chứa đựng một luận thuyết trọn vẹn về sự tiến hóa; nhưng những bài luận đó đã biến mất hết và tên tuổi của Gallio mãi mãi không phai mờ bởi một lý do có thể nói là điều cuối cùng ông dám nghĩ tới, và cũng là lý do cuối cùng có thể đem ra bợ đỡ cho sự phù phiếm của mình. Người muôn đời sau còn nhắc đến tên ông là bởi ông đã chẳng chịu quan tâm đến sự việc quan trọng nhất có liên hệ với đời ông (tôi mong rằng những người tìm kiếm sự bất hủ sẽ khắc cốt ghi tâm lấy bài học này, và đừng có huyên thuyên về những bước tiến quan trọng nữa). Và như thế, nếu tiến sỹ Skinner có trở nên bất hủ, thì có thể là bởi những nguyên do khác xa những gì mà ông đã thích thú tưởng tượng ra.

Liệu có thể mong một người như thế nhận ra được rằng thực sự thì ông ta chỉ kiếm tiền bằng cách làm băng hoại tuổi trẻ hay không? Nghĩa là cái nghề

hái ra tiền của ông chỉ là việc làm cho những thứ tệ hại trông đẹp hơn trong mắt của những người quá trẻ và thiếu kinh nghiệm để có thể phát giác ra được thủ thuật của ông. Nghĩa là với những người mà ông tuyên bố dạy cho họ những điểm lý lẽ quan trọng, ông lại giấu đi với họ những thứ có thể cho họ quyền được tin tưởng vào những người nói lên sự thật. Nghĩa là ông chỉ là một kẻ hăng hái nửa nạc nửa mỡ với khuôn mặt tái xám cáu gắt và giọng nói lúng búng vốn chỉ có thể hù dọa được những kẻ yếu bóng vía, nhưng nếu ông cứ lỳ lợm như thế, thì ai có thể chạm được đến điểm yếu chí mạng của ông. Và nghĩa là quyển ‘Suy niệm về thánh Giuđa’ của ông chỉ là thứ trống rỗng không kiến thức, và sẽ bị xỉ vả thậm tệ nếu nhiều người không tin nó được viết một cách ngay chính.

Nếu như bà Skinner nghĩ rằng đáng để phải kéo ông xuống đúng chỗ của mình, thì có lẽ bà đã làm như thế, nhưng bà phải tất bật với đồng việc nhà, và trông chừng con cái xem chúng đã ăn đủ chưa, mà nếu chúng đau yếu thì bà càng phải bận tâm hơn nữa, đó mới là cái bà quan tâm nhiều.



Ernest đã nghe được nhiều chuyện kinh khủng về tính khí của ông Skinner, và cả chuyện ma cũ bắt nạt ma mới ở Roughborough. Lúc này nó đã quá khổ rồi, và thấy thật khó chịu nếu như những gánh nặng mới lại đè thêm trên nó. Nó không khóc vì phải xa nhà, nhưng tôi sợ là nó đã khóc khi gần đến Roughborough. Theobald và Christina cùng đi với nó trên chiếc xe nhà; ở Roughborough không có xe lửa, và từ đó đến Battersby chỉ có bốn mươi dặm, nên xe ngựa là thuận tiện nhất.

Khi thấy nó khóc, mẹ nó âu yếm và dỗ dành. Cô bảo là cô biết nó sẽ thấy buồn lắm vì phải xa rời gia đình hạnh phúc mà bước vào giữa đời, dù cho người ta sẽ rất tốt với nó, nhưng chẳng bao giờ tốt bằng bố mẹ yêu dấu của nó được, và nếu nó hiểu được, thì mẹ nó mới là người khốn khổ hơn, vì sự chia lìa này khiến cô đau lòng hơn là nó,... V.v, và Ernest, khi được mẹ bảo rằng nó chỉ khóc vì phải xa nhà, đã hoàn toàn tin như thế và chẳng bận tâm thêm về nguyên nhân thực sự khiến nó buồn là gì nữa. Khi cả ba đến Roughborough, nó đã định thần lại, rồi trong thời gian họ đến nhà tiến sỹ Skinner, nó đã đi nhiều. Họ dùng bữa trưa với tiến sỹ và vợ ông, rồi bà Skinner đưa Christina xem qua các phòng ngủ, và chỉ cho cô thấy nơi ở mới dành cho đứa con yêu dấu của cô.

Không biết đàn ông nghĩ gì về những nghiên cứu về đàn ông, nhưng phụ nữ thì thực sự tin vào những nghiên cứu cao đẹp nhất về phụ nữ, và Christina đang quá mải mê để ý bà Skinner đến nỗi không chú tâm được vào điều gì khác nữa; tôi dám nói rằng, bà Skinner cũng vậy, đang khá tập trung để học hỏi những nét của cô. Christina đã thật sự bị lôi cuốn với những hiểu biết mới lạ, bởi cô tìm thấy trong đó (và tất cả chúng ta hẳn cũng vậy) một

điều gì đó về bản chất của sự pha tạp; còn về phần bà Skinner, tôi hình dung rằng bà đã gặp quá nhiều người như Christina và giờ đây trong cô, bà tái hiện lại những hình ảnh đó; tôi tin rằng quan điểm riêng của bà có gì đó giống với câu châm ngôn của một hiệu trưởng lừng danh đã tuyên bố rằng tất cả mọi bậc cha mẹ đều là kẻ ngốc, đặc biệt là các bà mẹ, tuy vậy, bà vẫn tươi cười và dịu dàng, còn Christina thì hăm hở đón lấy chúng thật nhiệt tình như thể chúng chỉ dành riêng cho cô và chẳng có bà mẹ nào đáng được ưu ái như cô bây giờ vậy.

Trong lúc đó, Theobald và Ernest đang ở cùng tiến sỹ Skinner trong thư viện, nơi những cậu bé được sát hạch còn người lớn thì trách mắng hay phạt chúng. Nếu những bức tường trong căn phòng này biết nói, chắc hẳn chúng sẽ không từ chối làm chứng về một sự độc ác thất thường và ngu ngốc vốn hay xảy ra trong đó đâu!

Như mọi ngôi nhà khác, nhà của ngài tiến sỹ cũng có một mùi đặc trưng riêng. Trong nhà này chủ yếu là mùi da thuộc từ Nga, nhưng cũng có mùi như một cửa hàng hóa chất. Mùi này phát xuất từ khu thí nghiệm nhỏ nằm ở góc phòng. Có được khu thí nghiệm này cộng với việc dùng tràn lan vài từ lôm bôm như ‘carbonate,’ ‘hyposulphite,’ ‘phosphate,’ và ‘ái lực,’ là đã đủ để thuyết phục những kẻ hoài nghi nhất rằng tiến sỹ Skinner có một kiến thức uyên thâm về hóa học.

Tôi nên nói qua là ngài Skinner học đòi rất nhiều thứ khác chứ không chỉ hóa học. Ông là người biết chút ít về rất nhiều thứ, và thứ nào cũng nguy hiểm. Tôi còn nhớ Alethea đã từng dùng cái giọng kể tình quái của mình mà cho tôi biết rằng tiến sỹ Skinner khiến cô nhớ về các công vương Bourbon lúc trở về từ xứ lưu đày sau trận Waterloo, chỉ như vậy mới có được một so sánh ngược chính xác dành cho ông, bởi trong khi các công vương chẳng học được điều gì và như thế chẳng quên điều gì, còn tiến sỹ Skinner của chúng ta học tất cả mọi thứ và rồi quên hết tất cả. Điều này khiến tôi nhớ đến một lời sâu cay nữa mà cô dành cho ông. Có lần, cô nói với tôi rằng ông có sự hiền lành của con rắn và sự khôn ngoan của con bồ câu^[16].

Lại nói về thư viện, trên mặt lò sưởi có treo bức họa bán thân một vị giám mục với khuôn mặt của chính tiến sỹ Skinner, đây là tác phẩm của

Pickersgill anh, một trong số những người đầu tiên mà ông đã phát hiện và nâng đỡ. Không còn bức tranh nào khác trong thư viện, nhưng ở phòng ăn có treo một bộ sưu tập khá giá trị, mà tiến sỹ vốn coi là biểu tượng cho khiếu thẩm mỹ tuyệt vời thường thấy của mình. Về sau, ông bổ sung thêm khá nhiều cho bộ sưu tập này, và khi nó được đem ra bán đấu giá ở sàn Christine không lâu về sau, người ta mới thấy ra đó là một bộ sưu tập với những tác phẩm mới nhất và điêu luyện nhất của Solomon Hart, O'Neil, Charles Landseer, cùng nhiều Viện sỹ đương thời khác nữa mà tôi không nhớ hết được. Tại sảnh đấu giá, người ta treo chung tất cả những bức tranh vốn từng gây chú ý tại Triển lãm hàn lâm trên cùng một bức tường độc nhất và nhờ đó thu hút nhiều người hiếu kỳ đến xem. Số tiền bán tranh gây thất vọng nhiều cho người chủ trì cuộc đấu giá, nhưng chuyện này vốn phụ thuộc nhiều vào may rủi. Một tay nhà báo vô lương tâm của tờ nhật báo có tiếng nọ đã hạ giá bộ sưu tập này. Hơn nữa, trước lúc ngài tiến sỹ qua đời, cũng vừa có một hai cuộc đấu giá lớn, nên người ta phần nào chùn tay hơn, do vậy việc bán không được giá cao là chuyện thường.

Chiếc bàn trong thư viện chất đầy những tập sách dày cộm, trộn chung với đủ loại bản thảo, là các bài tập, cũng có thể là bài kiểm tra của các cậu bé nữa, nhưng tất cả đều bị vứt bừa bãi lộn xộn. Căn phòng thật sự khiến người ta chán ngán bởi sự bừa bãi và bởi cả bầu không khí bác học của nó nữa. Theobald và Ernest bước vào, móc chân phải một cái lỗ trên tấm thảm Thổ Nhĩ Kỳ, bụi từ đó bốc lên cho thấy đã lâu lắm rồi chẳng ai rũ thảm cả. Tôi có thể nói điều này không phải do lỗi của bà Skinner, mà chính là do ông tiến sỹ, bởi ông đã tuyên bố rằng ông sẽ chết mất nếu có ai đó làm xáo trộn giấy tờ làm việc của ông. Gần cửa sổ là một cái hộc màu xanh chứa đôi cu gáy với tiếng gù gù rầu rĩ tăng thêm sự ảo não cho nơi này. Các kệ sách lấp kín từ sàn nhà lên đến trần, và trên mỗi kệ, sách đều được xếp thành hai lớp. Thật là kinh khủng. Thứ nổi bật nhất trong những thứ nổi bật, và nằm trên một giá sách nổi bật nhất, chính là một loạt tuyển tập được bao bọc vô cùng bắt mắt, với tựa đề 'Những tác phẩm của Skinner.'

Đáng buồn thay, các cậu bé lại có khuynh hướng vội vàng đi đến kết luận, và Ernest của chúng ta cũng vậy, nó tin rằng tiến sỹ Skinner hiểu tất cả

những quyển sách có trong cái thư viện kinh khủng này, và như vậy, nếu nó muốn giỏi, cũng sẽ phải đọc hết chúng. Nghĩ như thế, trong lòng nó đã nản lắm rồi.

Ernest được bảo ngồi vào chiếc ghế dựa lưng vào tường, và nó ngồi yên ở đó trong lúc tiến sỹ Skinner nói chuyện với Theobald về những vấn đề thời sự. Ông nói về cuộc luận bút Hampden đang dữ dội, và đàm luận một cách uyên bác về ‘Praemunire’, tội xúc phạm vì xem quyền lực Giáo hoàng cao hơn vương quyền anh, rồi ông nói về cuộc cách mạng vừa bị đập tan ở đảo Sicily, và vui mừng vì Giáo hoàng đã không cho phép các binh đoàn kị binh nước ngoài xâm nhập lãnh địa của ngài để tiêu diệt quân phiến loạn. Tiến sỹ Skinner và những giáo sư khác đều đọc báo The Times, và họ nói lại quan điểm của những đầu não tờ báo đó. Thời đó giá báo còn rất cao và Theobald chỉ đọc báo Spectator bởi anh theo phái Whig^[17], và anh còn được nhận Công báo Giáo hội mỗi tháng một lần, nhưng ngoài chúng ra anh chẳng đọc thêm tờ báo nào khác, do đó anh thật sự ngạc nhiên trước những lời thao thao bất tuyệt của tiến sỹ Skinner.

Hành động của Giáo hoàng trong vụ nổi loạn ở đảo Sicily đã tự nhiên dẫn dắt tiến sỹ Skinner nói sang những cải cách mà Giáo hoàng vừa thực hiện trong lãnh địa của mình, và sau một lần cười ngất trong giờ tiệc rượu, bây giờ ông lại tái diễn thêm một lần nữa vì một lời bông đùa khi ông bảo biệt danh của Giáo hoàng vốn là Pio ‘Không, Không’ đáng ra phải đổi thành Pio ‘Có, Có’, bởi theo tiết lộ của bác sỹ riêng của Giáo hoàng, thì ngài đồng ý với tất cả những đòi hỏi mà bác sỹ đề ra. Xưa nay, tiến sỹ Skinner vốn cực kỳ thích dùng lối chơi chữ. Rồi ông lại nói về những cuộc cải cách. Chúng mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử Kitô giáo, và có thể gây nên những hệ quả quan trọng và sâu rộng, thậm chí có thể dẫn đến sự hòa giải giữa các Giáo hội Anh giáo với Giáo hội Roma. Cách đây không lâu, tiến sỹ Skinner vừa xuất bản một tập nhỏ luận bàn chính trị về vấn đề này, thể hiện được một kiến thức uyên bác, và công kích Giáo hội Roma kịch liệt như thể chẳng mong chờ gì sự hòa giải mà ông vừa mới nói trên. Nền tảng cho những gì ông công kích là những chữ A.M.D.G., mà ông đã thấy bên ngoài một nhà

nguyện Công giáo La Mã, và ông cho đó hẳn là chữ viết tắt cho Ad Mariam Dei Genetricem. Những chữ này thật là biểu lộ cho lòng sùng đạo quá thế?

Có điều, tôi nghĩ là có thể tôi nhớ nhầm, khi tôi nói là tôi đã nghe ngài tiến sỹ cho rằng Ad Mariam Dei Genetricem có thể nói là cách diễn dịch chuẩn mực nhất, được chuyển ra từ cụm từ viết tắt A.M.D.G.^[18], và nếu như ông nhầm, có thể thực sự giáo sư đã đọc nó thành: *Ave Maria Dei Genetrix*. Chắc hẳn là ông phải đúng về diễn dịch chữ Latin. Tôi đã quên mất chút vốn Latin ít ỏi của mình, và tôi không có ý muốn dò xét vấn đề diễn dịch những chữ trên đúng hay sai, nhưng tôi tin là ngài tiến sỹ đã nói là Ad Mariam Dei Genetricem, và nếu như thế chúng ta nên tin đó là cụm từ Ad Mariam Dei Genetricem, có vậy mới đủ chuẩn theo tiếng Latin để phù hợp với câu chuyện đang bàn về Giáo hội này.

Theobald, vị mục sư xứ quê của chúng ta chưa lên tiếng gì, và ngài tiến sỹ có vẻ rất hớn hỡ, nhưng rồi anh đồng dục quả quyết rằng A.M.D.G. Chẳng thể là viết tắt của chữ nào ngoài cụm từ *Ad Majorem Dei Gloriam* đây nguy hiểm, dù có vẻ luận điệu này chẳng có tác dụng gì với những quý ông người anh đây khôn ngoan, nhưng vẫn thật đáng tiếc khi tiến sỹ Skinner dùng nó để làm nền tảng cho công kích của mình, bởi như thế là ông đã trao cho kẻ thù của ông thế chủ động rồi. Bởi khi một ai đó được nắm thế chủ động, thì người đọc thường bối rối nghĩ rằng đối thủ của người đó sẽ chẳng dám xuất đầu lộ diện nữa.

Tiến sỹ Skinner tiếp tục kể cho Theobald nghe về quyền luận chính trị của ông, và tôi cho rằng anh cũng đang thấy thật khó chịu không thua gì Ernest. Anh chán ngán chuyện này, bởi trong thâm tâm, anh ghét cay ghét đắng phái Tự do, dù cho không dám nói ra và cũng không dám tự nhận mình là người ủng hộ phái Whig. Anh không muốn hòa giải với Giáo hội Roma, mà muốn cải đạo hết thầy dân Công giáo Roma qua đạo phái Kháng cách, và anh chẳng hiểu nổi tại sao người ta lại không làm như thế. Vậy mà tiến sỹ lại cứ mãi nói chuyện hoàn toàn theo đúng tinh thần của phái Tự do, và còn khóa miệng anh mỗi khi anh chồm lên tiếng xen vào, câu chuyện hoàn toàn đi theo dẫn dắt của ông, và Theobald không quen bị đặt vào tình trạng như thế này chút nào. Anh đang tìm cách để chấm dứt buổi nói chuyện này, thì đột

nhiên Ernest khóc òa lên, chắc chắn là do một cảm nhận không rõ ràng nhưng vô cùng mạnh mẽ về sự chán ngán vượt quá sức chịu đựng của nó. Ernest đang rất căng thẳng, và rất buồn do tình hình hiện giờ tương phản quá nhiều so với sự háo hức ban sáng của nó. Rồi bà Skinner cùng Christina bước vào gặp ngay việc này, và bà cho rằng chiều nay, nên để nó ở với bà Jay, người quản lý, còn việc giới thiệu với các bạn học sẽ để đến sáng mai. Theobald và Christina âu yếm chào tạm biệt nó, rồi giao lại cho bà Jay.

Ôi thôi, các ngài hiệu trưởng, các ngài nghĩ rằng thật bình thường khi một đứa trẻ thò lò mũi xanh được bố mẹ chúng đem đến xin học, và các ngài đối xử với nó bằng sự khinh thường mà nó đáng nhận, rồi những năm sau lại tiếp tục khiến cho cuộc sống của chúng thêm nặng nề. Nhưng nếu có đọc quyển sách này, các ngài sẽ thấy rõ ràng được rằng một đứa trẻ như thế trong tương lai sẽ là một người ghi lại hết những gì mà các ngài đã làm. Đừng bao giờ nhìn một đứa nhỏ tội nghiệp sợ sệt đang ngồi khép nép bên cạnh ghế dựa sát lưng vào bức tường phòng học, mà quên nhắc nhở với mình rằng, ‘có lẽ thằng nhóc này, nếu mình không cẩn thận, một ngày nào đó, nó sẽ nói cho cả thế giới biết hết về con người thật của mình mất.’ Nếu có vài hiệu trưởng thăm thía được bài học này và ghi nhớ nó, thì những chương trước trong quyển sách này đã chẳng phải viết trong một nỗi thất vọng vô bờ như thế đâu.



C háng bao lâu sau khi cha mẹ rời đi, Ernest ngủ vùi trên quyển sách mà bà Jay đã đưa cho nó, đến tận lúc mặt trời chìm dần cuối trời Tây. Khi tỉnh giấc, nó ngồi trên chiếc ghế đầu trước lò sưởi với ánh lửa nhẹ nhàng dưới không gian tranh sáng tranh tối của một ngày tháng Giêng, rồi bắt đầu trầm ngâm nghĩ ngợi. Nó cảm thấy mình nhạt nhòa mỏng manh và yếu đuối buông lơi hết mọi chuyện, chẳng thể nghĩ được cách nào hầu thoát khỏi vô số chuyện rắc rối đang lớn vờn trước mắt. Nó tự nhủ rằng có lẽ mình nên chết cho rồi, nhưng mà ngay cả như thế, thì việc đó không đơn giản là chấm dứt những vấn đề hiện có, mà lại là khởi đầu cho những rắc rối khác mà thôi. Bởi theo khả năng tốt nhất, thì nó sẽ chỉ được đến với ông nội Pontifex và bà ngoại Allaby, mà cho dù ông bà sẽ dễ chịu với nó hơn những con người ở đây, nhưng chắc chắn, đối với nó, họ không thực sự quá tốt, và họ còn rất trần tục nữa; hơn thế, họ còn là những người quá người lớn, đặc biệt là ông nội Pontifex, và có một điều mà nó không thể giải thích được là luôn luôn có một điều gì đó ngăn cách khiến nó không thể yêu thương nhiều những người mang vẻ người lớn, ngoại trừ một trong số hai người hầu của gia đình nó, một người thật sự rất tốt với nó. Hơn nữa, nếu nó chết và lên Thiên Đàng, nó nghĩ rằng, việc học sẽ vẫn chẳng chịu buông tha nó.

Trong lúc đó, cha mẹ nó đang trên chuyến xe lăn bánh dọc những con đường lầy lội, mỗi người một góc xe, và cứ miên man suy nghĩ những việc riêng của mình. Đã lâu lắm rồi từ cái thời hai người ngồi làm tỉnh với nhau trong xe ngựa, như có lần tôi đã kể cho các bạn, nhưng bây giờ, họ vẫn chẳng thay đổi gì mấy, ngoại trừ những liên hệ cần thiết qua lại với nhau. Khi còn trẻ, tôi đã từng nghĩ rằng sách kinh đã sai khi dạy chúng ta phải đọc

kinh Sám hối hai lần mỗi tuần từ thuở nhỏ cho đến lúc già, mà chẳng cần xét xem là vào tuổi bảy mươi chúng ta tội lỗi nhiều hơn hay ít hơn lúc bảy tuổi, việc này như thể đem khăn trải bàn đi giặt ít nhất một lần mỗi tuần vậy, và tôi đã từng nghĩ giá mà cái việc giặt giũ này bớt được đi càng nhiều thì càng tốt. Giờ đây, khi đã đứng tuổi hơn, tôi mới thấy ra rằng Giáo hội đã biết phân định những khả năng có thể xảy đến tốt hơn tôi nhiều.

Hai người chẳng nói lời nào với nhau, mà chỉ ngồi nhìn ánh hoàng hôn và hàng cây trụi lá, với những cánh đồng vàng úa rải rác đây đó đôi mái nhà ỉu rũ ven đường, cùng cơn mưa nặng hạt đang đập vào ô cửa xe. Đó là một buổi chiều mà người ta đều muốn trốn ở nhà, và Theobald hơi cau có khi nghĩ đến còn biết bao nhiêu dặm đường nữa phải đi trước khi được về đến nhà ngồi êm ái cạnh lò sưởi.

Tuy nhiên, họ chẳng thể thay đổi được gì trong chuyện này, và cứ thế hai người ngồi lặng thinh nhìn cảnh vật bên đường lướt qua tầm mắt, rồi khi ánh hoàng hôn chìm dần, thì đôi mắt họ cũng chuyển màu xám xịt và u ám hơn.

Dù không nói chuyện với nhau, nhưng mỗi người đều có một kẻ gần gũi thân thiết hơn với chính họ để có thể tự do chuyện trò. ‘Ta hy vọng,’ Theobald tự nhủ, ‘rằng nó sẽ chịu học hành, nếu không thì ông Skinner cũng sẽ bắt nó học. Ta không thích Skinner, chưa bao giờ thích, nhưng chắc chắn đó là một thiên tài, và chẳng có ai đào tạo được nhiều học trò thành công ở Oxford và Cambridge hơn ông ta, và đó là tiêu chí rõ ràng nhất. Ta đã nghiêm túc thực hiện bốn phận tạo cho nó có được một khởi đầu. Ông Skinner nói rằng nó có nền tảng tốt và có triển vọng. Ta cho rằng nó sẽ vin vào cái đó và chẳng chịu học hành gì, bởi bản chất nó là một đứa lười nhác. Nó không thích ta, chắc chắn như vậy. Nó đáng phải nhận tất cả những gì ta đã gây cho nó, một đứa vô ơn và ích kỷ. Thật là vô lý khi đứa con trai chẳng thể ưa nổi cha nó. Nếu nó yêu mến ta, ta sẽ yêu mến nó, nhưng ta không thể thích được một đứa con mà ta biết là nó không, chắc chắn, không thích ta. Nó rụt lại bất cứ lúc nào thấy ta lại gần. Nếu không bắt buộc, thì nó sẽ chẳng chịu ngồi với ta được đến năm phút.

Nó là một đứa dối trá. Nó sẽ chẳng mong muốn trốn tránh như thế nếu nó không phải là một đứa lừa lọc. Đó là một biểu hiện xấu và ta lo đó là dấu

hiệu rằng khi lớn lên nó sẽ thành một kẻ ngông cuồng. Ta chắc rằng nó sẽ thành một kẻ ngông cuồng. Nếu ta không thấy rõ tương lai nó sẽ nên như thế, thì ta đã cho nó nhiều tiền hơn rồi, nhưng cho nó tiền tiêu thì có gì tốt chứ? Không cho nó mới là làm đúng. Bởi nếu không dùng tiền để mua thứ gì đó, thì nó cũng sẽ đem cho một thằng nhãi con nhóc đầu tiên bất kỳ khiến nó thấy thích thú. Nó quên rằng nó đang lấy tiền của ta đem đi cho kẻ khác. Ta cho nó tiền để nó có tiền trong tay và học cách dùng chúng, chứ không phải để nó đi và hoang phí ngay lập tức. Ta mong rằng nó sẽ không quá đam mê âm nhạc, bởi như thế sẽ làm xao lãng việc học Latin và Hy Lạp. Ta sẽ ngăn chặn việc này hết mức có thể. Bởi có lần đang dịch tác phẩm của Titus Livius thì nó lại bật ra tên của Hadel thay vì Hannibal, và Christina nói với ta rằng nó thuộc nằm lòng đến một nửa hòa âm của bản ‘messiah’. Tại sao một đứa nhỏ vào tuổi nó lại biết về bản ‘messiah’ được nhỉ? Nếu như thuở nhỏ, ta có, dù chỉ một nửa những biểu hiện kiểu như thế, thì cha ta hẳn đã cho ta đi học làm kẻ bán rau rồi, chắc chắn như thế,... V.v.’

Rồi tâm trí của anh lại miên man nghĩ đến Ai Cập và mười đại họa giáng xuống đầu nó. Dường như đối với anh nếu những đứa trẻ Ai Cập có chút gì đó giống Ernest, thì đại họa như thế không phải là bất hạnh mà là vận may mới phải. Và nếu những người Do Thái có đến nước anh ngày nay, thì trong lòng anh cũng sẽ muốn giữ lại không cho họ đi thoát đâu.^[19]

Christina thì lại suy nghĩ theo kiểu khác. ‘Cháu trai của ngài Lonsford cũng học cùng Ernest, tiếc thay tên nó lại là Figgins; nhưng mà dòng máu quý tộc vẫn chảy trong người nó dù là con trai hay con gái, và thậm chí trong một đứa con gái có lẽ còn nhiều hơn nữa ấy chứ. Không biết cha nó như thế nào nhỉ? Mình nhớ là bà Skinners nói là ông ta đã mất, nhưng mình sẽ tìm hiểu thêm cho thật rõ chuyện này. Thật tuyệt biết bao nếu cậu nhỏ Figgins mời Ernest của mình đến thăm nhà trong kỳ nghỉ. Biết đâu nó lại được gặp ngài Lonsford, hay dù gì thì cũng gặp được một vài thành viên khác trong gia tộc của ngài.’

Trong lúc đó, Ernest vẫn đang ngồi thẩn thờ trước lò sưởi trong phòng bà Jay. ‘Cha và mẹ,’ nó tự nhủ, ‘giỏi giang và thông minh hơn bất kỳ người

nào, nhưng mà than ôi, mình sẽ chẳng bao giờ giỏi giang và thông minh được đâu.’

Bên trong cỗ xe ngựa cách xa đứa con của mình, bà Pontifex vẫn tiếp tục miên man.

‘Có lẽ tốt nhất nên mời cậu Figgins đến thăm nhà mình trước. Thật hay biết bao. Theobald chắc sẽ không ưng chuyện này, vì anh không thích con nít; mình phải tìm cách để thu xếp việc này mới được, bởi thật quá tốt nếu được cậu nhỏ Figgins đến thăm nhà. Mà khoan đã! Có lẽ Ernest nên đến ở lại nhà cậu Figgins trước và chuyện trò với người sẽ thành ngài Lonsford trong tương lai, một đứa khoảng trạc tuổi nó, và rồi nếu hai đứa thành bạn, thì Ernest sẽ mời cậu đến thăm Battersby, và hẳn cậu sẽ mê mọt Charlotte. Gửi Ernest đến học với tiến sỹ Skinner đúng là một việc KHÔN NGOAN NHẤT mà mình và Theobald từng làm. Lòng sốt mẩn đạo đức của ông cũng lừng danh không kém gì thiên tư của ông. Chỉ cần nhìn qua người ta cũng đã thấy được điều này, và hẳn ông cũng thấy được mình cũng có một lòng sùng đạo không kém gì ông. Mình nghĩ rằng ông có vẻ rất ấn tượng với mình và Theobald, chắc chắn là vậy rồi. Ai cũng phải bị ấn tượng bởi trí tuệ của Theobald, và mình tin là, mình đang thể hiện được rằng mình là người được ảnh hưởng nhiều nhất từ anh. Lúc mình tươi cười và nói rằng mình hoàn toàn tin tưởng gửi gắm đứa con trai vào tay tiến sỹ, và tin chắc rằng nó sẽ được chăm sóc như thế ở nhà mình vậy, hẳn ngài tiến sỹ hài lòng lắm. Mình không nghĩ là có nhiều bà mẹ mang con đến gửi lại có thể gây ấn tượng đẹp, hoặc nói được những lời có cánh với ông được như mình đâu. Mình có thể khiến nụ cười trở nên thật ngọt ngào. Chưa bao giờ mình thật sự là một người phụ nữ đẹp, nhưng người ta vẫn thừa nhận là mình quyến rũ. Tiến sỹ Skinner thật điển trai, có thể nói là quá đẹp so với bà vợ của ông. Theobald nói là ông ấy chẳng đẹp chút nào, nhưng đàn ông chẳng biết xác định những việc này đâu, mà đúng là ông ấy có một gương mặt thật sáng ngời, đến nỗi mình phải cụp mũ xuống che mắt mắt. Ngay khi về đến nhà, mình sẽ gửi thư bảo các văn phòng trang trí thêm bằng những sợi len xanh vàng của mình,... V.v.’

Trong thời gian này, lá thư tuyệt mệnh của Christina mà tôi vốn đã nói ở trên đang được cất trong chiếc tủ Nhật Bản của riêng Christina, và được cô đọc đi đọc lại, thậm chí cô còn viết lại nó nhiều lần, dù vẫn giữ y nguyên ngày tháng. Thế đó, cô cũng thích những chuyện lỗi bịch đôi chút.

Còn Ernest của chúng ta, vẫn ngồi trong phòng bà Jay, lơ đãng miên man. Nó tự nhủ rằng những người lớn, dù là một quý ông hay quý bà, đều chẳng bao giờ làm những việc bậy bạ, còn nó thì cứ luôn mắc phải chúng. Nó đã nghe nói một vài người lớn cũng rất phạm tục, tất nhiên là người ta nói xàm rồi, nhưng dù như thế thì việc họ làm vẫn không phải là việc bậy bạ, và không thể trách phạt được. Cha mẹ của nó thậm chí chẳng có chút gì phạm tục, họ thường giải thích với nó rằng họ là những người đặc biệt không vướng bụi trần; và nó biết rõ là từ thuở nhỏ đến giờ cha mẹ chẳng bao giờ làm điều gì bậy bạ, thậm chí ngay cả lúc còn là trẻ con, họ cũng hầu như chẳng mắc lỗi gì. Than ôi, thật khác xa nó biết bao! Biết đến bao giờ nó mới biết yêu thương cha mẹ được như cách mà hai người đã yêu thương nó và các em nó? Nó chẳng dám hy vọng được trở nên giỏi giang và khôn ngoan như họ, hay thậm chí là giỏi giang tương đối thôi cũng được. Nhưng mà hồi ôi, chẳng bao giờ như thế. Không thể được như thế đâu. Nó không yêu thương cha mẹ, cho dù cả hai là những người quá tốt, và cũng đã đối xử thật tốt với nó. Nó ghét cha, không thích mẹ, và như thế, với những gì nó đã nhận được từ cha mẹ, rõ ràng nó là một đứa trẻ xấu xa và vô ơn. Ngoài ra, nó cũng không thích ngày Chủ nhật, nó không thích bất kỳ điều gì thật sự tốt đẹp, thị hiếu của nó thật tồi tệ và đáng hổ thẹn thay. Nó thích nhất những người thỉnh thoảng có chửi thề đôi chút, miễn sao họ đừng chửi nó là được. Và nó chẳng cảm được gì khi đọc Giáo lý và Kinh Thánh. Nó còn chưa bao giờ dự một buổi giảng đạo nào trong đời. Thậm chí khi được đưa đến Brighton để nghe bài giảng của ông Vaughan, một người nổi tiếng về tài giảng cho con nít, lúc bài giảng kết thúc, nó vẫn thấy thật mừng biết bao khi được thoát khỏi của nợ này, nó cũng không tin rằng nó có thể dự lễ nhà thờ nếu không phải trong lòng được thôi thúc bởi cây dương cầm, những bài thánh ca và tán ca. Giáo lý thật sự là một thứ kinh khủng. Nó chưa từng hiểu được nó mong điều gì từ Chúa Giêsu và Chúa Cha trên trời, cũng như nó

chẳng có chút khái niệm nào về cái từ Bí tích. Bốn phận với tha nhân cũng là một thứ nó chẳng hiểu nổi. Dường như nó phải có bốn phận với tất cả mọi người, và bốn phận đó bủa vây lấy nó trên mọi lối, nhưng chẳng ai có bất kỳ bốn phận nào đối với nó. Còn từ ‘công việc’ là một thứ thật bí ẩn và đáng sợ. Nó ngụ ý gì đây? Công việc nghĩa là gì? Cha nó là một người thật tuyệt vời trong công việc, mẹ nó thường bảo như thế, nhưng nó chẳng bao giờ được vậy. Thật là thất vọng và vô cùng khủng khiếp khi người ta cứ liên tục nói với nó là một ngày nào đó nó sẽ phải tự lo cho cuộc sống của mình. Chắc chắn phải như vậy, nhưng làm thế nào mà một đứa bị xem là ngu ngốc, biếng nhác, dốt nát, bê tha, và ốm yếu như nó có thể tự lo cho mình đây? Tất cả mọi người lớn đều thông minh, ngoại trừ những người hầu, mà thậm chí nó còn không thông minh bằng những người hầu nữa. Ôi, tại sao, tại sao và tại sao, người ta không thể làm một người lớn ngay từ khi mới lọt lòng? Rồi nó nghĩ về bài thơ ‘Casabianca’ mà cha nó vừa mới dò bài cách đâu không lâu. Bài đó có một đoạn như thế này.

‘Chỉ khi nào cậu mới từ bỏ vị trí của mình?

Cậu gọi ai? Có ai đáp lời? Tại sao?

Bao nhiêu lần cậu gọi cha mình?

Và cậu được gì?

Cuộc sống cao quý nhất nào đã tàn lụi nơi đó? Bạn có nghĩ vậy không?

Tại sao lại nghĩ như thế?’

Và nó nhớ hết cả bài thơ đó. Tất nhiên, nó nghĩ rằng cuộc đời của Casabianca đúng là một cuộc đời cao quý nhất bị tàn lụi; nó hoàn toàn chắc chắn như vậy, chẳng bao giờ nó nghĩ được rằng giá trị của bài thơ nằm ở chỗ muốn nói là những người trẻ không thể vì nghe lời cha mẹ mà bắt đầu cuộc sống tự lập tự tại quá sớm được. Thôi rồi, trong đầu nó chỉ có một ý nghĩ là nó sẽ không bao giờ, không bao giờ giống được như Casabianca, và Casabianca hẳn sẽ khinh miệt nó vì điều đó, và nếu có gặp nó cũng chẳng thèm hạ cố nói chuyện với nó. Ngoài Casabianca, trên thuyền chẳng có ai đáng để chú ý cả, cho dù họ cũng bị nổ tung như cậu. Bà Hemans, tác giả bài thơ này, biết tất cả họ, nhưng số phận của họ là bị ngó lơ bỏ mặc. Mà

đúng là Casabianca rất đẹp và còn xuất thân từ một gia đình quyền thế nữa chứ, đó chính là điểm khác biệt.

Và cứ thế, cái tâm trí trẻ con của nó mãi vẫn vơ cho đến tận lúc nó không thể gắng gượng được nữa, rồi lại chìm dần vào giấc ngủ vật vờ.



Sáng hôm sau, Theobald và Christina thức dậy, khá mệt mỏi sau một chuyến đi dài, nhưng cực kỳ hạnh phúc, bởi lương tâm thật thoải mái. Từ nay trở về sau, nếu con trai của họ có làm gì không đúng và không thành đạt được như kỳ vọng, thì đó chỉ là lỗi của nó mà thôi. Bậc cha mẹ có thể làm được gì hơn những điều họ đã làm cho Ernest chứ? Câu trả lời là ‘Không’, và nó đã chực sẵn trên môi các bạn đọc cũng như trên môi của chính Theobald và Christina.

Một vài ngày sau, hai vợ chồng rất lấy làm hài lòng khi nhận được lá thư từ đứa con trai như sau.

‘Mẹ yêu quý, con rất khỏe. Tiến sỹ Skinner bảo con làm thơ tiếng Latin về một con ngựa tự do hân hoan trên đồng cỏ bát ngát, mà việc này nhờ cha có dạy nên con biết cách để làm, và con làm khá ổn, nên tiến sỹ đưa con vào lớp bốn của thầy Templer, và con phải bắt đầu học một ngữ pháp Latin mới, khác nhiều, và khó hơn. Con biết cha mẹ mong muốn con học hành đàng hoàng, và con sẽ cố gắng hết sức mình. Cho con gửi lời thăm đến Joey và Charlotte, và đến cha, đứa con yêu dấu luôn mãi của mẹ, ERNEST.’

Chẳng có gì tốt đẹp và đúng đắn hơn thế. Lá thư này dường như nói lên rằng thằng bé thật sự đã biết đối tính đối nết. Các cậu học sinh đã tự trường hết, những bài sát hạch cũng đã qua, và bây giờ một học kỳ mới đã bắt đầu. Ernest nhận ra rằng nỗi sợ bị bắt nạt của nó chỉ là thứ cường điệu mà thôi. Chẳng có ai làm gì khiến nó quá sợ hãi. Nó phải chạy việc vặt khoảng vài tiếng nhất định cho các anh khóa trên, và phải theo phiên ngồi chùi bóng,... V.v, nhưng vậy là quá tuyệt đối với một ngôi trường mang tiếng là hay bắt nạt rồi.

Tuy thế, nếu hỏi xem liệu nó có hạnh phúc, thì câu trả lời là không. Tiến sỹ Skinner quá giống cha nó. Thật sự, Ernest không muốn dính dáng nhiều đến ông, nhưng ông luôn có đó, xuất hiện bất cứ lúc nào, và hể hỏ dạng là ông lại quát nạt về một chuyện gì đó. Có thể nói ông giống như con sư tử trong câu chuyện Ngày chủ nhật của Giám mục Oxford, luôn luôn có thể vọt ra từ bụi rậm và ăn tươi nuốt sống một kẻ nào đó, đúng vào lúc kẻ đó không ngờ nhất. Ông gọi Ernest là một ‘đứa đê tiện trâng tráo’ và nói rằng ông lấy làm lạ vì mặt đất đã không mở ra nuốt chửng nó bởi vì nó đã phát âm Thalia với một chữ i ngắn. ‘Và lại xảy ra điều này đối với ta,’ ông gầm lên, ‘một người cả đời chưa bao giờ phát âm sai.’ Chắc chắn nếu thời nhỏ, ông có phát âm sai vài lần, hẳn ông đã là một người tốt hơn nhiều rồi. Ernest không thể hình dung ra làm sao mà những anh học trong lớp của ông Skinner có thể sống nổi, thế nhưng họ vẫn sống được, thậm chí còn thăng tiến, và lạ thay có vẻ như họ thần tượng ông hoặc tuyên bố là vẫn sẽ thần tượng ông như thế trong đời sau. Đối với Ernest, sống như thế này chẳng khác nào đang ngồi trên miệng núi lửa đang chực phun trào.

Nó theo học lớp của thầy Templer, một người cáu gắt, nhưng không hoàn toàn ác độc, và quay cóp trong giờ của thầy rất dễ. Ernest cứ nghĩ mãi là làm sao mà thầy Templer lại có thể bị qua mặt như thế, bởi nó cho rằng thầy hẳn phải từng quay cóp lúc còn đi học, và bởi nó thấy thầy Temper đã quên mất thời trẻ của mình, nên tự hỏi không biết khi về già nó có bị như vậy không nữa, bởi lâu nay nó vẫn cứ nghĩ rằng mình chẳng thể nào quên đi dù chỉ một phần nhỏ trong ký ức của nó. Rồi còn có bà Jay, một người đôi lúc quá hốt hoảng. Một vài ngày sau buổi khai giảng, có đôi tiếng ồn nho nhỏ nơi sảnh, và bà học tốc chạy ra với cặp kính còn cài trên trán, còn dải mũ thì bay chấp chới, rồi bà gọi vào phòng đưa mà Ernest xem là anh hùng của nó, một đứa ‘lừa lọc, đểu cáng, om sòm, giáo hoạt, gây gổ, ồn ào nhất trong trường.’ Nhưng bà vẫn thường có những lời khiến Ernest thấy thích. Nếu tiến sỹ có việc bận ở ngoài, và không có ai đọc kinh, thì bà sẽ bước vào và nói, ‘Các cậu, tối nay được miễn đọc kinh’, và xét chung, thì bà cũng đáng là một người già tốt bụng.

Hầu hết các học sinh đều nhận biết được sự khác nhau giữa ồn ào và nguy hiểm thực sự là gì, nhưng có những đứa bất thường không nhận biết được điều đó, ngoại trừ khi chúng có ý rõ ràng, và như thế chúng cứ mãi như vậy rất lâu trước khi bỏ được cái thói nghênh nghênh tự đại của mình. Ernest thuộc loại thứ hai, và nó thấy rằng bầu không khí của Roughborough quá khó khăn cho nó, nên bất kỳ lúc nào có thể, nó đều sẵn sàng thu mình không để cho người ta thấy và bận tâm đến nó. Nó không thích các môn thể thao còn hơn cả những tiếng âm ã trong lớp học hay trong sảnh đường, bởi nó vẫn là một đứa ốm yếu, chưa đạt đến thể lực trọn vẹn, chậm hơn nhiều năm so với hầu hết những đứa trẻ khác. Điều này có lẽ là do sự ngột ngạt tù túng mà cha nó đã bắt nó ở lý với sách vở suốt thưở nhỏ, nhưng tôi nghĩ rằng điều này cũng có liên quan đến chiều hướng trưởng thành chậm về thể lý, được di truyền trong gia đình Pontifex, cũng là một yếu tố cho họ được sống thọ bất thường. Lúc mười ba hay mười bốn tuổi, nó chỉ có da bọc xương, cánh tay thì nhỏ chỉ bằng cổ tay một đứa cùng tuổi, ngực nó nhô ra như ngực rùa, chẳng có chút sức lực hay sức bền nào hết, và nó nhận ra rằng nó luôn là kẻ thua cuộc trong những trận đánh nhau, cho dù để đùa giỡn hay đánh thật, và ngay cả những đứa thấp hơn nó cũng thắng nó. Sự rụt rè bất thường lúc còn nhỏ cứ tăng dần đến một mức độ mà tôi e là có thể biến nó thành một đứa hèn nhát. Và điều này hạn chế khả năng của nó dưới mức mà nó vốn có thể hoặc thực sự có, bởi nếu sự tự tin tăng thêm sức mạnh, thì sự tự ti lại làm giảm đi sức mạnh đó. Một lần nọ, sau khi hết hơi sức và bị đá vào chân gần cả chục lần trong một pha tranh bóng mà nó vô cùng không muốn tham gia, nó hoàn toàn hết hứng thú với bóng đá, và lẩn tránh mọi cuộc chơi theo một cách khiến nó gặp rắc rối với đàn anh, những kẻ không chấp nhận bất kỳ đứa đàn em nào trốn tránh tham gia trò này.

Nó cũng vô dụng và yếu ớt rõ ràng trong môn cricket hệt như trong bóng đá vậy, cho dù đã cố hết sức, nó cũng chẳng thể ném được một trái banh hay một viên đá. Bởi thế, mọi người sớm thấy rõ rằng, thằng Pontifex là một đứa vụng về, công tử, dù chưa đủ để phải hành hạ nó, nhưng cũng chẳng đáng được đánh giá cao. Tuy vậy, nó cũng không thực sự bị hắt hủi, bởi nó vẫn được cho là một đứa có nội tâm thẳng thắn, không bao giờ thù ai, làm nó vui

lòng rất dễ, và nó cũng vô cùng hào phóng cho dù chỉ có một ít tiền mà thôi, hơn nữa, nó cũng chẳng ưa gì bài vở hết như với các môn thể thao vậy, và xét chung, thì nó có khuynh hướng thiên về thói xấu vừa phải hơn là đạo đức quá đáng.

Những tố chất này sẽ giữ cho một đứa học trò không bị các bạn học đánh giá quá tệ, nhưng Ernest lại suy nghĩ bi quan hơn thế nhiều, và nó ghét cũng như khinh miệt chính bản thân mình bởi sự hèn nhát của nó. Nó không thích những đứa mà nó nghĩ là giống nó. Những kẻ nó ngưỡng mộ đều khỏe mạnh và cường tráng, chúng càng ít giống nó thì nó càng thần tượng chúng nhiều hơn. Và tất cả những chuyện này khiến nó vô cùng bất hạnh, bởi chẳng bao giờ nó nghĩ được rằng, cái thiên hướng bản năng khiến nó tách biệt với các môn thể thao mà nó đã không hòa nhập được, còn hợp lý hơn cái lý lẽ thúc đẩy nó chơi những môn thể thao đó. Dù thế, hầu như nó vẫn hành động theo thiên hướng của mình, hơn là theo lý lẽ. *Sapiens suam si sapientiam norit.* Nếu biết được sự khôn ngoan của mình, đó là kẻ thượng trí.



Chẳng bao lâu sau, Ernest hoàn toàn mất điểm với các thầy giáo. Hiện giờ, nó đang tận hưởng sự tự do chưa từng có. Bàn tay và đôi mắt sắc lạnh của Theobald không còn áp đặt trên lối đi, giường ngủ, và cũng đã hết dò xét tất cả mọi cách sống của nó, còn chuyện bị phạt bằng việc chép lại những dòng thơ của Virgil hiện giờ chẳng là gì so với những trận đòn tàn bạo lúc trước của cha nó. Thật sự thì việc viết lại những dòng này vẫn thường đỡ hơn là học chúng. Đối với bản tính của Ernest, tiếng Latin và Hy Lạp chẳng khiến nó thấy thoải mái chút nào, dù cho đã từng bị bắt nhồi nhét chúng trong một thời gian nhất định. Bản chất cứng đơ của những từ ngữ này tự nó chẳng bao giờ được dung hòa vào cuộc sống dù là theo cách giả tạo với một hệ thống khen thưởng cho những học sinh siêng năng chăm chỉ học chúng đi chẳng nữa. Người ta không phạt nó vì lười nhác học chúng, nhưng cũng chẳng phần thưởng tốt đẹp nào có thể dụ cho nó chịu khó chuyên cần trong môn này cả.

Thật vậy, việc tưởng thưởng, hay là phần thoải mái của việc học, hoàn toàn chẳng khiến Ernest bận tâm chút nào. Những thứ thoải mái chẳng là gì với chúng ta, nếu có thì cũng một chút mà thôi, và riêng với Ernest thì nó hoàn toàn tuyệt đối là không. Chúng ta đến với thế giới này vì bốn phận chứ không vì sự thoải mái, và sự thoải mái, từ bản chất của nó, ít nhiều cũng là một thứ tội. Nếu chúng ta làm những gì mình thích, hay ngay cả Ernest cũng vậy, thì chúng ta đều cảm thấy có lỗi và nghĩ rằng nếu cuộc đời không bắt chúng ta phải làm một việc khác, thì nó đã thật dễ thương khi cho chúng ta được thoải mái như vậy. Nhưng với những thứ mà Ernest không thích, thì lại khác, một thứ càng bị nó ghét bỏ dường như lại càng là một thứ đúng đắn.

Đối với Ernest, những thứ được cho là đúng đắn chưa bao giờ là những thứ khiến nó thoải mái nhất, và việc chứng minh điều này có đúng hay không là tùy vào lập luận của bạn. Tôi đã hơn một lần nói rằng nó tin tưởng mình là một kẻ sa đọa, dù chưa từng có ai sẵn sàng chấp nhận mà không cãi lại dù chỉ chút ít bất kỳ điều gì từ những người có thẩm quyền như nó, ít nhất nó tin là nó sa đọa bởi nó chẳng nhận ra được một Ernest vâng lời bên trong chính con người nó, và Ernest này còn mạnh mẽ và hiện thực hơn con người sa đọa mà nó nghĩ nó là. Ernest ngờ ngạc nhiên của chúng ta thuyết phục mình bằng những cảm giác không thể diễn tả ra nổi, lướt qua quá nhanh và quá chắc chắn để có thể diễn dịch ra thành lời, nhưng hầu như tôi có thể khẳng định nó tựa như thế này -

‘Lớn lên, không phải là một việc chèo chống dễ dàng và đơn giản như người ta vẫn thường cho là vậy, nó là một công việc khó khăn, khó hơn tất cả mọi việc, và chỉ một đứa trẻ đang lớn mới có thể hiểu được. Lớn lên đòi hỏi sự chú trọng kỹ lưỡng, và người không đủ mạnh để chăm lo cho cả sự phát triển thể lý và việc học hành của người. Hơn nữa, tiếng Latin và Hy Lạp là những thứ cực kỳ vô lý, càng nhiều người biết chúng thì chúng càng ghê tởm; và những kẻ mà người thích thú, chúng chẳng biết chút gì về những thứ tiếng này, nếu không, cũng sẽ nhanh chóng quên cho bằng hết những gì chúng đã được học, khi không còn bị ép buộc chúng sẽ chẳng bao giờ thèm ngó ngàng đến những tác phẩm cổ điển đâu; những thứ ngôn ngữ này thật vô nghĩa, vào thời của chúng và nơi vùng đất của chúng, thì chúng thật hợp lý, nhưng ở đây thì không. Đừng bao giờ học thứ gì cho đến khi người thấy việc không biết thứ đó sẽ gây cho người sự bất tiện lâu dài; khi người thấy rằng người có lý do để cần kiến thức này kia, hoặc người thấy trước là không bao lâu nữa, người sẽ cần thứ đó, như thế chẳng mấy chốc người sẽ học nó khá hơn nhiều, nhưng từ nay đến lúc đó, hãy dành thời gian cho các khớp xương và bắp thịt của người đi đã, đối với người, chúng còn hữu dụng hơn tiếng Latin và Hy Lạp nhiều, và hơn nữa nếu người không chăm chút chúng bây giờ thì về sau, có muốn người cũng không làm gì được nữa, còn tiếng Latin và Hy Lạp thì bất kỳ lúc nào cũng có thể học được.

Người bị bủa vây tứ phía bởi những lời dối trá vốn có thể lường gạt cả những người được Chúa chọn nếu như người đó không chịu tình thức khôn ngoan cách đặc biệt; cái tôi mà người đang nhận thức đó, cái tôi lý luận và suy tư của người, sẽ tin những lời dối trá này và ép buộc người hành động theo chúng. Ernest ơi, cái tôi nhận thức của người là một kẻ hợm hĩnh từ bản chất và đã được rèn luyện; ta sẽ không cho phép nó định hướng hành động của người, cho dù chắc chắn nó sẽ định hướng lời nói của người trong nhiều năm tới. Cha người không có ở đây để cho người ăn roi vọt, đây là sự thay đổi hoàn cảnh sống, và như thế sẽ là thay đổi cho những hành động của người. Hãy nghe lời ta, hỡi cái tôi thực sự của người, và mọi thứ sẽ tốt đẹp với người, nhưng chỉ cần người lại nghe theo cái giá áo túi cơm già nua thiếu cận mà người gọi là cha đó, thì ta sẽ xé xác người thành trăm mảnh, và sẽ ám người, một kẻ ghét bỏ Đức Chúa, cho đến đời sau và sau nữa; bởi, Ernest ơi, ta là Chúa, Đấng tạo nên người.'

Thật kích động biết bao khi nó nghe vang lên trong lòng những lời này, và hẳn ở nhà cha nó, mọi người cũng sẽ bàng hoàng lắm; nhưng mọi chuyện không chỉ dừng ở đó, bởi cũng chính cái tôi nội tại xấu xa đó còn cho nó lời khuyên về chuyện tiền bạc, việc chọn bạn bè, và hầu như trong mọi chuyện, Ernest đều chú tâm và vâng theo những lệnh truyền trong lòng đó một cách tích cực, hơn xa Theobald nhiều. Hệ quả là nó ngày càng học ít đi, đầu óc chậm dần, còn cơ thể thì lại phát triển nhanh chưa từng có, và chẳng bao lâu sau, cũng chính cái tôi đó thúc đẩy nó đi theo hướng đây những trở ngại vượt quá sức nó, và từng bước một, nó chinh phục những thứ từng một thời bị tước đoạt khỏi nó, cho dù trong lương tâm, nó vẫn thấy ân hận nhiều.

Chúng ta có thể đoán được Ernest không phải là người mà những đứa trẻ trầm tính hơn và sống chuẩn mực hơn muốn kết bạn. Có một vài cậu trai không được tốt đẹp cho lắm thường đến quán rượu và uống bét nhè quá chén, có thể cái tôi nội tại của Ernest hầu như không bảo nó nhập hội với chúng, nhưng nó đã làm như thế từ lúc tuổi còn nhỏ, và đôi lần nó say vật vờ khốn khổ vì một lượng bia vốn không đủ ảnh hưởng gì đối với những đứa khỏe mạnh. Cái tôi của nó hẳn đã can thiệp vào chuyện này và bảo cho nó biết rằng nhậu nhẹt chẳng có gì vui, bởi về sau nó đã bớt cái thói một thời

chìm đắm đó, và chẳng bao giờ mắc lại, nhưng thật đáng hổ thẹn, nó lại nhiễm một thói khác vào một độ tuổi quá nhỏ chỉ khoảng mười ba hay mười bốn, và đến tận bây giờ vẫn chẳng thể bỏ được, dù cái tội của nó cứ mãi kêu ca là nó hút ít chùng nào thì tốt cho thân nó chùng đấy. Rồi mọi chuyện cứ trôi đi như thế cho đến khi cậu bé của tôi gần được mười bốn tuổi. Trong thời gian đó, nếu nó không thực sự là một đứa nhỏ xấu xa tục tũ, thì cũng thuộc một hạng giữa giữa, dưới những kẻ đáng trọng và trên những kẻ bất hảo, mà có lẽ là hơi nghiêng về cái thứ hai, ngoại trừ việc nó không dính vào những thói hèn hạ quá đáng. Tôi biết được những điều này một phần từ những gì Ernest kể cho tôi, và một phần từ những hóa đơn của trường mà cha nó trình cho tôi xem kèm theo những lời than van không ngớt. Ở trường Roughborough, có một lệ là thưởng tiền công tội hàng tháng, mức tối đa mà một học trò ngang tuổi Ernest được nhận là bốn shilling và sáu xu, có vài đứa được nhận đến bốn shilling và gần đến sáu xu, nhưng Ernest chẳng bao giờ được nhận quá hai shilling rưỡi, và chỉ vài lần hiếm hoi được nhỉnh hơn một shilling rưỡi, tôi cho rằng mức trung bình của nó vào khoảng một shilling và bảy xu, chùng đó là quá nhiều để xếp nó vào hạng những đứa học trò xấu một cách rõ ràng, nhưng cũng quá ít để cho nó là một đứa tốt.



Bây giờ, tôi phải trở lại nói về Alethea, người mà có lẽ cho đến nay tôi đã kể quá ít, bởi cô có tầm ảnh hưởng to lớn lên số phận Ernest, nhân vật chính của tôi.

Sau khi cha mất lúc cô khoảng ba mươi hai tuổi, cô rời bỏ các chị của mình, những người mà giữa cô với họ chỉ có chút ít đồng cảm, rồi dọn đến London. Cô đã nhất quyết, và tuyên bố là sẽ làm cho phần đời còn lại của mình được hạnh phúc hết sức có thể, trong đầu cô cũng đã có những ý tưởng rõ ràng về cách tốt nhất để tìm đến một cuộc sống hạnh phúc mà không một người phụ nữ, hay ngay cả đàn ông, nào từng có được.

Như tôi đã nói, tài sản của cô có 5.000 bảng vốn là của hồi môn mẹ cô để lại cho, cùng với 15.000 bảng thừa kế từ cha cô, và cô có toàn quyền trên chúng. Số tiền này đem lại cho cô khoản lợi tức 900 bảng một năm, và tiền đó được đầu tư vào những nơi hợp lý nhất, do vậy cô chẳng phải lo ngại gì về vấn đề thu nhập của mình. Vì muốn làm giàu, nên cô lập một kế hoạch chi tiêu hằng năm chỉ trong vòng năm trăm bảng, và nhất quyết để dành số còn lại. ‘Nếu tôi làm như thế,’ cô vui vẻ nói, ‘tôi sẽ có thể thành công trong việc sống thoải mái với thu nhập của mình.’ Và với kế hoạch như vậy, cô thuê một căn phòng chẳng có đồ đạc gì trong một ngôi nhà vốn được dùng để làm văn phòng ở phố Gower. Anh John của cô cố thuyết phục cô mua một ngôi nhà riêng cho mình, nhưng Alethea thẳng thừng bảo anh đừng có nhúng mũi vào chuyện của cô, khiến anh không còn dám ý kiến gì nữa. Chưa bao giờ cô thích anh John, và kể từ lần đó, cô gần như gạt hẳn anh ra khỏi cuộc sống của mình.

Không tiếp xúc nhiều với xã hội, nhưng cô lại quen thân được với hầu hết những người có tiếng trong văn đàn, nghệ thuật, và khoa học, và thật lạ lùng là ý kiến của cô được người ta đánh giá cao cho dù cô chưa bao giờ cố để làm cho mình nổi bật. Cô có thể trở thành một nhà văn nếu muốn, nhưng cô lại thích nhìn những người khác viết và động viên họ hơn là tự làm lấy việc đó. Có thể giới văn sỹ thích cô hơn bởi cô không giẫm chân lên họ.

Tôi luôn dành trọn tình cảm cho Alethea, và cô biết như vậy. Cô hẳn sẽ có rất nhiều người si mê nếu muốn, nhưng cô đã khiến họ nản lòng hết cả, và rửa xả vào đời sống hôn nhân, một việc mà phụ nữ hiếm khi làm trừ phi họ có được một thu nhập đáng kể cho riêng mình. Tuy vậy, dù khinh thường hôn nhân, cô lại hoàn toàn không khinh bỉ đàn ông, và dù sống theo một khuôn mẫu mà những kẻ bới lông tìm vết nhất cũng chẳng kiếm ra lý do nào để chê trách, cô vẫn cố gắng hết mức có thể để bảo vệ những người phụ nữ khác khỏi những lên án mà cuộc đời dành cho họ.

Về mặt tôn giáo, tôi nghĩ cô gần như là một người có tư tưởng tự do, với tâm trí hiếm khi hướng đến một mục đích rõ ràng. Cô vẫn đến nhà thờ, nhưng với cô, những kẻ ra vẻ đầy lòng đạo hay những kẻ lớn tiếng tự nhận mình vô đạo, cô đều ghét như nhau. Tôi nhớ có một lần nghe nói rằng cô đã thúc đẩy một người về sau thành triết gia nổi tiếng, là ông nên viết một quyển tiểu thuyết thay vì cứ theo đuổi cái việc công kích tôn giáo. Triết gia nọ rất khó chịu với điều đó, và bàn rộng ra về tầm quan trọng của việc phải làm cho người ta thấy được sự ngu xuẩn trong niềm tin của họ. Cô mỉm cười và nói một cách từ tốn, ‘Không phải chúng đã có Moses và các ngôn sứ rồi hay sao? Hãy để chúng nghe theo họ là được rồi.’^[20] Nhưng đôi khi cô sẽ nói những lời sâu cay ẩn dưới một giọng nhẹ nhàng, và lời trên khiến tôi nhớ về một bài viết của cô trong quyển sách kinh của mình, nói về chuyến đi Emmaus với hai môn đệ của Chúa, và việc Ngài đã nói với họ rằng ‘Ôi thật là những kẻ ngu muội và chậm tin vào lời TẤT CẢ các ngôn sứ đã nói,’ với chữ ‘tất cả’ được in hoa.

Mặc dù chắc chắn chẳng thêm dính dáng gì đến anh John, cô lại giữ mối liên hệ thân thiết với Theobald, và dành vài ngày để viếng thăm Battersby khoảng hai năm một lần. Alethea luôn cố để thích Theobald và hợp lực với

anh hết sức có thể (bởi trong nhà, chỉ có hai người họ là thỏ non, còn lại đều là chó săn cả), nhưng vô ích. Tôi tin rằng lý do chính khiến cô vẫn giữ liên hệ với anh mình là bởi cô muốn để mắt đến những đứa trẻ nhà Theobald và muốn nâng đỡ chúng nếu chúng chứng tỏ được là mình xứng đáng.

Những lần cô ghé Battersby, bọn trẻ thôi bị đánh đòn, và bài học dành cho chúng cũng được giảm nhẹ hơn. Cô dễ dàng nhận thấy là chúng phải học quá sức và quá tội nghiệp, nhưng cô vẫn không thể đoán ra nổi toàn bộ những gì mà chúng phải chịu. Ý thức rằng chẳng thể can thiệp gì vào chuyện này, nên cô đã khôn ngoan nhẫn nhịn không hỏi han quá nhiều về chúng. Cô biết là thời gian mà cô có thể làm được gì đó, chính là lúc chúng không còn ở chung nhà với bố mẹ chúng nữa. Và như thế, lúc này, cô không còn để ý đến Joey hay Charlotte, nhưng lại quan tâm nhiều đến Ernest để có thể xác định được những thiên hướng và khả năng của nó.

Lúc này, Ernest đã ở Roughborough được một năm rưỡi, và đã gần tròn mười bốn tuổi rồi, nên cá tính của nó cũng bắt đầu được định hình. Alethea đã lâu không gặp nó, và cô nghĩ rằng nếu cô buộc phải có tác động lên nó thì chẳng có lúc nào thuận tiện hơn lúc này, nên cô quyết tâm đến Roughborough với những lý do sẽ đủ hợp lý đối với Theobald, và cô cũng suy tính cẩn thận hoàn cảnh nào cô có thể trò chuyện riêng tư với Ernest được vài tiếng đồng hồ. Rồi vào một ngày tháng Tám năm 1849, khi Ernest vừa mới bắt đầu học kỳ thứ tư của nó, một chiếc xe ngựa đỗ trước cổng nhà ông Skinner, và Alethea bước xuống, xin cho Ernest được đi ăn tối với cô ở khách sạn Swan. Cô đã viết thư cho Ernest báo rằng cô sẽ đến và tất nhiên nó đang nóng lòng chờ đón cô. Đã lâu rồi không được gặp cô, nên lúc đầu nó khá gượng gạo, nhưng bản tính tuyệt vời của cô đã nhanh chóng kéo nó vào tình thân mật. Ngay khi vừa xin được cho nó ra ngoài, cô liền đưa nó đến cửa hàng bánh kẹo và cho nó mua bất kỳ thứ gì nó thích; ngay lúc đó Ernest nhận ra rằng cô thật khác với những dì Allaby của nó, dù họ cũng rất tốt bụng và ân cần. Các dì của nó rất nghèo, còn Alethea lại quá rủng rỉnh tiền bạc. Làm sao họ có thể sánh bằng với một người mà số dư của cô còn gấp đôi thu nhập của họ?

Khi cảm thấy mình được tôn trọng, Ernest có hàng đồng chuyện linh tinh muốn kể, và Alethea khuyến khích nó nói về bất kỳ điều gì nó muốn. Nó luôn sẵn sàng tin tưởng bất kỳ ai đối tốt với nó, phải mất vài năm nó mới có được sự cảnh giác hợp lý trong việc này, và đôi lúc tôi không biết liệu nó đã có đủ sự cảnh giác cần phải có không nữa. Chỉ trong một thời gian ngắn, nó đã xem cô Alethea khác biệt hẳn với cha mẹ nó và những người còn lại, bản năng mách bảo nó rằng cô sẽ là người bảo vệ cho nó. Nó không nhận thức được nhiều rằng việc cô có giúp nó hay không, tùy thuộc vào cách cư xử của nó. Và có lẽ nếu nó biết được điều đó, chưa chắc mọi chuyện đã tốt hơn cho nó đâu.

Nó kể cho Alethea nhiều điều về gia đình và cuộc sống học đường của nó, trải lòng với cô nhiều hơn với cha mẹ nó nữa, nhưng nó chẳng hề nhận ra rằng cô đang moi lấy tin tức từ nó. Cô được nghe nó kể về những buổi tối chủ nhật đầy vui vẻ, và về việc đôi lần nó, Joey và Charlotte cãi nhau, nhưng cô chẳng đứng về phe nào và xem đó như một chuyện thường tình. Ernest, cũng như những đứa trẻ khác, có thể nhại lại tiến sỹ Skinner, và khi đã ảm bụng nhờ bữa tối, và hơi chuyển choáng bởi hai ly rượu sherry, nó biểu diễn cho cô xem vài cử chỉ của tiến sỹ và gọi ông bằng cái tên suồng sã, ‘Sam.’

‘Sam,’ nó nói, ‘là một tên già bịp bợm gớm ghiếc.’ rượu đã khiến nó nói năng huênh hoang, bởi dù gì đi nữa, thì đối với Ngài Ernest, tiến sỹ Skinner vẫn là một thực thể mà nó phải chấp nhận, và trước khi có chút men, thậm chí nó còn khúm núm trước ông ngay khi vừa thấy mặt. Alethea mỉm cười nói, ‘Cô không nên nói gì hết, đúng không?’, ‘Con cho là vậy’ rồi nó tiếp tục. Và cứ thế nó tuôn ra một loạt những lời hợm hĩnh thứ cấp vật vãnh mà nó vốn bị tiêm nhiễm trong đầu một niềm tin rằng đó là những thứ đúng đắn, và rõ ràng ngay vào cái tuổi choắt này, Ernest đã quá tin vào chính bản thân nó với một niềm tin ngớ ngẩn. Cô Alethea đánh giá nó một cách độ lượng, đúng theo bản chất của cô, cô biết rất rõ tính huênh hoang đến từ đâu, và thấy rằng với những lời lẽ tuôn ra vô tội vạ của nó, thì đã đến lúc không cho nó dùng thêm rượu nữa rồi.

Tuy nhiên, chỉ đến sau buổi tối, Ernest mới hoàn toàn chinh phục được cô của nó. Alethea khám phá ra rằng, nó giống cô, cùng cực kỳ đam mê âm

nhạc, và là thể loại nhạc cao nhất. Nó biết, và ngậm miệng ngân nga hay huýt sáo cho cô nghe, đủ mọi tác phẩm của những bậc thầy âm nhạc lừng danh, những bản nhạc mà hầu như không ai nghĩ một đứa trẻ như nó có thể biết được, và rõ ràng đây hoàn toàn là thiên bẩm tính của nó, bởi ở Roughborough, người ta tuyệt đối không khuyến khích âm nhạc. Trong trường, chẳng có học sinh nào đam mê âm nhạc bằng nó. Nó kể với cô rằng nó biết những bản nhạc này từ người đánh đàn ở nhà thờ thánh Michael, nhờ đôi lúc ông đến tập đàn vào những buổi chiều ngày thường. Ernest nghe tiếng đàn vang vọng và băng vào nhà thờ, trốn trong đó rồi mon men lại gần bục đàn. Trong một thời gian, người nghệ sĩ đàn quen dần với sự hiện diện của nó, và cả hai trở thành bạn bè.

Chính điều này khiến Alethea quyết định Ernest đáng để cô bỏ công sức mình ra. ‘Nó thích thể loại nhạc hay nhất,’ cô nghĩ, ‘và nó ghét tiến sỹ Skinner. Thật là một khởi đầu đầy tốt đẹp.’ lúc đưa Ernest về lại trường, cô cho nó một đồng tiền vàng (trước đó nó chỉ mong được cho năm shilling mà thôi,) nhưng cô cảm giác rằng, so với tiền của cô, Ernest là một thứ đáng giá hơn nhiều.



Hôm sau, Alethea lên đường về lại nhà, trong lòng cứ nghĩ mãi về đứa cháu trai và về cách nào để giúp đỡ nó tốt nhất có thể.

Cô thấy rằng để có thể thực sự chăm lo cho Ernest, cô phải dành trọn bản thân mình cho nó; có nghĩa là cô phải rời London trong một thời gian, để sống tại Roughborough, có như vậy cô mới theo sát được nó. Đây là một quyết định lớn bởi cô đã sống ở London suốt mười hai năm nay, và mặc nhiên, cô không thích viễn cảnh sống ở một thị trấn nhỏ miền quê như Roughborough. Nỗ lực quá nhiều như vậy có sáng suốt không? Không phải có nhiều người đã đánh liều với số phận mình hay sao? Liệu ai có thể làm được nhiều điều cho người khác, ngoại trừ việc để lại di chúc cho họ và rồi chết đi? Chẳng phải mỗi người chỉ nên quan tâm đến hạnh phúc của mình, và điều tốt nhất cho thế giới không phải là việc mỗi người biết bận tâm đến việc của mình và để cho người khác tự giải quyết việc của họ hay sao? Cuộc sống không giống như trò đua lừa, trong đó mỗi người cưỡi con lừa của người khác và cố gắng đi chậm hết mức có thể. Và người viết Thánh vịnh thời xưa đã từng xác nhận một kinh nghiệm chung, khi ông tuyên bố rằng chẳng một ai cứu được kẻ khác hay trả được giá chuộc của nó cho Đức Chúa, bởi linh hồn của cả hai đều quá cao giá, và như thế hẳn nên để kẻ đó tự lo cho mình mãi mãi.

Cô có tất cả những lý do hoàn hảo này, và còn hơn thế nữa, để bỏ mặc đứa cháu Ernest, nhưng để phản kháng lại chúng, trong cô có một tình yêu của người phụ nữ dành cho con trẻ, và một ước muốn tìm cho ra trong dòng tộc một người trẻ có thể gắn bó với cô, và qua đó, cô có thể gắn bó với chính bản thân mình. Hơn tất cả, cô muốn có một ai đó để truyền lại tài sản của

mình, cô sẽ không để chúng lại cho một người mà cô chỉ biết đôi chút, nhưng lại ngẫu nhiên là con cái của anh chị cô, những người mà cô vốn chưa bao giờ thích họ. Cô biết sức mạnh và giá trị của đồng tiền, và cô nhận thức được hằng năm có biết bao người tử tế phải chịu khổ cực và chết đi vì thiếu tiền, cô gần như không muốn để lại gia sản cho ai nếu không tin tưởng được rằng đó là một người ngay thẳng, tử tế, và phần nào túng thiếu. Cô muốn người đó phải dùng của thừa kế đó thật hợp tình hợp lý, và phải cực kỳ hạnh phúc khi nhận số tiền đó; nếu tìm được một ai như thế trong số những đứa cháu của mình thì thật tốt biết bao và thật đáng để cô lao tâm khổ tứ vì việc này, nhưng nếu chẳng có ai trong số đó xứng đáng, thì cô buộc lòng phải tìm một người ngoại tộc làm kẻ thừa kế của mình.

Nhiều lần, cô đã nói với tôi như thế này, ‘Tất nhiên, tôi có thể bị nhầm lẫn và làm bậy. Có thể tôi sẽ chọn một người dễ nhìn, một kẻ bủn xỉn ăn mặc đẹp, cư xử tao nhã khiến tôi bị lừa, và rồi, ngay khi tôi trút hơi thở cuối cùng, nó có thể bỏ đi vẽ những bức họa hàn lâm, hay viết bài cho báo Times, hoặc làm bất kỳ điều gì tệ hại vợ vẫn khác.’

Tuy nhiên, cô không nhất quyết việc này cho lắm, và đây là một trong những điều khiến cô bối rối. Tôi tin rằng nếu tôi không ngăn cản, thì hẳn cô đã di chúc tài sản của mình lại cho tôi. Tôi đã được thừa kế một tài sản dư dả từ cha mình, và bản thân lại là một người sống đơn giản, nên chưa bao giờ tôi thấy khó khăn về vấn đề tiền bạc, hơn nữa tôi thật sự lo ngại về những lời đàm tiếu dị nghị của thiên hạ. Bởi thế, Alethea biết rằng việc để lại tài sản cho tôi là điều gây hại nhất cho mối quan hệ giữa hai chúng tôi, bằng chứng là dù tôi biết cô có ý định như thế, nhưng chẳng bao giờ tôi hỏi về chuyện đó, cho đến khi cô tìm được cho mình một người thừa kế khác, không phải là tôi.

Ernest đã khiến cô hài lòng, và trong cô có một thôi thúc muốn nhận nó làm người thừa kế, nhưng quyết định chỉ được đưa ra sau vài ngày suy nghĩ. Và khi đã quyết tâm làm như thế, cũng có nghĩa là lối sống hằng ngày của cô lâu nay cũng sẽ phải bị thay đổi nhiều. Ít nhất, theo cô nói thì việc này khiến cô phải suy nghĩ trong nhiều ngày, nhưng tôi cho rằng ngay từ lúc ý tưởng đó đến trong cô, thì mọi chuyện vốn đã được quyết định rồi.

Bây giờ, việc cần làm là kiếm một căn nhà ở Roughborough, và đến đó sống trong vòng hai năm. Tuy nhiên, do chiều theo ý tôi, cô vẫn giữ căn phòng ở phố Gower để đến ở đó một tuần trong tháng, và tất nhiên cô cũng sẽ không ở lại Roughborough trong những kỳ nghỉ. Hai năm là thời hạn để cô quyết định xem có nên nhận Ernest làm người thừa kế hay không, và nếu không, thì cô phải trở về London ngay. Nên trong thời gian đó, cô phải xác định được những tố chất của nó, và ra quyết định cho phù hợp. Lý do để dọn đến Roughborough mà cô nghĩ ra là bởi bác sỹ bảo cô, sau quá nhiều năm sống ở London bụi bặm, nên dọn đến ở vùng quê trong vòng một hoặc hai năm, và ông đã khuyên cô nên chọn Roughborough bởi nó có không khí trong lành, và thuận tiện đi về London do đã có đường xe lửa nối liền hai nơi rồi. Cô lo lắng làm cách nào để các anh chị khác không phàn nàn về việc cô không chiếu cố đến con của họ, và cô cũng mong sao mình đừng gieo cho Ernest những hy vọng hão huyền nào.

Sau khi đã thu xếp xong mọi việc, cô viết thư cho Theobald và ngụ ý rằng từ hôm lễ Thánh Thiên thần, cô đã tậu một căn nhà ở Roughborough, và rồi cô dẫn dụ, như thể tình cờ, nói qua rằng một trong những điều hấp dẫn nhất của nơi ở mới này là có đứa cháu trai của cô đang học nơi đó, và cô hy vọng rằng từ bây giờ, sẽ được gặp nó nhiều hơn.

Theobald và Christina biết rất rõ Alethea yêu thích London đến mức nào, và dù họ có thấy thật là kì lạ khi cô muốn dọn đến sống ở Roughborough, nhưng vẫn không ngờ được rằng lý do duy nhất khiến cô đến đó là vì Ernest, và họ càng không nghĩ đến chuyện cô có ý tưởng chọn nó làm người thừa kế. Nếu các anh chị của cô đoán ra chuyện này, họ sẽ rất ghen tị, và tôi nửa tin nửa ngờ cho rằng thế nào họ cũng bảo cô dọn đi sống nơi khác. Tuy nhiên, Alethea trẻ hơn Theobald vài tuổi, khoảng độ năm mươi, và cô có thể sống đến tám mươi lăm hay chín mươi tuổi, bởi thế số tiền để lại của cô chẳng phải là vấn đề đáng để bận tâm nhiều, và Theobald cùng chị dâu của cô, có thể nói là đã nén lòng, để dẹp chuyện này sang một bên, tuy nhiên, họ cho rằng, nếu có chuyện gì xảy ra với cô lúc họ còn sống, thì số tiền đó, tất nhiên, sẽ là của họ.

Việc Alethea đánh giá cao Ernest là cả một vấn đề nghiêm trọng. Christina nghĩ thấy ngay mùi lạ lùng trong chuyện này, như cô vốn thường vẫn thế. Alethea là một người phàm tục, có thể nói là quá phàm tục chẳng giống một người em gái của Theobald đáng trọng chút nào. Trong lá thư gửi Theobald, cô có nói là cô biết anh và Christina bận lòng nhiều biết bao về hạnh phúc của Ernest. Alethea nghĩ rằng viết như thế là đủ thể hiện sự rộng lòng rồi, nhưng Christina còn muốn hơn nữa. Khi nghe Theobald đọc lá thư của cô em, cô kêu lên ‘làm sao cô ấy biết chúng ta nghĩ về bọn trẻ nhiều đến mức nào? Anh ạ, Alethea sẽ hiểu hơn về chuyện này nếu như cô ấy cũng có con cái.’ Ít nhất, thì Christina cũng hài lòng khi được nghe là chẳng có bậc cha mẹ nào sánh được với cô và Theobald. Cô cảm thấy có thể hai cô cháu sẽ thân thiết với nhau, mà cả cô lẫn Theobald đều không muốn Ernest có thêm bất kỳ đồng minh nào, chỉ Joey và Charlote là quá đủ cho nó rồi. Nhưng dù thế nào đi nữa, nếu Alethea đã quyết định đến sống ở Roughborough, thì cả hai chẳng có cách nào ngăn cản, vì thế họ buộc phải chiều theo việc đó sao cho tốt đẹp nhất là được.

Trong vòng vài tuần, Alethea đã dọn đến sống ở Roughborough rồi. Cô tìm được một ngôi nhà nằm giữa cánh đồng với mảnh vườn nhỏ xinh xinh khiến cô rất ưng ý. ‘Dù gì đi nữa,’ cô tự nhủ, ‘mình sẽ có được trứng và hoa tươi.’ Thậm chí cô còn nghĩ đến việc nuôi một con bò, nhưng cuối cùng lại từ bỏ ý định đó. Ngôi nhà hoàn toàn trống trơn, nên cô thay mới toàn bộ đồ đạc trong nhà, nhưng vẫn giữ nguyên mọi thứ trong căn hộ phố Gower của mình. Rồi đến ngày lễ Thánh Thiên thần, cô đã sắp xếp ổn thỏa nhà cửa, và bắt đầu cuộc sống nơi ngôi nhà mới. Một trong những bước đầu tiên của cô là mời hơn chục đứa trẻ thông minh nhất và lịch sự nhất đến dùng bữa sáng cùng cô. Từ chỗ ngồi đối diện với đám trẻ trong nhà thờ, cô có thể thấy được những khuôn mặt nổi bật, và xác định được những em nào xứng đáng nhất để cô bồi dưỡng. Alethea xem xét chúng với đôi mắt sắc sảo ẩn dưới lớp mạng và tất nhiên là theo tiêu chuẩn của một người phụ nữ. Tôi thấy cô còn có những kết luận đúng đắn hơn cả những gì mà tiến sỹ Skinner từng làm. Có một cậu bé thậm chí đã khiến cô mẫn ngay từ lúc mới nhìn thấy cách cậu đeo đôi găng tay của mình.

Như tôi đã nói, Alethea tiếp cận bọn trẻ là vì Ernest, và cô chăm lo cho chúng rất tốt. Chẳng một cậu bé nào lại không chịu để cho một người phụ nữ tốt tính và vẫn còn rất đẹp chăm lo cho chúng. Về phương diện này, thì những cậu bé cũng giống như cún cưng vậy, cho chúng một miếng xương và chúng sẽ mến bạn ngay thôi. Alethea dùng đến tất cả mọi mẹo vặt mà cô có thể nghĩ ra để khiến chúng không thể rời cô, và qua đó chúng cũng sẽ giúp đỡ cho Ernest. Khi biết câu lạc bộ bóng đá đang có chút vấn đề tiền bạc, cô đã tặng nửa đồng tiền vàng cho họ để nó khỏi bị giải thể. Các cậu bé không thể không cảm mến cô, cô thu phục từng người một cách dễ dàng như bắt gà đang ngủ vậy. Nhưng cô cũng không thể tránh khỏi những bối rối, bởi theo những gì đã viết cho tôi, cô gần như phải lòng hơn nửa số chúng rồi. ‘Chúng thật dễ thương,’ cô nói, ‘và còn biết nhiều hơn những người tự nhận là thầy của chúng nữa.’

Về sau, tôi tin chắc rằng, chỉ những người trẻ, và những người thật sự cao niên cùng thật sự từng trải, mới có được một ký ức sống động để hướng dẫn cuộc đời họ. Có người đã nói thế này: ‘Toàn bộ vẻ đẹp của tuổi trẻ nằm ở một lợi thế vượt ngoài tuổi tác là trải nghiệm, và nếu trải nghiệm này sụp đổ hoặc bị dùng sai, thì vẻ đẹp đó cũng biến mất. Khi chúng ta nói là chúng ta đang già đi, thì đúng hơn chúng ta phải nói rằng chúng ta đang mới đi hoặc trẻ đi, và như thế chúng ta rơi vào nỗi khổ không có trải nghiệm, chúng ta cố gắng để làm những điều mà trước đây chưa từng làm, và cứ lún sâu dần mãi, cho đến khi chạm đến sự bất lực tuyệt đối chính là cái chết.’ Alethea đã về trời vài năm trước khi tôi viết những dòng này, nhưng cô cũng đã tự mình rút ra được một kết luận tương tự như tôi vậy.

Bởi thế, cô chinh phục các cậu bé trước hết. Còn tiến sỹ Skinner thì dễ giải quyết hơn nhiều. Ngay khi cô vừa mới dọn đến, hai ông bà tiến sỹ đã ghé thăm nhà, tất nhiên là vậy rồi. Cô khiến ông khoái chí hết sức, và ngay từ buổi gặp đầu tiên, cô đã xin ông hứa là sẽ tặng cô một bản sao những bài thơ tự do của ông (bởi tiến sỹ Skinner nổi tiếng là một trong những nhà thơ tự do dào dạt và tao nhã nhất.) Cô cũng nhớ đến các giáo viên khác cùng với vợ của họ. Như lâu nay vẫn vậy, cô cố hết sức mình để làm hài lòng tất cả

mọi người mà cô thấy cần, và nếu một phụ nữ cố hết sức để lấy lòng người ta, thì phần lớn đều thành công.



Alethea sớm phát hiện ra rằng Ernest không thích các môn thể thao, nhưng cô cũng thấy hầu như chẳng thể hy vọng khiến nó thích chúng được. Cơ thể của Ernest đã phát triển đủ, nhưng lạ thay nó chẳng có chút sức mạnh nào cả. Về sau, nó mạnh hơn, nhưng vẫn trẻ nhiều so với các bạn đồng tuổi. Còn lúc này nó chẳng khác gì một bộ xương di động. Nó vẫn muốn có một thứ gì đó giúp nó phát triển tay chân và lồng ngực mà không phải bị dẫm đạp nhiều như lúc chơi các môn thể thao trong trường. Mỗi bận tâm trên hết của Alethea là làm sao có được một thứ giúp cho Ernest phát triển cơ thể mà vẫn phải phù hợp với sở thích của nó. Chèo thuyền có lẽ là thứ hợp nhất, nhưng tiếc thay ở Roughborough chẳng có con sông nào.

Cho dù đó là món gì đi nữa, thì Ernest cũng phải thích môn đó nhiều như các cậu bé khác thích cricket hay bóng đá, và nó phải thấy được rằng niềm đam mê đó xuất phát từ trong chính bản thân nó. Thật không dễ để tìm được một món nào như vậy, nhưng chẳng bao lâu sau, đột nhiên Alethea nghĩ ra rằng có thể lợi dụng đam mê âm nhạc của Ernest trong việc này. Và rồi vào một ngày nghỉ, lúc Ernest đến chơi nhà cô nguyên một buổi, cô đã hỏi xem nó có muốn cô mua cho nó một chiếc đàn dương cầm hay không. Tất nhiên nó muốn quá còn gì nữa, rồi cô tiếp tục kể cho nó nghe về những chiếc đàn dương cầm mà ông cố Pontifex của nó đã từng tự tay làm. Nó chưa bao giờ được kể chuyện này, nhưng khi biết chắc rằng đó là sự thật, nó hăng hái mắc vào cái bẫy mà cô đã dựng sẵn, nghĩa là muốn bắt đầu học bào đục để có thể làm được những ống nhạc khí bằng gỗ ngay lập tức.

Alethea thấy đây đúng là cách hợp lý nhất, và cô thích cái ý tưởng rằng Ernest sẽ vô tình biết được nghề mộc, bởi cô vô cùng ấn tượng, thậm chí là

phát rõ, với sự khôn ngoan của người Đức khi họ có tục dạy cho các cậu bé phải biết được một nghề thủ công nào đó.

Khi viết thư cho tôi về vấn đề này, cô bảo rằng ‘Có được một nghề là điều rất tốt cho những ai có quan hệ, thế giá, cũng như vốn, còn nếu không thì nó chỉ là một thứ trang trí vô giá trị mà thôi. Chẳng phải cả anh và tôi đều biết rất nhiều người có tài năng, chăm chỉ, ý thức cực tốt, ngay thẳng, và thực sự là có đủ mọi yếu tố để thành công, nhưng biết bao năm qua vẫn mỗi mòn chờ đợi có được một chỗ làm, hay sao? Thực sự người ta sẽ rơi vào hoàn cảnh như thế, nếu không được sinh ra trong một gia đình thế giá, hoặc kết hôn để có được điều đó? Cha mẹ của Ernest không có thế giá bao nhiêu, và nếu có, họ cũng sẽ không dùng đến nó. Tôi cho rằng họ sẽ cho nó làm một mục sự, hoặc sẽ cố làm như thế, có lẽ đó là điều tốt nhất họ làm được cho nó, bởi nó có thể dùng tiền của ông nội nó để lại mà mua lấy một nhiệm sở thu nhập ổn định, nhưng chẳng ai biết được suy nghĩ của thằng bé, còn trong chừng mực mà chúng ta biết thì dường như nó muốn đến những vùng xa xôi hẻo lánh của mỹ quốc, giống như nhiều người trẻ hiện giờ vậy.’ ... Nhưng dù gì đi nữa, nó hẳn sẽ thích thú với việc làm một chiếc đàn, và việc này chẳng có hại gì cho nó, nên việc này bắt đầu càng sớm thì càng tốt. Alethea nghĩ rằng nên nói kế hoạch này với Theobald và Christina như vậy sẽ tránh được những rắc rối về sau. Cô viết thư gởi họ như sau ‘Em không nghĩ rằng tiến sỹ Skinner sẽ hồ hởi chấp thuận nỗ lực của em trong việc cố đưa bài tập làm một cây đàn dương cầm vào giáo trình học tập của Roughborough, nhưng em thấy được những gì em có thể làm cho Ernest, bởi em rất mong muốn có được một cây đàn do chính tay cháu làm, mà với nó, Ernest có thể chơi bao nhiêu tùy thích bao lâu nó còn ở trong nhà của em, và em sẽ cho nó dùng cây đàn này cho đến khi nó có được một cây cho riêng mình, nhưng hiện tại cây đàn vẫn là tài sản của em, bởi vì em đã trả tiền để làm ra nó.’ Những lời này để nói rõ cho cha mẹ Ernest biết rằng họ sẽ không phải tốn kém gì trong chuyện này.

Nếu Alethea cũng nghèo như các dì Allaby, thì chúng ta hẳn đã đoán được vợ chồng Theobald sẽ nói thế nào về kế hoạch này, nhưng nếu cô cũng chỉ nghèo như họ, thì cô đã chẳng đưa ra đề nghị này rồi. Họ không thích việc

Ernest chịu ảnh hưởng nhiều từ cô, nhưng dù gì thì như thế vẫn còn hơn là để cô quay sang giúp đỡ cho các con nhà anh John. Theobald nói, việc duy nhất khiến anh chưa quyết trong chuyện này, là anh lo rằng nếu ủng hộ cái sở thích âm nhạc của nó, thì về sau, Ernest sẽ sa đà với những bạn bè tầm thường. Anh đã rất đau lòng quan sát thấy rằng, cho đến bây giờ, Ernest có xu hướng chạy theo những bạn bè tầm thường, và có thể nó sẽ thân thiết với những đứa làm băng hoại sự ngây thơ của nó. Còn Christina thì rất khó chịu với kế hoạch này, nhưng sau khi cả hai vợ chồng trình bày đủ mọi dẫn chứng của mình, họ lại cảm thấy (và khi người ta bắt đầu ‘cảm thấy’, thì thường luôn chuẩn bị làm theo điều mà họ tin là thực tế và vật chất hơn) rằng nếu chống đối kế hoạch của Alethea thì dù có đúng đắn đi nữa, vẫn sẽ gây hại đến tiền đồ của Ernest, và phần hại sẽ nhiều hơn, nên họ đành đồng ý, dù không thực lòng cho lắm.

Tuy nhiên, sau một thời gian, Christina đã quen dần với ý tưởng trên, và bắt đầu xuất hiện trong cô những ý nghĩ khiến cô vô cùng hưng phấn. Nếu giá như Alethea là một người có cổ phần trong công ty đường sắt, thì hẳn một ngày nào đó Christina sẽ trở nên cực kỳ cao giá ở Battersby, cho đến tận khi nào người ta có được một cuộc cách mạng công nghệ khác. Rồi cô lại nghĩ về cây đàn dương cầm, cô xem nó như thể là thứ do chính tay cô làm ra vậy, và như thế chẳng tìm ra được nơi đâu trên nước anh được một cây đàn duyên dáng và âm giai hay đến vậy. Ngài Walmisley ở Cambridge thậm chí sẽ còn nhầm lẫn nó là tác phẩm của cha Smith, một bậc nghệ nhân lớn. Chắc chắn nó đó sẽ được đem đến nhà thờ Battersby, nơi đang thiếu một cây đàn, bởi chẳng có lý gì mà Alethea lại muốn giữ nó, và Ernest thì trong vài năm nữa cũng chưa có nhà riêng, mà hai vợ chồng cô thì sẽ chẳng bao giờ để nó trong nhà. Ôi thôi, chẳng có nơi nào thích hợp cho cây đàn này hơn nhà thờ Battersby cả.

Tất nhiên, họ sẽ tổ chức một buổi khai đàn, và Giám mục hẳn sẽ đến, có lẽ thêm cậu nhỏ Figgins, rồi cậu có thể mời ông cậu là ngài lonsford đến nữa, mà chuyện này cô phải hỏi lại Ernest xem cậu ta có còn học ở Roughborough hay không. Rồi ngài lonsford cùng giám mục và tất cả mọi người sẽ chúc mừng cô, còn người chủ trì buổi tiệc, ngài Wesley hay

Walmisley gì đó sẽ nói với cô rằng, ‘Bà Pontifex thân mến ạ, tôi chưa bao giờ được chơi một nhạc cụ quá đặc biệt đến thế này.’ rồi cô sẽ đáp lại ông bằng một nụ cười rất ngọt ngào đặc trưng của mình, và nói rằng cô e là ông đang tâm bốc cô, còn ông sẽ đáp lại bằng những lời nói đùa rằng, những chàng trai đặc biệt (ý muốn nói đến Ernest) luôn luôn có mẹ là những người phụ nữ đặc biệt, và cứ thế còn nhiều chuyện để nói nữa. Một trong những lợi ích của việc tự tán dương chính mình là người ta có thể nuôi dưỡng cái sự tự tôn đó quá nhiều và ảo tưởng tạo cho nó những hoàn cảnh thật xác đáng.

Còn phần mình, Theobald viết cho Ernest một lá thư ngắn gọn và cẩu gắt nói về ý định làm cây đàn dương cầm của Alethea.

‘Ta sẽ không ý kiến gì về việc này cho dù có xảy ra chuyện gì đi nữa; tất cả chuyện này đều tùy thuộc vào nỗ lực của con; từ trước đến nay, con đã có những thuận lợi vô cùng đặc biệt, và bây giờ cô của con lại thể hiện mong muốn được giúp đỡ con, nhưng con phải nhất quyết và kiên định hơn, nếu không, đến cuối cùng, cái ý tưởng làm đàn này chỉ khiến tăng thêm sự thất vọng dành cho con mà thôi.

Ta phải nhấn mạnh hai điểm; thứ nhất, cái việc mới này không được khiến con xao lãng đối với tiếng Latin và Hy Lạp của con (‘Chúng không phải là của con,’ Ernest nghĩ, ‘chẳng bao giờ là của con đâu’), và thứ hai, nếu con có ý định làm một phần nào của cây đàn trong những ngày lễ nghỉ, thì đừng có đem cái mùi hồ và bào gỗ về ngôi nhà này.’

Ernest vẫn còn quá nhỏ để nhận thức được rằng lá thư mà nó vừa nhận được khó chịu đến mức nào. Nó tin rằng những lời ám chỉ trong đó hoàn toàn công bằng đúng đắn. Nó biết nó thiếu sự kiên trì. Nó thích thứ này trong một lúc, rồi lại thấy nó không còn thích thứ đó nữa, và như thế thật là tệ. Lá thư trên đã khởi phát lên trong nó những cơn buồn bã về sự vô dụng của nó, nhưng ý tưởng về cây dương cầm đã khiến nó khuây khỏa, và nó thấy chắc rằng đây là một điều nó có thể chuyên tâm vào mà sẽ không dần dà cảm thấy chán nản. Alethea đã quyết định là sẽ chưa bắt tay làm cây đàn cho đến sau kỳ nghỉ Giáng Sinh, và từ giờ cho đến lúc đó, Ernest cần làm những việc mộc đơn giản, để biết cách sử dụng đồ nghề của mình. Alethea

có một chiếc bàn thợ mộc đặt trong ngôi nhà phụ nơi mảnh đất của mình, và cô cũng đã thỏa thuận với một người thợ mộc lành nghề nhất Roughborough để ông sẽ đến hai tiếng mỗi buổi, và mỗi tuần hai buổi như vậy hầu hướng dẫn cho Ernest. Rồi cô chợt thấy mình thích có món đồ gỗ này kia, và cô giao cho Ernest làm, cùng trả công cho nó rất hậu khi thấy nó say mê với bào đục và gỗ ván. Cô chẳng bao giờ mở miệng cho nó một lời khuyên, hay nói về việc nó phải tự nỗ lực hết mình, nhưng cô thường hay hôn nó, và ghé qua xưởng mộc trong vai trò một người thích thú với những tác phẩm mới được khéo léo hoàn thành, cô thích thú như thể chưa bao giờ thích thú như vậy.

Làm sao có cậu bé nào lại không vui thích với một sự hỗ trợ như vậy cơ chứ? Tất cả các cậu bé đều thích làm thứ này thứ khác, và công việc cưa cắt bào đục của Ernest đã đem đến chính xác điều mà Alethea cần, một việc rèn thể lực vừa không quá nặng và vừa gây vui thích. Khi khuôn mặt búng beo của Ernest bừng sáng lên lúc làm việc, và đôi mắt nó long lanh đầy thích thú, trông nó như khác hẳn với đứa bé mà Alethea vừa gặp cách đây mấy tháng. Khác hẳn với tiếng Latin và Hy Lạp, việc mộc này chưa bao giờ bị cái tôi của Ernest tố cáo là trò lừa dối. Thật đáng để làm những chiếc ghế đầu hay những ngăn kéo gỗ, và khi mùa Giáng Sinh vừa qua, thì dự án về chiếc đàn dương cầm, một điều chưa bao giờ Ernest thôi nghĩ về, cũng dần hiển hiện. Alethea để Ernest mời các bạn của nó đến, và khuyến khích nó mời đến những đứa trẻ mà trực giác nhạy bén của cô thấy là đáng giá nhất. Cô cũng trau chuốt vẻ ngoài cho nó, nhưng chẳng bao giờ ra vẻ lên giọng dạy bảo. Thật sự, cô đã làm được nhiều điều kì diệu trong một thời gian ngắn, và nếu cô đến sớm hơn, thì tôi không nghĩ là Ernest đã phải chịu sống dưới bóng u ám vốn ảnh hưởng đến tính cách thuở trước của nó; nhưng tiếc thay, tia sáng cuộc đời của nó quá bừng bừng và sáng chói để có thể duy trì được lâu dài, và rồi trong tương lai nó sẽ còn phải chịu thêm nhiều giông bão trước khi được thật sự hạnh phúc. Dù vậy, lúc này nó đang cực kỳ hạnh phúc, và cô của nó cũng thấy vô cùng dễ chịu và hài lòng khi thấy nó như vậy, cũng như khi được thấy nó tiến bộ từng ngày, và dành trọn cho cô một tình cảm thiết tha vô bờ. Ngày qua ngày, cô càng yêu quý nó hơn, cho dù nó

vẫn phạm nhiều lỗi và có những hành động ngu ngốc không thể hiểu nổi. Có lẽ chính vì thế, mà cô lại thấy là nó cần đến cô, và càng ngày cô càng chắc chắn hơn về quyết tâm muốn chăm sóc nó như một đứa con của cô chứ không phải chỉ là đứa cháu trai nữa. Nhưng dù như thế, đến tận bây giờ, cô vẫn chưa đưa ra quyết định dứt khoát hoàn toàn về chuyện này.



Trong thời gian đầu của học kỳ tiếp theo, mọi chuyện đều diễn ra tốt đẹp. Phần lớn những ngày nghỉ, Alethea đều ở London, và tôi cũng có dịp gặp cô ở Roughborough lúc tôi đến viếng đó trong vòng vài ngày và nghỉ tại khách sạn Swan. Tôi đã nghe nói tất cả mọi chuyện về đứa con đỡ đầu của mình, vốn lâu nay tôi quan tâm nó trên lời nói hơn là việc làm. Tôi quan tâm nó nhiều hơn trong giai đoạn có sự hiện diện của Alethea này, nhưng tôi lại thấy nó thật là một mối phiền phức bởi nó choán hết chỗ trong lòng của Alethea, và còn kéo cô xa khỏi London nữa. Việc làm cây đàn đã bắt đầu, và trong hai tháng đầu học kỳ, nó tiến triển thuận lợi. Ernest hạnh phúc hơn bao giờ hết, và cũng đang cố gắng phấn đấu hết sức mình. Nhờ cô mà những đứa trẻ đàn hoàng nhất bắt đầu để ý đến nó, và như thế nó cũng bớt chịu ảnh hưởng từ những đứa vốn làm hư nó.

Nhưng dù alehthea đã làm được rất nhiều điều, cô vẫn chưa thể loại bỏ hoàn toàn những gì mà Ernest đã tiếp thu ở Battersby, nhà cha nó. Nó sợ và không thích cha bao nhiêu, thì lại bị ảnh hưởng bấy nhiêu; nếu Theobald tốt với nó hơn, thì hẳn nó đã giống anh hoàn toàn, và rồi chẳng bao lâu cũng sẽ trở thành một kẻ khinh khỉnh hợm người như vậy thôi.

May thay, tính khí của nó chịu ảnh hưởng nhiều từ mẹ, một người nếu không sợ hãi, và nếu chồng cô không nổi cái tính thất thường lên, thì vẫn là một người phụ nữ tử tế và tốt bụng. Nếu điều này không khiến các bạn thấy khó chịu, thì tôi cho rằng Christina là một người tốt tính.

Ernest cũng thừa hưởng từ mẹ cái tính thích chuyện viễn vông, và cả điều mà tôi nghĩ rằng phải gọi là, sự phù phiếm, của cô. Nó rất thích thể hiện, và khi đã thu hút được sự chú ý, nó chẳng bận tâm xem vì sao được như thế, và

sự chú ý đó có nghĩa gì. Nó tiêm nhiễm, và lặp lại như vệt bất kỳ lời lạ lùng nào nó nghe được từ những người lớn hơn, và nó nghĩ chúng đều đúng, cũng như dùng chúng có khi đúng lúc khi thì không, như thế chúng là lời của riêng nó vậy.

Alethea đủ già dặn và khôn ngoan để biết rằng đây chỉ là điều mà ngay cả những người vĩ đại nhất cũng phải từng trải qua để tiến tới trên đường đời, và cô thấy hài lòng với tính dễ tiếp thu và biết cách dùng lại những gì đã học được của nó, hơn là khó chịu vì những gì nó bị tiêm nhiễm và nhại lại từ người khác.

Cô thấy nó gắn bó nhiều với cô, và cô tin vào điều này hơn bất kỳ thứ gì. Cô cũng thấy rằng cái tính tự phụ của nó cũng không quá ngất ngưỡng, và nó cũng biết tự hạ thấp mình một cách quá khích như hành động tự phụ của nó vậy.

Cái tính bốc đồng và tính tin tưởng quá mức của nó vào bất kỳ ai biết mỉm cười nhẹ nhàng với nó, hoặc hoàn toàn không có ác ý gì với nó, mới là điều khiến cô lo ngại nhất, cô thấy rõ là nó hẳn sẽ phải luôn mãi thấy mình được người ta mở mắt ra mà thấy cho rõ những trò dối gạt, rồi từ đó nó mới biết cách để kịp thời phân biệt được bạn bè hay kẻ xấu. Chính vì nhận ra điều này khiến cô đi đến quyết định mà cô sẽ sớm phải thực hiện.

Sức khỏe của cô nói chung rất tốt, và cô chưa từng mắc bệnh nặng bao giờ. Nhưng một buổi sáng sau kỳ lễ Phục Sinh năm 1850, cô thức dậy và thấy mình rất yếu. Rồi chẳng bao lâu sau đó, ở Roughborough nổi lên một trận dịch sốt, nhưng vào thời đó, người ta không ý thức cho lắm về việc ngăn ngừa nạn dịch, nên chẳng ai làm gì hết. Một, hai ngày sau, người ta thấy rõ ràng cô đã mắc phải chứng thương hàn và sức khỏe đang suy sụp nghiêm trọng. Bởi vậy, cô gửi một người đưa tin đến London, và mong rằng lúc về sẽ đưa theo được luật sư của cô và cả tôi nữa.

Chúng tôi đến nơi vào buổi chiều cùng ngày, và thấy cô vẫn chưa rơi vào mê sảng, thật sự là cô đã đón tiếp chúng tôi rất vui vẻ đến nỗi chúng tôi khó mà nhận ra được cô đang trong tình trạng nguy kịch. Cô giải thích nguyện vọng của mình, và như tôi đã lường trước, nó liên quan đến đứa cháu trai Ernest của cô, và cô nhắc đi nhắc lại đại ý về tính dễ tin người của nó mà tôi

cho là điều khiến cô bận lòng nhất về nó. Rồi cô nài nỉ tôi, hãy vì mối thâm tình lâu dài và thân thiết của hai chúng tôi, và vì sự bất ngờ của căn bệnh quái ác này, cũng như vì cô không thể bỏ mặc Ernest, mà chấp nhận những gì mà cô biết là nếu cô mất đi, sẽ là một điều khó chịu cũng như gây xúc phạm đến tôi.

Cô muốn để phần lớn tài sản của cô thực tế là cho Ernest, nhưng trên danh nghĩa lại là cho tôi, để tôi có thể giữ cho Ernest đến khi nó được hai mươi tám tuổi, nhưng không một ai kể cả nó được biết việc này, ngoại trừ vị luật sư của cô và bản thân tôi. Cô sẽ để 5.000 bảng cho việc khác, và 15.000 bảng cho Ernest, một số tiền mà đến lúc nó hai mươi tám tuổi sẽ lên đến 30.000 bảng. ‘hãy bán hết các trái khoán, tiền nằm trong đó, và gửi hết chúng vào hội midland.’

‘Hãy để nó hiểu lầm,’ cô nói, ‘về số tiền mà ông nội nó đã để lại cho chính nó. Tôi không phải là tiên tri, nhưng tôi cũng có thể thấy trước rằng Ernest phải mất nhiều năm để biết cách nhìn nhận cuộc đời như những người khác. Nếu tôi để lại số tiền cho nó một cách công khai, nó sẽ không được cha mẹ giúp gì nữa vì họ sẽ chẳng bao giờ tha thứ cho vận may này của nó; tôi dám nói là tôi sai khi làm việc này, nhưng tôi nghĩ rằng nếu giao cho nó số tiền này trước khi nó biết cách giữ được những gì tôi truyền lại, thì hẳn nó sẽ làm tiêu tán gần hết chúng mất.’

Cô nói nếu Ernest bị phá sản hoàn toàn trước lúc nó được hai mươi tám tuổi, thì toàn bộ số tiền sẽ là của tôi vô điều kiện, nhưng cô có thể tin tưởng tôi sẽ giao chúng cho Ernest đúng thời hạn.

‘Nếu tôi lầm, thì điều tệ hại nhất có thể xảy ra là nó sẽ có được một số tiền lớn hơn vào năm hai mươi tám tuổi thay vì một khoản ít hơn nếu nó nhận lúc hai mươi ba tuổi, bởi tôi chẳng bao giờ đủ tin tưởng giao cho nó nếu nó chưa đến tuổi đó, và nếu nó chẳng biết chút gì về chuyện này thì chẳng may nó có nhận tiền vào lúc hai mươi ba tuổi, nó cũng sẽ không khó chịu vì số tiền ít hơn đó.’

Cô nài nỉ tôi nhận 2.000 bảng coi như bồi thường cho những rắc rối tôi phải chịu khi coi sóc cho tài sản của Ernest, và như là dấu chỉ cho cô hy vọng rằng bây giờ và về sau, tôi sẽ chăm sóc cho nó lúc chưa đủ trưởng

thành. Số tiền 3.000 bảng còn lại, tôi sẽ chuyển giao theo kiểu thừa kế hay niên khoản cho những người bạn và người hầu của cô.

Cả vị luật sư lẫn tôi đều cố gắng vô ích trong việc phản đối sự sắp xếp bất thường và mạo hiểm này. Chúng tôi nói rằng những người khôn ngoan chẳng bao giờ nhìn nhận bản chất người khác một cách đầy lạc quan quá mức như vậy đâu. Thật sự chúng tôi chỉ nói những gì mà người khác hẳn cũng sẽ thốt ra như vậy. Cô chấp nhận tất cả, nhưng nài nỉ rằng thời giờ sống của cô sắp hết, và cô chẳng thấy hợp lý chút nào nếu để lại tài sản cho Ernest theo cách thông thường. ‘Đây là một ý muốn điên rồ bất thường, nhưng mà nó cũng là một đũa tre điên rồ bất thường.’ và cô mỉm cười khá vui vẻ với lời nói đùa đó. Giống như tất cả mọi người trong gia đình mình, một khi đã quyết định điều gì rồi, thì cô rất ngoan cố trong chuyện đó. Vậy cho nên tất cả mọi chuyện đều được làm theo ý cô.

Trong bản di chúc không có điều khoản dự phòng nào trong trường hợp cả tôi và Ernest đều mất, Alethea đã cho là cả hai chúng tôi đều sẽ không chết sớm, và cô cũng quá mệt để có thể bàn sâu vào chi tiết việc này, hơn nữa cô quá nóng lòng muốn kí di chúc khi còn có thể, nên thực sự chúng tôi chẳng còn cách nào khác ngoài làm theo những gì cô bảo. Nếu cô hồi phục, chúng tôi có thể bàn lại việc này cho thỏa đáng hơn, còn hiện giờ, nói nhiều sẽ chỉ khiến cho bệnh tình cô nặng hơn mà thôi. Trường hợp này có vẻ như hoặc bản di chúc này sẽ được thực hiện, hoặc là nó sẽ mất hiệu lực hoàn toàn như thể chưa từng có vậy.

Khi bản di chúc đã được kí xong, tôi viết một lá thư và sao thành hai bản, viết rằng ngoại trừ 5.000 bảng, còn lại toàn bộ những gì cô Pontifex đã giao phó cho tôi đều là tín thác cho Ernest, nhưng nó sẽ chưa nhận được của thừa kế này, và cũng không được biết gì dù là trực tiếp hay gián tiếp về việc này, cho đến khi nó được hai mươi tám tuổi, và nếu trước độ tuổi đó, mà nó đã khánh kiệt, thì toàn bộ số tiền sẽ được chuyển giao cho tôi vô điều kiện. Vào cuối mỗi tờ, Alethea viết rằng, ‘Những điều trên được tôi quyết định với đầy đủ nhận thức,’ rồi cô ký tên vào. Người làm chứng là ông luật sư và thư ký của ông, tôi giữ một bản còn ông luật sư ủy thác của Alethea giữ một bản.

Khi tất cả mọi việc đã hoàn tất, cô cảm thấy dễ chịu hơn. Cô nói chuyện với tôi, và chủ yếu là về Ernest, ‘Đừng trách mắng nó, nếu nó vẫn cứ hay dao động, và cứ mãi làm dở dang việc này việc kia. Làm thế nào để nó biết được thế mạnh, hay nếu không thì cũng biết được điểm yếu của nó đây? Nghề nghiệp của một người đàn ông,’ cô nói tiếp, và cười khúc khích đúng kiểu của cô, ‘không giống như một người vợ mà anh ta phải lấy chỉ một lần trong đời, dù sau này có tốt hơn hay xấu hơn, và cũng chẳng được thử trước. Hãy để nó đi đây đó, và tự khám phá ra điều gì nó thật sự thích nhất, có như thế, nó mới hướng được mình đến với điều đó một cách chuyên tâm nhất, và như thế nó sẽ gắn chặt với điều đó; nhưng tôi dám nói là Ernest sẽ chẳng xác định được điều đó trước lúc nó được bốn mươi hay bốn mươi lăm tuổi đâu. Rồi sau đó, tất cả những thứ đã từng dở dang trước đó, sẽ cùng nhau khiến nó nên tốt, nếu nó thực sự là chàng trai mà tôi kì vọng.’

‘Trên tất cả,’ cô nói tiếp, ‘đừng để nó vất kiệt sức vào việc gì, ngoại trừ một hai lần trong đời mà thôi, bởi chẳng có gì đáng để làm hoặc sẽ được làm cho tốt trừ phi nó đến với chúng ta một cách dễ dàng. Theobald và Christina sẽ bắt nó phải chạy theo đeo đuổi đức hạnh đến cùng,’ đến đây cô lại dùng đến điệu cười rất châm chích nhưng lại rất ngọt ngào của mình, ‘Tôi nghĩ là nếu nó thích bánh kẹo thì tốt hơn nên để nó ăn chúng vào ngày thứ ba trước lễ tro, nhưng vậy là đủ rồi.’ Đó là những lời tinh táo cuối cùng của cô. Từ lúc đó trở đi, cô càng lúc càng yếu dần, và mê sảng suốt. Chưa đến hai tuần sau đó, cô trút hơi thở cuối cùng trong nỗi đau buồn khôn tả của những ai đã từng biết và yêu mến cô.



Chúng tôi gửi thư đến tất cả các anh chị của Alethea, và họ đều hỏa tốc đến ngay Roughborough. Trước lúc họ kịp đến nơi, Alethea tội nghiệp của chúng ta đã rơi vào tình trạng mê sảng, và tôi nửa buồn nhưng nửa mừng rằng việc cô ấy cứ mãi mê sảng như thế lại tốt cho cô ấy hơn.

Tôi đã biết tất cả những người này cả đời rồi, một sự quen biết mà chỉ có những người đã từng chơi với nhau từ thuở nhỏ mới có được. Và tôi cũng biết là tất cả họ, có lẽ đỡ nhất là Theobald, ít hay nhiều đều làm khổ Alethea cho đến khi cái chết và của thừa kế từ cha cô biến cô thành bà chủ tự do theo ý thích mình. Tôi rất bực mình khi bọn họ, từng người một khi đến Roughborough, đều hỏi là liệu em gái họ có đủ tỉnh táo để gặp họ hay không. Mọi người đều biết là tôi đã chăm sóc cho cô thời gian mang bệnh vừa qua, và tôi vẫn còn ở lại Roughborough. Tôi thừa nhận là đã rất tức giận với cái vẻ hỗn tạp giữa nghi ngờ, coi thường và tọc mạch mà họ dành cho tôi. Tôi nghĩ là họ, ngoại trừ Theobald, sẽ loại tôi ra ngoài ngay nếu như không tin rằng tôi biết được điều gì đó mà họ muốn biết, và có thể họ sẽ moi được nó từ tôi, bởi rõ ràng tôi có liên quan theo cách nào đó đến việc lập di chúc của Alethea. Không một ai có chút hoài nghi về sự thật ẩn sau cái di chúc này, nhưng tôi nghĩ là họ sợ Alethea sẽ để lại tài sản cho những việc phục vụ cộng đồng. John nói với tôi theo cách nhã nhặn nhất của anh, rằng anh mang mang nhớ là đã nghe Alethea nói về ý nghĩ để lại tài sản cho việc thiết lập một trường đại học, hay để lại cho những tác giả kịch nghệ đang lâm cảnh túng quẫn. Tôi chẳng buồn trả lời anh ta, và tôi chắc chắn rằng làm như thế chỉ khiến anh ta càng nghi ngờ hơn nữa.

Khi đến lúc phải giải quyết mọi chuyện, tôi đưa luật sư của Alethea ra và nói cho các anh chị của cô biết rằng cô đã quyết định như thế nào đối với tài sản của mình. Họ không nổi trận xung thiên, nhưng từng người một lên xe về nhà mình mà chẳng thèm ở lại dự tang lễ của cô, và họ cũng chẳng buồn để ý đến tôi. Đó có lẽ là điều tốt nhất họ đã làm cho tôi, bởi cách hành xử của họ khiến tôi vô cùng tức giận đến nỗi tôi thấy thích thú với quyết định hợp lý của Alethea quá đỗi. Nhưng tôi cũng cảm nhận được sâu sắc rằng di chúc của cô đã đặt tôi vào một vị trí mà mọi người đều muốn xa lánh, cũng như đề lên vai tôi một trách nhiệm quá nặng nề. Tôi chẳng thể tìm ra cách nào thoát được chuyện này, mà chỉ có thể để mọi việc tiến triển theo cách của nó mà thôi. Alethea đã nói rõ mong muốn là được chôn cất tại Paleham, vì thế vài ngày sau, tôi đưa xác cô về đó. Kể từ lúc cha tôi mất cách đây sáu năm, tôi chưa về lại nơi này. Tôi luôn muốn về Paleham, nhưng lại cứ chần chừ mãi, trong khi chị tôi đã về đó được hai hay ba lần rồi. Tôi không thể chịu nổi khi phải nhìn ngôi nhà vốn là nhà của chúng tôi trong rất nhiều năm cuộc đời giờ lại thuộc quyền của những người lạ, phải rung một cách khách sáo chiếc chuông mà tôi vốn chẳng bao giờ đụng đến trừ lúc đùa giỡn thuở nhỏ, phải cảm thấy bất lực đối với mảnh vườn mà khi còn là một đứa trẻ tôi đã hái ở đó biết bao bó hoa thơm và đã là mảnh đất dường như của riêng tôi suốt nhiều năm trời, tôi còn phải nhìn những căn phòng giờ đã mất đi tất cả những nét quen thuộc, và trở nên đầy xa lạ dù vẫn là căn nhà thân thuộc khi xưa. Chừng đó lý do chưa đủ ư? Đáng ra tôi nên chấp nhận những điều này như chuyện chẳng đáng để dừng, và nên chắc chắn rằng những điều tôi nghĩ là quá đáng so với thực tế, nhưng với tôi, chẳng có một lý do đặc biệt nào khiến tôi về lại Paleham, và cứ thế lâu nay tôi trốn tránh việc đó. Nhưng, bây giờ, tôi phải về đó, và tôi thú nhận rằng chưa bao giờ tôi thấy buồn sâu hơn lúc này, khi tôi về đây cùng với người bạn vui đùa thuở nhỏ nhưng giờ đã chỉ còn là cái xác không hồn.

Tôi nhận thấy ngôi làng đã thay đổi nhiều hơn tôi tưởng. Đường sắt đã đến được nơi này, và một nhà ga mới toanh màu vàng xây bằng gạch đã được dựng lên trên ngôi nhà tranh của ông bà cụ Pontifex, mảnh đất đó giờ chỉ còn sót lại xương mộc mà thôi. Tôi gặp thấy nhiều khuôn mặt quen,

nhưng qua sáu năm, dường như họ đã già đi một cách lạ lùng. Một vài người vốn quá già giờ đã không còn nữa, và những người già thì lại trở nên rất già thay thế cho họ. Cảm giác của tôi giống như thể người tiên về lại nhân gian sau sáu năm ngủ vùi vậy. Tất cả mọi người đều mừng khi gặp tôi, mặc dù tôi thấy chẳng có lý do gì đặc biệt để họ như vậy, và tất cả những ai còn nhớ ông bà cụ Pontifex đều rất hồn hậu nói về họ, và lấy làm vui lòng khi đưa cháu gái của ông bà mong muốn được chôn cạnh họ. Khi bước vào nghĩa trang và trong ánh chạng vạng của một ngày mây mù đông gió, đứng gần mộ của bà cụ Pontifex, nơi tôi đã chọn để chôn cất Alethea, nhiều lần tôi nghĩ rằng, cô ấy, người từ nay về sau sẽ nằm lại tại đây, và tôi, người một ngày nào đó cũng sẽ nằm xuống dù chưa biết lúc nào và tại đâu, hai chúng tôi đã từng được một thời cùng nhau vui đùa chạy đuổi quanh chôn này đây khi còn là những đứa trẻ. Sáng hôm sau, tôi đưa cô ấy ra mộ phần, và đặt mộ bia cho cô ấy bằng một phiến đá, đơn giản hệt như bia mộ của ông bà nội cô. Tôi ghi trên đó ngày sinh và ngày mất, ngoài ra chẳng thêm gì ngoài dòng chữ nói rằng bia mộ này được dựng lên bởi một người đã biết và đã yêu cô. Biết cô đam mê âm nhạc, tôi đã từng lưỡng lự với việc khắc lên bia mộ vài dòng nhạc nếu như có thể tìm được đoạn nào phù hợp với cô, nhưng vì biết là cô rất không thích bất kỳ thứ gì đặc biệt trên mộ bia của mình, nên tôi đã thôi không làm như vậy.

Tuy nhiên, trước khi đi đến quyết định không khắc nhạc lên bia này, tôi đã nghĩ rằng Ernest có thể giúp tôi quyết định cho đúng đắn, và đã viết thư hỏi nó về việc này. Lá thư trả lời tôi nhận được như sau.

‘Bố kính mến. Con gửi cho bố những gì tốt nhất mà con có thể nghĩ ra được, đây là phần cuối trong sáu bản fuga của Handel, và nó như sau:

(Bản nhạc)

Bản nhạc này hợp hơn cho một người đàn ông, đặc biệt là cho một người già vô cùng hối tiếc về mọi chuyện, hơn là cho một người phụ nữ, nhưng con không nghĩ ra được đoạn nào hợp hơn nữa, nếu bố không thích dùng nó cho cô Alethea, thì con sẽ giữ nó cho riêng con.

Con đỡ đầu yêu quý của bố,

ERNEST PONTIFEX.’

Đây chẳng phải là đứa nhỏ chỉ có thể mua kẹo bằng hai xu còn hai xu rưỡi thì không hay sao? Ôi, tôi ơi, tôi chợt nghĩ về bản thân mình, thật là sòng sau xô sòng trước. Lúc mới mười lăm tuổi, nó đã chọn cho mình dòng mộ chí dành cho một người ‘vô cùng hối tiếc về mọi chuyện,’ và giọng điệu của nó nghe như của Leonardo da Vinci vậy. Rồi tôi lại hạ thấp nó xuống xem như một đứa nhỏ tự phụ càn rỡ mà thôi, chắc chắn nó là vậy, mà cùng độ tuổi của nó, rất nhiều đứa như vậy mà.



Nếu Theobald và Christina đã không hài lòng lắm lúc mới đầu Alethea chăm chút cho Ernest, thì họ cũng chẳng thoải mái gì hơn khi mối liên hệ giữa hai cô cháu bị chia lìa mãi mãi. Họ nói rằng, từ những gì được nghe từ Alethea, họ chắc rằng cô đang định biến Ernest thành người thừa kế của mình. Tôi không nghĩ là cô ấy có làm điều gì, kể cả một lời ngụ ý, để khiến họ tin như vậy. Thực sự, Theobald đã khiến Ernest nghĩ rằng Alethea đã từng nói về việc này trong một lá thư mà tôi sẽ đưa ra sớm thôi, nhưng nếu Theobald muốn tự làm mình khó chịu, thì trong cái trí tưởng tượng của anh bất kì một tia mỏng manh nào đó cũng có thể ngay lập tức biến thành bất cứ thứ gì tiện lợi cho anh nhất. Tôi không nghĩ là họ đã xác định được quyết định của Alethea trước khi biết tin cô hấp hối, và như tôi đã nói, nếu họ mang máng biết rằng Ernest sẽ được làm người thừa kế ngay trước mũi họ và họ chẳng có phần nào trong bản di chúc thì hẳn họ đã ngáng đường không cho hai cô cháu thân thiết hơn nữa đâu.

Thế nhưng, điều này cũng không cấm họ cảm thấy buồn khi cả họ lẫn Ernest đều chẳng được thừa kế chút gì, và họ có thể đổ sự thất vọng đó lên cậu bé, bởi họ quá tự hào để có thể quy lỗi đó cho mình. Thật sự, trong hoàn cảnh này, điều mà cả hai vợ chồng Theobald thất vọng chính là về sự thân thiện tốt bụng của họ đã không được thành công như họ nghĩ.

Christina nói rằng bản di chúc đơn giản là một thứ lừa đảo, và tin chắc có thể lật lại nó nếu cô và Theobald có những hành động thích đáng. Cô bảo Theobald nên đến gặp Ngài Đại Pháp Quan, không phải đến ngay tòa án, mà nên gặp ở văn phòng, để trình bày toàn bộ vụ việc, hay, có lẽ nếu cô đi thì tốt hơn, và tôi chẳng dám mô tả thêm những mơ màng được cái ý tưởng của

cô bắt đầu khơi nên. Tôi tin là câu chuyện của cô đến cuối cùng thì Theobald sẽ chết, và Đại Pháp Quan (người sớm góa vợ vài tuần sau) sẽ dạm hỏi cô, nhưng cô sẽ từ chối, dù vô ơn nhưng đầy kiên quyết, cô sẽ nói với ông là cô sẽ tiếp tục xem ông là một người bạn... Đang nghĩ đến điểm này thì người đầu bếp bước vào báo với cô rằng người hàng thịt đã đến, và hỏi xem cô có muốn mua gì không.

Tôi nghĩ Theobald hẳn phải nghĩ ra được là có điều gì đó không bình thường trong phần thừa kế của tôi, nhưng anh chẳng hé môi gì về điều này với Christina. Anh giận dữ và cảm thấy mình bị đối xử bất công, bởi cũng như trước đây với cha mình, giờ đây anh lại cũng chẳng thể nắm được Alethea. ‘Thật là những người hèn hạ,’ anh tự than trách với chính mình, ‘khi gây ra một vết thương như thế này, rồi lại lẩn tránh đối diện với những người mà họ đã làm tổn thương; dù gì đi nữa, thì cũng hãy hy vọng rằng họ sẽ được gặp mình trên Thiên đàng.’ Nhưng anh không chắc lắm, khi người ta đã làm nhiều điều rất sai trái như thế, thì rất khó để mong họ được lên Thiên đàng, còn việc anh có phải gặp họ dưới địa ngục hay không, thì chẳng bao giờ anh nghĩ đến.

Có thể tin rằng, một người đang giận dữ, và ít quen với việc bị cãi lại, sẽ trút cơn giận của chính mình lên đầu người khác, và Theobald đã nhắm đến cây đàn, một thứ mà nhờ nó, anh có thể giải tỏa cơn hẫn học một cách an toàn hơn, và thỏa mãn hơn. Có thể thấy được rằng, cây đàn chính là Ernest, và rồi, để xoa dịu cho chính mình, anh nói với nó về việc này, không phải một cách trực tiếp, mà viện đến một lá thư.

‘Con nên biết rằng,’ anh viết, ‘cô Alethea của con đã khiến cho cha và mẹ hiểu rằng cô mong muốn đặt con làm người thừa kế của cô, tất nhiên là nếu cô yên tâm về hạnh kiểm của con, nhưng thực tế là, cô đã không để lại gì cho con, và toàn bộ tài sản của cô đã giao hết cho cha đỡ đầu Overton của con. Ta và mẹ con rất hy vọng rằng nếu cô Alethea có thể sống lâu hơn, thì hẳn con sẽ là chọn lựa số một của cô ấy, nhưng bây giờ thì đã quá muộn rồi.’

Nghề mộc cũng như việc làm cây đàn phải ngưng ngay lập tức. Ta chưa bao giờ tin vào cái ý tưởng này, và thấy chẳng có lý do gì để ta đổi ý cả.

Chuyện này phải chấm dứt, và ta chẳng lấy làm tiếc cho con, cũng như chắc rằng, vài năm sau con sẽ chẳng phải hối hận vì việc này đâu.

Ta nói thêm vài lời về tiền đồ của con. Ta tin là con biết rằng con có một khoản thừa kế nhỏ, được truyền lại hợp pháp từ ông nội con. Khoản thừa kế này được lập một cách tình cờ, và ta tin rằng đó hoàn toàn là do luật sư đã hiểu sai ý của ông con. Có lẽ đúng hơn thì khoản thừa kế này phải bắt đầu có hiệu lực sau khi ta và mẹ con đều mất, nhưng, thực sự thì bản thừa kế này lại xác định rằng, con sẽ quản lý số tiền đó lúc con được hai mươi một tuổi. Tuy nhiên, sẽ có nhiều khoản phải khấu trừ vào đó. Con sẽ phải đảm đương trách nhiệm đối với tài sản thừa kế, và ta không nghĩ là ta sẽ không được khấu trừ những chi phí cho học phí và việc nuôi dạy con từ lúc mới sinh cho đến khi con được tuổi đó. Nếu như con cư xử đúng mực, nhiều khả năng ta sẽ không nhất quyết đòi cho đủ quyền lợi của ta, nhưng vẫn phải có một khoản khấu trừ đáng kể, bởi thế số tiền còn lại của con sẽ còn rất ít, có thể chỉ khoảng 1.000 hay 2.000 bảng thực sự sẽ là của con mà thôi, nhưng phải chờ đến lúc đó mới biết chính xác được.

Ta cảnh báo con một cách nghiêm túc rằng đây là toàn bộ những gì con có thể kỳ vọng có được từ ta (thậm chí ngay cả Ernest cũng thấy được là số tiền này hoàn toàn chẳng phải là từ Theobald) cho đến trước khi ta mất, và chúng ta đều biết là có lẽ còn rất lâu nữa mới đến lúc đó. Đây không phải là một số tiền lớn, nhưng nó sẽ đủ cho con nếu như con biết kiên định và thiết tha với chủ đích của con. Mẹ con và ta đã đặt cho con cái tên Ernest, nghĩa là tha thiết sốt sắng, và hy vọng rằng nó sẽ nhắc nhở con luôn sống....’

Tôi thật sự không thể chép ra thêm ở đây những lời ào ạt này nữa. Lá thư của anh lại một lần nữa chơi cái trò lung lay ý chí cũ rích, thật sự ý anh muốn nói rằng Ernest không tốt, và nếu nó cứ tiếp diễn như thế, thì rồi thế nào nó cũng phải ra đường ăn xin với đôi chân trần ngay khi nó vừa học xong trung học, hay có thể là đại học, và rằng nó, Theobald và Christina gần như là những người quá tốt đẹp so với toàn bộ thế gian này.

Sau khi viết những dòng trên, Theobald cảm thấy bản chất của mình khá là tốt đẹp, và rồi hứng chí, anh gọi súp và rượu cho bà Thompson nhiều hơn cái khoản keo kiệt thường ngày.

Còn Ernest cực kỳ buồn rầu sâu sắc vì lá thư của cha, rồi nó nghĩ là ngay cả cô Alethea, người duy nhất nó thực sự yêu quý, đến cuối cùng, cũng quay lưng lại với nó và nghĩ không tốt về nó. Đây chính là điều khiến nó tổn thương nhất. Khi vội vã do cơn bạo bệnh, và chỉ nghĩ đến hạnh phúc lâu dài cho Ernest, Alethea đã quên không để lại cho nó vài lời mà có lẽ sẽ làm giảm đi sự cay độc trong những lời của cha nó, và hơn nữa, do cô mắc bệnh truyền nhiễm, nên từ khi biết bệnh của mình, cô đã không gặp mặt nó lần nào. Bản thân tôi không hay biết về lá thư này của Theobald, và cũng không để tâm cho đủ đến con đờ đầu của mình hầu có thể đoán ra được tình hình lúc đó của nó. Phải vài năm sau, tôi mới khám phá ra những lá thư này trong ngăn chiếc cặp đi học cũ của Ernest, và trong đó còn có thêm những lá thư và tài liệu khác nữa mà tôi đã dùng làm tư liệu trong quyển sách này. Ernest đã quên mất là nó có giữ những thứ đó, nhưng khi thấy chúng, nó bảo tôi rằng đó là những thứ đã khiến nó bắt đầu đứng lên đối đầu với cha nó, và thêm rằng, mặc dù không dám thừa nhận thẳng thắn, nó vẫn nhận ra rằng nó đã đúng khi làm như vậy. Còn một điều không kém quan trọng, đó là nó đã lo sợ rằng nó phải từ bỏ phần thừa kế từ ông nội, bởi nếu phần thừa kế đó là do vô ý mà có, thì làm sao nó có thể giữ nó được đây?

Suốt phần còn lại của học kỳ đó, Ernest cứ thất thần và buồn bã mãi. Nó rất thích một vài bạn học, nhưng lại thấy sợ những người mà nó tin là tốt đẹp hơn nó, và nó có xu hướng lý tưởng hóa tất cả mọi người đều vượt trội so với nó, ngoại trừ những đứa thấp giá hơn nó một cách rõ ràng. Nó cho mình là đứa rẻ mạt, và bởi chẳng có sức mạnh cơ bắp cường tráng mà nó vốn rất thèm muốn, cũng như bởi biết rằng mình đang trốn tránh việc học, nên nó tin rằng bản thân nó chẳng có gì xứng đáng với cái tên rất đẹp Ernest mà nó đang mang. Nó cho mình là một đứa xấu xa về bản chất, và chẳng biết ăn năn hối hận chút nào, mặc dù nhiều lần nó bật khóc vì điều đó. Và do những ý nghĩ như thế, nó tránh mặt tất cả những ai mà tâm trí non trẻ của nó thấy thần tượng, và nó chưa hề có ý nghĩ rằng nó có thể đủ khả năng để đạt đến sự cao quý của họ, cho dù là theo một cách khác, rồi cứ vậy nó sa đà hơn với những đứa có tiếng là hèn hạ nhưng với nó lại là những đứa mà nó có thể ngang hàng được với chúng. Trước lúc học kỳ kết thúc, nó đã xóa sạch lối

sống mà Alethea đã cố gắng rèn giũa cho, khi cô còn ngụ tại Roughborough, và nỗi sầu nản cũ lại chiếm lấy nó, nhưng lần này kèm thêm một cơn tuôn trào của tính tự cao tự đại, có thể nói là sánh ngang với mẹ nó. Một lần nọ, bất thần chạm mặt tiến sỹ Skinner ở sảnh và không kịp tránh đi, ông hỏi nó ‘Pontifex, trò không bao giờ cười ư? Lúc nào trò cũng u ám khủng khiếp như vậy à?’ Tiến sỹ không có ý gì xấu, nhưng Ernest lại đỏ chín mặt, và lẩn đi.

Chỉ có một nơi cho nó hạnh phúc là nhà thờ thánh Michael, nơi người bạn nhạc công của nó tập đàn. Vào thời gian này, đã bắt đầu có những ấn bản giá rẻ của các bản orato, và Ernest mua hết chúng ngay khi vừa được xuất bản, đôi khi nó bán sách học cho người mua sách cũ, và dùng số tiền đó mua một vài bản ‘messiah,’ bản ‘Creation,’ hay bản ‘Elijah’. Việc này rõ ràng là lờng gạt cha mẹ nó, nhưng rồi nó lại tiếp tục cái việc sa đọa như thế, hoặc trong suy nghĩ của nó là như vậy, và nó thấy rằng nó rất thèm muốn âm nhạc, còn sử học Sallust, hay bất kỳ thứ gì khác chỉ khiến nó bận lòng rất ít mà thôi. Đôi khi, người nhạc công về nhà và để chìa khóa lại cho Ernest để nó có thể tự chơi nhạc, cũng như để khóa đàn và cửa nhà thờ đúng giờ rồi về điểm danh. Những lần khác, khi người bạn già của nó đang chơi đàn, thì nó đi vẩn vơ quanh nhà thờ, ngắm nhìn những bia kỉ niệm và ô cửa kính màu, để thưởng thức bằng cả tai và mắt. Có một lần, người mục sư già thấy Ernest đang ngắm nhìn một khung cửa mới được ông mua về từ Đức, vốn được cho là tác phẩm của Albert Durer. Ông hỏi chuyện Ernest và khi khám phá ra rằng nó say mê âm nhạc, ông nói với nó bằng giọng người già run run (bởi ông đã được tám mươi tuổi rồi) của mình, ‘hẳn con biết ngài Burney, người viết sử cho âm nhạc. Lúc còn trẻ, ta đã được biết ông ấy quá rõ.’ Tim Ernest đập rộn ràng, bởi nó biết rằng ngài Burney khi còn là một đứa trẻ học tại Chester thường lén lút lẩn vào quán cà phê Exchange để ngắm handel với tấu thuốc của ông, và giờ đây trước mặt nó là một người dù không được gặp Hadel, nhưng ít nhất cũng đã gặp người từng gặp Hadel.

Vài chuyện trên là những ốc đảo trong hoang mạc lòng của Ernest, nhưng tựu trung, nó vẫn là đứa trẻ ngây thơ và xanh xao, như thể có bí mật nào đó đang giày vò nó, và chắc chắn là như thế, nhưng tôi chẳng có lý gì để trách

nó về chuyện này. Cho dù như thế, nó vẫn chiếm được vị thế cao trong trường, mặc dù các thầy giáo ngày càng không ưa nó, và nó chẳng là gì trong con mắt những đứa mà nó tin chắc là chúng chẳng bao giờ biết việc có một bí mật đè nặng trong lòng là như thế nào. Ernest cảm nhận sâu sắc rằng, nó không quan tâm mấy đến những đứa thích nó, và lại thần tượng những đứa giữ khoảng cách với nó, nhưng như thế cũng chẳng có gì lạ đối với một cậu bé cả. Rồi cuối cùng, mọi thứ lên đến đỉnh điểm khủng hoảng. Vào cuối học kỳ tiếp theo, Ernest về nhà với một văn bản trong hành trang, mà Theobald phải gọi nó là ‘nhục nhã và xúc phạm.’ Văn bản mà tôi muốn nói đến ở đây chính là học bạ của nó.

Biên bản này luôn là thứ khiến cho Ernest lo lắng, bởi cha mẹ nó sẽ xem xét quá tỉ mỉ, và hạch sách nó đủ điều về biên bản này. Thịnh thoảng nó viết thư hỏi xin những thứ cần thiết cho việc học của nó, chẳng hạn một chiếc cặp, hay quyển từ điển, rồi đem bán đi để có tiền mua các bản nhạc hoặc thuốc lá. Theo Ernest, thì chuyện gian dối này có đôi lần gần như bị phát giác, và hễ mỗi lần cuộc hạch hỏi của cha mẹ nó kết thúc, nó đều thở hắt ra nhẹ nhõm. Lần này, Theobald cũng làm âm về những khoản phụ trội này, nhưng rồi miễn cưỡng cho qua, tuy nhiên, lại có một vấn đề khác, nằm ở cái biên bản của Ernest. Và nó cụ thể như sau:

*BÁO CÁO VỀ HẠNH KIỂM VÀ TIẾN BỘ CỦA ERNEST PONTIFEX,
LỚP ĐỆ NGŨ THƯỢNG, HỌC KỲ KẾT THÚC VÀO GIỮA HÈ 1851*

Môn Cổ điển: lười nhác, xao lãng, và không chịu tiến bộ

*Toán học: Như trên Thần học: Như trên hạnh kiểm trong nhà: Có kỷ luật
hạnh kiểm chung: Chưa đủ mức, vì thường trễ giờ và ít chú tâm vào bốn
phận.*

Tiền công tội hàng tháng: 1s. 6x. 6x. 0d. 6x. Tổng cộng 2 shilling 6 xu.

Số điểm công tội: 2 0 1 1 0. Tổng cộng: 4

Số điểm phạt: 26 20 25 30 25. Tổng cộng: 126

Số điểm phạt thêm: 9 6 10 12 11. Tổng cộng: 48

Tôi kiến nghị rằng số tiền tiêu vặt của cậu Ernest nên tùy thuộc vào số tiền công tội của cậu.

S. SKINNER, hiệu trưởng.



Do cái tội ở trên mà Ernest bị ruồng rẫy từ những ngày đầu của kỳ nghỉ, nhưng sớm xảy đến một sự cố nữa đây nó mắc thêm những lỗi mà so với lỗi này thì tất cả những lỗi phạm trước đây của nó chẳng là gì cả.

Trong số những người hầu ở nhà Theobald có một cô gái đặc biệt xinh xắn tên là Ellen. Cô đến từ Devonshire, cha cô vốn là một ngư dân bị chết đuối từ lúc cô còn nhỏ. Mẹ cô mở một cửa hàng nhỏ trong cùng làng đó, và chỉ đủ sống qua ngày mà thôi. Đến năm mười bốn tuổi, cô bắt đầu xa nhà để làm người giúp việc. Bốn năm sau, khi được mười tám tuổi, nhưng phổng phao như con gái hai mươi tuổi, cô được người ta giới thiệu với Christina vốn đang thiếu người giúp việc, và cho lúc này, cô đã ở Battersby được một năm rồi.

Như tôi đã nói, cô gái này đặc biệt xinh xắn, trông cô thật hoàn hảo về thể chất lẫn tính tình, thật vậy, khuôn mặt cô luôn toát lên vẻ trong sáng làm xiêu lòng bất cứ ai từng trông thấy cô, nhìn cô như thể mọi vấn đề cuộc sống đều đã thuận lợi cho cô và sẽ luôn là như vậy, hơn nữa, chẳng thể nghĩ ra tình huống nào khiến cô nổi giận dù là với người khác hay với chính mình. Vẻ ngoài của cô thật trong trẻo nhưng lại rất cao sang; cô có đôi mắt đẹp màu xám, cùng đôi môi tròn đầy và ngay ngắn, có vẻ gì đó giống với đôi môi của Nhân Sư Ai Cập vậy. Khi biết là cô đến từ Devonshire, tôi đã tưởng tượng rằng cô có mang trong mình dòng máu Ai Cập, bởi dù không chắc về xuất xứ, nhưng tôi từng nghe kể là người Ai Cập đã đến cư ngụ nơi bờ biển Devonshire và Cornwall rất lâu trước khi người La Mã chinh phục đảo quốc anh này. Cô có mái tóc dày màu đà, và dáng người hoàn hảo, nhưng hơi thô một chút. Tóm lại cô là một cô gái khiến người ta phải tự nhủ rằng một thiếu

nữ như thế hẳn chẳng mấy chốc, thậm chí mấy ngày sau, sẽ có người dạm hỏi mà thôi.

Khuôn mặt thể hiện khá đúng tính tình của cô (như thường nó vẫn vậy, dù tôi cho là đôi lúc nó lại lừa người ta). Tự bản chất cô rất tốt và tất cả mọi người trong nhà, kể cả Theobald, tôi tin như thế, đều yêu mến cô. Còn Christina thì quan tâm đến cô thật nồng hậu, và thường cho cô vào ăn cùng bàn hai lần mỗi tuần, cũng như chuẩn bị cho lễ Thêm sức của cô (vì vài lý do nào đó mà cô chưa được thêm sức) bằng cách giảng giải cho cô địa lý của Palestine và những tuyến đường mà thánh Phaolô đã đi qua vùng Tiểu á.

Khi Giám mục Treadwell đến Battersby để cử hành lễ thêm sức (vậy là thỏa ước nguyện của Christina là ông sẽ ngụ lại Battersby, và cô dọn cho ông một bữa tiệc tối thật hoành tráng, cũng như được vài lần trò chuyện với ông), và đặt tay làm phép cho Ellen, ông rất ấn tượng với khuôn mặt xinh xắn và cử chỉ nhã nhặn của cô, rồi hỏi chuyện Christina về cô. Khi cô cho ông biết Ellen là một người hầu trong nhà mình, dường như, cô nghĩ là hoặc cô muốn nghĩ là, giám mục khá hài lòng khi biết một cô gái quá dễ thương thế này được làm việc ở một chỗ quá tốt như thế.

Trong kỳ nghỉ ở nhà, Ernest có thói quen dậy sớm, chơi đàn trước giờ ăn sáng, để không làm phiền cha mẹ nó, hay có lẽ để họ đừng làm phiền nó thì đúng hơn. Trong thời gian nó chơi đàn, Ellen thường cũng ở đó để chùi nền phòng khách, và quét bụi, và Ernest, một đứa sẵn sàng kết bạn với hầu hết mọi người, sớm thấy quý mến cô. Ernest không phải là kiểu người nhạy cảm với vẻ đẹp của phái nữ, thật sự thì từ trước đến giờ nó chỉ biết đến các bà dì Allaby, cô Alethea, mẹ, em gái Charlotte, và bà Jay; có đôi lần nó phải ngả mũ chào các cô nhà Skinner, và mỗi lần như thế nó lại muốn chui xuống đất cho rồi, nhưng với Ellen, nó lại không thấy ngượng ngùng gì, và chẳng bao lâu, hai người đã thành đôi bạn thân.

Ernest đã xa nhà được một thời gian dài, như thế tốt cho nó nhiều, nhưng cho đến nay tình cảm của nó dù thật tâm vẫn còn khá trừu tượng và lý thuyết. Nó không chỉ ngây thơ, mà còn ngây thơ quá đáng, thậm chí tôi có thể nói rằng nó ngây thơ vô số tội. Nó thích Ellen là do cô không bao giờ gắt gỏng với nó, nhưng luôn mỉm cười và tốt tính, hơn nữa, cô thường thích

nghe nó chơi đàn, và như thế khiến nó thêm hứng thú chơi nhạc. Đối với Ernest, những ngày nghỉ có một lợi điểm rõ ràng là nó được chơi đàn vào buổi sáng, bởi ở trường nó không được chạm đến cây đàn và chỉ có cách lén lút chơi ở cửa hàng bán nhạc cụ của ông Pearsall.

Đợt nghỉ hè lần này, nó trở về và bất ngờ khi thấy Ellen yêu quý của nó trông thật xanh xao và ốm yếu. Khí lực của cô đã không còn, đôi má nhạt màu, và trông cô quá suy sụp. Cô bảo rằng cô buồn vì sức khỏe của mẹ cô, và lo bà sẽ sớm rời bỏ thế gian này. Tất nhiên, Christina thấy được sự thay đổi này. ‘Em đã thường lưu ý,’ cô nói, ‘rằng những cô gái trông rất khỏe mạnh và tươi tắn là những người dễ tàn tạ nhất. Em đã cho cô ấy uống Calomen và bột James nhiều lần, và dù cô ấy không thích, em nghĩ là lần tới nếu bác sỹ Martin đến, em phải nhờ ông ấy khám cho cô mà thôi.’

‘Tốt lắm, em ạ’ Theobald đồng ý. Và khi bác sỹ Martin đến khám, ông khám phá ra một điều mà Christina đáng ra phải tự nhận thấy rõ ràng nếu cô có thể nghĩ đến một nỗi phiền não nghiêm trọng mà cô chưa từng nghĩ là một người hầu trong nhà của cô và Theobald, những người có một đời sống hôn nhân trong sạch và đã cố giữ cho tất cả những người chưa lập gia đình sống gần mình được tránh xa mọi vết nhơ tội lỗi, có thể gây ra cho cô.

Khi khám phá ra Ellen đã có thai được hơn năm tháng, nếu Christina không hoang mang e sợ rằng sự nhân từ của cô và Theobald sẽ bị người ta cho là hành động dung dưỡng tội lỗi, thì bản chất tốt bụng của cô hẳn xui khiến cô xử lý thật nhẹ nhàng hết mức có thể, nhưng đây lại là một tội quá lớn, do đó cô nhanh chóng quyết định rằng việc duy nhất cô phải làm là trả lương cho Ellen rồi cho cô đi càng nhanh càng tốt ra khỏi ngôi nhà vốn được chọn thánh hiến đặc biệt cho sự trong sạch này. Khi nghĩ rằng nếu Ellen ở đây thêm dù chỉ một tuần nữa, thì sẽ ngôi nhà này sẽ ô uế đáng sợ biết chừng nào, Christina quyết định không chần chừ nữa.

Rồi trong cô bỗng xuất hiện một câu hỏi, một ý tưởng khủng khiếp, ai là cha đứa bé của Ellen? Liệu có thể là con trai cô, Ernest yêu quý của cô, hay không? Bây giờ nó đã lớn rồi. Cô có thể cho rằng không một cô gái nào thích nó, nhưng còn về phần nó thì sao, làm sao cô dám chắc là nó không thua gì những đứa bằng tuổi trong việc thưởng thức vẻ quyến rũ của một cô

gái trẻ xinh đẹp. Bao lâu nó còn vô tội thì cô sẽ chẳng bận tâm, nhưng, ôi thôi, nếu nó có tội thì sao?

Christina không thể chịu nổi khi nghĩ đến việc này, và đơn giản cô hèn nhất không muốn nhìn thẳng vấn đề, nhưng cô đặt hy vọng nơi Chúa và sẵn sàng vui vẻ chấp nhận bất kỳ đau khổ nào mà Chúa thấy hợp lý khi ban cho cô. Đứa trẻ này có thể là con trai hay con gái, rõ ràng là vậy rồi. Cũng rõ ràng không kém, là nếu đứa trẻ là con trai thì sẽ giống Theobald và nếu là con gái thì sẽ giống cô. Hai thế hệ cách nhau thường giống nhau về thân thể hay tâm hồn. Tội của cha mẹ không thể bắt đứa con vô tội gánh được, ôi không, và một đứa trẻ như thế hẳn sẽ... Nhưng cô thôi ngay những tưởng tượng của mình.

Theobald vừa trở về sau chuyến thăm viếng quanh giáo xứ, và được cho hay chuyện động trời này.

Christina chẳng nói chút gì về Ernest, và tôi tin rằng nếu tội này đổ lên đầu một ai đó khác, thì hẳn cô đã giận dữ gần như gấp đôi rồi. Tuy nhiên cô dễ dàng dụi lại, và nghĩ kiểu nước đôi, thứ nhất là Ernest của cô rất trong sáng, và thứ hai, cô chắc chắn rằng Ernest sẽ không làm như thế bởi những nhận thức tôn giáo của nó sẽ giữ không cho nó làm vậy, và tất nhiên chỉ có thể là như thế mà thôi.

Theobald đồng ý rằng phải trả lương và đưa Ellen đi xa ngay lập tức, không thể chần chừ việc này thêm chút nào nữa. Rồi chỉ hai tiếng sau khi bác sỹ Martin ghé nhà, Ellen, với chiếc khăn che mặt để không ai nhận ra cô và cứ khóc lóc thảm thiết, đã bị đặt trên xe ngựa, bên cạnh xà ích John để lên đường ra nhà ga rồi.



Ernest ra ngoài cả buổi sáng, nhưng lại về đến sân nhà đúng lúc đồ đạc của Ellen được chất lên xe ngựa. Nó nghĩ người trên xe ngựa chính là Ellen, nhưng chiếc khăn che mặt bịt kín của cô khiến nó không chắc chắn, và rồi xem đó là chuyện tầm phào, nó gạt ngay chuyện này sang một bên.

Lúc bước vào bếp, nó thấy chị bếp đang vừa gọt khoai tây vừa khóc. Ernest thấy rất vui lòng, bởi nó thích chị bếp, và tất nhiên, nó muốn biết hết mọi chuyện, biết ai vừa mới đi trên chiếc xe ngựa đó, và tại sao? Chị bếp cho nó biết đó chính là Ellen, nhưng cũng nói thêm là cô sẽ chẳng hé môi lời nào về chuyện này nữa đâu, tuy nhiên khi Ernest dỗ ngọt cô và không hỏi thêm câu nào nữa, thì cô lại kể cho nó mọi chuyện sau khi bắt nó hứa là phải giữ bí mật tuyệt đối.

Phải vài phút sau, Ernest mới hiểu hết mọi vấn đề, nhưng đó cũng là lúc nó choáng đến nỗi phải dựa lưng vào cái máy bơm đặt cạnh bếp, và bật khóc giống hệt chị bếp vậy.

Rồi nó lấy lại được bình tĩnh. Nó thấy rằng cha và mẹ nó chẳng thể làm gì hơn được trong chuyện này. Có lẽ họ nên điềm tĩnh hơn, và cố gắng làm cho chuyện này bớt âm ỉ hơn một chút, nhưng đúng là chuyện này không dễ xử lý, và dù họ có làm vậy đi nữa thì cũng chẳng thể thay đổi gì nhiều. Cái sự thật đau lòng vẫn là nếu Ellen phải làm một việc gì đó thì hẳn cô đã liều mạng làm chúng, bất kể cô trẻ trung xinh đẹp đến đâu hay bất kể cô đã sa phải cám dỗ nào. Đây là lẽ thường tình, và chẳng có cách nào giúp cô được.

Từ những gì chị bếp kể, Ernest chỉ có thể nắm bắt được rằng Ellen mà nó yêu quý đã bị đuổi khỏi nhà với ba bảng trong túi, ra đi mà chẳng biết về

đâu và sẽ làm gì, hơn nữa Ellen còn bảo rằng cô sẽ treo cổ hay nhảy sông tự vẫn, và nó hoàn toàn tin cô sẽ làm như vậy.

Với một sự nhanh nhẹn chưa từng thấy, Ernest mò túi và thấy toàn bộ số tiền nó có chỉ là hai shilling và ba xu, cùng với con dao có thể bán được một shilling và chiếc đồng hồ bạc mà cô Alethea đã tặng nó không lâu trước lúc cô mất. Chiếc xe ngựa đã khởi hành được mười lăm phút, và hăn đã đi được một quãng khá ròi, nhưng nó sẽ cố hết sức để bắt kịp, và nó biết một vài đường tắt sẽ giúp rút ngắn đoạn đường. Nó đi ngay lập tức, và từ trên đỉnh đồi nhìn qua bãi cỏ nhà, nó có thể thấy được chiếc xe ngựa đã đi được khá xa, có lẽ là cách chỗ nó đứng khoảng một dặm rưỡi.

Một trong những trò chơi phổ biến ở Roughborough là trò có tên ‘chó săn’, gần giống với trò ‘thỏ rừng và chó săn’ vốn quen thuộc hơn với mọi người, nhưng trong trò này, thỏ là hai cậu trai, và được gọi là hai con cáo, mà các cậu trai vốn rất kỹ lưỡng trong việc gọi tên cho chính xác những trò chơi mà chúng ham thích, nên tôi dám nói rằng trò này ở Roughborough chẳng phải là trò ‘thỏ rừng và cáo’ đâu, mà phải tinh vi hơn thế nhiều. Những cơ bắp yếu ớt của Ernest không thành vấn đề trong trò này, bởi nó chẳng phải va chạm với những đứa dù lớn tuổi hơn nhưng lại thấp hơn và lực lưỡng hơn nó, và điểm chính yếu trong trò này là sức chịu đựng mà cái đó nó chẳng thua kém gì ai, cho nên từ lúc thôi không làm nghề mộc, tự nhiên trò ‘chó săn’ này được xem là trò ưa thích của nó. Nhờ tập luyện, hai lá phổi của nó đã mạnh mẽ hơn, và việc chạy sáu hay bảy dặm chẳng là gì nhiều so với trò đuổi bắt của nó, hơn nữa những tuyến đường tắt cho nó thêm hy vọng bắt kịp cỗ xe ngựa, hay ít nhất cũng sẽ bắt kịp Ellen ở nhà ga trước lúc tàu khởi hành. Bởi thế, nó bắt đầu cắm đầu cắm cổ chạy, và qua nhịp thở thứ hai, hơi thở của nó đã dễ dàng hơn rồi. Chưa bao giờ trong trò ‘chó săn’ nó lại chạy được nhanh và ít dừng lại lấy hơi như thế, nhưng dù đã rút ngắn quãng đường bằng những đường tắt, và đã cố gắng nhiều, nhưng có lẽ nó đã không bắt kịp được xe ngựa nếu xà ích John không vô tình ngoái đầu lại và thấy nó đang đuổi theo, rồi cho xe dừng lại cách nó nửa dặm. Nó đã chạy cách nhà được năm dặm và gần bắt kịp điều nó muốn rồi.

Mặt nó phùng phùng vì gắng sức, người đầy bụi, ống quần và tay áo hơi ngắn so với nó, cho nên trông nó có vẻ xoàng xĩnh khi đưa cho Ellen chiếc đồng hồ, con dao, và chút ít tiền nó có. Nó chỉ nài xin cô một việc là đừng có làm những điều kinh khủng mà cô đã dọa sẽ làm, nếu không vì lý do nào thì xin hãy đừng làm những chuyện đó, ít nhất hãy vì nó cũng được.

Lúc đầu, Ellen không chịu nhận bất kỳ thứ gì từ nó, nhưng anh xà ích, vốn là dân miền Bắc đã nói thêm vào cho Ernest. ‘Nhận chúng đi, cô gái của tôi ạ,’ anh nói nhẹ nhàng, ‘hãy nhận những gì em có thể nhận khi em còn có thể; bởi cậu chủ Ernest đã vất công chạy theo em, bởi thế, hãy để cậu cho em những gì cậu muốn.’

Ellen làm theo như thế, và cả cô lẫn Ernest đều đầm đìa nước mắt, lời cuối cùng của cô là cô sẽ không bao giờ quên nó, và cả hai sẽ gặp lại ở kiếp sau, cô chắc chắn như vậy, đến lúc đó, cô sẽ đền đáp cho nó. Rồi Ernest thả mình xuống bãi cỏ bên đường, núp dưới bóng hàng rào để chờ chiếc xe ngựa sẽ đón nó lúc quay trở về từ nhà ga, bởi bây giờ nó đã mệt lử quá rồi. Những ý nghĩ vốn đã mạnh trong đầu nó, bây giờ lại xuất hiện mạnh mẽ hơn nữa, và nó thấy rằng nó đã tự đẩy mình dẫn sâu vào một chuyện rắc rối, hay nửa tá chuyện rắc rối thì đúng hơn.

Trước hết, nó sẽ trễ bữa cơm tối, một trong những điều xúc phạm mà Theobald không bao giờ bỏ qua. Rồi nó cũng sẽ phải nói là nó đã ở đâu, và có thể sẽ rất nguy nếu nó nói thật. Không chỉ như thế, mà sớm hay muộn rồi sẽ lộ ra là nó không còn giữ chiếc đồng hồ đẹp để cô Alethea đã tặng cho nó, và tiếp theo, cầu cho đừng có, là hàng loạt câu hỏi như nó đã làm gì với chiếc đồng hồ đó, hoặc làm sao mà mất? Các bạn sẽ thấy rõ là nó nên làm gì. Nó nên về thẳng nhà và nếu có ai hỏi gì, thì nên nói là ‘Con đã chạy theo xe ngựa để bắt kịp cô hầu Ellen, người mà con rất yêu quý, và con đã đưa cho cô ấy đồng hồ, con dao, và toàn bộ tiền túi của con, cho nên hiện giờ con không còn đồng nào, và con thấy cần phải xin một ít tiền sớm hơn bình thường, và cha mẹ cũng phải mua cho con một cái đồng hồ mới và một con dao nữa.’ Nhưng rồi nó tưởng tượng đến cơn thịnh nộ kinh hoàng mà một lời như thế có thể gây ra! Nó nghĩ đến đôi mắt tóe lửa đe dọa của Theobald đang giận điên lên! ‘mày là đứa nhóc hoang đàng vô phép,’ anh sẽ gầm lên,

‘ý mà ý là muốn gièm pha cha mẹ mà khi ngụ ý rằng chúng ta đã bị đối đãi tệ hại bởi một đứa hoang đàng làm ô nhục cái nhà này hay sao?’ hay nó nên nói chuyện này với một vài lời bông đùa hóm hỉnh để xoa dịu tình hình, một việc mà nó rất thành thạo.

‘Tốt lắm, Ernest, tốt lắm: Ta sẽ chẳng nói gì nữa. Mà có thể làm những gì mà thích, mà chưa đến hai mươi một tuổi, mà hành động như thế mà có toàn quyền vậy, người cô tội nghiệp của mà đã cho mà chiếc đồng hồ để rồi mà đem vứt nó cho một kẻ không xứng đáng đầu tiên mà mà gặp; nhưng ta nghĩ rằng bây giờ ta đã hiểu tại sao cô không để lại tiền cho mà, xét cho cùng thì cô để lại tiền cho bố đỡ đầu của mà cũng được, bởi nếu giao cho loại như mà thì thế nào mà cũng đem hoang phí ngay khi cầm tiền trên tay mà thôi.’

Cha nó sẽ giận dữ nói thế, rồi mẹ nó sẽ òa khóc và van xin nó hãy hối lỗi và biết tìm kiếm những gì tốt đẹp khi còn có thể, bằng cách quỳ xuống chân cha nó mà cam đoan với anh về tình yêu thương vô bờ bến nó dành cho anh, người cha triu mến nhất và nhẹ nhàng nhất trần gian. Mọi khả năng trên đều có thể xảy ra, còn giờ đây, khi nằm trên đám cỏ, những cách nói có thể, một số nó chỉ vừa nghĩ ra khi xế chiều, cứ mãi vẫn vơ trong đầu nó cho đến khi nó kết luận rằng ý tưởng nói ra hết sự thật là một điều ngu ngốc phải loại bỏ. Thành thật có thể là tính anh hùng, nhưng trong phạm vi cư xử thực tế của gia đình thì không như vậy.

Ernest đã quyết định là nó phải nói dối, nhưng mà nói dối kiểu nào đây? Nói là nó bị cướp ư? Nó tự biết là mình không đủ trí tưởng tượng để bịa ra chuyện đó. Bản năng của một người trẻ tuổi như nó mách bảo rằng cách nói dối tốt nhất là đưa cái dối trá nhỏ nhất đi xa nhất, vận dụng nó thật cẩn thận để đưa mọi chuyện đến mức có thể bỏ qua được. Giả thiết đơn giản nhất là nó làm mất đồng hồ, và trễ giờ ăn tối vì mãi đi tìm nó. Và như thế là nó đã phải đi loanh quanh cả một quãng dài, rồi nó chọn tuyến đường phải đi là băng qua cánh đồng mà nó vừa chạy qua lúc sáng và do thời tiết quá nóng khiến nó phải cởi áo ngoài và cả áo gilê mà vắt lên tay, rồi tất cả, tiền bạc, đồng hồ, con dao của nó đều rơi mất hết. Về gần đến nhà, nó mới phát giác ra chuyện này, rồi chạy ngược lại thật nhanh hết sức có thể, tìm kiếm dọc

tuyến đường mà nó đã đi, tìm mãi cho đến cuối cùng nó đành chịu thua; bỗng nó thấy chiếc xe ngựa trở về từ nhà ga, và anh xà ích đã đưa nó quá giang về đến nhà.

Câu chuyện này bao trùm hết toàn bộ, cả việc nó đã chạy và tất cả mọi thứ, bởi khuôn mặt của nó đang chỉ rõ là nó đã phải chạy rất nhiều; vấn đề duy nhất là liệu có người hầu nào thấy nó lờn vờn quanh nhà khoảng hai tiếng hoặc hơn trước thời điểm Ellen ra đi hay không, và nó rất thoải mái vì tin rằng chuyện này không có đâu, bởi nó đã chẳng ở nhà phút nào ngoại trừ chút ít thời gian nói chuyện với chị bếp mà thôi. Cha nó thì đã đi quanh giáo xứ, mẹ thì chắc chắn không bắt gặp nó, và mấy đứa em của nó cũng đã ra ngoài cùng với cô gia sư rồi. Nó biết là có thể tin tưởng được chị bếp và những người hầu khác, anh xà ích hẳn sẽ hiểu chuyện này, bởi thế, xét chung, cả nó và anh xà ích đều nghĩ rằng câu chuyện mà nó nghĩ ra sẽ hợp lý hoàn toàn với hoàn cảnh này.



Khi Ernest về đến nhà và lẩn vào bằng cửa sau, nó nghe tiếng cha nó với tông giọng giận dữ nhất đang vặn hỏi xem cậu Ernest đã về đến nhà chưa. Nó cảm thấy đang lâm vào tình cảnh giống hết như truyện Jack và Cây đậu thần, lúc Jack nấp sau lò bánh và nghe thấy con yêu tinh đang hỏi vợ mình xem đứa trẻ nào sẽ được dọn làm bữa ăn tối. Đây can đảm, nhưng vẫn đủ thận trọng khôn ngoan, và mọi việc chứng tỏ là đúng như thế, Ernest không chút e dè xuất hiện ngay lập tức và nói rằng nó vừa về nhà sau khi gặp một chuyện xui xẻo khủng khiếp. Từng chút một, nó kể câu chuyện nó đã bịa ra, và dù Theobald có mắng xối xả về ‘sự bất cẩn và ngu ngốc quái đản’ của nó, thì nó vẫn thấy mọi chuyện đang diễn biến còn tốt hơn nó kỳ vọng. Lúc đầu, tất nhiên, Theobald và Christina nghĩ rằng việc nó vắng mặt có liên quan đến chuyện của Ellen, nhưng khi biết mọi chuyện rõ ràng, như lời của Theobald, vốn mọi thứ luôn rõ ràng với anh, thì Ernest đã không ở nhà suốt buổi sáng và do đó có thể chẳng biết chút gì về những chuyện đã xảy ra, rồi nó được tha bổng hoàn toàn. Có lẽ Theobald đang có tâm trạng tốt, có thể ngày hôm đó anh đọc thấy cổ phiếu của mình đã lên giá, có thể là như thế hoặc hơn tá lý do tương tự, nhưng dù gì đi nữa, thì anh cũng đã không rầy la nhiều như Ernest tưởng, và khi thấy nó trông thật mệt mỏi và tin rằng nó đang rất buồn vì làm mất chiếc đồng hồ, Theobald truyền dọn một ly rượu cho nó sau buổi tối, và thật lạ là ly rượu không khiến nó ghen mà lại cho nó nhìn đời một cách vui vẻ hào hứng hơn bình thường.

Đêm đó, lúc đọc kinh, nó thêm vào vài lời cầu nguyện xin cho chuyện của nó đừng bị phát giác, và xin cho mọi chuyện tốt đẹp với Ellen, nhưng trong lòng nó cứ áy náy và bất an. Cảm thức tội lỗi của nó chỉ ra rằng câu chuyện

của nó có quá nhiều khuyết điểm mà bất kỳ ai cũng sẽ dễ nhận thấy. Ngày hôm sau, và nhiều ngày sau nữa, nó cứ tìm cách lẩn đi trong khi chẳng có ai theo dõi nó, và mỗi lần Theobald gọi vào có việc, nó đều run như cây sậy. Nó có quá nhiều lý do để lo lắng đến mức chẳng thể chịu nổi nữa, và dù đã cố gắng để trông có vẻ vui tươi, nhưng ngay cả mẹ nó cũng có thể thấy được là nó đang có gì đó day dứt trong lòng. Rồi cô chợt nghĩ rằng, xét cho cùng, có thể con trai cô không vô tội trong vụ của Ellen, và điều này quá quan trọng nên cô quyết tâm phải cố hết sức để biết được sự thật.

Đến một ngày nọ, cô lấy hết giọng dịu dàng gọi nó, ‘lại đây nào con trai xanh xao buồn bã tội nghiệp của mẹ, đến ngồi bên cạnh mẹ, và hai mẹ con mình sẽ tâm sự một chút được không?’

Thằng bé ngượng nghịu đến bên ghế sofa. Bất cứ lúc nào mẹ nó muốn cái mà cô gọi là tâm sự với nó, thì cô luôn chọn chiếc ghế sofa như thế nó là địa thế thoải mái nhất để cô dàn trận. Tất cả mọi bà mẹ đều như thế, với họ, chiếc ghế sofa cũng như phòng ăn với những người cha. Còn trong tình hình hiện tại, chiếc ghế sofa này đặc biệt được dùng cho một mục đích chiến lược, nó là một chiếc ghế theo kiểu cũ với lưng dựa cao, nệm, gối lót, và đệm biên. Một khi ngồi vào một trong những góc sâu của nó, thì cảm giác như thể ngồi trên chiếc ghế nha sỹ, và chẳng muốn nhấc lưng lên chút nào nữa. Với chiếc ghế này cô có thể tiếp cận nó dễ dàng thay vì thô bạo kéo nó lại gần, vì chiếc ghế này đáng để người ta thích thú và nếu cô nghĩ là cần phải khóc thì cô có thể vùi đầu ngay vào nệm tay ghế và sự mềm mại của nó sẽ khiến cô đỡ đau buồn đi nhiều. Nếu ngồi trên chỗ ngồi quen thuộc là chiếc ghế dựa bên phải lò sưởi, sẽ rất khó để áp dụng những thủ thuật của cô, vì thế khi vừa nghe thấy giọng điệu của mẹ, Ernest đã hiểu ngay là sẽ nói chuyện trên ghế sofa, nên nó ngoan ngoãn đến ngồi đó ngay trước khi mẹ nó kịp tiếp lời, và trước cả lúc cô đặt mình xuống chiếc ghế đó nữa.

‘Con trai yêu dấu của mẹ,’ cô bắt đầu câu chuyện, cầm lấy tay nó và đặt vào tay cô, ‘hãy hứa với mẹ là đừng bao giờ sợ hãi cha con và mẹ, hãy hứa với mẹ, con yêu dấu, nếu con yêu mẹ thì hãy hứa với mẹ như vậy đi,’ rồi cô hôn nó nhiều lần và vuốt tóc nó. Nhưng bàn tay kia của cô vẫn nắm chặt tay nó, cô đã có được nó rồi và muốn giữ không cho nó thoát.

Thằng bé gật đầu và hứa. Ngoài việc đó ra, nó còn làm gì được nữa chứ?

‘Ernest yêu dấu à, con biết là không ai yêu con nhiều bằng cha con và mẹ, và cũng không ai chăm chút đôi theo những hứng thú của con hay khắc khoải vì những niềm vui nho nhỏ và những vấn đề của con cho bằng hai người chúng ta, nhưng con yêu dấu của mẹ, thật buồn biết bao khi đôi lần mẹ nghĩ rằng con đã không có được tình thương hoàn hảo và lòng tin tưởng tương tự mà đáng ra con phải có đối với cha và mẹ. Con biết đó, con yêu, việc đôi theo những tiến bộ về lối sống và tinh thần của con vừa là niềm vui vừa là trách nhiệm của cha và mẹ, nhưng than ôi, con sẽ giấu diếm chúng ta lối sống và tinh thần của con. Nhiều lần, cha và mẹ gần như ngờ rằng không biết con có đời sống tinh thần đạo đức không nữa. Về đời sống nội tâm của con, con yêu ạ, chúng ta chẳng biết gì về con ngoài những mẫu nhỏ chúng ta vớt vát được từ những điều nhỏ nhặt toát ra nơi con mà con không hay biết.’

Những lời này khiến thằng bé rúm người lại. Chúng khiến nó cảm thấy hoàn toàn bất an và bồn chồn. Nó biết rõ là nó phải cẩn thận đến mức nào và cần phải làm gì, nhưng hết lần này đến lần khác nó lại quên mất vai trò của mình và để lọt ra điều gì đó. Christina thấy nó co rúm người lại, và thích thú với thương tích đầu tiên cô đã gây ra cho nó. Càng thiếu tự tin vào chiến thắng, cô lại càng muốn hưởng trước cái cảm giác được chạm vào điểm yếu nhất của nó để rồi thích thú nhìn nó co mình lại, nhưng cô biết rằng một khi đã kéo được nó ngồi vào chiếc ghế sofa này và giữ chặt tay nó, thì gần như cô đã hoàn toàn nắm được nó, và có thể làm bất kỳ điều gì cô thích.

‘Cha con không thấy nơi con một tình yêu trọn vẹn và cởi mở đáng ra sẽ khiến con chẳng giấu diếm cha điều gì, và sẽ nói với cha tất cả mọi thứ một cách thoải mái vô lo như thể con đang nói chuyện với người bạn trần thế mà con yêu thương nhất sau Chúa Cha trên trời. Chúng ta đều biết là tình yêu hoàn hảo sẽ loại bỏ sợ hãi: cha của con yêu con hết mình, nhưng con yêu ơi, cha lại không thấy con đáp lại bằng một tình cảm tương tự như vậy. Nếu con sợ cha, thì đó là bởi con không yêu mến cha đủ như cha mong muốn, và mẹ biết việc này nhiều lần khiến cha con rất đau lòng khi nghĩ rằng đáng ra cha phải nhận được một tình cảm sâu đậm và cảm thông hơn những gì lâu nay con vẫn thể hiện. Ernest ơi Ernest, đừng làm buồn lòng một người quá tốt và

quá cao thượng như thế bằng cái thái độ mà mẹ chẳng thể tìm được tên nào khác cho nó ngoài từ ‘vô ơn’.

Trước cách nói như thế này, có lẽ Ernest sẽ chẳng bao giờ chống đỡ nổi, bởi trong chừng mực nào đó, nó vẫn tin rằng mẹ nó yêu thương nó, và nó cũng yêu thương mẹ cũng như xem mẹ là một người bạn. Nhưng những phương kế của mẹ nó cũng đã gần cạn hết, cô đã dùng cách trò chuyện tâm tình với nó quá nhiều lần không đếm nổi rồi. Hết lần này đến lần khác, cô đều dỗ ngọt và thu được những gì cô muốn từ nó, rồi sau đó đẩy nó vào tình trạng khó khăn kinh khủng nhất khi đem hết mọi chuyện kể lại với Theobald. Ernest đã hơn một lần phản đối chuyện này và đã nói cho mẹ nó biết rằng lòng tin của nó đã xuống cấp thê thảm lắm rồi, nhưng lần nào cô cũng bác đi và với cách nói rõ ràng nhất có thể, cô chỉ cho nó thấy rằng trong từng trường hợp cô đều hành động đúng, và nó chẳng có lý gì để phàn nàn cả. Thường thì lương tâm phải lên tiếng bảo cô nên im lặng, và rõ ràng là vậy, bởi chúng ta đều buộc phải nghe theo tiếng gọi lương tâm. Ernest từng trích lại một đoạn thánh ca về lương tâm nói rằng nếu chúng ta không chú ý đến tiếng gọi của lương tâm thì hệ quả là nó sẽ sớm thành câm tiếng. Và nó đã từng kể với một bạn thân ở Roughborough rằng ‘lương tâm của mẹ tôi không câm tiếng, nó chỉ luôn nói một cách lúng búng mà thôi.’

Khi một đứa trẻ đã từng nói kiểu bất kính như thế về lương tâm của mẹ mình thì thực sự chẳng còn gì nhiều giữa hai người. Nhưng mặc dù thấy rõ những thủ thuật quen thuộc, chiếc ghế sofa và cũng đã nhớ lại những chuyện liên quan khác, Ernest vẫn bị dao động nhiều bởi cái giọng nhẹ nhàng đó đến nỗi sẵn sàng chiều theo, và lao mình vào tay mẹ nó. Nhưng không như thế đâu, bởi ký ức lại tiếp tục ủa về, và nó thấy trên vạt áo của mẹ nó đã treo quá đầy những mảnh xương trắng của các tội xưa kia, khiến nó chẳng thể tin cô thêm nữa. Cho nên, nó cúi đầu và nhìn cô một cách ngại ngùng, nhưng vẫn giữ chặt quyết tâm của mình.

‘Con yêu dấu,’ Christina nói tiếp, ‘mẹ thấy là hoặc mẹ đã lầm và chẳng có vấn đề gì nơi con, hoặc con sẽ ngoan cố và tiếp tục khiến mẹ phải lo âu, Ernest của mẹ ơi, ít nhất hãy nói cho mẹ biết việc này là liệu có điều gì mà

con ân hận, hoặc khiến con buồn rầu, mà lại có liên quan đến Ellen tội nghiệp hay không?’

Ernest thất thần kinh hoàng, ‘mình chết chắc rồi,’ nó tự nhủ như thế. Nó không nhận thức được chút gì về cái ý thực sự của mẹ nó, và cứ nghĩ là cô muốn nói về chiếc đồng hồ, nhưng nó vẫn cố giữ vững, không chịu nói ra điều gì.

Tôi không tin là nó hèn nhát nhiều hơn những người khác, chỉ đơn giản là nó không biết rằng tất cả mọi người nhạy cảm đều hèn nhát khi vướng vào chuyện gì đó vượt ngoài tầm tay, hay khi nghĩ là họ sẽ bị đối xử thô bạo. Tôi tin rằng trong thực tế ngay cả thánh Michael can đảm cũng có thể đã cố hết sức để trốn tránh cuộc đối đầu nổi tiếng với con rồng, ngài cố tình không nhìn ra tất cả những hành động xấu xa của con rồng, ngài bịt mắt trước việc nó đã ăn thịt hàng trăm người, cả đàn ông, đàn bà và trẻ con mà ngài đã hứa là sẽ bảo vệ họ, ngài bằng lòng chấp nhận bị sỉ nhục công khai hàng tá lần về việc này, rồi đến cuối cùng khi ngay cả một thiên thần cũng không thể chịu đựng nổi, ngài vẫn lưỡng lự và trì hoãn một cách vô lý ngay giờ mà ngài phải đứng lên đương đầu với con rồng. Còn cuộc chiến thực sự của ngài thì nó cũng chỉ là một đồng lo lắng hỗn độn cầu may như lúc bà Allaby xoay sở với chàng trai trẻ vốn cuối cùng rồi cũng phải kết hôn với cô con gái lớn của bà, và sau một thời gian giao tranh kiểu như thế, ngài thấy con rồng nằm chết, còn bản thân mình sống sót và chẳng chịu thương tích gì nặng nề.

‘Mẹ à, con không biết mẹ nói gì,’ Ernest nói to, đầy lo âu và phần nào hấp tấp. Christina xem đó có thể là sự giận dữ, và đúng hơn là đe dọa cô, nên cô lảng tránh nhanh hết mức có thể.

‘Ôi,’ cô nói, ‘với giọng của con thì mẹ thấy là con vô tội! Ôi, ôi, tạ ơn Chúa biết bao vì thế, có lẽ nhờ Chúa Giêsu, mà Chúa đã giữ cho con luôn được trong sạch. Con yêu quý, cha của con, (đoạn này cô nói nhanh nhưng lại đưa mắt dò xét Ernest) trong sạch như một thiên thần nguyên tuyền khi đến với mẹ. Giống ông ấy, con cũng hãy luôn bỏ mình, thật sự trung tín trong lời nói và việc làm, đừng bao giờ quên cha và ông nội của con, cũng

đừng quên cái tên mà cha mẹ đã đặt cho con, và con phải nhớ lấy dòng nước sẽ rửa sạch tội con trong máu và ơn phúc của Chúa Kitô,' V.v.

Nhưng Ernest đã chặn những lời này, mà tôi chắc hẳn phải dài lắm, bằng cách thoát ra khỏi vòng tay của mẹ và vội vã bỏ chạy. Khi đã đến gần nhà bếp, nơi khiến nó dễ chịu hơn, nó nghe tiếng cha gọi mẹ nó, và cái cảm thức tội lỗi lại dấy lên trong nó. 'Bây giờ thì cha đã khám phá ra hết,' lương tâm nó lên tiếng, 'và đang định nói với mẹ, lần này mình xong rồi.' Nhưng chẳng có chuyện gì xảy ra, cha nó chỉ muốn lấy chìa khóa phòng rượu. Rồi Ernest lẩn vào một lùm bãi nào đó nơi bãi cỏ sau nhà, và lấy lại bình tĩnh bằng một hơi thuốc. Trong đám cây dưới ánh mặt trời mùa hạ đang len lỏi qua tán lá, với một quyển sách và cái tẩu, đứa trẻ của chúng ta quên đi những bận tâm của nó, và tạm thời được nghỉ ngơi tránh khỏi thứ mà tôi tin là thật sự không thể chịu đựng nổi trong cuộc sống của nó.

Tất nhiên, Ernest bị bắt phải đi tìm cho được những thứ nó đã làm mất, và sẽ có phần thưởng cho việc này, nhưng dường như nó cứ lang mang khỏi việc chính, nhiều lần cứ nghĩ đến chuyện tìm tổ chim chiền chiện, hơn nữa, việc tìm một cái đồng hồ và ví ở Battersby rộng lớn cũng chẳng khác gì mò kim đáy biển, mà cũng có thể một khách bộ hành nào đó đã nhặt được chúng rồi, hoặc chúng đã rơi vào tay những kẻ nhanh tay vốn đầy rẫy khắp vùng, cho nên khoảng một tuần hoặc mười ngày sau, nó không phải tìm kiếm nữa, còn cha mẹ nó đành đối diện với sự thật khó chịu là họ phải mua cho nó một chiếc đồng hồ mới, con dao mới và cho nó thêm ít tiền dẫn túi.

Tuy nhiên, rất hợp lý khi Ernest phải trả nửa số tiền mua đồng hồ, và việc này cũng chẳng làm khó gì nó, bởi số tiền này sẽ được trừ dần vào tiền chu cấp mỗi học kỳ của nó trong vòng hai hoặc thậm chí là ba năm. Vấn đề mà Ernest cũng như cha mẹ nó quan tâm bây giờ là phải mua chiếc đồng hồ với giá rẻ nhất có thể, nên họ quyết định sẽ mua một chiếc đồng hồ cũ đã qua sử dụng. Và cha mẹ nó dự tính là sẽ mua mà không cho nó biết, rồi đặt lên đĩa ăn của nó xem như một bất ngờ trước khi kì nghỉ kết thúc. Theobald đã phải lên phố vài ngày mới tìm được vài chiếc đáng mua. Nhưng tất nhiên, trong thời gian đó, anh cũng giải quyết cả một danh sách việc cần cho nhà, và chiếc đồng hồ của Ernest chỉ là một trong số đó mà thôi.

Như tôi đã nói, những lần Theobald xa nhà cả ngày luôn là thời gian thoải mái, và Ernest bắt đầu cảm thấy dễ thở hơn như thế Chúa đã nghe lời cầu nguyện của nó, và chuyện của nó sẽ không bị bại lộ. Suốt những ngày đó, mọi chuyện yên bình lạ lùng, nhưng ôi thôi, lại chẳng thể tốt đẹp đến tận cùng, mà với cái bầu không khí hay thay đổi trong nhà này, thì sau một thời gian càng yên bình bao nhiêu, bão tố ập đến lại càng dữ dội bấy nhiêu, và khi Theobald trở về, Ernest chỉ cần nhìn sắc mặt của anh cũng đã biết rằng cơn dông tố đang chuẩn bị ập xuống.

Christina thấy có chuyện gì rất không ổn, và hơi e sợ rằng có thể đã bị thất thoát một số tiền lớn trong cổ phần của Theobald, tuy nhiên, anh bảo cô là không phải vậy, và cùng lúc đó rung chuông nói với người hầu, ‘Báo cho cậu Ernest là ta muốn nói chuyện với nó trong phòng ăn.’



Trước khi đến phòng ăn, cái tâm hồn rúng động của Ernest đã mách bảo nó rằng tội của nó đã bị phát giác. Nếu muốn khen thưởng, thì sao người chủ gia đình lại mời một thành viên đến phòng ăn để làm gì chứ?

Nhưng khi nó đến đó rồi thì lại chẳng có ai, cha nó đã phải ra ngoài vài phút vì việc trong giáo xứ, và để lại nó trong phòng hết như kiểu người ta lúc vừa mới bị đưa vào phòng chờ nha sỹ vậy.

Trong mọi gian phòng, nó ghét nhất là phòng ăn. Chính ở nơi này, nó phải làm bài tiếng Latin và Hy Lạp với cha nó. Gian phòng thế này thường có một mùi đặc trưng của xi bóng hoặc véc ni vốn dùng để đánh bóng đồ gỗ, và cả tôi lẫn Ernest cho đến tận bây giờ mỗi khi bước vào một nơi có mùi véc ni như thế, vẫn thấy có gì đó khó chịu trong lòng.

Ngựa trên mặt lò sưởi trong phòng là một trong những bức họa mà ông Pontifex đã đem về từ Ý quốc. Người ta cho rằng đó là tranh của Salvator Rosa, và thật là một món hời khi mua được nó. Chủ đề bức tranh là về Elijah hoặc Elisha (ai cũng được) đang được các con quạ nuôi ăn trong sa mạc. Có vài con quạ ở góc phía trên bên trái với thịt và bánh ngậm trong mỏ và kẹp trong chân chúng, còn vị ngôn sứ đầy tranh cãi của chúng ta ở góc trái phía dưới đang nhìn chúng đầy thèm khát. Khi Ernest còn là một đứa trẻ nít, nhìn vào bức tranh, nó cảm thấy tội nghiệp khi thức ăn từ những con quạ chẳng bao giờ thực sự đến được tay vị ngôn sứ; nó không hiểu được tính hạn chế của hội họa, và muốn vị ngôn sứ chạm được trực tiếp đến những đồ ăn này. Một ngày nọ, nhờ có cái thang ai đó bỏ quên trong phòng, nó leo lên đến bức tranh cầm theo một mẫu bánh và lấy nó mà phết một đường bơ đậm kéo

từ những con quạ đến tận miệng của Elisha, làm thế rồi, nó mới thấy nhẹ nhõm hơn.

Ernest đang miên man nhớ lại hành động trẻ dại của mình thì nghe thấy tiếng cha nó về đến cửa, và chỉ một giây sau, Theobald đã đặt chân vào phòng rồi.

‘Ôi, Ernest,’ anh nói với vẻ thân thiện, và thậm chí có phần vui vẻ nữa kia, ‘có một vấn đề nhỏ mà ta muốn con giải thích cho ta, và ta chắc là việc này chẳng khó gì với con đâu.’ Thịch thịch thịch, trống ngực Ernest đập liên hồi, nhưng cái cách nói của cha nó quá thân thiện hơn mức bình thường khiến nó bắt đầu nghĩ rằng mọi chuyện chỉ là báo động nhầm mà thôi.

‘Mẹ con và ta thấy rằng chúng ta nên mua cho con một chiếc đồng hồ mới, trước lúc con vào năm học’ (‘Ôi, mọi chuyện chỉ có vậy,’ Ernest tự nói với mình và thấy bớt căng thẳng), ‘và ta đã mất cả ngày để tìm cho ra một chiếc đồng hồ cũ đáp ứng đủ mọi yêu cầu ở trường của con.’

Theobald nói như thế những chiếc đồng hồ phải có đến cả tá công dụng ngoài việc đo thời gian, nhưng anh không thể mở miệng mà không kèm theo một trong số những lời sáo rỗng của mình, và ‘đáp ứng đủ mọi yêu cầu’ là một trong số đó.

Ernest reo lên với biểu hiện biết ơn thường thấy, nhưng khi Theobald nói, ‘Con ngắt lời ta,’ thì tim nó lại run lên lần nữa.

‘Con đang ngắt lời ta, Ernest. Ta vẫn chưa nói xong.’ Ernest cảm tiếng ngay lập tức.

‘Ta đã dạo quanh vài cửa hàng bán đồng hồ cũ, nhưng chẳng thấy cái nào trông được mắt hay vừa giá, cho đến khi người ta đưa ra một chiếc đồng hồ, mà theo lời người bán hàng, thì nó vừa được giao để nhờ ông ta bán giùm, và ta nhận ra ngay nó trông như cái mà cô Alethea đã tặng cho con. Thậm chí nếu ta không nhận ra nó, mà có lẽ vậy thật, thì khi cầm nó trên tay ta cũng xác định được ngay nhờ dòng chữ ‘E.P., một món quà từ A.P’ khắc bên trong nó.

Ta chẳng cần phải nói thêm gì nữa, đây chính là chiếc đồng hồ mà con đã nói với ta và mẹ con là đã bị rơi mất khỏi túi áo.’

Đến tận lúc này, cách nói của Theobald vẫn điềm tĩnh thận trọng, và những lời anh nói ra hoàn toàn chậm rãi, nhưng đến đoạn này, anh đột nhiên nói nhanh hơn và vứt bỏ đi cái mặt nạ anh vốn đeo này giờ, ‘hoặc đó chỉ là một câu chuyện bịa đặt mà cả ta và mẹ con đã quá tin tưởng nơi con nên chẳng nghi ngờ gì. Con hẳn có thể đoán được hiện giờ cha và mẹ con đang cảm thấy thế nào rồi đó.’

Ernest đã cảm nhận được cú đánh cuối cùng này. Những lúc bớt bồn chồn lo lắng hơn, nó đã nghĩ rằng cha và mẹ nó sẽ cả tin vào sự thật lòng của nó, nhưng nó không thể bác bỏ được rằng tính nhẹ dạ của họ là dấu chỉ cho thói quen phải sống ngay thẳng. Xét một cách công tâm, nó phải thừa nhận rằng khi hai con người ngay thẳng thật thà lại có một đứa con trai giả dối như nó thì thật là khó chịu khủng khiếp.

‘Tin tưởng rằng đứa con của những người như ta và mẹ con sẽ không dối trá như thế, ta đã cho rằng có lẽ một kẻ lang thang nào đó đã nhặt được thứ này và bây giờ đang cố gắng bán nó đi.’

Tôi tin lời này không thật đâu. Giả thiết đầu tiên của Theobald là Ernest đã cố để bán chiếc đồng hồ, và rồi chợt cái ý nghĩ theo kiểu cao thượng thoáng qua trong đầu khiến anh đã nghĩ ra kẻ lang thang đó.

‘Con có thể hình dung được rằng ta đã chấn động biết bao khi khám phá ra người bán chiếc đồng hồ này có tên là Ellen,’ lần này thì tim của Ernest đập nhanh hơn nữa, và nó cảm thấy gần như chẳng thể chống đỡ được gì nữa; Theobald nhanh chóng nhận ra điều này và anh tiếp lời, ‘một người đã đi khỏi nhà này trong một hoàn cảnh mà ta sẽ không kể ra để khỏi làm bẩn tai con.’

‘Ta đã gạt đi cái giả định khủng khiếp vừa lóe lên trong đầu, và cho rằng trong thời gian chuẩn bị đồ đạc dọn đi, cô ta đã phạm thêm cái tội ăn cắp, khi thấy đồng hồ của con trong phòng ngủ và trộm nó. Ta chợt nhận ra là có lẽ con thấy mất đồng hồ sau khi con bé đó rời khỏi nhà, và đoán được ai đã lấy nó, nên đã chạy theo cỗ xe ngựa để đòi lại; nhưng khi ta hỏi người bán hàng về giả thiết này, thì ông ta lại bảo đảm với ta rằng người để lại chiếc đồng hồ này quả quyết một cách nghiêm túc nhất rằng nó là món quà từ con trai ông chủ của cô, người có toàn quyền để đem cho nó.’

Ông ta còn nói thêm rằng ông nghĩ chuyện cô gái đó phải bán chiếc đồng hồ này có điều gì đó đáng ngờ, nên đã khẳng khẳng đòi cô phải kể cho rõ ngọn ngành câu chuyện rồi mới quyết định ưng thuận mua cho cô.

Ông ta kể rằng lúc đầu, cô ta cố nói quanh co, loại đàn bà đó lúc nào cũng vậy, nhưng khi bị dọa rằng cô sẽ bị tổng giam ngay lập tức nếu không nói cho rõ hết toàn bộ sự thật, cô ta đã kể lại đầy đủ cách mà con đã chạy theo cỗ xe đến mức tím tái cả mặt mày, và rồi nhất quyết cho cô ta hết toàn bộ số tiền trong túi, con dao và chiếc đồng hồ của con. Cô ta còn thêm rằng anh xà ích John, người mà ta sẽ đuổi việc ngay lập tức, đã chứng kiến hết toàn bộ việc này. Nào, Ernest, vui lòng nói cho ta biết toàn bộ chuyện này là thật hay không?’

Ernest hoàn toàn chẳng nghĩ đến việc xen ngang lời anh rồi bịa thêm ra chuyện một người tầm cỡ người với nó đã giật đồ của nó và nó chẳng dám đánh lại, hoặc chỉ phản kháng vừa đủ để khỏi bị đánh thêm. Toàn bộ tâm trí nó đều bị chấn động và kinh hãi quá mức để có thể bịa ra được điều gì đó, nó chỉ có thể bị cuốn theo và lặp bập thừa nhận rằng mọi chuyện đều là thật.

‘Vậy, ta e rằng,’ Theobald nói, ‘Ernest à, vậy là đủ để rung chuông đòi người rồi.’

Khi người hầu chạy đến theo tiếng chuông, Theobald đòi xà ích John đến gặp anh, và khi John vừa vào phòng, Theobald tính tiền lương cho anh và yêu cầu anh rời khỏi ngôi nhà này ngay lập tức.

John cư xử khá nhẹ nhàng và biết tôn trọng, anh chấp nhận bị đuổi việc như một điều hiển nhiên, bởi Theobald đã nói đủ rõ ràng cho anh hiểu rõ lý do anh bị đuổi, nhưng khi thấy Ernest ngồi đó nhột nhạt và kinh hãi dựa vào thành ghế sát tường phòng ăn, anh chợt nghĩ ra một điều và quay lại nói với Theobald bằng cái giọng miền Bắc đặc sệt của mình mà tôi sẽ không cố để họa lại:

‘Ông chủ, với những gì tôi thấy đây, tôi có thể đoán được tất cả chuyện này sẽ thế nào, bây giờ trước lúc rời đi, tôi muốn nói một lời với ông.’ ‘Ernest,’ Theobald nói, ‘đi ra khỏi đây.’ ‘Không, cậu chủ Ernest, xin đừng đi,’ John vừa nói vừa đứng chặn ngang cửa. ‘Bây giờ, thưa ông chủ,’ anh tiếp tục, ‘ông có thể làm những gì ông muốn với tôi. Tôi đã làm tốt phần

việc của một người hầu đối với ông, và tôi không có ý nói ông là một người chủ xấu đối với tôi, nhưng tôi buộc phải nói rằng nếu ông ngược đãi cậu Ernest, thì tôi có những tai mắt trong làng, họ sẽ cho tôi biết mọi chuyện, và nếu tôi nghe được chuyện gì đó, thì tôi sẽ về lại đây và đập gãy từng đốt xương một của ông, vậy đó!’ hơi thở của John rất gấp, như thể anh sẵn sàng làm cái việc bẻ xương ông chủ của anh ngay lập tức. Mặt Theobald tái lại, như lời anh giải thích về sau, thì không phải là do những lời đe dọa vớ vẩn của một kẻ rõ ràng là lưu manh đang nổi cơn hung dữ, mà bởi anh cảm thấy bị xúc phạm nặng nề với những lời như thế từ miệng một trong những người hầu của mình.

‘John,’ Theobald ngạo nghễ đáp lại, ‘ta sẽ để cậu Ernest chịu hành xử theo lương tâm của chính nó.’ (‘Tạ ơn Chúa, và cảm ơn John,’ Ernest nghĩ thế.) ‘Còn về anh, ta thừa nhận rằng anh đã là một người hầu tuyệt vời cho đến lúc cái việc tồi tệ này xảy ra, và ta rất sẵn lòng cho anh một giấy chứng nhận nếu anh cần. Anh còn điều gì để nói nữa không?’ ‘Chẳng còn gì,’ John bắt đầu hạ giọng lại, ‘nhưng tôi hiểu những gì tôi đã nói và tôi sẽ giữ những lời đó, còn có giấy chứng nhận hay không thì không sao.’

‘Ôi, John, đừng lo về giấy chứng nhận của anh,’ Theobald nhẹ nhàng nói, ‘và nếu có trễ đi nữa, thì cũng kịp cho anh dọn đi vào sáng mai.’

John không trả lời, và thu dọn đồ đạc rời đi ngay lập tức.

Khi Christina nghe được những chuyện vừa xảy ra, cô nói rằng cô có thể bỏ qua tất cả, ngoại trừ việc Theobald đã bị xúc phạm nặng nề bởi một trong những người hầu của mình chỉ bởi một việc xấu xa do chính con trai mình làm. Theobald là người đàn ông dũng cảm nhất trên trần gian, và có thể dễ dàng tóm cổ tên lưu manh đó mà ném ra khỏi phòng, nhưng anh đã hành xử thật quá đỗi cao thượng và tôn quý! Thật đáng để đưa chuyện này vào một quyển tiểu thuyết hay đưa nó lên sân khấu, mặc dù kịch nghệ sân khấu nói chung là một thứ vô luân, nhưng chắc chắn cũng có một vài vở kịch đã nâng tầm cho nghệ thuật trình diễn. Cô tưởng tượng ra cảnh toàn rạp đều thình lạng hồi hộp khi nghe những lời đe dọa của John, và gần như nín thở vì háo hức chờ đợi lời đáp trả sắp được đưa ra. Rồi diễn viên chính đóng vai Theobald, và thế nào cũng sẽ là ngài macready nổi tiếng, sẽ nói rằng, ‘Ta sẽ

để cậu Ernest chịu hành xử theo lương tâm của chính nó.’ Ôi thôi, thật cao cả làm sao! Và hẳn những tràng pháo tay tán thưởng sẽ vang lên không ngớt! Rồi cô sẽ bước vào sân khấu, và choàng tay qua cổ chồng, mà gọi anh là một người chồng có trái tim sư tử. Rồi khi màn hạ, người ta sẽ kháo nhau rằng cảnh họ vừa xem được rút ra từ đời thực, và đã diễn ra trong nhà của Đức ông Theobald Pontifex, người đã kết hôn với cô Allaby,...v.v.

Còn với Ernest, sự ngờ vực bấy lâu trong cô giờ càng rõ ràng hơn nữa, nhưng cô nghĩ là tốt hơn hãy để vấn đề lại đó đã. Hiện tại còn có việc căng thẳng hơn cần giải quyết. Có thể xác định chính thức là Ernest trong sạch, nhưng nó cũng thể hiện một sự nhạy cảm quá mức, đến nỗi cô thấy nó gây cho cô hai ấn tượng trái ngược nhau, và cô xem như thể trong mình nó có cả thánh Giuse công chính lẫn Don Juan sa đọa. Được như thế là điều cô mong muốn bấy lâu, nhưng khi có một đứa con như thế thì lại khơi lên sự ghen tỵ trong cô và kết cục, cô xem con trai mình là một đứa hư đốn.

Chắc chắn là nếu John không dẫn mặt, thì thế nào với tội của mình, Ernest hẳn sẽ phải hứng chịu đau đớn, thiếu thốn, và giam lỏng. Và dù Ernest đã xem mình thế nào cũng phải chịu những hình phạt đó và còn phải chịu thêm những nhói đau của một sự ăn năn vô hại từ chính lương tâm của nó nữa, nhưng thực tế thì ngoài việc Theobald bắt nó phải theo sát hơn những công việc trong kỳ nghỉ, và cha mẹ cứ mãi lạnh lùng với nó, chẳng có thêm hình phạt nào giáng xuống nó nữa. Tuy vậy, nó nói với tôi là khi nhìn lại, nó thấy ngay trong thời kỳ này nó đã bắt đầu nhận ra được rằng nó thực sự ghét cha mẹ nó, và tôi cho điều này có nghĩa là lúc đó, nó đã bắt đầu nhận ra được rằng nó đang vươn lên để trở thành một người đàn ông đúng nghĩa.



Khoảng một tuần trước khi Ernest trở lại trường, Theobald gọi nó lên phòng ăn, và nói rằng anh nên giao lại chiếc đồng hồ cho nó, nhưng anh phải khấu trừ khoản tiền mà anh đã phải lấy từ túi mình để trả cho nó, bởi khi biết chắc là Ernest đã đem nó cho Ellen, anh thấy đem vài shilling mà mua lại thì tốt hơn là đứng đó tranh cãi về quyền sở hữu trên chiếc đồng hồ, và khoản khấu trừ này sẽ kéo dài trong hai học kỳ. Bởi thế Ernest phải trở lại Roughborough với chỉ năm shilling cho cả học kỳ. Nếu nó muốn có thêm thì phải kiếm từ tiền công tội của chính nó.

Ernest vốn không được cẩn trọng về tiền bạc như những đứa trẻ khác. Lâu nay, nó chẳng tự nhủ được rằng, ‘Nào, ta có một đồng vàng cho suốt cả mười lăm tuần, cho nên phải dùng chính xác một shilling và bốn xu mỗi tuần’ rồi làm theo đúng như vậy. Nó vẫn quen tiêu tiền của mình ngang mức với đồng bạn, để rồi vài ngày sau gần như nhẵn túi. Khi hết tiền, nó bắt đầu đi mượn, và khi đã nợ đến mức giới hạn đủ khả năng chi trả, thì nó chẳng tiêu được đồng nào nữa. Và mỗi khi nhận được tiền, ngay lập tức nó đem đi trả nợ, rồi còn được bao nhiêu thì dùng hết, và nếu không có, hiếm khi như vậy, thì nó lại đi mua chịu lần nữa.

Cách dùng tiền của nó luôn dựa trên giả định rằng nó sẽ về lại trường với một bảng trong túi, và giờ đây nó mất đi đến mười lăm shilling trong số đó. Nó còn phải nộp năm shilling cho những chi phí vặt trong trường, nhưng mà hằng tuần tại sảnh lớn, mỗi học sinh sẽ được phát cho sáu xu, rồi còn có tiền công tội (mà nếu nó quyết tâm thì sẽ là một khoản không nhỏ) và thêm những khoản khác nữa, sẽ giúp nó được một nửa trong số này rồi.

Dù vậy, việc mất đi đến mười lăm shilling vẫn đe dọa quá nghiêm trọng đến kế hoạch chi tiêu của nó. Nét mặt của nó để lộ quá rõ những gì đang nghĩ khiến Theobald bảo rằng trước khi đưa tiền cho nó anh phải ‘được biết toàn bộ sự thật, ngay LÚC NÀY chứ không để nó cứ lừa dối ngày qua ngày nữa.’ Sự thật đáng buồn này lại sớm được phơi bày, và cụ thể hơn, thì Ernest xấu xa của chúng ta lại thêm tội mắc nợ vào những tội lười nhác, dối trá, và có thể là, bởi không phải là không thể, tội vô luân nữa.

Làm sao mà nó rơi vào cảnh nợ nần? Những đứa trẻ khác có vậy không? Ernest gượng gạo nhận là chúng cũng nợ như nó. Và đám học sinh nợ những cửa hàng nào?

Câu hỏi này đi quá sâu, nên Ernest nói là nó không biết!

‘Ôi, Ernest, Ernest,’ mẹ nó đang ở trong phòng, kêu lên, ‘đừng thêm một lần nữa lạm dụng sự kiên nhẫn của người cha nhân từ nhẹ nhàng nhất trần gian này. Hãy để cho một vết thương lành hẳn trước khi con lại gây thêm một nỗi đau khác cho cha con.’

Thì đúng là điều này hoàn toàn hợp lý, nhưng Ernest nên làm gì đây. Làm sao nó có thể khiến người bán hàng trong trường gặp rắc rối khi phải thừa nhận là đã để một số học sinh mua chịu? Bà Cross già tốt bụng thường bán những ổ bánh nhỏ và bơ cho bữa sáng, hay trứng và bánh mì nướng, hoặc một miếng thịt gà với nước sốt mì và khoai tây nghiền với giá chỉ sáu xu. Mỗi sáu xu bà chỉ lời được một phần tư xu mà thôi. Khi các cậu bé kéo cả đoàn đến cửa hàng của bà sau khi chơi trò ‘chó săn’, Ernest thường nghe bà nói với cô giúp việc, ‘Nào, cô xấu, reo lên xem nào.’ mọi cậu bé đều thích bà, Ernest cũng thế, vậy mà giờ nó lại tố cáo bà hay sao? Thật quá kinh khủng.

‘Nào, nhìn đây, Ernest,’ Theobald nói với giọng đe dọa đáng sợ nhất của anh, ‘ta đang muốn chấm dứt hết tất cả chuyện này một lần cho xong. Hoặc là con thừa với ta mọi chuyện như một người con trai đối với cha, và tin tưởng ta sẽ giải quyết việc này theo cách của một mục sư và một người khôn ngoan, hoặc con hãy ý thức rằng ta sẽ đem toàn bộ chuyện này nói với tiến sỹ Skinner, người ta cho rằng sẽ có những cách xử lý nghiêm khắc hơn ta nữa.’

‘Ôi, Ernest, Ernest,’ Christina thốt thức, ‘hãy biết khôn ngoan đúng lúc và hãy tin tưởng người đã cho con thấy là dù đã biết hết mọi chuyện nhưng lại quá tốt để vẫn còn giữ kiên nhẫn với con.’

Không một anh hùng hiệp sỹ thực thụ nào lại xao động dù chỉ một khắc, và cũng không điều gì có thể phỉnh gạt hay đe dọa anh ta kể ra những chuyện mách lẻo ở trường. Ernest nghĩ về những cậu trai lý tưởng của nó: nó biết rõ là chúng thà để người ta cắt mất lưỡi chứ không chịu hé môi nói ra bất kỳ thông tin nào. Nhưng Ernest không phải là một đứa lý tưởng, và nó cũng không đủ mạnh để đương đầu với hoàn cảnh đang bủa vây nó; tôi không biết một đứa trẻ có thể chịu được cái áp lực đạo đức đang đè nặng lên nó được bao lâu đây; thế nào đi nữa rồi nó cũng sẽ không chịu nổi và quy phục nộp mình cho kẻ địch mà thôi. Ernest tự xoa dịu mình với suy nghĩ rằng cha nó không thường chơi trò tâm tình lường gạt như mẹ nó, và có thể việc thú nhận với ông còn tốt hơn là để ông đòi tiến sỹ Skinner tiến hành một cuộc điều tra khác. Lương tâm của cha nó cũng ‘lấp lửng’ nhiều nhưng vẫn không bằng mẹ nó. Và cậu bé ngốc nghếch của chúng ta quên mất rằng lâu nay, so với mẹ nó, cha nó ít có dịp để lật lọng với nó hơn.

Rồi nó nói ra hết mọi chuyện. Nó đã nợ món này ở bà Cross, món kia với bà Jones, và món khác ở quán ‘Swan and Bottle’, có nơi một shilling, nơi thì sáu hoặc hai xu. Dù thế, Theobald và Christina vẫn chưa thỏa mãn, càng khám phá được bao nhiêu họ càng ham muốn biết thêm bấy nhiêu, rõ ràng trách nhiệm của họ là phải khám phá cho ra hết mọi thứ, bởi dù chừng đó cũng đủ để họ giải thoát cho đứa con thân yêu của mình khỏi cái tổ quỷ đó rồi, nhưng còn những bậc cha mẹ khác cũng đang có những đứa con cần được cứu vớt thì sao? Rồi họ đòi phải được biết còn đứa trẻ nào nợ tiền của quán giống như Ernest hay không?

Lần này, Ernest lại phản kháng một cách yếu đuối, nhưng những thủ thuật đe dọa lại được dùng đến, và rồi nó lại thoái chí, cam chịu quy phục trước áp lực đó. Nó kể ra gần hết những gì nó biết hoặc nó nghĩ là nó biết. Theobald và Christina cứ khảo đi khảo lại, tra vấn nó, từ những chuyện trong phòng ngủ, rồi lại tiếp tục tra khảo, moi ra chuyện hút thuốc trong bếp của bà Jones, đứa nào có hút, đứa nào không, đứa nào nợ tiền, bao nhiêu và ở đâu,

đưa nào có nói tục và dùng lời lẽ bậy bạ. Theobald nhất quyết rằng lần này Ernest phải kể ra cho anh hết mọi chuyện không được giấu diếm điều gì, nên anh lôi ra danh sách học sinh trong trường vốn được gởi kèm với biên lai phí học kỳ từ tiến sỹ Skinner, và rồi những điều bí mật nhất của từng cậu trai đều lần lượt bị ông bà Pontifex lôi ra hết mức có thể từ miệng Ernest, và nực cười thay Theobald vừa giảng một bài khá rõ ràng về những nỗi kinh hãi do Tòa thẩm tra dị giáo gây ra mới chủ nhật tuần trước đây thôi. Cho dù thấy gớm ghiếc những hành động xấu xa vừa moi ra, hai vợ chồng Theobald vẫn không ngừng tiến lên, moi thêm cho bằng được, cho đến khi biết hết những vấn đề nhạy cảm hơn nữa. Nhưng rồi, cái tôi vô thức của Ernest đã phản kháng với cái tôi ý thức của nó, đẩy nó rớt khỏi ghế và ngất choáng đi.

Bác sỹ Martin được vời đến thăm bệnh, ông xác định sức khỏe cậu bé đang cực kỳ không tốt, và cũng bảo rằng phải cho nó nghỉ ngơi hoàn toàn cũng như tránh tất cả mọi căng thẳng thần kinh. Cho nên cha mẹ nó buộc phải hài lòng với những gì họ đã moi móc được, và cũng phần nào hoảng sợ nên đành để cho những ngày nghỉ còn lại của nó được trôi qua trong đôi chút yên bình. Họ không phải là những kẻ ăn không ngồi rồi, nhưng đối với người bận rộn hay kẻ lười nhác, Satan luôn tìm được đủ những việc ác để trao vào tay cả hai, cho nên hẳn gởi đến Battersby một công việc nhỏ mà Theobald và Christina hăng hái làm theo ngay lập tức.

Cả hai xác định là Ernest nên rời trường Roughborough, nhưng thật đáng tiếc, Ernest đã học ở đó được ba năm rồi, và thật khó để tìm một trường khác cho nó cũng như tìm được lý do giải thích vì sao nó phải chuyển trường. Hơn nữa, giữa Theobald và tiến sỹ Skinner có một thứ được cho là tình bạn, và thật khó chịu khi phải làm một việc xúc phạm đến ông, ngoài ra mọi lý do đều không ủng hộ việc chuyển trường cho Ernest. Thế nên, việc cần làm lúc này là thân thiện cảnh báo tiến sỹ Skinner về tình trạng của ngôi trường, và cung cấp cho ông danh sách học sinh kèm với những cáo buộc được moi ra từ miệng Ernest.

Theobald hành động rất gọn gàng, khi con trai anh vẫn còn nằm nghỉ bệnh trên lầu, anh đã sao lại danh sách học sinh để có thể thêm vào đó những lời phê bình của mình sao cho thật ngay ngắn, và nó giống cái bảng phía dưới

đây, mặc dù tôi có thay đổi về tên họ rồi. Một dấu chéo ở mỗi ô nghĩa là phạm lỗi thỉnh thoảng, hai dấu là thường xuyên và ba dấu nghĩa là đã phạm lỗi thành tật rồi.

	Hút thuốc	Uống bia tại quán "Swan and Bottle."	Chửi thề và dùng từ tục tĩu.	Ghi chú
Smith	0	0	XX	Sẽ hút thuốc vào học kỳ sau
Brown	XXX	0	X	
Jones	X	XX	XXX	
Robinson	XX	XX	X	
.....	

Và cứ như thế, danh sách kéo dài hết toàn bộ học sinh trong trường. Tất nhiên, để có thái độ công bằng với Ernest, tiến sỹ Skinner phải được biết hết về chuyện của nó, nhưng để bảo vệ cho nó, Theobald không thể cho ông biết toàn bộ sự thật được.



Vì xem vấn đề này quá quan trọng nên Theobald quyết định phải làm một chuyến đến Roughborough trước ngày khai giảng học kỳ. Không có cha ở nhà là một điều khuây khỏa cho Ernest, nhưng dù không ai nói ra, nó cũng đoán được cha nó đi chuyến này để làm gì.

Đến tận bây giờ, nó vẫn xem cuộc khủng hoảng đạo đức này như là một trong những lầm lỗi nghiêm trọng nhất đời mình, một sai phạm mà hễ mỗi lần nghĩ đến nó đều cảm thấy hổ thẹn và giận chính mình. Nó bảo rằng đáng ra lúc đó nó nên trốn khỏi nhà. Nhưng nếu làm vậy thì được gì chứ? Rồi nó cũng sẽ bị bắt lại về nhà, và bị khảo thêm hai ngày nữa chứ không phải được tha sớm như thế này đâu. Một đứa trẻ mười sáu tuổi không thể đánh thắng được một người trưởng thành khỏe mạnh, và cũng như thế, vào độ tuổi đó, nó chẳng thể chống đỡ nổi cái áp lực tinh thần mà cha và mẹ luôn đè nặng trên nó. Thật sự, có lẽ nó sẽ để mình bị giết hơn là bị khuất phục, nhưng nghĩ như thế là một kiểu anh hùng sai lầm và cũng gần như là sự hèn nhát, bởi vì làm như vậy chẳng khác gì tự vẫn, mà ai cũng biết tự vẫn là hèn nhát. Rồi ngày tựu trường cũng đến, mọi học sinh đều thấy rõ là có điều gì đó không ổn. Ngài Skinner tập trung tất cả lại, và nghiêm nghị cấm chỉ bà Cross và bà Jones vì lý do cửa hàng của họ đã vượt ngoài khuôn phép. Còn con đường đi qua quán ‘Swan and Bottle’ cũng bị cấm lui tới. Những tội uống rượu và hút thuốc bị chỉ đích danh rõ ràng, và trước giờ kinh, ông Skinner cũng nói vài lời sắc lạnh về sự kính tởm của tội nói tục. Các bạn có thể hình dung ra được cảm giác của Ernest lúc này là thế nào rồi đó.

Đến ngày hôm sau, mặc dù chưa có chút thời gian nào để phạm lỗi, nhưng bản xử phạt thường nhật đã chỉ ra là Ernest Pontifex phải chịu tất cả mọi

hình phạt của trường dành cho những học sinh mắc lỗi. Nó bị đưa vào danh sách cá biệt trong suốt học kỳ, và bị quản thúc liên tục từ đó, các giới hạn tự do của nó bị thu hẹp lại, và buộc phải xuống học lớp dưới, thật sự là các hình phạt dồn ép nó từ mọi hướng nên hầu như nó chẳng thể bước nổi một chân ra khỏi trường. Cái danh sách hình phạt chưa từng có này bắt đầu được thực thi kể từ ngày đầu tiên của học kỳ cho đến tận lễ Giáng Sinh mà không nêu ra tội danh cụ thể nào. Bởi thế, nó không chỉ ra nhiều điều để cho các cậu bé khác liên hệ chuyện này với việc cấm chỉ các cửa hàng của bà Cross và bà Jones.

Việc đuổi bà Cross, người biết tiến sỹ Skinner từ lúc ông chỉ là một đứa trẻ trong bộ áo vét, và chắc chắn từng nhiều lần cho ông mua chịu xúc xích hay khoai tây nghiền, đã gây giận dữ ghê gớm đối với bọn trẻ. Những cậu đầu têu đã họp kín với nhau để xem thử bước tiếp theo nên làm gì, nhưng hầu như chúng chẳng bàn bạc được gì nhiều cho đến khi Ernest ngại ngùng gõ cửa và thẳng thắn giải thích mọi chuyện này đều do bởi nó mà ra. Nó thú nhận hết mọi thứ ngoại trừ cái danh sách học sinh kèm với lỗi của từng đứa, bởi đó là tội phản bạn nó sẽ chẳng mang nổi. May thay, mọi chuyện đều ủng hộ nó, bởi dù là một kẻ thông thái rởm và quá mức mô phạm, nhưng tiến sỹ Skinner vẫn đủ ý thức để xử trí với Theobald về cái danh sách tội này. Dù có thể ông bực bội vì đã không biết được tính cách của những học sinh mình đang chịu trách nhiệm, dù có thể ông sợ trường bị tai tiếng, hay dù gì tôi không rõ, nhưng ông đã quyết định dứt khoát lạ lùng, và với một cách xử lý khéo léo hơn bình thường, ông đã ném bản danh sách vào lửa trước mặt Theobald ngay lập tức.

Ernest được tha bổng dễ dàng hơn nó tưởng. Bọn trẻ đồng ý rằng lỗi lầm của nó mặc dù thật tồi tệ nhưng vì hoàn cảnh mà nó phải chịu nên có thể được giảm nhẹ, hơn nữa nó đã thẳng thắn đứng ra thú nhận hết tội lỗi, cũng như thật tâm hối hận rõ ràng, ngoài ra cơn thịnh nộ của tiến sỹ Skinner giáng lên đầu nó càng khiến nó được ủng hộ. Nên cuối cùng, chúng xem những gì nó đã phạm coi như thuộc về quá khứ rồi.

Học kỳ trôi qua và tinh thần của Ernest cũng dần dần khá hơn, những lúc cái tính tự xỉ vả mình của nó trôi dạt, nó được khuây khỏa hơn đôi chút khi

nhận ra rằng ngay cả cha và mẹ nó, những người được cho là hoàn toàn trong sáng cũng chẳng tốt hơn gì nó. Vào ngày mùng năm tháng mười một hằng năm, đã thành một lệ là các cậu trai sẽ tập trung tại một nơi không xa Roughborough và đốt hình nhân đại diện cho một người nào đó, đây là sự pha trộn giữa lễ hội pháo hoa với lễ Guy Fawkes. Năm nay, chúng quyết định người bị đốt sẽ là ông cha nhà Pontifex, và Ernest sau khi suy tính đủ đường xem nên làm thế nào, đến cuối cùng đã quyết là chẳng có lý do gì để không tham gia trò này, bởi nó thấy việc này cũng chẳng gây hại gì cho cha nó cả.

Trùng hợp thay giám mục cũng ấn định ngày lễ thêm sức tại trường đúng vào ngày đó. Tiến sỹ Skinner không mấy ưng ý với ngày này, nhưng vì lịch làm việc quá kín, nên giám mục không thể dời qua ngày khác được. Ernest cũng nằm trong số được nhận phép thêm sức, và nó bị ấn tượng sâu sắc bởi sự trang nghiêm long trọng của buổi lễ. Lúc quỳ gối dưới chân bàn thờ, nó cảm nhận được vị giám mục già to lớn đang rợp bóng trên nó khiến nó gần như không thở nổi, rồi khi ngài dừng lại trước nó và đặt tay lên đầu nó, thì nó thấy run rẩy đến mức thần hồn nát thần tính. Nó cảm nhận được rằng giờ đây nó đang đứng trước một bước chuyển lớn trong cuộc đời, và Ernest về sau sẽ gần như khác hoàn toàn với Ernest trước đây.

Buổi lễ diễn ra vào khoảng giữa trưa, nhưng đến một giờ chiều thì tác động của phép thêm sức đã biến đâu mất, và nó thấy chẳng có lý do gì để nó phải trốn tránh trò vui đốt lửa hằng năm cả, nên nó đi cùng những đứa khác và mạnh dạn chơi cho đến khi hình nhân của cha nó được trưng ra và chuẩn bị châm lửa, lúc đó nó mới thấy hơi sợ hãi. Con hình nhân là một thứ thảm hại được làm bằng giấy, vải và rơm, nhưng đã được bọn trẻ đặt cho cái tên Đức ông Theobald Pontifex, và khi nhìn thấy hình nhân bị đem đến gần đồng lửa, cảm giác của Ernest đột ngột đổi chiều. Nhưng rồi nó vẫn giữ vững được quan điểm cũ, và vài phút sau khi mọi thứ kết thúc, nó cảm thấy việc tham gia buổi lễ này chẳng có gì tội lỗi, bởi xét cho cùng thì động cơ của nó cũng là từ cái hứng thú kiểu trẻ con thích được ngoài vòng pháp luật hơn là từ ác ý thực sự.

Tôi phải nói rằng Ernest đã viết thư gửi cho cha, và kể cho anh nghe về những hình phạt chưa từng có đang được áp dụng với nó, thậm chí nó còn

đánh liều gợi ý cha nên can thiệp để bảo vệ nó và nhắc lại rằng mọi chuyện thế này đều là từ anh mà ra, nhưng lúc này, Theobald đã đủ gồm tiến sỹ Skinner rồi, bởi hành động ném danh sách học sinh mắc lỗi vào lò lửa chính là sự cự tuyệt và dập tắt trong anh mọi ý muốn can thiệp vào chuyện nội bộ trường Roughborough một lần nữa. Bởi thế, anh trả lời rằng hoặc anh phải chuyển trường cho Ernest vì những lý do không được hay cho lắm, hoặc là anh phải tin tưởng vào cách giải quyết của ngài hiệu trưởng mà có lẽ là ông thấy tốt nhất cho các học sinh của mình. Ernest chẳng thể nói thêm gì nữa, nó vẫn cảm thấy việc nó chấp nhận khai ra bất kỳ điều gì là một sự ô nhục vô cùng, đến nỗi chính nó chẳng thể tha thứ cho mình được nữa.

Trong ‘giờ của mẹ Cross,’ theo kiểu nói lâu nay của đám trẻ, có một hiện tượng rất lạ diễn ra ở Roughborough, đó là việc những đứa lớn chạy việc vặt cho những đứa nhỏ hơn với những điều kiện nhất định. Những đứa học trò lớn không bị giới hạn gì, và chúng có thể đến cửa hàng của bà Cross bất cứ lúc nào chúng muốn, do đó chúng thực sự là những con thoi đưa bất kỳ thứ gì từ cửa hàng của bà Cross hay bà Jones về cho bất kỳ cậu bé nào, bất kể lớn hay nhỏ, và chúng thường làm việc này vào khoảng chín giờ kém mười lăm đến chín giờ vào buổi sáng, và sáu giờ kém mười lăm đến sáu giờ vào buổi chiều. Tuy nhiên, càng ngày chúng càng táo tợn hơn, và như thế, dù không tuyên bố chính thức, các cửa hàng đã ngầm xem như được nhà trường chấp nhận trở lại.



Tôi nghĩ là nên cho các bạn biết cụ thể hơn về cuộc sống ở trường của Ernest. Dù không muốn, nó vẫn phải theo khuôn khổ của tiến sỹ Skinner, và trong hai năm gần đây hoặc hơn, nó đã có những tiến bộ trong các môn Latin cổ điển mặc dù chưa bao giờ được xếp vào hạng khá trở lên. Nó ít làm bài, và tôi nghĩ rằng ông Skinner đã bó tay và thấy tốt hơn nên bỏ mặc nó tự lo cho mình, bởi nó hiếm khi hiểu được bài, và thường nộp bài hoặc không tùy ý thích của nó. Cái tính phản kháng ngầm và vô thức của nó có lúc còn ảnh hưởng xa hơn những cuộc vượt rào liều lĩnh mà tôi đã kể ở giai đoạn đầu. Đến cuối cùng, nó vẫn cứ dậm chân tại đúng chỗ ban đầu của nó, cụ thể là dù ở lớp lớn hay nhỏ, nó vẫn nằm trong số kém của những đứa đáng trọng, hay đúng hơn là trong số khá của những đứa bất hảo.

Trong suốt nhiều năm học, chỉ có một lần duy nhất nó được tiến sỹ Skinner khen ngợi về bài làm, và nó trân trọng điều này như một biểu hiện tán thưởng nhất mà nó từng nhận được. Nó đã phải viết một bài thơ thể alcaics^[21] về ‘Những con chó của các thầy dòng thánh Bernard,’ và khi trả bài cho nó, tiến sỹ đã phê là: ‘Trong bài thơ alcaics này, dù vẫn còn tệ quá chừng, nhưng tôi tưởng là tôi có thể thấy được một vài biểu hiện mơ hồ của sự tiến bộ.’ Ernest bảo rằng nếu các bài tập của nó khá hơn đôi chút thì đó hẳn phải là do may mắn, bởi nó chắc chắn là nó luôn thích những chú chó, đặc biệt là những con chó của thánh Bernard, đủ nhiều để có hứng thú viết một bài thơ alcaics về chúng.

‘Khi nhìn lại bài đó,’ nó nói với tôi kèm một nụ cười thật rạng rỡ, ‘con thấy mình đáng trọng hơn bởi chưa bao giờ con kiếm cho bằng được những điểm cao hơn năng lực thực của con, dù nếu muốn kiếm điểm thì thì chắc

chấn con sẽ kiếm được. Con mừng là chẳng có thứ gì bắt con phải lao vào những bài thơ Latin và Hy Lạp, con mừng là tiến sỹ Skinner không gây tác động tinh thần nào lên con, con vui vì con đã biếng nhác lúc ở trường, và con vui vì cha con đã giao cho con những bài học quá nặng đối với con – nếu không, có lẽ con cũng sẽ chơi trò gian lận, và có thể viết một bài thơ alcaics về con chó của các tu sỹ của thánh Bernard cũng hay như các bạn trong lớp, nhưng con không rõ nữa, bởi con nhớ là có một đứa khác trong lớp đã nộp một bài thơ tiếng Latin viết theo hứng thú của nó như thế này đây:

*‘Những con chó của các thầy của thánh Bernard
đi kéo trẻ con ra khỏi tuyệt
Quanh cổ chúng là cái bẫy êm dịu
Cột chặt cùng một ít chỉ dây.’*

Con nên viết giống như thế, và con đã cố, nhưng không thể. Đến cuối cùng, con vẫn không thể làm giống thế, rồi cố sửa lại, nhưng vô ích.’

Tôi cho rằng tôi có thể nhìn ra được những dấu vết đầy cay đắng đối với các thầy giáo trong cái lối kể của Ernest, và rồi nói đôi câu về thái độ này của nó.

‘Ôi, không,’ nó trả lời, và vẫn cười, ‘chuyện của con cũng chẳng khác gì cảm giác của thánh Anthony đối với những con quỷ đã cám dỗ ngài, lúc tình cờ gặp lại chúng hàng trăm năm sau. Tất nhiên, ngài biết đó là quỷ, nhưng mà sự thật là quỷ đầy rẫy ra đó. Và có lẽ thánh Anthony thích những con quỷ mà ngài đã từng gặp hơn những quỷ khác, và vì sự quen biết đó mà ngài ưu ái nhẹ nhàng với chúng hơn.’

‘Ngoài ra, bố biết đó,’ nó nói thêm, ‘thánh Anthony cũng cám dỗ lũ quỷ nhiều như chúng đã cám dỗ ngài, bởi sự thánh thiện đặc biệt của ngài còn là thứ cám dỗ lớn hơn những cám dỗ của quỷ nữa. Nói một cách rõ ràng hơn thì những con quỷ mới là kẻ đáng thương hơn trong chuyện này, bởi chúng bị thánh Anthony dẫn dắt và bị cám dỗ cùng sa ngã, trong khi chính bản thân thánh thì không. Con tin con là một đứa trẻ khó hiểu và khó chịu, và nếu có lúc nào gặp tiến sỹ Skinner thì con sẽ chẳng bắt tay cũng như sẵn sàng đối đãi tốt với ông ấy đâu.’

Còn ở nhà, mọi chuyện với nó cũng đã khá hơn, chuyện của Ellen và việc nợ nần với bà Cross đã chìm dần vào quên lãng, thậm chí nó còn có nhiều thời gian thong thả hơn bởi là huynh trưởng trong nhà. Dù vậy, những đôi mắt dò xét và cánh tay can thiệp của bố mẹ vẫn dõi theo từng lúc nó đi về, và lục lọi mọi bước đi của nó. Thật kì lạ là dù luôn cố để giữ vẻ ngoài như thể đang vui thú và thoải mái, đôi lúc thực sự là vậy, nhưng mỗi khi thấy không có ai theo dõi mình, đôi mắt của nó vẫn thường lộ ra vẻ lo lắng và mệt mỏi, điều này cho thấy trong con người nó đang diễn ra một xung đột gần như liên tục?

Chắc hẳn Theobald đã thấy được những ánh mắt này của nó và cũng lý giải được lý do vì sao, nhưng anh quá thạo trong việc bịt mắt lại với những gì hiển nhiên, và không một mục sư nào giữ được chén cơm quá một tháng nếu không làm được việc này, hơn nữa, trong nhiều năm rồi, anh đã tự để mình nói ra những điều không nên nói, và ngậm miệng với những điều phải nói, đến nỗi giờ đây tựa hồ như anh nhìn mọi sự theo cái kiểu có thể xem là tốt hơn không nên thấy gì trừ phi đó là việc chẳng đáng dừng.

Có những việc người cha phải làm, chẳng hạn như không làm rối rắm thêm những gì vốn đơn giản, điều khiển lương tâm mình cho đúng đắn, trao đổi tâm tư với con trai nhiều hơn một chút, chất vấn nó ít hơn, và cho nó tiền tiêu để mong nó dùng vào những gì khiến nó thấy vui vẻ..., nhưng Theobald không làm được nhiều trong số đó.

‘Đúng là không nhiều,’ Ernest bật cười, khi tôi đọc cho nó những dòng trên. ‘Những việc trên là toàn bộ bốn phận của người cha. Nhưng trong tất cả, thứ xấu xa nhất chính là việc làm cho mọi chuyện cứ rối tung và lẫn lộn cả lên. Nếu người ta dám giải bày với nhau một cách cởi mở, thì hẳn hàng trăm năm sau, thế giới đã bớt đi được nhiều muộn phiền rồi.’

Nhưng chúng ta hãy trở lại với Roughborough đã. Vào ngày rời trường, khi Ernest được gọi đến thư viện để bắt tay tạm biệt với ngài hiệu trưởng, nó ngạc nhiên khi nhận ra rằng, dù chắc chắn nó mừng vì được rời khỏi đây, nhưng nó không thấy trong lòng bất kỳ sự căm ghét đặc biệt nào dành cho ngài tiến sỹ. Nó đã đi hết chặng đường, và vẫn còn sống tốt, cũng như không sống quá xấu so với những người khác. Tiến sỹ chào đón nó một cách ân

cần, và thậm chí còn đùa với cái vẻ nặng nề của nó nữa. Những người trẻ luôn dễ tha thứ, và Ernest cảm thấy giả như có thêm một cuộc gặp như thế này nữa, thì hẳn nó sẽ quên hết mọi chuyện cũ, và thậm chí còn gia nhập hàng ngũ những người ái mộ và ủng hộ ngài tiến sỹ, mà phần đông trong số đó vốn là những cậu trai đầy hứa hẹn.

Trước khi nói lời tạm biệt, tiến sỹ lấy một quyển sách từ chiếc giá mà sáu năm trước Ernest đã thấy nó thật khủng khiếp, rồi trao cho nó sau khi viết tên mình và vài chữ tiếng Hy Lạp, mà tôi tin có nghĩa là ‘với những lời chúc tốt đẹp nhất từ tôi.’ Đó là một quyển sách Latin viết bởi học giả Đức Schomann: ‘De comitiis Atheniensibus’ (Nghị trường thành Athen), thật sự không phải là một quyển sách sáng sủa và vui vẻ gì, nhưng Ernest cảm thấy đây là lúc thích hợp để nó tìm hiểu về thể chế và cách bầu cử của athen, nó đã từng học về những thứ này rồi, nhưng lại quên sạch ngay sau đó, tuy vậy, giờ đây khi tiến sỹ trao cho nó quyển sách, nó lại muốn nắm vững những thứ này cho trọn. Thật là lạ lùng! Nó cực kỳ muốn nhớ những thứ này, nó biết là nó muốn, nhưng nó không thể giữ nổi chúng trong đầu, dù nó có cố thế nào thì những kiến thức đó cứ vào tai này ra tai kia ngay lập tức, trí nhớ của nó thật tệ hại; nhưng nếu có ai chơi cho nó nghe một bản nhạc và bảo nó biết tác giả là ai, thì chẳng bao giờ nó quên được, dù chẳng cần phải cố gắng chút gì, và cũng không ý thức cố gắng nhớ chúng. Cái đầu của nó chắc có gì đó không ổn, và như thế là nó không tốt.

Tranh thủ chút thời gian rồi còn lại, nó lấy chìa khóa nhà thờ thánh Michael và đến đó đàn một bài giã biệt. Tay đàn của nó bây giờ đã khá nhuần rồi. Nó trầm tư bước đi lên xuống dọc lối giữa nhà thờ một lúc, rồi ngồi xuống cạnh cây đàn và chơi bản ‘họ ghét uống dòng nước sông này’ đến sáu lần, rồi nó cảm thấy yên bình và hạnh phúc hơn, xong tất cả, nó rời cây đàn yêu quý, vụt chạy ra nhà ga.

Khi con tàu xuất hiện, từ gờ cao của nhà ga, nó nhìn lại ngôi nhà nhỏ nơi cô Alethea từng ở, và cũng là nơi mà cô đã chết cùng với mong muốn được làm những điều tốt đẹp cho nó. Có hai vòm cửa sổ nó biết rất rõ, nơi nó thường nhảy qua rồi băng ngang bãi cỏ đến xưởng mộc. Nó tự trách mình vì đã dành quá ít lòng biết ơn đối với người cô ân cần của nó, người duy nhất

nó từng cảm nhận là xứng đáng để nó có thể tin tưởng giải bày mọi chuyện. Càng trân trọng những kỉ niệm về cô, nó càng thấy mừng vì cô không phải chứng kiến những chuyện tệ hại nó đã vướng phải sau khi cô mất, có thể cô sẽ chẳng bao giờ tha thứ cho những chuyện đó, và như thế thật khủng khiếp biết bao! Nhưng, nếu cô Alethea còn sống, có thể cô đã xoa dịu đi nhiều nỗi đau buồn của nó. Nghĩ đến đó nó lại thấy buồn. Đến bao giờ, đến tận bao giờ, nó tự nhủ với mình, chuyện này mới chấm hết? Chẳng lẽ tương lai của nó cũng vẫn là phạm lỗi, hổ thẹn và đau buồn y hệt như trong quá khứ hay sao? Chẳng lẽ đôi mắt dò xét và bàn tay can thiệp luôn mãi của cha nó cứ đè những gánh nặng quá sức chịu đựng lên vai nó hay sao? Hay một ngày nào đó, nó sẽ được thấy mình khá ổn và hạnh phúc?

Bầu trời đang phủ mờ bởi một màn mây bạc nên mắt trần có thể nhìn thẳng được vầng mặt trời trên cao, và khi đang trầm ngâm những điều trên, Ernest ngược lên nhìn thẳng vào chính diện vầng thái dương như thể đang nhìn vào khuôn mặt một người nó quen biết và yêu mến. Lúc đầu khuôn mặt của nó ủ dột, nhưng nhẹ nhàng, kiểu như một người mệt mỏi sau khi hoàn tất một nhiệm vụ lâu dài, nhưng vài giây sau, nó chợt thấy ra được phần khôi hài trong sự bất hạnh của nó, nó mỉm cười nửa cay đắng nửa vui vẻ, và nghĩ rằng trong tất cả những gì đã xảy ra chỉ có một số quá ít thật sự có ý nghĩa với nó, và sự gian khổ của nó so với những người khác thật tầm thường bé nhỏ biết bao. Vẫn mãi nhìn chăm chăm vào đôi mắt của vầng thái dương và mỉm cười mơ mộng, nó nghĩ về chuyện nó đã đốt cái hình nộm của cha nó, và như thế đôi mắt nó rạng rỡ dần, đến cuối cùng bùng ra thành một tràng cười sảng khoái. Ngay đúng lúc này, tấm màn mây kéo ra và ánh mặt trời rọi thẳng vào mặt đưa nó về lại với thực tại. Nó nhận ra có một quý ông lớn tuổi có cái đầu to và mái tóc xám tro đứng đối diện, đang chăm chú nhìn nó.

‘Anh bạn trẻ của tôi ơi,’ ông nói một tử tế, ‘đúng là anh không được trò chuyện với người trong mặt trời khi đang ở trên toa xe lửa.’

Quý ông lớn tuổi không nói gì thêm nữa, chỉ mở tờ báo Times ra và bắt đầu đọc. Còn Ernest thì thẹn đỏ mặt. Trong suốt chuyến tàu, hai người chẳng

nói gì với nhau, nhưng lại nhìn nhau nhiều lần, đến nỗi cả hai đều ghi nhớ sâu ký ức về người còn lại.



Một số người bảo rằng những ngày đi học là thời hạnh phúc nhất trong đời. Có lẽ họ đúng, nhưng tôi luôn dành một ánh mắt ngờ vực cho những ai nói như vậy. Thật khó để biết được hiện giờ một người đang hạnh phúc hay bất hạnh, và cũng khó như thế khi so sánh những thời điểm khác nhau trong đời người, lúc nào là hạnh phúc và lúc nào là bất hạnh, điều khả dĩ nhất có thể nói được là bao lâu chúng ta chưa nhận thức rõ ràng về sự khốn cùng bấy lâu chúng ta vẫn còn khá hạnh phúc. Cách đây không lâu, khi tôi nói điều này cho Ernest, nó bảo rằng bây giờ nó quá hạnh phúc, chưa bao giờ nó hạnh phúc được như thế hoặc dám mơ được như thế, nhưng Cambridge đúng là nơi đầu tiên cho nó nhận thức được một hạnh phúc lâu dài.

Có đứa trẻ nào lại không phấn khích sung sướng khi lần đầu tiên được đặt chân vào căn phòng sẽ là nơi trú ẩn toàn quyền của nó trong suốt nhiều năm trời? Trong lâu đài nhỏ này, nó chẳng bị ép buộc phải nhường cái chỗ êm ái mà nó vừa ngồi lên khi cha hay mẹ nó bước vào phòng. Chiếc ghế êm ái bậc nhất này dành riêng cho nó, không có ai ở chung phòng và cũng chẳng có ai quấy rầy việc nó đang hứng thú làm, trong đó có việc hút thuốc. Nếu một căn phòng như thế hai mặt đều nhìn ra những bức tường trắng trơn im lìm, thì vẫn cứ là một thiên đường, và thiên đường đó sẽ còn đẹp hơn nhiều nếu từ đó có thể nhìn ra những sân cỏ, hay hành lang, hay sân vườn hệt như những gì thấy được từ các khung cửa sổ của phần lớn phòng ở tại Oxford và Cambridge.

Theobald, một cựu học sinh và đồng thời là trợ giảng ở trường Emmanuel, một thành viên của Đại học Cambridge, đủ khả năng để nhờ các

giảng viên đương nhiệm cho mình được chọn phòng, và nhờ thế phòng ở của Ernest rất thoải mái với tầm nhìn ra bãi cỏ và chung quanh đều là vườn.

Anh đi cùng Ernest đến trường và rất hào hứng vì việc này. Việc được đi dạo đầu đó khiến anh vui thích, thậm chí niềm tự hào vì có người con trai trưởng thành học đại học cũng chẳng là gì so với điều này. Vẻ rạng rỡ của anh phần nào khiến anh nhẹ nhàng hơn Ernest. Theobald nói anh ‘sẵn sàng hy vọng,’ đây là một trong những câu cửa miệng của anh, rằng Ernest sẽ biết đổi tính đổi nết khi anh quay gót về nhà, còn riêng phần mình, anh ‘quá sẵn lòng,’ cũng là một câu cửa miệng khác, cho qua tất cả mọi chuyện.

Dù chưa có tên trong danh sách sinh viên, nhưng Ernest vẫn được dùng bữa cùng với cha tại bàn ăn của một trong những trường thành viên khác theo lời mời từ một người bạn cũ của Theobald. Và ở đó, nó làm quen với đủ chuyện tốt đẹp về cuộc sống ở nơi đây, cùng những cái tên lạ lẫm đối với nó. Vừa ăn, nó vừa cảm thấy rằng giờ đây, nó sắp được nhận một nền giáo dục thực sự tự do. Cuối cùng, cũng đến lúc nó vào trường Emmanuel, nơi nó sẽ được ngủ trong một căn phòng hoàn toàn mới mẻ. Cha nó cùng đi đến cổng và nhìn nó an toàn vào trường, rồi vài phút sau, nó đã thấy mình được ở một mình trong gian phòng chỉ của riêng nó mà thôi.

Từ thời điểm này, nó bắt đầu những ngày tháng, nếu không phải hoàn toàn, thì xét chung cũng là quá hạnh phúc đối với nó. Tuy nhiên, tôi không cần phải mô tả nó, bởi đã có nhiều tiểu thuyết trình bày đời sống của một sinh viên trầm tính và đều đều, còn tốt hơn tôi nữa. Ernest có vài bạn học cũ cũng gia nhập Cambridge cùng khóa với nó, và nó tiếp tục giữ mối quan hệ thân tình với chúng suốt thời đại học. Một vài bạn học cũ khác chỉ hơn nó một hai lớp, chúng đến tìm gặp nó, và nhờ đó nó có được một khởi đầu đủ thuận lợi đối với cuộc sống đại học. Tính thẳng thắn vốn lộ rõ trên khuôn mặt nó, tính hài hước và dễ nhường nhịn hơn là gây gổ, đã khóa lấp đi sự vụng về và thiếu năng lực của nó. Trong đám cùng khóa, nó sớm trở thành một đứa không khó ưa, và dù không có khả năng cũng như không mong muốn trở thành một thủ lĩnh, nhưng những đứa cầm đầu vẫn cho nó gia nhập vào số những kẻ theo đuôi chúng.

Nó chẳng có chút tham vọng nào, sự vĩ đại hay thực sự là sự ưu việt nổi trội dường như quá xa vời và khó hiểu đối với nó, nên chẳng bao giờ nó có chút ý nghĩ gì về chuyện này. Nếu tránh được sự chú ý của những đứa mà nó không muốn quan hệ, thì với nó, vậy là đủ mừng rồi. Nó không quan tâm đến chuyện kiếm điểm cao, chỉ cần đủ điểm sao cho cha mẹ khỏi cần nhằn là được. Nó cũng chẳng mơ được giữ lại trường giảng dạy, nếu có ý định đó, thì nó đã cố hết sức để đạt cho bằng được rồi, bởi nó đã quá yêu ngôi trường này đến mức không thể chịu nổi cái ý nghĩ phải rời xa Cambridge; điều gần như duy nhất đến bây giờ vẫn còn khiến nó thấy cực kỳ xốn xao chính là sự ngăn ngại quá đáng của thời gian hạnh phúc tại ngôi trường này.

Ít chú ý đến việc phát triển bản thân, và để đầu óc được tự do, Ernest đọc sách khá nhiều, không phải bởi nó thích đọc, mà bởi vì người ta bảo rằng nó nên đọc, và bản năng tự nhiên của một thanh niên chẳng giỏi giang trong bất kỳ lĩnh vực nào đã thúc đẩy nó làm theo những gì mà người có thẩm quyền khuyên bảo. Ý định của cha mẹ nó (xuất phát từ việc tiến sỹ Skinner nói rằng Ernest chẳng bao giờ có thể được nhận làm viện sỹ) là làm sao để nó có được một tấm bằng đủ khá để có thể gia nhập đội ngũ trợ giảng hay giảng viên của một trường nào đó hầu làm bước đệm chuẩn bị trở thành một mục sư. Khi được hai mươi một tuổi, số tiền thừa kế sẽ chính thức được chuyển giao cho nó, và việc tốt nhất nó có thể dùng đến chúng là lấy chúng mà mua cho mình một tiến cử nghề nghiệp, làm thân với một mục sư già, và tiếp tục sống tạm bằng việc trợ giảng hay giảng viên cho đến khi được bổ nhiệm vào vị trí đang chờ đợi đó. Nó có thể kiếm được một vị trí rất tốt, bởi số tiền thừa kế từ ông nó đã tích lũy lên rất nhiều, và bởi Theobald chưa bao giờ thực tâm có ý định khấu trừ số tiền nuôi dạy và học phí của Ernest, nên tính đến bây giờ tổng số tiền của nó đã lên đến khoảng năm ngàn bảng. Theobald chỉ nói đến chuyện khấu trừ để kích thích Ernest nỗ lực hết sức mình khi nghĩ rằng chỉ có việc học cho tốt mới cho nó một cơ hội thoát khỏi cảnh chết đói, hoặc cũng có thể anh làm vậy đơn thuần chỉ vì muốn châm chích nó mà thôi.

Khi Ernest có được một nhiệm sở cho nó sáu hay bảy trăm bảng một năm cùng với một ngôi nhà, và một số giáo dân vừa đủ, thì nó có thể tăng thu

nhập bằng cách nhận học sinh hoặc thậm chí là mở một ngôi trường, và rồi đến năm ba mươi tuổi nó có thể lập gia đình. Thật không dễ để Theobald nghĩ ra được kế hoạch nào hợp lý hơn thế. Anh không thể đưa Ernest vào thương trường, bởi anh chẳng có mối quan hệ kinh doanh nào cả, ngoài ra anh cũng chẳng hiểu gì về kinh doanh, rồi anh cũng chẳng hứng thú với trường luật, còn ngành Y lại là một nghề đẩy các sinh viên vào những thử thách và cám dỗ mà những bậc cha mẹ đáng kính sẽ phải e dè thay cho con họ, nếu theo ngành này nó sẽ sa vào những đám bạn không tốt và quen dần với những thứ sẽ băng hoại nó mất, và dù có thể nó sẽ đứng vững, nhưng cũng ‘rất có thể’ nó sẽ sa ngã. Hơn nữa, làm một mục sư là con đường mà Theobald đã biết và hiểu rõ, đúng hơn, đó thực sự là con đường mà anh nắm bắt được trọn vẹn tất cả mọi thứ trong đó, nên chẳng lạ gì khi anh chọn nó cho Ernest.

Đường đi nước bước như trên đã được tiêm nhiễm vào đầu Ernest ngay từ lúc còn rất nhỏ, như đã từng diễn ra với Theobald, và cũng mang lại một kết quả tương tự, đó là khiến Ernest tin rằng mình nhất định phải làm một mục sư, nhưng trước mắt là một lộ trình dài và nó mong mọi chuyện sẽ ổn. Thứ đủ rõ ràng đối với nó hiện giờ là bốn phần đọc sách và kiếm được một tấm bằng khá hết sức trong khả năng của mình, nên nó lao mình vào học tập và, như tôi đã nói, học tập một cách đều đặn kiên định, rồi ngay trong năm học đầu tiên, nó đã lấy được học bổng trước sự ngạc nhiên của mọi người cũng như của chính nó, và dù đó không phải là một học bổng quá giá trị, thì ít ra vẫn là một học bổng. Chẳng cần phải nói cũng biết, Theobald giữ hết số học bổng này, vì anh tin rằng số tiền tiêu anh cho Ernest là đủ cho nó rồi, cũng như anh thấy thật đáng ngại khi để một thanh niên được toàn quyền quyết định chuyện tiền bạc. Tôi không cho là anh có nhớ hay cố nhớ chút gì về cái cảm giác lúc cha anh làm điều tương tự đối với anh năm xưa hay không.

Cách dùng tiền của Ernest cũng chẳng khác gì hồi còn học ở trường cũ, chỉ khác là ở một mức độ cao hơn mà thôi. Chi phí gia sư và ăn uống đã được cha nó thanh toán, và ông còn gởi rệu cho nó nữa, ngoài ra nó có một khoản năm mươi bảng mỗi năm để lo chuyện áo quần và những chi tiêu khác, đây là mức độ bình thường ở trường Emmanuel vào thời của Ernest,

mặc dù vẫn có nhiều sinh viên chi tiêu kém xa mức đó. Nó làm đúng những gì đã từng làm ở Roughborough, nghĩa là tiêu pha hết mức có thể ngay khi vừa nhận tiền, rồi rơi vào cảnh nợ nần vừa phải, sống túng quẫn chờ đến học kỳ tiếp theo, lại nhận tiền để ngay lập tức trả các khoản nợ, và bắt đầu tái lập những khoản nợ khác ngang với các khoản nợ mà nó vừa trả xong. Lúc được nhận năm ngàn bảng và trở nên độc lập về mặt tài chính, nó thường dùng mười lăm hay hai mươi bảng để khóa lấp những khoản lạm chi của mình.

Ernest gia nhập câu lạc bộ chèo thuyền và tham gia những buổi tập một cách đều đặn. Thói hút thuốc, nó vẫn giữ, nhưng chỉ uống rượu bia có mức độ, có lẽ chỉ trừ vài lần ăn nhậu trên thuyền, nhưng rồi về sau nó thấy việc này chẳng đem lại kết quả tốt đẹp gì, và sớm học được cách giữ mình trong giới hạn an toàn. Nó đi nhà thờ vừa đủ mức được đề ra, và mỗi năm rước Thánh Thể vài lần, bởi gia sư của nó bảo nên làm như vậy. Thật sự, nó đã giữ mình được điềm đạm và trong sạch, tôi cho rằng chính bản chất đã thúc đẩy nó làm như thế, còn khi nó phạm lỗi gì, có con người nào mà không phạm lỗi đâu, thì nó cũng chỉ phạm lỗi sau khi đã cố gắng đấu tranh kịch liệt nhưng đành đầu hàng do những cám dỗ đó vượt quá mức bản tính con người của nó có thể chịu nổi, rồi sau đó nó ăn năn hối hận vô cùng và không tái phạm trong một thời gian dài. Nó luôn như thế kể từ khi nó sống một cách vô thức.

Thậm chí cho đến hết thời kỳ đại học, nó vẫn không nhận ra được rằng nó đang cứ mang sự vô thức đúng đắn đó trong mọi việc nó làm, nhưng những người khác bắt đầu nhìn ra được là nó không thiếu khả năng và thành thạo có bảo cho nó biết điều đó. Nó không tin, thực sự nó cho rằng nếu ai đó nghĩ nó thông minh thì chỉ là do họ bị lừa rồi, nhưng việc có thể lừa được người khác khiến nó thấy khoái trá, và nó cố để làm hơn thế nữa. Bởi vậy, nó sa đà vào những lời sáo rỗng mà nó gặp được rồi đem áp dụng tùy dịp, và nó sẽ khó chịu chết mất nếu không ném đi một lời sáo rỗng ngay lập tức mỗi khi gặp được một lời rỗng tuếch khác hợp ý nó hơn. Đồng bạn của nó vẫn thường nói rằng, lúc mới đến, nó như con chim dễ giun, vài lần bay vọt theo nhiều hướng khác nhau trước khi có được một đường bay thẳng và kiên

định, nhưng một khi đã vào được lối này rồi, thì nó sẽ giữ mãi đường bay đó.



Lúc Ernest học đến năm thứ ba, Cambridge mở một tạp chí mới, với tất cả các bài báo đều là đóng góp từ sinh viên. Nó có gửi cho báo một bài ngắn về Kịch nghệ Hy Lạp, nhưng bây giờ lại không cho tôi viết ra đây nếu chưa được nó chỉnh lý lại thêm lần nữa, do đó tôi chỉ có thể cho các bạn xem bản văn sau khi đã được cắt bớt đi những đoạn thừa (và biên tập báo thực sự đã phải cắt đi nhiều phần trong đó) như sau.

‘Trong phạm vi những giới hạn theo ý định của mình, tôi sẽ không cố gắng để tóm tắt sự hình thành và phát triển của kịch nghệ Hy Lạp, nhưng sẽ chỉ dừng lại ở việc xem xét rằng liệu danh tiếng của ba tác giả bi kịch Hy Lạp chính yếu là Aeschylus, Sophocles và Euripides có trường tồn được mãi, hay một ngày nào đó người ta sẽ nhận ra là họ đã nhầm khi đánh giá quá cao các ông hay không?’

Tôi tự nhủ rằng tại sao tôi thấy mình dễ dàng ái mộ những bài văn và thể thơ trào phúng của Homer, Thucydides, Herodotus, Demosthenes, Aristophanes, Theocritus, phần nào của Lucretius, và Horace, cũng như thấy bình thường với các tác giả cổ khác, nhưng lại cảm giác khó chịu với những tác phẩm vốn được nhiều người ái mộ của Aeschylus, Sophocles và Euripides.

Với nhóm tác giả đầu tiên, tôi chịu ảnh hưởng của họ, những người có những cảm nhận mà nếu tôi không có được thì ít ra tôi cũng có thể hiểu được, và tôi thích thú khi thấy họ trình bày được những cảm nhận đó. Nhưng với nhóm sau, tôi quá ít đồng cảm với họ nên không thể hiểu nổi vì sao ai đó lại có thể thích họ cho được. Đối với tôi, những vần thơ bay bổng nhất của họ chỉ là thứ vô vị, khoa trương và giả tạo, mà giả như đến tận thời

này chúng mới xuất hiện thì thế nào chúng cũng sẽ lụi tàn hoặc bị những nhà phê bình bắt bẻ dữ dội. Tôi mong sao có thể biết được rằng liệu tôi có sai lầm trong cảm nhận này không, hay liệu một phần trong lời phê phán này của tôi lại không xuất phát từ chính các tác giả bi kịch đó.’

Tôi tự hỏi mình rằng liệu những người thành Athen thực sự thích những nhà thơ này đến mức nào, và những tràng tán thưởng phung phí của họ chịu ảnh hưởng từ thói đua đòi và ra vẻ đến đâu? Thật sự thì lòng ái mộ của người Athen dành cho những tác giả bi kịch chính thống này và việc đi lễ nhà thờ của chính chúng ta bây giờ, có bao nhiêu phần giống nhau đây?

Trong suốt hơn hai ngàn năm qua, đặt ra một chất vấn như thế là một hành động quá liều lĩnh, và tôi cũng không dám tự cho mình cái quyền đó nếu như không có một người đầy danh giá và đã được tôn vinh như một trong số những tác giả bi kịch lừng danh, đã từng gợi ý điều này. Người tôi muốn nói đến chính là Aristophanes.

Nhiều người danh tiếng, có lẽ chỉ ngoại trừ Homer, cùng với thời gian đã nâng Aristophanes lên thành một đỉnh cao văn học như các tác giả cổ khác, nhưng chính Aristophanes đã thể hiện sự căm ghét cực độ không chút giấu diếm đối với Euripides và Sophocles, và tôi ngờ rằng ông tôn vinh Aeschylus chỉ để hạ giá hai tác giả kia mà không phải hứng chịu quá nhiều công kích. Xét cho cùng, chẳng thể nói rằng Aeschylus quá giỏi còn những hậu bối Euripides và Sophocles quá tệ, họ cũng chẳng khác gì nhau đâu, chính Euripides cũng đã dùng những lời Aristophanes mớm cho để đả kích Aeschylus quá hiệu quả.

Chúng ta có thể thấy rằng trong khi Euripides quy kết Aeschylus vì ‘cách dùng từ phô trương phù phiếm,’ mà theo tôi có thể hiểu rằng ông phê phán tính khoa trương sáo ngữ trong những lời khoe khoang của Aeschylus, còn chính bản thân Aeschylus thì vạ lại Euripides khi nói rằng ông ta chỉ là một ‘kẻ mót chuyện ngồi lê đôi mách, hình mẫu của những kẻ ăn mày, và một thợ may giẻ rách,’ nhưng như thế lại chỉ ra rằng Euripides thành thật với đời sống thời đó hơn là Aeschylus. Tuy nhiên, đặc tính quan trọng để một tác phẩm hư cấu, dù trong văn học hay hội họa, có được sức hút lâu bền chính là sự quy chiếu chân thực đối với đời sống đương thời, và theo đó, chẳng lạ gì

khi mà Aeschylus và Sophocles chỉ có bảy tác phẩm được lưu truyền đến nay, trong khi con số đó của Euripides lên đến mười chín.

Nhưng nói chuyện này là tôi lạc đề mất rồi, vấn đề cần đặt ra với chúng ta là liệu Aristophanes có thực sự thích Aeschylus hay chỉ giả vờ làm vậy mà thôi. Chúng ta phải nhớ rằng những lập luận đặt Aeschylus, Sophocles và Euripides lên tột đỉnh trong số các tác giả bi kịch được xem là một xác nhận quá rõ ràng giống như khi người Ý đương thời tuyên bố Dante, Petrarch, Tasso và Ariosto là những nhà thơ Ý quốc vĩ đại nhất vậy. Hãy thử tưởng tượng một văn sỹ tài năng và hóm hỉnh, ở Florence chẳng hạn, thấy mình khó chịu với chính những nhà văn Ý mà tôi vừa nêu trên, thì chúng ta có thể tin rằng ông ta sẽ chối không nhận là mình hoàn toàn căm ghét những nhà thơ đó. Ông ta sẽ thích hơn khi nghĩ rằng mình có thể thấy được điều gì đó nơi Dante, người mà ông có thể dễ dàng tôn làm thần tượng, bởi Dante ít gần gũi với ông hơn, rồi để lấy lòng những người đồng hương của mình, ông ta sẽ vui lòng hòa hợp với những nhà thơ đó hơn là cứ nhất quyết giữ ý hướng của mình. Cũng như thế, với Aristophanes, nếu ông không dụ bót bằng việc ái mộ một trong số ba tác giả bi kịch lừng danh trên, bất kỳ ai cũng được, thì ông sẽ gặp phải những mối nguy khi lên tiếng công kích họ. Chuyện này giống như việc một người anh dám nói rằng mình không đánh giá cao những nhà viết kịch thời Elizabeth vậy. Nhưng mà có ai trong chúng ta thật lòng thích những nhà viết kịch thời Elizabeth, ngoại trừ mỗi Shakespeare? Chẳng phải thực sự thì họ cũng chỉ là những kẻ sống mòn trong văn học mà thôi hay sao?

Tóm lại, tôi kết luận rằng Aristophanes không ưa bất kỳ tác giả bi kịch nào; và không một ai có thể chối rằng văn sỹ sắc sảo, dí dỏm, và thẳng thắn này là một nhà phê bình văn học xuất sắc, và như hầu hết trong chúng ta ông có thể nhìn ra bất kỳ vẻ đẹp nào, nếu có, trong những vở bi kịch. Hơn nữa, ông còn có lợi thế là hoàn toàn nhận thức được những tác giả bi kịch muốn người ta đánh giá về tác phẩm của mình theo quan điểm nào. Và rồi ông đã kết luận thế nào đây? Tóm lại thì gần như Aristophanes nhận định rằng những tác giả bi kịch trên là những kẻ lừa dối, hoặc rất gần như thế. Về phần mình, tôi chân thành đồng ý với ông. Tôi thoải mái thừa nhận rằng có lẽ

ngoại trừ một vài Thánh vịnh của vua David, tôi chẳng thấy có một tác phẩm bi kịch nào đáng được tôn dương. Tôi không biết liệu tôi có thấy phiền khi em gái tôi đọc những tác phẩm kiểu đó hay không, nhưng riêng phần mình, tôi sẽ chẳng bao giờ đọc chúng.’

Thật tuyệt vời khi Ernest thêm một chút cuối cùng nói về các Thánh vịnh, và chính điểm này bắt người biên tập phải đấu tranh để quyết định xem có nên đăng bài này hay không. Chính bản thân Ernest cảm thấy sợ điểm này, nhưng nó đã từng nghe một ai đó nói rằng nhiều Thánh vịnh rất tầm thường, và sau khi xem xét kỹ hơn, nó thấy rằng gần như có hai ý kiến trái chiều về điểm này. Nên nó lấy lời bình phẩm đó và biến nó thành của mình, nhận xét rằng những Thánh vịnh đó gần như không phải do vua David viết, mà do nhầm lẫn lấy của người khác đưa vào.

Bài của nó, có lẽ là nhờ đoạn viết về các Thánh vịnh, đã khá gây chú ý, và nói chung là được đón nhận. Bạn bè của Ernest tán dương quá mức, còn bản thân nó thấy rất tự hào về việc này, nhưng vẫn chẳng dám để cha mẹ nó đọc bài này. Nó cũng biết rằng khả năng của nó đến đó là hết, sau ý tưởng này (mà tôi thấy chắc rằng nó đã lấy một nửa từ những người khác) nó chẳng còn gì để viết. Chút danh tiếng nhỏ nhoi nhưng lại quá lớn so với nó đã làm khổ nó, và nó biết rằng nó chẳng thể giữ được cái danh hão này đâu. Nhiều ngày sau, nó thấy được bài văn phản phúc này thật là một thứ hão huyền tai hại đối với nó, bắt nó phải lao mình điên cuồng cố gắng đủ kiểu để duy trì thắng lợi này, và rồi, chúng ta cũng có thể hình dung được, tất cả mọi nỗ lực của nó đều dẫn đến thất bại.

Nó không hiểu được rằng nếu nó biết chờ đợi, lắng nghe, và quan sát, thì ý tưởng có thể sẽ đến với nó một ngày nào đó, và thậm chí với sự tiến bộ của nó thì đó còn là một ý tưởng sâu xa hơn nữa. Nó chưa biết được rằng cách tệ hại nhất để tìm ra ý tưởng chính là cắm đầu săn đuổi nó. Để có được ý tưởng, người ta phải tìm học những gì mình yêu thích, và viết ra bất kỳ điều gì liên quan đến nó thoáng qua trong đầu, dù là trong lúc nghiên cứu hay lúc nghỉ ngơi, với một quyển sổ nhỏ luôn nằm trong túi áo. Bây giờ thì Ernest đã hiểu được điều này, nhưng nó đã phải mất một thời gian dài mới

được như vậy, bởi đó là thứ mà người ta không dạy ở trung học cũng như đại học.

Nó cũng chẳng biết được rằng ý tưởng cũng giống như con người, thường phải được sinh ra từ những nguồn không quá khác biệt với chúng là mấy. Đời sống tựa như một bản đại hòa tấu, tất cả mọi thứ đều phải từ chủ đề bản nhạc mà ra và không được thêm vào điều gì mới mẻ. Nó cũng không thấy được rằng thật khó để chỉ ra đâu là điểm kết thúc của một ý tưởng và nơi nào một ý tưởng khác khởi đầu, cũng như không nhìn ra được khó khăn tương tự khi muốn chỉ ra đâu là khởi đầu và kết thúc của đời sống, hay của một hành động hay thực sự của bất kỳ điều gì, bởi trong cái độc nhất có cái vô vàn, và trong vô vàn cũng có độc nhất. Nó nghĩ rằng các ý tưởng đến với những người thông minh theo kiểu tự phát sinh, mà không nghĩ đến sự liên hệ ý tưởng đó với suy tư của những người khác hay với quá trình quan sát, bởi nó tin vào khái niệm thiên tài, một thứ mê cuồng tốt đẹp mà nó biết rõ là nó không có.

Không lâu trước thời điểm này, nó đã đến tuổi quy định, và Theobald đã bàn giao số tiền thừa kế cho nó. Tổng số tiền giờ đây đã lên đến năm ngàn bảng, nên với lợi tức năm phần trăm, mỗi năm nó có được một khoản thu nhập đến hai trăm năm mươi bảng. Tuy nhiên cho đến khá lâu về sau, nó vẫn chẳng nhận ra được (nó chẳng biết gì ngoài những thứ mà nó đã từng được trải nghiệm) sự thực rằng bây giờ nó đã độc lập được với cha mình, và Theobald cũng vậy, anh chẳng thay đổi gì trong cách hành xử với nó. Giữa họ vẫn giữ chặt cái thói quen và mối liên hệ cũ, nghĩa là một người xem mình có quá đủ quyền để ra lệnh, và người kia thấy mình có quá ít quyền để phản đối.

Suốt năm học cuối ở Cambridge, nó ép mình lao vào học tập để chiều theo ý muốn của cha nó, vì nếu không có áp lực từ cha muốn nó phải rạng danh cho anh, thì hẳn nó đã hài lòng với một tấm bằng hạng thường rồi. Thực sự thì sức khỏe nó đang rất xấu, đến nỗi không chắc nó có đủ sức để lấy bằng không nữa, nhưng nó đã làm được, và khi danh sách tốt nghiệp được treo lên, vị thứ của nó vượt ngoài kì vọng của tất cả mọi người và của cả chính nó nữa, nó được xếp trong số ba hay bốn thủ khoa môn Toán, và

vài tuần sau là ở nửa sau của danh sách tốt nghiệp ưu tú môn Kinh điển. Lúc về đến nhà nó đã rất yếu rồi, nhưng Theobald bắt nó làm lại những bài thi với anh, và phải làm cho thật tốt gần với kết quả bài thi mà nó đã nộp cho trường. Nó chỉ phản kháng được đôi chút rồi cứ chìm sâu trong lối mòn e sợ cũ, nên dù đã ở nhà, nó vẫn dành vài giờ mỗi ngày để tiếp tục học môn Toán và môn Kinh điển, cứ như thế nó vẫn chưa lấy được bằng tốt nghiệp vậy.



Ernest trở lại Cambridge vào một ngày tháng năm 1858, để xúc tiến việc phong chức, một việc mà giờ đây nó phải đối mặt sớm hơn mong đợi. Cho đến lúc này, dù không có chiều hướng tôn giáo rõ ràng, nó vẫn chưa bao giờ hoài nghi bất kỳ điều gì đã học được về Kitô giáo. Nó chưa bao giờ thấy bất kỳ ai tỏ thái độ hoài nghi, cũng chưa từng đọc bất kỳ thứ gì có thể khơi gợi trong nó hoài nghi về tính lịch sử của các phép lạ trong Tân và Cựu Ước.

Chúng ta phải nhớ rằng năm 1858 đánh dấu sự chấm hết của một thời kỳ yên bình liên tục của Giáo hội anh giáo. Giữa năm 1844, lúc quyển ‘Dấu tích Sáng tạo’^[22] ra đời, và năm 1859, lúc quyển ‘luận Bình’^[23] đánh dấu sự khởi phát của cơn giông tố sẽ hoành hành suốt vài năm sau đó, thì ở anh không có một quyển sách nào gây được chấn động rung chuyển trong lòng Giáo hội. Có lẽ quyển ‘lịch sử Văn minh’^[24] của Buckle và quyển ‘Bàn về Tự do’^[25] của Mill là những bìa sách gây hoang mang nhất, nhưng cả hai đều chưa chạm được đến tầng lớp phổ thông, và Ernest cũng như đồng bạn không hề biết đến sự hiện diện của chúng. Phong trào của phái Phúc âm đi kèm với những phản đối mà tôi sẽ sớm đưa ra sau đây, cũng đã gần như chìm vào quên lãng. Phái Tiểu luận đã biến thành một thứ nhất thời, dù vẫn còn hoạt động nhưng chẳng gây được nhiều chú ý. Lúc Ernest đến học tại Cambridge, thì quyển ‘Dấu tích’ đã bị người ta lãng quên, và những công kích nhắm vào Giáo hội Công giáo cũng chẳng còn đáng sợ, chủ nghĩa hình thức chưa được những người tinh lễ biết đến, còn cuộc luận chiến Gorham và Hampden đã chấm dứt từ cách đó nhiều năm, Bất đồng trong Giáo hội đã ngừng lại, và người ta chỉ mãi chăm chú vào chiến trận Crimean, rồi Bình biến Ấn Độ và cuộc chiến Pháp-Áo. Nhiều biến cố lớn đã đẩy người ta rời

mất khỏi những vấn đề về lập luận và suy tư, và chẳng một kẻ thù nào của đức tin có thể khơi gợi lên dù chỉ một gợn sóng nhỏ trên mặt biển quốc dân. Có lẽ kể từ đầu thế kỷ XIX này, chẳng có thời kỳ nào người ta lại khó tìm thấy những khuấy động nhiễu loạn như trong thời kỳ này.

Tôi buộc phải nói rằng sự yên bình này chỉ là phần nổi. Những người lớn tuổi hơn, và am hiểu hơn các sinh viên, hẳn phải thấy được cơn sóng của chủ nghĩa hoài nghi vốn đã vỡ vụn ở Đức quốc giờ đây đang lan đến bờ anh quốc và sẽ chẳng bao lâu nữa sẽ gây cơn giông gió nơi đây. Ernest đã được phong chức trước lúc xuất hiện ba tác phẩm lớn nhanh chóng thu hút sự chú ý, thậm chí của cả những người ít lưu tâm đến tranh luận thần học, đó là quyển ‘luận Bình’, quyển ‘Nguồn gốc các loài’ của Charles Darwin, và quyển ‘Bàn về Ngũ Thư’ của giám mục Colenso.

Nhưng tôi lạc đề mất rồi, tôi phải trở lại với một giai đoạn hoạt động tôn giáo mạnh mẽ nhưng đã lụi tàn lúc Ernest theo học ở Cambridge. Điều tôi muốn nói đến chính là phần còn lại của phong trào phái Phúc âm nổi lên từ trước đó hơn một thế hệ, và có liên quan đến cái tên Simeon.

Vẫn còn khá nhiều người thuộc nhóm Simeon, hoặc được gọi đơn giản là ‘Sim’ vào thời của Ernest. Mọi trường ở Cambridge đều có một vài thành viên của nhóm này, nhưng trung tâm đầu não của nhóm được đặt ở trường Caius, nơi có ông Clayton đang làm giám hộ, và còn ở nhóm những sinh viên miễn giảm của trường Thánh John nữa.

Phía sau nhà nguyện của trường thánh John, có một ‘mê cung’ (người ta đặt tên nó như vậy) đầy những phòng tối tăm và lộn xộn, toàn bộ đều là chỗ trọ cho những sinh viên nghèo nhất, những người nhờ học bổng và giảm học phí để tồn tại trong trường đại học. Nhiều người, ngay cả những người ở trường thánh John, vẫn không biết đến sự tồn tại và địa điểm của cái mê cung này, một vài sinh viên cùng khóa với Ernest, dù sống ngay ở nhà lớn trong trường thánh John vẫn không thể tìm được đường băng qua cái lối đi ngoằn ngoèo để tìm đến mê cung bí ẩn này.

Trong mê cung đó, có đủ người thuộc mọi lứa tuổi, từ những đứa choắt đến những người đầu hai thứ tóc đi học trễ. Người ta hiếm khi thấy họ ngoại trừ ở sảnh, nhà nguyện hay giảng đường, và cái kiểu ăn uống cầu nguyện

cũng như học hành của họ đều khiến người khác thấy khó chịu. Chẳng ai biết họ đến từ đâu và đi đâu, cũng chẳng biết họ làm gì, bởi không bao giờ họ xuất hiện trên sân cricket hay bãi đua thuyền. Với mọi người, họ là những kẻ u ám và rầu rĩ, chẳng có mấy vẻ rạng rỡ nơi trang phục, cách thức và cả thân xác họ nữa.

Ernest và đồng bạn của nó thường tự xem mình là xuất sắc về tài chính khi có thể xoay sở với số tiền chu cấp quá ít ỏi của mình, nhưng với phần lớn những người sống trong cái mê cung trên thì chỉ cần có được một nửa khoản cái khoản được cho là ít ỏi của nhóm Ernest đã là sung túc quá bội rồi, và chắc chắn những bạo ngược gia đình mà Ernest đã phải chịu sẽ chẳng là gì so với những khổ khổ phải cam chịu của phần đông những sinh viên miễn giảm trường thánh John này. Một vài người trong số họ, sau khi qua kỳ sát hạch đầu tiên đã thể hiện được sự xuất chúng và được xem là niềm vinh dự cho trường, họ sẽ được nhận những học bổng giá trị có thể cho cuộc sống của họ được thoải mái hơn đôi chút, và sự chăm chỉ sẽ đưa họ hòa nhập với những người có địa vị cao hơn mình, nhưng dù như vậy, trừ vài trường hợp đặc biệt, họ vẫn phải mất một thời gian dài để rũ bỏ sự thô kệch vốn có, cũng như vẻ ngoài của họ sẽ còn mãi tố giác họ cho đến tận khi họ được trở thành một giảng viên hay trợ giảng. Tôi đã từng gặp nhiều người vốn đạt đến vị trí cao trong giới chính trị và khoa học, nhưng vẫn còn giữ cái nhìn của một sinh viên miễn giảm trường John, một kẻ sống trong mê cung.

Với nét mặt, dáng đi và bộ điệu khó ưa, cộng với đầu tóc rối bù và ăn mặc xoàng xĩnh dễ nhận thấy, những sinh viên này tạo thành một tầng lớp cá biệt, mang những suy nghĩ và cách sống khác hẳn với Ernest và đồng bạn của nó, nhưng như thế lại tạo điều kiện cho chủ nghĩa Simeon chi phối chủ đạo trong tư tưởng của họ.

Hầu hết những người phái Simeon đều nhắm đến phục vụ cho Giáo hội (thời đó cụm từ ‘chức thánh’ ít được dùng đến), họ buộc mình đón nhận một lời mời gọi thúc bách với chức mục sư, và sẵn sàng ép mình trong nhiều năm để chuẩn bị cho những khóa thần học cần thiết. Đối với phần lớn trong số họ, trở thành một giáo sỹ chính là con đường để đạt đến một địa vị xã hội mà cho đến tận lúc này họ vẫn còn bị ngăn cản và biết rằng không thể vượt

qua nổi. Bởi thế, chức thánh là thứ mở đường cho tham vọng của họ, và họ toàn tâm toàn ý đặt nó làm tâm điểm cho mọi suy nghĩ của mình. Còn Ernest thì khác, nó biết chức thánh là một thứ sẽ đến với nó một ngày nào đó, nhưng cũng như với cái chết, nó chỉ mong sao chúng đừng quấy nhiễu nó được chừng nào hay chừng đó

Để chuẩn bị cho mình được chu đáo hơn, nhóm này hội nhau lại trong phòng một thành viên để chuyện trà, cầu nguyện và làm những việc hành đạo khác. Nhờ đặt mình dưới sự hướng dẫn của vài giảng viên danh tiếng, họ được dạy trong các lớp giáo lý ngày chủ nhật, và lúc thuyết phục được một ai đó lắng nghe mình, họ liền truyền đạt những kiến thức tâm linh cho người đó, bất kể có đúng lúc hợp lý hay không.

Nhưng những sinh viên khá giả hơn không phải là mảnh đất thích hợp cho những hạt giống mà họ cố gieo trồng. Nếu tình cờ được bắt chuyện với ai mà họ xem là trần tục, thì họ sẽ cố xen vào câu chuyện những lời sùng đạo, và điều này chẳng gây được tác dụng gì ngoài việc gieo thêm ác cảm đối với những người đó. Khi họ đi rải những bài giảng đạo vào hộp thư của những kẻ khá giả vào ban đêm lúc họ đang ngủ, thì chúng bị quăng vào lò lửa, hoặc bị đối xử tệ hơn nữa. Họ tự xem những lời nhạo báng dành cho mình là một điều hãnh diện và là dấu hiệu chứng tỏ họ là những môn đệ thật của Chúa Kitô. Thường thì những buổi cầu nguyện của họ đều có một đoạn trong thư thánh Phaolô nói đến việc ngài mời những người thành Corinth cải đạo, và quy chiếu đoạn đó với chính họ là những người gần như không có xuất thân cao quý cũng như trí tuệ thông minh. Họ tự hào nhìn nhận mình chẳng có gì để tự hào trong những phương diện đó, và như lời thánh Phaolô, họ hãnh diện vì họ chẳng có gì đáng hãnh diện về thân thể trần tục của mình.

Ernest có vài người bạn ở trường thánh John, rồi từ đó nó nghe biết về nhóm Simeon cũng như được thấy mặt một vài người trong số đó nhờ đám bạn chỉ cho nó lúc họ băng qua sân trường. Họ khiến nó khó chịu, nó không thích họ và không muốn cho họ yên thân. Một lần nọ, nó đã đi quá xa khi nhại lại một trong những bài giảng đạo vốn được nhóm Simeon lén lút phân phát trong đêm, rồi đem đặt những bản sao vào hộp thư của từng người trong nhóm. Chủ đề bài đó là ‘Sự sạch sẽ bản thân.’ Nó viết rằng, sự sạch sẽ

nằm ngay sau sự thánh thiện, và mong muốn biết sự sạch sẽ được thể hiện ra ở mặt nào, rồi đến cuối bài, nó kết luận là phải hô hào cho những người nhóm Simeon đi tắm nhiều hơn. Tôi không thể tán thưởng cái tính khôi hài theo kiểu này của nó, và bài đó của nó cũng chẳng có gì hay, nhưng tôi nhắc đến việc này để chỉ ra rằng vào thời đó, nó có gì đó giống Saolo^[26], thích thú khi ngược đãi những người theo Chúa, hoàn toàn không phải bởi nó nghi ngờ đạo, nhưng bởi nó cũng chỉ như những nông dân trong xứ của cha nó, dù không khó chịu gì khi thấy ánh sáng đạo lan tỏa, nhưng cũng chẳng để tâm đến việc này cách nghiêm túc. Bạn bè của Ernest nghĩ rằng nó không thích nhóm Simeon chỉ bởi vì cha nó đã ngược đãi nó, và ông là một mục sư. Tuy nhiên, đúng hơn thì những hành động của nó xuất phát từ một sự thương cảm vô thức dành cho bọn họ, và cũng như trong trường hợp của thánh Phaolo, đến cuối cùng, tâm thức này sẽ dẫn nó gia nhập vào hàng ngũ những kẻ mà nó vốn khinh thường và căm ghét nhất.



Một lần mới đây thôi, lúc Ernest về nhà sau khi tốt nghiệp, Theobald không muốn tự mình lên tiếng, nên Christina đã có một cuộc nói chuyện ngắn với nó về việc trở thành một giáo sỹ. Lần này hai mẹ con chỉ trao đổi khi tản bộ trong vườn chứ không phải trên ghế sofa, nơi chỉ dành cho những dịp cực kỳ quan trọng.

‘Con biết đó, con yêu quý của mẹ,’ cô nói với nó, ‘cha con rất không mong muốn thấy con dẫn thân phục vụ Giáo hội một cách mù quáng với một nhận thức mù mờ về những khó khăn của chức giáo sỹ. Cha đã tự mình trải qua tất cả những khó khăn này, và thấy chúng cũng chẳng là gì to tát nếu như chúng ta dũng cảm đối mặt với chúng. Và cha con mong mỗi rằng con cũng sẽ cảm nhận được những khó khăn đó một cách mạnh mẽ và đầy đủ hết sức có thể trước khi quyết định dẫn thân vào những lời thề bất hoàn, để về sau, con sẽ không bao giờ phải hối tiếc về việc này.’

Đây là lần đầu tiên Ernest được nghe về những khó khăn của chức giáo sỹ, và theo tự nhiên, nó hỏi loáng thoáng về thực chất của những khó khăn này là gì.

‘Con yêu quý à,’ Christina thốt lên, ‘với bản tính và những gì mẹ học được, thì đó là một câu hỏi mà mẹ không phải là người phù hợp để giải đáp. Có lẽ mẹ sẽ chỉ khiến đầu óc con rối rắm thêm đến mức chẳng thể tháo gỡ được đâu. Ôi, thôi! Phụ nữ, và mẹ nghĩ là cả đàn ông nữa, nên tránh xa những vấn đề như thế, nhưng cha con đã mong mẹ nói với con về việc này để về sau con đừng phạm phải sai lầm nào, và mẹ cũng đã làm rồi. Bây giờ con đã biết hết tất cả rồi đó.’

Thế là cuộc trò chuyện chấm dứt, vấn đề này cũng dừng lại ngang đó, và Ernest nghĩ là nó đã nhận thức được toàn bộ vấn đề rồi. Về vấn đề kiểu như thế này, mẹ của nó sẽ chẳng nói là nó đã biết hết nếu không phải sự thực là vậy, tốt rồi, nhưng có gì đó vẫn chưa đủ, nó cho rằng đời sống giáo sỹ có một vài vấn đề, nhưng cha nó, một người thông thái và uyên bác rất mực, có thể đã đúng trong chuyện này, và nó chẳng nên làm phiền anh thêm về vấn đề này nữa. Buổi nói chuyện hầu như chẳng gây được ấn tượng gì cho nó, nhưng rồi chẳng bao lâu sau, đột nhiên nó nhớ lại chuyện này, và nó thấy rằng mình đã lại mắc bẫy một trò tiểu xảo nữa rồi. Tuy nhiên, cha mẹ nó thấy đủ hài lòng khi họ đã hoàn thành được trách nhiệm mở mắt cho con mình nhìn ra những khó khăn mà tất cả mọi giáo sỹ đều thừa nhận là có. Vậy là đủ, và còn vui hơn nữa, là dù họ đã đặt những khó khăn đó một cách đầy đủ và thẳng thắn trước mặt Ernest, nhưng nó lại chẳng thấy chúng đáng sợ. Cả hai đã cầu nguyện suốt nhiều năm để xin cho mình được ‘THẬT LÒNG lương thiện và tận tâm’, và đúng là trời không phụ lòng người.

Sau khi đã lật léo gạt sang một bên tất cả những khó khăn có thể xảy đến trên con đường trở thành giáo sỹ của Ernest, Christina lại tiếp tục bắt sang chuyện khác, ‘Bây giờ, con à, có một vấn đề nữa mà mẹ phải nói với con. Đó là về việc của em gái con, Charlotte. Con biết rằng em con rất thông minh, và luôn là một đứa em gái quá ân cần thân ái với con và Joey. Ernest yêu quý, mẹ mong được thấy em con có thêm cơ hội kiếm được một người chồng phù hợp hơn những người ở Battersby này, và đôi lần mẹ nghĩ là con có thể giúp được nhiều cho em con đó.’

Ernest bắt đầu thấy khó chịu, bởi nó đã từng nghe mẹ nó nói về việc này quá nhiều lần, nhưng nó chẳng nói gì.

‘Con biết đó, con yêu, một người anh có thể làm được nhiều điều cho em gái mình nếu có quyết tâm. Người mẹ chỉ có thể làm được chút gì đó rất ít ỏi mà thôi, hầu như không người mẹ nào lại đi săn đón những chàng trai trẻ, chính người anh trong gia đình phải tìm được cho em gái mình một đối tượng phù hợp. Tất cả những gì mẹ có thể làm được là cố gắng biến mảnh đất Battersby này hấp dẫn hết mức có thể đối với những người bạn mà con

mời về. Và về việc này,’ cô thêm vào, khẽ hất đầu, ‘mẹ không nghĩ là mẹ kém tài đâu.’

Ernest nói với cô rằng nó đã nhiều lần mời một vài bạn của nó rồi.

‘Đúng rồi, con yêu quý, nhưng con phải thừa nhận rằng trong số đó chẳng có ai đáng mặt để mong Charlotte thấy xao lòng. Thực sự, mẹ phải thừa nhận là mẹ có đôi chút thất vọng khi con lại chọn những đứa như vậy làm bạn thân.’

Ernest rụt lại thêm lần nữa.

‘Khi còn ở Roughborough, con đã chẳng bao giờ đưa cậu Figgins về đây, mà mẹ nghĩ cậu Figgins mới đúng là mẫu người con nên mời về gặp mặt nhà chúng ta đó.’

Cái tên Figgins được mẹ nó nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu lần rồi. Ernest gần như không quen với nó, và thậm chí cậu ta còn học trên Ernest đến ba lớp, và rời trường trước nó lâu rồi. Hơn nữa, Figgins chẳng phải là đứa tốt lành gì, cũng như đã nhiều lần khiến Ernest thấy mếch lòng.

‘Nào,’ Christina lại tiếp tục, ‘có cậu Towneley. Mẹ đã nghe con nói là Towneley cùng chèo chung thuyền với con ở Cambridge. Con yêu à, mẹ mong con có thể thân thiết hơn với cậu ấy, và mời cậu ấy về nhà mình chơi một chuyến. Cái tên Towneley nghe thật quý phái làm sao, và theo mẹ nhớ thì con đã từng nói cậu ấy là con trưởng trong nhà.’

Ernest bưng mặt khi nghe nhắc đến tên Towneley.

Những gì Christina quan tâm đến bạn bè của Ernest đơn giản là vậy đó. Cô thích nắm hết tên của đám bạn, đặc biệt là những bạn thân của nó, càng nghe ngóng được bao nhiêu, cô càng muốn biết thêm bấy nhiêu, chẳng có thứ gì đủ để khiến cô thấy thỏa mãn, như thể cái thùng không đáy, cô nuốt hết mọi thứ Ernest mang đến cho cô mà vẫn cứ thấy thèm thường như cũ. Và cô thường chọn Ernest làm con mời hơn là Joey, bởi Joye hoặc quá ngu ngốc hoặc quá lỳ lợm chẳng moi gì được, dù gì thì trong hai đứa cô vẫn lượm lặt được ở Ernest nhiều hơn.

Lần này đến lần khác, từng cậu trai được ném cho cô, hoặc là bị lừa đến Battersby hoặc bị dẫn đến gặp cô những lần cô ghé thăm Roughborough. Lúc còn ngồi với các cậu bé, cô thường cố thể hiện mình hài lòng, hoặc

tương đối hài lòng, nhưng một khi chỉ còn Ernest, cô lại thay đổi thái độ ngay. Và mọi lần như một, đến cuối cùng cô luôn tuôn ra những lời bình phẩm đủ kiểu, nào là bạn của Ernest không tốt, nào là nó cũng chẳng hơn gì, và nó nên tìm cho cô một cậu khác, bởi cậu này chẳng làm gì được.

Cậu bạn nào càng thân hay được cho là thân với Ernest thì càng bị Christina xem là hư đốn, và nó không muốn mẹ nó nghĩ về người bạn mà nó đặc biệt yêu thích như vậy, cuối cùng nó tìm được một cách là nói rằng Towneley không phải là bạn thân thiết với nó, nhưng như thế thì có lý do gì để nó lại đi mời cậu ta về nhà chứ. Dù gì thì nó cũng chỉ chọn thứ đỡ tệ hại hơn, và rồi Towneley được Christina xem là một đứa trẻ xuất chúng, còn Ernest thì là đứa hư đốn vì đã không đánh giá cao cậu ta. Một khi đã có được cái tên nào rồi, Christina chẳng bao giờ để nó ra khỏi đầu. ‘mà cậu... Là thế nào đây?’ cô kêu lên, và nhắc lại những người bạn cũ của Ernest, mà giờ đây, hoặc có chuyện bất hòa với nó, hoặc chỉ là bạn thoáng qua đường mà thôi. Ernest ước sao mình chưa từng đề cập đến cái tên của những người mà mẹ nó vừa nhắc lại, và thề với mình rằng sẽ không bao giờ kể cho cô về bạn bè của nó nữa đâu, nhưng vài giờ sau nó lại quên hết và lại tán hươu tán vượn như cũ, rồi mẹ nó lại lặng lẽ chụp lấy những lời bình luận của nó như con cú vồ mồi trong đêm, và sáu tháng sau lại lôi những chuyện này ra dù lúc đó mọi thứ đã khác đi nhiều rồi.

Cái chuyện thăm dò này có có phần tham dự của Theobald nữa. Nếu Ernest có mời một cậu trai hay bạn học nào đó về nhà, thì lúc đầu, Theobald sẽ thể hiện là mình dễ tính. Nếu thích, anh có thể biểu hiện dễ chịu như vậy, và anh thường làm vậy. Các đồng bạn mục sư của anh, và thật sự tất cả những người quen biết anh, đều ngày càng tôn trọng anh hơn, nên họ sẽ trách cứ Ernest nếu nó có chút lời nào than phiền, dù là nhỏ, về cha nó. Suy tính của Theobald đại loại như thế này: ‘Nào, ta biết Ernest đã nói với cậu bé này rằng ta là một người rất khó tính, và ta sẽ cho nó thấy ta hoàn toàn không như vậy, trái lại ta là một ông bạn già tốt bụng, một cậu bé người lớn vui vẻ, thật sự là một người đặc biệt rộng lượng, và như thế chính Ernest mới là người đáng bị chê trách.’

Nghĩ như thế, nên lúc đầu anh cư xử rất tử tế với bất kỳ cậu trai nào đến thăm nhà, và cậu bé sẽ vui vẻ với anh, cũng như sẽ đứng về phía anh chống lại Ernest. Tất nhiên, nếu Ernest có đưa cậu bạn nào về Battersby, thì nó đều muốn cậu ta được vui vẻ, và bởi thế nó rất hài lòng khi thấy Theobald cư xử tử tế như vậy, nhưng cùng lúc đó nó lại cần đến một sự hỗ trợ về mặt tinh thần, nên quá đau lòng khi thấy một trong những người bạn thân thiết giờ lại quay lưng với nó. Trong cuộc sống có những lúc chúng ta thấy rõ ràng một mảng màu đỏ, nó chấn động chúng ta và lại đẩy chúng lao đầu đi tìm một người nào nhìn thứ đó, hay có xu hướng nhìn thứ đó, thành một mảng màu xanh.

Thường thì đến gần cuối những chuyến viếng thăm này, Theobald bắt đầu thấy mất kiên nhẫn, nhưng cuối cùng, anh vẫn giữ được hình ảnh đẹp với các vị khách nhỏ cho đến tận lúc chúng ra về. Anh không bao giờ nói gì về các cậu bạn với Ernest, đó là việc của Christina. Theobald để chúng đến nhà, bởi vì Christina dù lặng lẽ nhưng cứ mãi đòi cho được việc này. Rồi khi các vị khách đến, như tôi đã nói đó, anh cư xử vừa phải phép, trong khi đó vợ anh lại tỏ ra rất thích thú điều này, hẳn cô sẽ mời đến cả nửa trường Roughborough và Cambridge về nhà nếu có thể được và đồng thời cũng phải không được quá tốn kém. Cô thích bọn trẻ đến nhà mình, để cô có thể có thêm những mối quan hệ mới, và bởi cô thích được xé xác chúng ra và vớt cho Ernest những mảnh thừa ngay khi cô đã nhai đủ rồi.

Tệ hơn là cô thường xuyên chứng tỏ được với Ernest rằng mình đúng. Các cậu bé và thanh niên thường rất kích động về mặt cảm xúc, nhưng lại hiếm khi giữ vững được nó. Đến lúc lớn hơn, chúng mới thực sự nhận biết được chúng muốn loại bạn bè nào, còn trước đó, đơn giản là chúng chỉ đang học cách để đánh giá người khác mà thôi. Ernest cũng không ngoại lệ. Những người bạn nó xem là thiên nga, từng người một đã thể hiện cho nó thấy rằng chúng chỉ là lũ vịt không hơn không kém, và nó gần như bắt đầu nghĩ rằng mẹ của nó rành việc nhìn người hơn, nhưng tôi nghĩ giả như một lúc nào đó, Ernest đem về cho cô một chàng thiên nga thực sự, thì thế nào cô cũng sẽ tuyên bố rằng đó là con vịt ngu ngốc nhất và tệ hại nhất mà cô từng thấy.

Lúc đầu Ernest không ngờ được bạn của nó được mời đến để nhằm gặp gỡ với Charlotte. Nó có thể hiểu được Charlotte và một đứa bạn nào đó của nó có lẽ sẽ phải lòng nhau, và như thế hẳn là tốt. Nhưng nó không nhìn ra được những toan tính trong chuyện này. Tuy nhiên, giờ đây, nó đã nhận ra toàn bộ mục đích của Christina và chẳng còn mấy hăng hái trong việc mời bạn về Battersby chơi. Dường như cái tâm trí ấu trĩ non nớt của nó thấy thật là bất lương khi mời bạn về nhà với toàn bộ dụng ý chỉ là ‘xin vui lòng cưới em gái tôi,’ hành động như thế giống như thể kiếm tiền bằng những thủ đoạn lừa dối vậy. Nếu Ernest thích Charlotte, thì mọi chuyện không thành vấn đề, nhưng nó lại thấy em gái nó là một trong những đứa con gái khó ưa nhất trong số những người phụ nữ mà nó từng quen biết.

Người ta cho rằng Charlotte rất thông minh. Tất cả mọi cô gái nếu không rất đẹp, thì cũng rất thông minh hoặc rất duyên dáng, họ có thể chọn cho mình một kiểu gì tùy ý, nhưng nhất thiết phải có một trong số đó. Hoàn toàn không thể đặt Charlotte vào kiểu xinh đẹp hay duyên dáng được, cho nên chỉ còn cách cuối cùng là biến con bé thành một kẻ thông minh. Ernest chẳng thấy Charlotte thể hiện được tài năng trong môn cụ thể nào hết, bởi con bé chẳng biết chơi cờ hay ca hát hay vẽ vờ, nhưng mà, đúng là tinh ranh như đàn bà, Christina và Charlotte lại dụ được Ernest tin rằng trong cả nhà thì con bé là người gần đúng nhất với định nghĩa về một thiên tài. Ernest vì bị dụ dỗ như vậy đã đi dụ dỗ lại các bạn của nó về điều này, nhưng chẳng một ai biểu lộ cho thấy dù chỉ một tia nhỏ ấn tượng đối với năng lực tuyệt vời của Charlotte, cũng như chẳng muốn lấy con bé làm gì, và đó mới chính là lý do Christina quá nhanh lẹ và hoàn toàn thải loại hết tất cả các cậu trai này từng người một, rồi cứ đòi Ernest đưa thêm về cho mình một người mới.

Và bây giờ cô đòi có cậu Towneley. Ernest thấy được những gì sẽ xảy ra và nó cố để tránh, bởi nó biết là gần như không thể mời Towneley, dù nó có muốn bao nhiêu đi nữa.

Towneley thuộc nhóm xuất chúng nhất Cambridge, đúng hơn là người nổi tiếng nhất trong số các sinh viên. Cậu cao lớn và cực kỳ điển trai, dường như đối với Ernest cậu là người điển trai nhất mà nó từng gặp hay có thể gặp, bởi người ta chẳng thể tưởng tượng được ra được một khuôn mặt nào dễ thương

và sắc sảo hơn thế. Cậu ta chơi cricket và đua thuyền rất giỏi, bản tính lại tốt và hoàn toàn không có tính tự phụ, không quá thông minh nhưng nhạy cảm, và cuối cùng, cha mẹ cậu ta đã chết chìm trong một vụ lật thuyền khi cậu mới được hai tuổi và để lại cho cậu, người thừa kế duy nhất, một trong những khối tài sản khổng lồ nhất miền Nam nước anh. Lúc này lúc khác, thần Tài lộc luôn cho một người toàn tài những điều tốt đẹp, Towneley là một trong những người được bà sủng ái, và có thể nói rằng trong trường hợp của cậu, bà đã có một chọn lựa đầy khôn ngoan.

Cách nhìn nhận của Ernest đối với Towneley cũng hết như tất cả những người khác trong trường (tất nhiên là ngoại trừ những thầy giáo), bởi cậu ta là một người đầy danh tiếng, và hơn nữa với bản tính nhạy cảm của mình, Ernest còn thích Towneley hơn hầu hết mọi người, nhưng cùng lúc đó chẳng bao giờ nó có ý nghĩ kết thân với cậu ta. Nó thích nhìn ngắm cậu ta mỗi khi có dịp, và rất xấu hổ vì việc này, nhưng nó chỉ có thể làm được như vậy mà thôi.

Tuy nhiên, do một tình cờ lạ lùng, vào năm học cuối, khi xướng tên bốn người được chọn vào đội đua thuyền, nó bỗng nhiên thấy mình được làm trưởng đội thuyền trong đó có người hùng đặc biệt Towneley của nó, ba người còn lại đều bình thường nhưng chèo thuyền cũng khá, và nói chung đó là một đội khá tốt.

Lúc đầu, Ernest thấy run rẩy thần hồn nát thần tính. Tuy nhiên, khi hai người gặp nhau, nó thấy Towneley thật đặc biệt, không phải bởi những thứ bề ngoài, mà bởi cậu ta hoàn toàn không có tính phe phái, và hơn nữa trong câu có khả năng có thể khiến bất kỳ người nào tiếp xúc với cậu đều thấy dễ chịu. Điểm khác biệt duy nhất giữa Towneley và người khác đó là cậu ta rất dễ kết thân. Và tất nhiên Ernest của chúng ta càng thần tượng cậu ta hơn nữa.

Đội đua giải tán cũng là lúc cả hai mất liên lạc, nhưng từ dạo ấy, không bao giờ Towneley đi ngang qua Ernest mà không gật đầu chào hay nói vài lời chào hỏi dễ chịu. Trong một phút bốc đồng ngu ngốc, nó đã nhắc đến tên Towneley trên bàn ăn nhà nó, và kết quả là thế nào đây? Mẹ nó quấy rầy bắt nó mời Towneley về Battersby và cưới Charlotte. Ôi thôi, nếu như thấy có

chút khả năng nào dù là nhỏ nhoi nhất về việc Towneley sẽ cưới Charlotte, thì nó sẽ quỳ dưới chân cậu ta mà nói cho biết em gái cậu là đứa khủng khiếp đến mức nào, và van xin cậu ta hãy tự cứu lấy mình đi khi còn có thể.

Nhưng Ernest đã không cầu nguyện mong muốn được ‘thật lòng lương thiện và tận tâm’ suốt nhiều năm, như Christina đã làm. Nó cố để giấu diếm cảm giác và suy nghĩ của mình hết sức có thể, rồi chuyển cuộc nói chuyện sang những khó khăn có thể xảy đến với một giáo sỹ, chẳng phải bởi nó lo lắng gì mà chỉ là để đánh lạc hướng mà thôi. Tuy nhiên, mẹ nó nghĩ rằng cô đã nắm hết mọi chuyện rồi, và nó chẳng thể thoát khỏi tay cô đâu. Nhưng rồi nó cũng sớm tìm được những phương cách để tránh được tình trạng này, và không chậm trễ dùng đến chúng để giải thoát cho mình.



Lần trở lại Cambridge vào tháng năm 1858, Ernest và một vài người bạn cùng chung định hướng làm mục sư đều đi đến kết luận rằng chúng phải nhìn nhận nghiêm túc hơn về vị thế của mình. Bởi vậy, chúng đến nhà nguyện nhiều hơn trước đây, và hội nhau về đêm để học hỏi Tân Ước. Thậm chí chúng còn bắt đầu học cho thuộc các thư của thánh Phaolo bằng tiếng Hy Lạp. Và chúng nghiên cứu quyển ‘Diễn giải Bản ba mươi chín điều’ của Beveridge, cũng như quyển ‘Diễn giải kinh Tin Kính’ của giám mục Pearson; còn trong giờ giải trí, chúng chú ý đầu vào quyển ‘màu nhiệm lòng sùng kính’ của More, một quyển mà Ernest thấy rất hấp dẫn, cùng với quyển ‘Sống thánh chết lành’ của Taylor vốn cũng gây ấn tượng sâu sắc với nó bằng thứ ngôn ngữ mà theo nó là đầy vẻ huy hoàng. Chúng cậy vào những chú giải của Trường khoa Alford về bản Kinh Thánh Hy Lạp, thứ mà nhờ chúng, Ernest hiểu được ý nghĩa thực sự của từ ‘khó khăn,’ nhưng cũng khiến cho nó thấy là những từ ngữ German thật nông cạn và bất lực biết bao. Có vài người trong nhóm này học tại trường thánh John, và do đó các buổi gặp gỡ thường được tổ chức tại đó.

Tôi không biết làm thế nào mà những người nhóm Simeon lại nghe được về những buổi họp kín này, nhưng dù gì thì họ cũng đã biết, bởi dù nhóm Ernest đã tạm dừng buổi họp được vài tuần rồi, nhưng lại xuất hiện những lá thư gửi đến từng người trong nhóm, báo rằng Đức ông Gideon Hawke, một thầy giảng phái Phúc âm khá nổi tiếng ở London với những bài giảng được người ta truyền tụng nhiều, sẽ đến ghé thăm anh bạn Badcock ở trường thánh John, và rất vui lòng nói vài lời với những ai mong muốn được nghe, tại phòng của Badcock vào một buổi tối cụ thể trong tháng năm.

Badcock là một trong những kẻ đáng ghét nhất của phái Simeon. Không chỉ bởi nó xấu xí, nhóp nhúa, ăn vận tồi tàn, tự phụ và có thể nói là hoàn toàn khó ưa, mà còn bởi cái dáng đi méo mó và lập lừng của nó, đến mức được gán cho cái biệt danh mà tôi chỉ có thể diễn giải ra là ‘lưng lắc lư cả bên này lẫn bên kia,’ bởi trong mỗi bước đi, phần lưng dưới của nó cứ đung đưa quá mức như thể muốn bay theo những hướng khác nhau hết như hai nốt đĩnh của quãng sáu tăng vậy. Bởi thế chúng ta có thể đoán được là những lá thư mời này khiến những kẻ nhận nó phải chờ người ra một lúc, ngạc nhiên vì sao có ai lại mời chúng một việc như thế kia chứ. Lời mời quả thật là một ngạc nhiên láo lếu, nhưng cũng như những kẻ méo mó khác, Badcock là một đứa ngạo mạn và khó lường, nó là một đứa xác xược mà sự hiện diện của nó chỉ là dịp để gây sự với kẻ nó không ưa mà thôi.

Ernest và đồng bạn của nó phải bàn với nhau về vấn đề này. Bởi nhận thức rằng mình đang chuẩn bị trở thành giáo sỹ, chúng thấy không nên cứ khăng khăng về vấn đề địa vị xã hội như trước, và cũng có thể là do mong muốn được gặp riêng với một thầy giảng trứ danh, nên chúng quyết định chấp nhận lời mời này. Khi thời điểm buổi gặp mặt đến, với chút rối trí và cảm giác đang tự khiến mình mất thể diện, chúng đến phòng của Badcock, kẻ mà đến nay chúng vẫn xem là thấp kém hơn chúng nhiều, và là một kẻ cách đây vài tuần chúng chẳng thể tin nổi mình có thể nói được chuyện gì đó với nó.

Về ngoài của Đức ông Hawke khác xa so với Badcock. Ông là một người đặc biệt điển trai, ngoại trừ môi quá mỏng, và cái nhìn thì kiên quyết cứng rắn quá mức. Nét mặt của ông có gì đó giống với Leonardo da Vinci, ngoài ra ông còn ăn mặc tươm tất gọn gàng, và da dẻ hồng hào trông thật tráng kiện. Ông cư xử hết mực nhã nhặn, và chú ý nhiều đến Badcock, người dường như được ông đánh giá cao. Những cậu bé của chúng ta bị sốc với việc này và bắt đầu nghĩ mình thấp kém hơn, còn Badcock thì nổi trội hơn, và thấy khó chịu với sự yếu đuối căn cốt của chính mình. Một vài người nhóm Simeon khá có tiếng từ trường thánh John và những trường khác cũng đến nhưng không đủ để lấn át hết nhóm Ernest, tôi sẽ gọi chúng như vậy cho ngắn gọn.

Sau vài câu chuyện trò mào đầu nhẹ nhàng, việc chính của đêm này bắt đầu khi ông Hawke đứng trên một chiếc bàn và nói ‘Chúng ta hãy cầu nguyện.’ Nhóm Ernest không thích kiểu này, nhưng chẳng thể làm gì khác, chúng đành phải quỳ gối và lặp lại kinh lạy Cha cùng vài kinh khác theo giọng đọc kinh tuyệt vời của ông Hawke. Rồi khi tất cả đã yên vị, ông Hawke bắt đầu diễn thuyết cho chúng nghe, ông nói mà không cần cầm giấy và điểm mấu chốt cho bài giảng của ông là câu này, ‘Saolo, Saolo, sao người ngược đãi ta?’ Không biết do cách thể hiện quá ấn tượng của ông Hawke, hay do danh tiếng quá lớn của ông, hay do sự thực mà mọi người trong nhóm Ernest đều biết rằng chính nó là kẻ đã ngược đãi những người nhóm Simeon, và như thế xét cho cùng thì nhóm Simeon lại giống với những tín hữu Kitô tiên khởi hơn là Ernest, và bài đọc này, dù rất quen thuộc với chúng, nhưng lần này lại được Ernest và đồng bạn nhận thức theo một cách hoàn toàn khác biệt. Nếu dừng lại ngang đây, thì cũng có thể nói là bài giảng của ông đã đủ ấn tượng rồi, bởi khi lướt qua những khuôn mặt đang chăm chú nhìn lên mình với một ấn tượng rõ ràng đối với bài giảng này, có lẽ ông nghĩ rằng thậm chí mình chẳng cần phải lên tiếng nữa cũng được, nhưng ông đã chần chừ lại và tiếp tục bài giảng như sau. Tôi sẽ trình bày đây đủ bài giảng này, bởi nó là một bài chuẩn mực, và sẽ diễn tả được một tâm thức mà có lẽ là đến một hai thế hệ sau vẫn còn cần được giảng giải về nó.

‘Các bạn trẻ của tôi ơi,’ ông Hawke lên tiếng, ‘tôi tin rằng chẳng ai trong số các bạn hoài nghi về sự hiện hữu của một Thiên Chúa mang thân phận con người. Nếu có ai như vậy, thì chắc chắn đó là người mà tôi phải nhắm đến trước tiên. Nếu như tôi đã nhầm khi tin rằng tất cả những người ở đây đều thừa nhận có một Thiên Chúa hiện diện giữa chúng ta dù chúng ta không thấy Ngài, và là Đấng nhìn thấu tâm can bí mật nhất của chúng ta, thì tôi khẩn thiết xin người đó hãy đến nói chuyện với tôi trước khi chúng ta nói lời giã từ ở đây. Tôi sẽ trao cho người đó những điều mà Thiên Chúa nhân từ đã rộng lượng mạc khải cho tôi, những điều thâm sâu nhất mà một con người có thể nhận biết được, và là những điều mà nhờ đó tôi có thể cho những người đang sống trong ngõ vực được đón nhận sự bình an thanh thản trong tâm hồn.’

Tôi cho rằng chẳng ai ở đây lại hoài nghi sự thật rằng Thiên Chúa này, Đấng đã tạo thành chúng ta theo hình mẫu của Ngài, trong suốt dòng thời gian đã thương xót cho sự mù tối của nhân loại chúng ta, và đã mặc lấy bản tính loài người, mang thân xác phàm, đã hạ thế và cư ngụ giữa chúng ta với một thân xác hoàn toàn chẳng có gì khác biệt với chúng ta. Thiên Chúa, Đấng đã tạo thành mặt trời, mặt trăng và các tinh tú, thế giới cùng muôn loài muôn vật trong đó, Ngài đã xuống khỏi Trời trong thân xác Con Người, với một mục đích rõ ràng là để sống một đời sống bị khinh miệt, và chết một cái chết khủng khiếp nhất và hổ thẹn nhất mà quý dữ từng nghĩ ra.

Lúc tại thế, Ngài đã làm nhiều phép lạ. Ngài đã cho người mù sáng mắt, cho kẻ chết sống lại, đã cho hàng ngàn người ăn chỉ với vài chiếc bánh và vài con cá, cũng như đã bước đi trên sóng nước, nhưng đến thời đến điểm, Ngài đã chết, và theo như đã định, chết trên cây thập giá, rồi được vài đồng bạn trung thành đem đi chôn cất. Nhưng những kẻ đã chung tay giết Ngài vẫn nhìn vào ngôi mộ đó với đầy sự ghen tức trong lòng.'

Tôi thấy chắc rằng không một ai trong phòng này lại hoài nghi về những sự tôi vừa nói trên, nhưng nếu có, thì một lần nữa, tôi khẩn khoản nài xin người đó hãy đến nói chuyện riêng với tôi và tôi chắc rằng nhờ ơn Chúa, người đó sẽ được giải thoát khỏi mọi ngờ vực.

Tôi xin tiếp tục. Sau khi Chúa chúng ta được chôn cất vào mộ đá, quân thù ghen tức liền cho lính đến canh mồ, nhưng một thiên thần với trang phục chói lòa và dung nhan bừng lửa đã từ Trời hạ xuống, lăn tảng đá ra khỏi mồ, và Chúa chúng ta bước ra, phục sinh từ cõi chết. Hỡi các bạn trẻ của tôi, đây không phải là một câu chuyện tưởng tượng như kiểu kể về các thần linh cổ đại, mà là một sự thật lịch sử rõ ràng như việc bạn và tôi đang cùng ngồi ở đây vậy. Nếu có điều gì xứng đáng nhất để bảo đảm toàn bộ những điều này, đó chính là sự Phục Sinh của Chúa Jesus Kitô; và một điều nữa cũng không kém phần chắc chắn đó là vài tuần sau khi sống lại, hàng trăm người cả đàn ông và phụ nữ đã chứng kiến Chúa chúng ta bay giữa đoàn Thiên sứ mà thăng thiên về trời cho đến khi mây trời che phủ và họ không còn được nhìn thấy Ngài nữa.

Có những kẻ nói rằng những điều này là sai lầm, nhưng tôi hỏi các bạn, có ai dám đứng lên chất vấn những điều này hay không, và giờ chúng ở đâu nào. Chúng ta có nghe gì về chúng hay nhìn thấy chúng? Chúng có giữ nổi dù chỉ một chút những gì mà chúng đã nói trong suốt thế kỷ qua hay không? Có ai trong số cha mẹ, bạn bè của các bạn lại không thấy rõ mưu toan của chúng? Có một thầy giáo hay giảng viên nào trong một trường đại học danh tiếng lại không thăm xét những lời của chúng, và thấy rằng đó chỉ là những lời vô giá trị hay không? Các bạn đã từng gặp ai trong số chúng hay từng thấy một quyển sách nào của chúng được những người có thẩm quyền tôn trọng hay không? Tôi nghĩ là không, và tôi nghĩ các bạn cũng như tôi, biết được tại sao chúng phải lặn mất tăm ngay khi vừa chớm nổi lên: đó là vì sau khi những trí tuệ có khả năng phán đoán công tư nhất trong nhiều quốc gia đã xem xét đầy cẩn thận và kiên nhẫn, họ đi đến kết luận rằng những phát ngôn của chúng không thể đứng vững, và rồi chúng phải rút lại những lời ấy. Chúng tháo chạy thảm hại, bại chí, và khẩn xin được yên ổn, cũng như chúng chẳng tái xuất hiện lần nào ở những nước văn minh nữa.

Các bạn đều biết tất cả những sự này. Vậy tại sao tôi lại phải nhấn mạnh chúng với các bạn? Hỡi các bạn trẻ yêu quý của tôi, nhận thức của các bạn sẽ tự cho các bạn câu trả lời, và đó là bởi dù các bạn biết rõ rằng những điều này đã thực sự xảy ra, nhưng các bạn cũng biết rằng các bạn lại chẳng xem chúng là trách nhiệm của chính mình, cũng như không nhìn ra được cái ngụ ý hết sức thiết yếu trong đó.

Và bây giờ tôi sẽ nói xa hơn về việc này. Tất cả các bạn đều biết rằng một ngày nào đó các bạn sẽ chết, hoặc giả như không chết, bởi không thiếu những dấu hiệu cho chúng ta hy vọng rằng Thiên Chúa sẽ tái quang lâm lúc một vài người trong chúng ta vẫn còn sống, thì chúng ta sẽ được biến đổi, bởi tiếng kèn sẽ vang lên, và kẻ chết sẽ được sống lại nguyên vẹn, bởi sự mục nát sẽ mặc lấy sự nguyên vẹn, và sự hư mất sẽ mang lấy sự bất diệt, và người ta sẽ thấy những gì đã được ghi trong sách, ‘Trong chiến thắng vinh quang này, sự chết sẽ phải biến mất.’

Các bạn có tin hay không tin rằng một ngày nào đó các bạn sẽ phải đứng trước Ngai tòa Phán xét của Chúa Kitô hay không? Các bạn có tin hay

không tin rằng bạn sẽ phải giải trình cho mọi lời lẽ vớ vẩn các bạn từng nói hay không? Các bạn có tin hay không tin rằng các bạn đã được kêu gọi không phải để sống theo ý muốn nhục thể con người, mà là sống theo ý muốn của Chúa Kitô, Đấng đã hạ trần vì yêu thương các bạn, đã chịu đau khổ và chết vì các bạn, đã kêu gọi các bạn và mong mỗi các bạn sẽ lưu tâm đến những lời Ngài đã nói, nhưng nếu các bạn không biết lưu tâm, thì Ngài, Đấng bất biến, sẽ lên tiếng phán xét bạn, hay không?

Các bạn trẻ thân mến, lối đi và cửa hẹp sẽ dẫn chúng ta đến Sự sống bất diệt, và ít người tìm được nó. Ít thôi, rất ít, quá ít người như thế, bởi ai không biết từ bỏ TẤT CẢ vì Chúa Kitô, thì cũng là chẳng từ bỏ chút gì.

Nếu bạn sống trong đời này với đầy người thương mến, tất nhiên bạn sẽ chẳng chuẩn bị để từ bỏ tất cả mọi thứ mà bạn vốn yêu quý hết mực, nếu Chúa có đòi bạn phải từ bỏ, thì tôi cho rằng, bạn sẽ chủ tâm gạt ý tưởng này qua một bên. Khi bạn cố giữ cho được những tình thân đời này bằng hết khả năng mình còn có, thì chính lúc đó bạn đang phi nhổ, đánh đập, và treo Chúa Kitô lên thập giá thêm một lần nữa, những lạc thú của cuộc đời chóng qua này có thể không đáng để bạn phải trả giá bằng hình phạt đời đời, nhưng một khi còn tồn tại, chúng vẫn sẽ gán cho bạn một cái giá nào đó. Nếu bạn sống trong tình thân với Thiên Chúa và thuộc số những người vẫn còn hy vọng được cứu rỗi, nói ngắn gọn là nếu bạn trân trọng hạnh phúc đời đời, thì hãy từ bỏ những tình thân đời này, chắc chắn bạn phải chọn lựa giữa Thiên Chúa và Tiền tài, bởi chẳng ai có thể làm tôi hai chủ.

Điều tôi nói với các bạn đây, nếu có gì quá đáng thì mong các bạn bỏ qua, nhưng nó thực sự và rõ ràng là một việc buộc phải làm. Vấn đề này hoàn toàn không tầm thường và bất xứng như suy nghĩ mới đây của vài người, bởi toàn bộ bản tính chỉ cho chúng ta thấy rằng chẳng có gì khiến Thiên Chúa hài lòng hơn lúc chúng ta biết nhìn nhận sự vị kỷ của mình theo ánh sáng đức tin, đừng bao giờ để ai lừa dối bạn về điểm này, đơn giản đó là một vấn đề thực tế rằng liệu những việc này có xảy đến hay là không? Nếu chúng xảy đến, liệu có hợp lý khi cho rằng bạn sẽ khiến cho mình và những người khác được hạnh phúc hơn nếu biết hành xử đạo đức theo kiểu này hay kiểu khác?

Và bây giờ cho phép tôi hỏi các bạn rằng từ trước đến nay các bạn trả lời như thế nào về vấn đề này? Các bạn lựa chọn tình thân nào? Nếu khi đã biết những điều tôi vừa nói ra đây, mà các bạn vẫn bình chân không muốn bắt đầu hành động theo nhận thức to lớn bạn đang có, thì bạn hết như một kẻ xây nhà và đặt kho tàng của mình trên miệng núi lửa dung nham sôi sùng sục vậy. Điều tôi nói đây không phải là một kiểu hình tượng phóng đại để hù dọa các bạn đâu, mà là một lời hoàn toàn xác thực, không có chút gì cường điệu, và cả bạn cũng như tôi sẽ phải đồng ý ngay về sự thực này.’

Và đức ông Hawke, người cho đến thời điểm này vẫn dùng một giọng nhẹ nhàng êm ả, lại đột nhiên đổi giọng mạnh mẽ hơn nhiều.

‘Hỡi ôi, các bạn trẻ của tôi, hãy chuyển biến, hãy thay đổi, khi các bạn được Thiên Chúa kêu gọi ngay hôm nay, ngay giờ này, và ngay giây phút này, đừng ngồi yên mà hãy xắn tay áo lên sẵn sàng, đừng nhìn lại phía sau mà hãy lao mình vào lòng Chúa Kitô Đấng luôn hiện diện đến cho những kẻ tìm kiếm Ngài, còn đối với những kẻ không nhận biết được những gì là an bình đối với nó thì cơn thịnh nộ khủng khiếp của Thiên Chúa sẽ sẵn sàng giáng xuống đầu kẻ đó. Bởi Con Người đến như một kẻ trộm trong đêm, và chẳng ai trong chúng ta có thể biết là ngày hôm nay, Ngài muốn gì nơi kẻ không nhận biết Ngài. Nếu ở đây, có một ai lưu tâm đến lời của tôi,’ và ông đảo mắt nhìn quanh tất cả những thính giả của mình, đặc biệt là nhóm Ernest, ‘thì tôi biết đó hẳn phải do những điều mà tôi đã cảm nhận được về tiếng gọi của Thiên Chúa, và tôi đã nghe được một tiếng gọi trong đêm thúc đẩy tôi nhanh chóng đến đây, bởi ở đây, có người cần đến sự hiện diện của tôi.’

Đến đây, ông Hawke kết thúc bài giảng một cách đột ngột. Dáng điệu tha thiết, vẻ mặt ẩn tượng và cách nói hoàn hảo của ông đã khiến bài giảng đầy sức tác động hơn nhiều, hiệu lực nằm trong con người ông hơn là ở những lời ông nói, còn vài lời cuối cùng đây bí ẩn về tiếng gọi ông nghe được trong đêm đã gây nên một tác động kỳ lạ, mọi người trong phòng đều cúi mặt xuống đất, và ai ai cũng nửa tin nửa ngờ rằng mình chính là người đã khiến Chúa gọi đức ông Hawke đến Cambridge này. Thậm chí nếu không phải như vậy, thì từng người một đều có cảm tưởng rằng lúc này lần đầu tiên chúng được gặp tận mặt một người đã từng được trò chuyện trực tiếp với Đấng

Toàn Năng, và do đó đột nhiên chúng thấy mình gần lại với những phép lạ thời Tân Ước gấp trăm lần. Nhóm Ernest đầy kinh ngạc, nếu không nói là sợ hãi, và như ngằm hiểu với nhau, chúng tụ lại cảm ơn ông Hawke về bài giảng, chào tạm biệt Badcock và những người nhóm Simeon với vẻ khấp nấp và tôn trọng, rồi cùng rời khỏi gian phòng. Những gì chúng đã được nghe chính là cả cuộc đời của chúng, và rồi những lời đó khiến chúng bàng hoàng đến câm lặng. Tôi cho rằng việc này phần nào do bởi gần đây chúng đã suy nghĩ cách nghiêm túc hơn, và tình trạng của chúng hiện giờ dễ bị tác động mạnh, một phần nữa là do bài giảng chỉ diễn ra trong gian phòng khiến chúng thấy dường như nó nhắm trực tiếp đến từng người trong chúng, và hơn thế bài giảng này có sự hợp lý hài hòa, không khoa trương sáo ngữ, và mang đậm một niềm tin vững mạnh xuất phát từ đức ông Hawke. Sự đơn giản và lòng sốt sắng rõ ràng của ông Hawke đã gây ấn tượng cho chúng thậm chí trước khi ông nói bóng gió về cái nhiệm vụ ông mang theo đến Cambridge này, nhưng chính đó là điểm chốt cho mọi vấn đề, và những lời ‘lạy Chúa, có phải con không?’ cứ vang lên trong lòng mỗi người lúc chúng trầm ngâm bước về phòng dưới những hành lang và sân vườn ngập ánh trăng.

Tôi không biết sau khi nhóm Ernest rời đi, nhóm Simeon có làm gì nữa hay không, nhưng nếu họ không thấy quá đổi hào hứng vì kết quả của buổi tối này thì chắc hẳn họ phải là thánh mất rồi. Tại sao ư? Một trong số bạn bè của Ernest nằm trong nhóm ưu tú của trường, cũng có mặt tại phòng của Badcock hôm đó và cũng đã lạng lẽ chào ra về một cách ngoan ngoãn hiền lành hết như nhóm của Ernest vậy. Đối với nhóm Simeon, có được một thắng lợi như thế không phải là một điều đơn giản.



Ernest cảm thấy thời khắc biến đổi của nó đã đến. Nó sẽ từ bỏ tất cả vì Chúa Kitô, kể cả thói hút thuốc của nó.

Nghĩ thế nên nó gom tẩu và túi thuốc lại rồi cất chúng trong vali đặt dưới giường để khuất khỏi tầm mắt nó và cũng để dọn dẹp chúng ra khỏi tâm trí hết mức có thể. Nó không đem đốt chúng, bởi có thể sẽ có vị khách nào đó vào phòng và muốn được một hơi thuốc, và dù nó đã giới hạn lại cái tự do tự ý của mình, nhưng hút thuốc không phải là tội nên chẳng có lý gì khiến nó phải khó khăn với người khác về chuyện này.

Sau bữa ăn sáng, nó rời phòng và tìm gặp cậu Dawson, một trong số những người đã cùng nghe bài giảng của đức ông Hawke tối hôm trước, và cũng sẽ chịu chức thánh vào Tuần Tĩnh tâm tới, vốn chỉ còn bốn tháng nữa là đến rồi. Đây là một người luôn suy nghĩ nghiêm túc, có chút gì đó hơi quá so với phong cách của Ernest, nhưng thời thế đã đổi thay, và như thế Dawson chắc chắn là một người trung tín có thể cho nó những lời khuyên phù hợp vào lúc này. Khi đi ngang qua khoảng sân đầu tiên của trường thánh John, nó gặp Badcock, và chào cậu ta khác với kiểu thường ngày. Sự thay đổi của Ernest khiến vẻ mặt của Badcock giãn ra và rạng lên thích thú, có lẽ cậu ta thấy mình như thể là Robespierre^[27] vậy. Ernest cảm nhận được một cách vô thức sự háo hức và hám danh của Badcock, nhưng không thể xác định được chính xác nó là gì, nó càng không thích Badcock hơn bao giờ hết, nhưng bởi nó đang mưu cầu những lợi ích thiêng liêng mà nó đã xác định trước, nên buộc nó phải lịch sự với Badcock, và rồi nó đã làm được như thế.

Badcock nói cho nó biết rằng ông Hawke đã rời đi ngay sau khi bài giảng kết thúc, nhưng trước đó ông có hỏi thăm về một vài người bạn của Ernest

và đặc biệt là về nó. Tôi tin là mỗi người bạn của Ernest đều hiểu rằng thế nào nó cũng sẽ là người được hỏi thăm đặc biệt. Lòng tự cao của Ernest, vì dù gì nó cũng có nét giống mẹ, xao động vì chuyện này, và rồi lại xuất hiện trong nó ý nghĩ rằng có thể nó chính là người mà ông Hawke được sai đến để biến đổi. Có điều gì đó trong cách nói chuyện của Badcock cũng cho thấy rằng cậu ta có thể nói cho nó biết nhiều hơn nếu muốn, nhưng lại thích giữ kín chuyện này.

Lúc vào phòng Dawson, Ernest thấy bạn nó đang say sưa với bài giảng tối hôm trước. Tác động của bài giảng này khiến cậu ta cũng thích thú và hưng phấn không kém gì Ernest. Cậu ta bảo rằng cậu luôn biết thế nào Ernest sẽ thay đổi chính kiến một ngày nào đó, chắc chắn là sẽ vậy, nhưng lại gần như không ngờ được sự biến chuyển lại xảy đến đột ngột như thế. Ernest bảo rằng mình đã thay đổi hoàn toàn, và bây giờ nó thấy được rõ ràng bốn phận của nó là sẽ nhận chức thánh sớm nhất có thể, rồi làm một phụ tá, cho dù chuyện đó có bắt nó phải rời Cambridge sớm hơn và gây nên trong nó một nỗi buồn cực kỳ to lớn. Quyết tâm của nó được Dawson hoan nghênh, rồi cả hai quyết định rằng do Ernest dù gì cũng là người yếu lòng đạo hơn, nên Dawson sẽ dìu dắt cho nó về đường đạo đức trong một thời gian, đồng thời khiến cho đức tin của nó được tăng tiến và vững mạnh hơn.

Từ đó trở đi, một liên minh chống giữ được dựng nên giữa hai người (thực sự là rất khó kết hợp với nhau), và Ernest bắt đầu học tập để nắm vững cho bằng hết những bài vở mà Giám mục sẽ khảo nó. Những người khác dần dần cũng nhập hội với chúng cho đến lúc chúng tạo thành một nhóm nhỏ hay cũng có thể gọi là một Giáo hội thu nhỏ, và tác động từ bài giảng của ông Hawke, thay vì phai mờ đi trong vài ngày như mọi người nghĩ, lại ngày càng in sâu hơn vào tâm trí Ernest, đến nỗi bạn bè nó bây giờ phải kìm hãm nó lại chứ không phải là thúc giục nó nữa, bởi dường như nó đang dần biến thành một người say mê tôn giáo đến mức quá khích, và thực sự nó sẽ cứ như vậy trong một thời gian.

Nhưng có một và chỉ một vấn đề mà nó dễ dàng phạm vào. Như tôi đã nói ở trên, nó đã khóa kín ống tẩu và thuốc lá vào trong chiếc vali, để không bị cám dỗ mà dùng đến chúng. Nhiều ngày sau đó nó vẫn kiên cường gạt được

chúng sang một bên, và điều này cũng chẳng khó khăn gì mấy, bởi nó vẫn thường nhịn thuốc cho đến sau bữa ăn tối chung. Còn bây giờ nó nhịn thuốc đến tận giờ đọc kinh, và đến nhà nguyện với sự đấu tranh quyết liệt trong đầu. Sau giờ kinh nó quyết định phải nhìn nhận vấn đề này một cách bình thường. Và nó thấy rằng rõ ràng thuốc lá chẳng hại gì sức khỏe của nó, thực sự thì lúc này nó chẳng nhìn ra được tác hại của thuốc, rồi nó xem thuốc cũng giống như trà và cà phê mà thôi.

Trong Kinh Thánh chẳng có điểm nào cấm thuốc lá, nhưng vào thời đó người ta chưa biết đến nó, và gần như đó chính là nguyên do duy nhất khiến thuốc lá không bị phê phán trong Kinh Thánh. Chúng ta có thể hình tượng thánh Phaolo và thậm chí là Chúa chúng ta đang uống một tách trà, nhưng không ai dám hình tượng Ngài với một điếu thuốc hay chiếc tẩu. Ernest không thể chối bỏ được điều này, và phải đồng ý rằng nếu thánh Phaolo biết đến việc hút thuốc thì gần như ngài sẽ lên án nó vì lợi ích chung. Vậy thì chẳng phải là thánh tông đồ thực sự cấm việc hút thuốc này hay sao? Nhưng mặt khác, có thể Chúa đã biết là thế nào thánh Phaolo cũng sẽ cấm thuốc, nên đã sắp xếp có dụng ý sao cho người ta chỉ tìm ra thuốc lá khi thánh Phaolo không còn trên đời nữa. Với những gì thánh Phaolo đã làm cho Giáo hội, thì đây thật là một điều khó chấp nhận với ngài, nhưng dù gì đi nữa, cũng phải có điều gì đó khiến ngài thấy phiền lòng chứ.

Suy nghĩ như thế khiến Ernest thấy rằng cứ hút thuốc thì tốt hơn, nên nó lẳng lẳng mò vali lôi ra lại tẩu và thuốc. Nó đã tiết độ trong tất cả mọi chuyện, thậm chí cả trong suy nghĩ, nên tối hôm đó nó tự cho phép mình hút thuốc thoải mái vô tội vạ. Nhưng thật đáng tiếc vì nó đã lỡ khoác lác với Dawson về việc bỏ thuốc. Vậy thì tốt hơn nên cất tẩu vào tủ trong một hai tuần, cho đến khi nó tìm được cách khác dễ dàng hơn để chứng tỏ sự quyết tâm của mình. Từ đó, nó cứ thường xuyên lôi tẩu ra từng chút một, và rồi hút thuốc bình thường trở lại.

Lúc này, Ernest viết thư về nhà với một giọng văn khác hẳn. Thư của nó lâu nay thường viết kiểu chung chung và nhồi nhét đủ thứ không cần thiết, bởi như tôi đã nói đó, nếu nó viết về bất kỳ điều gì nó thực sự thích thú, thì mẹ nó sẽ luôn muốn biết nhiều hơn và nhiều hơn nữa về chuyện đó, mỗi câu

trả lời của nó lại khiến mẹ nó tuôn ra cả nửa tá câu hỏi khác, hệt như con Hydra^[28] vậy, rồi đến cuối cùng mẹ nó luôn bảo rằng nó lên làm điều này điều kia hoặc đừng đi hay đừng làm những gì mà nó vốn dự định. Tuy nhiên, bây giờ nó đang có một khởi đầu hoàn toàn mới, và cả ngàn lần nó nhất định phải khiến cha mẹ tán đồng và thích thú với lộ trình nó đang nhắm đến cho bằng được, để rồi nhờ đó, cả nhà sẽ thông hiểu nhau hơn bao giờ hết. Do vậy, nó viết một lá thư tràn trề cảm xúc, khiến tôi thấy rất lý thú khi được đọc nó, nhưng lại quá dài để trích dẫn ra đây. Trong thư có đoạn như thế này: ‘Giờ đây, con đang hướng lên Chúa Kitô, trong lúc đó, con e rằng, bạn bè của con lại đang rời xa Ngài, chúng ta phải cầu nguyện cho họ để họ tìm được sự an bình trong Chúa như con đã tự tìm được cho mình vậy.’ Ernest che mặt xấu hổ khi đọc lại dòng này trong cả bó thư mà nó trao cho tôi, vốn đã được mẹ nó giữ gìn cẩn thận, và được hoàn lại cho nó khi cha mẹ nó đã qua đời.

‘Bố có nên bỏ đoạn này không?’ tôi hỏi nó, ‘Bố sẽ bỏ nếu con muốn.’

‘Chắc chắn là không,’ nó trả lời, ‘và nếu như những người bạn tử tế của con có giữ lại nhiều hơn nữa những lời ngốc nghếch của con thì cứ chọn ra những lời nào tâm đắc nhất để làm vừa lòng người đọc, và để cho họ cười vào những điều đó.’ Nhưng ở Battersby, lá thư như thế lại gây nên một tác động quá tuyệt vời. Christina phải cố để kìm hãm sự sung sướng khi thấy con trai mình đã khám phá được sức mạnh trong những lời của Chúa, còn Theobald bàng hoàng với những gì anh vừa đọc. Chính con trai của anh đó, giờ đây đầy lòng xác tín và đã vượt thắng hết mọi khó khăn, nó sẽ nhận chức thánh mà chẳng phiến anh phải lớn tiếng quát nạt gì, nhưng anh cũng thấy có gì đó không ổn trong sự hồi tâm quá bất ngờ này, bởi lâu nay Ernest chưa bao giờ thể hiện chút hơi hướng tôn giáo nào. Anh ghét những người không biết giới hạn mình. Ernest luôn là đứa thái quá và kì lạ, chẳng ai biết được nó sẽ làm gì tiếp theo ngoại trừ chắc chắn rằng đó sẽ là một việc bất thường và ngu ngốc. Nếu nó thực sự dẫn bước sâu sắc sau khi nhận chức thánh và rồi được đảm nhận một giáo xứ, thì hẳn nó sẽ gây ra nhiều trò hơn cả anh nữa. Chắc chắn rằng hai việc đó sẽ giữ nó được ổn định lâu dài, và nếu cưới được vợ, thì thì vợ nó sẽ tiếp tục chăm lo cho phần còn lại, đó là số phận

duy nhất dành cho nó, và xét một cách công tâm, Theobald trong lòng chẳng đánh giá quá cao một tương lai như thế.

Vào tháng sáu, lúc Ernest về lại Battersby, nó đã bất cẩn khi cố mở ra một cuộc tranh cãi bất thường ngoài dự kiến với cha nó. Bước bay chấp chới đầu tiên của Ernest sau khi được bài giảng của ông Hawke thôi thúc chính là hướng chiều theo phái Phúc âm quá khích. Trong bản chất, Theobald thiên nhiều về anh giáo hạ phái hơn là Thượng phái^[29]. Đó là tiến trình bình thường của lớp giáo sỹ thôn quê trong những năm đầu mục vụ của anh, nghĩa là khoảng giữa 1825 và 1850, nhưng anh chưa sẵn sàng để khinh thường quá độ như Ernest đối với sự tái sinh nhờ phép rửa và quyền tha tội của mục sư (Thôi đi, thôi đi, thực sự thì nó muốn gì khi nghĩ như vậy chứ?), cũng như chưa sẵn sàng để tìm kiếm phương cách hòa giải Giáo hội anh giáo với phái Giám lý. Theobald căm ghét Giáo hội Roma, nhưng cũng ghét cả những kẻ ly giáo, bởi anh thấy họ nói chung đều là những kẻ rắc rối khó dây vào, anh luôn xem những người bất đồng ý kiến với mình là những kẻ rắc rối một phần bởi họ cũng có đủ kiến thức trình độ như anh vậy, dù vậy nếu anh đơn độc một thân một mình thì thế nào anh cũng sẽ ngã về phía hạ phái hơn là Thượng phái. Nhưng những đồng sự của anh đã không để anh thoát. Mọi người trong số họ đều chịu ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp từ phong trào Oxford vốn khởi phát từ hai mươi năm trước và ủng hộ Thượng phái. Theobald thật ngạc nhiên khi nhận ra rằng chính những việc hành đạo mà anh đang dùng đây, cách đó hai mươi năm lại bị anh ghét bỏ bởi xem chúng là những thứ chủ trương theo Giáo hoàng, bởi thế anh hiểu rất rõ những vấn đề trong Giáo hội chuyển biến ra sao, và nhìn ra được rằng Ernest đang đi ngược lại với vận hành đó.

Đây là cơ hội quá tốt để anh nói cho đứa con trai này biết rằng nó ngu ngốc đến dường nào, và anh thực hiện ngay lập tức. Ernest rất khó chịu và kinh ngạc, bởi chẳng phải cha mẹ nó vẫn luôn muốn nó dẫn thân sống đạo hơn hay sao? Vậy mà giờ đây, khi nó đã làm được vậy rồi, họ vẫn không hài lòng. Nó tự nhủ với mình rằng ngôn sứ có bị rẻ rúng thì cũng chỉ ở quê nhà mình mà thôi^[30], nhưng nó đã có một thói quen xấu là hay đảo ngược các câu cách ngôn, và rồi biến câu trên thành, đôi khi một đất nước có bị rẻ rúng thì

cũng chỉ là do những ngôn sứ của mảnh đất đó mà thôi. Rồi nó cười phá lên, và suốt ngày hôm đó những cảm giác vốn có trong nó trước khi được nghe bài giảng của ông Hawke giờ lại tăng thêm nhiều nữa.

Nó trở lại Cambridge và ở đó suốt kỳ nghỉ hè năm 1858, bởi nó sắp phải trải qua Kỳ Sát hạch Thần học Tự nguyện mà các giám mục nhất quyết đòi phải có. Lần nào đọc sách, nó cũng đều nghĩ rằng mình đang trang bị những kiến thức phù hợp nhất cho công việc sắp đảm nhận. Nhưng thành thật mà nói, nó chỉ là đưa học gạo. Rồi nó cũng đỗ loại tốt, và mùa hè năm 1858, được phong chức phó tế cùng với sáu người bạn. Lúc đó nó mới chỉ hai mươi ba tuổi.



Ernest được nhận chức phụ tá ở một nhà thờ trung tâm London. Nó gần như chẳng biết gì về London, nhưng chính bản năng đã kéo nó đến đó. Một ngày sau khi nhận lệnh bài, nó liền bắt tay ngay vào việc, rồi xảy đến trong nó một cảm nhận giống hệt như cảm giác của Theobald lúc ngồi riêng trong xe ngựa với Christina lần đầu tiên sau khi cưới. Chưa hết ngày thứ ba, Ernest đã nhận thấy ánh nắng hạnh phúc của những ngày tháng tại Cambridge biến đâu mất, nhường chỗ cho nỗi kinh hoàng khi phải đối mặt với bản chất bất di bất dịch của một bước đi trong đời mà đến nay nó mới nhận ra rằng mình đã thực hiện quá vội vã.

Lời biện minh nhẹ nhàng nhất tôi có thể dành cho sự thay đổi bốc đồng này của nó đó là, việc nó bất ngờ sùng đạo, được phong chức rồi phải rời Cambridge, tất cả đã gây nên một thay đổi chấn động quá mức chịu đựng của nó, và đẩy nó vào sự mất cân bằng mà kinh nghiệm non nớt của nó không thể ngờ tới, rồi như một tất yếu, nó phải thấy nản lòng chùn bước là đúng thôi.

Tất cả mọi người đều đặt lên vai nó quá nhiều việc khiến nó kiệt sức và phải cố thoát ra trước khi cải thiện được năng lực của mình, và thực sự nếu khoảng thời gian người ta làm tốt hoàn hảo mọi việc càng kéo dài, thì càng chắc chắn rằng sau đó, anh ta sẽ phải trải qua một thời kỳ, có thể là rất lâu, gần như chìm sâu trong vô vọng. Tất cả chúng ta đều phải từng trác táng, vung vãi những hạt giống tinh thần của mình. Nhưng theo cảm nhận của riêng tôi, vấn đề của Ernest không phải là những thói trác táng ẩn trong nó, mà là mảnh đất của nó đã quá thuần và chẳng có gì thú vị đáng để được chú ý. Óc hài hước và xu hướng biết nghĩ cho mình của nó, vốn được thể hiện

khá hứa hẹn cách đây vài tháng, đã tàn lụi như thể cây sậy trong mùa sương giá, còn thói quen tin tưởng tất cả những gì bậc thẩm quyền dạy bảo, và tuân theo cho dù kết cục có cay đắng và phi lý đến đâu, bây giờ lại trở lại trong nó và còn mạnh hơn gấp bội. Tôi cho rằng với vị thế hiện tại của Ernest thì ai ai cũng sẽ phải ra như vậy, và khi nhìn lại tiền sử của nó thì tôi thấy tình trạng nó đang vướng phải càng hợp lý hơn nữa, nhưng vài người bạn vốn điềm tĩnh hơn nó ở Cambridge, những người đã bắt đầu nghĩ tốt về năng lực của nó lại thấy thật ngạc nhiên và thất vọng về nó biết bao. Đối với Ernest, tôn giáo không thể chấp nhận nửa vời hay thỏa hiệp. Hoàn cảnh đã dẫn nó đến bàn thánh, và có lúc nó hối hận vì việc đó, nhưng nó phải hành động và sống cho trọn vị thế hiện tại của mình. Bởi vậy, nó tự ép mình tìm cho ra những gì người ta đang mong đợi ở nó, và cứ theo đó mà hành động.

Mục sư quản nhiệm của nó là người theo Thượng phái một cách ôn hòa và quan điểm không quá rõ ràng, một người cao niên đã từng thay quá nhiều phụ tá từ lúc ông nhận ra được rằng mối quan hệ giữa mục sư và phụ tá cũng như mọi mối quan hệ giữa người chủ và nhân viên trong mọi khía cạnh đời sống khác, đơn thuần chỉ là chuyện làm ăn mà thôi. Hiện giờ, ông có hai phụ tá, Ernest là người mới, người thâm niên hơn tên là Pryer, và khi anh ta thăng tiến cũng như sớm nhận nhiệm sở mới, thì chỉ còn lại Ernest cô độc bị bỏ rơi nơi đây, nhưng nó vẫn rất sẵn lòng chịu như vậy.

Pryer trạc hai mươi tám tuổi, đã từng học tại Eton và Oxford. Anh ta là người cao lớn, và được phần đông cho là dễ nhìn, còn tôi từng gặp anh ta trong vòng năm phút, và nghĩ rằng cả điệu bộ lẫn hình dong của anh ta đều thật gớm ghiếc. Có lẽ ác cảm của tôi là bởi hoàn cảnh tôi gặp anh ta không được dễ chịu với tôi cho lắm. Tôi đã trích dẫn một câu của Shakespeare hơi thiêu thiếu chút gì đó để thể hiện cho trọn ý, cụ thể là tôi đã nói rằng một sự tiếp xúc tự nhiên khiến cho toàn thế giới nên thân thiết. ‘À,’ cậu ta nói với giọng xác xược lơ láo khiến tôi khó chịu, ‘nhưng một tiếp xúc giả tạo còn khiến cho mọi người thân thiết hơn,’ rồi ném cho tôi một cái nhìn như thể tôi là một ông già lắm chuyện, và chẳng thèm bận tâm xem liệu tôi có thấy sốc hay không. Sau vụ đó, tôi thấy khó ưa cậu ta cũng đúng thôi.

Tuy nhiên, tôi đã lường trước cái cảm giác khó ưa sẽ dành cho cậu ta, bởi không phải chờ đến lúc Ernest ở London được ba hay bốn tháng tôi mới biết đến gã phụ tá này, và tôi càng thấy khó ưa hơn khi biết anh ta đã gây những tác động xấu đến thế nào đối với con đỡ đầu của tôi. Ngoài ngoại hình được người ta cho là dễ nhìn, anh ta còn rất chỉnh chu trong ăn mặc, và tóm lại đó là loại người mà chắc chắn Ernest nên e dè lo ngại, nhưng lại sẽ lừa phỉnh được nó. Phong cách ăn mặc của Pryer cực kỳ chuẩn theo kiểu của Thượng phái, và kiến thức cũng hoàn toàn theo hướng đó, nhưng khi có ông mục sư, thì anh ta thể hiện mình rất bình thường, và ông già đó dù thường dành cho đồng bạn của Pryer cái nhìn ngờ vực, lại chẳng phàn nàn chút gì về anh. Pryer cũng có tiếng về tài giảng dạy, mà xét cho cùng có thể là kiểu vua chốt giữa xứ mù. Trong lần đầu anh ta đến thăm Ernest, ngay khi chỉ còn hai người với nhau, anh ta liền nhìn nó với cái liếc mắt nhanh sắc lạnh và dường như cũng khá hài lòng về nó, bởi tôi phải nói thêm ở đây là ngoại hình của Ernest đã cải thiện nhiều dưới môi trường êm ả của Cambridge. Thật sự thì Pryer thấy Ernest vừa đủ xứng đáng để anh ta đối xử một cách lịch sự, và các bạn biết đó, Ernest luôn là đứa dễ cảm tình với bất kỳ ai cư xử với nó như vậy. Đi cùng với anh ta, chẳng bao lâu sau, Ernest khám phá rằng Thượng giáo và thậm chí là Roma có quá nhiều điều mới lạ mà nó chưa từng nghĩ đến. Và đó chính là đường bay chấp chới đầu tiên của nó.

Pryer giới thiệu nó với một vài người bạn của anh ta. Tất cả họ đều là những giáo sỹ trẻ tuổi và như tôi đã nói đều là những người Thượng phái cực đoan nhất, nhưng khi gia nhập với họ, Ernest rất ngạc nhiên khi thấy rằng họ cũng hết như những người khác mà thôi. Điều này chấn động tinh thần nó, chẳng bao lâu sau nó càng kinh ngạc hơn khi thấy những ý nghĩ mà nó đã đấu tranh chống lại xem như là thứ tuyệt mạng đối với nó, và những thứ mà nó từng nghĩ là sẽ gạt được hết sang một bên một khi đã nhận chức thánh, tất cả đến tận bây giờ vẫn cứ mãi quấy rối nó như xưa. Nó cũng thấy rõ rằng Pryer, người quy tụ được cả một loạt bạn bè vây quanh cũng đang trong tình cảnh khốn khổ hết như nó vậy.

Thật là tồi tệ. Cách duy nhất để thoát khỏi tình cảnh này mà Ernest nghĩ ra được chính là phải kết hôn. Nhưng rồi nó nhận ra rằng nó chẳng biết cô nào

để cưới. Nó chẳng biết bất kỳ phụ nữ nào, và thực sự là nó thà chết còn hơn phải lấy vợ. Một trong những mục tiêu hàng đầu của Theobald và Christina là cách ly nó khỏi phụ nữ, và họ đã thành công ngoài mong đợi, Ernest chẳng bao giờ tìm kiếm hay theo đuổi phụ nữ, và nếu không tránh được họ, thì nó cũng chỉ xem họ là những đối tượng bí ẩn và cực kỳ khó hiểu. Nó cũng thấy được nhiều người đàn ông yêu say đắm, nếu không thì cũng là yêu mến phụ nữ, nhưng nó lại tin là phần đông trong số đó chỉ là những kẻ dối trá mà thôi. Tuy vậy, giờ đây, rõ ràng là nó khắc khoải điều này quá lâu rồi, và việc duy nhất nó nên làm bây giờ là đi gặp và cầu hôn người phụ nữ đầu tiên chịu lắng nghe nó, càng sớm càng tốt.

Nó đề cập việc này với Pryer, và vô cùng ngạc nhiên khi khám phá ra rằng, anh chàng này dù ân cần với từng thành viên trong đoàn chiên của mình, và cũng là một người trẻ đẹp trai, lại quyết tâm mạnh mẽ sống đời giáo sỹ độc thân, và thực sự là những đồng bạn khác mà anh đã từng giới thiệu với Ernest cũng cùng một quyết tâm như vậy.



‘**B**ạn biết đấy, Pontifex thân mến của tôi,’ Pryer nói với Ernest lúc đang đi dạo trong vườn Kensington vào khoảng vài tuần sau khi bắt đầu quen biết nhau, ‘Bạn biết đấy, thật hoàn toàn đúng đắn khi chúng ta bất đồng với Roma, nhưng mà Roma gần đây đã biến việc chinh đốn tinh thần con người thành một loại khoa học, còn trong khi đó, Giáo hội của chúng ta, dù nguyên tuyền hơn họ về nhiều mặt, lại chưa có một hệ thống tổ chức nào để chẩn đoán và trị liệu, ý tôi tất nhiên, là về mặt tinh thần ấy. Giáo hội của chúng ta không định ra được những phương thuốc theo kiểu một hệ thống được thiết lập sẵn, và tệ hơn nữa, ngay cả khi những nhà trị liệu của chúng ta với hiểu biết của họ đã tìm ra căn bệnh và kê thuốc chữa, Giáo hội này vẫn chẳng có được một nền kỷ luật để bảo đảm cho phương thức chữa lành đó được thực hiện. Nếu những bệnh nhân của chúng ta không muốn làm theo những gì chúng ta bảo, thì chúng ta cũng chẳng thể bắt ép họ được. Có lẽ thực sự trong mọi trường hợp, khi đem chúng ta so sánh với linh mục Roma, thì giống như kiểu bác sỹ thú ý với bác sỹ vậy. Và chúng ta sẽ chẳng thể hy vọng có tiến triển chút gì trong việc chống lại tình trạng tội lỗi và thống khổ đang vây khốn chúng ta, trừ phi chúng ta biết quay về với một vài khía cạnh trong việc hành đạo của cha ông và của phần lớn thế giới Kitô giáo.’

Ernest hỏi Pryer xem anh ta mong muốn quay về với việc hành đạo của cha ông trong những khía cạnh nào.

‘Sao nào, bạn thân mến, bạn có thể thực sự ngu dốt đến vậy ư? Đơn giản là thế này, nếu quả thật các mục sư chẳng phải là người hướng dẫn tinh thần và cũng chẳng có khả năng chỉ cho người ta cách để sống tốt hơn những gì tự họ có thể tìm được, thì mục sư chẳng là gì cả và cũng chẳng có lý do gì để

tồn tại. Nếu mục sư không phải là một người chữa lành và hướng dẫn cho linh hồn như vai trò của bác sỹ đối với thể xác, vậy thì mục sư là cái gì? Lịch sử của mọi thời đã chỉ ra, và tôi chắc là bạn cũng biết rõ như tôi, rằng người ta chẳng thể cứu chữa cho thân xác bệnh nhân nếu chưa được đào tạo đúng đắn trong bệnh viện dưới sự chỉ dẫn của những người lành nghề, vậy thì linh hồn cũng không thể được chữa lành khỏi những bệnh tật sâu kín bên trong nếu như không có những người được đào tạo những kỹ năng về phần hồn, hay nói cách khác, chính là mục sư đó. Một nửa những công thức và đề mục của chúng ta sẽ là thứ gì nếu không có điều này? Xét cho cùng, làm sao chúng ta chỉ có thể tìm ra chính xác bản chất của một bệnh tật phần hồn, nếu như không có kinh nghiệm trong những trường hợp tương tự như vậy, và như thế có hợp lý hay không? Hiện tại chúng ta đều bắt đầu với những thử nghiệm tự phát, mà chẳng có một kinh nghiệm hệ thống nào từ những người đi trước, hay nói cách khác là hiện nay, các kinh nghiệm chưa bao giờ được người ta tổ chức và sắp xếp lại. Bởi thế, lúc khởi đầu công việc mục sư, thế nào chúng ta cũng sẽ phá hoại một vài linh hồn, một việc mà chúng ta có thể tránh được nếu như được dạy cho biết vài nguyên tắc căn bản.’ Ernest vô cùng ấn tượng vì điều này.

‘Còn khi người ta tự chữa cho mình ư,’ Pryer tiếp tục, ‘về phần hồn, họ chẳng thể làm gì hơn những việc chữa chạy có thể làm với thân xác hay với những vấn đề luật pháp. Trong hai trường hợp sau, người ta thấy rõ ràng thật ngu ngốc khi tự mình can thiệp sâu vào những chuyện này, và rồi tất yếu phải tìm đến những người chuyên nghiệp, mà chắc chắn vấn đề phần hồn còn khó khăn và phức tạp hơn, cũng như quan trọng đối với người ta hơn, do đó càng cần phải xử lý nó một cách hợp lý hơn nữa. Chúng ta nghĩ gì khi thấy một Giáo hội khuyến khích người ta cậy dựa vào những lời khuyên không đủ chuyên sâu trong những vấn đề liên quan đến hạnh phúc đời đời của họ, trong lúc đó lại không muốn gây hại cho những chuyện trần tục của mình bằng một cách xử trí tương tự như vậy?’

Ernest chẳng thấy một kẽ hở nào trong lập luận này. Những ý tưởng này đã từng thoáng qua trong đầu nó trước đây, nhưng chưa bao giờ nó nắm vững hay sắp xếp chúng lại. Và nó cũng chẳng nhạy bén để dò ra được

những so sánh sai lầm và quá lạm dụng mà Pryer đang dùng, thực sự thì nó chỉ như một đứa nhãi con trong tay anh ta mà thôi.

‘Và tất cả những chuyện này nói lên điều gì?’ Pryer lại tiếp tục, ‘Trước hết, về bốn phạm xưng tội, việc phân tích mổ xẻ chẳng phải là một phần huấn luyện của các sinh viên y khoa hay sao. Giả dụ như những sinh viên này phải nhìn và phải làm những việc mà chúng ta còn chẳng muốn nghĩ đến, nhưng họ sẽ chẳng theo đuổi một nghề nghiệp trừ phi họ đã được chuẩn bị sẵn sàng cho việc đó, họ có thể lấy chất độc từ một người chết mà tiêm vào mình rồi mất mạng, nhưng họ phải đánh cược với cơ hội của họ. Vậy nếu chúng ta mong mỗi được trở thành những mục sư sao cho đúng với danh xưng này, thì chúng ta cũng phải làm quen với những chi tiết nhỏ nhặt nhất và ghê gớm nhất của đủ mọi loại tội, để nhờ đó chúng ta có thể nhận biết mọi dạng thức của chúng. Chắc chắn một vài người trong chúng ta sẽ mất linh hồn khi theo đuổi việc này. Chúng ta không thể tránh được nó, tất cả mọi ngành khoa học đều phải có những kẻ tử vì đạo, và trong số đó không ai đáng được vinh danh hơn những người bị sa ngã khi mưu tìm sự chữa lành cho linh hồn.’

Ernest càng bị thu hút hơn về vấn đề này, nhưng với bản tính hiền lành, nó chẳng bình luận gì.

‘Tôi không mong muốn mình tử vì đạo theo kiểu như thế,’ gã phụ tá Pryer lại tiếp tục, ‘mà ngược lại, tôi sẽ xa lánh việc này bằng hết sức lực mình, nhưng nếu Chúa muốn tôi phải sa ngã khi đang tìm hiểu những gì tôi tin rằng sẽ mang lại vinh quang cho Ngài, thì xin đừng theo ý tôi, một theo ý Chúa mà thôi.’

Đến đây là đã quá mức chịu đựng của Ernest.

‘Tôi từng nghe nói đến một người phụ nữ Ireland tự nhận mình là một kẻ tử vì đạo trong chuyện chè chén.’ Pryer nói với một điệu cười nhếch trên môi. ‘Và bà ta đúng thực như vậy,’ anh ta reo lên đầy hăng hái, rồi tiếp tục chỉ cho Ernest thấy người phụ nữ tốt này là một người theo tư tưởng thực nghiệm, và những thử nghiệm của bà dù gieo cho bản thân bà những tác hại khủng khiếp nhưng lại mở mắt cho những người khác. Do đó, bà đúng là một kẻ tử vì đạo hay là một bằng chứng cho những tác hại kinh khủng của

thói rượu chè, và nhờ đó cứu được nhiều người mà nếu không có sự hi sinh của bà thì chắc hẳn họ đã sa vào thói xấu này rồi. Bà là một hy vọng bị tàn lụi, một người thất bại không thể giữ vững được quan điểm của mình, bà là minh chứng cho sự bất bại của thói rượu chè, từ đó khiến người ta thấy ra rượu chè không phải là thói có thể dạm thử được. Đối với nhân loại, nếu việc kiên định giữ vững được quan điểm vĩ đại đến mức nào, thì thất bại này của bà cũng mang lại một thu hoạch ngang tầm lớn lao như vậy.

‘Ngoài ra,’ anh ta vội vã nói thêm, ‘giới hạn giữa xấu và tốt là cực kỳ mong manh. Nửa số những thói xấu xa mà cả thế giới lên án mạnh mẽ nhất đều có hạt giống sự thiện trong chúng, và chúng ta cần sử dụng một cách vừa phải chứ không nên tuyệt đối trốn tránh chúng.’ Ernest rụt rè xin một ví dụ.

‘Không, không,’ Pryer trả lời, ‘tôi sẽ không cho bạn một ví dụ, nhưng sẽ đưa ra một công thức gộp tóm toàn bộ mọi ví dụ. Nó như thế này, không có việc gì hoàn toàn xấu xa, và những giống loài lịch thiệp nhất, mạnh mẽ nhất và học thức nhất trong lịch sử loài người đã chỉ làm yếu đi những thói xấu thay vì tiêu diệt chúng tận gốc. Nếu những thói xấu vẫn được tồn tại trong những quốc gia lịch thiệp nhất, thì điều đó hẳn phải được thiết lập trên một chân lý bất di bất dịch hay trên một sự thật trong bản tính con người, và chúng hẳn phải có những lợi điểm bù trừ mà chúng ta không thể chối bỏ được.’

‘Nhưng,’ Ernest lại rụt rè lên tiếng, ‘vậy chẳng phải như thế là xóa sạch tất cả những phân biệt giữa thiện và ác, và người ta sẽ chẳng có bất kỳ hướng dẫn đạo đức nào nữa hay sao?’ ‘Không phải những thường dân, mà chính chúng ta sẽ là người quan tâm hướng dẫn cho họ, bởi họ đang và luôn luôn bất lực trong việc hướng dẫn chính mình sao cho đúng đắn. Chúng ta nên dạy cho họ phải làm gì, và lý tưởng nhất, chúng ta phải có khả năng bắt họ làm những điều đó. Có lẽ tình trạng lý tưởng này chỉ đến khi chúng ta trở nên mạnh mẽ hơn, và để thúc đẩy điều này, thì việc cần thiết nhất chính là chúng ta phải có một hiểu biết sâu rộng hơn bệnh lý tinh thần. Và để được như vậy cần có ba điều, thứ nhất là chúng ta, các mục sư phải có sự tự do tuyệt đối để thử nghiệm đối với các bệnh tinh thần này, thứ hai là chúng ta

phải nhận biết hoàn toàn về những suy nghĩ và việc làm của giáo dân một cách tổng thể cũng như trong những trường hợp nhất định, và thứ ba là các mục sư chúng ta phải được tổ chức gắn kết chặt chẽ hơn nữa.

Nếu chúng ta muốn làm được điều gì đó tốt đẹp thì chúng ta buộc phải hợp nhất chặt chẽ với nhau, và đồng thời phải vươn mình mạnh mẽ vào trong lòng giáo dân. Chúng ta cũng phải thoát khỏi những ràng buộc của gia đình vợ con. Tôi gần như không thể diễn tả hết sự ghê tởm khi chứng kiến đời sống của các mục sư anh chìm trong thứ mà tôi chỉ có thể gọi là ‘hôn nhân vô giới hạn’. Thật là tồi tệ. Mục sư phải là người tuyệt đối vô tâm thờ ơ với tình dục, nếu không tuyệt đối trong thực tế, thì ít ra cũng phải trong lý thuyết, và quy luật này phải được chấp nhận rộng rãi sao cho không một ai dám cả gan phê phán nó.’

‘Nhưng,’ Ernest nói, ‘chẳng phải Kinh Thánh đã dạy cho người ta biết những gì nên và không nên làm, còn chúng ta chỉ cần chú tâm vào Kinh Thánh là đủ rồi, không cần quan tâm đến thứ khác nữa, có đúng vậy không?’

‘Nếu bạn bắt đầu với Kinh Thánh,’ Pryer đáp lại, ‘thì bạn đã bước được ba bước trên con đường bội tín, và rồi sẽ bước thêm bước nữa mà bạn chẳng hay. Đối với chúng ta, Kinh Thánh rất có giá trị, nhưng với giáo dân, lại là một tảng đá ngáng đường mà chẳng thể sớm hoàn toàn vứt nó đi được. Tất nhiên, trong trường hợp này tôi giả thiết là họ có đọc Kinh Thánh, nhưng thực sự họ lại hiếm khi làm vậy. Nếu người ta đọc Kinh Thánh theo cách của những viên chức trong Giáo hội, thì như vậy chẳng có gì đáng ngại, nhưng nếu họ đọc nó một cách vô ý thức, mà chắc hẳn thế nào cũng như vậy, thì đó lại là mối nguy hại cho họ.’

‘Ý anh là sao?’ Ernest buột miệng, trong lòng càng kinh ngạc hơn nữa, nhưng cũng cảm thấy rõ hơn là ít nhất nó đang bị điều khiển bởi một người mang trong mình những tư tưởng rõ ràng.

‘Câu hỏi của bạn chỉ ra rằng bạn chưa bao giờ đọc đến Kinh Thánh của chính bạn. Một quyển sách khó nắm bắt hơn và không bao giờ được viết ra sẵn. Hãy nghe tôi, và đừng bao giờ đọc nó, đừng đọc cho đến khi bạn đủ tuổi khôn hơn, lúc đó bạn mới có thể đọc nó an toàn.’

‘Nhưng chắc chắn anh phải tin Kinh Thánh về những điều như Chúa Kitô đã chết và đã sống lại từ cõi chết, có chắc là anh tin những điều này hay không?’ Ernest trả lời, và sẵn sàng đón nhận câu trả lời là không.

‘Tôi không tin, tôi biết là tôi không tin.’

‘Nhưng vậy phải làm sao, nếu những lời chứng trong Kinh Thánh là sai lầm?’

‘Tin vào lời sống động của Giáo hội, những lời tôi biết là được chính Chúa Kitô lập nên, và không thể sai lầm.’



Buổi nói chuyện trên và thêm những lần khác tương tự như vậy, đã gây nên một ấn tượng mạnh trong Ernest. Nếu như chỉ một ngày sau, nó được trò chuyện với ông Hawke và được nghe những quan điểm khác của ông, thì hẳn nó cũng sẽ bị ấn tượng nhiều, và sẵn sàng vứt bỏ hết những gì Pryer vừa nói với nó, cũng như hiện tại nó đang vứt bỏ hết tất cả mọi lời nó từng được nghe ngoại trừ những lời của Pryer, nhưng tiếc thay hiện giờ chẳng có ông Hawke nào bên nó, và chỉ còn mỗi Pryer được tự tung tự tác với tư tưởng của nó mà thôi.

Những tâm trí còn phôi thai, cũng hết như thân thể còn trong trứng nước, phải trải qua một loạt những biến dạng lạ lùng trước khi đạt đến hình thái cuối cùng của nó. Chắc chắn một người đang trong tiến trình biến đổi thành một tín hữu Công giáo Roma, sẽ phải qua những giai đoạn làm một thành viên hội Giám lý, rồi đến một kẻ tự do về tư tưởng, như thể một thứ lúc trước chỉ là một tế bào, bây giờ trở nên một sinh thể không xương sống vậy. Tuy nhiên, chẳng thể mong Ernest biết được điều này, một phôi thai chẳng bao giờ biết điều gì hết. Mỗi giai đoạn, những kẻ phôi thai chỉ nghĩ rằng, bây giờ chúng đã đạt đến tình trạng duy nhất thực sự phù hợp với mình. Và chúng cho rằng đó hẳn phải là giai đoạn cuối cùng của chúng, đến mức kết cuộc chúng sẽ phải đón nhận sự chấn động quá độ mà chẳng gì níu giữ nổi. Tất cả mọi đổi thay đều gây chấn động, tất cả mọi chấn động đều là một cái chết không hơn không kém. Thứ mà chúng ta gọi là cái chết chỉ là một chấn động đủ lớn để tận diệt năng lực của chúng ta, không cho chúng ta nhìn nhận được rằng quá khứ và hiện tại là những thứ tương đồng. Nó khiến chúng ta xem quá khứ và hiện tại khác nhau hơn là giống nhau, đến nỗi

chúng ta không thể chấp nhận việc xem những gì có trước là phần mở rộng của những gì đang có, và lại thấy mình dễ dàng xem quá khứ là một điều gì đó mà chúng ta quyết định xem như một thứ mới lạ.

Nhưng khi nhìn nhận như thế, thì rõ ràng bệnh học tinh thần (tôi thú nhận là tôi chẳng biết từ này nghĩa là gì, nhưng Pryer và Ernest thì chắc chắn phải biết) là một trong những việc lớn cần phải làm trong thời đại này. Đường như Ernest muốn tự mình khám phá lĩnh vực này, và gắn kết thứ này suốt đời nó, đến nỗi nó thực sự chẳng bao giờ đếm xỉa đến bất cứ thứ gì khác. Nó viết những lá thư dài gửi cho các bạn học để bày tỏ quan điểm này của nó, và suy nghĩ của nó chẳng khác gì một ông linh mục Tòa Thánh Roma. Nó chẳng thèm dành chút thời gian nào cho Cựu Ước. Tôi đã thấy nó viết cho một người bạn thế này: ‘làm ơn đọc sách ngôn sứ Zechariah giùm tôi, và cho tôi biết quan điểm công tâm của bạn về ông ấy. Zechariah là một thứ vớ vẩn đầy huênh hoang hết như dân mỹ, thật đáng tởm khi phải sống trong một thời đại mà những thứ vớ vẩn về cả mặt văn chương lẫn ngôn sứ như thế lại được người ta hết mực ái mộ.’ Nó nghĩ như vậy bởi Pryer chống đối Zechariah. Tôi chẳng biết Zechariah đã làm gì, nhưng tôi nghĩ Zechariah là một ngôn sứ tốt. Có lẽ bởi Zechariah là một người viết Kinh Thánh và chẳng có gì xuất chúng, nên Pryer đã chọn ông để làm nền cho việc phê phán Kinh Thánh khi đem so với Giáo hội.

Tôi thấy Ernest, không lâu sau đó, đã viết cho anh bạn Dawson của nó như thế này: ‘Pryer và tôi vẫn tiếp tục tiến lên cùng nhau, và phân tích các tư tưởng cho nhau. Lúc đầu, mọi ý tưởng đều là của anh ta, nhưng bây giờ tôi nghĩ là tôi đã khá ngang tài với anh ta rồi, và đúng hơn, tôi rất thích thú khi thấy rằng anh ta đã bắt đầu thay đổi một vài quan điểm mà anh ta vốn khư khư giữ chặt lúc hai chúng tôi mới đầu quen biết nhau.

Rồi tôi nghĩ rằng lòng trí anh ta đang hướng đến Roma, tuy nhiên, lúc này dường như những ý tưởng của anh ta gợi cho tôi nhiều điều, mà có lẽ cả bạn cũng sẽ thấy hứng thú. Bạn cũng thấy được rằng chúng ta phải truyền sức sống vào trong Giáo hội bằng cách nào đó, chúng ta không nên cứ mãi chống đối Roma và những kẻ ngoại đạo.’ (Có lẽ tôi nên nói xen vào đây rằng tôi không tin Ernest đã từng bao giờ thấy một người ngoại đạo, chứ

đừng nói đến việc đã từng trò chuyện với họ.) ‘Bởi thế, vài ngày trước, tôi đề xuất với Pryer rằng chúng tôi nên khai mào một phong trào tôn giáo gần giống với phong trào Tuổi trẻ anh quốc cách đây hai mươi năm, với tiêu chí là để thắng vượt được cả Roma và chủ nghĩa hoài nghi. Pryer rất háo hức với đề xuất này khi nhận thấy tôi có những phương cách để hiện thực hóa nó. Để đạt được mục tiêu trên, tôi thấy chẳng có phương cách nào tốt hơn việc lập nên một tổ chức hay một đại học để nhằm đặt bản chất của tội lỗi và cách xử lý nó trên một nền tảng mang tính khoa học hơn hiện thời. Chúng ta thiếu một Đại học về Bệnh học Phần hồn, một cụm từ tôi mượn của Pryer, là nơi mà những người trẻ (tôi cho là Ernest nghĩ nó đã qua hết thời tuổi trẻ rồi) có thể nghiên cứu về bản chất và cách xử lý với những tội của linh hồn, theo cách giống như các sinh viên y khoa học nghiên cứu về thân thể các bệnh nhân vậy. Và bạn cũng sẽ đồng ý với tôi rằng một trường học như thế sẽ tiếp cận được với những kỹ thuật của Roma cũng như của khoa học, Roma cho chúng ta một hệ thống kỹ năng mục sư tốt hơn vốn đã mang lại cho họ một uy thế lớn lao trên thế giới, còn khoa học sẽ cho chúng ta nhận ra rằng ngay cả những tư tưởng tự do cũng có một giá trị nhất định trong việc suy xét phần hồn. Pryer và tôi đã quyết tâm tận hiến chính mình cho con tim và linh hồn nhân loại.

Tất nhiên những ý tưởng của tôi vẫn chưa được định hình rõ ràng, và tất cả phải dựa vào nguồn nhân lực để khởi đầu trường đại học mà tôi đã nói ở trên. Tôi chưa phải là một mục sư, nhưng Pryer thì rồi, và nếu tôi là người lập trường, thì Pryer sẽ đảm nhiệm trường đó và cho tôi làm cấp dưới của anh. Đó là gợi ý của Pryer. Anh ta thật rộng rãi làm sao?

Nhưng điều tệ nhất, là chúng tôi chưa có đủ tiền. Số tiền thực sự tôi có là 5.000 bảng, nhưng chúng tôi cần ít nhất là 10.000 bảng, nên Pryer bảo rằng khi chúng tôi còn khá yếu thì tôi nên sống tại trường và nhận lương từ chính tổ chức của tôi, nói chung là vậy, hoặc gần như vậy, đầu tư vào việc này cũng gần giống như tôi mua cho mình một sinh kế rồi. Ngoài ra, tôi chẳng ham muốn gì nhiều, chắc chắn là tôi sẽ không bao giờ lập gia đình, một giáo sỹ không nên nghĩ đến chuyện hôn nhân, và một người độc thân có thể sống mà chẳng cần gì nhiều. Đến bây giờ tôi vẫn chưa có được cách nào để kiếm

thêm cho đủ số tiền tôi cần, và Pryer gợi ý rằng với tình hình này, chúng tôi phải đầu tư một cách thận trọng. Anh ta biết một vài người có thu nhập rất khá từ một số vốn rất nhỏ, hoặc có thể là chẳng cần vốn, nhờ việc mua bán những thứ ở nơi gọi là Sở Giao dịch Chứng khoán, tôi chưa biết nhiều về nơi này, nhưng Pryer bảo tôi nên tìm hiểu về nó sớm, thực sự anh ta nghĩ là tôi có tài năng trong việc này, và nếu có được người đỡ đầu thích hợp, tôi có thể thăng tiến trong ngành kinh doanh này. Tất nhiên, tôi không quyết định được việc này mà phải dựa vào nhiều yếu tố khác, nhưng người ta sẽ làm được việc nếu biết chú tâm vào đó, và tôi nghĩ là tôi sẽ không ham tiền cho bản thân tôi, mà tôi muốn có nhiều tiền cho những việc tốt đẹp, cụ thể là nhờ số tiền đó tôi sẽ cứu được nhiều linh hồn thoát được địa ngục đày đọa đầy khủng khiếp. Sao nào, nếu mọi chuyện thành công, và thực sự tôi không thấy có gì trở ngại, thì chẳng thể nói là tôi đã phóng đại tầm quan trọng và tầm vóc của chương trình mà tôi đang đeo đuổi,' ...v.v.

Một lần nữa tôi lại phải hỏi Ernest rằng nó có phiền không khi tôi viết ra cho các bạn những dòng này. Nó tái mặt, nhưng nói 'Không, con không phiền nếu chúng giúp bố hoàn thành câu chuyện của mình, nhưng bố có nghĩ là lá thư này quá dài hay không?'

Tôi nói rằng thay vì những lời giải thích của tôi, lá thư này sẽ giúp độc giả nắm bắt được những gì đã diễn ra nhanh hơn gấp đôi.

'Tốt rồi, vậy bố cứ giữ chúng lại đi.'

Tôi tiếp tục lần giở những lá thư của Ernest và thấy những dòng sau.

'Tôi biết ơn vì lá thư của anh, đáp lại tôi xin gửi anh bản sao của lá thư mà tôi gửi đến tờ báo Times vài ngày trước. Họ đã không in nó, nhưng nó gần như là toàn bộ ý tưởng của tôi về vấn đề kinh lược giáo xứ, Pryer hoàn toàn tán thành nó. Xin hãy đọc nó cẩn thận rồi gửi lại cho tôi, bởi nó chính là bản tuyên tín của tôi, và tôi không thể để mất nó được.'

Tôi rất muốn được trò chuyện trực tiếp với anh về một vài vấn đề, cụ thể là tôi có thể thấy chúng ta đang phải chịu những mất mát lớn lao khi không còn quyền ban vạ tuyệt thông. Chúng ta nên ban vạ tuyệt thông cho cả người nghèo và người giàu như nhau, và nên bớt dè dặt trong chuyện này. Nếu

được phục hồi quyền này, thì tôi nghĩ rằng chúng ta có thể chặn đứng được khá nhiều tội lỗi và khốn khổ đang vây quanh mình.'

Những lá thư này được viết chỉ vài tuần sau khi Ernest được phong chức, nhưng dù chúng có được viết trễ hơn thì người ta cũng chẳng màng đếm xỉa đến đâu.

Với lòng háo hức muốn phục hưng Giáo hội anh giáo (và qua đó là tái tạo vũ trụ này) bằng những phương thế mà Pryer đã gợi ý với nó, Ernest cố để làm quen với tâm tính và suy nghĩ của người nghèo bằng cách sống giữa họ. Tôi nghĩ ý định này của nó xuất phát từ quyển 'Alton Locke' của Kingsley mà nó, dù là một người thuộc Thượng phái, đã đọc ngẫu nhiên hết như trước đây nó đã vùi đầu vào quyển 'Cuộc đời Arnold' của Stanley, những tiểu thuyết của Dickens và bất kỳ thứ văn chương sọt rác nào khác, những thứ đầu độc trí óc nó. Dù gì đi nữa, nó cũng đã thực sự thực hiện kế hoạch này và dọn đến ở trọ trong một căn nhà tại Ashpit Place, một con phố nhỏ gần nhà hát Drury Lane, với bà chủ trọ là vợ góa một người đánh xe thuê.

Bà này ở tầng trệt, trước căn bếp là chỗ của một người thợ hàn, phía sau bếp có một người thợ sửa ống trú ngụ. Tầng một là nơi ở của Ernest, với hai gian phòng được nó bài trí đồ đạc đầy đủ, bởi dù có muốn sống giữa người nghèo đi nữa, thì cũng phải có giới hạn nhất định chứ. Hai tầng trên được ngăn ra cho bốn nhóm khác nhau thuê trọ. Trước hết là một thợ may tên Holt, kẻ nát rượu thường đánh vợ và tiếng la hét của bà ta làm náo động cả nhà lúc nửa đêm. Trên phòng của ông Holt là một ông thợ may khác cùng bà vợ của ông, cả hai không có con cái, họ theo hội Giám lý của Wesley, cũng nát rượu nhưng không làm ồn. Hai phòng còn lại là của hai cô gái độc thân mà Ernest thấy dường như mình nên tôn trọng họ, bởi có nhiều chàng trai trẻ ăn vận đẹp và lịch thiệp thường đi ngang phòng nó để lên lầu gặp cô Snow, và nó nghe thấy tiếng cửa phòng cô đóng lại ngay sau đó. Rồi nó nghĩ rằng một số trong những người đi ngang qua tầng của nó cũng có thể là khách của cô Maitland. Bà chủ nhà Jubb nói với Ernest rằng đó là các anh trai và anh họ của cô Snow, và cô đang muốn tìm một chỗ để làm gia sư, nhưng hiện tại thì cô vẫn là một diễn viên ở nhà hát Drury Lane. Ernest hỏi xem thử có phải cô Maitland cũng đang tìm việc hay không, và biết được rằng cô

mong muốn được làm một người gia công mũ. Ernest của chúng ta tin tưởng tất cả những gì bà Jupp kể cho nó.



Chuyển biến này của Ernest nhận được nhiều lời bình phẩm khác nhau từ các bạn của nó, ý kiến chung cho rằng đó chính là đặc tính của Ernest, một kẻ luôn làm vài việc bất thường bất cứ nơi nào nó đến, nhưng xét cho cùng thì đó là một ý tưởng đáng khen. Christina không thể kìm nén nổi sung sướng khi nghe những giáo sỹ quen biết tán thưởng con trai mình, và lý tưởng hóa đức hạnh của nó thành một thứ tự bỏ mình cao hơn thực chất hành động của nó nữa. Cô không thích lắm khi thấy con trai mình sống trong một môi trường tầm thường như vậy, nhưng việc nó đang làm hẳn sẽ được lên báo, rồi những người quyền cao chức trọng sẽ chú ý đến nó. Ngoài ra, mức sống ở đó rất rẻ mạt, khi sống giữa những người nghèo thì nó sẽ có thể sống mà chẳng cần gì, và như thế có thể để dành được một khoản lớn. Còn về những cám dỗ, thì có lẽ sẽ chỉ có rất ít hoặc chẳng có cám dỗ nào ở nơi như thế đâu. Cô hợp ý nhất với Theobald về chuyện mức sống rẻ mạt, bởi anh đang ngày càng cau có phàn nàn rằng anh chẳng đồng tình chút nào với thói tiêu phá và tự đại của Ernest. Khi Christina chỉ ra cho anh điểm này, anh cho rằng như thế thì chuyện này cũng có vài điểm chấp nhận được.

Còn riêng Ernest, việc này càng củng cố cái nhìn tốt đẹp về bản thân của nó, vốn đã ngày càng lớn dần kể từ lúc nó được phong chức, cũng như càng khiến nó tự tăng bốc mình như thể nó là một trong số ít những kẻ sẵn sàng từ bỏ *tất cả* vì Chúa Kitô. Từ trước đó rất lâu, nó đã bắt đầu nhận mình là một người mang trọng trách và sẽ có được một tương lai hoành tráng. Những ý tưởng sáng giá nhất và được định hình vội vàng nhất bắt đầu trở nên cực kỳ quan trọng với nó, rồi nó áp đặt chúng trên những người bạn cũ, và cứ mỗi tuần trôi qua càng nó càng lý lợm giữ chặt những ý tưởng quái gở

này hơn nữa. Tôi gần như có thể che đậy giai đoạn này trong sự nghiệp của Ernest, nhưng như thế lại làm hỏng mất câu chuyện của tôi.

Vào mùa xuân năm 1859, tôi thấy nó viết một lá thư như sau

‘Tôi không thể chấp nhận danh xưng Giáo hội Kitô giáo hữu hình cho đến khi nó sinh được hoa trái là những người Kitô hữu, nghĩa là cho đến khi hoa trái của từng thành viên trong Giáo hội anh giáo mang tính tòng phục hay gần như tòng phục với giáo lý của Giáo hội. Tôi thành tâm đồng tình với giáo lý của Giáo hội anh giáo trong hầu hết mọi quan điểm, nhưng Giáo hội này lại nói một đằng làm một nẻo, và cho đến khi nào việc rút phép thông công, đúng ra là rút phép thông công hàng loạt, được tái hồi, thì tôi mới nhìn nhận Giáo hội này là một thể chế Kitô giáo. Tôi nên bắt đầu từ mục sư quản nhiệm của tôi, và nếu tôi thấy cần phải theo ông ta để rút phép thông công của Giám mục, tôi cũng sẽ chẳng ngần ngại làm việc đó.

Những mục sư đương nhiệm ở London đúng là những con người chẳng đáng để hợp tác. Ông mục sư quản nhiệm của tôi là một trong số khá nhất, nhưng khi tôi và Pryer bày tỏ những dấu hiệu muốn công kích tội lỗi bằng những phương thức ngoài lề thói, hay bằng những phương thuốc chưa từng có, thì lại gặp phải lời như thế này đây: ‘Ta không thể hiểu nổi là các con đang nghĩ gì nữa khi đưa ra tất cả những thứ hỗn loạn này, chẳng một mục sư nào nhìn nhận những thứ như vậy, và ta chẳng mong mình là người đầu tiên đảo lộn mọi thứ đâu.’ rồi người ta xem ông là một kẻ biết lý lẽ. Tôi chẳng thể chịu nổi những người như vậy. Nhưng chúng tôi biết điều mình muốn, và như đã viết cho Dawson mới đây, chúng tôi có một kế hoạch cụ thể mà tôi nghĩ rằng sẽ thỏa mãn được những đòi hỏi của hoàn cảnh hiện thời. Nhưng chúng tôi còn thiếu nhiều tiền, và bước đầu kiếm tiền của tôi không được hoàn hảo như tôi và Pryer mong đợi, tuy vậy, tôi tin rằng chúng tôi sẽ sớm khắc phục được nó thôi.’

Khi đến London, Ernest dự định sẽ đi thăm viếng từng nhà giáo dân, nhưng lời của Pryer đã đập tan ý tưởng này của nó ngay cả trước khi nó dọn đến căn hộ mới với quyết định lạ lùng của nó. Quan điểm hiện thời của nó là nếu người ta mong muốn Đức Kitô, thì họ phải chứng tỏ được mong muốn của mình bằng việc khi gặp những rắc rối nhỏ, họ phải tìm đến nó. Ernest,

nó ở đó và sẵn sàng dạy dỗ họ, nhưng nếu người ta không chịu tìm đến, thì đó không phải là lỗi của nó.

Ernest lại viết cho Dawson rằng, ‘Việc trọng đại của tôi ở đây là quan sát. Tôi chẳng làm nhiều việc giáo xứ ngoài phần việc mục vụ hằng ngày. Tôi có một lớp Kinh Thánh cho người lớn, và một lớp như vậy cho trẻ con, và như thế tôi dạy dỗ cho nhiều người lớn cũng như các cậu bé. Còn với những đứa trẻ đến học giáo lý vào ngày chủ nhật, tôi dùng hết sức chứa của gian phòng vào buổi tối để tập cho chúng hát những bài thánh ca và tán ca. Chúng thích việc đó. Tôi còn dành nhiều thời gian cho việc đọc sách, đặc biệt là những sách mà tôi và Pryer nghĩ là hữu ích, và từ đó chúng tôi thấy rằng chẳng một dòng tu nào có thể so sánh nổi với dòng Tên. Pryer là một quý ông hoàn hảo cũng như một doanh nhân đáng ngưỡng mộ, và thực sự anh ta quá tuân theo những quy luật của trần gian này hơn là những điều hưởng thụ. Nhờ sự táo bạo thông minh của mình, anh đã bù đắp được, hay gần như bù đắp được, một khoản mất mát nghiêm trọng vốn có thể đe dọa trì hoãn vô thời hạn kế hoạch lớn của chúng tôi. Mỗi ngày anh ta và tôi đều thu lượm được những nguyên tắc mới mẻ. Tôi tin rằng những điều vĩ đại đang chờ đợi mình, và tôi hy vọng mạnh mẽ rằng trong tương lai tôi có thể là một người có tầm ảnh hưởng to lớn.

Còn với anh, tôi chúc anh sự tốt đẹp của Chúa. Hãy táo bạo nhưng phải hợp lý, phán đoán trong cẩn thận, dám nghĩ dám làm, nhưng phải thận trọng trong việc đó,’ ...v.v.

Tôi nghĩ kiểu suy nghĩ này của nó có thể vẫn còn gây nguy hại cho đến tận bây giờ.



Tất nhiên, tôi đến thăm Ernest ngay lúc nó vừa đến London, nhưng lại không gặp được nó. Còn khi nó đến tìm thì tôi lại ra ngoài mất rồi, vậy nên mãi đến vài tuần sau, khi nó đã dọn đến căn hộ mới ở Ashpit Place, tôi mới thực sự được gặp mặt nó. Tôi thích vẻ mặt của nó, nhưng ngoại trừ đam mê chung là âm nhạc, thứ mà hai chúng tôi đặc biệt hợp nhau về thị hiếu, hầu như tôi chẳng biết làm thân với nó bằng cách nào. Công bằng mà nói, nó chẳng hé môi nửa lời với tôi về những kế hoạch của nó cho đến tận khi tôi bắt nó phải lộ ra. Mượn lời bà Jubb, chủ nhà của Ernest, tôi thừa nhận mình ‘không phải là người thường xuyên đến nhà thờ.’ Và sau khi dò xét, tôi khám phá ra rằng bà Jubb chẳng bao giờ đến nhà thờ ngoại trừ một lần duy nhất trong đời để rửa tội cho Tom, con trai bà hai mươi lăm năm về trước, và tôi e là bà còn chẳng làm phép kết hôn, bởi tôi không thấy nhẫn cưới trên tay bà, và bà thường gọi người đáng ra là ông Jubb bằng cụm từ ‘cha của con tôi’ chứ không phải là ‘chồng tôi’. Trở lại vấn đề chính, tôi phải thừa nhận rằng tôi rất phật ý khi biết Ernest đã được phong chức. Bản thân tôi không mong muốn được phong chức, và tôi cũng chẳng muốn những người thân thiết với tôi như vậy, cũng như tôi chẳng thích phải cư xử thật lịch lãm và làm bộ màu mè, nên tôi cũng mong như vậy cho đứa trẻ mà tôi nhớ có thời nó chỉ biết đến ngày hôm qua và ngày mai và thêm ngày thứ Ba nữa, còn lại chẳng có khái niệm gì về các ngày khác trong tuần kể cả chủ nhật, và có thời nó nói rằng nó không thích mè o bởi chúng có những móng nhọn ở ngón chân.

Tôi nhìn Ernest và nghĩ về cô Alethea của nó, cũng như về số tiền đang lũy tiến rất nhanh mà cô để lại cho nó để rồi toàn bộ sẽ rơi vào tay chàng trai

trẻ này, người có thể sẽ dùng chúng theo cách những cách khó mà hợp ý với Alethea nhất. Tôi khó chịu và tự nhủ rằng ‘Cô ấy luôn luôn bảo rằng cô có thể gây nên một chuyện tệ hại, nhưng tôi đã không nghĩ là chuyện này lại tệ hại đến mức như thế này.’ rồi tôi nghĩ rằng có lẽ nếu Alethea sống được đến bây giờ thì mọi chuyện đã không đến nỗi này.

Ernest cư xử khá đàng hoàng với tôi và tôi phải nhận rằng nếu câu chuyện của chúng tôi bị đẩy đến những chủ đề khó chịu thì đó là lỗi của chính tôi. Tôi là người gây hấn trước, bởi dựa vào tuổi tác và mối quan hệ lâu dài với Ernest tôi cho mình quyền ngấm ngấm gây cảm giác khó chịu cho nó.

Rồi nó lên tiếng, và thật bực mình vì xét đến mức độ nào đó, nó khá có lý. Tôi cho rằng những tiền đề và kết luận của nó cũng đủ để nói chuyện, nhưng lại chẳng nhìn ra được rằng nó đã được phong chức, và cứ tranh luận với nó như thể nó chưa được phong chức vậy. Kết quả là tôi phải chịu thua và bỏ về với một tâm trạng không được tốt cho lắm. Tôi tin rằng tôi thực sự thích Ernest, và sự phật ý của tôi do bởi nó là một giáo sỹ, và là một giáo sỹ sẽ được nhận một số tiền quá lớn. Lúc đi về, tôi có nói chuyện đôi chút với bà Jubb. Ngay từ cái nhìn đầu tiên, cả hai chúng tôi đều nhận thấy người đối diện chẳng phải là loại người ‘thường xuyên đi nhà thờ,’ và nhờ đó bà bắt đầu cởi mở với tôi. Bà nói rằng Ernest sẽ chết sớm. Nó quá tốt so với thế gian này và đôi mắt nó buồn ‘hệt như anh Watkins ở Crown bên kia đường mới mất hồi tháng trước, có màu da trắng bệch như thạch cao, và người ta kháo rằng anh đã tự vẫn bằng súng. Họ đưa anh đi từ Mortimer, tôi gặp họ lúc đang đi trên đường cùng cô Rose để lấy một panh bia thường, và cô ấy đang phải băng tay băng nẹp. Cô ấy nói với chị mình là muốn đến Perry để lấy một ít len, thay vì nói là đi đến cửa hàng duy nhất có bán bia thường, thật tốt bụng quá, chẳng có ai làm vậy với bà già Jubb này, và thật là đối trá kinh tởm khi nói cô là một kẻ phóng đảng, nhưng mà tôi thích phụ nữ phóng đảng, tôi thà đưa nửa đồng crown cho một phụ nữ phóng đảng còn hơn cho một quý bà thùy mị một cốc bia, nhưng tôi không muốn dính dáng đến những cô gái hư chút nào. Còn người ta đưa anh Watkins đi, và chẳng thấy anh về nữa, cái kiểu tự vẫn của anh thật là khéo. Vợ của anh ở quê với mẹ, và luôn nói chuyện tử tế về cô Rose của tôi. Tội nghiệp anh ta, mong sao cho

anh được lên Thiên đàng. Ngài ạ, ngài có tin rằng trên khuôn mặt anh Pontifex có nét gì rất giống với anh Watkins, nhiều lúc tôi thấy anh ấy thật lo lắng và chộn rộn, nhưng mỗi lần lại vì một chuyện khác nhau, bởi anh ấy chẳng biết gì hết, chẳng hơn một đứa trẻ còn trong bụng mẹ, nói trắng ra thì một con khi đi kèm với một tay đàn Ý ở London này còn biết nhiều hơn anh Pontifex. Anh ấy chẳng biết gì, tôi cho là vậy...’

Nói đến đây thì một đứa trẻ chạy việc gần đó xộc vào và bà Jubb phải quay sang nó, nếu không thì tôi chẳng biết lúc nào bà mới dừng bài nói của mình nữa. Tôi nhân cơ hội đó để chuồn đi, nhưng cũng nhớ đưa cho bà năm shilling và địa chỉ của tôi, bởi những lời bà vừa nói khiến tôi thấy hơi áy ngại. Tôi dặn bà nếu có chuyện gì xấu xảy ra với Ernest thì hãy đến báo cho tôi biết.

Nhiều tuần trôi qua và bà ta chẳng đến. Dù gì thì tôi cũng đã cố giúp Ernest trong khả năng của mình rồi, và tôi thấy không cần phải làm gì thêm, cứ để mặc nó bởi nghĩ rằng có lẽ tôi và nó chỉ gây khó chịu cho nhau mà thôi.

Đến bây giờ, nó đã được phong chức gần bốn tháng rồi, nhưng đó chẳng phải là một thời gian hạnh phúc hay thỏa mãn đối với nó. Nó đã sống cả đời trong một ngôi nhà của giáo sỹ, và có lẽ cũng biết rõ một giáo sỹ là như thế nào, cụ thể riêng với nó là biết rõ về một giáo sỹ thôn quê. Nhưng nó cũng đã có một hình mẫu lý tưởng về một giáo sỹ thành thị và đang cố chớm thử hiện thực hóa nó, nhưng dường như đó luôn là điều bất khả thi đối với nó.

Nó sống giữa người nghèo, nhưng chẳng thấy ra cách nào để quen biết họ. Cái ý tưởng cho rằng người ta sẽ chạy đến với nó đã là một thứ sai lầm. Thực sự thì nó có viếng thăm một vài giáo dân ngoan ngoãn mà mục sư quản nhiệm gởi gắm cho nó, bao gồm một ông già và bà vợ sống sát ngay cạnh nhà của Ernest, rồi một thợ hàn tên Chesterfield, một bà già tên Gover đã mù và liệt giường, thường nhai đi nhai lại cái hàm yếu ớt rụng sạch răng của mình mỗi khi Ernest nói chuyện hay đọc sách cho bà nghe, thêm ông Brookes một người buôn ve chai ở Birdsey's Rents đang trong giai đoạn cuối của bệnh phù thũng, và có lẽ thêm khoảng nửa tá người khác tương tự như vậy nữa. Và chuyện gì xảy ra khi Ernest đến thăm những người này?

Người thợ hàn muốn được tăng bốc, và thích dụ một quý ông lãng phí thời gian để rửa tai cho mình. Bà Gover già tội nghiệp thì muốn tiền, bà rất tử tế và dễ bảo, cứ mỗi lần Ernest đưa cho bà một shilling từ của di chúc của cô anne Jones thì bà lại nói ‘của ít nhưng đúng lúc’ và cứ nhai trệu trạo cái hàm ra vẻ biết ơn. Đôi khi Ernest cũng lấy tiền túi để cho bà, nhưng theo những gì nó mới nói với tôi, thì nó chỉ đưa bà chưa đến một nửa số tiền nên cho. Liệu nó có thể làm thêm được điều gì đó hữu ích chút xíu cho bà hay không? Thật sự là không, nhưng nếu thỉnh thoảng cho bà nửa đồng crown cũng chẳng thể phục hưng được cả vũ trụ này, và Ernest không muốn những thứ tầm thường như vậy. Thế giới này hoàn toàn hỗn loạn, và thay vì cảm nhận rằng nó được sinh ra để thiết lập lại trật tự, nó lại nghĩ mình chỉ là kiểu người muốn làm việc đó, và háo hức làm việc đó nhưng lại không biết bắt đầu từ đâu, bởi những việc vặt ban đầu nó làm với ông Chesterfield và bà Gover chẳng hứa hẹn một bước tiến lớn nào hết.

Còn ông Brookes tội nghiệp, người thực sự đã phải đau khổ rất nhiều, ông ta chẳng thiếu tiền, nhưng ông muốn chết mà không được, cũng hết như đôi lần chúng ta muốn ngủ mà bất lực vậy. Ông là một người suy nghĩ nghiêm trọng, và cũng như những người khác, sự chết khiến ông kinh hãi khi nghĩ rằng sau khi qua đời, mọi bí mật của ông sẽ sớm bị phơi bày trước công chúng. Khi tôi đọc cho Ernest đoạn mô tả những gì Theobald, cha nó đã làm khi đến thăm bà Thompson tại Battersby, nó đỏ mặt mà nói rằng ‘đó đúng là những gì con đã nói với ông Brookes.’ Ernest cảm thấy những buổi thăm viếng của nó chẳng xoa dịu được chút nào mà ngược lại còn khiến ông sợ hãi cái chết hơn nữa, nhưng nó còn làm được gì nữa đây?

Ngay cả Pryer, vốn đã làm trợ tá được hai năm, vẫn chỉ biết được khoảng hai trăm người trong giáo xứ này, và cũng chỉ viếng thăm nhà vài người trong số đó, nhưng rồi anh ta phản đối mạnh mẽ cái nguyên tắc phải đi thăm viếng nhà giáo dân. Thật là muối bỏ biển khi so sánh số lượng người mà Ernest và Pryer đã trực tiếp nói chuyện với con số cần thiết đáng ra họ phải gặp gỡ nếu như muốn gây nên được nhiều tác động lên người ta dù theo cách nào đi nữa. Tại sao có khoảng từ mười lăm đến hai mươi ngàn dân nghèo trong giáo xứ, nhưng lại chỉ có một con số rất nhỏ đến những nơi thờ

phượng. Một số người đến các nhà nguyện không chính thống, số khác theo Công giáo, tuy nhiên có rất nhiều người thực tế được xem như vô tín ngưỡng, nếu không muốn nói là thù địch, thờ ơ với tôn giáo, còn số khác lại công khai tự nhận là vô thần, những kẻ ái mộ Tom Paine^[31], đối với Ernest đây là lần đầu tiên nó nghe đến những người này, nhưng chưa từng gặp và trò chuyện với bất kỳ ai trong số họ.

Liệu Ernest đã làm tất cả mọi điều được kỳ vọng nơi nó hay chưa? Có thể nói rằng nó đã làm đủ nhiều so với các giáo sỹ trẻ khác, nhưng đó chưa phải là lời đáp trả mà Chúa Giêsu Kitô muốn nhận, sao nào, ngay cả những kẻ giả hình cũng làm đủ những việc mà những kẻ giả hình khác làm, chẳng phải là vậy sao? Việc nó phải làm là đi ra các ngã đường lớn và đường hẻm để bắt người ta vào nhà thờ. Nó đã làm như vậy chẳng? Hay là họ đã khiến nó phải đứng ngoài không vào được trong nhà họ? Chẳng mấy chốc, nó bắt đầu cảm thấy bứt rứt khó chịu, và trừ phi giữ được sự tỉnh thức sắc sảo, nếu không nó sẽ vạt vờ thành một kẻ treo đầu dê bán thịt chó mà thôi.

Thật sự, theo nó nghĩ, tất cả sẽ sớm thay đổi ngay khi nó có thể lập ra được cái trường Đại học Bệnh học Phần hồn của nó, tuy nhiên mọi chuyện lại chẳng khả quan mấy với ‘cái mà mọi người mua ở nơi gọi là Sở Giao dịch Chứng khoán.’ Để kiếm tiền nhanh hơn, Pryer và nó quyết định sẽ mua thứ đó nhiều hơn mức nó có thể chi trả, với ý tưởng rằng trong vòng vài tuần hay vài ngày, chúng sẽ lên giá, rồi nó có thể bán chúng kiếm một khoản cực hời, nhưng tiếc thay, những thứ Ernest đã mua chẳng những không lên giá mà lại còn rớt giá ngay lập tức, và mãi vẫn chẳng chịu lên giá lần nữa, nên sau một vài phiên, nó bắt đầu thấy sợ hãi, bởi đã từng đọc trên báo rằng chúng sẽ còn xuống thấp nữa, và đi ngược lại với lời khuyên của Pryer, nó nhất quyết đòi bán hết, chịu lỗ khoản 500 bảng. Nó gần như đã bán hết sạch khi giá những cổ phiếu đó bắt đầu khả quan hơn, và nó thấy mình thật ngu ngốc còn Pryer quá khôn ngoan, bởi nếu như biết nghe lời của Pryer thì hẳn nó đã kiếm được năm trăm bảng rồi, thay vì phải mất đi cùng khoản tiền đó. Tuy vậy, nó tự nhủ rằng nó còn phải sống và học hỏi nhiều nữa.

Rồi đến lượt Pryer phạm sai lầm. Cả hai đã mua một số cổ phiếu, và chúng lên giá mạnh mẽ chỉ trong vòng hai tuần. Đây thật sự là thời điểm vui

về, khi đến hết tuần thứ hai, chúng không những thu hồi được khoản lỗ năm trăm bảng, mà còn kiếm thêm được ba hay bốn trăm bảng tiền lời nữa.

Tất cả những bồn chồn lo lắng của sáu tuần trước lúc mất năm trăm bảng, bây giờ đã tiêu tan hết chỉ còn lại sự phấn khích. Ernest muốn bán đi số cổ phiếu này để đảm bảo lợi nhuận, nhưng Pryer không chịu nghe, và cho rằng chúng sẽ còn tăng giá nữa, anh ta trưng cho nó một bài báo chứng minh lý lẽ của mình, và rồi đúng là chúng có lên giá thêm một chút, nhưng chỉ một chút thôi, bởi ngay sau đó chúng xuống giá và cứ xuống giá mãi. Ernest thấy đầu tiên là khoản lời ba bốn trăm bảng ra đi, rồi tiếp đến là khoản gỡ gạc năm trăm bảng, và rồi chúng còn tiếp tục xuống giá khiến nó mất thêm hai trăm bảng nữa. Có một tờ báo nói rằng những cổ phiếu này là thứ rác rưởi nhất từng được lên sàn, và Ernest không thể chịu đựng thêm được nữa, nó bán hết, lần này cũng là ngược với ý của Pryer, rồi khi chúng sớm lên giá trở lại, Pryer lại một lần nữa thể hiện mình trên cơ Ernest.

Ernest không quen với những thịnh suy kiểu này, và chúng khiến nó lo lắng đến đổi phát bệnh. Bởi thế, cả hai quyết định tốt hơn là nó không nên can dự gì vào việc kinh doanh này. Pryer giỏi kinh doanh hơn nó nhiều, và có thể coi sóc hết tất cả. Như thế là giải thoát cho Ernest khỏi những rắc rối và cũng tốt hơn cho việc kinh doanh, bởi theo lời của Pryer, thì những người yếu tim khó hy vọng thành công trong ngành mua bán cổ phiếu, hơn nữa khi thấy Ernest bồn chồn, Pryer cũng sẽ bị rơi vào tình cảnh tương tự, ít nhất thì anh ta nghĩ vậy. Còn về phần mình, Ernest chẳng còn gì ngoài đồng lương phụ tá và khoản trợ cấp nhỏ từ cha mình.

Từ những lá thư, vài người bạn của Ernest cũng đoán biết được đôi chút về những gì nó đang làm và cố hết sức để khuyên can nó, nhưng như một người trẻ tuổi đang yêu, nó vẫn chìm sâu trong mê muội. Lúc thấy bạn bè phản đối, nó liền xa lánh họ, còn họ chán nản với thói tự đại và những ý tưởng quá xa vời của nó, và cũng chẳng thấy có lỗi gì khi để mặc nó làm gì thì làm. Tất nhiên nó chẳng hé môi về những khoản đầu cơ của nó, thật sự là nó gần như không biết rằng chẳng có cái gì tốt đẹp mà lại mang tên là đầu cơ cả. Còn tại Battersby, khi cha nó hối thúc về bước thăng tiến tiếp theo,

thậm chí còn chỉ ra cho nó một hai điểm hứa hẹn, nó đều phản đối và thoái thác, cho dù luôn miệng hứa sẽ sớm làm theo ý muốn của cha.



Một nỗi phiền muộn mơ hồ khó định hình đang dần chiếm lấy Ernest. Tôi đã từng thấy một con ngựa rất nhỏ đang cố ăn một vài thứ cực kỳ rác rưởi, và nó chẳng thể nhận định những thứ đó tốt hay không. Rõ ràng, nó cần được chỉ dạy. Nếu mẹ nó thấy việc nó đang làm thì hẳn sẽ chình đốn ngay lập tức, và rồi chú ngựa con sẽ sớm được chỉ bảo cho biết thứ nó đang ăn là rác rưởi, nó sẽ nhận biết được và chẳng cần được chỉ dạy thêm lần nữa. Nhưng tự mình, nó chẳng thể xác định được vấn đề, và không có sự giúp đỡ thì nó cũng chẳng nhận thức được là nó thích thứ nó đang nhai hay không nữa. Tôi cho rằng nếu để mặc, thì dần dà nó cũng sẽ nhận ra được những điều này, nhưng như thế là lãng phí thời gian và chuốc lấy phiền hà, trong khi chỉ cần một cái nhìn của mẹ nó, mọi thứ sẽ được giải quyết ổn thỏa. Việc này cũng hết như hèm rượu đến một lúc nào đó sẽ tự lên men, nhưng nếu được cho thêm một chút men thì tiến trình sẽ nhanh hơn nhiều. Về vấn đề nhận thức những gì sẽ cho chúng ta được vui sống, thì hết thảy chúng ta cũng như hèm rượu vậy, nếu không có chất men thêm vào, chúng ta sẽ chỉ đạt được điều đó một cách chậm chạp và khổ sở.

Ernest bất hạnh của chúng ta lúc này cũng rất giống với chú ngựa con đó, hay đúng hơn là nó đang cảm nhận những gì mà con ngựa sẽ cảm nhận nếu mẹ nó và những con ngựa trưởng thành khác trong đàn cam đoan rằng thứ nó đang ăn là thức ăn bổ dưỡng nhất và tuyệt vời nhất có thể kiếm được. Nó quá bồn chồn khắc khoải mong làm điều đúng đắn, và sẵn sàng tin tưởng rằng tất cả mọi người đều hiểu biết hơn nó, và nó sẽ chẳng bao giờ mạo hiểm thừa nhận với chính mình là nó đang chạy theo một con đường sai lầm vô vọng. Nó chẳng bao giờ nghĩ được rằng có thể có một sai lầm nào đó,

đồng thời nó cũng chẳng cố gắng bao nhiêu để tìm xem sai lầm đó nằm ở đâu. Tuy thế, nỗi phiền muộn cứ đè nặng trên nó, và ngày càng chín muồi chực nổ tung nó ra, nhưng vẫn chỉ một mình nó không nhận thức được sự thật này.

Tuy nhiên, trong giấc mơ hồ đó, có một điều bắt đầu hiện rõ dần, và theo bản năng, Ernest cố để nắm bắt nó. Điều tôi muốn nói đến chính là sự thật rằng Ernest chỉ cứu được rất ít linh hồn, trong lúc hàng ngàn linh hồn khác đang hư mất đi mỗi giờ, mà nếu nó có được một chút sinh lực của đức ông Hawke thì hẳn đã có thể cứu vớt được họ rồi. Ngày này qua ngày khác, và nó đã làm được những gì? Nó vẫn giữ quá chuẩn các nghi thức, và cầu nguyện cho giá cổ phiếu lên xuống theo ý nó, để nó có đủ tiền phục hưng thế giới này. Nhưng trong lúc đó giáo dân đang chết dần mòn. Trước khi nó có thể áp dụng phương pháp bệnh học phần hồn cho người ta, thì đã có biết bao nhiêu người phải chịu kết tội đọa đày địa ngục vĩnh viễn. Tại sao nó không đứng ra và giảng dạy theo kiểu những người Biệt giáo đôi khi vẫn làm ở trường Lincoln's Inn và nơi những đường phố lớn? Nó có thể nói tất cả những gì mà ông Hawke đã nói. Hiện giờ trong mắt Ernest, ông Hawke chỉ là một kẻ tội nghiệp, bởi ông theo hạ phái, nhưng chúng ta phải biết học hỏi từ bất kỳ ai, và chỉ cần có đủ can đảm để lên tiếng, chắc chắn nó có thể tác động mạnh đến người nghe không thua gì lúc ông Hawke tác động đến nó. Nó cũng thấy những người đứng giảng nơi quảng trường đôi khi thu hút được một đám đông thính giả rất lớn. Dù gì đi nữa, nó có thể giảng tốt hơn họ kia mà.

Ernest gợi ý điều này với Pryer, nhưng anh ta lại xem đó là một ý tưởng quá tồi tệ chẳng đáng giữ trong đầu. Anh ta bảo chẳng gì có thể hạ giá sự cao quý của giáo sĩ và khiến Giáo hội bị khinh rẻ bằng hành động đó. Và anh thốt ra những lời này với vẻ cộc cằn và thậm chí là cực kỳ thô lỗ.

Ernest liền lĩnh thử phản đối Pryer một chút, nó thừa nhận việc nó định làm là bất thường, nhưng dù gì thì cũng phải làm một việc gì đó, và phải làm cho nhanh. Chẳng phải đây cũng là cách mà Wesley và Whitfield đã khởi đầu phong trào lớn vốn đã khơi lên đời sống tôn giáo trong hàng trăm ngàn người đó sao. Hiện giờ chẳng còn thời gian để giữ cái thể diện cao giá của

mình nữa. Chẳng phải Wesley và Whitfield đã làm những điều mà Giáo hội không làm, và nhờ đó có biết bao nhiêu người bỏ Giáo hội mà theo họ hay sao?

Pryer nhìn Ernest dò xét, và sau một lúc, anh ta lên tiếng, ‘Tôi chẳng thể biết bạn đang nghĩ gì nữa, Pontifex ạ, bạn vừa rất đúng mà cũng rất sai. Tôi chân thành đồng ý với bạn rằng nên làm điều gì đó, nhưng không thể làm điều đó theo cái cách mà kinh nghiệm đã chỉ ra rằng nó chẳng cho ta điều gì ngoài sự cuồng tín và biệt giáo. Chẳng lẽ bạn tán thành những kẻ theo phái Wesley ư? Chẳng lẽ bạn rẻ rúng những lời thề chúc thánh của mình đến nỗi nghĩ rằng những việc phụng vụ Giáo hội được cử hành trong hay ngoài nhà thờ đều như nhau ư? Nếu bạn nghĩ vậy, thì tôi nói thẳng, bạn chẳng đáng được phong chức, Còn nếu suy nghĩ của bạn không như vậy, thì xin nhớ rằng một trong bốn phận đầu tiên của một phó tế trẻ là tuân theo thẩm quyền Giáo hội. Giáo hội Công giáo lẫn Giáo hội anh giáo đều không cho phép các giáo sỹ của mình ra đứng đường mà giảng dạy, khi đã có đủ nhà thờ cho họ rồi.’

Ernest cảm thấy bị áp đảo, và Pryer cũng đã nhìn ra sự xao động trong nó. Anh ta tiếp tục với một giọng ân cần hơn, ‘Chúng ta đang sống trong một thời chuyển tiếp, và trong một đất nước dù đã thu gặt được nhiều nhờ công cuộc Kháng Cách, vẫn chưa nhận thức được những mất mát lớn lao đi kèm với nó. Bạn không thể và không được đem Chúa Kitô rêu rao giữa phố chợ như thể ở một nước ngoại đạo nơi người ta chưa từng được nghe biết về Ngài. Dân chúng London này đã có quá đủ những lời cảnh tỉnh cho họ. Tất cả mọi nhà thờ họ đi qua, đều là một lời chứng lên án lối sống của họ, và là một lời mời gọi họ sám hối. Tất cả mọi tiếng chuông nhà thờ họ nghe là một lời chứng chống lại họ, và tất cả những người họ gặp trong ngày Chủ nhật đang đi về phía giáo đường là một tiếng gọi cảnh tỉnh vang vọng từ Thiên Chúa. Nếu vô số những tác động này chẳng gây được ảnh hưởng nào trên họ, thì vài lời thoáng qua của bạn sẽ làm được gì đây? Bạn hết như người Phú hộ, nghĩ rằng người ta sẽ nghe theo lời một người trở về từ cõi chết. Có thể sẽ như vậy, nhưng rồi bạn không thể tự cho mình là một người từ cõi chết trở về.’^[32] Mặc dù Pryer nói những lời cuối cùng trên với vẻ tươi cười,

nhưng trong đó vẫn có chút khinh thị khiến Ernest rụt lại, dù vậy, nó cũng khá khuất phục rồi, nên cuộc trao đổi kết thúc ở đây. Tuy nhiên, những lời qua tiếng lại này khiến Ernest, không phải là lần đầu, thấy rõ trong lòng sự khó chịu đối với Pryer, và có ý gạt quan điểm của anh ta qua một bên, không công khai, nhưng ngấm ngầm, và cũng chẳng cần phải cho anh ta biết.



Ernest gần như đã tránh xa Pryer ngay cả trước khi có những xích mích khác khiến tăng thêm sự bất mãn trong nó. Như tôi đã nói, nó đã sa vào một bọn trộm cướp và lừa gạt linh hồn, những kẻ gieo cho nó những thứ tầm thường mà nó chẳng thể nhận ra, nó quá ấu trĩ và chẳng có chút kinh nghiệm nào ngoại trừ những gì được học ở trường. Trong số những thứ hèn kém len lỏi vào và được nó giữ lấy, có một nhận định kiểu như thế này: người nghèo tử tế hơn người giàu và người có học nhiều. Ernest nói rằng nó luôn đi tàu khoang hạng ba không phải vì giá rẻ hơn, mà vì những người trong khoang hạng ba dễ chịu và cư xử phải phép hơn. Nó cũng khẳng định những thanh niên dự lớp học buổi tối của mình nói chung là những người thông minh hơn và trật tự hơn đại đa số những người học ở Oxford và Cambridge. Chàng trai gốc nghèo của chúng đã được Pryer nói cho nghe những chuyện này, nắm bắt hết và còn đào sâu nó hơn nữa.

Tuy nhiên, một tối nọ, nó bắt gặp một người đang đi dọc con đường nhỏ không xa nơi nó ở, chao ôi, đó là Towneley, trông thật đầy sinh lực và tinh thần sáng khoái hơn bao giờ hết, thậm chí còn điển trai hơn lúc anh ta còn ở Cambridge nữa. Ernest thích anh chừng nào thì lại thấy ngại nói chuyện với anh chừng đó, và nó cố để đi qua anh mà không biểu hiện gì, nên khi Towneley nhìn thấy và gọi nó lại, nó liền cảm giác thật vui vì được gặp lại một bạn cũ ở Cambridge. Trong một thoáng, Towneley hơi bối rối vì sự thân thiết trong mắt của Ernest, nhưng anh bình tĩnh lại ngay nên hầu như Ernest chẳng thể nhận ra điều đó, rồi anh thân tình gợi nhớ lại vài chuyện cũ. Ernest cảm thấy nao núng khi đôi mắt Towneley dò xét dải băng trắng của nó, và khi thấy anh cho rằng, đúng hơn là thất vọng cho rằng, nó là một giáo

sỹ. Towneley khẽ thay đổi sắc mặt, một chút thôi, nhưng Ernest đã cảm nhận được điều đó.

Towneley nói vài lời xã giao về nghề nghiệp của anh và nghĩ đó là công việc hứng thú nhất đối với mình, còn Ernest, vẫn còn bối rối và ngượng ngùng, chẳng biết nói gì nên đành kể với anh cái suy nghĩ tầm thường của nó rằng những người nghèo rất tử tế. Towneley xem những lời nó nói cũng đáng để suy nghĩ và gật đầu đồng ý, bởi vậy Ernest khinh suất đi xa hơn mà hỏi rằng: ‘Bản thân anh có đặc biệt yêu thích những người nghèo không?’

Towneley nhăn nét mặt một cách kỳ cục nhưng vẫn đang hoang, và nói nhỏ nhẹ, nhưng chậm rãi và dứt khoát, ‘Không, không, không,’ rồi bỏ đi.

Từ lúc đó trở đi, mọi thứ đều sụp đổ đối với Ernest. Như thói thường, nó chẳng nhận ra được điều đó, nhưng nó đã có một phản ứng khác. Towneley đã vừa lấy cái suy nghĩ tầm thường của Ernest ra xem, rồi trả lại nó như thể một thứ tồi tệ. Tại sao lúc này nó thấy được cái suy nghĩ đó là thứ tồi tệ, nhưng lại chẳng thể nhìn ra được vậy khi Pryer truyền đạt cho nó? Tất nhiên, có vài người nghèo rất tử tế, và sẽ luôn như vậy, nhưng mắt nó đã mở ra và nó thấy rằng chẳng ai trở nên tốt hơn nhờ sự nghèo túng, và giữa hai tầng lớp xã hội cao và thấp, có một hẻm vực thực sự chẳng thể vượt qua được.

Tối hôm đó nó đã nghĩ ra được nhiều điều. Nếu Towneley đúng, và Ernest thấy rằng cái tiếng ‘Không’ của anh ta không chỉ đúng khi nói về những người nghèo, mà còn đúng với toàn bộ kế hoạch và mục tiêu phục vụ cho cái ý tưởng hiện thời của nó. Chắc hẳn nó và Pryer đã đi lầm đường rồi. Towneley không đồng tình với nó, anh chỉ nói một lời mà thôi, một lời ngắn gọn nhất, nhưng Ernest đang trong một tình trạng sẵn sàng để đón nhận, và ngay lúc một chút ít ỏi đó len vào, nó liền gây hiệu lực ngay lập tức.

Điều nó nghĩ bây giờ là xét xem quan điểm nào về đời sống và mọi chuyện đúng đắn hơn, và ai là người đáng để nó noi theo hơn, Towneley hay Pryer? Con tim cho nó câu trả lời ngay lập tức chẳng chút lưỡng lự. Khuôn mặt của những người như Towneley có vẻ cởi mở và tử tế, trông chúng như thể rất thanh thản, và có lẽ sẽ khiến những ai nhìn chúng cũng được thanh thản. Còn khuôn mặt của Pryer và đám bạn của anh ta không như vậy. Tại

sao ngay khi vừa gặp Towneley lòng nó đã ngăm rợn lên? Anh chẳng phải là một Kitô hữu hay sao? Chắc chắn, và tất nhiên anh tin vào Giáo hội anh giáo. Như thế thì làm sao nó có thể phạm sai lầm khi cùng thực hành đức tin chung của nó và Towneley được? Nó đang cố để sống một đời tận hiến âm thầm khiêm tốn, trong khi đó, theo những gì nó thấy, Towneley không cố để làm như vậy, anh ta chỉ cố để sống thư thái trong thế giới này, và để trông có vẻ, cũng như thực sự, tử tế hết sức có thể. Anh đúng là một người tử tế, và Ernest biết những người như nó và Pryer không tử tế, rồi bởi thế nó lại chìm sâu vào phiền muộn. Rồi nó nghĩ đến một chuyện còn tệ hơn nữa, đó là sẽ ra sao nếu nó không chỉ rơi vào tay những kẻ trộm cướp linh hồn mà còn trộm cướp luôn cả vật chất? Nó chỉ biết rất ít về tình hình số tiền của mình, nó đã giao tất cả cho Pryer, và dù anh ta luôn đưa tiền cho nó bất cứ lúc nào nó cần, nhưng dường như nó chẳng thể kiên nhẫn khi cứ phải hoài nghi về toàn bộ số tiền còn lại giờ đang được dùng vào việc gì. Pryer nói rằng một phần trong thỏa thuận sẽ là để anh ta lo về số tiền đó, và như thế Ernest nên giữ thỏa thuận đó nếu không, anh ta sẽ từ bỏ hoàn toàn cái Đại học Bệnh học Phần hồn này, và bởi vậy Ernest bị uy hiếp rồi đành chịu thua, hoặc nếu chiếu theo cái giọng đùa cợt của Pryer, cũng có thể là nó đang bị phỉnh phờ. Ernest nghĩ rằng nếu chất vấn thêm sẽ có vẻ như nó nghi ngờ lời của Pryer, và như thế có lẽ là đi quá xa để có thể rút lui trong giới hạn và danh dự. Tuy nhiên, làm như vậy, nó cũng cảm thấy mình đang lao vào những rắc rối không cần thiết. Pryer là một kẻ có đôi chút bất nhẫn, nhưng cũng là một người lịch sự và một doanh nhân đáng nể trọng, cho nên chắc chắn tiền của nó rồi sẽ về lại với nó một ngày nào đó thôi.

Về vấn đề cuối cùng này, Ernest tự khiến mình yên lòng được, nhưng còn những vấn đề khác nữa khiến nó bắt đầu cảm thấy như thế nó phải được cứu thoát khỏi cảnh này, và hẳn sẽ có một người Samari tốt bụng vội vã chạy đến cứu nó, từ một nơi nào đó nó vẫn chưa biết.



Ngày hôm sau nó mạnh mẽ trở lại. Đêm trước, nó đã nghe theo tiếng gọi ma quỷ, và bây giờ sẽ bỏ hoàn toàn những suy nghĩ sai trái đó. Nó đã chọn làm giáo sỹ, và bốn phận của nó là phải vững lòng kiên trì trong nghiệp này. Nếu nó cảm thấy bất hạnh thì rõ ràng đó là bởi nó đã không từ bỏ tất cả vì Chúa Kitô. Chúng ta hãy cứ để mặc nó xem thử liệu nó có thể làm được gì hơn những thứ nó đang làm hay không, rồi có lẽ sau đó nó sẽ thấy ánh sáng để bước theo.

Thật tốt khi khám phá ra được rằng nó không thích người nghèo cho lắm, nhưng nó đã cố gắng để đi ngược lại suy nghĩ thật của mình, bởi vì những người nghèo chính là công việc của nó. Những người như Towneley rất tử tế và ân cần, nhưng chỉ khi nó không lên giọng dạy dỗ họ. Còn với những người nghèo, nó dễ chi phối hơn nhiều. Mặc kệ Pryer chế nhạo, nó đã quyết tâm sẽ đến giữa những người nghèo, và cố gắng đưa Chúa Kitô đến với họ nếu như họ không tự mình đến và tìm kiếm Ngài. Và điểm xuất phát chính là ngôi nhà nó đang ở này. Ai sẽ là người nó tìm đến đầu tiên đây? Chắc chắn tốt nhất nó nên bắt đầu với người thợ may sống ngay trên đầu nó. Như thế thật hợp lý, không chỉ bởi ông ta là một trong những người có lẽ cần được hoán cải nhất, mà còn bởi một khi đã được hoán cải, ông ta sẽ không còn đánh vợ lúc hai giờ đêm, và mọi người trong nhà này sẽ được yên tĩnh thanh bình hơn nhiều. Nghĩ thế, nó liền định đi lên lầu và bắt đầu tìm cách nói chuyện nhẹ nhàng với ông ta.

Trước lúc làm vậy, nó nghĩ rằng sẽ tốt hơn nếu như có được một kế hoạch cho chiến dịch này, do đó nó cố nặn cho ra một vài câu đối đáp hay, có thể dùng được nếu như ông Holt thợ may đủ đàng hoàng để trả lời đúng những

gì nó đặt ra cho ông. Nhưng đây là một kẻ vô cùng nặng nề thô lỗ, với tính khí hoang tàn, và Ernest buộc phải nhìn nhận rằng thế nào cũng sẽ có những chuyện ngoài dự kiến gây khó khăn cho nó. Người ta nói chín thợ may mới bằng một con người, nhưng mà nó thấy là ít nhất chín Ernest mới bằng một ông Holt. Nếu như ngay lúc nó mới bước vào, ông ta đã dùng đến những lời sỉ vả và bạo lực thì sao? Nó có thể làm gì đây? Ông ta đang ở trong phòng trọ của mình và có quyền không cho người khác quấy rầy. Đó đúng là một quyền về mặt pháp luật, nhưng mà ông ta có quyền về mặt đạo đức hay không? Khi nhìn vào đời sống của ông ta, Ernest nghĩ là không. Nhưng tạm gác chuyện này sang một bên đã, chẳng may ông ta dùng đến bạo lực, thì nó phải làm gì đây? Thánh Phaolô đã đấu nhau với thú hoang khi ở Ephesus, hẳn là kinh khủng lắm, nhưng có lẽ đám thú đó không đến nỗi quá hoang dã, một con thỏ hay chim bạch yến cũng có thể là thú rừng hoang mà, nhưng dù đám thú đó có khủng khiếp đến mấy cũng chẳng đấu nổi thánh Phaolô, bởi ngài có thần lực, phép lạ có thể xảy ra và lũ thú bỏ chạy mà chẳng cần ngài làm gì hết, nhưng dù vậy đi nữa, Ernest cũng chẳng dám hoán cải cho ông Holt bằng cách đấu với ông đâu. Còn sao nữa, lúc nó nghe bà Holt hét lên ‘quân giết người,’ nó đã chẳng co rúm lại trong bộ đồ ngủ, và nằm im chờ đợi, nghĩ rằng máu sẽ chảy thấm qua sàn nhà rơi xuống đầu nó. Lúc đó, trí tưởng tượng của nó biến tất cả mọi âm thanh nghe được thành những tiếng máu nhỏ giọt, và một hai lần nó có cảm tưởng như thể máu đang nhỏ xuống khăn phủ giường của nó, nhưng chẳng bao giờ nó dám đi lên lầu để giải cứu cho bà Holt tội nghiệp. May thay, sáng hôm sau, bà ấy vẫn xuất hiện và hoàn toàn khỏe mạnh bình thường.

Lúc Ernest đang tuyệt vọng chẳng thể tìm ra được cách nào tốt để khơi mào cuộc đối thoại tâm linh với ông hàng xóm này, thì bỗng nảy lên trong đầu nó rằng có lẽ tốt hơn nó nên bắt đầu bằng việc cứ đi lên lầu, và gõ cửa phòng ông Holt thật nhẹ nhàng. Nó sẽ đặt mình dưới sự hướng dẫn của Thánh Thần, và hành động tùy theo những gì hoàn cảnh đẩy đưa đấy. Điểm này khiến tôi cho rằng hoàn cảnh có lẽ là một tên khác của Thánh Thần chẳng? Được thúc đẩy bởi suy nghĩ này, nó khá hăng hái bước lên lầu trên, và lúc đang chuẩn bị gõ cửa, thì bỗng nghe tiếng ông Holt rửa xả thậm tệ vợ

mình. Việc này khiến nó ngừng lại một lát để nghĩ xem liệu sau những tiếng xầu xa đó có xuất hiện một điềm tốt hay không, và trong lúc nó đang còn lưỡng lự, thì ông Holt nghe được có ai đó đang đứng ngoài cầu thang, bèn mở cửa thò đầu ra. Khi thấy Ernest, ông làm một động thái khó ưa, nếu không muốn nói là có ý xúc phạm, có lẽ nhắm đến Ernest và cũng có lẽ là không, nhưng cái nhìn của ông quá đáng sợ đến nỗi chàng trai của chúng ta ngay lập tức có một mặc khải Thánh Thần không giải thích được thôi thúc nó nên tiếp tục đi lên lầu trên ngay lập tức, như thể nó chưa bao giờ có ý định đến phòng ông Holt vậy, và rồi nó vào phòng ông bà Baxter ở tầng trên cùng và hoán cải cho họ. Nó đã làm vậy đó.

Ông bà Baxter, những con người tử tế đã rộng cánh tay chào đón Ernest và khá sẵn lòng muốn nói chuyện. Nó bắt đầu thử cải đạo cho họ từ phái Giám lý qua Giáo hội anh giáo, và ngay lúc đó nó bỗng thấy lúng túng khi nhận ra rằng mình chẳng biết chút gì về phái Giám lý, đạo gốc của hai vợ chồng họ. Nó biết, hoặc nghĩ là nó biết, về Giáo hội anh giáo, còn về phái Giám lý, nó chẳng biết được gì ngoài cái tên. Khi được ông Baxter nói cho biết rằng phái Giám lý có một hệ thống kỷ luật Giáo hội rất nghiêm ngặt, vận hành rất tuyệt vời trong thực tế, thì nó chợt thấy rằng John Wesley đã nhìn ra được cái kỹ năng vận hành tâm linh mà nó và Pryer đang chuẩn bị tiến hành, rồi khi rời phòng nó nhận ra rằng ông Baxter là người nồng nhiệt đạo đức hơn nó tưởng. Nhưng chắc chắn nó phải giải thích với Pryer về việc những người phái Giám lý có một hệ thống kỷ luật Giáo hội. Điều này rất quan trọng đối với nó.

Ông Baxter khuyên nó đừng dính dáng gì đến ông Holt, và nhờ nghe được vậy nó thấy mình được nhẹ nhõm đi nhiều. Nếu có một cơ hội nào đó để thay đổi tâm hồn ông Holt, nó sẽ làm, nó sẽ xoa đầu những đứa trẻ nhà ông ta khi gặp chúng trên cầu thang, và cố lấy lòng chúng hết sức có thể, bởi chúng là những đứa trẻ hiếu động và thậm chí Ernest hơi e sợ chúng, bởi miệng lưỡi chúng quá lanh và biết quá nhiều so với tuổi. Ernest cảm thấy nếu cột một cối đá vào cổ rồi ném nó xuống biển còn hơn là chọc vào một trong những đứa nhóc nhà Holt. Tuy thế, nó sẽ không cố để làm phật lòng chúng, có lẽ thỉnh thoảng cho một hai xu sẽ thu phục được chúng. Đây là tất

cả những gì nó có thể làm được, bởi nó thấy rằng những nỗ lực khác của mình, dù đúng lúc hay không đúng lúc, và dù có làm theo lời thánh Phaolô đi nữa, thế nào cũng sẽ bị thất bại ngay lập tức.

Bà Baxter không tiếc lời chê bai về cô Emily Snow, người ngụ nơi tầng hai sát phòng ông Holt. Những gì bà kể về cô khá khác biệt với lời của bà chủ nhà Jubb. Chắc chắn cô ta cũng sẽ sẵn lòng đón nhận sự giúp đỡ của Ernest như với mọi người đàn ông khác, nhưng cô ta không phải là một gia sư, mà ở trong đoàn ba lê Drury lane, và hơn nữa, cô ta còn là một cô gái hư hỏng, và nếu bà là chủ nhà, thì sẽ chẳng cho cô ta và cả bà Jubb trú ngụ ở đây dù chỉ một phút.

Còn cô Maitland cạnh phòng ông bà Baxter là một người trầm tính và đáng trọng về mọi mặt, bà Baxter chẳng bao giờ biết chuyện gì đang diễn ra trong phòng cô, nhưng lạ Chúa, tầm ngăm đánh chết voi, cả hai cô này đều như nhau, tệ hại như nhau mà thôi. Có nhiều lúc cô ta chẳng ra thể thống gì, và lúc thấy được việc đó, thì mọi chuyện sẽ rõ hết mà thôi.

Ernest không chú ý lắm đến những lời bôi nhọ của bà Baxter, bởi bà Jubb là người biết rõ hết mọi chuyện đã cảnh báo nó đừng tin những lời độc địa của bà Baxter.

Bà Jubb bảo nó rằng người đàn bà này luôn luôn ghen tị với mọi người, và rõ ràng là những cô gái trẻ này xinh đẹp lôi cuốn hơn bà ta, nên tất nhiên bị ghen tị nhiều hơn. Nếu những lời bà Baxter nói về hai cô gái này chỉ là sự vu khống thì chẳng có lý gì để nó không làm quen với họ, và nếu những lời đó là sự thật, thì họ càng cần đến sự giúp đỡ của nó hơn nữa. Nó sẽ thay đổi và hoán cải cho họ ngay.

Ernest nói cho bà Jubb nghe ý định của nó. Lúc đầu bà ta cố ngăn cản, nhưng khi thấy nó quá kiên quyết, bà bèn gợi ý rằng có lẽ bà nên gặp trước cô Snow, để chuẩn bị cho cô khỏi ngỡ ngàng khi nó đến thăm. Hiện giờ cô không có nhà, nhưng ngày mai nó có thể gặp cô được rồi. Còn trong lúc đó, tốt hơn nó nên thử với ông Shaw, người thợ hàn ở gian phòng trước căn bếp. Bà Baxter đã nói với Ernest là ông Shaw xuất thân từ miền Bắc, và tự nhận là một người tự do về tư tưởng, có thể ông sẽ thích được thăm viếng, nhưng bà không nghĩ là Ernest có nhiều cơ hội để hoán cải cho ông đâu.



Trước khi xuống nhà bếp để hoán cải cho ông thợ hàn, Ernest lướt qua bài phân tích về những lập luận của Paley, và bỏ theo trong túi áo một bản sao của tác phẩm ‘Những nghi vấn lịch sử’ của Tổng giám mục Whateley. Rồi nó lần bước xuống cầu thang rệu rã và gõ cửa phòng ông Shaw. Ông tỏ ra rất lịch sự, và nói rằng ông đang định làm việc bây giờ, nhưng nếu Ernest không phiền vì tiếng búa thì ông rất vui lòng được tiếp chuyện nó. Chàng trai của chúng ta đồng ý, và không lâu sau bắt đầu lèo lái đến quyển ‘Những nghi vấn lịch sử’, một tác phẩm có xu hướng chỉ ra rằng chưa từng có một ai được như Napoleon Buonaparte, và châm biếm lập luận của những người công kích các phép lạ Kitô giáo.

Ông Shaw bảo rằng mình biết rất rõ quyển sách này.

‘Và ông nghĩ gì về nó?’ Ernest hỏi, nó xem quyển sách nhỏ này như là một kiệt tác trí tuệ và lập luận.

‘Nếu anh thực sự muốn biết,’ ông Shaw trả lời với cái nháy mắt đầy ranh mãnh, ‘Tôi nghĩ rằng một người muốn và có thể chứng minh được rằng những gì hữu thực không tồn tại, cũng sẽ đủ khả năng và đầy mong muốn để nghĩ rằng những gì vô thực đã tồn tại, nếu như điều đó phù hợp với mục đích của anh ta.’ Ernest rất đỗi kinh ngạc. Tại sao những người thông tuệ ở Cambridge chưa bao giờ dạy nó cái phản biện đơn giản này? Câu trả lời quá đơn giản, lý do họ không phát triển lập luận đó cũng hết như lý do vì sao con gà không phát triển chân có màng, nghĩa là bởi họ không muốn làm như thế, nhưng đó là kiểu hành động trước thời có thuyết tiến hóa, và lúc này Ernest vẫn chưa thể biết được chút gì về cái nguyên tắc lớn ẩn dưới hành động lấp liếm này.

‘Anh thấy đó,’ ông Shaw tiếp tục, ‘những tác giả này kiếm sống nhờ viết lách theo một đường hướng nhất định, và càng viết theo lối đó chừng nào, họ càng dẫn sâu vào nó chừng đó. Anh không nên coi họ là bất lương vì việc này, bởi như một thẩm phán cũng chẳng thể coi luật sư là bất lương khi kiếm sống bằng cách biện hộ cho một người mà anh ta biết chắc là có tội, nhưng anh phải nghe lời của luật sư phản biện trước khi ra phán quyết.’

Đây lại là một đòn phủ đầu khác. Ernest chỉ có thể lắp bắp rằng nó đã cố gắng để thẩm xét những vấn đề này cẩn thận hết sức có thể.

‘Anh nghĩ là anh đã làm vậy,’ ông Shaw đáp lời, ‘anh đó, một chàng trai Oxford và Cambridge nghĩ rằng anh đã thẩm xét tất cả mọi sự. Còn phần mình, tôi chẳng thẩm xét bao nhiêu ngoại trừ những đáy nôi đáy vung, nhưng nếu anh trả lời cho tôi một vài câu hỏi, tôi sẽ cho anh biết liệu anh đã thẩm xét được nhiều hơn tôi hay chưa.’

Ernest tỏ ra rất háo hức sẵn sàng được hỏi.

‘Rồi,’ người thợ hàn bắt đầu, ‘hãy kể cho tôi câu chuyện về biến cố Phục Sinh của Chúa Giêsu theo trình thuật thánh Gioan.’^[33]

Tôi rất tiếc phải nói rằng Ernest lẫn lộn bốn trình thuật này một cách tồi tệ, thậm chí nó còn kể rằng thiên thần hạ xuống lăn tảng đá ra và ngồi trên đó nữa. Nó bối rối khủng khiếp khi ông Shaw chẳng cần sách cũng chỉ ra được những điểm sai của nó, và rồi sau đó mở Kinh Thánh ra để khẳng định lại những nhận xét của mình.

‘Nào,’ ông Shaw nói với giọng nhẹ nhàng, ‘tôi là một kẻ già còn anh là người trẻ, cho nên có thể anh sẽ không phiền khi tôi cho anh một chút lời khuyên. Tôi thích anh, bởi tôi tin anh có ý tốt, nhưng anh đã bị dạy dỗ thực sự quá tệ hại, và tôi không nghĩ là anh có nhiều cơ hội để cải thiện nó. Anh chẳng biết chút gì về những khía cạnh khác nhau của vấn đề, tôi vừa mới chỉ cho anh thấy rằng anh chẳng biết gì ngoài lối suy nghĩ của anh, nhưng tôi cũng nghĩ rằng một ngày nào đó, anh sẽ nên giống như Carlyle^[34]. Bây giờ thì anh hãy lên phòng và đọc những đoạn về biến cố Phục sinh, nhưng đừng trộn lẫn chúng với nhau, mà phải xác định được ý tưởng chính xác mỗi tác giả muốn nói với chúng ta là gì, rồi nếu anh muốn ghé lại thăm tôi lần nữa, tôi rất vui lòng chào đón anh, bởi tôi biết anh đã có một khởi đầu tốt nhưng

lại khiến cho nó tồi tệ đi. Còn bây giờ cho đến lúc đó, tôi chúc anh một buổi sáng tốt lành.’

Ernest rút lui trong xấu hổ. Một tiếng đồng hồ đủ để nó thực hiện việc ông Shaw đã gợi ý, và đến cuối giờ, vẫn vắng vắng bên tai nó là tiếng ‘Không, không, không’ hết như những gì nó từng nghe được từ Towneley, cứ mỗi trang Kinh Thánh lần giở ra, tiếng đó lại càng vang vọng to hơn, nhất là những lúc gặp các sự kiện quan trọng nhất. Chắc chắn, những nỗ lực của nó trong ngày đầu tiên này chỉ toàn là những cuộc gặp gỡ gây xáo trộn, và hoàn toàn đập tan những nguyên tắc của nó, tựu trung, ngày hôm nay không hoàn toàn vô ích. Nhưng nó phải đi nói những chuyện này với Pryer. Bởi thế ăn trưa xong nó liền đến phòng trọ của anh ta. Nhưng anh ta lại không có nhà, nên nó đi vẩn vơ quanh phòng đọc sách của Bảo tàng Quốc gia, rồi chợt gặp quyển ‘Dấu tích Sáng tạo,’ một quyển sách mà nó chưa từng biết đến, và rồi dành cả buổi chiều để đọc nó.

Suốt ngày hôm đó, nó vẫn không tìm thấy Pryer, nhưng sáng hôm sau nó gặp được anh ta đang trong tâm trạng vui vẻ, vốn hơi lạ so với những ngày gần đây. Thật sự thì đôi lúc, Pryer có những cư xử khiến người ta phải hoài nghi về sự hòa hợp trong công việc giữa hai người một khi cái Đại học Bệnh học Phần hồn được lập nên. Dường như rõ ràng anh ta đang cố áp đặt một uy lực tinh thần lên Ernest, biến nó thành một kẻ dưới mà thôi.

Anh ta chẳng nghĩ được là có thể mình đã đi quá xa, mà thật sự là vậy, khi nghĩ về sự ngốc nghếch và thiếu kinh nghiệm của Ernest, tôi phải thừa nhận rằng suy nghĩ của Pryer phần nào cũng hợp lý theo hoàn cảnh mà thôi.

Tuy nhiên, thực tế lại không như vậy. Niềm tin Ernest đặt vào Pryer quá lớn để có thể vụn vỡ trong chốc lát, nhưng về sau càng ngày nó càng suy giảm đi đáng kể. Ernest đã rất cố gắng ép mình để không nhận ra điều đó, nhưng bất kỳ người ngoài cuộc nào cũng có thể thấy được mối quan hệ này có thể đổ vỡ bất kỳ lúc nào, bởi hễ một khi, một trong những đường bay tán loạn của Ernest xuất hiện, thì nó sẽ nhanh chóng lao theo lối đó. Tuy vậy, thời điểm đó vẫn chưa đến, và nhìn bề ngoài thì sự thân thiết giữa hai người vẫn hết như trước. Chỉ duy nhất mỗi chuyện đầu tư tiền bạc khủng khiếp gây nên những khó chịu giữa hai người họ, và tất nhiên Pryer luôn là người có

lý, còn Ernest phải chuốc lấy nhiều bực dọc. Và chuyện đó vẫn cứ kéo dài cho đến tận lúc này.

Dù đã bị chấn động bởi cuộc chuyện trò với ông Shaw, và đã xem qua quyển ‘Dấu tích’, nhưng với cái lối thường có của nó, Ernest vẫn chẳng mấy nhận ra những thay đổi đang xảy ra trong nó. Mọi lần như một, cái thói quen cũ lại dẫn nó đi theo những chiều hướng cũ. Bởi vậy, nó tìm đến Pryer, và nói chuyện với anh ta khoảng một tiếng đồng hồ hoặc hơn.

Nó không kể cho anh ta việc mình đang đi thăm viếng các nhà lân cận, bởi với Pryer, việc này chỉ chọc anh ta điên tiết lên mà thôi. Nó chỉ nói theo lối cũ về cái Đại học dự kiến, về việc thiếu chú tâm đến những vấn đề tâm linh đang là đặc tính của xã hội hiện thời, và về những vấn đề tương tự khác, nó tóm lại câu chuyện bằng cách nói rằng nó e là Pryer thực sự đúng, và chúng chẳng thể làm gì để thay đổi tình trạng này.

‘Về giáo dân,’ Pryer nói, ‘chẳng thể làm được gì cho họ, chúng ta hoàn toàn bất lực cho đến khi có được một kỷ luật để áp đặt lên họ bằng hình phạt và đau đớn. Làm sao một con chó chần cừu có thể điều khiển được đàn cừu nếu ngoài việc sửa inh lên nó không thể đôi lúc cắn vài con cừu để dọa nạt? Nhưng về phần mình, chúng ta còn có thể làm hơn thế nữa.’

Suốt cuộc chuyện trò, Pryer cư xử rất lạ, như thể anh ta cứ mãi nghĩ về một chuyện gì khác. Đôi mắt anh ta tọc mạch dò xét Ernest, như lâu nay nó vẫn để ý thấy vậy. Nó còn thấy anh ta luôn miệng nói về kỷ luật Giáo hội, nhưng theo cách nào đó cái kỷ luật này luôn nhắm đến giáo dân chứ không phải là các giáo sỹ, rồi luôn bỏ lửng ngang đó, và có lần thực sự Pryer đã kêu lên ‘Ôi thôi, cái Đại học Bệnh học Phần hồn đáng ghét.’ Còn bàn về giáo sỹ, thỉnh thoảng trong lời nói thánh thiện của Pryer vẫn để thoáng lộ cái đuôi chồn to tướng, nghĩa là anh ta xem lớp giáo sỹ hoàn hảo về mặt lý thuyết và chỉ đôi chút sai sót trong thực tế. Anh ta bồn chồn, như thể muốn đạt đến một điểm mà chẳng cần mạo hiểm đã động đến nó, và cứ mãi lăm nhăm về sự thiếu sót trầm trọng trong việc xác định ranh giới giữa tốt và xấu, cũng như việc làm sao nửa số thói xấu cần phải được điều chỉnh thay vì cấm đoán. Anh ta cũng nhấn mạnh đến những lợi ích của việc cởi mở hoàn toàn, và bóng gió rằng có những điều bí ẩn mà Ernest chưa được biết đến,

nhưng nếu nó học biết được thì sẽ khai sáng cho nó, và anh ta sẽ cho nó biết đó là điều gì khi thấy nó đã đủ mạnh để đón nhận.

Pryer thường như thế trước đây, nhưng đối với Ernests, dường như chưa bao giờ anh ta đến quá gần điểm cần nói, dù nó chẳng thể hiểu cho đủ điểm đó là gì. Sự bồn chồn của Pryer lộ ra đến nỗi Ernest cũng nhận thấy, và có lẽ thêm một chút thời gian nữa thôi anh ta sẽ nói cho nó biết được lý do vì sao, nhưng đột ngột có người đến thăm và gián đoạn cuộc trò chuyện. Chúng ta sẽ chẳng biết câu chuyện này kết thúc ra làm sao, bởi đây là lần cuối cùng Ernest gặp lại anh ta. Có lẽ điều mà Pryer muốn nói chính là những tin xấu về khoản đầu tư của Ernest.



Ernest về nhà và giam mình trong phòng đến tận buổi ăn trưa, để nghiên ngẫm những chú giải của viện trưởng Alford về các trình thuật Tin mừng khác nhau viết về biến cố Phục sinh, theo những gì ông Shaw đã dạy nó, và điều nó cố tìm cho ra không phải là để xác nhận là cả bốn bản đều chính xác, mà là để xét xem bốn bản này liệu có chính xác hay không. Nó không quan tâm việc này sẽ dẫn nó đến đâu, mà chỉ kiên quyết phải đạt được một kết luận nào đó. Khi đã đọc xong những chú giải của viện trưởng Alford, nó nhận ra một điều, đó là không một ai thành công trong việc đưa bốn bản Phúc âm này hòa hợp tương đối với nhau được, và Alford, khi thấy mình, cũng hết như những người đi trước, chẳng có chút cơ may nào thành công trong việc này, đã khuyên người ta nên tin toàn bộ diễn tiến này như là điều có thật, nhưng đó không phải việc Ernest muốn làm.

Nó ăn trưa, rồi đi dạo cho đến tận sáu giờ rưỡi mới về dùng bữa tối. Trong lúc dọn bữa, gồm một miếng thịt rán và một panh bia, bà Jubb cho nó biết là cô Snow rất vui lòng được gặp nó trong vòng một tiếng nữa. Điều này khiến nó lúng túng, bởi tâm trí nó đang quá rối loạn để có thể nghĩ đến chuyện hoán cải cho bất kỳ ai khác. Nó suy tính một lúc, rồi thấy rằng thay vì để những sự việc kia làm chần động tư tưởng, nó buộc phải đến thăm cô gái này ngay, như thể chưa có chuyện gì xảy ra với nó vậy. Có lẽ sẽ không tốt cho nó khi cố tránh cuộc gặp này, bởi dù gì thì người ta cũng biết là nó đã về đến nhà rồi. Nó không nên quá vội vã bất thần thay đổi quan điểm về một vấn đề nghiêm trọng là những lý chứng về sự Phục Sinh của Chúa Kitô, ngoài ra hôm nay, nó cũng không cần phải nói với cô Snow về chủ đề này, có nhiều điều khác để nó nói kia mà. Nhưng chuyện khác là chuyện gì?

Ernest thấy tim nó đập nhanh và mạnh, và tiếng nói trong lòng cảnh báo rằng nó đang suy nghĩ đến một điều gì khác chứ không phải là về linh hồn của cô Snow.

Nó nên làm gì bây giờ? Trốn chạy, trốn chạy và trốn chạy, chỉ có vậy mới an toàn nhất. Nhưng Chúa Kitô có trốn chạy hay không? Ngay cả khi Chúa không chết và sống lại từ cõi chết thì vẫn chắc chắn rằng Ngài là hình mẫu mà chúng ta phải noi theo? Chúa Kitô sẽ không trốn chạy khỏi cô Snow, Ernest chắc chắn như vậy, bởi Chúa đặc biệt đến với những cô gái điếm và những người tội lỗi kia mà. Như thế, giờ đây, một việc cần làm của Kitô hữu đích thực không phải là đến với những người công chính mà là đến với những người tội lỗi để kêu gọi họ sám hối. Thật bất tiện nếu nó phải đổi phòng trọ, và nó cũng chẳng thể bảo bà Jubb đuổi cô Snow và cô Maitland ra khỏi nhà. Nó phải có giới hạn chứ? Ai sẽ đủ tốt để sống chung mái nhà với nó, và ai không đủ tốt đây? Hơn nữa, những cô gái tội nghiệp này sẽ đi đâu? Chẳng lẽ nó đẩy họ từ nhà này sang nhà khác cho đến khi chẳng còn chỗ cho họ nương thân nữa hay sao? Như vậy thật là vô lý, việc nó phải làm quá rõ ràng, nó sẽ đi gặp cô Snow ngay, và sẽ cố gắng hết sức, nhưng nếu như nó không thể khiến cô thay đổi cách sống, và nếu nó thấy cảm dỗ quá mạnh vượt sức nó, thì đến lúc đó nó sẽ tháo chạy. Nghĩ như thế, nó lên lầu, mang quyển Kinh Thánh trong tay, và một ngọn lửa rạo rức trong lòng.

Ernest thấy cô Snow khá là xinh đẹp, và gian phòng thật ngăn nắp nếu không muốn nói là nghiêm trang. Tôi nghĩ là thế nào sáng nay cô ta cũng đã đi mua vài chữ thiếp vàng về để treo thêm trên lò sưởi. Ernest rất lấy làm hài lòng về cô, và tay nó đặt quyển Kinh Thánh một cách máy móc lên bàn. Nó chỉ vừa khơi mào cuộc đối thoại ngại ngùng với cái mặt đỏ bừng, thì bỗng có tiếng bước chân lướt vội trên cầu thang, nhẹ nhàng như thể không phải chịu bao nhiêu lực hút trái đất vậy, rồi một người đàn ông lao vào phòng và nói, ‘Tôi đến sớm trước giờ của mình.’ Người đó chính là Towneley.

Mặt anh ta sụp xuống ngay khi thoáng thấy Ernest, ‘Cái gì, Pontifex, anh ở đây ư. Đúng rồi, rõ là anh rồi.’

Tôi không thể diễn tả nổi những lời giải thích vội vã giữa ba người với nhau trong vòng chưa đến một phút, rồi Ernest mặt đỏ bừng hơn bao giờ hết,

với quyển Kinh Thánh và mọi thứ nó có, lăn đi đầy bẽ mặt và hạ giá khi đem mình so với Towneley. Trước khi xuống hết cầu thang, nó còn nghe được tiếng cười đầy vui vẻ của anh ta vọng qua khung cửa phòng cô Snow, và lâm bâm nguyên rủa số phận của mình.

Rồi chợt nó thấy rằng nếu nó không thể đối mặt được với cô Snow thì cũng chẳng thể gặp cô Maitland. Nó biết rõ bây giờ nó đang mong muốn những gì, và đẩy quyển Kinh Thánh ra xa, trượt trên bàn, rơi xuống đất, rồi bị nó đá vào một góc phòng. Đó là quyển Kinh Thánh dì Elizabeth Allaby đã trù mẫn tặng cho nó vào ngày rửa tội. Thật sự, nó chỉ biết rất ít về cô Maitland, nhưng những đứa trẻ ngốc nghếch trong tình trạng của Ernest bây giờ chẳng thể suy luận cho đúng đắn được. Bà Baxter đã nói rằng cô Maitland và cô Snow là người tầm người mã tầm mã, và đúng là bà ta biết nhiều hơn mục già đối trá Jubb. Shakespeare từng viết rằng:

*Thời cơ hỡi, tội người quá nặng nề;
Kẻ phản bội, chính tay người dẫn lối,
Người đưa sói cắn phá bầy cừu non,
Người tạo cơ cho những ai mắc tội,
Lẽ phải, luật lệ, lý tính, người đánh đổ tan hoang;
Và gian phòng nơi người giấu kín hãn,
Tội Ác, từ nơi đó, túm lấy bao linh hồn.*

Nếu thời cơ mang một tội lớn, thì những ai tin vào thời cơ còn mắc tội lớn hơn, nhưng trong thực tế hoàn toàn chẳng có cái gì hoàn toàn là thời cơ cả. Nếu lúc lâm nguy đánh bài chuồn là thượng sách, thì lúc gặp sự ác làm vậy chẳng phải càng đúng hơn hay sao.

Khoảng mười phút sau đó, người ta thấy một cô gái hốt hoảng, bị lãng mạ, đỏ mặt và run rẩy, chạy vội vã ra khỏi nhà bà Jubb, rồi thêm mười phút sau, người ta lại thấy hai cảnh sát đi ra, và giữa họ là một người, không hẳn là bước đi mà là bị lôi đi, đó chính là anh bạn Ernest tội nghiệp của chúng ta với đôi mắt trừng trừng, tái mét, và vô vàn nỗi tuyệt vọng hãn trên gương mặt nó.



Pryer đã cảnh báo Ernest đừng có đi thăm viếng từ nhà này sang nhà khác để khỏi dính vào những rắc rối. Nó đã chẳng bước một chân khỏi nhà bà Jubb, và chỉ mới quanh quẩn trong vài phòng nho nhỏ đó, nhưng rồi thì kết quả thế nào đây?

Ông Holt khiến nó sợ điếng người, ông bà Baxter gần như đã cải nó sang phái Giám lý, ông Shaw đã xóa mòn đức tin vào sự Phục Sinh của nó, về quyển rũ của cô Snow đã làm băng hoại, hoặc giả như không có chuyện bất ngờ thì hẳn đã hủy hoại, đạo đức của nó rồi. Còn với cô Maitland, nó đã cố hết khả năng để dụ dỗ cô, rồi cuối cùng đã tự làm tổn thương chính nó rất nghiêm trọng và không thể vãn hồi. Người duy nhất không gây hại cho nó là bác thợ ở tầng dưới mà nó chưa có dịp viếng thăm.

Những giáo sỹ trẻ khác, còn ngu ngốc về nhiều phương diện hơn cả nó, nhưng sẽ chẳng bao giờ lâm vào cảnh khốn đốn như thế này. Đường như từ ngày nhận chức thánh, nó cũng đã phát triển hơn cái thiên hướng chuốc lấy phiền toái của mình. Nó gần như không thể giảng mà không dùng đến những lời khiếm nhã khủng khiếp. Một sáng nọ, khi có ngài Giám mục thính giảng, nó đã biến bài giảng của mình thành việc tìm cho ra loại bánh nào mà bà góa thành Zarephath đã làm cho ngôn sứ Elijah lúc ngài thấy bà đang nhặt củi, rồi nó chứng minh được rằng đó là một chiếc bánh hạt vừng. Bài giảng của nó thật sự rất buồn cười, và hơn một lần nó bắt gặp những điệu cười trong cả biển người phía dưới bục giảng của nó. Ngài giám mục vô cùng tức giận, và sau buổi lễ đã vào phòng mặc áo, trút một trận khiển trách dữ dội lên đầu nó, lời bào chữa duy nhất nó đưa ra được là do nó chưa có chuẩn bị và đã giảng

tùy hứng, đến lúc bước lên bục giảng cái ý tưởng quái gở đó mới xuất hiện trong đầu nó, rồi cứ vậy dẫn dắt bài giảng của nó.

Một lần khác, nó giảng về cây và không sinh trái, rồi mô tả những hy vọng của ông chủ vườn khi nhìn ngắm những nụ hoa xinh đẹp đang hé nở, hứa hẹn một mùa trái sum suê khi gió thu về. Ngày hôm sau một giáo dân đồng thời là nhà thực vật học gửi thư giải thích cho nó biết rằng điều nó giảng gần như là không thể có được, bởi cây và tự sinh trái, còn hoa lại nằm bên trong trái, nên gần như chẳng ai thấy được hoa của nó. Tuy nhiên, có thể xem đây là một tai nạn hoàn toàn có thể xảy ra đối với bất kỳ ai ngoại trừ những nhà khoa học và những người có nghiên cứu về chuyện này.

Lời bào chữa duy nhất tôi có thể dành cho nó đó là nó còn quá trẻ, chưa đến hai mươi bốn tuổi, và trong cơ thể cũng như trí óc, nó là một đứa phát triển chậm, giống như hầu hết những người về sau này sẽ có xu hướng dựa hẳn vào suy nghĩ tự phát của bản thân. Hơn nữa, xét cho cùng, nền giáo dục nó nhận được lâu nay dường như là một thứ để bịt mắt nó nếu không cũng là móc cả hai mắt nó ra.

Nhưng bây giờ, xin trở lại với câu chuyện đang tiếp diễn. Về sau này mới biết, lúc vụt chạy ra khỏi nhà bà Jubb, cô Maitland không có ý định bắt nó phải vào tù. Cô chạy đi bởi cô quá sợ hãi, nhưng rùi thay người đầu tiên cô đụng phải lại là một cảnh sát suy nghĩ theo kiểu nghiêm trọng, và muốn làm một việc gì đó để tăng danh tiếng cho mình. Ông ta chặn cô lại, hỏi cô, khiến cô sợ hơn nữa, và chính ông ta chứ không phải cô Maitland mới là người đòi bắt Ernest.

Towneley vẫn còn trong nhà bà Jubb khi cảnh sát đến. Anh đã nghe được tiếng huyên náo, và chạy xuống phòng Ernest khi cô Maitland vừa vụt ra khỏi cửa, rồi anh thấy nó đang trong cơn tuyệt vọng bởi đã bị rơi thẳng xuống khỏi vách đá đạo đức của nó. Anh hiểu ngay mọi chuyện, nhưng trước khi làm được gì cho nó, cảnh sát đã đến, và anh đành bó tay.

Anh hỏi Ernest ở London này nó có bạn bè nào không. Lúc đầu, nó không muốn nói, nhưng Towneley sớm khiến nó hiểu rằng khi bị bắt nó phải làm vậy, và rồi nó chọn tôi. ‘Ông ấy viết kịch sân khấu phải không?’ Towneley hỏi, ‘Ông ấy viết hài kịch à?’ Ernest cho là Towneley nghĩ rằng tôi nên viết

bi kịch thì hơn, và nói với anh rằng nó e là tôi viết kịch hài châm biếm. ‘Ôi, được, được, cái đó hay mà. Tôi sẽ đi tìm ông ấy ngay.’ Nhưng khi nghĩ lại, anh quyết định sẽ ở lại với Ernest và đi cùng nó đến đồn cảnh sát. Nên anh bảo bà Jubb đi tìm tôi. Bà Jubb nhanh chóng vội vã chạy đến chỗ tôi, đến nỗi dù trời đang còn lạnh, theo lời bà thì, bà vẫn ‘mặc kệ’ những vũng nước. Bà già tội nghiệp khốn khổ này đáng ra phải kêu chiếc xe ngựa mà đi, nhưng bà không có tiền mà cũng chẳng muốn xin tiền Towneley. Tôi biết là thế nào cũng có chuyện nghiêm trọng xảy ra, nhưng vẫn không ngờ đến những gì bà Jubb kể cho mình nghe. Về phần mình, bà ta nói rằng tim bà cứ như nhảy ra khỏi lồng ngực vậy.

Tôi cho bà lên xe đi cùng mình, và chúng tôi đến thẳng đồn cảnh sát. Trong lúc đó, bà cứ nói không ngừng.

‘Nếu như hàng xóm có nói gì ác khẩu về tôi, mà nếu họ đúng, thì chắc hẳn cũng là do anh Pontifex. Anh ấy chưa hề chịu nghe tôi một lời. Ôi, chừng đó là đủ để tôi thấy sợ rồi. Rồi tôi nghĩ có lẽ cô Rose của tôi sẽ dễ gần với anh ấy hơn, nên tôi để cô ấy đến dọn dẹp lau chùi mỗi khi tôi bận, và cũng cho cô ấy mang một cái tạp dề mới sạch sẽ, nhưng anh ấy chẳng hề để ý đến cô hết như với tôi vậy, mà cô ấy chẳng muốn được tuyên dương hay gì cả, cô cũng chẳng lấy đồng nào từ anh, dù anh có cho đi nữa, nhưng dường như anh ấy chẳng biết gì hết. Tôi chẳng thể nghĩ được chàng trai trẻ này rồi sẽ ra sao. Tôi cầu cho mình bị dao đâm kiếm chém giòi bọ rúc rĩa cho rồi, nếu như vậy vẫn chưa đủ để cho mục đàn bà này đứng vững trước mặt Chúa và đánh động cái phần gốc ghêch của mình mà nhìn cho rõ những gì đang diễn ra, mà ông xem có được không khi một cô gái thật thà phải về nhà mỗi đêm với chỉ vài xu và phải trả ba hào sáu xu để thuê trọ mỗi tuần, và chẳng có nổi một cái giá sách hay tủ trong nhà, chỉ có bức tường trống trơn với cái cửa sổ mà thôi.’

Bà ta tiếp tục, ‘anh Pontifex không xấu, trong tâm anh rất tốt. Anh chẳng bao giờ nói gì khó nghe. Và rồi tôi còn thấy đôi mắt anh ấy thật đáng yêu, nhưng khi nói điều này với rose của tôi, cô ấy bảo tôi là mục già gốc và nói chắc tôi bị say nắng mất rồi. Còn Pryer, anh ta đúng là không thể chịu nổi. Ôi thôi anh ta đó! Anh ta thích làm tổn thương cảm xúc của phụ nữ, và cứ

day day mặt người khác, anh ta thích tâng bốc họ lên rồi đập họ xuống. Một quý ông phải là người xoa dịu phụ nữ, nhưng anh ta lại thích bứt từng nắm tóc người ta ra. Sao nào, anh ta nói thẳng vào mặt tôi rằng tôi là một bà cụ đang già đi, già thật ư! Chẳng có bà nào ở London này biết tôi bao nhiêu tuổi, ngoại trừ bà Davis ở phố Old Kent, và nếu không tính những gân máu nơi chân, tôi vẫn còn trẻ hơn bao giờ hết. Già thật ư! Một cây đàn cũ vẫn chơi được những khúc nhạc hay. Tôi ghét, tôi ghét những lời bóng gió bẩn thỉu của anh ta.'

Cho dù tôi có muốn cũng chẳng thể ngăn bà ta lại được. Bà ta còn nói nhiều hơn những gì tôi viết ở trên nữa. Tôi phải lược bớt đi bởi chẳng thể nhớ hết cho nổi, nhưng tôi không thể không viết ra cho các bạn những lời này.

Khi đến sở cảnh sát, chúng tôi thấy Towneley và Ernest đang ở đó rồi. Nó bị kết tội hành hung, nhưng được giảm nhẹ bởi không dùng vũ lực quá nghiêm trọng. Tuy thế, như vậy vẫn đủ thảm thê rồi, và chúng ta đều thấy rõ rằng anh bạn trẻ này đã phải trả một giá quá đắt cho sự non nớt của mình. Chúng tôi cố để bảo lãnh Ernest ra trong đêm, nhưng viên thanh tra không chấp nhận, nên buộc lòng phải để nó ở lại trong khám.

Sau đó, Towneley về lại nhà bà Jubb để xem thử có thể gặp được cô Maitland hòng thu xếp chuyện này hay không. Cô không có nhà, nên anh lần tìm đến Camberwell, nơi nhà cha cô. Cha cô rất giận dữ và chẳng thèm nghe bất kỳ lời nào của anh. Ông là một người Biệt giáo, và sẵn sàng tạo nên một vụ tai tiếng cho giới giáo sỹ anh giáo, bởi thế Towneley đành phải trở về tay trắng.

Sáng hôm sau, xem Ernest như một kẻ đang chết đuối cần được vớt lên bằng mọi cách có thể bất chấp hậu quả thế nào, nên Towneley tìm đến tôi, và chúng tôi giao phó việc này cho một trong những luật sư giỏi nhất thời đó. Tôi vô cùng vừa lòng với Towneley, và nghĩ rằng nên nói với anh điều mà tôi chưa từng cho ai biết. Ý tôi là nói ra chuyện Ernest sẽ được nhận số tiền thừa kế từ cô của nó trong vài năm nữa, và bởi thế chẳng mấy chốc sẽ trở nên giàu có.

Từ đầu đến giờ, Towneley vẫn giúp hết sức có thể, nhưng tôi biết, khi được hay những điều này, anh sẽ xem Ernest như một người đồng hàng với mình, và như thế sẽ gắng sức nhiều hơn nữa. Còn về phần Ernest, nó biết ơn đến nỗi không nói hết thành lời. Tôi đã từng nghe nó nói rằng, nó có thể nhớ lại nhiều chuyện, trong số đó có những chuyện rất hạnh phúc, nhưng riêng cái đêm trong khám này rõ ràng là chuyện đau đớn nhất nó từng trải qua, và nhờ sự tử tế và ân cần của Towneley nên nó mới trụ nổi.

Nhưng dù gì đi nữa, cả tôi và Towneley cũng chẳng thể giúp gì được ngoài việc động viên tinh thần nó. Luật sư báo cho chúng tôi biết rằng phán quan sẽ xử Ernest là một người rất nghiêm khắc trong những vụ như thế này, và rõ ràng việc nó là một giáo sỹ sẽ gây khó khăn nhiều cho nó. ‘xin được tại ngoại,’ ông ta nói, ‘và không bao biện gì nữa. Chúng ta sẽ nhờ đến mục sư quản nhiệm của anh Pontifex và thêm hai ngài nữa để làm chứng về tính tốt trước đây của anh ấy. Vậy là đủ. Rồi chúng ta sẽ gửi lời xin lỗi sâu sắc và cầu xin phán quan giải quyết qua loa vụ này thay vì đưa nó ra tòa án chính thức. Nếu có thể làm được như vậy, thì tin tôi đi, đó là chuyện tốt nhất mà anh bạn trẻ này có thể mong đợi.’



Lời khuyên này không những rõ ràng hợp lý, mà còn giúp Ernest tiết kiệm được thời gian và thoát khỏi tình trạng phải thấp thỏm lo âu, nên chúng tôi tiến hành ngay chẳng chút chần chừ. Vụ này được xử vào lúc mười một giờ, nhưng chúng tôi xin dời đến ba giờ chiều, để Ernest có thời gian sắp xếp trình bày mọi việc cho thỏa đáng, và cũng nhờ tác động của luật sư mà tôi được phép giúp nó trong việc này.

Rồi lộ ra chuyện về Pryer và cái Đại học Bệnh học Phần hồn. Ernest khó khăn khi thú nhận việc này hơn cả lúc nó kể về chuyện với cô Maitland, nhưng nó cũng đã cho chúng tôi biết hết, và cuối cùng chúng tôi hiểu được rằng nó đã giao cho Pryer đến tận đồng xu cuối cùng trong tài sản của nó mà chẳng có chút cam kết nào ngoại trừ một lời nói gần như vô giá trị của anh ta. Dù vẫn có chiều hướng tin rằng Pryer có thể xấu xa hay hèn hạ và tin rằng những việc nó đang làm thật ngu ngốc, nhưng Ernest vẫn lấy làm chắc rằng dù gì đi nữa nó cũng sẽ lấy lại phần lớn số tiền này ngay khi Pryer có thời gian để đem chúng đi bán lại. Towneley và tôi lại suy nghĩ khác, nhưng cả hai chúng tôi đều không nói ra.

Chờ đợi suốt buổi sáng trong một nơi lạ lẫm và nặng nề như thế này thật là thảm hại. Tôi nghĩ về tác giả Thánh vịnh đã kêu lên với vẻ đôi phần mỉa mai, ‘một ngày trong ngai tòa Người, còn hơn ngàn ngày nơi khác,’ rồi nghĩ rằng hẳn tôi cũng sẽ thốt lên cái cảm giác gần như thế về sân Tòa này, nơi tôi và Towneley buộc phải tham dự. Cuối cùng, đến độ ba giờ, vụ tố tụng được triệu tập, và chúng tôi quây tròn nơi phần tòa dành cho dân chúng, còn Ernest bị đặt ngồi nơi ghế bị cáo. Ngay khi trấn tĩnh đủ, nó liền nhận ra ông phán quan chính là ông già mà nó đã chuyện trò trên sân ga ngay hôm nó rời

Roughborough, và cũng đau đớn nhận thấy, hoặc nghĩ là đã nhận thấy, rằng ông ấy cũng đã nhận ra nó.

Ông Ottery, luật sư của chúng tôi, làm đúng những gì đã nói trước. Ông chỉ gọi vị mục sư quản nhiệm của Ernest, Towneley, và tôi, rồi phó mặc mọi chuyện cho lòng nhân từ của phán quan. Khi luật sư đã trình bày xong, phán quan ra phán quyết như sau:

‘Ernest Pontifex, anh là một trong những vụ đau lòng nhất mà tôi từng xử. Anh đã nhận được rất nhiều từ cha mẹ và nền giáo dục. Anh đã có được tấm gương là hai bậc cha mẹ thật hoàn hảo, và từ lúc anh còn nhỏ, họ đã dạy cho anh biết những sự xấu xa của hành động xâm phạm mà anh vừa mới thừa nhận với tôi đây. Anh đã được gửi đến một trong những trường học tốt nhất anh quốc. Mà dường như một môi trường lành mạnh như Roughborough không thể gây cho anh những tác động xấu xa được, và có lẽ, mà theo tôi là chắc chắn, anh đã được khắc cốt ghi tâm rằng bất kỳ xâm phạm nào đối với sự trong trắng tuyệt đối đều là xấu xa cho đến tận lúc anh lập gia đình.

Ở Cambridge, anh cũng đã được bảo vệ khỏi những nhơ uế nhờ mọi biện pháp mà các bậc thẩm quyền đầy đạo đức và cẩn trọng có thể nghĩ ra, và ngay cả khi những biện pháp để giữ mình cho anh có bớt đi, thì cha mẹ của anh cũng đã bận tâm giám sát vấn đề tiền bạc của anh sao cho anh đừng ném tiền vào những thứ đồi trụy. Lúc đêm về, các giám thị canh chừng mọi lối đi và dõi theo từng bước chân anh nếu như anh có ý định đến những hóc hẻm, chốn sào huyệt có thể dung dưỡng thói xấu. Hằng ngày, những người phụ nữ được cho phép vào trong khuôn viên trường phần lớn đều là những người đã già và không xinh đẹp. Thật khó để có thể làm gì tốt hơn thế cho một chàng trai trẻ. Bốn hay năm tháng gần đây, anh đã là một giáo sỹ, và nếu còn có một ý nghĩ ô uế nào sót lại trong tâm trí anh, thì đáng ra phép thánh đã phải tẩy nó đi rồi. Dù vậy, không những tâm trí anh vẫn mang lấy sự uế tạp như thế những biện pháp ngăn chặn tôi vừa nói trên đều vô hiệu, mà nó còn dẫn đưa đến một kết cục tệ hại là anh thậm chí chẳng có được nhận thức bình thường để phân biệt giữa một thiếu nữ đoan chính với một cô gái điếm.

Nếu tôi phải thể hiện quan điểm nghiêm khắc phù hợp với cương vị hiện thời của mình, thì tôi đành buộc lòng đưa anh ra tòa án chính thức, nhưng

xem xét đây là lần đầu tiên anh phạm tội, nên tôi sẽ nương nhẹ cho anh và tuyên án anh bị tống giam kèm lao động khổ sai trong vòng sáu tháng.’

Cả tôi và Towneley đều thấy lời của quan tòa có gì đó thật mỉa mai, đáng ra ông ta có thể cho một án nhẹ hơn, nhưng đã không làm vậy. Chúng tôi được phép gặp Ernest trong vòng vài phút trước khi nó bị đưa đến Coldbath Fields để thụ án, và nó quá mừng vì đã kết thúc ngắn gọn việc xử án này mà gần như chẳng bận tâm đến tình trạng khốn khổ nó sẽ phải chịu trong sáu tháng tới. Lúc bị điệu đi, nó nói lại với chúng tôi rằng, nó sẽ lấy lại số tiền của mình, và biến đến mỹ châu hoặc Úc châu để sẽ chẳng ai còn nghe biết đến nó nữa.

Chúng tôi lo cho quyết tâm này của nó bằng cách, tôi thì gửi thư báo cho Theobald và đồng thời hướng dẫn cho cố vấn pháp luật của tôi đi đòi lại tiền của Ernest từ tay Pryer, còn Towneley thì đi gặp các nhà báo để họ không làm rùm beng thêm về vụ này nữa. Anh đã nắm được tất cả mọi tờ báo cao cấp, chỉ có duy nhất một tờ nhật báo, lại là báo hạ cấp, không chịu thỏa hiệp với chúng tôi.



Tôi giải quyết xong phần việc với cố vấn pháp luật của mình ngay, nhưng khi cố viết thư báo cho Theobald, tôi nhận thấy mình nên xuống đó và gặp anh thì tốt hơn. Bởi vậy tôi yêu cầu anh gặp tôi ở nhà ga, và bóng gió rằng tôi phải đem cho anh một tin buồn về con trai anh. Tôi biết là chỉ hai tiếng sau khi anh nhận được thư, tôi sẽ được gặp anh liền, và nghĩ rằng quãng thời gian gián đoạn ngắn ngủi này sẽ khiến anh đỡ chấn động khi nghe những gì tôi sắp nói ra.

Tôi nhớ là chưa bao giờ tôi phân vân lưỡng lự hơn lần lên xe đến Battersby để lo cái chuyện đáng buồn này. Khi nghĩ về khuôn mặt bé nhỏ vàng vọt trong ký ức của tôi nhiều năm trước, nghĩ về những ác nghiệt, do ngu dại và ngốc nghếch hơn là do cố ý ác tâm, nhưng thật tàn nhẫn và kéo dài mà nó phải chịu suốt thời thơ ấu, nghĩ về bầu khí dối trá và ảo tưởng tự đắc mà nó đã phải lớn lên trong đó, nghĩ về sự háo hức sẵn sàng yêu bất kỳ cái gì đủ tốt để cho phép nó được yêu chúng, và nghĩ về việc làm sao mà tình cảm dành cho cha mẹ đã, trừ khi tôi lầm, chết hẳn trong nó bởi cứ mãi bị giết đi, giết lại, giết thêm lần nữa mỗi khi nó cố gắng phục hồi tình cảm đó. Khi nghĩ về tất cả những điều này, cảm xúc xui khiến tôi nghĩ rằng, giá như có quyền, tôi sẽ kết án Theobald và Christina phải chịu đựng những thống khổ tinh thần khủng khiếp hơn cả việc mà tôi sắp báo cho họ nữa. Nhưng mặt khác, khi nghĩ về thời thơ ấu của Theobald, về ông già khủng khiếp George Pontifex, cha anh, về John và bà vợ anh, về hai người chị gái của anh, rồi tôi nghĩ về những năm dài thấp thỏm hy vọng quá đau lòng của Christina khi cô chưa lấy được chồng, về cuộc sống cô buộc phải tuân theo ở Crampsford, và về Battersby nơi hai người phải sống giữa những thứ hỗn

độn đó, tôi thấy thật phi thường khi sự bất hạnh triền miên này của họ không kéo theo một trừng phạt nặng nề hơn nữa.

Những con người tội nghiệp! Họ đã cố để không cho mình biết về sự ngu ngốc đối với chuyện đời của chính mình bằng cách gọi nó là sự theo đuổi những thứ thiên đàng, rồi bịt mắt khỏi bất kỳ điều gì có thể gây khốn khó cho họ. Họ sinh được một đứa con và cũng cố bịt mắt nó hết sức có thể. Ai có thể trách cứ họ đây? Họ có đủ lý chứng cho tất cả những gì họ đã làm hay đã không làm, chẳng có một tiền lệ mục sư và vợ mục sư nào khá hơn họ. Họ khác những người chung quanh ở điểm nào đây? Làm sao người nhà của họ khác với người nhà của những bất kỳ giáo sỹ nào khác trên khắp cả nước anh này đây? Nhưng tại sao trong toàn bộ nhân loại, biến cố này lại xảy ra với họ, cái tháp Siloam này lại đổ xuống đầu họ?^[35]

Chắc chắn chính cái tháp mới là thứ tồi tệ chứ không phải là những người bị tháp đè, và lỗi nằm ở cả hệ thống chứ không phải nằm nơi người ta. Nếu Theobald và vợ anh biết nhiều hơn về thế gian này và những chuyện của nó, thì họ sẽ ít gây hại cho người khác hơn. Họ luôn luôn ích kỷ, nhưng cũng không đến độ không thể bỏ quá, và cũng chẳng ích kỷ hơn những kẻ khác trên thế gian này. Với họ, thật là vô vọng, chẳng ích gì ngay cả khi đưa họ vào lòng mẹ rồi sinh ra lần nữa. Không chỉ một lần, mà họ phải được sinh ra lại với một ông cha bà mẹ mới và với một dòng tộc mới cách xa hàng nhiều thế hệ mới có thể uốn nắn nổi tâm trí họ cho đủ thuần để học biết lại cuộc đời một lần nữa. Còn bây giờ, việc duy nhất phải làm là chiều lòng họ, và chấp nhận họ cho đến khi họ từ giã cuộc đời này, và cảm ơn vì cuối cùng họ cũng đã ra đi.

Như tôi dự tính, Theobald đã nhận được thư và gặp tôi tại nhà ga gần Battersby nhất. Khi cùng rảo bộ về nhà anh, tôi báo cho anh tin dữ theo cách nhẹ nhàng nhất có thể. Tôi vờ rằng mọi thứ phần nhiều chỉ là một sự hiểu lầm mà thôi và dù chắc chắn Ernest có nảy sinh những dự định xấu mà đáng ra nó phải cưỡng lại được, nhưng nó chẳng có ý tiến xa như những gì cô Maitland tưởng đâu. Tôi nói rằng chúng tôi thấy việc phải hầu tòa sẽ gây bất lợi cho nó chừng nào, và đã không dám đưa ra lời biện hộ này với ông phán quan, cho dù tin chắc những điều chúng tôi nghĩ là sự thật.

Theobald phản ứng với một ý thức sắc sảo và dứt khoát hơn tôi tưởng.

‘Tôi sẽ chẳng còn việc gì với nó nữa,’ anh kêu lên ngay lập tức, ‘tôi sẽ không bao giờ nhìn mặt nó, cũng chẳng cần nó viết thư cho tôi hay cho mẹ nó, chúng tôi không biết một đứa như nó. Hãy nói với nó là anh đã gặp tôi, và kể từ hôm nay trở đi, nó sẽ biến khỏi tâm trí của tôi như thể chưa từng được sinh ra vậy. Tôi đã làm một người cha tốt với nó, và mẹ nó thì sùng bái nó, còn nó đã đáp lại chúng tôi được những gì ngoài sự ích kỷ và vô ơn, từ nay về sau, tôi buộc lòng phải đặt hy vọng vào những đứa con còn lại mà thôi.’

Tôi nói với anh về việc anh bạn phó tế của Ernest đã giữ hết tiền của nó, và bóng gió rằng có thể nó sẽ gần như trắng tay khi ra khỏi tù. Theobald không có vẻ gì bức mình vì việc này, nhưng sớm nói thêm rằng: ‘Nếu thật như vậy, thì nói với nó là tôi sẽ cho nó một trăm bảng nếu nó gởi lời qua anh khi mãn hạn, nhưng bảo nó đừng viết thư cũng đừng cảm ơn tôi, và thêm nữa nếu nó cố để nói chuyện trực tiếp với tôi hay với mẹ nó, thì nó sẽ chẳng nhận được gì, dù chỉ một đồng.’

Do đã biết quá đủ về gia đình anh, và cũng đã quyết tâm phá vỡ những lời căn dặn của Alethea nếu cần thiết, nên tôi không nghĩ rằng Ernest sẽ tệ hơn khi bị gia đình nó ghẻ lạnh, bởi vậy tôi đồng ý với những gì Theobald nói một cách dễ dàng hơn anh tưởng.

Nghĩ rằng không gặp Christina sẽ tốt hơn, nên tôi từ giã Theobald gần Battersby và rảo bộ về nhà ga. Trên đường, tôi rất hài lòng khi thấy Theobald không đến nổi ngu ngốc như tôi tưởng, và do đó hy vọng lại nhen nhóm mạnh hơn trong tôi với ý nghĩ rằng thói ngớ ngẩn của Ernest là do quá trình phát triển chứ không phải một thảm họa bẩm tính của nó. Những biến cố xảy đến với một người trước khi được sinh ra, nhưng là nơi ông cha của họ, và nếu như họ nhớ được hết toàn bộ, thì biến cố đó sẽ để lại một dấu ấn không thể phai mờ nơi người đó, chúng sẽ nhào nặn tính cách của anh ta đến mức dù làm gì anh ta cũng gần như không thể thoát khỏi hệ quả của chúng. Để được vào Nước Trời, người ta phải như một đứa trẻ, nhưng không chỉ vậy mà còn phải như một phôi thai nhỏ, hay đúng hơn là một bào tử con và còn hơn thế nữa, phải là một cái gì đó sẽ trở thành bào tử và vốn đã được

vào Nước Trời người đó nhiều thế hệ rồi. Những biến cố xảy ra lần đầu tiên, và xảy ra vào thời kỳ tính từ lần sinh ra cuối cùng của một con người, theo quy luật chung, sẽ không gây tác động quá bền vững, cho dù tất nhiên đôi lúc chúng vẫn sẽ có gây ảnh hưởng nào đó. Dù gì đi nữa, tôi chẳng hề phiền lòng khi thấy cách Theobald phản ứng với chuyện này.



Sau khi bị kết án, Ernest được dẫn về một phòng giam chờ xe tù đưa đến Coldbath Fields, nơi thụ án của nó.

Nó vẫn còn quá bàng hoàng sững sờ bởi những biến cố bất thần xảy ra trong vòng một ngày qua đến nỗi chẳng thể ý thức được tình cảnh hiện thời của mình nữa. Dù nó vẫn đang thở, tim đang đập, và vẫn có thể suy nghĩ cũng như nói chuyện, nhưng một hố sâu lớn đã mở ra ngăn đôi quá khứ và tương lai của nó. Dường như chuyện này đang cố quật nó xuống, nhưng nó đã không gục ngã, bởi trong quá khứ, nó đã phải chịu đựng những sự thờ ơ nhỏ hơn nhưng tàn bạo hơn thế này nhiều. Rồi nó nghĩ về nỗi đau mà sự ô nhục của nó sẽ gây nên cho cha mẹ, và nó thấy mình sẵn sàng bỏ hết tất cả mọi sự nó có còn hơn phải rơi vào cảnh ngộ tuyệt vọng này. Chuyện này sẽ khiến mẹ nó tan nát lòng. Hẳn sẽ như thế, nó biết vậy, và nó biết chính tay nó đã gây nên cơ sự này.

Buổi sáng hôm đó, nó đã bắt đầu bị đau đầu, nhưng khi nghĩ đến cha mẹ, mạch nó đập nhanh hơn, và đầu nó đột ngột đau như búa bổ. Nó gần như không thể bước lên xe tù, và thấy chẳng cách nào lê chân nổi. Khi đã đến nhà tù, nó quá yếu có thể tự đi qua sảnh đến dãy hành lang nơi sắp xếp tù nhân mới đến. Bởi thấy nó là một giáo sỹ nên người cai ngục đã không nghĩ nó giả vờ, liền gọi ngay một bác sỹ đến cho nó. Sau khi khám xong, ông bác sỹ xác nhận Ernest bị mắc chứng sốt não giai đoạn đầu, và nó được đem đến nhà thương ngay. Rồi trong suốt hai tháng ở đó, nó phải vật lộn giữa sống và chết, và chưa bao giờ hoàn toàn tỉnh trí mà còn thêm nhiều lần bị mê sảng nặng nữa. Dù các bác sỹ và y tá tưởng nó không qua khỏi, nhưng cuối cùng nó đã bắt đầu hồi phục dần.

Người ta nói rằng những người suýt chết thấy việc hồi phục ý thức còn đau đớn hơn cả việc mất nó nữa, và với chàng trai của chúng ta cũng vậy. Khi nằm đó bất lực và yếu ớt, nó thấy dường như đây là một trò ác độc tinh vi, sao không cho nó chết lúc còn đang trong cơn hôn mê cho rồi. Nó nghĩ nó sẽ chỉ phục hồi để rồi chẳng bao lâu sau lại chìm sâu trong hố thẹn và sâu khổ, nhưng ngày qua ngày, nó phục hồi dần, dù rất chậm đến nỗi nó cũng chẳng thể nhận ra. Đến một chiều nọ, khoảng ba tuần kể từ lúc nó bắt đầu vẫn hồi ý thức, cô y tá chăm sóc cho nó, người đã rất tốt với nó, đang đưa nó đi dạo phục hồi đôi chút cho khuây khỏa bớt, thì đột nhiên nó bật cười, và cô ấy vỗ tay mừng rỡ bảo rằng bây giờ nó đã hoàn hồn lại rồi đó. Tia hy vọng đã được nhen nhóm lên, và nó lại ước ao được sống. Gần như từ thời khắc đó trở đi, suy nghĩ của nó bắt đầu xa dần nỗi sợ của quá khứ và theo cách tốt nhất, hướng dần đến tương lai.

Nỗi đau lớn nhất đối với nó chính là về cha mẹ nó, và về cách làm sao nó có thể đối diện được với họ. Dường như đối với nó, thứ tốt nhất cho cả nó và cha mẹ nó là nó nên tự xa rời họ hoàn toàn, lấy hết số tiền có thể đòi được từ Pryer, và đi đến một nơi xa nhất trên địa cầu này, nơi mà nó sẽ chẳng gặp ai từng biết nó dù là ở trường hay ở đại học, rồi bắt đầu một cuộc sống mới. Hay có lẽ nó sẽ đến những mảnh đất được đồn là lắm vàng ở California hay Australia, rồi lập nghiệp ở đó, rồi nhiều năm sau lúc đã già, nó sẽ trở về đây mà chẳng ai biết nó là ai, và như thế nó có thể được đến sống ở Cambridge thân yêu. Với những chuyện mơ mộng này, tia hy vọng của nó biến thành ngọn lửa bùng bùng cháy, nó mong vẫn hồi được sức khỏe, và cả tự do nữa, bởi án của nó cũng đã gần đến ngày mãn hạn rồi. Rồi mọi chuyện bắt đầu rõ ràng hơn. Dù gì nó sẽ không làm giáo sỹ nữa. Rõ ràng với những chuyện này, nó chẳng thể kiếm được vị trí phụ tá ở bất kỳ đâu kể cả nó có muốn bao nhiêu đi chăng nữa, nhưng thực sự thì nó chẳng muốn làm như thế chút nào. Nó ghét cái cuộc sống mà nó đã phải dẫn mình vào từ lúc bắt đầu đọc các luật lệ của nó, nó không thể giải thích rõ về chuyện này, nhưng đơn giản là nó ghét chúng, và chẳng muốn dính dáng gì với chúng thêm phút nào nữa. Khi đối diện với việc sẽ trở lại cuộc sống một giáo dân, một người bình thường, mặc dù nhục nhã, nhưng nó vui mừng vì những chuyện đã xảy đến

với nó, và thấy khoảng thời gian trong tù này vốn lúc đầu bị xem là bất hạnh cực độ, nhưng giờ được nó nhìn ra là một phúc lành.

Có lẽ cú sốc nặng của sự thay đổi môi trường đã thúc đẩy những đổi thay trong suy nghĩ của Ernest, hệt như kén tằm khi được đặt trong giỏ cạnh đường ray sẽ nở sớm hơn nhờ môi trường nóng và xóc này. Nhưng có lẽ đổi thay này cũng khiến niềm tin vào những trình thuật Sự chết, Phục sinh và Thăng thiên của Chúa Giêsu, và cả niềm tin vào những phép lạ Kitô giáo khác nữa, đã sụt giảm nghiêm trọng trong nó vĩnh viễn từ đây. Nhờ những lời khiển trách của ông Shaw, nó đã nghiên cứu, dù vội vã nhưng cũng đã để lại trong nó một ấn tượng sâu sắc, và giờ đây nó đã biết cách đọc và xem Tân Ước là đối tượng nghiên cứu chính của mình, nó đọc với tinh thần mà ông Shaw đã truyền cho nó, nghĩa là không đọc vì muốn tin hay muốn không tin, nhưng là đọc chỉ để thấy được là nên tin hay không. Càng đọc theo tinh thần này, nó càng nghiêng về hướng không tin, cho đến cuối cùng, đến lúc không thể hoài nghi hơn nữa, nó thấy đã đủ rõ ràng quá rồi, dù sự thật có thể nào đi nữa, thì câu chuyện về cái chết, sự sống lại và lên trời giữa những đám mây của Chúa Giêsu là một chuyện không thể chấp nhận được đối với một người phán đoán vô tư. Thật tốt khi nó nhận ra được điều này. Cách này hay cách khác, sớm hay muộn, nhận thức này cũng sẽ đến với nó. Đáng ra nó có thể nhận ra được điều này vài năm về trước nếu như không bị mù tối bởi những người được trả tiền để bịt mắt nó. Nó tự hỏi mình giả như vài năm về sau lúc đã dẫn sâu vào đời sống giáo sỹ, nó mới khám phá ra điều này, thì nó sẽ ra sao đây? Liệu lúc đó nó có đủ can đảm để đổi mặt, hay sẽ nghĩ ra một lý lẽ hoàn hảo để giữ vững suy nghĩ hệt như từ trước đến giờ? Liệu lúc đó, nó có đủ dũng cảm để giải thoát chính mình khỏi cái chức phụ tá hiện thời hay không?

Nó nghĩ là không, và không biết là nên biết ơn vì đã được chỉ ra sai lầm của mình, hay vì đã được bắt lại và xoay vòng vòng để rồi kể từ lúc khám phá ra nhận thức đó, nó gần như không thể phạm thêm một lỗi lầm nào nữa. So với mỗi lợi này, thì cái giá nó phải trả xem ra quá nhẹ nhàng. Một việc đã cho nó có được một nhận thức trọn vẹn rõ ràng và dễ dàng ngay lập tức, chẳng lẽ như vậy có thể xem là nặng hay sao? Nó thấy hối tiếc về phần cha

mẹ nó, và nó cũng lấy làm tiếc đối với cô Maitland, nhưng chẳng bao giờ hối tiếc về chính mình.

Tuy nhiên, có một điều khiến nó bối rối, đó là nó không nên nhận ra rằng từ trước đến nay nó đã ghét làm một giáo sư đến mức nào. Nó biết nó không đặc biệt ưa thích cái chức danh này, nhưng nếu một ai hỏi xem liệu nó có thực sự ghét cái danh này không, thì nó sẽ trả lời là không. Tôi nghĩ rằng người ta hầu như luôn muốn nhờ đến một sự gì đó không thuộc về họ để tiết lộ cho họ biết điều gì họ thích và không thích. Những điều chắc chắn chúng ta ưa thích, phần lớn đều không xuất phát từ suy nghĩ nội tâm hay từ bất kỳ tiến trình lý luận ý thức nào hết, mà là từ chính con tim rộng mở đón nhận cái sự thật mà người khác truyền cho. Chúng ta nghe một vài người nói điều này điều kia là thế này thế nọ, và chính lúc đó những sự này đã vào trong chúng ta, mà chúng ta không nhận biết, rồi chính chúng thể hiện ra nơi ý thức và nhận thức của chúng ta.

Chỉ mới cách đây một năm, nó đã háo hức đón nhận bài giảng của đức ông Hawke, rồi sau đó lại mãi miết chạy theo cái Đại học Bệnh học Phần hồn, còn bây giờ nó lại toàn tâm toàn ý theo một chủ nghĩa duy lý thuần chất và đơn giản, làm sao nó chắc được rằng những suy tư hiện thời này kéo dài được lâu hơn những cái trước. Ernest chẳng thể chắc chắn về điều này, nhưng nó cảm thấy rằng giờ đây nó đang vững tâm hơn bao giờ hết, và dù những ý tưởng hiện thời của nó có đi về đâu đi chẳng nữa, thì nó vẫn chẳng còn cách nào khác ngoại trừ chạy theo chúng cho đến khi thấy một lẽ hợp lý để phải thay đổi. Nó nghĩ là nó không thể toàn tâm theo đuổi con đường mới này, nếu như vẫn sống giữa những người như cha mẹ nó, như Pryer và bạn bè của anh ta, hay như ông mục sư quản nhiệm của nó. Trong suốt những tháng vừa qua, nó đã quan sát, suy ngẫm, và tổng hợp mọi chuyện với ý thức của một cậu bé trong thân xác người lớn, nhưng liệu khi vẫn còn giữ mối liên hệ gần gũi với những người cứ mãi nghiêm túc tuyên bố rằng nó đang bị ảo giáo, thì nó có thể khiến cho mình trưởng thành hơn và hành động theo sức mạnh mới phát triển của nó được hay không? Cái tập hợp chống lại nó quá lớn đến nỗi sức mạnh tự thân nó chẳng thể nào phá vỡ nổi, và nó ngờ

rằng bất kỳ chấn động nào yếu hơn cú sốc đã xảy ra với nó sẽ chẳng đủ để giải thoát nó đâu.



Khi nằm trên giường bệnh, phục hồi chậm chạp ngày này qua ngày khác, nó nhận ra một điều mà gần như tất cả mọi người đều nhận ra dù sớm hay muộn, đó là việc rất ít người quan tâm đến sự thật, hoặc thật sự tin tưởng rằng đúng đắn hơn và tốt hơn thì nên tin một điều đúng hơn là một điều không đúng, cho dù lúc đầu niềm tin vào cái dối trá có vẻ hợp lý thiết thực hơn. Nhưng chỉ có một số người có thể được xem là có tin hoàn toàn vào một điều gì đó, số còn lại đơn thuần chỉ là những kẻ không tin đội lốt mà thôi. Có lẽ, sau cùng, những kẻ không tin đội lốt này lại là kẻ đúng. Bởi chúng quá đông và quá mạnh. Chúng có tất cả những gì mà một nhà duy lý xem như là những phép thử để biết đúng hoặc sai. Theo anh ta, sự đúng dường như có nghĩa là đúng thuận theo đa số những người giàu có và biết lý lẽ, chúng ta đều biết rằng chẳng có chuẩn mực nào an toàn hơn thế, nhưng rồi quyết định này sẽ dẫn đến đâu đây? Đơn giản, có một sự đồng thuận ngầm về những gì lộ rõ ngay rằng nó đúng, và khiến người ta chẳng buồn tìm hiểu thêm, và sự ngầm đồng thuận này khiến cho những ai tự nhận mình là những người bảo vệ và giảng dạy cho sự thật và kiếm lợi từ việc đó trở nên không chỉ được người ta chấp nhận mà còn xứng danh công chính nữa là khác.

Ernest chẳng thấy một lối hợp lý nào để thoát khỏi kết luận phức tạp này. Nó thấy rằng có thể niềm tin của những Kitô hữu đầu tiên khi đối diện với tính chất phi thường trong biến cố Phục Sinh của Chúa Kitô là một điều chấp nhận được, dù đó là một niềm tin vô lý trí. Cái lối diễn giải này từ đó được trưng ra trước mắt bất kỳ những ai nửa nạc nửa mỡ, và cứ thế cứ thế nó tràn lan khắp thế giới mà chẳng một ai nghiêm túc bắt bẻ lại. Làm sao

viện trưởng Alford, một người đã chọn Tân Ước làm ngành nghiên cứu chính của mình, lại không thể hay không nhìn ra được những gì mà Ernest đang tự mình thấy một cách rõ ràng như thế này đây? Liệu còn lý do nào khác ngoại trừ sự thật rằng ông ta không muốn nhìn ra, và nếu thế ông ta chẳng phải là một kẻ phản bội sự thật ư? Nhưng, ông ta chẳng phải là một người thành công và đáng trọng hay sao, và chẳng phải đại đa số những người thành công và đáng trọng, chẳng hạn như các giám mục và tổng giám mục, đều làm đúng những gì mà ngài Alford đã làm hay sao, và khi hành động như thế chẳng phải đã làm cho hành động của họ nên đúng đắn, bất kể nó là những việc nghiên cứu ngẫu nhiên người ta, bóp chết trẻ con, hay thậm chí là đem lại một thói quen dối trá thâm căn cố đế, hay sao?

Vô lý tồi tệ, sai lầm gớm ghiếc! Mạch đập yếu ớt của Ernest bỗng mạnh lên, và gương mặt tái nhợt của nó bùng bùng khi nhìn ra cái quan điểm sống đáng ghét này với tất cả tính nhất quán hợp lý của nó? Điều khiến nó chần chừ không phải là việc hầu hết người ta đều là kẻ dối trá, bởi cái đó nó đã biết rõ rồi, nhưng điều khiến nó sốc chính là một hoài nghi thoáng qua rằng liệu những người trung thực cuối cùng có trở nên dối trá hay không. Nếu thực như thế, thì quá vô vọng, nếu thực như thế thì cho nó chết đi cho rồi, càng sớm càng tốt. ‘Lạy Chúa,’ nó nói thầm trong tâm, ‘Con không tin bất kỳ lời nào ở trên. Xin hãy làm sáng danh Ngài và củng cố cho sự kém tin của con.’ Dường như đối với nó từ nay về sau, khi thấy một giám mục được tấn phong, nó sẽ chẳng thể kìm nén mà phải nói với mình rằng: ‘Vì ơn Chúa, đó phải là Ernest Pontifex.’ Việc đó không phải do nó. Nó chẳng hề khoác lác, nếu giả như nó được sống vào thời của Chúa Kitô, thì nó sẽ là một trong những Kitô hữu đầu tiên, hay thậm chí là một Tông đồ, nó biết như vậy. Nói tóm lại, nó thấy rằng nó phải thấy biết ơn vì nhiều thứ.

Rồi đến cái kết luận rằng tốt hơn nên tin vào sai lầm hơn là sự thật, cái thứ đó nên bị vứt đi không thương tiếc ngay lập tức, cho dù nó có hợp lý rõ ràng đến đâu đi chăng nữa, nhưng nếu không làm vậy thì nó còn chọn lựa nào khác nữa ư? Cái tiêu chuẩn của chúng ta đối với sự thật, cụ thể là sự thật tự phò mình cho quyết định của đại đa số những người giàu có và thành

công, là không thể sai lầm. Cái quy luật này có cơ sở, và thể hiện đúng trong vô số trường hợp, nhưng cũng có một vài ngoại lệ.

Nó tự hỏi mình, những ngoại lệ đó là gì? À, đó là một vấn đề khó khăn đây. Có rất nhiều ngoại lệ, và quy luật cho những ngoại lệ đó đôi khi rất phức tạp và mập mờ, những ngoại lệ này đã và sẽ luôn được tạo ra, và chính chúng không cho phép người ta hạ giá đời sống thành một thứ khoa học chính xác. Có một phép thử gần đúng theo một quy tắc tự đặt cho sự thật, và một số quy luật đối với những ngoại lệ trên có thể được nắm vững không mấy khó khăn, nhưng vẫn có một số trường hợp còn lại rất khó để định đoạt, quá khó đến nỗi tốt hơn trong hoàn cảnh này người ta nên nghe theo bản năng hơn là cố gắng định đoạt bằng bất kỳ tiến trình lý luận nào.

Bản năng chính là Tòa thượng thẩm tối cao của con người. Mà bản năng là gì? Nó là một dạng đức tin vào sự hiện hữu hiển nhiên của những gì không nhìn thấy được. Và rồi đến đây, Ernest của chúng ta lại gần như trở về điểm xuất phát ban đầu, cụ thể là người ta phải sống bằng đức tin.

Và đây chính là điều mà những người biết lý lẽ áp dụng với những chuyện đời sống thường ngày quan trọng nhất đối với họ. Họ xử lý những vấn đề nhỏ hơn bằng chính phán đoán cân nhắc của riêng mình. Nhưng với những chuyện quan trọng hơn, như việc chạy chữa cho thân xác của mình hay của người mình thương, việc đầu tư tiền bạc, việc giải thoát mình khỏi những đồng hồ độn rắc rối, tất cả những chuyện này thông thường người ta đều tin thác cho những người khác mà họ vốn chỉ biết chút ít về năng lực dựa trên những thông tin chung chung. Và như thế là người ta hành động theo niềm tin chứ không phải theo nhận thức. Cũng bởi thế mà anh quốc này gởi gắm tương lai của hải quân và không quân vào tay Bộ trưởng hải quân, người ta chẳng phải là một thủy thủ và chẳng biết chút gì về những vấn đề này cả trừ một điều là cứ hành động theo niềm tin. Chúng ta chẳng thể hoài nghi về niềm tin, và cũng không thể đặt lý luận làm *ultima ratio*, phương sách tốt cùng được.

Ngay cả Euclid, có đôi phần dễ dãi như bất kỳ người nào khác, cũng không thoát khỏi điều này. Ông không có một tiền đề có thể chứng minh được. Nên ông cần những định đề và tiên đề mặc nhiên được chấp nhận, mà

nếu không có chúng, ông chẳng thể làm gì. Ông chứng minh được những gì tiếp sau đó, nhưng nền tảng của ông vẫn dựa trên niềm tin. Và với những người bất đồng với mình, ông cũng không thể làm gì hơn ngoài việc nói họ là những kẻ ngu ngốc. Ông chỉ thốt lên, ‘thật là ngu xuẩn,’ và không chịu bàn xa hơn về vấn đề này. Bởi thế, niềm tin và căn cứ rõ ràng là điều cần thiết đối với ông cũng như đối với bao người khác. ‘Nhờ niềm tin vào cái gì, mà một người đứng đắn cố gắng sống trong thời đại này?’ Ernest tự hỏi mình như thế, rồi tự đưa ra lời giải luôn, ‘Dù gì thì cũng không phải là niềm tin vào tính siêu nhiên của Kitô giáo.’

Và nó phải làm sao để thuyết phục được những người đồng hương của mình rời bỏ niềm tin vào sự siêu nhiên này đây? Nhìn nhận vấn đề một cách thực tiễn, nó nghĩ rằng Tổng Giám mục Canterbury chính là người có đủ thẩm quyền hứa hẹn nhất để giải quyết tình trạng này. Và cái chức đó nằm ở khoảng giữa nó với Giáo hoàng. Xét theo lý thuyết, thì Giáo hoàng mới là người phù hợp nhất để thực hiện mong muốn của nó, nhưng trên thực tế thì Tổng Giám mục Canterbury cũng đã đủ rồi. Nếu nó có thể dàn xếp sao đó nắm được ngài Tổng giám mục trong tay, hoặc nói theo cách khác là rắc được muối vào đuôi ông ta^[36], thì nó có thể tạo nên một cuộc đột kích biến đổi toàn Giáo hội anh giáo, và cho họ tư tưởng tự do. Phải có một loạt lập luận thuyết phục đến mức một Tổng Giám mục, đúng hơn là một Tổng Giám mục chưa được đả thông tư tưởng nhờ thời gian bị bỏ tù vì tội hiệp dân, cũng không thể bác bỏ được. Với những gì theo sắp xếp của Ernest, thì ngài Tổng giám mục chẳng thể phản kháng được gì mà phải chấp nhận lý lẽ của nó, rồi vì là một người trọng danh dự ngài sẽ từ nhiệm và rời Kitô giáo ở anh quốc này sẽ tàn lụi trong vòng vài tháng mà thôi. Dù gì rồi mọi chuyện cũng sẽ như thế. Nhưng Ernest luôn thấy lo không biết Tổng giám mục có chuồn mất ngay khi gần nắm gọn trong tay nó hay không, cứ nghĩ đến điều này, nó thấy thật bất công không chịu nổi. Nếu thật như thế, thì nó phải cố tìm cách xử lý ông, phải dùng cho hợp lý cả bẫy sập hay bẫy lưới, nếu không thì phải mai phục mà bất thần rắc muối vào đuôi ông ta. Xét công bằng mà nói, nó chẳng mấy bận tâm về chính mình. Nó biết rằng nó đã bị lừa bịp, và nó cũng biết rằng phần lớn những khổ nỗi trút xuống đầu nó

liên quan gián tiếp và chính yếu với tác động của giáo lý Kitô giáo. Nếu những ác hại đó dừng lại trên nó mà thôi, thì nó sẽ chẳng nghĩ nhiều về chúng, nhưng còn em gái nó, em trai Joey của nó, và hàng trăm hàng ngàn thanh niên khác trên toàn anh quốc đang sống tàn lụi đi bởi những lời dối trá cứ trút lên đầu họ từ những con người được cho là làm tốt nhưng thực sự là những kẻ tặc trách và lẩn trốn vấn đề hơn là đối mặt với chúng. Chính điều này khiến nó thấy đáng giận, và thấy rằng ít nhất nó phải làm điều gì đó để cứu những người khác khỏi phải chịu những năm tháng phí phạm và mù tối như nó từng trải qua. Nếu chẳng có chút sự thật nào trong câu chuyện phi thường về cái chết và sự Phục sinh của Chúa Kitô, thì xét theo sự thật lịch sử, toàn bộ cái tôn giáo này phải bị đập đổ đến tận gốc rễ. ‘Than ôi,’ nó gào lên với tất cả sự ngông ngạo của tuổi trẻ, ‘người ta tống một bà đồng hay một thầy bói vào tù vì lường gạt tiền của những người ngốc nghếch tin vào sức mạnh siêu nhiên vốn không có nơi họ, thì tại sao người ta lại không tống những giáo sỹ vào tù vì tội cho rằng mình có thể tha tội, hay có thể biến bánh và rượu trở thành thịt và máu của một Người đã chết cách đây hai ngàn năm?’ nó tự hỏi mình, ‘Có thứ gì lừa lọc hơn khi một giám mục đặt tay trên người ta và cho rằng đã truyền cho anh ta sức mạnh thiêng liêng để làm nên phép lạ bánh rượu này? Nói về sự tha thứ thì luôn luôn tốt, nhưng sự tha thứ, hết như mọi thứ khác, đều có giới hạn của nó, hơn nữa nếu giám mục có thể tha tội, thì cả ông thầy bói cũng vậy thôi.’ Nó sẽ giải thích tất cả những điều này từng cái một cho Tổng Giám mục Canterbury, nhưng lúc này khi chưa tiếp cận được ông ta, nó thấy thuận lợi hơn nên thử những luận điểm này với cái linh hồn bé nhỏ của vị mục sư tuyên úy nhà tù. Người ta phải thực hiện bước đầu tiên và rõ ràng nhất để rồi có đủ sức mạnh làm những điều phi thường, nên một ngày nọ, khi ông Hughes, vị mục sư tuyên úy, đang trò chuyện với Ernest, nó trình bày với ông những nghi hoặc về tính hiển nhiên của Kitô giáo, và cố để khơi mào một cuộc tranh luận về chủ đề này. Ông Hughes rất tử tế với chàng trai của chúng ta, nhưng với tuổi đời gấp đôi, ông đã quá từng trải trong chuyện xử lý những vấn đề kiểu như thế này rồi. Tôi không cho là ông tin vào tính đúng đắn khách quan thực tế trong trình thuật về sự Phục sinh và Thăng thiên của Chúa Giêsu hơn gì Ernest đâu, nhưng

ông biết rằng đó chỉ là một vấn đề nhỏ, và vấn đề thật sự còn nằm sâu hơn thế nhiều.

Ông Hughes là một người quá thâm niên, và đối với ông, Ernest chẳng hơn gì một con muỗi. Ông xử lý những vấn đề Ernest đưa ra quá hoàn hảo, đến mức nó chẳng bao giờ dám gợi lại chuyện này với ông lần nữa, rồi ông lái sang chuyện tương lai, nói về những vấn đề chẳng hạn như Ernest nên làm gì sau khi ra tù, và về những chuyện này, ông sẵn sàng lắng nghe nó với sự đồng cảm và thân ái.



Ernest bây giờ đã bình phục đủ để có thể ngồi dậy gần như cả ngày. Nó đã ở trong tù được ba tháng, và dù chưa đủ khỏe để xuất viện nhưng cũng không sợ tái phát bệnh nữa. Một ngày nọ khi nói với ông Hughes về chuyện tương lai, và một lần nữa nhắc đến ý định di cư đến Úc châu hay New Zealand với số tiền lấy lại từ tay Pryer, nó để ý thấy ông Hughes có vẻ buồn và im lặng, nó nghĩ rằng có lẽ ông tuyên úy này muốn nó trở lại nghiệp giáo sỹ cũ, và không tán đồng mong muốn thay đổi của nó, nên thẳng thừng đòi ông giải thích tại sao ông không tán đồng ý tưởng di cư của nó.

Ông Hughes cố gắng tránh né, nhưng Ernest không chịu bỏ cuộc. Thái độ của ông tuyên úy nói lên rằng ông biết một điều gì đó mà nó chưa biết, nhưng lại không muốn nói ra. Điều này khiến nó quá đỗi rúng động nên nó khẩn khoản nài xin ông đừng bắt nó phải thấp thỏm nữa. Sau một hồi phân vân, và nghĩ rằng nó đã đủ khỏe để chịu nổi chuyện này, ông Hughes, với cách nhẹ nhàng nhất có thể, báo cho nó biết rằng toàn bộ số tiền của nó đã biến mất. Một ngày sau khi báo tin cho Theobald, tôi được luật sư cho biết là ông đã viết thư cho Pryer, yêu cầu anh ta trả lại toàn bộ số tiền mà anh đã mượn. Pryer đáp lời rằng anh đã ủy nhiệm cho người môi giới kết toán tất cả giao dịch, và thật không may kết quả cho thấy là thua lỗ nặng, và số còn lại sẽ được gửi đến luật sư của tôi trong ngày giao dịch tiếp theo, nghĩa là khoảng trong thời gian một tuần. Khi đến hạn, chúng tôi chẳng thấy tăm hơi gì từ Pryer, và khi đến tận phòng trọ của anh ta, mới biết rằng anh ta đã vợ vùi đồ đạc bỏ đi ngay sau hôm nhận được giấy báo từ chúng tôi, rồi từ đó về sau chẳng thấy xuất hiện nữa.

Tôi đã từng nghe Ernest nhắc đến tên của người môi giới, và ngay lập tức đến tìm anh ta. Anh ta cho tôi hay rằng Pryer đã rút hết tiền trong tài khoản vào đúng ngày Ernest bị tuyên án, với tổng số là 2315 bảng còn lại từ số tiền 5.000 bảng mà Ernest đưa cho anh ta. Pryer đã tẩu thoát cùng với số tiền này, và chúng tôi cũng chẳng có đủ manh mối để dò ra anh ta đang ở đâu mà thu hồi số tiền còn lại này. Thật sự bây giờ chẳng còn cách nào khác ngoài việc chấp nhận rằng toàn bộ số tiền đã mất sạch. Tôi nên nói thêm là cả tôi và Ernest về sau chẳng bao giờ nghe được tin gì về Pryer nữa.

Sự việc thế này đẩy tôi vào một tình thế khó xử. Tôi biết thế nào vài năm sau Ernest sẽ có một số tiền gấp chục lần số nó đã mất, nhưng tôi cũng biết là nó chẳng hề hay biết gì chuyện này, và e ngại rằng nó sẽ cho là mình đã mất sạch mọi thứ, rồi nỗi đau này cộng với những bất hạnh vốn có khác, sẽ vượt quá sức chịu đựng của nó.

Giới chức nhà tù đã tìm được địa chỉ của Theobald trong lá thư cất nơi túi áo Ernest, và đã hơn một lần báo cho anh biết bệnh tình của nó, nhưng Theobald chẳng báo lại cho tôi, và tôi cứ cho rằng Ernest vẫn hoàn toàn khỏe mạnh. Đến lúc ra tù, nó mới chỉ hai mươi bốn tuổi, và nếu tôi làm theo đúng những gì cô Alethea của nó dặn dò, thì nó sẽ phải vật lộn với cuộc sống thêm bốn năm nữa. Vấn đề hiện giờ đối với tôi là liệu có hợp lý không khi để nó phải sống mạo hiểm như thế, hay liệu tôi có được phép vi phạm những lời Alethea truyền lại, và tôi sẽ chẳng chần chừ nếu nghĩ rằng cô ấy cũng mong muốn như tôi vậy, mà giao cho nó một khoản bằng với khoản mà đáng ra nó có thể thu hồi được từ Pryer.

Nếu đứa con đỡ đầu của tôi lớn hơn một chút, và xác định được một phương hướng nhất định nào đó, thì tôi sẽ làm thế, nhưng nó vẫn còn quá trẻ, và hơn nữa, vẫn chưa định hình được cho mình với lứa tuổi như vậy. Nếu, một lần nữa lại nữa, tôi hay biết về bệnh tình của nó, thì tôi sẽ chẳng dám bắt nó phải gánh thêm một gánh nặng nào nữa, nhưng vì chẳng hay biết gì, nên tôi nghĩ rằng một vài năm gian khổ cùng với kinh nghiệm đừng đùa với lửa trong chuyện tiền bạc sẽ chẳng gây hại gì cho nó. Vì thế, tôi quyết định sẽ dõi theo nó ngay khi nó được ra tù, và để cho nó vùng vẫy nơi nước sâu hết sức nó có thể cho đến khi tôi thấy hoặc là nó biết bơi, hoặc là nó sắp

chìm. Nếu nó có thể bơi được, thì tôi sẽ để nó tự lập cho đến khi gần hai mươi tám tuổi rồi dần chuẩn bị cho nó đón nhận một tiền đồ tươi sáng đang đến, còn nếu như nó gần chìm thì tôi sẽ nhanh chóng vớt nó lên. Quyết định như vậy, nên tôi viết thư báo cho Ernest rằng Pryer đã chạy trốn, và sau khi ra tù nó sẽ được nhận

100 bảng từ cha nó. Rồi tôi chờ xem những tin này sẽ gây nên tác động thế nào, nhưng tôi không mong sẽ có được tin tức gì trong vòng ba tháng, bởi theo tôi dò hỏi thì tù nhân sẽ không được nhận thư tín nào cho đến hết tháng thứ ba trong tù. Tôi cũng đã viết một lá thư gửi cho Theobald và nói với anh về chuyện Pryer đã bỏ trốn.

Như tất yếu phải vậy, lúc thư của tôi đến nơi, quản giám nhà tù đọc nó, và với tầm quan trọng của lá thư này đáng ra họ sẽ nường nhẹ luật mà cho Ernest đọc nó, nhưng vì lúc đó nó lại đang nằm trên giường bệnh nên quản giám nhờ viên tuyên úy và bác sỹ báo tin này cho nó khi họ nghĩ là nó đủ khỏe để chịu đựng nổi, cũng là lúc này đây. Còn trong thời gian đó, tôi nhận được một văn bản hành chính nói rằng nhà tù đã nhận được thư của tôi và sẽ trao cho tù nhân đúng thời điểm hạn định, tôi tin rằng việc viên thư ký nhà tù không thông báo cho tôi về tình hình của Ernest chỉ là do sơ suất mà thôi, nhưng dù gì tôi cũng chẳng được hay chút gì về chuyện này cho đến tận lúc, thể theo yêu cầu của Ernest, tôi được gặp nó vài ngày sau khi viên tuyên úy tiết lộ cho nó biết đại ý lá thư của tôi.

Ernest bàng hoàng chấn động khi nghe biết đã mất sạch toàn bộ số tiền, nhưng do chẳng biết gì về chuyện đời, nên nó chẳng thể nhận ra được những ác hại to lớn hơn sẽ nổi tiếp sau việc này. Nó chưa bao giờ thực sự túng thiếu tiền bạc, và chẳng biết hoàn cảnh đó sẽ ra làm sao. Trong thực tế, đối với những người sống đủ lâu hiểu đủ chuyện, thì mất tiền là một trong những việc khó chấp nhận nhất.

Người ta có thể đứng vững khi được báo là phải chấp nhận một ca phẫu thuật đầy rủi ro, hay là được nghe rằng mình mang bệnh gần chết, hay sẽ mù hoặc què cả đời, những tin như thế hẳn là đáng sợ, nhưng chúng ta thấy phần đông sẽ không rối loạn mất trí trước những chuyện như thế, thực sự thì hầu hết mọi người vẫn đủ bình thản ngay cả khi đứng trước giá treo cổ, nhưng

lại sẽ rơi vào tình trạng hoảng loạn nhất lúc lụn bại tài chính, và như một quy luật chung, người đó càng tốt bao nhiêu thì càng sụp đổ hoàn toàn bấy nhiêu. Tự vẫn thường là cái kết chung cho sự phá sản, trong khi hiếm ai dùng cách đó để thoát khỏi những thống khổ thân xác. Nếu chúng ta thấy rằng mình vẫn còn đủ khả năng tài chính để có thể chết êm ấm và lạng lẽ trên giường mà chẳng phải lo lắng không có tiền chi trả, thì chúng ta sẽ sống cho đến tận khi xuống mồ, cho dù có thống khổ thế nào đi nữa. Ông Job rõ ràng đã cảm nhận việc mất đi đàn súc vật của mình còn hơn cả việc mất đi vợ con, bởi ông có thể vui hưởng đàn gia súc mà không cần đến vợ con, nhưng không thể ngược lại, không thể chịu nổi nếu ông mất hết toàn bộ gia sản. Mất hết tiền bạc rõ ràng không đơn thuần chỉ là một nỗi đau cùng cực nhất, mà nó còn là khởi điểm cho mọi đau đớn khác. Hãy cho một người bình thường có được một gia sản kha khá, rồi sau đó bất thần lấy hết đi, xem thử sức khỏe của anh ta sẽ chịu đựng được bao lâu một khi sự phá sản đó sẽ dẫn đến những thay đổi khác trong mọi cách thức sống tưởng như nhỏ nhất của anh ta?

Còn tình thương mến và sự cảm thông của bạn bè sẽ giúp anh ta trụ vững được bao lâu? Người ta có lẽ sẽ rất lấy làm tiếc cho chúng ta, nhưng từ trước đến giờ mọi người có thái độ này với chúng ta là vì chúng ta chỉ đang gặp khốn đốn về tiền bạc, nhưng đến lúc chúng ta phá sản thì mọi chuyện phải được xem xét lại, và sự thương mến chúng ta nhận được chỉ là một thứ vờ vĩnh dối trá. Chúng ta thừa nhận rằng ba mất mát nghiêm trọng nhất mà một người có thể chịu được là mất tiền bạc, sức khỏe và thanh danh. Mất tiền là thứ mất mát tệ nhất, rồi đến sức khỏe và thanh danh. Mất thanh danh chỉ xếp thứ ba vì nếu người ta giữ được tiền bạc và sức khỏe nguyên vẹn, thì thường cũng sẽ thấy rằng chuyện này chỉ phá hỏng những thói lệ đương thời mà thôi, chứ chẳng xâm hại gì đến những tiêu chuẩn lâu đời hơn và được xác lập tốt hơn, với sức nặng không thể chối cãi. Trong trường hợp này, người đó có thể tái lập một thanh danh mới dễ dàng như con tôm hùm mọc càng vậy, hay thậm chí nếu đã có đủ tiền bạc và sức khỏe thì anh ta có thể yên bình thanh thản tâm trí mà chẳng cần đến chút danh nào nữa. Cơ hội duy nhất dành cho kẻ phá sản là nếu anh ta còn đủ trẻ để xóa sạch hoàn toàn mọi

sự và bắt tay vào một khởi đầu mới ở nơi khác, đồng thời phải giữ được tỉnh táo, và tôi tin rằng đứa con đỡ đầu của tôi là một người như thế.

Theo luật nhà tù, sau khi đã ở trong khám được ba tháng, nó được phép nhận và gửi thư, đồng thời cũng được tiếp khách đến thăm. Khi nhận được thư của tôi, ngay lập tức nó yêu cầu tôi đến gặp nó, và tất nhiên là tôi đến. Tôi thấy nó đã thay đổi rất nhiều, và vẫn còn rất yếu, đến mức việc đi từ thương xá đến gian phòng tiếp khách, cũng như sự xúc động lúc gặp tôi vẫn còn quá sức chịu đựng của nó. Lúc đầu nó khá suy sụp, và tôi rất đau lòng khi thấy nó như vậy, chính vì thế mà tôi quyết định phá vỡ những lời dằn dò của Alethea. Tuy nhiên tôi giữ mình lại và cam đoan với nó rằng tôi sẽ giúp đỡ nó ngay khi nó được ra tù, rồi một khi đã xác định được sẽ làm gì tiếp theo và cần đến tiền nhưng lại không xin được từ Theobald thì nó cứ việc đến tìm tôi để nhận số tiền đó. Để nó thấy thoải mái hơn, tôi bảo nó rằng cô Alethea của nó trong giờ hấp hối đã khẩn khoản mong tôi nếu có chuyện gì bất trắc xảy ra, hãy giúp đỡ nó như thế này, cho nên những gì tôi làm cho nó cũng là vì Alethea mà thôi.

‘Vậy,’ nó nói, ‘con sẽ không nhận một trăm bảng từ cha con và sẽ không bao giờ gặp cha hay mẹ con nữa.’

Tôi bảo nó: ‘hãy lấy một trăm bảng đó đi Ernest, và lấy được chừng nào thì lấy, rồi đừng bao giờ gặp lại họ nữa nếu như con không muốn.’

Ernest không chịu làm thế. Nó muốn tuyệt giao với cha mẹ nó, nhưng nếu nhận tiền thì nó sẽ không thể cắt đứt hoàn toàn được. Tôi nghĩ sẽ tốt hơn cho nó nếu kiên quyết tuyệt giao hoàn toàn với cha mẹ nó, và tôi cho nó biết suy nghĩ của mình.

Với một ánh mắt ngạc nhiên, nó hỏi tôi, ‘Vậy bố không thích họ sao?’

‘Thích họ,’ tôi trả lời, ‘ta nghĩ rằng họ thật khủng khiếp thì có.’

‘Ôi, trong tất cả mọi sự, đó là điều tốt đẹp nhất mà bố đã làm cho con,’ nó kêu lên, ‘con cứ nghĩ là tất cả, toàn bộ những người... Trung niên đều giống cha và mẹ con.’

Nó định gọi tôi là một ông già, nhưng tôi chỉ mới năm mươi lăm tuổi, và chưa đáng để bị gọi là già, nên tôi nhăn mặt khi thấy nó hơi lưỡng lự với từ đó, vì thế nó chuyển sang gọi tôi là ‘trung niên.’

‘Nếu con thích,’ tôi nói, ‘ta sẽ nói rằng toàn bộ gia đình con đều thật khủng khiếp, ngoại trừ con và cô Alethea. Trong mọi gia đình phần đa số luôn luôn thật khủng khiếp, nếu có được một hay hai người tốt trong một đại gia đình, thì như vậy là quá được rồi.’

‘Cám ơn bố,’ nó đáp lại với giọng cảm kích, ‘con nghĩ là bây giờ mình gần như có thể đứng vững trước tất cả mọi thứ. Con sẽ đến gặp bố ngay khi được ra tù. Chào bố.’ Nó phải từ biệt ngay bởi cai ngục đã báo hết thời gian được phép thăm viếng rồi.



Ngay khi khám phá ra mình sẽ trắng tay lúc ra tù, Ernest thấy ngay giấc mơ di cư và mở trang trại của nó đã tan thành mây khói, bởi biết rằng nó không thể tự mình cày cấy, đục đẽo được, mà có vẻ như nó cũng sẽ chẳng có đồng nào để trả cho người ta làm việc đó. Và chính điều này khiến nó cương quyết tách lìa ngay lập tức và hoàn toàn với cha mẹ nó. Nếu nó đi được ra nước ngoài, có lẽ nó vẫn sẽ giữ liên hệ với họ, bởi lúc đó họ sẽ cách nó đủ xa để khỏi quấy rầy nó.

Nó biết rằng cha mẹ nó sẽ không chấp nhận đoạn tuyệt, họ cũng muốn thể hiện mình ân cần và đầy lòng tha thứ, và họ cũng chẳng muốn một thứ gì khác sẽ gây khổ sở thêm cho nó, nhưng nó biết rất rõ rằng bao lâu nó còn gắn bó với họ, bấy lâu vẫn chỉ là đồng sàng dị mộng mà thôi. Nó muốn bỏ đi cái vẻ quý ông, đi xuống những tầng lớp thấp hơn, bắt đầu với nấc thấp nhất của bậc thang xã hội, nơi chẳng ai biết đến chuyện nhục nhã của nó mà nếu có biết cũng sẽ chẳng bận tâm làm gì, ngược lại cha mẹ nó lại muốn nó bám vào cái gấu áo của sự tôn quý với một đồng lương chết đói và chẳng có chút cơ hội thăng tiến nào. Ở Ashpit Place, Ernest đã quan sát đủ để biết rằng một thợ may, nếu không rượu chè và chuyên tâm vào công việc, có thể kiếm được nhiều hơn một thư ký hay một phụ tá, trong khi công việc này lại chẳng đòi hỏi nó phải chi tiêu nhiều để giữ cái vẻ bề ngoài. Một người thợ may cũng được tự do hơn, và có cơ hội thăng tiến tốt hơn. Ernest kiên quyết làm như thế, thà nó xuống thấp nữa, xuống nhanh chóng nhẹ nhàng nhưng có ý muốn vươn lên còn hơn là cứ bám vào gấu áo tự tôn, một thứ chỉ cho nó vẻ ngoài, và bắt nó phải trả những giá quá đắt cho những thứ mà nếu không có thì còn tốt hơn.

Nó quyết định điều này nhanh chóng đến vậy là nhờ nhớ lại những gì đã từng được nghe cô Alethea nói về ‘hôn lấy đất mẹ.’ Nó rất ấn tượng và giữ chặt điểm này có lẽ là bởi tính khúc chiết của nó, về sau khi đọc đến câu chuyện giữa Hercules và Antæus, nó thấy đây là một trong số rất ít những thần thoại có tác động đến nó, và xem đó là thứ lớn nhất nó mang ơn nền văn học cổ điển. Cô Alethea đã muốn nó học nghề mộc, như một phương cách để hôn lấy đất mẹ. Bây giờ đã quá trễ cho nghề mộc, mà cũng có thể nó nghĩ vậy nhưng không phải vậy, nhưng dù sao nó cũng đã biết cách áp dụng ý tưởng của cô nó, đó là ngoài nghề mộc, vẫn còn hàng trăm cách khác để hôn lấy đất mẹ.

Nó cứ mãi nói về điều này suốt buổi trò chuyện, và tôi đã hết sức khuyến khích nó. Nó thể hiện được một ý thức tốt hơn nhiều so với kỳ vọng của tôi, nên tôi thấy tương đối an lòng về nó, và quyết định để nó tự lập, tự quyết định lối đi của nó, nhưng vẫn luôn sẵn sàng can thiệp nếu mọi chuyện chệch hướng quá xa. Nó muốn rời xa cha và mẹ nó không đơn giản chỉ bởi nó không thích họ, nếu lý do chỉ có vậy thì hẳn nó đã làm hòa với họ rồi, nhưng trong lòng nó có một tiếng nói vang lên đủ rõ ràng rằng nếu xa lìa khỏi họ thì nó vẫn còn cơ may thành công, chứ một khi họ vẫn còn có ảnh hưởng gì với nó, hoặc biết được nó đang ở đâu, thì thế nào họ cũng sẽ cản lối và cuối cùng là hủy hoại nó. Ernest tin rằng sự độc lập tuyệt đối là cơ may duy nhất để nó sống một cuộc đời cho xứng đáng.

Nếu lý lẽ trên chưa đủ, thì tôi cho rằng có một điều trước hết và trên hết nữa, đó là hệt như hầu hết mọi thanh niên khác, Ernest có một niềm tin mạnh mẽ vào vận mệnh của mình, dù chẳng có ai ngoài nó thấy rõ nền tảng thành công cho vận mệnh đó. Dù đúng hay sai, nó vẫn âm thầm tin rằng nó có một sức mạnh, và chỉ cần được tự do dùng sức mạnh đó theo cách của mình, thì một ngày nào đó, nó có thể làm nên những điều vĩ đại. Nó không biết lúc nào, ở đâu hay bằng cách nào thời cơ này sẽ đến với nó, nhưng luôn vững tin rằng thế nào ngày đó cũng sẽ đến, và trên tất cả mọi sự, nó ấp ủ một hy vọng rằng nó sẽ biết cách nắm lấy thời cơ đó, và dù thời cơ đó có là thế nào đi nữa, cũng sẽ chẳng có ai vận dụng tốt bằng nó đâu. Người ta bảo

rằng thời này chẳng còn rông và người khổng lồ để cho các nhà thám hiểm có cơ hội chiến đấu nữa, nhưng với Ernest thì ngược lại.

Với một người đang còn trong tù mà tự đánh giá mình xứng đáng cho những sứ mệnh cao cả, thì thật là một niềm tin vô lý, nhưng Ernest không thể không nghĩ đến điều này, ý nghĩ này hết như hơi thở và nội tại sẵn trong nó, và chính điều này, hơn bất kỳ ý tưởng nào khác đã thúc đẩy Ernest cắt đứt liên hệ với cha mẹ mình, bởi nó biết rằng nếu ngày đó đến, ngày nó được tham dự cuộc đua với những người giỏi nhất, thì cha và mẹ nó sẽ là người đầu tiên đưa nó vào vòng đua nhưng cũng là những người đầu tiên cản đường nó. Lúc đầu, họ sẽ nói rằng nó nên tham gia cuộc đua, nhưng khi nó làm theo, họ cũng lại là người đầu tiên ngáng chân nó, rồi sau đó lại trách mắng nó vì đã không thể chiến thắng. Nó sẽ chẳng thể thành công, trừ phi được tự do thoát khỏi những người cứ lôi kéo nó lùi về lối mòn. Mà nó đã từng thử qua và thấy lối mòn đó thật ngu ngốc.

Bây giờ nó đang có cơ hội để dứt áo ra đi thoát khỏi những người đã từng dày vò nó và kéo nó xuống bùn, nếu nắm được cơ hội này, nó sẽ có thể bay vút lên trời xanh. Cơ hội này sẽ chẳng bao giờ đến nếu nó không bị tổng giam, nhưng dù thế đi nữa, thì lẽ thói lệ thường sẽ vẫn có một tác động quá mạnh lên nó, và gần như nó sẽ không nắm được cơ hội này nếu không bị mất sạch tiền, bởi nếu không có thêm chuyện này thì cái hố ngăn cách giữa quá khứ và tương lai của nó sẽ không quá rộng và nó có thể bắc cầu trở về. Bởi vậy, nó vui mừng vì đã mất sạch tiền và cũng mừng vì được tổng giam, nhờ những chuyện này mà nó được thoải mái hơn để theo đuổi những ý muốn thật nhất và bền vững nhất của mình.

Có đôi lần nó dao động khi nghĩ về mẹ nó, người mà nó cho là đã yêu thương nó biết bao, hẳn sẽ khóc lóc và buồn lòng vì nó, thậm chí bà có thể đổ bệnh và mất đi, rồi lúc đó nó phải tự trách mình thế nào cho đủ đây. Những lúc như vậy quyết tâm của nó gần như vụn vỡ, nhưng khi thấy tờ bản đồ kế hoạch của nó, thì tiếng gọi nội tâm của nó, tiếng gọi thúc bách nó liả bỏ cha mẹ mình, càng vang vọng to hơn và cương quyết hơn. Nếu nó không thể tách liả với những người mà nó biết là sẽ cản lối nó, và nếu quyết tâm của nó đi xuống thì giấc mơ về một vận mệnh tươi đẹp của nó sẽ trở nên

vô dụng, như thế thì một trăm bảng từ cha nó có là gì khi đem so với nguy cơ này. Nó vẫn cảm nhận sâu sắc nỗi nhục nhã của mình đã tác động thế nào lên cha mẹ nó, nhưng bây giờ nó đã mạnh mẽ hơn và nghĩ rằng nếu nó tận dụng triệt để cơ hội này chính là vì cha mẹ nó, thì đổi lại họ cũng phải biết làm như thế vì nó, con trai của họ.

Nó gần như đã xác định chắc chắn quyết tâm này, và lá thư của cha nó đã thúc đẩy nó thực hiện quyết định cuối cùng. Nếu áp dụng luật nhà tù một cách nghiêm khắc, thì nó sẽ không được nhận lá thư này trong vòng ba tháng tới, bởi đã từng nhận thư của tôi rồi, nhưng giới chức nhà tù đã nường nhẹ, và xem lá thư của tôi là một thư tín công việc chứ không phải thư của người thân. Nhờ đó Ernest đã được nhận lá thư của Theobald với nội dung như sau:

‘Ernest yêu quý, Ta viết thư này không phải là để trách mắng nỗi ô nhục và hổ thẹn mà con đã gây nên cho ta và mẹ con, chưa kể đến em trai Joey và em gái con nữa. Tất nhiên là chúng ta rất đau buồn, nhưng ngay cả khi buồn sâu, chúng ta vẫn biết ai là người cần chúng ta trông đến, và chúng ta lo lắng cho con nhiều hơn lo cho mình. Mẹ của con thật phi thường. Bà vẫn đứng vững, khỏe mạnh và mong ta gửi đến con tình thương của bà.

Liệu con đã xác định hướng đi sau khi ra tù hay chưa? Từ ông Overton, ta hiểu được rằng con đã làm mất sạch tài sản thừa kế từ ông nội, cùng với toàn bộ tiền lãi của nó, do đầu tư vào Thị trường Chứng khoán. Nếu con thực sự là người có lỗi trong cái chuyện đầu tư ngu ngốc khủng khiếp này, thì thật khó để hy vọng con có thể làm tốt việc gì khác, và ta cho rằng con sẽ cố để tìm một chân thư ký văn phòng. Lúc đầu, mức lương của con chắc chắn sẽ thấp, nhưng hoàn cảnh này là do con gây nên, và con buộc phải chấp nhận. Nếu con biết chịu cực để làm vừa lòng ông chủ thì thế nào ông ta cũng sẽ không ngần ngại thăng chức cho con.

Lúc mới nghe ông Overton báo cho biết về nỗi bàng hoàng không thể tả xiết này, ta đã quyết định sẽ không nhìn mặt con nữa. Nhưng ta cũng không muốn dùng đến một phương sách sẽ tước đoạt đi của con mối liên hệ cuối cùng với những con người đáng trọng. Mẹ con và ta sẽ gặp con ngay khi con được ra tù, nhưng không phải ở Battersby, hiện thời chúng ta không muốn

con xuống nhà, mà là ở một nơi nào khác, London chẳng hạn. Con sẽ không cần phải tránh mặt chúng ta, chúng ta không trách mắng con đâu. Rồi đến lúc đó chúng ta sẽ quyết định về tương lai của con. Hiện tại, chúng ta thấy rằng ở Úc châu hay New Zealand, con sẽ có được một bước khởi đầu tốt đẹp hơn ở đây, và ta đã chuẩn bị sẵn bảy mươi lăm bảng hay thậm chí một trăm bảng nếu cần, để con trang trải cho chuyến đi. Một khi đến được vùng thuộc địa đó, mọi thứ sẽ tùy thuộc vào nỗ lực của riêng con.

Cầu Chúa nâng đỡ cho mọi người và cho con, cũng như vài năm sau, sẽ đưa con về lại nhà như một thành viên đáng trọng của xã hội.

Cha yêu quý của con,

T. PONTIFEX.'

Còn đây là phần tái bút của Christina.

‘Con trai yêu quý, rất đổi yêu quý của mẹ, hãy cầu nguyện với mẹ hằng ngày hằng giờ để chúng ta sẽ lại được là một gia đình hạnh phúc, hiệp nhất và biết kính sợ Chúa như trước khi nỗi đau khủng khiếp này xảy đến. Người mẹ đau buồn nhưng luôn đầy tình thương của con. C.P.’

Ernest sẽ xúc động nếu nhận được lá thư này trước đây, nhưng bây giờ, sau khi đã qua thời gian trong tù, thì không. Cha và mẹ nó nghĩ rằng họ sẽ có thể kéo nó lại như đã từng đẩy nó đi. Họ quên mất rằng với một người còn trẻ và đầy nhiệt huyết, thì sau một biến cố bất hạnh, mọi thứ thay đổi cực kỳ nhanh chóng. Ernest không trả lời thư của cha nó, và khát mong đoạn tuyệt hoàn toàn của nó càng phát triển quá đổi mạnh mẽ. ‘Có những trại mồ côi cho những đứa trẻ mất cha mẹ,’ Ernest tự thét lên với mình, ‘ôi thôi, vậy tại sao, tại sao, tại sao, không có nơi nương thân nào cho những người đã trưởng thành mà chưa thoát được cha mẹ mình cơ chứ?’ Và nó vui mình suy nghĩ về hạnh phúc của Melchisedek^[37], được sinh ra mồ côi, không cha, không mẹ, không dòng dõi.



Khi nghĩ đến tất cả những gì Ernest đã chia sẻ với tôi về những cảm thức của nó trong thời gian ở tù, và những kết luận nó rút ra được từ đó, tôi thấy nó thực sự muốn thực hiện cái chước cách cuối cùng có thể xuất hiện trong đầu nó, chính là việc nó muốn từ bỏ cha và mẹ vì Chúa Kitô. Nó nói rằng nó bỏ cha mẹ bởi họ cản lối nó đến với hạnh phúc đích thực và vững bền nhất của nó. Cho là vậy đi, nhưng hạnh phúc này là gì nếu không phải là Chúa Kitô? Và Chúa Kitô là gì nếu không phải là hạnh phúc bền vững đích thực nhất đó. Một con người mang lấy quan điểm cao vời nhất và tự trọng nhất về hạnh phúc của chính mình trong giới hạn ý thức của mình, và gắn chặt vào đó bất kể lề thói, chính là một Kitô hữu, cho dù nó có nhận ra được như vậy hay không. Một bông hoa hồng chẳng thể mất đi chút giá trị nào của bông hoa hồng, nếu chỉ bởi nó không biết tên của mình.

Điều gì mà ngoại cảnh đã khiến cho gánh nặng của nó nhẹ nhàng hơn so với hầu hết những người khác? Đó chính là vận may của nó, hết như vận may của những người đã được nhẹ gánh hơn nhiều nhờ tình cờ được sinh ra đúng chỗ. Nếu người ta được sinh ra giàu sang hay xinh đẹp, chắc chắn họ có quyền có một tương lai tươi sáng. Một vài người tôi biết sẽ nói rằng người ta chẳng có quyền gì để vừa mới sinh ra đã được hơn người, số khác lại nói rằng vận may chỉ đến với những người tôn kính. Tôi dám nói rằng cả hai có thể đúng trong nhiều trường hợp, nhưng dù cho cái nào đúng đi nữa, thì chắc chắn Ernest có quyền có được vận may tốt đẹp sẽ làm nhẹ gánh cho nó khi vương phải nỗi bất hạnh rắc rối đến nỗi bị tống giam này. Chẳng ai có thể cười nhạo một người vì anh ta có được con bài chủ trong tay, mà chỉ có thể cười nhạo khi anh ta không biết dùng nó cho tốt mà thôi.

Thật sự, tôi hoài nghi không biết liệu với những người khác thì việc bỏ cha mẹ vì Chúa Kitô có khó khăn hơn so với Ernest hay không. Có lẽ trước khi đến mức tuyệt giao này thì mối quan hệ giữa hai bên hẳn phải gần như luôn cực kỳ căng thẳng. Tôi không biết liệu có ai đó, vì một lẽ thuần lý trí, bị đòi buộc phải từ bỏ những người mà anh ta vốn đang gắn bó thân mật hay không, nếu thế thì anh ta phải thôi không gắn bó mật thiết với họ trong một thời gian dài trước khi được mời gọi đoạn tuyệt với họ, bởi do sống trong những hoàn cảnh khác nhau, giữa hai bên sẽ nảy sinh những quan điểm khác nhau về động cơ quan trọng sống còn của đời sống, và chúng sẽ dẫn đến nhiều bất đồng khác đến nỗi khi sự ‘đoạn tuyệt’ xảy đến thì nó cũng hết như nhổ bỏ một cái răng sâu gây đau đớn nhưng đã mục rỗng và lung lay quá rồi. Nỗi đau thực sự của chúng ta chính là sự hư mất của những người mà chúng ta không được đòi hỏi phải từ bỏ họ vì Chúa Kitô. Và rồi trong thái độ sốt sắng từ bỏ của chúng ta vẫn có một cơn đau quặn thắt tâm can. May thay, dù việc này nhẹ nhàng hay nặng nề thế nào, thì một khi chúng ta làm xong coi thì cũng coi như đã đủ, chúng ta nhận lấy phần thưởng của mình hết như hercules khi làm đủ mười hai nhiệm vụ vậy.

Nhưng trở lại với câu chuyện của chúng ta, Ernest đã đi đến kết luận là sẽ trở thành một thợ may. Nó đã nói chuyện này với ông tuyên úy, và ông ấy bảo rằng nếu nó quyết tâm học nghề trong thời hạn tù còn lại, khoảng ba tháng, thì chẳng có lý gì khi ra khỏi tù, nó không kiếm được sáu hay bảy shilling một ngày. Bác sỹ cho biết nó đã đủ khỏe để học may, và đó là thứ duy nhất nó cần để bắt tay vào việc, nên nó rời thương xá sớm hơn dự kiến, và gia nhập xưởng may, lòng đầy hân hoan khi lại thấy được một con đường để đi, và vững tin vào thành công sẽ đến, chỉ cần nó có được một bàn đạp vững chắc để bắt đầu.

Tất cả mọi người làm việc cùng với nó đều thấy rằng nó chẳng có gì để đáng liệt vào thành phần bất hảo, đồng thời cũng nhận ra nó háo hức học hỏi và biết cách tránh những rắc rối, nên họ luôn đối đãi với nó tử tế và gần như là đầy tôn trọng. Nó chẳng thấy nghề may có gì chán ngấy hay khó chịu, thậm chí còn thoải mái hơn việc làm thơ bằng tiếng Latin và Hy Lạp lúc còn ở Roughborough, và nó thấy là đáng ra nó nên ở đây, trong tù còn hơn là

phải về lại Roughborough, hay thậm chí là Cambridge. Vấn đề duy nhất nó dễ vướng phải là việc nó thường trao đổi vài lời và nhìn những tù nhân khác với một ánh mắt thân thiện. Điều này bị cấm, nhưng nó luôn cố tận dụng mọi cơ hội để bỏ qua luật này.

Bất kỳ ai vừa có năng lực vừa nóng lòng như nó tất nhiên sẽ tiến bộ thần tốc, và rồi trước khi mãn hạn tù, quản giám bảo rằng nó đã là một thợ may khéo tay chỉ với ba tháng học việc, trong khi người khác phải mất đến một năm. Chưa bao giờ trước đây, Ernest được giáo viên nào khen như vậy. Từng ngày trôi qua, nó càng khỏe hơn và càng quen hơn với môi trường xung quanh, nó thấy tình thế hiện tại này đem lại cho nó vài mối lợi mà nó vốn không nhắm đến, và thấy ngỡ ngàng trước vận may này của mình, bởi mọi chuyện đã được sắp xếp quá tuyệt vời cho nó hơn cả những gì nó có thể thu xếp cho mình nữa.

Nó đã sống ở Ashpit Place được sáu tháng, và đó là một lợi thế cho phép nó có thể làm được những chuyện vốn là bất khả thi với những người cùng địa vị như nó. Nếu một người như Towneley bị bắt từ nay về sau phải sống trong một ngôi nhà giống như Ashpit Place thì hẳn anh ta không thể chịu đựng nổi. Nếu như do túng thiếu mà bị ép phải đến ngụ ở đó, thì Ernest cũng sẽ không thể chịu nổi. Chỉ bởi vì nó tự thấy rằng mình có thể rời khỏi đó bất kỳ lúc nào nên mới không muốn dọn đi, tuy nhiên, giờ đây khi đã quen với cuộc sống ở Ashpit Place, nó chẳng còn bận tâm đến điều đó nữa, và đã có thể sống thoải mái vui vẻ giữa tầng lớp thấp hơn của London bao lâu nó có thể tự kiếm ăn được. Nó tập sống giữa lớp dân nghèo không phải bởi lo xa tính toán cho tương lai. Nó đã cố để thành thạo công việc bằng một lối học hời hợt hơn, nhưng đã thất bại hoàn toàn. Rồi nó thực hiện một nỗ lực nhỏ, rất nhỏ bằng cách sống thật tâm, và chính đó, lối sống đó, vào đúng lúc nó cần, đã ban cho nó một phần thưởng còn lớn hơn những gì nó đáng được nhận. Nó không thể đối diện với việc trở nên một trong số bần dân trừ phi có được một cầu nối với giữa nó với họ, thứ mà nó đã vô tình khám phá được ở Ashpit Place này. Thật vậy, vẫn có những trở ngại với Ashpit Place, nơi nó đã chọn, nó không muốn phải sống trong một căn nhà có ông Holt dữ dằn và nó cũng sẽ không muốn bị dán chặt vào cái nghiệp mà nó ghét cay ghét đắng

nữa. Nếu như không có những tiếng gào thét cùng những bài Kinh Thánh thì hẳn nó sẽ rất hạnh phúc sống trong căn phòng gác mái giá ba shilling một tuần như của cô Maitland vậy.

Khi nghĩ xa hơn nó nhớ lại rằng tất cả mọi sự sẽ tốt đẹp sẽ dành cho những ai yêu mến Thiên Chúa, và nó tự hỏi mình liệu có thể là nó, dù không hoàn toàn, cũng đã cố để yêu mến Thiên Chúa hay không? Nó chẳng dám trả lời là Có, nhưng nó sẽ cố gắng để làm như vậy. Rồi chợt nó nghĩ đến giai điệu tuyệt vời của Handel: ‘Thiên Chúa cao cả, Người có đó nhưng chúng ta không rõ,’ và nó cảm nhận sâu sắc điều này như chưa từng bao giờ nhận ra trước đây. Nó đã mất niềm tin vào Kitô giáo, nhưng trong nó vẫn còn niềm tin vào sự gì đó mà nó không rõ. Nhưng nhất thiết phải có một sự gì đó khiến cho những sự ngay chính nên đứng đắn và những thứ xấu xa ra tồi tệ, và niềm tin đó của nó ngày càng mạnh hơn.

Một lần nữa, nó lại nghĩ đến cái sức mạnh mà nó thấy là nó có, và cách nào, nơi nào sức mạnh đó sẽ được lộ ra. Cũng chính bản năng tương tự sức mạnh đó đã dẫn đưa nó đến sống giữa những người nghèo, bởi đó cũng chính là thứ gần nhất với con người trong nó mà nó có thể nắm bắt được rõ ràng. Nó nghĩ về những mỏ vàng ở Úc châu và làm sao mà người ta sống ở đó nhưng chẳng bao giờ nhìn ra được dù vàng đầy rẫy quanh họ, ‘Vàng ở mọi nơi,’ nó reo lên trong lòng, ‘cho những ai biết tìm kiếm nó.’ Nếu nó biết tìm kiếm đủ cẩn thận trong phạm vi hoàn cảnh hiện thời của mình, biết đâu cơ hội lại đang ở gần nó thì sao? Vậy thì vị thế hiện nay của nó là gì? Nó đã mất tất cả. Chẳng lẽ nó không thể biến mất mát của nó thành cơ hội được hay sao? Nếu nó cũng biết noi theo thánh Phaolô, tìm kiếm sức mạnh Thiên Chúa, một sức mạnh vốn nằm nơi sự yếu đuối, chẳng lẽ nó không thể thành công hay sao?

Ernest chẳng có gì để mất: tiền bạc, bạn bè, danh tiếng, tất cả đã ra đi nếu không vĩnh viễn thì cũng phải rất lâu nữa mới tái hồi lại được, nhưng cũng có một thứ đã tan biến theo cùng những điều trên. Đó chính là nỗi sợ của nó, nỗi sợ bị người khác làm tổn thương. *Cantabil vacuus. Người chẳng có gì thì chẳng có gì để mất.* ai có thể khiến nó tổn thương hơn những gì nó đã phải nhận nữa đây? Những tổn thương chỉ khiến nó mạnh mẽ hơn và biết tự

lo cho mình, nó biết rằng nó dám làm mọi thứ để biến thế gian này thành một nơi hạnh phúc hơn cho những người trẻ tuổi và dễ thương. Nó quá thích thú điểm này đến nỗi gần như mong ước mất thanh danh hơn nữa, bởi nó thấy rằng gần như trong đời người, những thứ tìm thấy lại mất đi, và những thứ mất đi sẽ lại được tìm thấy. Nó đã không có đủ can đảm để từ bỏ tất cả vì Chúa Kitô, nhưng giờ đây, Ngài đã thương mà lấy hết đi và hãy xem, chẳng phải dường như nó đã tìm thấy được mọi thứ đó sao.

Ngày qua ngày, dần dần Ernest thấy rằng như mọi cặp thái cực khác, Kitô giáo và chối bỏ Kitô giáo, đến cuối cùng cũng gặp nhau, đó không phải là cuộc chiến về vấn đề, mà chỉ là tranh chấp về danh xưng. Thực sự thì Giáo hội Roma,

Giáo hội anh giáo, và những người theo tư tưởng tự do đều có chung một mẫu mực tư duy và đều gặp nhau trong một con người cao quý, bởi vị thánh hoàn hảo nhất cũng là con người cao quý hoàn hảo nhất. Rồi nó thấy rằng những gì người ta tuyên xưng, dù theo tôn giáo hay vô tôn giáo, đều chẳng có gì là to tát, chỉ cần người ta theo đuổi tuyên ngôn của mình với một sự mâu thuẫn giao tranh đầy khoan nhượng, và không khăng khăng cố chấp đến tận cùng. Vấn đề xung đột không hệ tại ở giáo lý hoặc thiếu giáo lý, mà nằm ở chính sự nhất quyết đòi cho được giáo lý nào buộc mọi người phải tuân theo. Đây là đỉnh điểm suy tư của nó, và một khi đã đến được đó, nó chẳng còn muốn quấy nhiễu Giáo hoàng làm gì nữa. Còn Tổng Giám mục Canterbury có lẽ sẽ nhảy quanh nó ăn mừng và thậm chí có thể nói năng thoải mái mà không sợ bị bắt lỗi. Có thể ngài Giám mục đầy thận trọng này bất đồng về quan điểm với Ernest, nhưng như những con chim có thể yên tâm đậu xuống mà ăn vụn bánh trên tay ông ấy thế nào, thì ông ấy cũng sẽ càng chẳng có chút ngại ngần vô ích nào với Ernest của chúng ta.

Có lẽ nó đi đến được kết luận như thế là nhờ một biến cố đã gần như đẩy nó vào sâu trong sự mâu thuẫn. Vài ngày sau khi rời thương xá, nó được viên tuyên úy đến thăm và báo cho biết rằng người tù chơi đàn trong nhà nguyện vừa mãn hạn và đã rời khỏi đây, bởi thế ông đề nghị Ernest thế chỗ, bởi ông được hay là nó biết chơi đàn. Lúc đầu, Ernest ngần ngại không biết có nên tham gia vào những việc phụng vụ tôn giáo này hay là để bị ép phải

làm đây, nhưng niềm vui được chơi đàn, cộng với những ưu ái dành cho vị trí này đã khiến nó thấy hoàn toàn chẳng có lẽ gì để cứ mãi khăng khăng từ chối. Rồi, khi đã từng có và từng biết đến những mâu thuẫn trong mình, nó không quá cố chấp để khăng khăng giữ mâu thuẫn đó, và thực sự là từ lâu trước đó, nó đã chiều theo một chủ nghĩa trung dung hòa nhã, xét bề ngoài thì có vẻ khác biệt nhưng rất nhỏ so với chủ nghĩa trung dung mà ông Hawke đã truyền cho nó.

Bây giờ nó vẫn chưa phải làm những việc lao công trong tù vì bác sỹ nói là nó chưa đủ sức, nhưng rồi thế nào nó cũng phải làm lúc khỏe hơn. May thay khi trở thành người đánh đàn, nó được miễn những việc đó. Thậm chí nếu muốn, nó cũng có thể rời xưởng may để đến phòng của viên tuyên úy làm những việc tương đối nhẹ nhàng, nhưng bởi muốn học làm thợ may và cố hết sức vì điều đó, nên nó không chịu rời xưởng, dù vậy, nó vẫn được cho phép đến nhà nguyện hai tiếng mỗi chiều để tập đàn. Từ lúc đó trở đi, cuộc sống trong tù của nó thoi buồn tẻ, và hai tháng tù còn lại trôi qua thật nhanh như thể nó đã được tự do rồi vậy. Với âm nhạc, sách vở, việc học được nghề may, và những buổi trò chuyện với viên tuyên úy ân cần tử tế vốn giúp cho Ernest được vững vàng hơn đôi chút, những ngày trong tù trôi qua thật êm đềm nên đến lúc mãn hạn, nó đã, hoặc nghĩ là đã, rời nhà tù với đôi chút nuôi tiếc.



Khi đi đến kết luận là phải đoạn tuyệt vĩnh viễn mối liên hệ với gia đình, Ernest đã tự xem mình như một người không gia đình. Về phần Theobald, anh đã muốn tránh xa đứa con trai này, thật sự là vậy, đến mức anh muốn xa rời nó, muốn đẩy nó đến tận Úc châu và xa hơn nữa, nhưng anh chưa từng nghĩ đến việc cắt đứt hoàn toàn với nó. Anh biết con trai mình đủ rõ để nhận thức khá khôn ngoan rằng chính Ernest cũng muốn như thế, và có lẽ vì lý do này anh đã quyết định giữ mối liên hệ cha con, chỉ cần Ernest không về lại Battersby cũng như anh không phải tốn tiền thường kỳ cho nó.

Khi gần đến lúc Ernest mãn hạn tù, cha mẹ nó ngồi lại với nhau bàn xem nên làm thế nào.

‘Chúng ta không bao giờ được để mặc nó tự xoay xở,’ Theobald cao giọng, ‘và cũng không được mong như thế.’ ‘Ôi, không! Không! Theobald yêu dấu,’ Christina kêu lên. ‘Cho dù bất kỳ ai ruồng rẫy nó, và dù nó có xa cách chúng ta bao nhiêu đi nữa, nó hẳn vẫn phải thấy được rằng cha mẹ vẫn mãi yêu thương nó cho dù nó có tàn ác khiến chúng ta đau đớn cực khổ đến đâu đi nữa.’

‘Kẻ thù tồi tệ nhất của nó chính là bản thân nó,’ Theobald lên tiếng, ‘nó chẳng bao giờ yêu thương chúng ta cho đáng, và giờ đây khi mong muốn được gặp chúng ta, lòng nó sẽ phải thấy hổ thẹn. Nếu được, thế nào nó cũng sẽ tránh mặt chúng ta.’

‘Vậy thì chúng ta phải tự đến với nó, cho dù nó có thích hay không, chúng ta vẫn phải ở bên cạnh nó để hỗ trợ nó đương đầu với thế gian này.’

‘Nếu chúng ta không muốn nó bỏ đi thì phải gặp được nó ngay khi nó vừa ra tù mới được.’

‘Chúng ta sẽ làm như vậy, thế nào cũng sẽ phải như vậy, lúc nó bước chân ra khỏi đó, chúng ta sẽ là những người đầu tiên làm rạng rỡ ánh mắt nó, và cũng là người đầu tiên bảo cho nó biết tìm về lại đường ngay chính.’

‘Tôi nghĩ rằng nếu nó có gặp chúng ta trên đường thì nó cũng sẽ ngoảnh mặt bỏ đi mà thôi. Nó là một đứa vô cùng ích kỷ.’

‘Nếu vậy thì chúng ta buộc phải đến nhà tù thăm nó, trước lúc nó ra khỏi đó.’

Sau một hồi bàn luận, cuối cùng đó là kế hoạch mà họ định sẽ làm, và Theobald viết thư gửi viên quản giám nhà tù để hỏi xem thử liệu anh có được phép vào bên trong nhà tù để đón Ernest vào ngày nó mãn hạn hay không. Lời đề nghị của anh được chấp thuận, và khi ngày đó đến, hai người rời Battersby để đón Ernest.

Ernest không lường trước việc này, nên vài phút trước giờ ra tù là chín giờ, nó bất ngờ khi được bảo là phải đến phòng tiếp khách trước khi ra tù bởi có vài người đến thăm nó đang chờ ở đó. Lòng nó chùng xuống bởi đoán biết được là sẽ phải gặp ai, nhưng rồi lấy hết can đảm nó thẳng tiến đến phòng tiếp khách. Và đúng như vậy, đứng ở cuối chiếc bàn cạnh cửa là hai con người mà nó xem là những kẻ địch nguy hiểm nhất trên thế gian này, cha và mẹ nó.

Nó không thể thoát đi, nhưng nó biết rằng chỉ cần có chút dao động, nó sẽ mất hết tất cả. Mẹ nó đang khóc lóc, nhưng đã lao đến và ôm chầm lấy nó. ‘Ôi, con trai tôi, con trai tôi,’ cô cứ thốt thức và chẳng thể nói thêm được gì.

Ernest trắng bệch người ra, tim đập mạnh đến nỗi gần như không thở được. Nó cứ để mẹ ôm nó, rồi gỡ tay mẹ nó ra, và đứng trước cô im lìm với hai dòng nước mắt lăn dài trên khuôn mặt nó.

Lúc đầu nó cũng chẳng thể nói được gì. Một phút sau, sự im lặng bị phá vỡ. Lấy hết sức lực, nó nói với giọng trầm yếu ớt:

‘Mẹ, chúng ta phải xa nhau thôi.’ (từ mẹ lần này vừa nghiêm trọng vừa lạnh lùng quá đỗi) Và quay về phía cai ngục, nó nói: ‘Tôi tin là tôi đã tự do

để rời khỏi đây nếu tôi muốn. Ông không thể bắt tôi phải ở đây thêm phút nào nữa. Xin vui lòng đưa tôi ra cổng.’

Theobald bước lên đến gần nó. ‘Ernest, con không thể, không được bỏ chúng ta như thế này.’

‘Đừng nói chuyện với con’ Ernest nói, và đôi mắt nó tóe lên một ánh lửa mà cha mẹ nó chưa từng thấy bao giờ. Một cai ngục khác đến và tách Theobald sang một bên, trong khi người kia đưa Ernest ra cổng.

‘Hãy nói với họ giùm tôi rằng,’ Ernest nói, ‘họ phải nghĩ về tôi như một kẻ đã chết, bởi tôi đã chết với họ rồi. Nói với họ rằng tôi đau đớn nhất lúc nghĩ về nỗi nhục nhã đã gây ra cho họ, và trên tất cả mọi thứ, tôi sẽ học cách để từ nay về sau không làm tổn thương họ nữa, nhưng cũng xin nói giùm rằng, nếu họ có viết thư cho tôi, tôi sẽ chẳng đọc và sẽ gửi trả lại, còn nếu họ đến tìm tôi, tôi buộc phải tự bảo vệ mình bằng mọi giá có thể.’

Vừa nói xong thì cũng đã đến cổng, và chỉ một giây sau, nó đã là một người tự do. Sau khi bước được vài bước ra ngoài, nó quay lại, dựa đầu vào tường nhà tù và bật khóc với con tim đau đớn.

Từ bỏ cha và mẹ vì Chúa Kitô không phải là một chuyện dễ dàng. Nếu một người bị quý nhập vào quá lâu, thì lúc xuất ra, dù là theo lệnh trừ quý đi nữa, nó sẽ giày vò anh ta khủng khiếp. Ernest không nán lại đó lâu bởi sợ rằng cha và mẹ nó có thể bước ra bất kỳ lúc nào. Nó xốc lại mình và dẫn bước vào mê cung vô số những lối đi đang mở ra trước mắt nó.

Nó đã vượt qua được cửa ải quan trọng của đời mình, có thể không quá hào hùng và kịch tính, nhưng kịch tính chỉ là tác phẩm của kịch nghệ mà thôi. Dù gì đi nữa và bằng cách nào chẳng nữa, nó đã lăn lê bò toài lao lên, và đã vượt qua được bờ bên kia. Dẫu trước đây, nó đã từng nghĩ rằng vào thời điểm chiến thắng này nó sẽ vui mừng nói những gì, hay khiển trách sự thiếu suy nghĩ của mình như thế nào, nhưng đến cuối cùng, chúng cũng chẳng còn mấy quan trọng nữa. Cho dù đã cố gắng thật nhẹ nhàng với cha mẹ mình, nhưng nó đã rất phẫn nộ khi họ lao đến nó mà không báo trước và lao đến ngay đúng thời điểm nó đang phẫn khích vì được trở lại với cuộc sống tự do. Đó là điểm đánh động nó nhất, và nó mừng vì họ đã làm như

vậy, bởi nhờ thế mà nó nhận thức được trọn vẹn hơn bao giờ hết rằng việc đoạn tuyệt hoàn toàn với họ chính là cơ hội duy nhất của nó.

Sáng hôm đó bầu trời đổ sang màu xám, và sương mù mùa đông cũng đã chớm xuất hiện, bởi bây giờ đã là ngày ba mươi tháng chín. Ernest mặc bộ áo quần nó đã mang lúc vào tù, và bởi thế trên người nó là trang phục của giáo sỹ, còn ngoại hình của nó bây giờ vẫn y hệt như cách đây sáu tháng. Do vậy, lúc đang rảo bước trên con hẻm đông đúc bên thềm Eyre Street Hill mà nó vốn biết rất rõ vì có vài người bạn giáo sỹ khác ở quanh đó, thật sự trong nó bỗng thấy những ngày tháng trong tù tan đi tựa sương khói, và những giao thiệp cũ lại chiếm lấy nó quá mạnh mẽ, cộng thêm việc thấy mình trong bộ áo cũ, khiến nó có cảm tưởng như đang bị lôi lại vào cái tôi trước đây, như thể sáu tháng trong tù chỉ là một giấc mơ mà giờ đây khi đã thức dậy để sống thật, giấc mơ đó bị bỏ lại đằng sau vậy. Đây là tác động của ngoại cảnh không đổi trên những phần bất biến của nó. Nhưng trong con người nó, có một sự đã đổi khác, và như thế ngoại cảnh không đổi này chỉ khiến mọi thứ trở nên thật lạ lẫm như thể nó chưa từng sống bên ngoài nhà tù, và giờ đây vừa được sinh vào một thế giới mới.

Trong suốt cuộc đời, mỗi ngày mỗi giờ, chúng ta gắn bó với tiến trình điều hòa những cái tôi biến động và cái tôi bất biến của mình với những ngoại cảnh cũng biến động và bất biến như vậy, thực sự đó chính là cái mà chúng ta gọi là cuộc sống, khi chúng ta không điều hòa được đôi chút thì chúng ta là kẻ ngốc, khi chúng ta hoàn toàn không điều hòa được thì chúng ta bị điên, và lúc chúng ta ngưng tạm thời sự điều hòa này là chúng ta đang ngủ, còn nếu từ bỏ không còn cố gắng điều hòa nữa thì đó chính là chúng ta đã chết. Trong những đời sống trầm lặng yên ổn, những biến động nội tại và ngoại tại quá nhỏ đến nỗi có quá ít hoặc không có căng thẳng trong tiến trình hợp nhất và điều hòa này. Có những đời sống khác lại chứa đựng quá nhiều căng thẳng, nhưng họ lại cũng có được một sức mạnh hợp nhất và điều hòa to lớn. Và cuối cùng là những đời sống khác nữa cũng có quá nhiều căng thẳng nhưng lại không có được nhiều sức mạnh điều hòa này. Đời sống con người ta có thành công hay không tùy thuộc vào việc sức mạnh điều hòa có

ngang bằng với sự căng thẳng trong việc hợp nhất và điều chỉnh những thay đổi nội tại và ngoại tại hay là không.

Vấn đề là ở chỗ, đến cuối cùng, chúng ta sẽ bị lái đến nhìn nhận toàn bộ vũ trụ hợp nhất quá độ hoàn hảo, như thế buộc chúng ta phải chối bỏ cả nội tại lẫn ngoại tại, và nhìn nhận mọi sự vừa có tính ngoại tại vừa có tính nội tại, rồi như mọi thứ khác, chủ thể và khách thể, hay nội tại và ngoại tại, phải được hợp nhất với nhau. Điều này sẽ chấn động toàn bộ hệ thống của chúng ta, nhưng tất cả mọi hệ thống thế nào rồi cũng phải bị chấn động bởi một điều gì đó mà thôi.

Cách tốt nhất để thoát khỏi sự phức tạp này là tách biệt hay hợp nhất nội tại và ngoại tại, hay nói cách khác là chủ thể và khách thể, bất kỳ lúc nào chúng ta thấy thích hợp. Cách này thật phi lý, những thái cực là những điều hợp lý độc nhất nhưng luôn luôn thật không thể chấp nhận được, những thứ giữa hai thái cực thì luôn có thể thực hiện được nhưng luôn là thứ vô lý. Chính đức tin và sự phi lý là những quan tòa thượng thẩm tốt cùng. Người ta nói rằng mọi nẻo đường đều dẫn đến Roma, và tất cả mọi triết lý tôi từng biết, đến tận cùng đều hoặc dẫn đến một sự phi lý ghê gớm, hoặc một kết luận mà tôi đã hơn một lần nhấn mạnh trong những trang này, đó là chính đức tin nuôi dưỡng sự đúng đắn, có nghĩa là những người biết lý lẽ sẽ sống nhờ một luật tự đặt mà họ có thể trình bày nó dễ dàng nhất, và không cần phải đặt ra quá nhiều chất vấn lý trí. Hãy cứ đưa bất kỳ sự việc và lý lẽ nào đến tận cái kết đau thương, rồi chẳng mấy chốc người ta sẽ nhận ra được rằng sự phi lý của hai thái cực này mới là nơi nương ẩn duy nhất thoát khỏi những ý nghĩ ngu ngốc rõ ràng.

Nhưng hãy trở lại với câu chuyện của chúng ta. Khi Ernest đi đến cuối đường và quay đầu lại, nó thấy những bức tường bụi bẩn và buồn bã của nhà tù đang chiếm trọn tầm mắt. Nó dừng lại đôi phút, rồi tự nói với mình, ‘Ở đó, ta đã bị vây quanh bởi những chấn song mà ta có thể nhìn thấy và chạm đến, còn ở đây ta cũng bị vây phủ bởi những chấn song khác, ít thực hơn, là sự nghèo túng và sự chối bỏ của thế gian. Ta không còn cần phải cố gắng để phá vỡ những chấn song hữu hình bằng sắt hầu thoát khỏi nhà tù nữa, nhưng

giờ đây khi đã tự do, chắc hẳn ta phải tìm cách phá vỡ những chấn song vô hình kia.’

Nó đã đọc được đâu đó về một tù nhân vượt ngục bằng cách cắt khung cửa với một cái muỗng sắt. Nó ngưỡng mộ và kinh ngạc trước đầu óc của anh ta, nhưng không cố để bắt chước, tuy nhiên khi đối diện với những chấn song vô hình này, nó thấy mình không dễ bị uy hiếp, và thậm chí nếu khung cửa có bằng sắt mà trong tay chỉ có cái muỗng gỗ, nó vẫn có thể tìm ra được cách nào đó để khiến cho gỗ cắt được được sắt, sớm hay muộn mà thôi.

Nó quay đầu đi hết con hẻm Eyre Street Hill và bước sang Leather Lane để vào Holborn. Mỗi bước đi, mỗi khuôn mặt hay sự vật mà nó từng biết, đã giúp nối kết nó lại với đời sống trước khi vào tù, và cùng lúc đó cũng khiến nó thấy những ngày tháng trong tù đã chia đôi hoàn toàn cuộc đời nó thành hai thứ tuyệt đối khác biệt đến thế nào.

Nó đi xuống đường Fleet và đến khu Thánh Đường, nơi tôi vừa mới trở về sau kỳ nghỉ hè và đang chờ đón nó. Lúc đó là khoảng chín giờ rưỡi, và tôi đang dùng bữa sáng thì nghe thấy tiếng gõ cửa rụt rè, tôi ra mở cửa và chào đón Ernest vào nhà.



Tôi đã bắt đầu thấy thích nó vào cái đêm Towneley đến báo tin, và trong thời gian qua tôi nghĩ là nó đã định hình được bản thân rồi. Tôi cũng thấy thích nó khi chúng tôi trò chuyện lúc nó còn trong tù, và muốn tìm hiểu thêm về nó để xem xét nó cho thật kỹ càng. Tôi đã sống đủ lâu để biết rằng có vài người làm được những việc vĩ đại vào cuối đời lại chẳng phải là một kẻ khôn ngoan gì lúc còn trẻ, và khi biết là nó sẽ ra tù vào ngày ba mươi tháng này, tôi đã trông nó đến, cũng như đã chuẩn bị một phòng ngủ để bắt nó ở lại đây với tôi cho đến lúc nào nó xác định được sẽ làm gì tiếp theo.

Lớn tuổi hơn nó nhiều, tôi biết cách làm của tôi hoàn toàn ổn, nhưng nó lại không chịu. Và điều duy nhất nó chấp nhận là sẽ làm khách trong nhà tôi cho đến khi tìm được phòng cho mình, rồi dọn đi ngay lập tức.

Nó vẫn còn rất kích động, nhưng sau khi dùng xong bữa sáng thịnh soạn hơn hẳn chế độ nhà tù và được dọn ra trong một gian phòng ấm cúng, nó đã cảm thấy khá hơn. Tôi hài lòng khi thấy nó rạng rỡ với tất cả những thứ tôi có, lò sưởi với lửa ấm, những chiếc ghế bành, báo Times, con mèo của tôi, những cây phong lữ đỏ thắm bên cửa sổ, chưa kể đến cà phê, bánh và bơ, xúc xích và mút cam,...v.v. Tất cả mọi thứ đều thỏa mãn những ý thích tao nhã nhất của nó. Nó cứ mãi đứng lên mà ngắm cây tiêu huyền bên cửa vẫn còn xanh lá, và nói rằng cho đến tận bây giờ nó mới biết được cái thú thực sự của những việc như thế này. Nó cứ liên tục ăn uống, nhìn ngắm, cười đùa và hò reo với một xúc cảm mà tôi không thể quên nhưng cũng chẳng thể tả nổi.

Nó kể cho tôi nghe lúc nó được ra tù, cha và mẹ nó đã mai phục nó thế nào. Tôi giận điên người và thật tâm khen ngợi những gì nó đã làm. Nó rất

biết ơn tôi vì điều đó. Nó nói rằng những người khác hẳn sẽ bảo nó nên nghĩ về cha mẹ hơn là nghĩ về bản thân, và thật là dễ chịu khi tìm được một người có cùng ý nghĩ với nó. Thậm chí nếu tôi có nghĩ khác nó, tôi cũng sẽ không nói ra, nhưng cả hai chúng tôi cùng suy nghĩ, và tôi gần như rất cảm ơn nó vì đã nhìn cuộc đời qua cùng lăng kính với tôi, về phía nó cũng vậy. Thật lòng mà nói, tôi không ưa Theobald và Christina, và với cách nhìn đó, tôi thấy mình có phần bị cô lập trong vô vọng, nên thật dễ chịu khi tìm thấy một người nữa đồng tình với tôi.

Sáng hôm đó, chúng tôi đã cùng nhau có một khoảng thời gian thật tuyệt vời.

Có tiếng gõ cửa vang lên, và có lẽ đó không phải là người đưa thư mà là một vị khách đang chờ trước cửa nhà tôi. ‘lạy Chúa,’ tôi kêu lên, ‘tại sao chúng ta lại không đóng cửa miễn tiếp khách luôn cho rồi. Có lẽ đó là cha con. Nhưng chắc chắn khó có chuyện anh ấy đến vào giờ này! Nhưng dù gì, con hãy cứ ẩn vào trong phòng ngủ của bố đã.’

Tôi bước ra cửa, và đúng là Theobald và Christina. Tôi không thể từ chối mời họ vào nhà và buộc phải nghe họ kể lại câu chuyện căn bản cũng hết như những gì Ernest vừa kể cho tôi vậy. Christina khóc lóc đau khổ, còn Theobald thì nộ khí xung thiên. Mất khoảng mười phút để cam đoan với họ là tôi chẳng hay biết Ernest giờ đang ở đâu, tôi mới mời được họ đi. Tôi thấy họ nhìn với ánh mắt ngờ vực những dấu chỉ rành rành rằng có ai đó vừa mới ăn sáng với tôi, rồi họ bỏ đi có phần khó chịu, nhưng dù gì thì tôi cũng thoát được họ rồi, và Ernest tội nghiệp lại được bước ra, nhưng mặt nó trông tái mét, đầy sợ hãi và buồn rầu. Nó nghe loáng thoáng tiếng nói chuyện nhưng không rõ ràng, và nó không chắc là tôi có bị kẻ thù kia thu phục hay không. Chúng tôi đóng bật cửa, và một lâu sau, nó bắt đầu bình tĩnh lại.

Sau bữa ăn sáng, chúng tôi cùng nhau bàn về tình hình hiện thời của nó. Tôi đã đến chỗ bà Jubb để lấy về cái tủ và sách vở của nó, nhưng vẫn còn để đồ đạc, các bức tranh và cây đàn lại ở đó cho bà Jubb, để bà vừa có đồ dùng vừa coi sóc chúng giùm cho tôi. Ngay khi biết được có tủ áo của nó ở đây, Ernest liền lấy ra và mặc ngay vào một bộ nó vốn mặc trước khi được phong chức đế, theo tôi nghĩ, đổi mới cho vẻ ngoài của nó.

Rồi sau đó, chúng tôi bắt đầu đi vào chủ đề tài chính của nó. Nó lấy được mười bảng từ Pryer chỉ một hai ngày trước khi bị bắt, và chỉ còn khoảng bảy tám bảng lúc vào tù. Người ta trả lại số tiền này cho nó lúc mãn hạn. Lâu nay, nó vẫn luôn trả tiền mặt khi mua bất kỳ thứ gì, nên chẳng có khoản nợ nào cần phải trích tiền ra thanh toán. Ngoài ra, nó vẫn còn áo quần, sách vở và đồ đạc. Như tôi đã nói, nó có thể có được một trăm bảng từ cha nó nếu đồng ý di cư, nhưng cả Ernest và tôi (đúng ra thì nó đã thuyết phục tôi như thế) đều đồng ý là không thể chấp thuận được đề xuất này. Và như thế, những thứ tôi vừa kể trên là toàn bộ gia sản nó có.

Ernest bảo rằng nó dự định sẽ tìm một căn phòng đỉnh gác mái trong một ngôi nhà yên tĩnh, vốn chỉ tốn ba hay bốn shilling một tuần, và sẽ dọn đến ngay khi tìm được, đồng thời cũng sẽ tìm một chỗ làm thợ may. Tôi không nghĩ việc nó khởi đầu với cái gì là quan trọng, bởi tôi biết khá chắc rằng nếu nó có thể khởi đầu với bất kỳ cái gì cũng được, chẳng bao lâu sau thế nào nó sẽ tìm ra được điều phù hợp với nó mà thôi. Vấn đề khó khăn là làm sao để nó đi được bước đi đầu tiên này. Việc nó có thể cắt và may, hay nói cách khác là nó có kỹ thuật thợ may, vẫn chưa đủ, nó phải được nhận vào một cửa hàng may và được hướng dẫn bởi một ai đó biết cách nào và điểm nào có thể giúp nó tiến bộ.

Suốt chiều hôm ấy, nó đi tìm phòng trọ và sớm tìm được, đồng thời cũng thấy quen hơn với không khí tự do mới được phục hồi của mình. Đến tối, tôi đưa nó đến Olympic, nơi có Robson diễn trong một vở kịch nhại lại vở Macbeth của Shakespeare, và nếu tôi không nhớ nhầm thì hôm đó Keeley đóng vai phụ nhân Macbeth. Trong cảnh trước vụ mưu sát, khi Macbeth nói rằng ông không thể giết Duncan được, ngay lập tức, phụ nhân Macbeth liền xóa tan sự ngần ngại của chồng bằng cách gô cổ ông dưới cánh tay và kéo đi khắp sân khấu, vừa đá vừa hét. Ernest cười đến chảy cả nước mắt. ‘Kịch Shakespeare kiểu gì buồn cười thế này,’ nó buột miệng reo lên. Tôi vẫn còn nhớ bài luận về bi kịch Hy Lạp của nó, và bây giờ tôi càng thấy mến nó hơn bao giờ hết.

Ngày hôm sau, nó đi tìm việc, và đi mãi đến tận năm giờ chiều mới thất thểu trở về báo rằng chẳng gặt hái được gì. Ngày hôm sau và hôm sau nữa

cũng vẫn thế. Nó đi đến đâu người ta cũng từ chối và thậm chí còn thẳng thừng yêu cầu nó bước ra khỏi nhà họ. Dù nó không nói ra, tôi vẫn có thể thấy là nó đang khá hoảng loạn, bởi vậy tôi nghĩ rằng mình phải đứng ra giải quyết việc này. Nó bảo là nó đã đi hỏi rất nhiều chỗ và lần nào cũng nhận được một câu trả lời như nhau. Giờ nó mới thấy ra được rằng giữ nếp cũ thì dễ nhưng đi vào một con đường mới thì vô cùng khó khăn.

Khi đến hẻm Leather để mua cá trích hun khói cho buổi dùng trà, tình cờ nó có trò chuyện với một người bán cá ở đó chủ yếu là do hiếu kỳ chứ không phải có ý gì khác. ‘Bán buôn ư,’ ông chủ cửa hàng nói với nó, ‘Tại sao không ai tin rằng có thể bán được những thứ giá chỉ một hoặc hai xu nếu biết cách. Ví dụ như đồng ốc này. Thứ bảy vừa rồi, tôi và Emma bé bỏng của tôi đã ở đây và bán đồng ốc trị giá bảy bảng này từ tám đến mười một giờ rưỡi, và hầu hết đều chỉ bán một hoặc hai xu, có số ít người còn chỉ mua có nửa xu. Ốc bán được là nhờ hơi từ lò ra. Chúng tôi giữ cái nồi nấu cho chúng được nóng mãi, và khi nào hơi ốc bốc lên mạnh thì người ta đến mua còn nếu hơi yếu sẽ chẳng có ai ghé đến, nên chúng tôi cứ phải đun lò mãi cho đến khi bán được hết. Vấn đề là ở chỗ đó, nếu biết cách làm ăn thì sẽ bán được hàng, còn nếu không biết thì chỉ làm rối tung lên mà thôi. Sao nào, nếu không có hơi ốc bay ra, thì dù có đứng cả đêm, tôi cũng sẽ chẳng bán được nổi mười shilling đâu.’

Chuyện này và những chuyện lẽ đường tương tự như vậy mà nó nghe được đã thôi thúc Ernest hơn bao giờ hết là phải đánh cược vào nghề may, thứ duy nhất mà nó biết rành rõi. Dù vậy, thêm ba bốn ngày nữa trôi qua nhưng triển vọng việc làm của nó sao mà quá xa vời. Lúc này tôi đã làm những gì cần làm, cụ thể là tôi tìm đến thợ may của mình, người đã may áo quần cho tôi suốt hơn hai mươi lăm năm qua, và xin ông ấy một lời khuyên. Ông nói thẳng rằng dự định của Ernest là hoàn toàn vô ích. Ông Larkins, người thợ may nói, ‘Nếu cậu ấy bắt đầu lúc mười bốn tuổi, thì có thể kiếm được việc, nhưng không một ai đã hai mươi bốn tuổi có thể chịu nổi việc phải làm việc trong một xưởng toàn thợ may, cậu ta sẽ không thể hòa hợp được với những người khác, và họ cũng vậy, ông nghĩ xem, cậu ta không thể nói kiểu ‘chào anh bạn, rất vui được gặp’ với những người khác, và dù

không như vậy đi nữa, cũng không mong gì những thợ khác sẽ thích cậu ta. Trước khi có thể làm thân với những người được đào tạo khác mình, thì người ta thế nào cũng sẽ bị nhấn chìm trong rượu chè hay những thói khác vì nỗi buồn thiếu tình đồng nghiệp.’

Ông Larkin nói thêm nhiều về điều này và kết chuyện bằng cách dẫn tôi đi xem xưởng may nơi thợ của ông đang làm việc. ‘So với hầu hết xưởng thợ, thì đây là thiên đường. Nhưng có quý ông nào, như ông chẳng hạn có thể trụ nổi ở đây quá hai tuần hay không?’

Chỉ năm phút sau, tôi đã rất mừng khi được thoát khỏi cái nơi nóng bức và hôi hám đó, và thấy rằng nếu Ernest đi làm việc trong xưởng may như thế này thì cũng chẳng khác gì còn ở trong tù.

Ông Larkins chào tôi sau khi nói thêm rằng nếu người tôi tiến cử có thạo việc hơn hiện giờ đi nữa, cũng chẳng có ông chủ nào nhận cậu ấy đâu, bởi e sợ sẽ làm bực mình những thợ khác.

Tôi từ biệt ông ra về, và thấy rằng tôi nên tự mình suy xét lại việc này. Lúc này, hơn bao giờ hết tôi thấy bối rối không biết có nên cho anh bạn nhỏ này vài ngàn bảng rồi để nó sang những xứ thuộc địa sinh sống hay không nữa. Lúc tôi về đến nhà đã là năm giờ chiều thì thấy Ernest đang chờ tôi, vẻ mặt rạng rỡ và tuyên bố rằng nó đã tìm được những gì nó muốn.



Dường như ba hay bốn đêm trước, nó đã rảo quanh các đường phố, và tôi cho là để tìm việc gì đó để làm. Nó biết khá rõ là nó cần gì nhưng lại chưa biết cách để đạt được điều đó. Dù gì đi nữa, thực sự thì đối với một người có học vấn cao như nó, sẽ chẳng mấy khó khăn để tìm được điều nó muốn. Nhưng dù như thế, nó vẫn thấy sợ hãi, giờ đây những việc tưởng như dễ dàng cũng trở nên khó khăn với nó, chần chừ và khiếp đảm bao trùm lấy nó, và hằng đêm nó lại nản lòng quay về chỗ trọ nơi đường Laystall mà vẫn chưa có được điều nó mong muốn. Nó không nhờ đến tôi trong việc này, và tôi cũng chẳng hỏi xem nó làm gì những đêm đó. Cuối cùng, nó đi đến quyết định, dù có lẽ là đau đớn, rằng nó sẽ đến gặp bà Jubb, người mà nó nghĩ sẽ có thể giúp nó khi nó bị bỏ rơi. Nó lê bước buồn bã suốt từ bảy giờ đến tận chín giờ, và rồi quyết tâm không chần chừ nữa, mà thẳng tiến đến Ashpit Place và trò chuyện tâm tình kiểu mẹ con với bà Jubb.

Trong tất cả mọi việc mà một người phụ nữ bình thường có thể làm, thì việc bà Jubb thích nhất chính là cái việc mà Ernest đang tính nhờ đến bà, và tôi cũng không biết là trong tình thế hoảng sợ và suy sụp, nó có thể làm tốt hơn nhiều so với nó tưởng. Bà Jubb rất thoải mái để Ernest mở lòng với mình, thật sự thì bà đã dễ ngọt để nó làm vậy trước khi nó nhận ra được điều đó, nhưng lần này số mệnh không chiều lòng bà, và cuộc gặp giữa hai người phải hoãn lại vô thời hạn, bởi Ernest đã nhận ra kiêu của bà và quyết tâm ra về. Rồi khi mới rời khỏi nhà bà Jubb chưa được trăm bước thì nó gặp thấy một cô gái.

Nó quay mặt đi với cô như với bao người khác vậy, nhưng khi cô ngoảnh mặt lại thì lòng nó lại thấy tò mò. Nó gần như không thấy được mặt cô,

nhưng nhất quyết phải nhìn cho bằng được, nên đã chạy theo và vượt qua mặt cô, rồi quay đầu lại và thấy đó chẳng phải ai khác ngoài Ellen, người hầu gái đã bị mẹ nó đuổi tám năm về trước.

Đáng ra nó phải nhận ra được nguyên do sâu xa mà Ellen cố tránh mặt nó, nhưng mặc cảm tội lỗi khiến nó nghĩ rằng cô đã nghe biết về chuyện ô nhục của nó và khinh bỉ ngoảnh mặt quay đi. Khi đã quyết tâm sẽ đối mặt với cả thế giới, nó vẫn không ngờ đến việc một người như Ellen cũng đối xử với nó như vậy, nên nó kêu lên: ‘Cái gì! Cả cô cũng tránh mặt tôi nữa sao, Ellen?’

Cô ấy kêu lên cay đắng và không hiểu được nó đang nói gì. ‘Ôi, cậu Ernest,’ cô nức nở khóc, ‘xin để tôi đi, cậu quá tốt để một đứa như tôi có thể chuyện trò cùng.’

‘Sao vậy, Ellen,’ nó hỏi, ‘cô nói chuyện với vẫn gì vậy, cô đã phải vào tù à, đúng không?’

‘Ôi, không, không, không phải, không tệ đến vậy đâu,’ cô kêu lên thống thiết.

‘Tốt thôi, còn tôi thì đã rồi,’ Ernest cười một điệu gượng gạo, ‘Tôi vừa mãn hạn ba bốn ngày trước, sau sáu tháng tù khổ sai.’

Ellen không tin những gì nó nói, nhưng cô nhìn nó kêu lên, ‘lạy Chúa, cậu Ernest,’ và ngưng khóc ngay lập tức. Câu chuyện của họ đã ấm dần lên, bởi sự thật là Ellen đã phải vào tù vài lần, và dù cô không tin chuyện Ernest vừa nói, nhưng chỉ việc nó nói rằng nó vừa trong tù ra, cũng đã khiến cô thấy thoải mái với nó hơn rồi. Bởi đối với cô, có hai loại người, một loại từng ở trong tù và loại kia thì không. Loại thứ nhất cô xem như là đồng loại và phần nào là Kitô hữu, còn loại thứ hai, trừ ra vài ngoại lệ, cô nhìn họ với ánh mắt ngờ vực, và đôi phần khinh bỉ. Rồi Ernest kể cho cô nghe những chuyện đã xảy ra với nó trong suốt sáu tháng qua, và dần dần cô tin nó.

‘Cậu chủ Ernest,’ sau khoảng mười lăm phút chuyện trò, cô nói, ‘có một nơi trên đường này, người ta bán lòng bò nấu hành, tôi biết cậu luôn thích món đó, vậy chúng ta đến đó ăn một chút, và nói chuyện ở đó cũng thoải mái hơn.’

Vậy nên cả hai băng qua đường và vào quán, Ernest gọi món ra cho hai người.

‘VẬY MẸ VÀ CHA CẬU THÌ SAO, CẬU CHỦ ERNEST,’ ELLEN HỎI, KHI ĐÃ BÌNH TÂM LẠI VÀ KHÁ CỞI MỞ THÂN THIỆN VỚI ERNEST, ‘ỒI, THAN ỒI, TÔI RẤT MẾN CHA CẬU, ÔNG ẤY LÀ MỘT QUÝ ÔNG TỐT BỤNG, VÀ MẸ CẬU CŨNG VẬY, THẬT LÀ PHÚC CHO AI ĐƯỢC SỐNG VỚI BÀ ẤY, TÔI CHẮC NHƯ VẬY.’

Ernest ngạc nhiên và chẳng biết nói gì. Nó tưởng là Ellen sẽ cảm phẫn với cách mà cô đã bị đối xử, và sẽ đổ hết những oan khiên đẩy cô vào tình trạng hiện thời lên đầu cha mẹ nó. Nhưng lại không phải vậy. Ký ức duy nhất về Battersby trong cô là một nơi mà cô được ăn uống sung túc, không phải làm lụng quá nhiều, và cũng chẳng bị rầy la. Khi nghe biết Ernest đang bất hòa với cha mẹ, cô cho rằng phần lỗi hoàn toàn là của nó.

‘ỒI, THƯƠNG CHO MẸ CẬU!’ ELLEN NÓI, ‘BÀ LUÔN YÊU QUÝ CẬU, CẬU CHỦ ERNEST Ạ, CẬU LUÔN LUÔN LÀ NHỮNG GÌ BÀ ẤY QUAN TÂM NHẤT, TÔI KHÔNG THỂ CHỊU NỖI KHI NGHE BIẾT CẬU VÀ BÀ ẤY CÓ CHUYỆN GÌ BẤT HÒA. TÔI CỨ MÃI NGHĨ VỀ CÁCH MÀ BÀ ẤY CHO TÔI VÀO PHÒNG ĂN DÙNG BỮA VÀ DẠY GIÁO LÝ CHO TÔI NỮA, BÀ ẤY QUÁ TỐT! ỒI, CẬU CHỦ ERNEST, CẬU THỰC SỰ PHẢI ĐI LÀM HÒA VỚI BÀ ẤY, CHẮC CHẴN CẬU PHẢI LÀM VẬY.’

Ernest thấy thật buồn lòng, nhưng nó cương quyết cự lại và cho rằng ma quỷ đã mượn Ellen mà gieo vào đầu nó những thứ này. Nên nó đổi chủ đề, và cả hai chuyện trò nồng ấm thân tình với nhau, bên đĩa lòng xào và vài cốc bia. Trong tất cả mọi người trên thế gian này, có lẽ Ellen là người duy nhất Ernest có thể cởi mở về những chuyện vốn đang đè nặng trong lòng nó giờ này. Nó kể cho cô nghe những chuyện mà nó nghĩ là ngoài cô, nó chẳng thể kể cho ai được nữa.

‘CÔ BIẾT ĐÓ, ELLEN,’ NÓ KẾT LUẬN, ‘LÚC CÒN BÉ, TÔI ĐÃ HỌC NHỮNG THỨ MÀ ĐÁNG RA KHÔNG NÊN HỌC, VÀ CHƯA TỪNG BAO GIỜ TÔI CÓ ĐƯỢC CƠ HỘI ĐỂ SỬA CHỮA ĐIỀU NÀY.’

‘NHỮNG NGƯỜI THUỘC DÒNG DANH GIÁ LUÔN NHƯ VẬY,’ ELLEN NÓI VỚI GIỌNG TRẦM TƯ.

‘TÔI TIN LÀ CÔ ĐÚNG, ELLEN Ạ, NHƯNG TÔI KHÔNG CÒN LÀ MỘT QUÝ ÔNG NỮA, VÀ TÔI CŨNG CHẴNG THẤY LÝ DO GÌ PHẢI SỐNG THEO KIỂU CÔ VỪA NÓI ‘NHƯ VẬY’ NỮA. TÔI MUỐN CÔ GIÚP TÔI ĐƯỢC TRỞ THÀNH MỘT SỰ GÌ ĐÓ KHÁC ĐI CÀNG NHANH CÀNG TỐT.’

‘Lạy Chúa, cậu chủ Ernest, cậu nói vậy là ý làm sao?’

Sau đó hai người sớm kết thúc bữa ăn và rảo bộ cùng nhau trên hẻm Fetter.

Từ khi rời Battersby, Ellen đã phải trải qua nhiều thời kỳ khốn khó, nhưng hoàn cảnh khắc nghiệt vẫn không hằn dấu nhiều trên cô.

Ernest vẫn thấy khuôn mặt tươi cười trong sáng, cặp má lúm đồng tiền, đôi mắt xanh sáng, và làn môi kiều nhân sư đáng yêu của cô, y hệt như trong ký ức thời trước của nó. Lúc mười chín tuổi trông cô lớn hơn tuổi thật, còn bây giờ trông cô lại trẻ hơn tuổi, thật sự thì gần như năm tháng chẳng hằn thêm vết nào lên khuôn mặt cô kể từ lần cuối cùng hai người gặp nhau, và như thế, một người đàn ông từng trải hơn Ernest hẳn phải đoán ra được vì sao mà cô phải bị đuổi khỏi chỗ làm lúc trước của mình. Nó chưa bao giờ nghĩ rằng áo quần quá tồi tàn của cô là hậu quả của thói nghiện rượu, và cũng không ngờ được số thời gian cô ở trong tù còn gấp sáu bảy lần so với nó. Ernest cho rằng việc cô ăn vận tầm thường như vậy là để giữ sự đoan trang, mà suốt bữa ăn, Ellen cũng hơn một lần bóng gió nói như vậy. Nó bị hấp dẫn khi cô cho biết chỉ một panh bia cũng đủ làm cô chuyển choáng rồi, và nếu cô có uống thêm cũng là do bị nài nỉ quá mà thôi. Với nó, cô như một thiên thần tuyệt vời từ trời cao, và nếu xét cho cùng thì dễ có thể xem cô là một thiên thần sa ngã.

Lúc hai người rảo bộ dọc hẻm Fetter đến đường Laystall, nó nghĩ Chúa thật độ lượng vô cùng khi cho nó gặp được trên đường đúng con người mà nó mong muốn gặp nhất, và là người dù sống gần nó, nhưng có lẽ chẳng bao giờ nó gặp được nếu không có sự tình cờ may mắn tốt đẹp này.

Khi người ta nghĩ rằng họ đang được Đấng Toàn năng đặc biệt chiếu cố, thì như một quy luật chung, họ suy nghĩ và hành động tốt hơn, và khi nghĩ rằng những sự việc đang xảy ra với mình rõ ràng là những ý định ma quỷ, thì họ nhớ ra được nó là một kẻ kinh nghiệm hơn họ, và gần như chắc chắn đang suy tính chuyện ác tâm với họ.

Suốt buổi ăn khuya, Ernest thoáng hiện trong đầu ý nghĩ rằng cuối cùng, nơi Ellen, nó đã tìm được một người phụ nữ mà nó yêu thương đủ nhiều để mong muốn được sống và kết hôn cùng, và ý nghĩ này càng lặp lại thì nó

càng thấy hợp lý khi nghĩ rằng những gì là vô lý với những người bình thường lại rất hợp lý trong trường hợp của nó.

Nó phải cưới một ai đó, chắc chắn phải như vậy. Nó không thể cưới một quý cô, đó là một hành động ngu xuẩn. Nó phải cưới một người phụ nữ nghèo. Thì vậy, nhưng là một phụ nữ sa ngã ư? Mà chẳng phải nó cũng là một kẻ sa ngã sao? So với nó, Ellen đâu có sa ngã sâu hơn đâu? Chỉ cần nhìn cô là nó biết chắc như vậy rồi. Nó chẳng thể chung sống với cô một cách tội lỗi được, dù là chỉ một thời gian rất ngắn trước đám cưới cũng không, bây giờ nó không còn tin vào những yếu tố siêu nhiên trong giáo lý Kitô giáo nữa, nhưng đạo đức Kitô giáo dù gì vẫn là điều nó không thể chối cãi. Hơn nữa, hai người sẽ có con, và con của nó sẽ bị hằn dấu ô nhục lên mình. Lúc đó nó biết oán trách ai ngoài bản thân nó đây? Cha và mẹ nó không cần biết đến chuyện này, nhưng nếu họ có biết đi nữa, thì họ cũng sẽ rất biết ơn khi thấy nó kết hôn với một người phụ nữ có thể khiến nó hạnh phúc như Ellen đây. Mà nếu không thể tổ chức hôn lễ, thì người nghèo phải làm thế nào? Có một người vợ tốt vẫn sẽ hơn là không có chứ? Nếu có thể nuôi nổi một người thì cũng có thể nuôi nổi được hai người, có sao đâu, và nếu Ellen lớn hơn nó ba hay bốn tuổi, thì sao, sao nào, có vấn đề gì đâu?

Các bạn đã có bao giờ gặp tiếng sét ái tình hay chưa? Khi bạn yêu ngay cái nhìn đầu tiên, thì cho tôi hỏi, bạn phải mất bao lâu để sẵn sàng vứt bỏ hết mọi thứ để có được người mình yêu? Hay đúng hơn là bạn phải mất bao lâu để làm được điều này, nếu bạn chẳng có cha mẹ, chẳng có gì để mất, không tiền bạc, không địa vị, không bạn bè, không cả cơ hội thăng tiến, và người bạn yêu cũng được tự do khỏi những thứ vướng víu này hết như bạn?

Nếu bạn là một người như John Stuart mill thời trai trẻ, có lẽ bạn sẽ mất chút thời gian suy nghĩ, nhưng giả sử bạn mang bản tính Don Quixote, bốc đồng, vị tha và ngây thơ, giả sử bạn là một người đang đói khát thèm muốn có một sự gì để yêu thương và dựa vào, một người để bạn mang lấy gánh nặng giúp họ và họ cũng giúp mang lấy gánh nặng của bạn, nếu vậy thì sao. Nếu bạn đang gặp vận hạn, vẫn còn bàng hoàng sau một chấn động kinh khiếp, và rồi viễn cảnh tươi sáng của một tương lai hạnh phúc đột nhiên

thoáng qua trước mắt bạn, thì trong hoàn cảnh đó, bạn nghĩ mình phải mất bao lâu để quyết định nắm lấy cơ hội đó?

Chàng trai của chúng ta chẳng mất nhiều thời gian suy tính, bởi trước khi băng qua cửa hàng giảm bông thịt bò gần cuối hẻm Fetter, nó đã nói với Ellen rằng cô phải đến nhà nó, và sống cùng nó trước khi cả hai có thể kết hôn sớm nhất theo pháp luật cho phép.

Tôi nghĩ rằng lần này ma quỷ đã cười khoái trá và khá chắc chắn về mảnh khốe của mình.



Ernest đã kể với Ellen là nó đã gặp khó khăn đến thế nào khi tìm việc.

‘Nhưng anh yêu, anh nghĩ thế nào về một cửa hàng,’ Ellen nói. ‘Tại sao không tự mở một cửa hàng cho riêng mình chứ?’

Ernest hỏi cô việc này sẽ phải tốn bao nhiêu tiền. Ellen cho biết rằng nó có thể thuê một căn nhà nơi một con đường nhỏ nào đó, cụ thể là gần đại lộ ‘Elephant and Castle,’ với giá khoảng mười bảy hay mười tám shilling một tuần, và cho thuê lại tầng trên với giá mười shilling, còn giữ lại phòng hậu và cửa hàng để sử dụng. Nếu nó có thể kiếm được năm hay sáu bảng để mua một số áo quần đã qua sử dụng, thì hai người có thể may vá chỉnh sửa và giặt sạch chúng mà đem bán lại, và cô sẽ lo phần áo quần phụ nữ, còn nó thì lo phần trang phục đàn ông. Rồi nó có thể làm việc sửa áo quần và thậm chí là may đồ mới nếu có người đặt hàng.

Với cách làm này, cả hai sẽ sớm kiếm được hai bảng mỗi tuần. Ellen có một người bạn cũng khởi nghiệp như thế này và bây giờ đã chuyển đến một cửa hàng lớn hơn, kiếm được ít nhất năm đến sáu bảng mỗi tuần, hơn nữa, riêng cô cũng đã từng có nhiều kinh nghiệm trong việc mua bán rồi.

Đây thật sự là một tia sáng hy vọng mới, nó như thể là Ernest bất thần lấy lại được năm ngàn bảng, và thậm chí về sau việc kinh doanh sẽ còn mang lại nhiều hơn thế nữa. Hơn bao giờ hết, Ellen bây giờ đúng thật là thần hộ mệnh của nó.

Sáng hôm sau, Ellen ra ngoài mua vài khoanh thịt xông khói về dọn bữa sáng. Cô nấu chúng ngon hơn Ernest nhiều, và dọn chúng ra cùng với cà phê và vài miếng bánh mì nướng. Trong những ngày gần đây, Ernest đã từng tự nấu ăn và dọn dẹp, nhưng nó chẳng thể hài lòng nổi với những gì mình làm.

Còn bây giờ đột nhiên nó lại thấy mình được phục vụ. Ellen không chỉ vẽ lối cho nó kiếm sống khi chẳng một ai biết nên khuyên nó điều gì cho phải, mà cô, với vẻ xinh xắn và nụ cười của mình, còn chăm sóc cho nó được thoải mái, và thực sự phục hồi nó về mọi phương diện, cho nó thấy lại được vị thế mà nó đã đánh mất, hay đúng hơn cô đã cho nó những gì thực sự khiến nó thấy thích thú hơn trước đây nữa. Chẳng lạ gì khi trông Ernest thật rạng rỡ lúc giải thích cho tôi về kế hoạch của nó.

Nó kể lại những chuyện vừa xảy ra có phần khó khăn. Nó ngập ngừng, đỏ mặt và âm ừ lúng búng. Cảm giác e sợ xuất hiện trong nó khi thấy mình buộc phải kể chuyện riêng tư cho một người khác nghe. Nó cứ lướt nhanh qua mọi chuyện, nhưng tôi lại muốn biết cho thật rõ, nên với những điểm chưa rõ, tôi cứ hỏi dò nó cho đến khi nắm bắt được gần hết toàn bộ câu chuyện.

Tôi hy vọng mình không bị lộ cảm xúc, nhưng thực sự là tôi rất tức giận. Tôi đã bắt đầu thấy thích Ernest. Chẳng biết tại sao mà mỗi khi nghe tin một người trẻ tôi vốn gắn bó sắp thành hôn là tôi không thể cưỡng nổi cái cảm giác ghét bỏ hôn thê của anh ta cho dù chưa một lần gặp mặt, và tôi quan sát thấy hầu hết những người độc thân cũng chung cảm giác như tôi vậy, dù thường thì chúng tôi phần nào đau xót che giấu sự thật này. Có lẽ bởi chúng tôi biết rằng đáng ra chúng tôi cũng phải kết hôn mới đúng. Thông thường chúng tôi phải nói rằng mình vui mừng vì việc này, nhưng riêng lần này tôi không thấy mình buộc phải nói như thế dù vẫn đang cố giấu đi cảm giác chán nản của riêng mình. Việc một chàng trai trẻ sắp thừa kế một gia tài đáng kể lại lao mình vào một cô gái như Ellen là một điều khá khó chấp nhận, và càng khó chịu hơn nữa là mọi việc xảy đến quá bất thành linh.

Tôi van nài Ernest đừng cưới Ellen, ít nhất là sau một thời gian tìm hiểu nữa. Nhưng nó chẳng chịu nghe, nó đã hứa với cô, và nếu nó đã hứa thì sẽ thực hiện ngay lập tức. Từ trước đến giờ, trong hầu hết vấn đề, tôi thấy Ernest là đứa cực kỳ dễ bảo và dễ điều khiển, nhưng lần này thì tôi bất lực. Chiến quả mới đây trước cha mẹ đã tăng thêm dũng khí cho nó, và tôi có đáng gì với nó đâu. Có lẽ tôi nên nói cho nó biết vị thế đích thực của nó, nhưng tôi biết rằng làm như thế chỉ khiến nó càng nhất quyết làm theo ý nó,

bởi với một số tiền lớn như vậy, việc gì nó không thỏa mãn ý muốn của mình? Bởi thế, tôi chẳng nói gì về việc này và những lý lẽ của tôi cũng chỉ có thể tác động đôi chút lên nó, một đứa tin tưởng rằng mình phải trở thành một người thợ hoặc chẳng là gì hết.

Thực sự, nếu nhìn từ quan điểm của Ernest, việc nó làm chẳng có gì là thái quá. Nó đã biết và đã quý mến Ellen từ nhiều năm trước. Nó biết cô xuất thân từ một gia đình đứng đắn, và có tính cách tốt, đồng thời rất được quý mến ở Battersby. Cô là một cô gái nhanh nhẹn, thông minh, chăm chỉ, và xinh đẹp nữa. Rồi cuối cùng khi gặp lại được nhau, cô xử sự rất tốt, thực sự là thùy mị và kín đáo. Nhưng lạ thay, trí tưởng của nó lại chẳng thể nhận ra suốt tám trời người ta hẳn phải thay đổi thế nào hay sao? Ý nghĩ của nó quá bi quan về chính mình, và nó cũng đang quá thiếu thốn tình yêu để có thể suy nghĩ cho thận trọng, nếu Ellen đúng như những gì nó nghĩ, và nếu trong thực tế những kì vọng của nó được như những gì nó tin tưởng, thì tôi chẳng thấy quyết định của Ernest có gì khinh suất hơn quyết định hôn nhân của phân nửa những cặp đôi khác thời nay.

Tuy nhiên, vấn đề chỉ là làm sao để cái chuyện bình thường này được tốt đẹp nhất có thể, nên tôi nguyện chúc cho chàng trai trẻ này được một tương lai tươi sáng, và bảo rằng nếu nó không đủ tiền để mở cửa hàng, thì có thể đến chỗ tôi mà lấy bao nhiêu cũng được. Ernest cảm ơn tôi, và xin tôi để nó nhận sửa toàn bộ áo quần của tôi, cũng như cho nó những đơn đặt hàng nhiều hết mức tôi có thể, và cái đó tùy ở sự rộng lượng của tôi, như vậy là tôi đã quá tốt với nó rồi.

Lúc Ernest ra về tôi cảm thấy tức giận hơn cả lúc đang chuyện trò nữa. Khuôn mặt chính trực, trẻ con của nó rạng ngời lên với niềm hạnh phúc vốn hiếm khi tìm đến nó. Ngoại trừ thời gian ở Cambridge, nó hầu như chẳng biết hạnh phúc là gì, và thậm chí lúc này cuộc đời của nó vẫn còn bị bao phủ bởi mây đen u ám khi mà trí khôn của nó gần như đã biến đi đâu mất. Tôi đã nhìn đời và đã dõi theo nó đủ nhiều để nhận xét như thế, nhưng tôi lại, hoặc nghĩ rằng mình, chẳng thể giúp nó được gì.

Tôi không biết mình có nên cố để giúp nó hay là không, nhưng tôi chắc chắn một điều rằng bất kỳ cá thể con của loài nào cũng cần được chỉ dạy về

những vấn đề có thể nói là nguyên tắc để nhờ đó thoát được những rắc rối có thể xảy ra. Người ta sẽ nghĩ là một con hải cẩu con sẽ chẳng cần được dạy cách bơi, cũng như con chim chẳng cần học bay, nhưng sự thực thì một con hải cẩu con sẽ chìm nếu ném nó xuống vùng nước sâu trước khi cha mẹ tập bơi cho nó, và như thế, thậm chí chim ưng con cũng phải được học bay trước lúc có thể sải cánh tung trời.

Tôi cho rằng xu hướng của nhiều thời đại là thối hỏng giá trị của giáo dục, nhưng khi cố để dạy dỗ quá nhiều trong hầu hết mọi lĩnh vực, chúng ta lại lãng quên những lĩnh vực khác, vốn cũng cần được dạy dỗ hợp lý chút ít.

Tôi biết xu thế ngày nay cho rằng người trẻ phải tự mình khám phá vạn vật, và chúng có thể làm được nếu như biết đúng cách và không gặp phải chướng ngại nào. Nhưng hiếm khi chúng làm cho đúng cách, như một quy luật chung, thế nào chúng cũng sẽ làm sai, và cái sai xuất phát từ những kẻ sống bằng cách bán những cục đá muôn hình muôn kiểu làm giả khá giống miếng bánh ăn được.

Một vài người may mắn chỉ gặp ít trắc trở, số khác đủ can trường để vượt qua chúng, nhưng phần đông, nếu có thoát qua được những trắc trở này thì họ cũng phải trả bằng những giá đắt đỏ.

Trong khi Ernest đang bàn chuyện với tôi, thì Ellen đi tìm kiếm một cửa hàng nào đó ở bờ nam sông Thames gần đường ‘Elephant and Castle’, nơi nhà cửa quanh đó mới mọc lên và đang phát triển. Đến một giờ chiều, cô đã tìm được vài nơi có thể cân nhắc được, và trước khi trời tối, hai người đã quyết định được sẽ chọn cái nào.

Ernest đưa Ellen đến gặp tôi. Tôi chẳng muốn gặp cô ta, nhưng cũng chẳng thể từ chối. Nó đã chi vài shilling để mua áo quần cho cô, nên cô ăn vận khá gọn gàng lịch sự, mà thực sự là cô rất xinh và quá tốt lành đến nỗi nếu xem xét cho thấu đáo, tôi gần như chẳng thể ngạc nhiên khi Ernest say đắm cô đến thế. Tất nhiên, theo bản năng, chúng tôi ghét nhau ngay từ cái nhìn đầu tiên, nhưng lại đều nói với Ernest rằng chúng tôi gần như có ấn tượng tốt đẹp về nhau.

Rồi nó đưa tôi đi xem cửa hàng, đó là một ngôi nhà hoang thảm thê như một con chó vô chủ hay như một cái xác không hồn vậy. Nó đã mục nát đến

từng góc ngách mất rồi, những gì mà gió cát và mưa bão để sót lại, cũng đã bị những đũa trẻ lang thang phá nát đi. Cái cửa hàng của Ernest đang là một nơi bỏ hoang và bẩn thỉu ghê gớm. Ngôi nhà này này chưa đến nỗi cũ lắm, nhưng nó được xây bởi một tay thầu bất lương và kết cấu chẳng có chút gì bền vững, chỉ nhờ thời tiết ấm áp và ít người ở, nó mới trụ nổi được vài tháng. Lúc này, khi ngôi nhà đã bị bỏ phế được vài tuần, mèo hoang lấy đó làm chỗ trú đêm, còn bọn nhóc cứ ngày ngày đến phá nát các cánh cửa. Nền phòng khách đầy đá và bụi bẩn, nơi góc phòng còn có một con chó chết bị người ta giết rồi ném vào nơi không người coi sóc đầu tiên mà chúng bắt gặp được. Một mùi khó chịu nồng nặc bốc lên khắp nhà, nhưng tôi chẳng thể xác định được đó là mùi của rệp hay chuột, hay mèo, hay mùi cống rãnh, hoặc tổng hợp tất cả mùi trên. Khung kính đã long ra, cánh cửa mỏng manh dùng đũa lung lảng, gỗ viền chân tường vài nơi đã bung ra, nền nhà có vài lỗ thủng, khóa cửa đã rơi ra mất, giấy dán tường thì rách nát và nhộp nhúa, cầu thang rất yếu và có lẽ chỉ chịu nổi một người mà thôi. Hơn tất cả những hạn chế kể trên, ngôi nhà này còn bị mang một tiếng xấu, đó là bởi vợ của người chủ cuối cùng đã tự treo cổ chết ở đây mới vài tuần trước mà thôi. Cô ta đã nướng cá trích xông khói cho chồng, dọn cho anh ta trà và bánh mì nữa, rồi cô rời phòng như thể sẽ trở lại ngay thôi, nhưng thay vì làm thế, cô lại vào phía sau căn bếp và treo cổ tự vẫn không một lời trần trối. Chính vì thế mà ngôi nhà này bị bỏ hoang quá lâu cho dù nó có địa thế đắc lợi để mở cửa hàng tạp hóa thông dụng. Người thuê nhà đã dọn đi ngay sau khi cảnh sát tiến hành điều tra, và nếu người chủ biết cách xử lý thì người ta hẳn đã không màng đến thảm kịch từng xảy ra nơi đây, nhưng căn nhà đã tòi tàn cộng thêm tiếng xấu đó nữa, nên dù có nhiều người, cũng như Ellen, nhận ra được tiềm năng kinh doanh của địa thế này, nhưng chẳng ai dám thuê cả. Ở khu vực này, người ta đã bán gần như đủ mọi thứ hàng, nhưng một cửa hàng bán quần áo cũ thì chưa có, nên mọi chuyện sẽ rất thuận lợi cho kế hoạch của Ernest, ngoại trừ tình trạng thê thảm và tiếng xấu của ngôi nhà này mà thôi.

Khi mới thấy nó, tôi nghĩ rằng thà chết còn hơn sống trong một nơi khủng khiếp như thế này, nhưng đó là bởi suốt hai mươi lăm năm qua tôi sống ở

khu Thánh đường, vốn là một nơi sang trọng, còn Ernest thì đang trọ tại đường laystall và vừa mới ra tù, trước đó nó lại sống ở Ashpit Place, nên ngôi nhà này chẳng có gì là kinh khủng với nó, chỉ cần được sửa sang lại là ổn ngay thôi. Vấn đề là ông chủ đất không chịu chi tiền để làm việc này. Nên cuối cùng tôi phải bỏ tiền túi ra để làm hết tất cả, và ký một hợp đồng thuê nhà năm năm với cùng mức giá của người thuê cuối cùng. Rồi sau đó tôi nhượng lại cho Ernest, tất nhiên với điều kiện là nó biết cách sử dụng nhà này hiệu quả hơn người chủ cũ.

Một tuần sau, tôi ghé lại và thấy mọi thứ đã biến đổi hoàn toàn đến mức tôi khó lòng nhận ra ngôi nhà đó nữa. Toàn bộ trần đã được sơn trắng, mọi phòng đều đã được dán giấy lót tường, những cửa kính vỡ được tháo ra và thay mới, các phần gỗ bị hỏng được làm mới lại, toàn bộ khung cửa, tủ chè, và cửa ra vào đều được sơn quét mới. Cổng rãnh đã được khai thông toàn bộ, thực sự là tất cả mọi thứ có thể sửa được đều đã được làm xong, và trước đây mọi gian phòng trông gớm ghiếc đến thế nào thì bây giờ lại bắt mắt đến chừng ấy. Những người thợ đã dọn sạch sẽ sau khi hoàn tất mọi việc sửa chữa, nhưng Ellen còn tự mình lau chùi thêm một lần nữa từ nền lên đến mái, và giờ đây ngôi nhà trông sạch như mới. Tôi cảm thấy như thể chính tôi cũng có thể sống ở đó vậy, còn với Ernest đây thật sự là chốn thiên đàng. Nó nói rằng mọi việc được như thế này là nhờ cả vào tôi và Ellen.

Trong cửa hàng đã có sẵn quầy tính tiền và vài giá hàng, nên chỉ cần kiếm hàng về là bắt đầu bán được rồi. Ernest bảo rằng tốt hơn nó nên mở hàng bằng việc bán đi mớ áo quần giáo sỹ và đồng sách của nó, bởi dù cửa hàng vốn định lập ra để bán áo quần cũ, nhưng Ellen thấy chẳng có lý do gì lại không bán thêm cả sách nữa, nên nó khởi nghiệp bằng việc đem bán những quyển sách mà nó đã từng mang theo ở trường và ở đại học với giá một shilling mỗi quyển, và bảo với tôi rằng nó đã biết được việc đem gom sách lại trên kệ hàng mà bán đi còn thiết thực hơn là cái việc mà nó đã làm suốt những năm rông trong giảng đường là vùi đầu vào chúng.

Và bán đi từng quyển một dạy nó biết nhận ra quyển nào bán được, quyển nào không, và giá mỗi quyển sẽ thế nào. Có được một khởi đầu nho nhỏ với đồng sách này, nó bắt đầu tập trung vào ngành bán sách ngang bằng với bán

áo quần, rồi không lâu sau, hai việc kinh doanh này đã tương đương nhau về lợi nhuận, và tôi chắc rằng, bán sách rồi sẽ là công việc gắn bó với nó rất lâu dài, nếu như nó vẫn còn muốn làm một người bán hàng, nhưng tôi chỉ phỏng đoán vậy mà thôi.

Tôi cũng góp vốn và có điều kiện chia phần trong công việc của Ernest. Nó muốn lột bỏ hoàn toàn cái mác quý ông cho đến khi có thể thăng tiến trở lại được như cũ. Nếu để mặc ý nó, thì nó sẽ quyết định sống với Ellen trong phòng hậu của cửa hàng cộng với nhà bếp, và để hai tầng phía trên cho người ta thuê lại đúng theo kế hoạch ban đầu của nó. Nhưng tôi không muốn nó mất hoàn toàn liên hệ với âm nhạc, văn chương, cũng như đời sống lịch thiệp, và sợ rằng nếu không có một phòng làm việc để nấu mình khỏi những náo động thì chẳng bao lâu sau nó sẽ chỉ còn là một con buôn thứ thiệt mà thôi. Bởi thế, tôi nhất quyết lấy nguyên tầng lầu thứ nhất và bài trí nó bằng đồ đạc lấy về từ bà Jubb. Tôi đã mua những thứ này chỉ với một khoản tiền nhỏ và sẽ đưa chúng đến đây.

Tôi phải đích thân đến gặp bà Jubb để thu xếp hết mọi chuyện này, bởi Ernest không thích ghé lại Ashpit Place nữa. Trong lòng tôi cứ thấp thỏm nửa lo sợ rằng bà Jubb đã dọn đi và bán sạch đồ đạc rồi, nhưng lại không phải vậy, dù có nhiều lầm lỗi, bà già tội nghiệp này vẫn hoàn toàn là một người lương thiện.

Tôi kể cho bà nghe là Pryer đã bỏ trốn cùng với toàn bộ số tiền của Ernest rồi. Bà ta ghét Pryer ra mặt. ‘Tôi chưa từng gặp người nào có vẻ mặt hèn nhát như Pryer, và cả con người anh ta chẳng có chút gì ngay thẳng cả. Tại sao vậy, bởi khi anh ta thường đến dùng bữa sáng hằng ngày với cậu Pontifex, tôi đã thoáng thấy cái bóng khốn nạn của anh ta rồi. Chẳng có việc gì làm anh ta vừa lòng cả. Đầu tiên tôi dọn cho họ trứng và thịt muối, anh ta không thích, rồi tôi dọn cá, anh ta cũng chẳng ưa, mà ông biết đó, còn có thứ gì được hơn cá nữa đâu, rồi tôi phải dọn cho anh ta vài món Đức, và anh ta bảo là nó khiến anh ta khó chịu, tôi thử đến xúc xích thì anh ta lại kêu rằng món này còn làm xốn mắt anh ta hơn món Đức nữa, ôi thôi, thôi, tôi đã phải đi lui đi tới trong phòng thăm gặm nhấm nỗi buồn này và phải khóc đến hàng giờ, tất cả chỉ vì cái bữa ăn sáng còn con đó, nhưng mà cậu Pontifex

không có lỗi gì trong việc này, cậu ấy luôn thích thú bất kỳ món nào người ta dọn cho cậu.’

‘Còn về cây đàn,’ bà tiếp tục, ‘nó vang lên những âm thanh thật du dương khi được đặt dưới tay cậu Pontifex, chắc chắn là vậy, và trong đó có một bản mà tôi thấy thích nhất. Có lần khi cậu ấy chơi bản đó và tôi cũng đang ở trong phòng, tôi phải thốt lên, ‘Ôi, cậu Pontifex ơi, bản nhạc này thật đúng kiểu phụ nữ của tôi,’ và cậu ấy nói, ‘Không, không bà Jubb ơi, bản nhạc này xưa rồi, nhưng không một ai có thể nói rằng bà đã già đâu.’ Nhưng, lạ Chúa, cậu ấy hoàn toàn không có ý gì khi nói vậy, đó chỉ là lời tâng bốc vụng về mà thôi.’

Cũng như tôi, bà Jubb bực tức vì Ernest chuẩn bị kết hôn. Bà không thích nó kết hôn, và cũng không thích nó cứ ở vậy, nhưng dù gì, thì đó đều là lỗi của Ellen, chứ không phải của nó, nên bà mong nó sẽ được hạnh phúc. ‘Nhưng sau tất cả mọi chuyện,’ bà kết luận, ‘không phải do ông, cũng chẳng phải bởi tôi, không phải tại nó, cũng chẳng do cô ấy. Mà là do một sự mà ông phải gọi nó bằng cái tên những *số mệnh chuyện đời*, bởi ngoài ra chẳng còn biết gọi nó là gì nữa.’

Trong buổi chiều đó, đồ đạc đã được gửi đến căn hộ mới của Ernest. Trên tầng một, chúng tôi sắp đặt cây đàn dương cầm, chiếc bàn làm việc, các bức tranh, giá sách, hai ghế dựa, và toàn bộ những vật dụng nhỏ khác mà nó đã mang theo từ hồi còn ở Cambridge. Gian phòng ngủ phía sau được bài trí y hệt phòng ngủ của nó hồi ở Ashpit Place, còn những thứ mới thì đặt trong phòng tân hôn nơi tầng trệt. Tôi nhấn mạnh rằng hai phòng tầng một này là của riêng tôi, nhưng Ernest được quyền sử dụng bất cứ lúc nào nó muốn. Và bởi tôi đã chiếm mất một tầng rồi, nên nó cũng chẳng bao giờ cho thuê phòng nào trong nhà kể cả phòng ngủ, mà giữ lại để phòng trường hợp nó hoặc vợ nó bị đau ốm.

Những việc này xảy ra trong vòng chưa đến hai tuần lễ kể từ ngày Ernest mãn hạn tù, và nó thấy mình đã lại được kết nối với cuộc sống vốn có trước lúc chịu án, nhưng kèm theo một vài thay đổi quan trọng và sinh nhiều ích lợi cho nó. Nó không còn là một giáo sỹ nữa, mà đã chuẩn bị cưới một

người phụ nữ nó rất gắn bó, và cũng đã thoát ly vĩnh viễn khỏi cha mẹ nó rồi.

Quả thật là nó đã mất hết tiền bạc, thanh danh, và cương vị của một quý ông, nói một cách hình tượng thì nó đã phải dỡ toàn bộ ngôi nhà gỗ của mình để nường cho chín con heo sữa của nó, nhưng nếu ai đó hỏi xem thử nó muốn tình trạng hiện thời hay tình trạng trước lúc đi tù, thì nó sẽ chẳng một giây ngập ngừng mà chọn cái hiện thời này. Nếu những gì nó đang có phải đổi lấy bằng việc mất đi tất cả những gì nó đã từng có trong quá khứ, thì vẫn đáng để nó trao đổi, và nếu được chọn lại, nó sẽ vẫn làm như thế nếu cần thiết. Mất hết tiền là chuyện tệ nhất, nhưng Ellen nói rằng cô chắc cả hai sẽ vượt qua được, và cô biết thế nào cũng sẽ như vậy. Còn về thanh danh bị mất đi, khi nó vẫn còn Ellen và tôi bên cạnh, thì thực sự đó cũng chẳng phải là mất mát quá lớn đâu.

Đến chiều tôi lại ghé nhà nó, và thấy mọi chuyện đều đã xong, chỉ cần mua hàng hóa về và bắt đầu buôn bán là được. Lúc tôi đã ra về và buổi dùng trà cũng xong, nó rút vào lầu đài của nó là phòng khách trên tầng một, thắp một tẩu thuốc và ngồi xuống bên cây đàn. Nó chơi những bản nhạc của Handel trong suốt một giờ, rồi đến bên bàn mà đọc sách và viết lách. Nó lấy ra tất cả những bài giảng và những bản thảo thần học mà nó đã soạn trong suốt thời gian làm giáo sỹ rồi ném vào lửa. Đứng nhìn chúng cháy rụi trong lò, nó cảm thấy mình như được thoát khỏi một trong những cơn ác mộng vốn lâu nay đè nén nó. Rồi nó soạn ra vài bản thảo con mà nó đã chấp bút suốt những năm cuối tại đại học Cambridge, và bắt đầu chỉnh sửa cũng như viết lại chúng. Đang mãi miết làm việc trong thinh lặng, thì nó nghe tiếng đồng hồ đổ mười giờ, vậy là đã đến lúc đi ngủ, lòng nó bỗng cảm giác rằng giờ đây nó không chỉ hạnh phúc mà còn cực kỳ hạnh phúc thì đúng hơn.

Hôm sau Ellen đưa nó đến phòng đấu giá Debenham, và cả hai xem qua rất nhiều áo quần đang treo trưng bày quanh phòng đó. Ellen có đủ kinh nghiệm để biết cái nào bán được bao nhiêu, cô kiểm tra rất kỹ lưỡng, và định giá chúng, chẳng mấy chốc Ernest cũng đã bắt đầu xác định được khá tương đối cái nào nên mua với giá nào, và chưa đến trưa nó đã định giá xong được cả tá đồ mà Ellen nói là nếu nó quyết giá đó thì bảo đảm sẽ không bị lỗ đâu.

Không những không thấy chút gì ghét hay nhàm chán, ngược lại Ernest còn rất thích việc này nữa là đằng khác, thật sự nó sẽ thích bất kỳ việc gì không đòi hỏi quá nhiều sức mạnh cơ bắp mà lại có thể sinh lời cho nó. Ellen không để nó tham gia mua bất kỳ món nào trong buổi này, cô nói tốt hơn thì trước hết nó nên đứng xem người ta mua bán và nhìn ra giá trị thực của món đồ đến đâu. Nên khi buổi đấu giá bắt đầu từ lúc mười hai giờ, nó đã được xem người ta mua bán rất nhiều món hàng mà nó và Ellen đã định giá, rồi khi buổi bán hàng kết thúc nó đã có đủ hiểu biết để đặt giá sao cho an toàn khi nó thực sự muốn mua món nào đó. Đối với những ai thực sự muốn, thì rất dễ để nắm bắt chuyện này.

Nhưng Ellen không muốn nó mua đồ ở những buổi đấu giá, ít nhất là bây giờ. Cô nói rằng tốt nhất nên giao dịch riêng. Ví dụ như nếu tôi có áo quần không dùng nữa, thì nó sẽ mua chúng từ thợ giặt của tôi, và cũng sẽ liên hệ với những thợ giặt khác để nhờ đó nó có thể mua đồ với giá rất rẻ so với khi mua từ chính tay chủ nhân của chúng, nhờ đó nó sẽ kiếm được một khoản khá hời. Nếu các quý ông đem bán đồ của họ, nó cũng sẽ cố thuyết phục và bắt họ phải bán đồ cho nó. Nó chẳng ngại việc gì, có lẽ nó sẽ ngại nếu thấy việc mình làm là quá đáng, nhưng sự ngu dốt về chuyện đời vốn đã hủy hoại nó đến tận bây giờ, hay thay, lại bắt đầu phát tác. Nếu đã có một bà tiên ác độc nào nguyện rửa cho nó bị ngu dốt về chuyện đời, thì đúng là bà ta đã thành công rồi đấy. Nó chẳng biết rằng nó đang làm những việc lạ đời. Nó chỉ ý thức được một điều là nó không có tiền, trong khi phải lo đủ cho mình, cho vợ và có lẽ là cả một gia đình nữa. Nếu có ai đó chỉ cho nó cách làm nào tốt hơn, thì nó sẽ rất biết ơn họ, nhưng với bản thân nó, thì những gì nó đang làm cũng đã đủ tốt rồi, bởi chỉ sau một tuần, nó và Ellen đã kiếm được một khoản lời đến ba bảng. Vài tuần sau, số đó đã tăng lên bốn bảng, và đến cuối năm, vợ chồng nó đã kiếm được năm bảng mỗi tuần.

Lúc này, Ernest đã kết hôn được hai tháng, bởi đúng theo kế hoạch cũ của nó thì đám cưới sẽ được tiến hành đúng luật sớm nhất có thể. Nó phải trì hoãn trong thời gian chuyển nhà từ đường Laystall đến Blackfriars, nhưng chỉ một ngày sau khi dọn đến nhà mới, cả hai đã chính thức thành vợ chồng. Trước đây, ngay cả trong thời kỳ khá giả nhất, nó cũng chưa bao giờ có được

hai trăm năm mươi bảng một năm, cho nên khoản lợi nhuận năm bảng một tuần, nếu có thể duy trì được mãi như vậy, đã khiến nó thấy thật thoải mái đầy đủ, và dù phải nuôi hai miệng ăn chứ không chỉ một, nhưng khi không còn làm một quý ông nữa, nó đã bớt đi được nhiều khoản chi phí, như thế xét cho cùng thì thu nhập của nó thực tế chẳng khác gì so với một năm trước đây. Việc cần làm tiếp theo là nâng cao lợi nhuận và dành dụm tiền.

Như tất cả chúng ta đều biết, thịnh vượng và phát đạt chủ yếu dựa vào làm việc tích cực và suy luận tốt, nhưng nó cũng phụ thuộc không nhỏ vào cái gọi là may mắn đơn thuần, có thể nói là dựa vào những mối liên hệ vốn chìm trong đồng hỗn độn rất khó để dò ra và gần như chẳng ai biết được. Một vùng vốn có tiếng dễ kinh doanh phát đạt có thể đột nhiên bị lấn át bởi một vùng khác mà trước đó chẳng ai nghĩ nó có nhiều triển vọng. Một bệnh viện thương hàn xây lên sẽ hủy hoại việc kinh doanh trong khu vực đó, trong khi một nhà ga lại sẽ thúc đẩy nó, bởi vậy thực sự rất khó chắc về chuyện này, tốt hơn hết, nên bỏ qua miệng lưỡi thiên hạ, mà phó mặc cho may rủi thì hơn.

Nữ thần may mắn, vốn lâu nay không hậu đãi chàng trai của tôi cho lắm, bây giờ lại có vẻ đang cư mang nó trong lòng. Vùng nó sống đang phát lên, và nó cũng vậy. Dường như chẳng bao lâu nữa, nó sẽ không thèm mua những món hàng không đem lại cho nó lợi nhuận được từ một phần ba đến một nửa giá trị của chúng. Nó đã học thêm việc kế toán, và trông coi sổ sách của mình rất cẩn thận, nhờ đó thành công đến ngay lập tức. Ngoài quần áo, bây giờ nó đã bắt đầu mua bán những thứ khác, như sách vở, nhạc, những thứ đồ đạc linh tinh,... V.v.

Tôi không rõ là do may mắn, hay năng khiếu kinh doanh, hay do tích cực làm việc, hoặc thái độ lịch sự đối với khách hàng, mà bây giờ, trước sự ngỡ ngàng của chính nó, Ernest đã tiến nhanh vượt xa mong đợi, thậm chí hơn cả những giấc mơ đẹp nhất của nó, và đến lúc này, nó đã có được một vị thế vững chãi, là chủ của một cửa hàng sinh lợi khoảng bốn đến năm trăm bảng một năm, mà nó biết là có thể sẽ còn hơn nữa.



Ellen và nó sống với nhau rất tốt, có lẽ là bởi đẳng cấp hai người quá khác xa nhau, nên Ellen không có ý muốn làm cao với Ernest, và nó cũng vậy. Nó rất yêu cô, và rất tốt với cô, cả hai đều có những sở thích chung để cùng làm với nhau, đều có phần lớn quá khứ tương tự nhau, và đều có tâm tính rất tốt, vậy là đủ. Ellen dường như không thấy ghen tị khi Ernest cứ sau mỗi ngày làm việc, đều dành phần lớn thời gian trên phòng khách tầng một, nơi tôi thỉnh thoảng đến thăm nó. Cô có thể đến ngồi cùng nó nếu cô muốn, nhưng vì một lẽ nào đó, thường thì cô hài lòng ngồi lại nơi tầng trệt của mình. Cô cũng khéo léo khuyến khích nó ra ngoài đi đâu đó vào buổi tối, bất kỳ lúc nào nó có vẻ muốn mà chẳng một chút đòi hỏi phải cho cô theo cùng, và điều này khiến Ernest rất hài lòng. Tôi có thể nói rằng, trong đời sống gia đình, nó được hạnh phúc hơn phần lớn mọi người. Lúc đầu mỗi khi bất ngờ gặp một người bạn cũ, nó lại thấy rất đau lòng, nhưng chuyện này cũng qua nhanh, rồi hoặc nó phớt lờ họ, hoặc họ làm ngơ với nó, một hai lần đầu khi bị phớt lờ quả thật không dễ chịu chút nào, nhưng rồi nó thấy như vậy lại thoải mái hơn, và khi bắt đầu thấy mình đang phất lên, nó ít quan tâm hơn đến những gì người ta bàn tán về quá khứ của nó. Một chuyện bất hạnh sẽ gây đau đớn, nhưng nếu người ta đủ tinh thần và đủ khôn ngoan thì đó lại chính là thứ đem lại cho họ nhiều sức mạnh nhất trên đời.

Ernest dễ dàng giảm bớt được các khoản chi tiêu, bởi nó không có thói tiêu xài xa hoa. Nó thích đến nhà hát, thích về miền quê vào ngày Chủ nhật, thích thuốc lá, và trừ thêm việc viết lách và âm nhạc, nó chẳng quan tâm nhiều đến những thứ khác. Nó ghét những buổi hòa nhạc thông thường. Nó tôn sùng Handel, thích Offenbach cùng cái không khí đường phố của ông,

còn những gì giữa hai thái cực âm nhạc này, nó chẳng màng đến. Bởi vậy, âm nhạc cũng chẳng khiến nó tiêu tốn bao nhiêu. Còn về rạp hát, thì bất kỳ lúc nào Ellen và nó thích, tôi đều đưa chúng đi xem, nên cả hai chẳng tốn gì. Những chuyến đi dạo ngày Chủ nhật cũng chỉ mất một khoản nhỏ, với một hay hai shilling là nó đã có được vé tàu khứ hồi đến một nơi nào đó đủ xa khỏi thành thị để được rảo bộ thong dong và có một ngày thật khác biệt. Trong vài lần đầu, Ellen đi cùng nó, nhưng cô bảo rằng cô thấy như vậy cũng đủ rồi, cô còn vài người bạn cũ thỉnh thoảng cô muốn gặp, và cô cũng nói là họ và Ernest có lẽ sẽ không hợp nhau lắm đâu, nên nó cứ đi một mình thì tốt hơn. Những gì cô nói có vẻ rất hợp lý và rất đúng ý Ernest, nên nó sẵn sàng chiều theo, nó cũng không nghĩ là tôi thấy có gì không ổn với cách xử lý của Ellen. Đúng là tôi chẳng bàn gì về chuyện này và mọi thứ đều tốt đẹp trong một thời gian dài.

Như tôi đã nói, một trong những thú vui chính của Ernest là viết lách. Nếu có ai đó mang trong mình một quyển bản thảo nhỏ và liên tục ghi vào đó các phác thảo của mình, thì người đó có thiên hướng nghệ thuật, dù sẽ có vô vàn thứ cản trở anh ta tiến xa trên con đường này, nhưng chắc chắn thiên hướng này bám tại trong anh ta. Có thể nhận ra thiên hướng văn chương nơi người nào giữ một quyển ghi chú nhỏ trong túi áo, và viết vào đó bất kỳ điều gì đánh động anh, bất kỳ điều hay nào nghe được, hoặc bất kỳ trích dẫn nào mà anh ta nghĩ là sẽ có ích về sau. Ernest luôn mang theo bên mình một quyển sổ như vậy. Thậm chí lúc còn ở Cambridge, khi chưa có ai chỉ dẫn, nó đã làm vậy rồi. Qua thời gian, những ghi chú của nó tích tụ gom lại đủ một tập sách, nên nó phải áng chừng mà phân loại chúng ra. Khi hay biết điều này, tôi nhận ra rằng nó có thiên hướng văn chương, và khi được đọc những ghi chú của nó, tôi bắt đầu kỳ vọng nó sẽ làm được những điều lớn lao.

Nhưng tôi đã phải thất vọng về nó trong một thời gian dài. Nó cứ hạn chế mãi trong những chủ đề nó đã chọn, mà phần lớn là về siêu hình học. Tôi cố gắng trong tuyệt vọng để mong khiến nó bỏ những thứ này mà hướng vào những chủ đề gây hứng thú với công chúng hơn. Khi tôi nài nỉ nó hãy thử viết một câu chuyện nhỏ, hay và dễ đọc, với những thứ mà ai ai cũng biết rõ

và ưa thích nhất, ngay lập tức, nó bắt tay viết một bài luận trình bày những nền tảng căn bản của mọi đức tin.

‘Con ơi, con đang cắm cổ vào bùn hay đang chọc một con chó ngái ngu mà thôi. Con đang cố để khiến người ta nhận thức những thứ mà những người biết lý lẽ đã để nó lại phía sau rồi. Những người con cần hướng đến đang đi trước con, chứ không phải, theo tưởng tượng viển vông của con là đi sau con đâu. Chính con mới là người tụt hậu chứ không phải họ.’

Nó chẳng thể nhìn ra điều này. Nó nói là nó đang mãi tập trung vào một bài luận bàn về câu ‘*mọi nơi, mọi lúc, bởi mọi người*’ của thánh Vincent thành Lerins. Tôi càng thấy bực mình hơn bởi năng lực mà nó đã thể hiện ra vốn có thể làm tốt hơn những gì nó đang vùi đầu vào. Một thời gian sau, khi viết vở kịch hài ‘Griselda thiếu kiên nhẫn,’ có đôi lúc tôi cạn hứng hay cạn ý tưởng, và nó đã cho tôi nhiều gợi ý thực sự rất giá trị. Nhưng dù vậy tôi vẫn chẳng thể thuyết phục nó bỏ được triết học, và đành phải để mặc nó mà thôi.

Như tôi đã nói, suốt một thời gian dài, nó cứ đắm đầu vào những chủ đề mà tôi chẳng thể chấp nhận nổi. Nó cứ mãi nghiên cứu các tác giả về khoa học và siêu hình học, với hy vọng tìm ra hay tự tạo được cho mình một hòn đá phép thuật nghĩa là một hệ thống lý luận có thể áp dụng được trong mọi hoàn cảnh, thay vì cứ rối loạn đủ kiểu như mọi hệ thống đã có trước đây.

Nó vẫn cứ theo đuổi cái thứ vớ vẩn vô thực đó quá lâu đến nỗi tôi thấy bó tay với nó, và đành xem nó như một con ruồi bị lừa mắc dính vào một tờ giấy nhớp nháp những thứ thậm chí chẳng có nổi chút vị ngọt. Nhưng thật ngạc nhiên, khi cuối cùng nó tuyên bố với tôi rằng nó đã tìm thấy thứ mình muốn.

Tôi cho rằng nó chỉ bắt gặp được một thứ gì đó mới lạ mà thôi, và thật may thay khi nó nói với tôi ‘Đây, xem đây!’

Rồi bảo với tôi nó đã kết luận được rằng chẳng có một hệ thống lý luận nào có thể tương thích hoàn hảo với mọi vấn đề, cũng như chẳng ai có thể đồng ý với ông Giám mục Berkeley^[38] được, và vì thế không thể đặt ra được một tiền đề căn bản hoàn toàn hiển nhiên. Nó thấy thật hài lòng với khám phá này như thể đã tìm được một hệ thống hoàn hảo nào đó vậy. Nó nói rằng tất cả những gì nó muốn là nhận biết được cách thức vận hành của vấn đề,

nghĩa là liệu có thể có cái hệ thống như trên hay không, và nếu có thể thì hệ thống đó phải như thế nào. Rồi nó thấy đủ hài lòng một khi đã biết được rằng chẳng thể có một hệ thống hoàn toàn chắc chắn nào như thế cả.

Tôi chẳng rõ lắm về Giám mục Berkeley, nhưng rất biết ơn ông ta vì nhờ ông mà chúng ta tránh được cái thứ gọi là tiên đề căn bản hiển nhiên. Nhưng tôi e là tôi đã lỡ miệng nói gì đó hàm ý rằng sau những rắc rối cuối cùng nó đã đạt đến một kết luận mà những người nhạy bén vốn có thể hiểu được dù chẳng mất nhiều công sức.

Nó nói với tôi, ‘Đúng vậy, nhưng bẩm tính của con không nhạy bén. Một đứa trẻ với năng lực bình thường học đi trong một hoặc hai năm mà thậm chí chẳng nghĩ là nó đang học, còn một đứa thiếu những năng lực bình thường thì phải cắm cúi mà học chuyện đó, nhưng dù vậy vẫn tốt hơn là không học gì. Con rất buồn vì con không giỏi giang, nhưng những gì con đã làm là cơ hội duy nhất của con.’

Nó trông quá tội nghiệp khiến tôi thấy mình thật đáng trách khi nói ra những lời đó, và đáng trách hơn nữa khi tôi nghĩ về những gì nó đã được dạy dỗ, những thứ chắc chắn đã làm hao mòn năng lực suy nghĩ bình thường về vạn vật của nó. Ernest tiếp lời.

‘Bây giờ thì con đã hiểu ra tất cả. Những người như Towneley mới là những người duy nhất biết được những thứ đáng để biết, và tất nhiên con chẳng bao giờ được như vậy. Nhưng để có được những người như Towneley, thì phải có những kẻ thân trâu ngựa, những người mà kiến thức hợp lý đã bỏ qua họ và chỉ đến với những ai tự bản năng có thể áp dụng nó hài hòa như Towneley vậy. Con là một thân trâu ngựa, nhưng con thẳng thắn chấp nhận vị thế của mình, và không cố để trở thành một Towneley, với con chuyện này không thành vấn đề.’

Bởi thế, nó vẫn gắn chặt vào khoa học thay vì hướng theo văn chương như tôi mong muốn, nhưng từ đó trở đi nó chỉ giới hạn trong những chủ đề, mà theo như lời nó, có thể mở mang kiến thức. Sau vô vàn sâu muộn nhưng cuối cùng cũng đã thực sự đạt đến được một kết luận gốc rễ của tri thức, nên bây giờ nó yên tâm để theo đuổi kiến thức, và cứ mãi miết hoài như vậy chứ chẳng bao giờ hướng chút gì qua lĩnh vực văn học thực sự.

Dù vậy, điều này vẫn đáng hứa hẹn, và có lẽ cũng đã thay đổi được một căn cốt sai lầm trong nó, bởi từ đó, thỉnh thoảng nó cũng chú tâm đến những tác phẩm có thể gọi là mang tính văn học hơn là khoa học hay siêu hình học.



Khoảng sáu tháng sau khi mở hàng, cửa hiệu của Ernest đã đạt đến giới hạn đỉnh điểm thành công của nó. Nếu mọi chuyện chỉ phụ thuộc vào mình nó, có lẽ nó sẽ còn tiến nhanh không kém gì trước đây, và tôi cũng chắc như vậy. Nhưng tiếc thay, nó không phải là người duy nhất nắm hết mọi chuyện.

Một sáng nọ, Ernest ra ngoài giao dịch, để lại ở nhà cô vợ xinh đẹp và tinh táo như lệ thường. Nhưng lúc trở về, nó thấy cô đang ngồi trên chiếc ghế nơi phòng sau, mái tóc rũ rượi, khóc lóc đến nát lòng. Cô nói rằng có một người đàn ông giả vờ đến mua hàng rồi đe dọa cô để cướp hàng, cô đã phải đưa chúng cho hắn để khỏi bị hành hung, và việc này đã khiến cô hoảng loạn từ lúc đó đến giờ. Đó là những gì cô kể lại, nhưng những lời của cô quá rời rạc đến nỗi thật khó để xác định cô muốn nói gì. Ernest biết rằng cô đang mang thai, và nghĩ là cần phải làm gì đó nên đã định gọi bác sỹ đến nếu Ellen không van nài nó đừng làm.

Bất kỳ ai từng có kinh nghiệm sống với những người nghiện rượu hẳn chỉ cần thoáng qua cũng nhận ra ngay vấn đề thực sự là gì, nhưng chàng trai của tôi lại chẳng hay biết chút gì về chứng say rượu của một người nghiện rượu kinh niên vốn rất khác so với những người lâu lâu mới say một lần. Nó chưa bao giờ nghĩ rằng vợ mình có thể uống được rượu, dù thực sự cô luôn làm ầm lên để xin thêm chút bia, nhưng chưa bao giờ cô điên lên vì chuyện đó cả. Hệt như với thói nghiện rượu, nó cũng chẳng biết gì nhiều về chứng kích động rối loạn, nhưng nó luôn nghe người ta nói rằng khi sắp làm mẹ phụ nữ thường dễ khó chịu và thất thường, nên chẳng lấy làm ngạc nhiên gì mấy về việc này, và chỉ thấy được một điều rằng việc làm cha vừa thật thích thú vừa có những mặt rắc rối của nó.

Nhờ gặp được Ernest và cuộc sống hôn nhân, Ellen đã có sự đổi thay lớn trong cách sống, và thực sự nó đã giữ cô tránh xa lối sống cũ của mình. Nghiện rượu phần nhiều là một vấn đề về thói quen, mà thói quen lại phụ thuộc nhiều vào hoàn cảnh, như thế nghĩa là khi thay đổi hoàn toàn hoàn cảnh sống, đôi khi bạn có thể bỏ được thói nghiện rượu. Ellen đã định từ đây về sau sẽ giữ mình, và bởi chưa bao giờ cô sống được điều độ lâu đến thế, nên cô nghĩ rằng mình đã thoát khỏi chứng nghiện rồi. Có lẽ sẽ được như vậy nếu cô không gặp lại những người quen cũ. Nhưng khi sự mới mẻ ban đầu đã qua đi, và cô gặp lại những bạn cũ, thì môi trường quanh cô lại trở nên gần giống như trước, và chính bản thân cô cũng bắt đầu quay trở lại thành con người trước đây. Lúc đầu, cô chỉ nhăm nháp đủ ngà ngà và cố để không tái nghiện, nhưng rồi cố gắng của cô thành vô ích, cô sớm nản lòng, rồi đến giờ này, bận tâm của cô không phải là giữ mình đừng say mà là làm sao để uống rượu nặng nhưng không bị Ernest bắt gặp.

Những cơn say kích động của cô vẫn tiếp diễn, và cô cố làm sao để chồng vẫn nghĩ rằng việc đó là do cái thai. Cô càng suy sụp thì Ernest càng tận tâm chăm sóc cô hơn. Cuối cùng nó nhất quyết phải đưa cô đi gặp bác sỹ. Tất nhiên, chỉ cần lướt qua, bác sỹ cũng đã biết được chuyện gì đang diễn ra, nhưng lại không nói với Ernest, ngoại trừ vài lời ám chỉ mà nó không hiểu nổi. Thực sự, nó quá thẳng thắn, đến nỗi không thể nắm bắt được những lời bóng gió như vậy. Nó hy vọng rằng vợ nó sẽ sớm hồi phục sức khỏe ngay khi hết thời gian ở cữ, và chẳng nghĩ đến chuyện can thiệp gì cho đến tận lúc đó.

Thường thì tính khí của Ellen khá hơn vào buổi sáng cho đến lúc nào Ernest chưa rời khỏi nhà, nhưng một khi đã đi ra ngoài giao dịch, thường thì lúc trở về Ernest lại được cho biết là có kẻ nào đó đã tấn công vợ mình ngay khi nó vừa rời đi. Nhiều lần, Ellen dờ khóc dờ cười suốt nửa tiếng đồng hồ, những lúc khác cô lại nằm nửa tỉnh nửa mê trên giường, và thường khi về nhà, Ernest đều thấy cửa hàng thật nhếch nhác còn toàn bộ việc nhà vẫn chưa được ai đụng tay vào. Nó vẫn cho rằng toàn bộ việc này là triệu chứng mang thai, và khi phần việc của Ellen cứ dần dần trút qua vai nó, nó vẫn cặm cụi làm mà không một tiếng than thở. Dù vậy, nó vẫn mơ hồ cảm thấy

tình trạng hiện thời khá giống với những gì nó đã chịu ở Ashpit Place, ở Roughborough, hay ở Battersby, rồi tinh thần hăng hái suốt sáu tháng trăng mật vừa qua dần dần rời bỏ nó.

Không chỉ là nó phải làm thêm quá nhiều việc nhà, từ nấu ăn, giặt giũ, dọn giường, thắp đèn, mà ngay cả việc kinh doanh của nó cũng bắt đầu sa sút. Nó vẫn có thể đi mua hàng tốt như lâu nay vẫn vậy, nhưng Ellen có vẻ như không thể đứng bán hàng được như trước nữa. Thật sự là cô vẫn bán hàng giỏi như cũ, nhưng lại đổ tiền vào rượu nặng, và ngày càng đổ dốc đến nỗi một Ernest vốn không biết ngờ vực cũng phải cảm thấy có gì đó không thật trong lời của cô. Khi bán hàng được lời nhiều, cô lại không nghĩ là cần phải để dành lại một khoản nhất định, mà cứ lấy tiền đi tiêu pha, viện cớ là cô mong có được cái này cái kia, và nếu Ernest không cho thì sẽ có thể xảy ra những bất trắc không thể vẫn hồi với em bé trong bụng. Tất cả mọi lời cô nói đều có vẻ đúng, hợp lý, và không thể chối từ, cho dù Ernest có nhận ra được một điều rằng mọi chuyện vẫn cứ quá khó khăn với nó dù kỳ ở cũ đã qua. Tuy vậy, có thể mọi thứ rồi sẽ tốt đẹp lại mà thôi.



Vào tháng chín năm 1860, đứa con gái đầu lòng của cả hai ra đời, và nó khiến Ernest thấy vừa hãnh diện vừa hạnh phúc. Việc hạ sinh đứa trẻ, và đúng hơn là những lời cảnh báo của bác sỹ, đã khiến Ellen điều độ trở lại được vài tuần rồi, và như thế gần như mọi mong ước của Ernest đều đã thành hiện thực. Thời kỳ ở cữ của Ellen tiêu tốn khá nhiều tiền nên nó buộc phải lạm chi nhiều vào khoản tiền tiết kiệm, nhưng nó tin chắc sẽ sớm thu hồi lại được chúng ngay khi Ellen trở lại là chính mình. Thực sự thì việc kinh doanh của nó đã khởi sắc lên được đôi chút, cho dù quãng thời gian gián đoạn dường như đã phá hỏng lời nguyện may mắn ban đầu của nó, tuy vậy nó vẫn lạc quan và làm việc ngày đêm với quyết tâm cao độ, nhưng cuộc sống nó bây giờ quá bận rộn đến nỗi không còn chỗ cho âm nhạc, đọc sách hay viết lách nữa. Nó đã không còn có được những buổi đi dạo ngày Chủ nhật, và thậm chí tầng một trong nhà vốn dành riêng cho tôi cũng đã không còn là nơi trú ẩn cho nó nữa, hiếm khi nó lên đó bởi Ellen ngày càng phải bận bịu hơn với đứa trẻ, và như thế, nó cũng ngày càng phải bận rộn hơn để lo cho cô.

Khoảng hai tháng sau khi đứa bé ra đời, cũng là lúc chàng trai trẻ của chúng ta đang bắt đầu thấy hy vọng hơn và mạnh mẽ hơn để gánh vác gia đình, một chiều nọ, nó ra ngoài để mua hàng, và khi trở về lại thấy Ellen đang trong tình trạng kích động bán loạn hết như nhiều tháng về trước. Cô nói là cô lại có mang, và Ernest vẫn tin lời cô như thế. Mọi vấn đề của sáu tháng trước bắt đầu trở lại, và còn cứ mãi tệ hơn qua từng ngày. Ernest không nhanh chóng kiểm lại được tiền, bởi Ellen cứ dối nó mà giữ chúng lại làm việc khác, và cô cũng không chi tiêu hợp lý số tiền nó đem về. Khi tiền

về cô giành lấy hết với những cái có vẻ quá tàn bạo để kể ra. Mọi chuyện cứ mãi như vậy, nhưng dần dần thì cũng có chuyện lộ ra. Ernest thừa kế được từ cha nó tính chi li chính xác về tiền bạc, nó muốn được biết đến tường tận những thứ được mua bằng tiền từ hầu bao của nó, và ghét phải chi tiền cho những thứ không có trong dự định và không đáng mua, nhưng giờ đây nó lại phải đối mặt với một đồng hóa đơn cho những thứ mà Ellen đã mua mà không hỏi ý kiến nó, hoặc cho những thứ mà nó vốn đã đưa tiền cho cô để thanh toán rồi. Việc này thật quá sức chịu đựng, kể cả với Ernest. Khi nó khuyên can cô, không phải vì chuyện mua món này món nọ, mà vì cô đã không cho nó biết về những khoản nợ này, thì Ellen nổi cơn điên và thế là xảy ra trận cãi nhau. Lúc này cô gần như quên hết cái thời khó khăn khi cô phải tự xoay xở để kiếm sống, và thẳng thừng trách

Ernest vì đã cưới cô, lúc đó đôi mắt Ernest lại được mở ra hết như khi nó nghe Towneley nói ‘Không, không, không,’ vậy. Nó lặng thinh không nói gì, nhưng dứt khoát nhận ra được rằng nó đã phạm sai lầm trong hôn nhân. Một lần nữa, một sự đánh động lại mở mắt cho nó nhìn thấy chính mình.

Nó lên lầu, chồn trú ẩn lâu nay nó quên lãng, thả mình xuống ghế với hai tay ôm lấy mặt.

Nó vẫn chẳng biết chút gì về chuyện vợ nó uống rượu, nhưng nó biết là chẳng thể tin cô thêm nữa, và như thế giấc mơ hạnh phúc của nó đã vụt tắt. Nó đã thoát khỏi Giáo hội nhờ quyết tâm trong đau đớn, nhưng cái gì có thể cứu nó thoát khỏi cuộc hôn nhân này đây? Nó đã phạm lại đúng sai lầm hết như khi dẫn thân gắn bó với Giáo hội, nhưng với một hậu quả nặng nề hơn gấp trăm lần. Kinh nghiệm chẳng giúp gì cho nó, nó là một Esau, kẻ bị Thiên Chúa làm cho cứng lòng, kẻ có tai nhưng chẳng nghe, có mắt nhưng chẳng nhìn, và sẽ chẳng tìm nổi một chốn nương thân cho dù có mài miết tìm kiếm trong khúc than đau đớn.

Nhưng chẳng phải trong tất cả mọi sự nó đã cố gắng để tìm ra ý Chúa, và vâng theo hết trọn tâm hồn hay sao? Trong một giới hạn nhất định thì đúng là vậy, nhưng nó không hoàn toàn làm được như thế, nó vẫn chưa từ bỏ hết tất cả vì Thiên Chúa. Nó biết rất rõ rằng nó đã làm rất ít so với những gì nó nên và phải làm, nhưng dù là thế, nếu nó bị trừng phạt vì điều này thì Chúa

vẫn là một ông chủ quá khắc nghiệt, và là người luôn mãi rình rập bất thành linh giáng xuống đầu nó những nỗi bất hạnh. Khi cưới Ellen, nó đã muốn tránh một đời sống tội lỗi, và theo thời gian, nó tin là mình đã sống đúng và có đạo đức. Với quá khứ và hoàn cảnh của nó, thật hết sức tự nhiên khi nó làm như vậy, ngay cả trong hoàn cảnh khốc liệt nhất mà đạo đức đã đẩy nó vào. Liệu chút vô luân nào đó có khiến hoàn cảnh của nó tồi tệ hơn hay không? Xét toàn bộ, thì đạo đức có ý nghĩa gì khi đến tận cùng lại không đem lại cho người ta được bình an, và có ai đủ lý chứng để dám chắc chắn rằng hôn nhân sẽ cho người ta sự bình an đó? Với Ernest, dường như khi nỗ lực sống đạo đức, nó lại đang chạy theo một thứ ma quỷ đội lốt thiên thần. Nhưng nếu như vậy, thì người ta biết dựa vào đâu để tiến bước an toàn hợp lý được bây giờ?

Nó vẫn còn quá trẻ để nhận ra được câu trả lời vốn là ‘Dựa vào nhận thức thông thường’, một lời đáp có lẽ sẽ vô dụng với bất kỳ ai sống kiểu lý tưởng hóa như nó.

Dù gì đi nữa, nó cũng đã kết hôn, và phải đi trọn cuộc hôn nhân này đến hết đời. Nếu có xuất hiện bất kỳ tia sáng hy vọng nào trong cuộc đời nó đi nữa, thì cũng sớm bị lụi tàn ngay lập tức, than ôi, trong tù còn hạnh phúc hơn thế này nhiều. Dù gì thì trong tù nó cũng chẳng phải lo lắng chuyện tiền bạc, còn ở đây tiền nong lại đè nén trên nó với tất cả những nỗi kinh hãi. Bây giờ, nó vẫn thấy hạnh phúc hơn thời ở Battersby hay Roughborough, và thậm chí vẫn hơn thời gian ở Cambridge, nhưng xét cho cùng, tương lai của nó quá tăm tối, và thậm chí thực sự vô vọng, đến nỗi nó thấy mình sẵn sàng vui sướng nếu được nằm ngủ và chết trên chiếc ghế này ngay lập tức.

Nó cứ mơ màng và nghĩ về những hy vọng vỡ nát của mình, bởi thấy đủ rõ rằng một khi còn sống với Ellen, nó sẽ chẳng bao giờ có được những điều nó mơ ước. Đột nhiên, nó nghe có tiếng gì phía nhà dưới, rồi một người hàng xóm vội vã chạy lên,

‘Trời ơi, ông Pontifex,’ bà kêu lên, ‘vì Chúa xin xuống ngay và giúp một tay. Bà nhà đang co giật và trong cơn nguy hiểm.’

Con người bất hạnh của chúng ta chạy xuống ngay và thấy vợ mình đang mê sảng trầm trọng, một biểu hiện rõ ràng nhất không thể chối cãi của

chứng nghiện rượu.

Bây giờ thì nó đã biết rõ hết mọi chuyện. Hàng xóm nghĩ rằng nó hẳn phải biết vợ nó nghiện rượu từ lâu rồi, nhưng Ellen quá tinh vi còn nó lại quá đơn giản, nên như tôi đã nói, nó đã chẳng có chút nghi vấn nào về chuyện này. ‘rồi sao đây,’ người phụ nữ đã lên gọi Ernest bảo cho nó biết, ‘cô ấy sẽ uống cho đến khi nào còn uống được và còn đủ tiền để trả.’ Ernest gần như không tin vào tai mình, nhưng khi bác sỹ đến và Ellen đã dụ lại, nó đi đến quán rượu gần nhà để hỏi chuyện và khám phá ra sự thật không thể phủ nhận này. Người chủ quán nhân dịp này mà đưa cho Ernest xem một hóa đơn tiền rượu của vợ nó, và nó chẳng đủ tiền thanh toán bởi tổng số tiền còn nhiều hơn phần tiết kiệm còn lại của nó, vốn đã hao tổn nhiều trong thời gian vợ nó ở cứ cộng với công việc kinh doanh lâu nay không được thuận lợi.

Nó tìm đến tôi, không phải để xin tiền mà để kể cho tôi chuyện đáng buồn này. Đôi lần tôi đã thấy có gì đó không ổn, và đã khá tinh tường mà mừng tượng đúng vấn đề, nhưng tất nhiên tôi đã không cho nó biết, bởi trong thời gian qua, Ernest và tôi ngày càng xa cách nhau. Tôi phật ý vì nó kết hôn, và nó cũng biết như vậy dù tôi cố giấu diếm hết sức.

Với một người đàn ông, tình thân bạn bè, cũng hết như ý chí của anh ta, sẽ chấm hết bởi hôn nhân, và cũng sẽ y hết như vậy khi bạn của anh ta kết hôn. Vết rạn trong tình bạn vốn luôn xuất hiện khi một trong hai người bạn tiến đến hôn nhân, gần như sẽ luôn nhanh chóng mở rộng ra đến mức tạo nên một vực thẳm quá lớn giữa hai người một đã kết hôn, một thì chưa. Và như thế tôi bắt đầu để mặc đứa con đỡ đầu của mình cho số phận mà tôi vốn chẳng có quyền hạn cũng như năng lực để can thiệp vào. Thực sự, tôi đã bắt đầu xem nó như một gánh nặng, tôi chẳng mấy chú ý đến chuyện này khi nó còn cần đến tôi, nhưng khi nó tự bay nhảy rồi tôi mới thấy trong lòng dấy lên hằn học và ác cảm. Lối đi này, nó tự chọn lấy, và nó phải bước theo mà thôi. Ernest cũng đã cảm nhận được tôi như vậy và hiếm khi đến thăm tôi, nhưng đến lúc này, một buổi tối muộn năm 1860, nó đến tìm tôi với khuôn mặt khổ sở, kể cho tôi nghe những khốn đốn của nó.

Khi biết được nó không còn thích vợ mình nữa, tôi liền tha thứ cho nó ngay lập tức, và lại hứng thú với nó hơn bao giờ hết. Đối với một kẻ độc thân lớn tuổi như tôi, chẳng có gì thích thú hơn là được biết một chàng trai trẻ đã cưới vợ lại ước sao mình chưa từng kết hôn, đặc biệt là đối với những trường hợp vốn không nghĩ là sẽ xảy ra chuyện này, hoặc không cần phải làm gì để đưa anh bạn trẻ đến một quyết định như vậy.

Tôi đang nhắm đến chuyện hai đứa chúng nó ly hôn, và bảo rằng tôi sẽ tự mình trợ cấp cho Ellen, tất nhiên là sẽ lấy từ tiền của Ernest, nhưng nó chẳng chịu việc này. Nó nói rằng nó đã cưới Ellen, và nó phải cố để giúp cô sửa đổi. Nó ghét làm việc đó, nhưng nó phải cố, và khi thấy nó quá ngoan cố như lệ thường tôi buộc phải đồng ý, dù không mấy tin tưởng là nó sẽ làm được. Tôi phật lòng khi thấy nó lãng phí vào một việc vô ích như thế, và lại bắt đầu thấy nó là một gánh nặng bực mình. Tôi e là tôi đã lộ ra như thế, bởi nó lại tránh mặt tôi một thời gian, và thực sự là suốt nhiều tháng tôi gần như không gặp được nó.

Ellen vẫn còn rất yếu suốt vài ngày, rồi dần dần hồi phục. Ernest gần như luôn ở bên cô cho đến khi cô qua khỏi cơn nguy kịch. Khi đã bình phục, nó đưa bác sĩ đến nói cho cô hay rằng nếu cô chịu thêm một cơn tai biến nữa chắc chắn cô sẽ mất mạng, điều này khiến cô quá sợ hãi đến mức cô hứa sẽ bỏ rượu. Rồi ánh sáng hy vọng lại đến với nó. Lúc sống điều độ, Ellen là chính cô hết như những ngày đầu mới cưới, và Ernest nhanh chóng quên đi nỗi đau, đến mức chỉ vài ngày sau nó đã thấy yêu cô hết như xưa. Nhưng Ellen không thể tha thứ cho nó khi biết những gì nó đã làm. Cô biết rằng nó đang canh chừng để ngăn chặn cô khỏi những cám dỗ trở về thói xấu cũ, và nghĩ rằng nó chỉ đang cố hết sức để khiến cô nghĩ rằng nó không còn chút khó chịu nào với cô, và như thế cô thấy vấn đề về tư cách đang đè ngày càng nặng lên mình, rồi ngày càng mong mỏi cái tình trạng tự do về pháp lý mà lúc trước cô đã từ bỏ để kết hôn với nó.

Tôi sẽ không nói thêm gì về chuyện này nữa. Suốt những tháng mùa xuân năm 1861, cô vẫn giữ được phương hướng, bởi đã từ bỏ thói hoang phí cộng với lời hứa sẽ bỏ rượu, và như thế đã chế ngự được cô trong một thời gian. Cửa hàng làm ăn khá tốt đẹp, đủ cho Ernest thu vén mức sống vừa đủ cho

gia đình. Thậm chí đến mùa hè, nó lại bắt đầu tiết kiệm được một khoản nhỏ. Đến mùa thu, Ellen sinh hạ cho nó một đứa con trai mà ai ai cũng bảo là rất đẹp. Cô sớm khỏe lại sau khi sinh, và khi Ernest bắt đầu thấy nhẹ nhõm cũng như rất lạc quan thì đột nhiên không một lời cảnh báo, cơn giông tố cuộc đời lại ập đến với nó. Một chiều nọ, khoảng sau hai năm kết hôn, nó trở về nhà và thấy vợ mình lại đang nằm mê man trên sàn vì men rượu.

Từ lúc này, nó càng trở nên tuyệt vọng, và bắt đầu xuống dốc. Nó đã bị chấn động quá nhiều, còn vận may đã xa rời nó từ rất lâu rồi. Những hao tổn suốt ba năm qua đè nặng lên nó, và dù không thực sự đuối sức, thì nó cũng đã làm việc quá nhiều, xuống sức và chẳng thể chịu đựng nổi thêm bất kỳ gánh nặng nào nữa.

Trong một lúc, nó cố gắng để coi như chưa thấy gì, nhưng sự thật quá phũ phàng với nó. Một lần nữa, nó lại chạy đến và kể với tôi. Tôi rất mừng vì chuyện này đã xảy ra, tôi lấy làm tiếc cho Ellen, nhưng chỉ có chia lìa vĩnh viễn với cô mới cho chồng cô được một cơ hội thay đổi số phận. Nhưng thậm chí khi đã xảy đến cơn chấn động đỉnh điểm này, nó vẫn không chịu chấp nhận, và cứ nói điên dại về chuyện chết đi cho rồi đến mức tôi thấy nản lòng vì nó. Mỗi lần gặp lại, tôi nhận thấy vẻ u ám cũ ngày càng hằn sâu lên gương mặt nó, và do đó đã quyết tâm phải chấm dứt tình trạng này ngay lập tức bằng một thủ thuật mạnh chẳng hạn như mua chuộc Ellen và bảo cô bỏ đi với một người đàn ông khác, hay gần như vậy. Nhưng rồi, như lệ thường, mọi chuyện tự nó diễn biến và tôi không thể lường trước được.



Mùa đông khiến cuộc sống khó khăn hơn. Và Ernest chỉ còn biết xoay tiền bằng cách bán đi cây đàn của nó. Làm như thế dường như nó đã cắt đứt mối liên hệ cuối cùng với cuộc sống trước đây của mình, để rồi chìm nó hoàn toàn vào hình ảnh một ông chủ tiệm nhỏ bé. Dường như với nó, cho dù có chìm sâu bao nhiêu đi nữa vẫn chẳng thể tăng thêm nữa nỗi đau của nó, bởi nếu thật như vậy thì đơn giản là nó sẽ không chịu nổi và chết đi mất.

Bây giờ nó ghét Ellen, và cả hai sống với nhau mà chẳng có chút gì hòa hợp. Nếu không phải vì con cái, nó đã bỏ cô mà đến sống ở mỹ châu rồi, nhưng nó không thể để mặc hai đứa con cho Ellen được, mà cũng chẳng biết làm cách nào để đem chúng theo cũng như sẽ làm gì với chúng khi đến mỹ. Nếu còn tinh thần thì hẳn thế nào rồi nó cũng đưa con cái bỏ đi, nhưng bây giờ nó đã bị chấn động quá nhiều, và cứ sống ngày này qua ngày khác mà chẳng làm được gì.

Nó chỉ còn trong tay vài shilling cộng với số ít ỏi hàng hóa còn lại, nó cũng có thể có được ba hay bốn bảng nếu bán đi những bản nhạc và vài bức tranh cũng như đồ đạc của nó. Đã từng nghĩ đến chuyện sống bằng viết lách, nhưng nó bỏ bê ngòi bút lâu quá rồi, và bây giờ chẳng có nổi ý tưởng nào trong đầu. Nhìn về tương lai phía trước nó thấy thật vô vọng, cái kết là, nếu thực sự chưa đến thì cũng không còn bao lâu nữa, nó sẽ phải đối diện với cảnh túng thiếu thực sự. Khi thấy người ta ăn mặc rách nát, hay thậm chí không có giày và vớ, nó tự hỏi trong vòng vài tháng nữa thôi nó có giống như vậy hay không. Bàn tay tàn nhẫn và vô phương kháng cự của số phận đã nắm chặt nó và ấn nó xuống, xuống, xuống mãi. Nhưng đến lúc này, nó vẫn

còn găng gượng, làm những việc thường ngày của mình, đi mua áo quần cũ, rồi đem về lại giặt ủi và sửa chúng.

Một sáng nọ, khi đã mua xong vài món áo quần từ một trong những người hầu của một nhà phía cực Tây thành phố và đang trên đường về nhà, nó bỗng thấy một đám đông nhỏ đang vây quanh một khoảng đất trống được chắn bằng hàng rào nơi bãi cỏ, gần một trong những lối đi của công viên Green.

Hôm ấy là một buổi sáng mưa xuân dễ chịu vào cuối tháng ba, với không khí nhẹ nhàng hơi bất thường so với mùa này, nhờ đó thậm chí nỗi muộn phiền của Ernest cũng được nguôi ngoai đi một lát khi chiêm ngắm mùa xuân đang bao phủ đất trời. Nhưng chẳng được mấy chốc, nó lại cười buồn và tự nói với mình: ‘mùa xuân có thể mang hy vọng cho những người khác, nhưng với mình thì từ nay về sau chỉ toàn là vô vọng.’

Nó vẫn còn mãi nghĩ như thế lúc chen vào đám đông nhỏ đang tụ tập quanh hàng rào, và thấy người ta đang ngắm những con cừ non còn rất nhỏ chỉ một hay hai ngày tuổi với ba con cừ lớn đang quây lại che chắn cho chúng khỏi đám đông quanh công viên.

Chúng trông thật dễ thương, và những người thành London này hiếm khi có dịp nhìn thấy cừ non nên chẳng lạ gì khi tất cả mọi người đều dừng lại để ngắm chúng. Ernest quan sát thấy người đang chăm chú thích thú nhất là một cậu bé bán hàng rong trông có vẻ ngớ ngẩn đang leo qua hàng rào với một khay thịt trên vai. Ernest đang nhìn cậu bé và cười vì sự háo hức kỳ cục của nó, thì nhận ra là có người đang chủ tâm quan sát nó. Đó là một người trong bộ đồ xà ích, cũng đã thôi không chú ý đến bầy cừ, và đang cố đi ngang qua bãi đất về phía nó. Ngay lập tức, Ernest nhận ra đó chính là John, người xà ích cũ của cha nó ở Battersby, và rồi tiến ngay về phía anh.

‘Ôi, cậu chủ Ernest,’ anh nói với giọng miền Bắc đặc sệt, ‘tôi vừa mới nghĩ đến cậu sáng nay,’ và cả hai bắt tay nhau nòng ẵm. John đang ở trong một nhà rất khá vùng phía cực Tây London này. Anh nói là anh sống rất tốt từ khi rời Battersby trừ một hai năm đầu, và thời gian đó, anh nói mà mặt nhăn lại, đã gần như khiến anh sụp đổ.

Ernest hỏi chuyện ra làm sao.

‘Thế đó, cậu cũng thấy,’ John trả lời, ‘tôi luôn luôn yêu quý cô hầu Ellen, người mà cậu đã chạy theo và đưa cho cô ấy chiếc đồng hồ, cậu nhớ chứ, cậu chủ Ernest. Tôi cho rằng có lẽ cậu không quên ngày đó đâu, đúng không?’ Đến đây, anh ta cười phá lên, ‘tôi không biết mình có phải là cha của đứa con mà cô ấy mang trong bụng lúc ở Battersby hay không, nhưng rất có thể là như vậy. Dù gì, thì sau khi rời nhà cha cậu, tôi đã viết thư gửi cho Ellen đến một địa chỉ mà chúng tôi đã nhất trí từ trước, và nói rằng tôi sẽ làm những gì nên làm, rồi một tháng sau, tôi đã giữ lời và cưới cô ấy. Thế đấy, khi được Chúa yêu thương, thì mọi chuyện với người ta đều không thành vấn đề.’ Và trong lúc John đang còn nói thêm vài lời cuối về câu chuyện đời mình thì Ernest biến sắc, trắng bệch như tờ giấy và phải dựa đỡ lưng vào bờ rào.

‘John,’ chàng trai của chúng ta hỏi trong hơi thở hỗn hển, ‘anh có chắc về những gì anh nói, anh chắc là anh đã cưới cô ấy?’

‘Tất nhiên là tôi chắc, tôi đã kết hôn với cô ấy trước mặt người làm chứng ở letchbury vào ngày mười lăm tháng tám năm 1851.’

‘Đỡ tôi một tay,’ Ernest nói, ‘và đưa tôi đến đường Piccadilly giùm với, gọi cho tôi một cỗ xe ngựa, và nếu anh có thời giờ thì hãy đi ngay cùng tôi đến nhà ông Overton ở khu Thánh Đường.’



Tôi không nghĩ khi biết được cuộc hôn nhân của nó không có hiệu lực, Ernest lại thấy vui mừng hơn cả tôi nữa. Nhưng niềm vui chấn động dâng cao này, một cách tích cực, lại không gây chuyện gì náo động. Khi thấy gánh nặng được cất đi, nó loạng choạng bởi chưa quen với sự nhẹ nhõm này, tình hình đã đảo ngược nên dường như tính khí của nó cũng đảo lộn theo, nó như người vừa tỉnh dậy sau cơn ác mộng kinh hoàng thấy mình vẫn bình an khỏe mạnh trên giường, nhưng lại gần như không tin là những người đầy vũ trang đang chực sẵn trong phòng để lao vào nó chỉ là những mộng mị vô thực.

‘Và chính là con,’ nó nói, ‘cách đây một giờ vẫn than van rằng mình quá đổi vô vọng. Cũng chính con cách đây một tuần vẫn bị ngăn cách với thần Tài lộc, và cứ nói năng như thể bà ấy chỉ mỉm cười với người khác và chẳng bao giờ chiếu cố đến con vậy. Nhưng sao nào, chẳng một ai có được nửa may mắn như con đâu.’

‘Đúng vậy,’ tôi tiếp lời, ‘con đã bị hôn nhân làm bại hoại, và giờ đã bình phục.’

‘Nhưng con đã rất yêu cô ấy cho đến khi cô ấy sa vào rượu chè.’

‘Cũng có thể, nhưng chẳng phải Tennyson đã nói rằng: ‘Thà rằng đã yêu và đã mất mát, còn hơn là chưa hề mất mát thứ gì’ hay sao?’

‘Bố đúng là một kẻ độc thân ăn sâu trong máu rồi,’ nó đáp lại.

Rồi chúng tôi ngồi chuyện trò lâu giờ với John sau khi tôi đã cho ngay anh ấy năm bảng. Anh kể rằng, Ellen đã quen uống rượu từ hồi còn ở Battersby, chị bếp đã dạy cho cô, anh cũng biết như vậy, nhưng vì quá yêu cô, nên đã làm liều và cưới cô để cô khỏi phải sống đầu đường xó chợ và hy vọng có thể uốn nắn được cô. Kết cục của cô khi sống với anh cũng hết như

với Ernest, nghĩa là cô là một người vợ hoàn hảo bao lâu còn sống được điều độ, nhưng về sau lại trở nên vô cùng tệ hại.

Anh nói, ‘Trong toàn nước anh này, không một cô gái nào có tình tình dễ thương, khéo léo, xinh đẹp hơn cô ấy, và cô ấy cũng hiểu về đàn ông hơn bất kỳ ai, cũng như biết cách khiến cho anh ta được hạnh phúc nếu anh giữ được cô ấy tránh xa rượu chè, nhưng nếu anh không làm được, thì cô ấy sẽ giữ đủ trò tinh ranh trước mắt anh mà anh chẳng hề hay biết. Đến lúc cô ấy không còn có thể lấy được món gì của anh mà đem cầm hay đem bán, thì cô ấy sẽ đi trộm đồ của hàng xóm. Lúc chúng tôi còn chung sống, cô ấy đã vào tù như vậy đấy. Suốt sáu tháng cô ấy ở trong tù, đáng ra tôi sẽ thấy rất hạnh phúc nếu như không ý thức được rằng cô ấy sẽ lại trở về. Rồi cô ấy cũng trở về nhà, và chưa đầy hai tuần sau khi tự do, cô ấy lại bắt đầu ăn trộm đồ đạc trong cửa hàng và ném tiền đó vào rượu chè. Bởi thế, khi thấy chẳng thể làm được gì cho cô ấy, và thấy thế nào cô cũng sẽ khiến tôi kiệt quệ, nên tôi đã bỏ cô và lên London, làm người hầu trở lại. Tôi đã chẳng biết cô ấy ra thế nào cho đến khi ngài và cậu Ernest cho tôi biết. Tôi hy vọng cả hai người đừng cho cô ấy biết là đã gặp được tôi.’

Chúng tôi cam đoan với anh là sẽ giữ lời, rồi anh ra về sau khi dành những lời tình cảm cho Ernest, người mà anh luôn thấy gắn bó nhiều.

Tôi và Ernest cùng bàn về những chuyện cần giải quyết, và quyết định rằng trước hết phải đem bọn trẻ đi, rồi sau đó thương lượng với Ellen về quyền nuôi chúng, còn về phần Ellen, tôi cho rằng chúng tôi nên cho cô một khoản trợ cấp khoảng một bảng một tuần bao lâu cô vẫn còn biết tránh xa những rắc rối. Ernest không biết kiếm đâu ra một bảng một tuần cho việc này, nên tôi bảo nó là tôi sẽ lo khoản này để nó thôi lo lắng. Trước hai giờ chiều hôm ấy, chúng tôi đã đưa bọn trẻ vốn lâu nay bị Ellen thờ ơ về nhà và giao cho bà thợ giặt của tôi, một người có tấm lòng mẫu tử, và bọn trẻ cũng như bà đều cảm mến nhau ngay khi vừa gặp mặt.

Rồi đến công việc đáng ghét là làm sao để thoát khỏi bà mẹ bất hạnh của chúng. Con tim Ernest nhói đau khi nghĩ đến chấn động cô phải chịu khi chia tay. Nó luôn nghĩ rằng người ta có quyền trên nó một khi đã hiến dâng cho nó một sự hỗ trợ vô giá, hoặc khi nó gây cho họ một thiệt hại không thể

bù đắp, tuy nhiên sự thể hiện thời đã quá rõ ràng, nên dù có chần chừ, Ernest cũng không gây cản trở đáng kể nào cho việc này.

Tôi chẳng thấy có lý gì để bắt nó phải thấy đau khổ khi gặp lại vợ, nên đã giao cho ông Ottery, luật sư của tôi, lo toàn bộ vụ này. Hóa ra chúng tôi chẳng cần phải làm khổ mình khi nghĩ về những gì Ellen sẽ chịu lúc phải trở lại cuộc sống bơ vơ như trước đây. Ernest đã gặp bà Richards, người hàng xóm đã gọi nó xuống trong cái đêm nó phát hiện ra chứng nghiện rượu của vợ, và nhờ đó biết được đôi chút cảm nghĩ của Ellen về chuyện này. Cô dường như không có chút gì day dứt, và nói rằng ‘Tạ ơn Chúa, cuối cùng cũng xong!’ Và dù ý thức rằng cuộc hôn nhân này của cô không có hiệu lực, nhưng rõ ràng cô vẫn xem nó chỉ như là một việc chẳng đáng để bất kỳ ai phí thời gian quan tâm. Còn về việc chia tay của hai người, cô bảo đó là việc tốt cho cả Ernest và bản thân cô.

‘Cuộc sống này,’ cô nói tiếp, ‘không thích hợp với tôi. Ernest quá tốt so với tôi, anh ấy cần một người phụ nữ tốt hơn tôi một chút, và tôi cần một người đàn ông xấu hơn anh ấy một chút. Chúng tôi hẳn sẽ hợp nhau hoàn toàn nếu như không phải là vợ chồng, nhưng tôi đã quen phải có một nơi nào đó, dù nhỏ bé, cho riêng mình, và trong nhiều năm tới, tôi không muốn Ernest hay bất kỳ người đàn ông nào khác cứ luôn xen vào đó. Hơn nữa, anh ấy quá vững vàng, thời gian ở trong tù đã khiến anh ấy bản lĩnh hơn, anh nghiêm nghị trầm lắng hết như những người đã từng vào tù vẫn thường vậy, và dù có chuyện gì xảy ra, anh cũng chẳng bao giờ chửi thề hay nguyên rủa, mà như thế lại khiến tôi thấy sợ anh, và rồi tôi càng uống nhiều hơn nữa. Điều mà những cô gái khốn khổ như chúng ta cần là đừng có đột ngột đảo ngược và biến thành một người phụ nữ đoan chính, điều này quá sức chịu đựng của chúng ta, và sẽ khiến chúng ta gục ngã, thứ cần thiết đối với chúng ta là một hai người bạn bình thường, sẽ giữ cho chúng ta khỏi chết đói, và bắt chúng ta phải sống tốt để gắn bó đôi chút với nhau lúc này lúc khác. Đó mới là những gì chúng ta có thể chịu nổi. Anh ấy có thể giữ bọn trẻ, anh ấy sẽ chăm sóc cho chúng tốt hơn tôi, còn về tiền bạc, anh ấy cứ cho hay giữ tùy ý, chẳng bao giờ anh làm gì gây hại cho tôi đâu, và tôi cũng sẽ để anh ấy

được yên, nhưng nếu anh ấy muốn cho tôi tiền, thì tôi thấy tốt hơn tôi nên nhận lấy.’ Và cô đã nhận.

‘Tôi đây ư,’ Ernest lại tự nhủ với mình khi đã dàn xếp xong mọi chuyện, ‘một kẻ tự cho mình là bất hạnh đây ư!’

Tôi cũng cần nói thêm ở đây vài điều về Ellen. Trong vòng ba năm sau, cô vẫn đều đặn đến gặp ông Ottery mỗi sáng thứ hai để nhận một bản của mình. Cô luôn ăn mặc chỉnh tề, trông thật kín đáo và xinh đẹp, đến nỗi chẳng ai nghĩ cô từng có một quá khứ như vậy. Lúc đầu, có đôi lần cô muốn được ứng trước tiền, nhưng sau vài ba lần đã cố dùng những câu chuyện thảm thê nhất để mong gây mùi lòng nhưng đều thất bại, cô đành từ bỏ và lạng lẽ đều đặn đến nhận tiền. Có lần cô đến với một mắt bị thâm đen do ‘một đứa bé đã lỡ tay ném đá trúng tôi’, nhưng nói chung, trong suốt ba năm, trông cô vẫn xinh đẹp hết như lúc đầu. Rồi cô nói rằng cô đang định kết hôn một lần nữa. Nghe vậy, ông Ottery nhìn cô và chỉ cho cô thấy nếu làm như vậy là cô phạm tội lấy hai chồng. ‘Ông có thể gọi nó là gì tùy ông,’ cô trả lời, ‘nhưng tôi đang định đi đến mỹ quốc với anh Bill hàng thật, và tôi hy vọng rằng ông Pontifex sẽ không quá khắc nghiệt với chuyện này và không cắt khoản trợ cấp của tôi.’ Ernest gần như không có ý định làm thế, nên nó và Ellen vẫn bình thường với nhau. Tôi tin rằng chính Bill đã khiến mắt cô bị bầm đen, và cũng chính vì thế, mà cô càng thích anh ta hơn.

Từ một vài tin nhỏ có được, tôi có thể thấy rằng hai người họ rất hợp nhau, và ở Bill, cô tìm thấy một người phù hợp hơn John và Ernest. Vào ngày sinh nhật, Ernest thường nhận được một phong bì gửi từ bưu điện mỹ kèm một thẻ đánh dấu sách với một câu trích bóng bẩy trên đó, hoặc kèm một cái lót quai ấm, hay những thứ đồ kỷ niệm nho nhỏ tương tự, nhưng không có thư. Còn về bọn trẻ, Ellen chẳng bao giờ nhắc gì đến chúng cả.



Ernest bây giờ đã được hai mươi sáu tuổi, và chỉ hơn một năm rưỡi nữa thôi, nó sẽ được tiếp quản tài sản thừa kế của nó. Tôi thấy chẳng có lý do gì để cho nó nhận số tiền này trước thời hạn Alethea đã định, và sau những biến cố vừa xảy ra, tôi cũng không thích việc nó cứ tiếp tục kinh doanh cửa hàng tại Blackfriars. Không phải đến bây giờ tôi mới hiểu cho trọn những khốn khổ nó đã phải chịu, cũng như tôi gần như đã xác định được từ lâu rằng thói quen xấu của người được cho là vợ nó sẽ dẫn nó đến tình cảnh túng thiếu thực sự đến thế nào.

Thực sự, tôi đã thấy trên khuôn mặt nó hằn dấu mệt mỏi và suy tàn, nhưng tôi quá làm biếng hay quá nản lòng để có thể duy trì cuộc tranh chấp lâu dài và có kết quả với Ellen, hầu từ đó gấn bó thân tình hơn với Ernest và khám phá ra những gì tôi cho là tôi nên biết. Rồi tôi gần như không biết mình có thể làm gì cho nó, bởi chẳng thấy được cách nào khiến nó tách lìa khỏi Ellen, và nếu nó vẫn cứ sống với cô, thì chẳng thể làm được gì nhiều cho nó cả.

Sau mọi chuyện, tôi thấy có lẽ mình đã đúng, tôi cho rằng mọi chuyện đến cuối cùng sẽ chuyển biến tốt khi được phó mặc cho chúng tự giải quyết. Dù gì đi nữa, dù mọi chuyện có tự vận hành hay không, thì bao lâu vẫn còn Ellen, mọi thứ nói chung vẫn mãi quá rối rắm để tôi dám xen vào. Nhưng bây giờ, cô ta đã ra đi, và mối quan tâm của tôi dành cho Ernest đã trở lại như trước, nên tôi vắt óc suy nghĩ rất nhiều lần xem thử tôi phải làm gì tốt đẹp cho nó bây giờ.

Đã ba năm rưỡi từ lúc nó sống, có thể nói là, tự lập ở London này. Trong những năm qua, nó trải qua sáu tháng làm giáo sỹ, sáu tháng trong tù, và hai

năm rưỡi với những trải nghiệm gấp đôi về đời sống gia đình và kinh doanh. Tôi có thể nói rằng, nó đã thất bại trong mọi việc nó làm, thậm chí trong việc làm tù nhân đi nữa, nhưng những thất bại của nó lại luôn hết như một chiến thắng đối với tôi vậy, đến nỗi tôi cảm thấy hài lòng khi thấy nó xứng đáng nhận những nỗi đau để từ đó tôi có thể giúp đỡ cho nó, chỉ một điều tôi e sợ là chẳng may tôi đã lỡ can thiệp vào chuyện của nó lúc đáng ra phải để cho nó tự giải quyết một mình. Xét tất cả mọi chuyện, tôi kết luận rằng ba năm thực tập sống gian khổ của nó là quá đủ, việc mở cửa hàng đã cho nó được nhiều điều, và giữ nó vừa đủ sống trong những lúc túng thiếu nhất, kinh doanh cũng đã cho nó dùng đến những khả năng của mình, và dạy nó nhìn thấy những lối thoát thuận lợi quanh mình trong khi trước đó vài tháng nó vẫn còn thấy mọi sự đều khó khăn không thể vượt qua nổi, và lúc đi ra buôn bán, nó cũng đã biết cảm thông nhiều hơn khi nhận biết và hiểu được những tầng lớp thấp trong xã hội và không giới hạn nó trong phạm vi sống của một quý ông. Khi đã đi trên đường và nhìn những quyển sách trên các gian hàng đồ cũ, những thứ lạ mắt trong các cửa hiệu đồ cổ, và vô số những hoạt động thương mại tràn lan quanh mình, nó nhận biết và cảm thông được cái gọi là kinh doanh đổi chác, mà nếu như không tự mở một cửa hàng thì chẳng bao giờ nó có được những trải nghiệm như thế.

Nó thường kể với tôi rằng những lúc nó rảo bộ trên đường xe lửa trông xuống khu ngoại ô đông dân, và nhìn ra những con đường liên tiếp chen chúc đầy những căn nhà cáu bẩn lụp xụp, nó đã tự hỏi mình rằng những người sống trong đó là loại người gì, họ làm gì và cảm thấy thế nào, cuộc sống của họ khác xa cuộc sống của nó đến mức độ nào. Giờ đây, nó bảo rằng nó đã biết hết rồi. Tôi không rành lắm về tác giả viết truyện Odyssey (người tôi chắc hẳn phải là một giáo sỹ), nhưng nó chắc rằng mình đúng nhất khi tóm gọn hình ảnh con người khôn ngoan như là một kẻ biết được ‘những cách thức và việc làm của nhiều người.’ liệu có một nền giáo dục nào so sánh được với điều này không? So với cuộc sống trong tù và thời gian làm thợ may ở Blackfriars, dường như đối với nó giờ đây, trường trung học và đại học chỉ là những thứ giả dối khiến nó suy đồi mà thôi. Tôi đã từng nghe nó nói rằng nó sẽ có thể đi lại hết những thứ đã gây khổ cho

nó chỉ để có được một hiểu biết sâu sắc hơn về tinh thần văn hóa Hy Lạp và kịch câm Surrey. Thật là kiên cường khi nó dám sẵn sàng vùng vẫy bơi nếu bị ném lại vào dòng nước sâu mà nó vốn đã không thắng nổi chính là trải nghiệm suốt ba năm vừa qua!

Nhưng như tôi đã nói, tôi nghĩ rằng đứa con đỡ đầu của mình giờ đây đã trải qua đủ những dòng chảy buốt giá của đời sống vốn sinh nhiều lợi ích cho nó rồi, còn bây giờ là lúc nó phải bắt đầu có một phong cách sống khác phù hợp hơn với tiền đồ sắp tới của nó. Cô Alethea của nó đã mong nó hôn lấy đất mẹ, và nó đã làm vậy đến cùng, nhưng tôi không thích cái ý nghĩ nó bắt đầu từ một chủ hiệu nhỏ trở thành một người có thu nhập khoảng ba đến bốn ngàn bảng một năm. Nhảy vọt quá bất ngờ từ tưng bần qua phú quý cũng nguy hiểm hệt như ngược lại vậy, hơn nữa, thật đáng chán khi phải sống nghèo khó, nó gần giống như tình trạng phôi thai, mà tốt hơn người ta phải vượt qua trước khi nằm vững được những bước thăng tiến tiếp theo, nhưng cũng hệt như bệnh sởi hay bệnh tinh hồng nhiệt, người ta phải giải quyết nó cách thận trọng và mau chóng.

Dù không xảy đến bất ngờ, nhưng chẳng một ai có thể hoàn toàn tránh khỏi việc mất sạch những gì mình có trên thế gian. Tôi thường nghe những phụ nữ trung niên và những người đàn ông có gia đình nói rằng họ chẳng có khuynh hướng hành động dựa vào ước đoán, họ là những người chưa bao giờ từng thực hiện và sẽ không bao giờ thực hiện bất kỳ thứ gì ngoại trừ những khoản đầu tư bảo đảm nhất và được cho là tốt nhất, rồi khi vô số nguy cơ xảy đến, thì ôi thôi, thôi, họ tự cột tay bịt mắt mình lại mà thôi.

Bất cứ lúc nào nghe ai nói như thế, người ta có lẽ sẽ nhận ra được rằng họ chính là con mồi dễ dàng cho những kẻ lừa đảo, thực sự thì người như thế thường sẽ kết thúc những lời của mình bằng việc nói rằng bất chấp tính thận trọng tự nhiên của mình và bất chấp mình biết rõ việc suy đoán vô căn cứ ngu ngốc đến thế nào, vẫn có những khoản đầu tư được người ta gọi là ước đoán nhưng thực tế thì không phải vậy, và rồi lôi ra từ túi áo một tờ quảng cáo về mỏ vàng ở Cornwall. Chỉ khi thực sự mất tiền người ta mới nhận ra mất mát đó kinh khủng đến thế nào, rồi nhận thức được một điều rằng thật dễ thất bại khi người ta liều lĩnh bước ra khỏi lĩnh vực thành thạo nhất của

mình. Ernest đã phải hứng chịu mất mát bất ngờ này, và đã phải trải qua sự nghèo đói, non nớt, cũng như đủ tồi tệ để một người có suy nghĩ sẽ gần như không thể quên được. Tôi có thể hình dung ra một tương lai sẽ tươi sáng hơn thế cho bất kỳ ai, chỉ cần, hiển nhiên là, anh ta phải không bị thiệt hại đến mức không thể cứu vãn được.

Tôi nghĩ nhiều về chuyện này đến nỗi, nếu như có quyền, hẳn tôi sẽ buộc mỗi trường phải có môn học đầu tư này. Các cậu bé sẽ được khuyến khích đọc *Money Market Review*, *Railway News*, và những tờ báo tài chính tốt nhất, và chúng cũng nên lập một thị trường chứng khoán riêng ở trường trong đó mỗi xu sẽ được tính là một bảng. Như thế sẽ cho chúng thấy ra được cách nhanh chóng làm giàu trong thực tế. Sẽ nên có có phần thưởng từ chính tay thầy hiệu trưởng cho cậu bé nào giao dịch khôn ngoan nhất, và những cậu bé cứ mãi thua lỗ hết lần này đến lần khác sẽ bị đuổi học. Tất nhiên, nếu có cậu bé nào thể hiện thiên tài trong việc đầu tư và kiếm tiền, thì tốt thôi, cứ để nó gia nhập vào việc đầu tư bằng mọi giá.

Nếu các trường đại học không đến nỗi tệ, thì tôi thích có một ban giáo sư về đầu tư ở Oxford và Cambridge. Tuy nhiên, khi nghĩ kỹ lại rằng những gì hai trường này có thể làm tốt chỉ là nấu ăn, cricket, bơi thuyền và các môn chơi khác, những thứ vốn không nhờ đến sự dạy bảo của giáo sư, tôi lại e rằng việc lập một ban giáo sư như thế cuối cùng sẽ chẳng dạy được cho đám thanh niên cách đầu tư, mà chỉ biến chúng thành những nhà đầu tư tồi tệ mà thôi.

Tôi từng nghe có một ông bố đã đem cái ý tưởng của tôi ra thực hành. Ông ta muốn con mình học biết được rằng những tờ quảng cáo hào nhoáng và những bài báo thổi phồng không đáng tin đến mức nào, nên đã cho nó năm trăm bảng để đầu tư tùy ý nó. Người cha nghĩ là mình sẽ mất số tiền này thôi, nhưng thực tế lại khác, bởi đứa con đã rất cố gắng và thận trọng nên số tiền trên cứ tăng lên mãi cho đến khi người cha lấy lại số tiền, thì tiền lãi đã, ông hài lòng kể, bằng với số vốn rồi.

Tôi đã từng phạm sai lầm về tiền bạc khoảng năm 1846, thời điểm mà ai ai cũng đều bị như vậy. Trong vòng vài năm, tôi đã phải sợ hãi và khốn khổ quá độ, rồi (nhờ một lời khuyên của người môi giới, đã từng khuyên can cha

và ông tôi trước đó) đến cuối cùng tôi cũng đã thành công, và từ đó trở về sau tôi còn dám làm liều nữa, mà cố gắng bám càng sát lối đi cũ càng tốt. Thực sự tôi đã cố gắng để giữ tiền hơn là kiếm thêm. Tôi cũng làm như thế với tiền của Ernest, cụ thể là tôi đã không đụng đến chúng sau khi đầu tư vào những cổ phần của Midland theo đúng lời Alethea căn dặn. Nhưng rồi tôi đã thử làm cách khác, và mọi chuyện thuận lợi đã khiến khối tài sản của Ernest tăng hơn gấp rưỡi so với tổng số tiền có thể có được nếu tôi chẳng dám mạo hiểm với nó.

Khi tôi bán đi những trái khoán của Alethea vào cuối tháng tám năm 1850, thì cổ phần của Midland có giá ba mươi hai bảng trên một trăm bảng. Tôi đã đầu tư toàn bộ số tiền mười lăm ngàn bảng của Ernest với giá này, và không thay đổi gì cho đến tận tháng chín năm 1861, vài tháng trước một thời điểm mà tôi sẽ nói với các bạn rõ sau. Rồi tôi bán hết với giá 129 bảng mỗi cổ phần để đầu tư vào chứng khoán London and North-Western, mà người ta đã khuyên tôi là nhanh phát hơn cổ phần của Midland vào thời điểm đó. Tôi đã mua cổ phần của London and North-Western với giá chín mươi ba bảng cho một trăm bảng, và đến bây giờ, năm 1882, con đỡ đầu của tôi vẫn giữ số cổ phần này nguyên như vậy.

Số vốn 15.000 bảng, trong suốt mười một năm, đã tăng thành 60.000 bảng, khoản lợi tức tích lũy tất nhiên cũng được tôi tái đầu tư, đã lên đến hơn 10.000 bảng, nên tổng số tiền của Ernest đã là hơn 70.000 bảng. Hiện thời nó đã có được một khoản gần gấp đôi thế, và tất cả chỉ nhờ biết để cho số tiền đó được yên ổn.

Tài sản của nó bây giờ đã rất lớn, và có thể tăng thêm nữa trong vòng một năm rưỡi trước lúc nó đủ tuổi thừa kế, nên đến lúc đó nó hẳn sẽ có được khoản thu nhập ít nhất là 3500 bảng một năm.

Tôi muốn nó am hiểu chuyện kế toán bằng cách cho nó tính toán lại lần nữa số tiền này. Khi còn trẻ, tôi đã buộc phải nắm vững ngành này và thấy nó không quá khó, một khi đã đạt được, tôi trở nên say mê nó, và xem nó như là ngành quan trọng nhất đối với một thanh niên sau việc học đọc và viết. Bởi vậy, tôi đã xác định là Ernest phải nắm vững ngành này, và đề nghị nó làm quản gia, kế toán và quản lý đầu tư cho tôi, nên tôi cho nó xem sổ cái

để thấy 15.000 bảng đã tích lũy thành 70.000 bảng như thế nào. Tôi cho nó hay là sẽ bắt đầu tiêu số tiền này ngay khi nó đạt đến 80.000 bảng.

Vài ngày sau khi Ernest khám phá ra cuộc hôn nhân của nó không có giá trị, và vẫn còn say sưa với tuần trăng mật êm đềm khi được trở lại cuộc sống trước hôn nhân, tôi đã đề nghị kế hoạch này với nó, mong nó hãy bỏ cửa hàng, và sẵn sàng trả nó ba trăm bảng một năm để đảm nhận việc quản lý (thực sự thì cũng không quá cần người làm việc này) chính số tiền của nó. Và với khoản thu nhập ba trăm bảng một năm này, chẳng cần phải nói cũng biết là, tôi đã thuyết phục được nó.

Nếu cần thêm điều gì để cho hạnh phúc hiện giờ của nó được trọn vẹn, thì đó chính là việc này. Chỉ trong vòng ba bốn ngày, nó đã thấy mình được tự do thoát khỏi mối quan hệ bất chính vô vọng ghê gớm cũ, và đồng thời lại được nâng từ một cuộc sống gần như nghèo khổ lên tận hưởng một khoản thu nhập mà đối với nó là rất đáng kể.

‘Một bảng một tuần,’ nó nghĩ, ‘cho Ellen, và số còn lại là của mình.’

‘Không,’ tôi nói, ‘chúng ta sẽ tính một bảng của Ellen vào tổng chi phí của bố. Còn con sẽ có đủ 300 bảng cho riêng mình.’

Tôi chọn trả cho nó ba trăm bảng bởi đó cũng chính là số tiền mà ông Disraeli trả cho Coningsby^[39] khi cậu ta đang gặp vận khốn. Rõ ràng là ông Disraeli nghĩ rằng ba trăm bảng là số tiền tối thiểu để Coningsby có thể tận tụy sống đủ, nhưng ông cũng cho rằng với sự hỗ trợ này, cậu ta sẽ tự xoay sở và thăng tiến trong vòng một hai năm sau. Vào năm 1862, lúc tôi quyết định việc này, giá cả đã lên so với thời của tác phẩm đó, dù không nhiều lắm, nhưng Ernest không có thói xa hoa như Coningsby, nên xét cho cùng thì tôi nghĩ ba trăm bảng một năm sẽ đủ tốt cho nó rồi.



Vấn đề bây giờ là xử trí làm sao với bọn trẻ. Tôi giải thích với Ernest là chi phí cho chúng sẽ được lấy từ khối tài sản này, và chỉ cho nó thấy để nuôi chúng tôi chỉ phải tốn một khoản rất nhỏ so với thu nhập của tôi. Khi nó bắt đầu phản đối, tôi phải xoa dịu bằng cách chỉ cho nó thấy số tiền này cô Alethea để lại cho tôi cũng vì nó, và nhắc nó nhớ rằng giữa tôi và cô đã ngầm hiểu là tôi phải cố hết sức mình giúp nó nếu cần thiết.

Nó muốn nuôi dạy bọn trẻ trong một môi trường trong sạch tốt đẹp, giữa những con người vui vẻ và mãn nguyện, nhưng do vẫn chưa biết gì về khối tài sản sắp đến của mình, nên nó cứ khẳng khẳng là trong những năm đầu, phải để bọn trẻ sống trong cảnh nghèo khó hơn là giàu có. Tôi phản đối ý tưởng này, nhưng bởi nó quá nhất quyết, và khi nghĩ rằng chúng là con ngoài giá thú, tôi không chắc là đến tận cùng liệu ý định này của Ernest có thể đem lại điều tốt đẹp cho hết thảy mọi người hay không. Bọn trẻ vẫn còn quá nhỏ nên chúng ở đâu cũng không quan trọng lắm, chỉ cần được sống trong môi trường lành mạnh với những con người lịch sự tử tế là được.

‘Con cũng sẽ không tốt với con cái của con,’ nó nói, ‘hệt như ông nội với cha con, và hết như cha con đối với con. Nếu họ đã không thể khiến cho con cái yêu mến họ, thì con cũng sẽ vậy. Con tự nhủ rằng con sẽ làm được, nhưng chẳng phải họ cũng đã từng như vậy hay sao. Con có thể chắc rằng con cái của con sẽ không nhận ra rằng chúng ghét con đến mức nào nếu như chúng còn sống nhiều với con, nhưng đó là tất cả những gì con làm được. Nếu con phải làm phương hại đến tiền đồ của chúng, thì hãy để con làm việc đó lúc thích hợp trước khi chúng đủ lớn để cảm nhận nó.’

Nó trầm ngâm một lúc rồi bật cười mà tiếp rằng:

‘Người ta hẳn đã bất hòa với cha mình suốt gần một năm trước khi được sinh ra. Rồi anh ta cương quyết dựng nên một sự phân cách, một khi đã chấp thuận như thế, thì càng phân cách hoàn toàn càng tốt cho cả hai.’ rồi nó nói một cách nghiêm túc hơn, ‘Con muốn nuôi bọn trẻ ở nơi nào mà chúng sẽ được sống tốt và hạnh phúc, và nơi đó sẽ không dẫn chúng đến mối phiền não từ những kỳ vọng sai lầm.’

Cuối cùng, nó nhớ ra rằng trong những buổi đi dạo ngày Chủ nhật, nó đã hơn một lần nhìn thấy hai vợ chồng sống bên bờ sông ngay cửa biển cách Gravesend vài dặm. Gia đình họ có vẻ rất gắn bó, và đám trẻ dường như chóng lớn, cả ông bố và bà mẹ thực sự đều là những người dễ chịu và có căn bản, nên dưới bàn tay chăm sóc của họ, có lẽ bọn trẻ sẽ có được cơ hội phát triển tốt hết như bất kỳ ai khác mà Ernest từng biết.

Chúng tôi xuống đó gặp họ, và tôi cũng đánh giá cao họ như Ernest vậy, chúng tôi cho họ một bảng một tuần để họ nuôi nấng dạy dỗ những đứa trẻ của Ernest như thể chúng là con họ vậy. Họ nhảy mừng lên trước lời đề nghị này, và một hai ngày sau chúng tôi đưa bọn trẻ về đây và để chúng lại đó, cảm thấy rằng dù gì đi nữa, đến lúc này, mình cũng đã làm hết sức cho chúng. Rồi Ernest đem chút đồ đạc còn lại của nó đến phòng đấu giá Debenham, rồi bỏ căn nhà nó đã ở suốt hai năm rưỡi qua, và trở về với cuộc sống văn minh.

Tôi đã cho rằng nó sẽ nhanh chóng phục hồi lại hết như trước, nhưng rồi lại phải thất vọng nhiều khi thấy rõ ràng là nó ngày càng tệ hơn. Thật sự, đã từ lâu tôi thấy nó có vẻ rất yếu, và nhất quyết đưa nó đến gặp một trong những bác sỹ nổi tiếng nhất London. Ông ấy bảo rằng nó chẳng có bệnh gì nặng, nhưng đang có vấn đề suy nhược thần kinh, hậu quả của những thống khổ tinh thần nghiêm trọng và kéo dài. Với bệnh này chẳng có thuốc gì ngoại trừ thời gian, nghỉ ngơi, và cuộc sống êm đẹp.

Ông ấy nói rằng Ernest thế nào cũng sẽ sụp đổ, nhưng có lẽ nó sẽ chịu đựng được thêm vài tháng nữa. Chính nhờ bất ngờ được giải thoát khỏi tình trạng áp lực đã giữ được nó như thế này.

‘Hãy tạo cho cậu ấy sự giao thoa ngay lập tức.’ ông bác sỹ bảo vậy, ‘Giao thoa là khám phá y học lớn nhất của thời đại này. Hãy thức tỉnh cậu ấy khỏi

chìm sâu vào chính mình bằng cách đẩy thứ gì đó cho cậu ấy.’

Tôi đã không nói với bác sỹ rằng tiền không thành vấn đề, và tôi cho rằng ông ấy không biết tôi rất giàu. Ông tiếp lời:

‘Nhìn là một cách để chạm, chạm là một cách để bồi dưỡng, bồi dưỡng là một cách để tiêu hóa, và tiêu hóa là một cách để tái tạo và tái sinh sôi, và đây chính là giao thoa, là việc đẩy chính mình vào một sự gì đó và một sự gì đó vào trong mình.’

Ông nói một cách vui vẻ, nhưng rõ ràng là rất nghiêm túc.

‘Người ta luôn đến với tôi khi cần có sự giao thoa, hay nói cách khác là sự thay đổi nếu ông thấy thích, và tôi cũng biết là họ không đủ tiền để có thể bỏ London đến sống nơi nào đó khác. Việc này khiến tôi nghĩ rằng khi họ không thể rời khỏi nơi này thì phải làm sao để có thể giao thoa cho họ cách tốt nhất ngay chính trong thành phố này, và tôi đã viết ra một loạt những trò giải trí giá rẻ ở London này mà giới thiệu cho họ, không một trò nào trong đó có giá vượt quá vài shilling hay tiêu tốn mất của ông đến nửa hay một ngày đâu.’

Tôi giải thích rằng không cần phải cân đo chuyện tiền nong với tôi.

‘Tôi rất vui vì điều đó,’ ông ta nói và vẫn cứ cười cười. ‘Những người theo phép chữa vi lượng đồng cân dùng vàng để làm thuốc, nhưng họ vốn không dùng cho đủ liều, nếu ông có thể chu cấp phí chữa bệnh một cách thoải mái thì ông sẽ khiến cậu ấy khỏe lại ngay thôi. Tuy nhiên, cậu ấy không đủ khỏe để chịu nổi một chuyến đi ra nước ngoài, theo những gì ông đã nói, tôi nghĩ là về sau nếu được như thế thì sẽ rất tốt cho cậu ấy. Nếu cậu ấy ra nước ngoài ngay bây giờ thì rất có thể sẽ khiến bệnh tình trầm trọng hơn trong vòng một tuần mà thôi. Chúng ta phải chờ cho đến khi cậu ấy phục hồi được một ít nữa đã. Còn lúc này để khởi đầu tôi sẽ cho cậu ấy những thay đổi nhờ thành London này đã.’

Ông ta nghĩ ngợi một chút rồi nói tiếp.

‘Tôi vừa dùng vườn bách thú để chữa cho rất nhiều bệnh nhân của mình. Tôi sẽ kê cho cậu Pontifex một loạt những loài thú có vú lớn. Đừng để cậu ấy nghĩ rằng mình đang trị bệnh, mà cứ đưa cậu ấy đến sở thú hai lần một tuần suốt trong hai tuần lễ, và ở lại với đám hà mã, tê giác và voi, cho đến

khi cậu ấy bắt đầu thấy chán chúng. Tôi thấy những con vật khổng lồ này giúp bệnh nhân của tôi nhiều nhất. Những con khi không đủ độ giao thoa rộng, chúng không tạo đủ kích lực cho bệnh nhân. Những con vật ăn thịt lớn thì quá vô cảm. Loài bò sát không những vô dụng mà còn khiến mọi chuyện tệ hơn nữa, thú có túi cũng chẳng hơn gì. Ngoại trừ giống vẹt, còn hết toàn bộ chim chóc cũng chẳng có ích gì, cậu ấy có thể thấy chúng lúc nào chẳng được, nhưng với voi và những con thuộc họ heo nói chung thì thường cậu ấy sẽ được đảo lộn và biến đổi hết mức có thể.

Rồi ông biết đó, để tránh đơn điệu, tôi có thể khuyên cậu ấy đến dự buổi lễ sáng ở Tu viện Westminster trước khi đến sở thú. Cậu ấy không cần phải nán lại thêm sau khi đã xong kinh Te Deum. Tôi chẳng biết tại sao, nhưng kinh *Jubilates* hiếm khi cho người ta được vẹn lòng. Chỉ cần đưa cậu ấy đến Tu viện và ngồi lặng lẽ ở góc Poets' Corner cho đến khi hết phần nhạc chính. Hãy để cậu ấy làm như thế khoảng hai hay ba lần, không hơn, rồi đưa đến sở thú.

Đến ngày tiếp theo hãy cho cậu ấy xuống Gravesend bằng tàu. Bằng mọi cách hãy cho cậu ấy đến rạp hát vào buổi tối, và sau hai tuần lễ ông hãy đưa cậu ấy đến gặp lại tôi.'

Nếu như ông bác sỹ này ít danh tiếng hơn thì hẳn tôi đã nghi ngờ tính nghiêm túc của ông ta rồi, nhưng tôi biết đây là một con người chuyên nghiệp, sẽ chẳng lãng phí thời gian của ông ta hay của bệnh nhân. Ngay khi vừa rời phòng khám, chúng tôi bắt một chuyến xe đến công viên Regent, và thần thơ đi quanh những chuồng thú suốt hai tiếng đồng hồ. Có lẽ một phần là do đã nghe những lời của ông bác sỹ, nhưng thực sự, tôi cũng bắt đầu nhận thấy một cảm giác tôi chưa từng có bao giờ. Ý tôi là như thể tôi đang dần dần đón lấy một dòng nhựa sống mới, hay lĩnh hội một cách nhìn mới về cuộc sống. Tôi thấy ông bác sỹ thật đúng khi đánh giá những động vật lớn là những loài hiệu quả hơn cả, và tôi quan sát thấy Ernest, vốn không hay biết gì về cuộc trò chuyện giữa tôi với ông bác sỹ, tự nhiên cứ nấn ná quanh quần bên chúng mãi. Những con voi, đặc biệt là lũ voi con, đúng là thuốc chữa liệu cao cho Ernest để tái tạo và tái sinh sức sống của nó.

Chúng tôi ăn tối ngay trong vườn, và tôi vui mừng nhận thấy Ernest đã ăn được hơn rất nhiều. Từ lúc đó trở đi, bất cứ lúc nào có chút gì phiền não, tôi đều đến ngay công viên Regent, và luôn cảm thấy tốt hơn sau đó. Tôi nói ra điều này với hy vọng rằng có lẽ một trong số các bạn đọc sẽ được biết đến mối lợi này.

Hai tuần trôi qua, và chàng trai của chúng ta đã khá hơn, thậm chí còn vượt xa kỳ vọng của ông bác sỹ nữa. ‘Bây giờ,’ ông nói, ‘anh Pontifex nên ra nước ngoài, và càng sớm càng tốt. Hãy để anh ấy đi xa khoảng hai tháng.’ lúc mới nghe về chuyện này, nó bảo rằng tôi không thể lo nổi cho chuyến đi quá dài này được. Tôi đã sớm thuyết phục thành công để nó được yên lòng về chuyện này.

‘Bây giờ mới là đầu tháng tư,’ tôi ra kế hoạch, ‘con sẽ xuống Marseilles trước tiên, rồi đi tàu hơi nước đến Nice. Rồi băng qua Địa Trung hải cập bến Genoa, từ đó sẽ xuống Florence, Roma, và Napoli, sau đó trở về nhà qua đường Venice và những vùng hồ nước Ý.’

‘Và bố không đi cùng sao?’ nó nói, giọng đầy háo hức.

Tôi bảo nó đi cùng thì có sao đâu, nên cả hai chúng tôi bắt đầu sắp xếp mọi thứ ngay sáng hôm sau, và chỉ trong vòng vài ngày đã sẵn sàng xuất hành.



Chúng tôi xuất phát trên chuyến xe lửa đêm khởi hành từ Dover. Đêm hôm ấy, trời nhẹ nhàng, và ánh trăng soi bóng sáng lấp lánh trên biển. ‘Bố có thích mùi dầu máy động cơ của con tàu Channel không? Đó chẳng phải là một mùi gợi lên nhiều hy vọng hay sao?’ Ernest hỏi tôi, bởi nó đã từng đến Normandy vào một mùa hè thời thơ ấu cùng với cha mẹ nó, và bây giờ cái mùi này lại khiến nó nhớ về những ngày tháng êm đềm trước khi nó bị bầm dập trong đời. ‘Con luôn nghĩ rằng điều tốt nhất khi đi ra nước ngoài chính là tiếng pit tông uỳnh uych đầu tiên cùng tiếng hơi nước sùng sục đầu tiên vang lên khi mái chèo bắt đầu quạt nước.’

Thật lạ lùng như một giấc mơ khi chúng tôi đến Calais, và cứ kéo hành lý lê bước trong một đô thị lạ lẫm vào cái giờ vốn thường cả hai đã yên giấc nồng rồi, nhưng chúng tôi cũng sớm được ngủ khi đã lên xe lửa, và cứ gà gật cho đến lúc băng qua Amiens. Rồi cả hai chúng tôi tỉnh dậy lúc làn gió trong lành buổi sáng đầu tiên chớm đến, tôi thấy Ernest cứ mãi miết chăm chăm vào tất cả mọi thứ chúng tôi đi ngang qua với tính hiếu kỳ đầy trù mẫn. Không thấy những nông dân trong chiếc áo bành tô lái xe bò đi chợ sớm, cũng không có vợ của người gác chắn xe lửa đội mũ và áo của ông mà vấy lá cờ báo hiệu màu xanh, chẳng có người mục đồng nào lừa đàn cừu đi ăn trong sương sớm, và bờ anh thảo chưa kịp nở hoa khi xe lửa băng qua vùng đồi, nhưng nó vẫn uống trọn hết toàn bộ cảnh vật với một niềm sung sướng ngây ngất không nói nổi thành lời. Chuyến tàu chúng tôi đang đi được mang tên Mozart, và điều này cũng khiến Ernest hết sức vui thích.

Chúng tôi đến Paris lúc sáu giờ sáng, vừa kịp giờ để băng qua thành phố và đón chuyến tàu sáng đến Marseilles, nhưng chưa đến trưa, bạn đồng hành

trẻ tuổi của tôi đã mệt lả, rồi cứ ngủ li bì suốt, hiếm hoi lắm mới thức dậy trong vòng khoảng một giờ rồi lại tiếp tục chìm sâu vào cơn mộng. Nó đã cố chống lại cơn buồn ngủ, nhưng cuối cùng tự an ủi mình rằng dù sao thì nó cũng sẽ có quá nhiều niềm vui rồi, nên có thể bỏ qua một phần cũng vẫn tốt thôi mà. Khi đã xác định được như thế, nó thả mình vào giấc ngủ yên bình.

Ở Marseilles, chúng tôi được nghỉ ngơi và như tôi đã phần nào e ngại, sự thay đổi đã gây nên kích động quá mức so với tình trạng vẫn còn đang yếu của Ernest. Trong vòng vài ngày, nó vẫn còn rất yếu, nhưng về sau đã khá hơn. Riêng tôi, thì luôn thấy bị ốm là một trong những niềm vui lớn nhất đời, nhưng tốt hơn hết là đừng quá yếu và bị bắt phải làm việc lúc đang đau ốm. Tôi còn nhớ một lần mình bị đau trong một khách sạn nước ngoài và tôi đã thích thú nó đến thế nào. Tôi nằm đó mà chẳng cần bận tâm đến bất cứ điều gì, yên tĩnh và ấm áp, chẳng chút vướng víu trong đầu, để lắng nghe tiếng bát đĩa leng keng phía dưới bếp xa xa khi người phụ bếp đang lau chùi và cất đặt chúng, để ngắm nhìn những chiếc bóng thoắt đến thoắt đi khi mặt trời ẩn hiện sau làn mây, để lắng nghe tiếng róc rách êm tai của dòng suối nơi sân vườn, và tiếng nhạc ngựa cũng như tiếng vó lách cách trên đường khi con ngựa vùng lên bởi lũ ruồi tai quái, lúc đó tôi không chỉ là một kẻ được nhàn hạ, mà còn biết rằng nhiệm vụ của mình là phải sống nhàn hạ. ‘Ôi,’ tôi tự nhủ, ‘nếu bây giờ mình có thể, quên hết mọi thứ, và ngã mình ngủ thẳng, thật chẳng có gì đáng mong đợi hơn thế nữa hay sao?’

Tất nhiên là đúng như thế, nhưng dù người ta có cho đi nữa, chúng tôi cũng chẳng muốn bị ốm đâu. Dù có ma quỷ cám dỗ thế nào, chúng tôi cũng sẽ cố chống lại đến cùng chuyện này.

Tôi có thể thấy Ernest cũng có cùng những cảm giác hệt như tôi. Nó nói ít, nhưng chú ý đến tất cả mọi thứ. Có lần nó đã khiến tôi thấy sợ. Nó gọi tôi đến bên nó khi hoàng hôn đang xuống, và nói với tôi bằng một giọng trang nghiêm trầm lặng.

‘Con đã nghĩ,’ nó nói, ‘có lẽ con sẽ chẳng bao giờ lành bệnh đâu, và nếu thật như thế, con muốn bố biết rằng có một, chỉ một điều còn đang đè nặng trong con. Con muốn nói đến,’ nó nói tiếp sau một cái thở dài, ‘cách đối xử mà con đã dành cho cha mẹ. Con đã quá tốt với họ. Con đã rất ý tứ với cha

mẹ,’ nói đến đây, nó chột nở một nụ cười khiến tôi an tâm rằng chẳng có chuyện gì nghiêm trọng với nó cả.

Trên bức tường phòng ngủ của nó có một loạt những ảnh in từ thời Cách mạng Pháp trình bày lại những sự kiện trong cuộc đời của Lycurgus gồm có bức ‘Sự cao cả của linh hồn Lycurgus’, ‘Lycurgus thỉnh thị nhà tiên tri,’ và cả bức ‘Calciope trong sân.’ Dưới loạt tranh này có viết những chữ bằng tiếng Pháp và Tây Ban Nha dịch ra như sau ‘là hình mẫu yêu kiều và xinh đẹp, nàng Calciope cũng có một trí tuệ tuyệt vời không kém, và đã được Lycurgus công chính để mắt đến và gắn bó cùng. Say sưa chìm đắm trong tình yêu, chàng triết gia trẻ tuổi lừng danh đã đánh xe đến điện thờ Juno, và ở đó họ hợp nhất với nhau trong lời thề thiêng liêng. Sau nghi lễ đáng trọng này, Lycurgus vội vàng đưa tân nương của mình đến cung điện của Polydectes, vua Sparta, và cũng là anh trai chàng. ‘Thưa ngài’, Lycurgus nói, ‘Calciope đoán chính vừa nhận lấy lời thề hứa của thần dưới chân bàn thờ, và thần xin ngài phê chuẩn sự kết hợp này’. Lúc đầu nhà vua có vẻ ngạc nhiên, nhưng lòng yêu mến dành cho đứa em trai Lycurgus đã khiến ông rộng lượng đón nhận. Ngay lập tức, ông tiến đến và ân cần hôn Calciope, rồi ân cần với Lycurgus với một vẻ rất mãn nguyện.’

Ernest bảo tôi xem chúng và lúng búng nói điều gì đó như là nó thích cưới Ellen hơn Calciope. Tôi thấy nó đã khá hơn nhiều, và không ngần ngại gợi ý sẽ xuất hành trở lại trong vòng một hai ngày tới.

Tôi sẽ không bắt các bạn thấy mệt mỏi vì phải theo quá sát hành trình này. Chúng tôi đã dừng chân ở Siena, Cortona, Orvieto, Perugia và nhiều thành phố khác, rồi khoảng hai tuần sau khi băng qua Roma và Napoli, chúng tôi đến địa phận Venice và thăm viếng tất cả những đô thị tuyệt vời nằm giữa sườn phía nam dãy Alpes và sườn phía bắc dãy Apennines, rồi cuối cùng dừng chân ở đèo S. Gothard. Tôi không biết liệu Ernest có thích chuyến đi này hơn tôi hay không, nhưng đến lúc chúng tôi phải trở về thì nó đã bình phục đủ để có thể tạm gọi là khá ổn, và chỉ vài tháng sau nó đã chẳng còn thấy chút gì sót lại của những thương tích vốn ăn mòn nó suốt bốn năm qua, dù trên thân xác và tâm hồn nó vẫn còn hằn những vết sẹo không thể xóa mờ.

Người ta nói rằng khi ai đó mất đi một cánh tay hoặc một bàn chân, thì nỗi đau đớn sẽ không chỉ xảy ra ngay lúc vừa mất chúng mà còn mãi theo người đó rất lâu về sau. Và với Ernest, lúc cập bến anh quốc, một nỗi đau mà nó gần như đã quên được bây giờ lại quay về, ý tôi muốn nói đến nỗi buồn nhói của nó về chuyện đã từng ở tù. Bao lâu nó vẫn còn là một anh chủ hiệu nhỏ thì việc từng ở tù chẳng là gì, chẳng ai biết đến chuyện đó, mà nếu có biết đi nữa, người ta cũng chẳng bận tâm, nhưng giờ đây, khi đã trở về vị thế như trước, cũng là lúc quay lại nỗi nhục nhã cũ, và nỗi đau mà nó vốn đã tránh được lúc đầu nhờ dấn thân vào một môi trường quá mới lạ khiến nó gần như không nhận thức được sự khác biệt giữa nó với họ, bây giờ đây lại dấy lên nhức nhối như mới vừa xảy đến hôm qua mà thôi.

Nó nghĩ về quyết tâm cao độ lúc còn ở trong tù là sẽ biến nỗi ô nhục này thành sức mạnh hơn là cố làm người ta lãng quên nó. ‘Đúng là rất tốt khi mọi chuyện vẫn còn xa rời tầm tay của mình,’ nó tự nhủ, ‘nhưng bây giờ đã khác rồi.’ Hơn nữa, ngoài những kẻ hợm người, có ai tự đặt cho mình những mục tiêu cao vợi, hoặc quyết tâm cao độ hay không? Một vài người bạn của Ernest, khi hay biết nó đã bỏ người tưởng chừng là vợ nó và bây giờ đã thoải mái tự do trở lại, thì muốn cùng nó trở lại như trước. Nó rất biết ơn họ và đôi khi cố để đón nhận thành ý của họ một cách nửa vơi, nhưng rồi cũng không được, và chẳng bao lâu sau, nó lại thu mình, vờ như chẳng biết họ. Cái tính thành thật tai quái cứ mãi ám ảnh và khiến nó tự nhủ rằng: ‘Những người này biết nhiều thứ, nhưng chẳng biết cho hết tất cả mọi chuyện, mà nếu biết rồi hẳn họ sẽ bỏ ta, và bởi thế, ta chẳng có lý gì để làm thân với họ cả.’

Nó nghĩ rằng tất cả mọi người ngoại trừ nó đều không *có nỗi sợ và nỗi hổ thẹn nào*. Tất nhiên họ phải là những người vô sự như vậy, bởi nếu không, thì hẳn họ đã phải cảnh báo tất cả mọi người về khiếm khuyết của mình rồi. Đúng, nó không thể làm kiểu đó, và nó không thể chiếm được thân tình bằng sự giả dối sai trái đó được, nên nó từ bỏ khao khát được phục hồi danh giá để rồi lại chìm sâu trong những sở thích cũ là âm nhạc và văn học.

Tất nhiên, từ lâu, nó đã thấy được làm như thế là cực kỳ ngu ngốc, ý tôi là ngu ngốc về mặt lý thuyết, bởi trong thực tế lại cho thấy tác động tốt hơn

nhieu, vì nhờ làm vậy mà nó tránh được những mối quan hệ sẽ khiến nó phải ấp úng trong lời nói và thấy mình là kẻ thất bại. Nó đã làm mọi chuyện theo bản năng chỉ vì một lý do duy nhất, chính là vì việc đó hợp với bản chất của nó nhất. Xét về những gì nó nghĩ, thì chúng hoàn toàn là sai lầm, nhưng những gì nó làm lại đúng đắn. Một lần cách đây không lâu, tôi có nói vài điều tương tự như thế với nó, và cũng bảo rằng nó luôn luôn nhắm đến những điều quá cao xa. ‘Con chưa bao giờ nhắm đến điều gì cả,’ nó trả lời với tia lửa giận trong mắt, ‘và có lẽ bố chắc rằng một khi con có được cơ hội nào đó thì con chỉ nên tìm cho mình một đích nhắm đủ thấp mà thôi.’

Tôi cho rằng xét cho cùng thì chẳng một ai với tâm trí bình thường lại nhắm quá cao so với tâm tính đơn thuần. Tôi đã từng thấy một con ruồi đậu xuống cốc cà phê nóng có lớp sữa mỏng phủ bên trên, lúc chạm đến, nó mới nhận thức được mối nguy hiểm vô cùng này, và tôi chú ý thấy nó dùng những cẳng chân thật mạnh mẽ cộng với một nỗ lực phi thường để đập trên cái bề mặt mỏng manh dễ đánh lừa đó và bám vào bờ rìa cốc, bởi nếu đậu trên mặt sữa thì sẽ không đủ chắc để nó lấy đà bay lên. Khi ngồi ngắm nó, tôi lấy làm thích mà nghĩ rằng hoàn cảnh khó khăn và nguy hiểm tột độ này đã khiến nó tăng cường được sức mạnh cả tinh thần và thân xác, rồi bằng cách nào đó nó sẽ truyền chúng lại cho con cháu sau này. Nhưng chắc chắn rằng nó sẽ không thể tăng cường được sức mạnh tinh thần nếu nó có thể tránh được việc này, mà nếu biết trước, thì nó sẽ chẳng chủ tâm đậu trên mặt cốc cà phê nóng như vậy đâu. Càng nhìn đời tôi càng thấy một điều chắc chắn rằng, chẳng cần phải bận tâm đến động cơ của người ta, bao lâu họ còn làm việc tốt, và cũng như thế lúc họ đã hoàn tất việc xấu của mình rồi. Tôi đã từng nghe một câu chuyện, dù không thể nhớ nổi là ở đâu, kể rằng ở vùng quê nọ từng xảy ra một nạn đói khủng khiếp khiến những người nghèo phải lao đao khốn khổ trăm bề, và thực sự là đã có nhiều người chết vì không có cái ăn, tình trạng khốn đốn bao trùm lên tất cả. Tuy nhiên, trong một làng kia, có một bà góa nghèo đang phải nuôi những đứa con dại, và dù rõ ràng là thiếu kế sinh nhai, nhưng bà vẫn chăm chút cho chúng được ăn đủ no và thoải mái, về phần mình, chúng cũng lo lắng cho bà như vậy.

Tất cả mọi người đều hỏi nhau: ‘làm sao mà họ sống được nhỉ?’ rõ ràng gia đình này có một bí mật, và chắc chắn đó chẳng phải là chuyện tốt đẹp gì, bởi trên gương mặt bà mẹ luôn có vẻ hốt hoảng như đang bị săn đuổi bất cứ lúc nào có ai nói lời gì bóng gió đến việc bà và các con vẫn sống tốt trong khi mọi người đều thiếu đói, hơn nữa, gia đình này đôi khi bị người ta bắt gặp đang lang thang ngoài đường vào những giờ bất thường ban đêm, và rõ ràng là họ đang ôm thứ gì trên tay đem về nhà, thật khó khiến người ta tin được đó là một việc lương thiện. Gia đình này biết mình đang bị tình nghi, trong khi từ trước đến nay họ luôn được tiếng là tốt trong vùng, và họ rất buồn vì điều đó, bởi họ tin rằng những gì mình đang làm nếu không phải là cực kỳ xấu xa, thì cũng là việc lén lút, dù thế họ vẫn sống tốt, và trụ vững trong khi tất cả mọi người chung quanh đều rơi vào cảnh kiệt quệ.

Sau một thời gian, sự việc đến mức đỉnh điểm và vị mục sư của làng đã chất vấn người đàn bà tội nghiệp quá gặt gao đến nỗi bà ta phải thú nhận, trong giàn giụa nước mắt và đau đớn vì mất phẩm giá, rằng: bà và con bà đã đến các bờ rào và lượm ốc sên về để luộc mà ăn, chẳng lẽ bà còn cách nào khác nữa để sống đây? Liệu có còn chút hy vọng cứu rỗi nào dành cho bà trong đời này và cả đời sau nữa, khi đã làm một việc ghê tởm như thế hay không?

Tôi lại được nghe một câu chuyện khác kể về một nữ bá tước góa chồng, và toàn bộ tài sản của bà đều đang gửi vào Công trái chính phủ. Với một đàn con đông đúc, và lòng đầy lo lắng làm cách nào để cho những đứa con thứ có được những khởi đầu thuận lợi, bà cần một khoản thu nhập lớn hơn những gì đang đầu tư vào Công trái. Nên bà đến gặp luật sư của mình và được khuyên là nên bán Công trái đi rồi đầu tư vào chứng khoán của London and North-Western với giá tám mươi lăm trên một trăm. Đối với bà bá tước, việc này cũng giống như việc ăn sên đất với bà góa nghèo tôi vừa kể trên vậy. Bà đã làm theo lời ông luật sư với cảm giác hổ thẹn và đau đớn, hệt như vừa làm một việc bẩn thỉu xong vậy, nhưng dù gì bà vẫn phải cho các con mình có được những khởi đầu tốt đẹp. Rồi suốt một thời gian dài, bà không thể chợp mắt vào ban đêm, và cứ bị ám ảnh bởi những linh cảm chẳng lành. Nhưng rồi chuyện gì xảy ra? Bà đã cho các con mình có cái để khởi

nghiệp, và trong vòng vài năm mua bán, số tài sản của bà đã tăng gấp đôi, rồi bà bán hết mà gửi lại vào Công trái chính phủ, sau đó chết sung sướng với khối tiền trong tay.

Thực sự, bà đã nghĩ rằng việc mình đang làm là sai trái và nguy hiểm, nhưng hoàn toàn chẳng có chút gì như vậy cả. Giả sử bà đầu tư với sự tin tưởng tuyệt đối vào lời khuyên tệ hại của một vài nhà băng nổi tiếng ở London, rồi mất hết toàn bộ số tiền, và lại giả sử rằng bà đã làm việc này một cách nhẹ nhàng và chẳng thấy chút tội lỗi nào, thì liệu một động cơ hoàn hảo và một mục đích vô tội như thế có đem lại được cho bà điều gì tốt đẹp hay không? Câu trả lời là không.

Còn bây giờ hãy trở lại với câu chuyện của chúng ta đã. Towneley là người khiến Ernest phải bận lòng nhất. Như tôi đã nói, anh biết rằng Ernest sẽ có được cả một gia tài, nhưng tất nhiên, Ernest chẳng hay là anh biết chuyện đó. Về phần Towneley, anh rất giàu và cũng đã có gia đình rồi, còn Ernest sẽ sớm giàu ngay thôi, và cũng thực sự có ý muốn, và chắc chắn không chóng thì chầy cũng sớm lập gia đình thôi. Towneley đúng là một người đáng để gắn bó, và có một hôm khi anh ấy gặp Ernest trên đường, nó cố để tránh mặt, còn anh thì không, và với bản tính nhạy bén anh ấy hiểu được ngay Ernest đang nghĩ gì, nên chặn nó lại, nói chuyện tử tế, bắt được thóp của nó, vui vẻ khiến nó phải bộc lộ ra hết suy nghĩ của mình, và nói rằng anh chẳng có kiểu gốc như nó đâu.

Từ lâu đến giờ, Towneley vốn là thần tượng của Ernest, và nó, vốn rất dễ cảm động, lại càng biết ơn và nồng ấm với anh ta hơn bao giờ hết, nhưng vẫn có một điều gì đó mà nó không xác định được, mạnh hơn cả Towneley, đã khiến nó quyết tâm dứt khoát cắt đứt với anh hơn với bất kỳ người nào khác. Nó cảm ơn anh với một giọng trầm vội vã, tay thì nắm chặt lại, hai dòng nước mắt cứ lăn trên má dù nó đã cố kìm nén. ‘Nếu chúng ta gặp lại nhau lần nữa,’ nó nói, ‘đừng nhìn tôi, nhưng lỡ may về sau, anh có nghe biết tôi viết điều gì đó mà anh không thích, thì xin hãy nghĩ về tôi độ lượng nhất có thể,’ rồi cả hai ai đi đường nấy.

‘Towneley là một người bạn tốt,’ tôi đau lòng nói, ‘và con không nên tuyệt giao với anh ta.’

‘Towneley,’ nó trả lời, ‘không những là một người tốt, mà còn là người tốt nhất con từng thấy trong đời, ngoại trừ,’ nó dành cho tôi một lời ca tụng, ‘...bố. Nơi Towneley là hình mẫu cho tất cả những gì mà con mong sẽ đạt được, nhưng giữa chúng con không tồn tại một mối thân tình nào cả. Con luôn sợ anh ấy sẽ không còn đánh giá tốt về con khi nghe con nói ra những gì không vừa lòng, và con biết là con sẽ nói ra rất nhiều điều,’ nó nói ra với giọng vui vẻ,

‘Mà Towneley sẽ chẳng thích đâu.’ một con người, như tôi đã nói, có thể bỏ cả cha mẹ vì Chúa Kitô nói chung là khá dễ dàng, nhưng lại thấy không quá dễ để từ bỏ những người như Towneley.



Bởi cách hành xử như thế, nên Ernest trở nên xa cách với tất cả những đồng bạn cũ, ngoại trừ với tôi và ba bốn người bạn thân thiết của tôi, những người đối xử với nó cùng cách nó xử lại với họ, và họ cũng giống tôi ở điểm là thích thú được làm bạn với một tâm hồn tươi trẻ như nó. Ernest lo việc kiểm kê sổ sách cho tôi bất kỳ nào nó chẳng có việc gì để làm, nhưng hiếm khi như vậy, phần lớn thời gian nó dùng để viết những tập ghi chú và lấp đầy tập bản thảo của mình bằng những bài luận nháp. Bất kỳ ai đã từng theo nghiệp viết lách, chỉ cần nhìn thoáng qua cũng có thể thấy được rằng nó có thiên hướng văn học, và tôi rất vui khi thấy nó tập trung vào việc đó một cách quá đổi tự nhiên như vậy. Tuy nhiên, tôi không mấy hài lòng khi nó vẫn hạn chế mình trong chỉ một chủ đề, mà lại là loại nghiêm túc nhất, hoặc tôi có thể gọi là nghiêm trọng nhất cũng được, giống hệt như trong âm nhạc nó cũng chỉ nghe mỗi một thể loại nghiêm túc nhất vậy. Một ngày nọ, tôi đã bảo nó rằng cái phần thưởng ít ỏi mà Thiên Chúa đã gán cho việc mưu cầu những vấn đề nghiêm trọng chính là bằng chứng đủ rõ ràng chứng tỏ rằng Ngài không tán thành nó, hay dù gì đi nữa, Ngài không quan tâm nhiều và cũng không muốn khuyến khích việc đó.

Nó nói lại thế này: ‘Ôi thôi, đừng có nói về phần thưởng. Cứ nhìn vào milton đó, ông ấy chỉ nhận được có năm bảng cho quyển ‘Thiên Đường đã mất’.’

‘Và vậy là quá nhiều rồi,’ tôi đáp lại ngay. ‘Bố sẽ trả gấp đôi để ông ấy đừng viết gì hết.’

Ernest hơi chấn động một chút. ‘Dù gì thì,’ nó cười mà nói, ‘con cũng chẳng viết thơ đâu.’

Điều này khiến tôi hơi hụt hẫng, bởi những kịch giễu của tôi, tất nhiên được viết dưới dạng văn vần điệu. Nên tôi cho qua chuyện này.

Một lúc sau, nó lại bắt đầu đem ra nghĩ chuyện nó nhận mỗi năm ba trăm bảng chỉ để, theo như lời nó là, hoàn toàn chẳng làm gì cả, rồi nó bảo là nó sẽ tìm một việc gì đó đủ để sống.

Tôi bật cười vì chuyện này nhưng vẫn để nó tự giải quyết. Nó đã vô cùng nỗ lực đi tìm việc suốt một thời gian dài, nhưng kết quả, chẳng cần tôi phải nói, chỉ là công cốc. Càng nhiều tuổi, tôi càng tin chắc rằng người ta thật nhẹ dạ và ngốc nghếch, nhưng đồng thời tôi cũng thấy càng khó hơn nữa khi muốn bắt người ta phải chấp nhận sự ngốc nghếch và nhẹ dạ của mình.

Nó cứ đem hết bài này đến bài khác, tìm đủ chủ bút này đến chủ bút kia. Có vài lần, người chủ bút chịu lắng nghe và bảo nó để các bài viết lại đó, nhưng cuối cùng nó gần luôn nhận được một lá thư ngăn lịch sự báo rằng những bài viết của nó không phù hợp với tờ báo của họ. Nhưng rất nhiều bài báo trong số này lại được nằm trong những tác phẩm về sau của nó, và chẳng ai chê trách gì được chúng, ít nhất là về giá trị văn học. ‘Con thấy,’ một ngày nọ, nó nói với tôi, ‘người ta đặt ra những yêu cầu quá cao, và phải oằn lưng mới đáp ứng nổi.’

Thực sự có một lần, chủ bút của một tờ nguyệt san có tiếng đã nhận những bài viết của nó, và nó nghĩ là bây giờ nó đã được đặt chân vào thế giới văn chương. Bài viết đó hẳn phải được in ngay trong số tới, và nhà in thế nào cũng sẽ gửi bản in thử đến cho nó trong vòng mười ngày hoặc hai tuần, nhưng nó cứ chờ hết tuần này đến tuần khác mà chẳng thấy ai gọi gì đến cả, và rồi tháng này qua tháng nọ, bài báo của nó vẫn chưa được lên khuôn, sau tận sáu tháng sau, một sáng nọ, chủ bút mới bảo rằng ông đã duyệt hết những bài cho mười tháng tới, và chắc chắn sẽ có bài của Ernest. Ông còn nhấn mạnh là sẽ gửi tờ tạp chí này đến cho nó.

Có đôi lần những bài của nó cũng được đăng báo, nhưng đã bị người chủ bút sửa lại theo ý thích của mình, thêm vào những câu nói đùa nếu thấy buồn cười, hoặc bỏ đi đúng cái đoạn mà Ernest xem là điểm nhấn của toàn bài. Và dù bài đã đăng, nhưng trả tiền nhuận bút lại là một chuyện khác, mà từ trước đến giờ nó chưa từng nhận được đồng nào. ‘Các chủ bút,’ nó nói

với tôi, vào khoảng thời gian chán nản này, ‘hệt như những con buôn được viết trong sách Khải huyền vậy, chẳng một ai lại không in dấu của ác thú trên mình.’

Cuối cùng sau vài tháng thất vọng và nhiều giờ chán ngắt lãng phí thời gian nơi phòng chờ (mà với tôi tất cả mọi phòng chờ chủ bút đều là thứ chán nản nhất), nó nhận được một lời mời thực sự từ một trong những tờ nhật báo cao cấp nhất, và cũng là nhờ tôi kiếm được lời giới thiệu của một người có ảnh hưởng lớn với tờ báo đó. Chủ bút gửi cho nó cả chục quyển sách dài về rất nhiều chủ đề khó, bảo nó viết lại chúng thành một bài trong vòng một tuần lễ. Một trong những quyển này có bài xã luận viết về những gì số mệnh người cầm bút phải nhận. Ernest đặc biệt ái mộ quyển sách mà người ta muốn nó phê phán, và thấy mình hoàn toàn không thể công tâm với những quyển sách mà người ta đã giao, nên nó đã gửi hết chúng lại cho chủ bút.

Cuối cùng, cũng có một tờ báo đã nhận hơn mười bài viết của nó, và trả hai đồng guinea cho mỗi bài, nhưng chỉ thanh toán hết toàn bộ trong vòng hai tuần lễ sau khi bài cuối cùng đã đăng xong. Rõ ràng việc này cho thấy có vẻ như các chủ bút khác đều biết cách kiếm lời hơn thế khi nhận bài từ đứa con đờ đờ tội nghiệp của tôi.

Tôi không tiếc khi thấy Ernest thất bại với thể loại văn chương báo chí đó, bởi viết bài phê bình hay tin tức sẽ chỉ làm mòn đi ngòi bút của những người vốn khao khát viết nên những tác phẩm về những gì trường tồn hơn. Một ngòi bút trẻ nên dành nhiều thời gian để suy tư hơn là làm người cộng tác cho một nhật báo hay thậm chí là tuần báo. Tuy thế, Ernest quá chán nản khi thấy mình chẳng có mấy giá trị với người ta. ‘Tại sao,’ nó nói với tôi, ‘Nếu con là một con ngựa nòi, một con cừu giống, một con chim câu thuần chủng hay một con thỏ tai dài, thì có lẽ con sẽ dễ được người ta chọn mua hơn. Nếu thậm chí con là một nhà thờ lớn ở một thành phố thuộc địa người ta cũng sẽ cho con thứ gì đó, nhưng như thế này đây, chẳng ai cần đến con cả.’ Bây giờ, khi đã khỏe lại và được nghỉ ngơi một thời gian rồi, nó muốn mở cửa hàng trở lại, nhưng tất nhiên là tôi không bao giờ đồng ý.

‘Con không thèm,’ một ngày nọ, nó nói thẳng với tôi ‘quan tâm đến cái mà người ta gọi là một quý ông.’ Và nó nói với một giọng rất giận dữ.

‘Ngoại trừ việc khiến con mất đi dần khả năng kiếm ăn và càng dễ bị hao mòn hơn, thì làm một quý ông có thêm gì cho con chẳng? Nó vẫn là một thứ lừa bịp con, chỉ khác kiểu mà thôi, chỉ có vậy. Nếu bố không tốt với con, thì con đã chẳng còn đồng nào nữa rồi. Cám ơn Chúa vì con đã để con cái con được ở đúng chỗ của chúng rồi.’

Tôi nài nó ở yên thêm một thời gian ngắn nữa thôi và đừng nhắc đến chuyện mở cửa hàng làm gì.

‘Chẳng lẽ làm một quý ông,’ nó nói, ‘cuối cùng sẽ cho con tiền ư, mà có điều gì có thể cho con được yên tâm hơn là có tiền đây? Người ta cứ nói rằng những người giàu khó vào được Thiên Đàng. Thế thật ư, họ vẫn vào đó, họ giống như những người Struldbugs vậy, họ sống và sống và cứ sống mãi thật hạnh phúc trong nhiều năm dài nữa, chứ nếu họ nghèo thì họ đã phải vào Thiên Đàng sớm và mất đi khoảng thời gian hạnh phúc của mình rồi. Nếu con thấy con cái của con đáng phải được lớn lên một cách hạnh phúc hơn, thì con muốn được sống lâu và nuôi dạy chúng sao cho xứng đáng, đó là tất cả những gì con muốn, và con sẽ chẳng bao giờ làm được vậy nếu cứ ở không như thế này. Sống kiểu một quý ông là thứ quá xa hoa mà con không đủ tiền để tiếp tục, bởi vậy con mới không muốn sống như thế. Hãy để con về mở lại cửa hàng, và làm những gì người ta đặt rồi nhận tiền công họ trả cho con. Những người đó biết rõ mình muốn gì và biết điều gì tốt cho mình hơn những gì con có thể chỉ dạy cho họ.’

Nó nói thật hợp lý khiến tôi không thể bác bỏ, và nếu như thực sự nó chỉ sống nhờ mỗi ba trăm bảng hằng năm từ tôi thì đúng là tôi nên khuyên nó mở lại cửa hàng ngay, nhưng chuyện đâu phải chỉ đơn giản như vậy. Bởi thế, tôi cứ kiếm cơ này cơ kia để trì hoãn, và hết lần này đến lần khác phải cố hết sức để xoa dịu nó.

Mỗi khi Darwin ra quyển nào mới là Ernest mua ngay, và nó xem thuyết tiến hóa của ông như một vấn đề đức tin vậy. Nó từng bảo tôi rằng, ‘Con thấy dường như mình giống những con sâu bướm vậy, mỗi lần bị gián đoạn lúc làm kén thì đều phải bắt đầu lại từ đầu. Chỉ cần trở lại địa vị thấp trong xã hội là con lại ổn, và lại kiếm ra tiền, chỉ khác là không có Ellen mà thôi, còn khi con cố để làm điều gì đó với một vị thế xã hội cao hơn thì con đều

thất bại hoàn toàn.’ Tôi không biết khi so sánh cuộc đời của nó như vậy có đúng không nữa, nhưng tôi chắc rằng bản năng của Ernest đã đúng khi mách bảo nó một khi đã hứng chịu thất bại nặng nề thì tốt hơn hết nên bắt đầu lại cuộc đời từ một vị thế rất thấp, và như tôi đã nói, nếu như không có những dự tính từ lâu về tiền đồ của nó, thì hẳn tôi đã cho nó về mở lại cửa hàng mất rồi.

Khi thời hạn được cô Alethea của nó ấn định đã đến gần, tôi càng chuẩn bị nhiều hơn cho nó để đón tiền đồ đang tới. Và cuối cùng, vào ngày sinh nhật thứ hai mươi tám của nó, tôi đã có thể kể cho nó nghe mọi chuyện và cho nó xem lá thư Alethea viết trong giờ hấp hối giao cho tôi giữ toàn bộ số tiền hộ nó. Ngày sinh nhật của nó trùng vào ngày Chủ nhật, nên ngay ngày hôm sau tôi chuyển giao toàn bộ cổ phiếu sang tên nó, và cũng giao luôn sổ sách tài khoản mà nó vốn quản lý suốt một năm rưỡi nay.

Dù đã được tôi chuẩn bị suốt thời gian qua, nhưng cũng phải mất một lúc lâu, tôi mới có thể khiến Ernest tin thật rằng toàn bộ gia tài đó là của nó. Nó không nói gì nhiều, cả tôi cũng vậy, bởi có lẽ tôi xúc động nhiều khi đã giữ vai trò ủy thác lâu dài này và đưa chúng đến được cái kết hoàn hảo là cho Ernest khám phá ra rằng mình vừa nắm giữ một số tiền lên đến hơn bảy mươi ngàn bảng. Rồi nó cũng nói được thành lời, lúng búng một hai câu. ‘Nếu con có thể dùng thời khắc này để viết nhạc, thì thật quá dễ dàng để xử lý với quảng sáu tăng.’ Tôi nhớ là chỉ một lát sau, nó vừa cười vừa nói những lời nghe rất giống với cô Alethea của nó. ‘Con thấy thật thích thú không phải vì chuyện này quá tốt đẹp với con, mà là vì đó sẽ là nỗi đau cho tất cả những bạn bè của con, ngoại trừ bố và Towneley.’

Tôi bảo nó, ‘Con không thể nói chuyện này với cha mẹ con được, nó sẽ khiến họ phát điên lên mất.’

‘Không, không, không được thế,’ nó nói, ‘như thế là quá ác độc, làm thế sẽ như Issac đem thiêu sống Abraham cha mình thật luôn vậy. Hơn nữa, có lẽ gì để con làm thế? Cha mẹ và con đã đoạn tuyệt giao tình với nhau từ bốn năm trước rồi mà.’



Dường như những lời vô tình chúng tôi nói về Theobald và Christina có thiêng hay sao mà đột nhiên sau nhiều năm yên ắng họ lại xuất hiện. Suốt nhiều năm trôi qua kể từ lần cuối cùng tôi nhắc đến, họ vẫn ở Battersby và tập trung chăm lo cho những đứa con còn lại của mình.

Theobald thấy thật cay đắng khi không còn được gây họa cho đứa con đầu của anh nữa, nếu như anh biết được sự việc vừa mới diễn ra này, thì thế nào anh cũng sẽ thấy đau đớn hơn bất kỳ nỗi ô nhục nào đã phải chịu lúc con anh bị bỏ tù. Anh đã một hai lần cố gắng để qua tôi mà mở lại trao đổi với Ernest, nhưng chẳng bao giờ kể cho nó những chuyện này, bởi tôi biết chúng sẽ khiến nó thấy buồn nhiều. Dù vậy, tôi vẫn viết thư lại cho Theobald nói rằng tôi thấy con trai anh vẫn không động lòng, và khuyên anh lúc này dù gì cũng đừng nhắc lại vấn đề này nữa. Tôi nghĩ làm như thế là điều khiến Ernest thích nhất và Theobald ghét nhất.

Tuy nhiên, một vài ngày sau khi Ernest đã đặt tay vào khối gia tài của nó, tôi nhận được một lá thư từ Theobald kèm với một lá nữa gửi cho Ernest mà tôi không thể từ chối được. Lá thư viết như sau,

‘Gửi đến con trai Ernest của ta,

Dù cho đã hơn một lần con từ chối nói chuyện với ta, nhưng nghĩ đến phần bản chất tốt trong con, ta vẫn muốn cố gắng thử thêm lần nữa. Mẹ của con, lâu nay ốm đau và ta tin là đã đi gần hết cuộc đời rồi, bà không thể tiêu hóa được gì, bác sỹ Martin bảo rằng vẫn có hy vọng bình phục nhưng rất ít. Ta thấy rằng mẹ con rất mong được gặp mặt con, và bà cũng biết là con sẽ không từ chối đến thăm bà. Với tình trạng của mẹ con hiện nay, ta không nghĩ rằng con sẽ thoái thác chuyện này.

Ta gửi kèm cho con một phiếu Bưu điện để đi tàu lửa, và cũng sẽ thanh toán chặng về cho con.

Nếu con muốn có áo quần đang hoang, cứ đặt may những gì con thấy cần thiết, và hóa đơn thanh toán cứ gửi về đây, nếu không quá tám hay chín bảng, ta sẽ thanh toán chúng ngay cho con, và nếu con cho ta biết giờ đến của đoàn tàu, ta sẽ đưa xe ngựa ra đón con.

*Hãy tin tưởng ở ta, Người cha yêu quý của con,
T.PONTIFEX.'*

Tất nhiên, Ernest không thể chần chừ khi nghe tin này. Bây giờ nó có thể tức cười khi thấy cha nó muốn trả tiền may áo quần cho nó, và gửi cho nó một chiếc vé Bưu điện hạng hai, nhưng tất nhiên nó rất sốc khi nghe tin về bệnh tình của mẹ nó, và cảm động vì cô khao khát muốn gặp mặt nó. Nó đã điện báo cho cha là sẽ về ngay lập tức. Trước lúc nó đi, tôi có gặp được nó một lát, và rất hài lòng khi thấy áo quần của nó được may quá khéo. Đến ngay cả Towneley cũng chẳng thể ăn vận hợp hơn thế đâu. Chiếc va ly, bộ áo choàng đi đường, tất cả mọi thứ nó mang trên mình đều thật ăn khớp với nhau. Tôi nghĩ là nó đã đẹp trai hơn nhiều so với thời hai mươi hai hay hai mươi ba tuổi. Một năm rưỡi sống trong yên bình thư thái đã xóa sạch tất cả mọi dấu vết bệnh tật mà nó từng phải chịu, và giờ đây khi đã thực sự giàu có, sự vô ưu và tâm trạng thoải mái đang hiện rõ trên gương mặt nó cho người ta cảm giác mọi thứ đều tuyệt vời với nó, và chỉ cần như thế đã đủ để khiến cho bất kỳ ai cũng sẽ thấy nó đẹp hơn nhiều rồi. Tôi rất tự hào và vui mừng vì nó. ‘mình chắc rằng,’ tôi tự nhủ, ‘dù nó có làm gì, cũng sẽ chẳng bao giờ kết hôn lần nữa đâu.’

Chuyến đi này thực sự khiến nó đau lòng. Khi đã đến gần ga nhà và trông thấy từng thứ quen thuộc, những mối liên hệ lại sống dậy quá mạnh mẽ trong lòng nó như thể gia tài nó vừa thừa kế từ cô nó chỉ là một giấc mơ, còn hiện thực là nó đang từ Cambridge trở về nhà cha mẹ để nghỉ hè. Và như thế, nỗi nhớ nhà xưa cũ lại đè nặng trong nó, tim nó đập mạnh khi nghĩ đến việc gặp cha mẹ, ‘và mình sẽ phải,’ nó ớn lạnh tự nhủ, ‘hôn Charlotte nữa.’ Liệu cha có đến đón nó ở nhà ga hay không? Liệu ông sẽ chào đón nó như thể chưa có gì xảy ra, hay ông sẽ lạnh lùng và xa cách với nó? Và một lần

nữa, liệu ông sẽ đón nhận vận may của con trai mình như thế nào? Khi chuyển tàu vừa cập đến bãi chờ, Ernest đảo mắt nhìn một vài người đang đứng trên sân ga. Nó chẳng thấy cái dáng quen thuộc của cha, nhưng phía bên kia hàng rào ngăn bãi chờ với sân ga là cỗ xe độc mã mà theo nó thì trông khá tồi tàn, và trên xe là người xà ích của cha nó. Chỉ vài phút sau, cỗ xe ngựa chở nó đã thẳng hướng về Battersby. Nó chẳng thể ngăn được nụ cười khi thấy người xà ích trông rất ngạc nhiên lúc thấy vẻ bề ngoài của nó đã đổi khác quá nhiều. Ông ấy còn ngạc nhiên hơn, bởi lần cuối cùng nó về đây trong bộ đồ giáo sỹ, còn bây giờ, không những nó ăn vận như giáo dân bình thường, mà còn có vẻ là một người cực kỳ dư dật nữa. Ernest đã thay đổi quá nhiều khiến người xà ích chẳng thể nhận ra, cho đến tận khi nó cất tiếng gọi ông.

‘Cha mẹ tôi thế nào?’ nó vội vã hỏi dồn ngay khi vừa bước chân lên xe. ‘Thưa cậu, ông rất khỏe, nhưng bà rất buồn,’ người xà ích đáp lời nó. Con ngựa biết là nó đang trên đường về nhà nên hăng hái kéo căng dây cương, phi thật nhanh. Tiết trời hôm đó lạnh căm căm, đúng kiểu không khí một ngày tháng mười một, trên đường có vài vũng nước vừa khô, rồi cỗ xe ngựa băng qua một vài người cười ngựa đi kèm đám chó, bởi sáng hôm đó có phường săn tụ tập nhau tại một nơi gần Battersby. Ernest gặp thấy một vài người quen cũ, nhưng họ đều gần như không nhận ra nó, và cũng chẳng hay biết về vận may của nó. Khi đã gần đến tháp chuông nhà thờ Battersby, và Ernest cũng đã nhìn thấy nhà mục sư hiện ra trên đỉnh đồi với những ống khói vươn mình lên trên đám cây trụi lá, nó rúc sâu vào trong cỗ xe và lấy hai tay ôm mặt.

Rồi điều gì đến cũng phải đến, cái thời khắc khó khăn nhất lúc Ernest đứng trước thềm nhà. Cha nó, nghe tiếng xe ngựa về, đã ra tận bậc cửa đón nó. Cũng hết như người xà ích, ngay từ cái nhìn đầu tiên, anh đã thấy Ernest ăn vận như một người dư dật tiền bạc, và như thế trông nó thật hào sảng cả về sức khỏe lẫn khí lực.

Đây không phải là điều anh mong đợi. Anh muốn Ernest trở về, nhưng là phải trở về như một đứa con hoang đàng đúng kiểu, nghĩa là khốn khổ, thương tâm, xin sự tha thứ từ người cha ân cần nhất và cũng đã phải chịu

đau khổ nhất thế gian này. Nếu nó có mang giày, vớ và áo quần đầy đủ, thì chúng cũng phải rách nát tả tơi và như thế nó mới được anh độ lượng bỏ quá cho, trong khi đó nó lại đang vênh vang trong chiếc áo choàng xám cùng cà vạt xanh trắng, mà thậm chí ngay cả anh cũng chưa bao giờ được ăn vận đẹp đến thế trong đời. Thật là vô luân. Anh đã đủ rộng rãi cho Ernest áo quần chỉnh tề mà về nhà thăm mẹ trên giường bệnh, để rồi nó làm đến mức này sao? Còn có kiểu lợi dụng bản thủ nào hơn thế này nữa. Được thôi, anh sẽ không trả thêm một xu nào ngoài tám hay chín xu mà anh đã hứa. Thật may khi anh đã ra một giới hạn cho khoản này. Mà tại sao, anh, Theobald này, suốt cả đời lại chưa bao giờ mua nổi một cái vali như thế này. Anh vẫn đang phải dùng cái vali cũ mà cha anh cho lúc nhập trường Cambridge. Nhưng, không chỉ chiếc vali, mà anh cũng cảm nhận thế về áo quần Ernest nữa.

Ernest thấy được cha mình đang nghĩ gì, và giờ mới nhận ra là đáng ra nó nên chuẩn bị sẵn tâm lý cho những việc như thế này, nhưng ngay khi nhận được thư, nó đã tức tốc điện báo, và quá gấp rút để về nhà đến nỗi thật khó để nó bận tâm đến chuyện này. Nó chìa tay ra và vui vẻ nói, ‘Ôi, tất cả những thứ này đã được thanh toán rồi, con e là bố chưa biết rằng ông Overton đã giao lại cho con toàn bộ tài sản của cô Alethea.’

Theobald đỏ bừng mặt khi nghe như thế. ‘Nhưng tại sao,’ anh nói, và đây là những lời đầu tiên anh thốt ra với Ernest, ‘nếu đó không phải là tiền của ông ấy, thì sao lại không giao cho ta và bác John giữ cơ chứ?’ anh có vẻ lúng túng và lấp bắp, nhưng cũng nói được thành lời.

‘Cha yêu quý của con, bởi vì,’ Ernest vẫn nói với giọng vui vẻ, ‘cô Alethea ủy thác cho ông ấy giữ chúng cho con, chứ không phải cho bố hay bác John, và bây giờ số đó đã tích lũy lên đến hơn bảy mươi ngàn bảng. Nhưng giờ bố hãy cho con biết tình hình mẹ ra sao rồi?’

‘Không, Ernest,’ Theobald nóng nảy nói, ‘không thể gác vấn đề lại đây được, ta buộc phải được biết rõ hết toàn bộ chuyện này.’

Câu nói này làm lộ ra bản chất thực của Theobald và đánh động Ernest ngay lập tức. Cảnh vật Battersby này vẫn như cũ, nhưng bên trong lòng người thì đã biến đổi khủng khiếp đến mức chẳng thể nhận ra. Ernest buột miệng buông vài lời gay gắt về phía cha mình. Tôi sẽ không viết lại những

lời này, bởi chúng tuôn ra trước khi nó kịp suy nghĩ, và có lẽ chúng sẽ khiến các bạn thấy khó chịu. Nó không nói nhiều, nhưng vài tiếng thôi cũng đã khiến đổi thay nhiều thứ. Theobald không đáp lại lời nào, nhưng mặt anh tái xám lại, anh sẽ không bao giờ nói với con trai mình theo cách đó nữa để khỏi phải nhận thêm những lời mà nó vừa buông ra. Ernest nhanh chóng lấy lại bình tĩnh và hỏi thăm về mẹ mình. Theobald đủ cởi mở để bắt đầu lại cuộc trao đổi này, và ngay lập tức, với một giọng mà anh vốn thường dùng với những ai cần phải lấy lòng, anh kể rằng dù anh đã cố hết sức, Christina vẫn suy sụp nhanh chóng, và kết rằng cô đã là niềm vui và mỏ neo cho cuộc đời anh trong suốt hơn ba mươi năm, nhưng e là sẽ chẳng thêm được bao lâu nữa.

Hai người vào nhà và đến phòng của Christina, nơi Ernest đã được sinh ra. Theobald vào trước để chuẩn bị tâm lý cho mẹ nó. Và khi Ernest bước vào, cô ngồi dậy ôm lấy nó mà khóc, ‘Ôi, mẹ biết là con sẽ về, mẹ biết, mẹ biết là con sẽ về mà.’ Ernest quá xúc động không kìm nén được và khóc tràn như chưa từng được khóc vậy.

‘Ôi, con tôi, con tôi,’ cô nói liền một mạch ngay khi lấy lại được giọng. ‘Trong suốt những năm qua có lúc nào con ghé về nhìn chúng ta hay không? Con không biết là cả cha và mẹ thương con và xót cho con đến mức nào đâu. Con biết là cha con ít bộc lộ tình cảm ra ngoài, nhưng sẽ chẳng bao giờ mẹ nói được cho hết tình cảm vô cùng, cực kỳ sâu đậm mà cha dành cho con. Có nhiều đêm mẹ tưởng như nghe thấy tiếng bước chân ngoài vườn và lặng lẽ bước dậy để cha con khỏi thức giấc, rồi đến bên cửa sổ mà nhìn ra, nhưng chẳng thấy được gì ngoài đêm đen hoặc buổi ban mai mờ xám, và mẹ lại phải lên giường mà khóc thầm. Đến bây giờ, mẹ vẫn nghĩ là con có về dù con quá kiêu hãnh để cho chúng ta biết là con đã làm như thế, và giờ đây, cuối cùng mẹ cũng được ôm con trong tay một lần nữa, ôi con trai yêu dấu, vô cùng yêu dấu của mẹ.’

Ernest cảm thấy mình thật đã vô cảm đến tàn nhẫn và bỉ ổi quá độ.

‘Mẹ,’ nó nói, ‘xin tha thứ cho con, lỗi là ở con, đáng ra con không nên quá khắc nghiệt như vậy. Con đã sai, vô cùng sai lầm’ với đôi mắt đỏ au vì nước mắt, nó thực tâm muốn nói như vậy, và lòng nó thấy thương mẹ hơn

bao giờ hết. ‘Nhưng,’ Christina nói tiếp, ‘con có về thăm nhà khi trời tối mà chúng ta không biết hay không, ôi con, hãy để mẹ nghĩ rằng con không đến nỗi vô cảm như những gì chúng ta từng nghĩ về con. Hãy nói là con có về đi, để cho mẹ được nhẹ lòng vui sướng hơn.’

Ernest nói ngay, ‘Con không có tiền để về, mãi cho đến tận gần đây mới có.’

Lời biện bạch này Christina có thể hiểu và thông cảm được, ‘Ôi, vậy là nếu có thể thì con đã về phải không, với mẹ vậy là được rồi, và giờ đây mẹ lại được có con bình yên về bên mẹ, hãy nói với mẹ rằng con sẽ không bao giờ, không bao giờ rời xa mẹ nữa, cho đến tận khi, tận lúc..., ôi, con trai, có phải người ta bảo con là mẹ đang bệnh gần chết, có phải không?’ Cô khóc nức lên đau đớn, và vùi mặt vào gối.



Joey và Charlotte cũng đang ở trong phòng. Joey giờ đã được phong chức và đang làm phụ tá cho Theobald. Hai

Janh em nó chưa bao giờ hợp nhau, và Ernest mới thoáng qua cũng đã thấy chẳng thể có chút cơ may nào để tái lập tình thân thiết giữa chúng. Nó có đôi chút giật mình khi thấy Joey mặc đồ giáo sỹ, và trông hết như nó vài năm về trước, bởi cùng một nhà nên cả hai khá giống nhau về ngoại hình, nhưng gương mặt của Joey lạnh lẽo và rõ ràng là chẳng có những dấu ấn của một kẻ tự do tự tại, nó đã là một giáo sỹ và sẽ sống hết như những giáo sỹ khác không hơn không kém. Nó chào đón Ernest với bộ điệu khá khinh khỉnh, có thể nói là nó đang cố làm như vậy, nhưng rồi thấy chẳng được gì, nó cũng bớt dần đi.

Charlotte chia má ra cho Ernest hôn. Nó ghét phải làm vậy vô cùng, nghĩ lại cái hôn đó mà nó thấy ghê người suốt cả ba tiếng đồng hồ. Em gái nó cũng một kiểu xa cách và có vẻ trách móc với nó, như thể là một người bề trên của nó vậy. Bao lâu chưa kết hôn được, thì con bé vẫn mãi phàn nàn vì nó. Con bé bảo rằng do nổi ô nhục của Ernest mà chẳng chàng trai nào dám ngỏ lời cầu hôn, và buộc Ernest phải trả giá đắt do đã gây nên chuyện đó. Cả Charlotte và Joey ngay từ những bước đầu tiên đã mang bản tính chó săn theo đàn, và bây giờ cả hai giống hết như cha mẹ chúng, có nghĩa là hòa nhau chống lại Ernest. Lúc đối đầu với Ernest, chúng tạo nên một liên minh vừa công kích vừa đề phòng nhau, nhưng bình thường thực sự giữa chúng lại là một cuộc chiến ngấm ngấm nhưng một mất một còn.

Ít nhất đây là điều mà Ernest thấy được, một phần từ ký ức về thói chia rẽ giữa anh em chúng, và phần khác nhờ nó quan sát những cách hành xử nhỏ

nhật của chúng suốt nửa giờ vừa qua, khi cả ba cùng quây quần trong phòng mẹ chúng, và tất nhiên là cho đến tận lúc này chúng chưa biết Ernest đã có được cả một gia tài. Nó có thể nhận thấy chúng đang nhìn nó với ánh mắt ngạc nhiên và không phải là không có vẻ tức giận, từ đó nó hiểu rõ chúng đang nghĩ gì.

Christina đã thấy những vẻ thay đổi của Ernest, có vẻ như bây giờ nó thật vững vàng và mạnh mẽ hơn nhiều cả về tâm trí lẫn thể xác so với lần cuối cùng cô gặp nó. Cô cũng nhận thấy nó ăn mặc quá chỉnh tề, và dù đang dấy lên tình thương dành cho đứa con trai đầu, nhưng như những người khác, cô cũng có đôi chút lo lắng cho túi tiền của Theobald hẳn phải bị hao hụt nhiều vì những thứ sang trọng này. Nhận ra mẹ nó đang nghĩ gì, Ernest xoa dịu mẹ nó và kể về việc thừa kế từ cô nó ngay trước mặt hai em nó, những đứa dù đang dỏng tai lên, vẫn ra vẻ không chú ý hoặc chỉ nghe như thể đó chẳng phải là vấn đề hấp dẫn gì với chúng vậy.

Khi biết khoản thừa kế đã được chuyển giao cho nó, mẹ nó bật lại một chút và lờ buột miệng, ‘qua mặt cha con sao.’ ‘Vì sao vậy, con trai,’ cô nói với giọng nài nỉ, ‘cha con cả đời cũng chưa có được chừng đó đâu,’ Nhưng Ernest lại phải xoa dịu mẹ nó với kiểu nói rằng nếu Alethea biết là khoản tiền này tích lũy được nhiều như vậy thì hẳn cô đã để lại phần lớn cho Theobald rồi. Christina chấp nhận kiểu nói xuống nước này, bởi dù còn yếu, cô vẫn ngay lập tức miên man về vị thế mới của mình, xem đó là một khởi đầu mới, để rồi bắt đầu nghĩ cách dùng tiền của Ernest mà lo cho nó.

Có lẽ tôi nên đồng ý với Christina rằng Theobald chưa bao giờ có được số tiền lớn như con trai anh đang nắm giữ bây giờ. Thứ nhất, anh chẳng có được mười bốn năm chẳng phải tiêu tốn đồng nào để tích lũy tài sản đến được mức này, thứ hai, anh, cũng như tôi và mọi người khác, phải chịu cuộc khủng hoảng năm 1846, dù không đủ để hủy hoại hay thậm chí tổn hại nghiêm trọng đến anh, nhưng cũng đã khiến anh thấy e dè và cứ giữ chặt tiền trong trái khoáy đến hết đời. Anh tức giận khi thấy Ernest đột nhiên có một gia tài, nhưng chính việc đứa con trai giờ lại giàu có hơn anh, và thậm chí là giàu từ khi còn rất trẻ, mới là điều khiến Theobald thấy đau đớn cùng cực hơn nữa. Nếu nó giống như anh, sống đến tận sáu mươi hay sáu mươi

lăm tuổi, và trước đó phải chịu đựng nhiều thất bại thặng trầm, thì cũng đáng để cho nó có được một tài sản vừa đủ cho nó có người hầu giúp việc, và lo cho đám tang của mình, nhưng nếu nó có đến bảy mươi ngàn bảng lúc chỉ mới hai mươi tám tuổi, và cũng chẳng phải lo cho một vợ và hai đứa con, thì thật là quá đáng không thể chấp nhận nổi. Christina quá yếu, và lại đang háo hức quá độ muốn được dùng số tiền của Ernest vào những việc kiểu như lâu nay vẫn thế, nên lẽ tự nhiên tính khí cô tốt hơn Theobald nhiều.

Vừa thoáng qua, cô đã nghĩ thế này, ‘Vận may này đã xóa bỏ đi vết nhơ tội của nó. Chuyện đó chẳng còn gì là tệ hại nữa. Toàn bộ việc cũ chỉ là một lỗi lầm, thực sự chỉ là một lỗi phạm không may mà thôi, và càng ít nhắc đến chuyện đó chừng nào càng tốt chừng đấy. Tất nhiên Ernest sẽ về lại sống ở Battersby cho đến khi nó kết hôn, và sẽ rộng tay trang trải bữa ăn và nhà cửa cho cha mẹ. Thật sự nếu nó có chuyển cho Theobald một phần lợi tức thì cũng là việc hoàn toàn đúng đắn, và chắc chắn bản thân Ernest cũng sẽ muốn chuyển một khoản không nhỏ đâu, điều này không khó gì và có thể thu xếp rất dễ dàng, hơn nữa nó cũng sẽ kiếm được chồng cho em gái nó, việc này nó sẽ làm tốt hơn Theobald hay Joey nhiều, rồi chắc chắn Battersby này sẽ được mở tiệc ăn mừng linh đình.’

‘Tất nhiên nó sẽ kiếm cho Joey một sinh kế, và hằng năm cũng sẽ gửi nhiều quà cho Charlotte, còn gì nữa nhỉ? Ôi! Đúng rồi, bây giờ hẳn nó đã có uy thế cả một vùng, một người với lợi tức gần bốn ngàn bảng một năm chắc chắn phải là người uy thế một phương. Có lẽ nó nên làm nghị sỹ. Nó khá có tài, dù chẳng thể sánh được với tiến sỹ Skinner, cũng không so được với Theobald, nhưng nó vẫn không phải là đứa kém cỏi, và nếu vào được Nghị viện, lúc còn quá trẻ nữa chứ, sẽ chẳng gì ngăn được nó trở thành Thủ tướng cả, và nếu như thế, mà tất nhiên phải thế, nó đã lên đến hàng khanh tướng rồi. Ôi! Tại sao nó không tiến hành như thế ngay tập tức, để mình có thể được nghe người ta gọi con trai mình là ‘Thưa quý ngài’, cái tên Ngài nghị Battersby nghe thật quá êm tai, và đến lúc đó nếu mình còn ngồi làm mẫu được, thì nó chắc chắn sẽ treo bức chân dung toàn thân của mình ở chính diện sảnh ăn của nó. Và bức tranh đó sẽ được treo tại triển lãm hoàng gia với cái tên ‘mẹ của Ngài nghị Battersby’ cô tự nhủ với mình thế, và nhảy mừng

trong lòng theo cái thói tưởng tượng nhanh nhẩu lâu nay thường vẫn vậy. ‘Nếu như lúc đó mình không ngồi nổi, thì mình sẽ cho vẽ tranh từ trước đó, và bức tranh sẽ thật có hồn hết như mọi bức tranh được họa lại một chân dung biểu cảm như mình đây. Có lẽ họa sỹ sẽ họa lại được những nét đặc biệt đó. Và thật tốt khi Ernest đã thôi không làm giáo sỹ nữa, Chúa thật quá khôn ngoan khi sắp đặt cho chúng ta mọi chuyện tốt đẹp hơn khả năng chúng ta làm được! Ngay từ lúc này, mình đã thấy trước được tương lai thế nào, Joey sẽ trở thành Tổng Giám mục Canterbury và Ernest vẫn làm một giáo dân và trở thành Thủ tướng...’ rồi bỗng mạch miên man của cô bị cắt đứt khi Charlotte bảo đã đến giờ uống thuốc.

Tôi đã giả định những mộng mơ này, đúng ra là những mảnh rời rạc lướt qua đầu Christina trong khoảng một phút rưỡi, nhưng dù gì thì đúng là những ảo tưởng này, hoặc đúng hơn là sự hiện diện của Ernest, đã là liều thuốc tinh thần tuyệt vời đối với cô. Dù đang bệnh tật, đau khổ, và thực sự là gần chết, nhưng cô bỗng rạng rỡ hơn và đã một hai lần cười nói vui vẻ trong buổi chiều hôm đó. Hôm sau bác sỹ Martin bảo rằng cô đã khá hơn nhiều và gần như ông bắt đầu thấy cô có hy vọng bình phục. Theobald, bất kỳ lúc nào nghe bảo là có thể có hy vọng, đều lắc đầu mà nói, ‘Chúng ta chẳng thể hy vọng giữ cô ấy lâu hơn nữa đâu’. Rồi Charlotte bất ngờ túm lấy Ernest, ‘anh biết đấy, Ernest, những thăng trầm xáo trộn này đã kích động cha chúng ta quá mức, ông có thể chịu đựng nổi bất kỳ điều gì, nhưng thật quá sức khi bắt ông phải nghĩ về nửa tá vấn đề khác nhau, vừa tốt vừa xấu, cứ tung lên hứng xuống chỉ trong vòng hai mươi bốn giờ, và tốt hơn anh đừng có làm việc đó, ý của em là đừng nói gì với cha, cho dù bác sỹ martin bảo có hy vọng cho mẹ rồi.’

Charlotte có ý rằng Ernest là điều gây phiền lòng nhất đối với Theobald, với nó, Joey và tất cả mọi người, và con bé cũng đã nói vài lời thể hiện điều này, thực sự thì nó không dám khăng khăng nói mãi chuyện này và đã nén lại, nhưng nó có cách của mình, và đúng là cách này có hiệu quả. Bên giường bệnh của mẹ, Ernest để ý thấy Charlotte thường bất ngờ khó chịu với nó bất cứ lúc nào bác sỹ hay y tá bảo rằng mẹ cô đã khá hơn. Khi cô viết thư gửi đến nhà ngoại ở Crampsford để nhờ cộng đoàn ở đó thêm lời cầu nguyện

(cô chắc rằng mẹ cô muốn như vậy lắm, và mọi người ở Crampford cũng sẽ hài lòng khi biết cô vẫn nhớ đến họ), cô cũng gửi thêm một lá thư nữa nhưng với chủ đề hơi khác một chút, rồi bỏ hai lá thư vào nhăm phong bì. Ernest đã nhận giúp đưa những lá thư này đến bưu điện làng, nó thật quá kinh suất khi làm vậy, rồi khi thư bị đưa đến nhăm chỗ, Charlotte ngay lập tức nhảy bổ vào Ernest, bảo nó quá sức ngớ ngẩn, và đổ hết mọi chuyện lên đầu nó.

Không chỉ Joey và Charlotte đã hoàn toàn trưởng thành, mà ngôi nhà và đồ vật, cũng thay đổi đôi chút kể từ lần cuối Ernest về đây. Đồ đạc và những trang trí trên mặt lò sưởi vẫn hệt như trong trí nhớ nó. Còn trong phòng khách, ngoài hai bức tranh của Carlo Dolce và Sassoferrato treo hai bên lò sưởi treo từ lâu, bây giờ ở ngay chính giữa có thêm bức tranh màu nước vẽ cảnh Lago Maggiore được Charlotte sao lại từ bản gốc mượn của thầy dạy vẽ. Một trong những gia nhân nói rằng đây hẳn là một bức tranh đẹp bởi ông chủ đã phải mua một cái khung mười shilling để treo nó mà. Giấy dán tường vẫn không đổi, vẫn những bông hoa hồng lửa búp lũ ong, và cả nhà vẫn đến đây mỗi tối mỗi sáng để cầu nguyện xin cho được ‘thật lòng lương thiện và tận tâm.’

Chỉ có một bức vẽ bị bỏ đi, chính là bức chân dung của nó vốn từng được treo dưới chân dung cha nó và giữa hai em nó. Ernest để ý thấy điều này khi cùng dự giờ cầu nguyện, lúc cha nó đọc về con tàu Noah và cách người ta trát tàu bằng ốc sên thế nào, vốn là một trong những chủ đề ưa thích của nó lúc còn là một đứa trẻ. Tuy nhiên sáng hôm sau, nó lại thấy chân dung mình đã được treo lên, vẫn còn bám bụi và hơi sứt mẻ nơi góc khung, nhưng chắc chắn phải thế rồi. Tôi nghĩ là họ đã treo bức tranh lên lại khi biết Ernest của chúng ta đã trở nên giàu có đến mức nào.

Trong phòng ăn, phía trên lò sưởi vẫn còn treo bức tranh đám quạ đang cố đem thức ăn cho Elijah, khi nhìn bức vẽ này biết bao nhiêu chuyện cũ lại kéo về trong Ernest. Bên ngoài cửa sổ, vẫn có một luống hoa hệt như ngày trước, và nó chột thấy mình đang chăm chăm nhìn về cánh cửa xanh phía cuối vườn để xem thử có phải trời đang mưa hay không, hệt như lúc còn là một đứa trẻ mới được vài tuổi vậy.

Sau khi dùng xong bữa tối sớm, lúc chỉ còn lại ba người đàn ông trong phòng, Joey, Ernest và cha chúng, Theobald đứng dậy bước ra trước lò sưởi, ngay dưới bức tranh Elijah và bắt đầu huýt điệu sáo lơ đãng cũ của mình. Anh chỉ có hai điệu, một là bài ‘Trong túp lều gần rừng của tôi,’ còn bài kia là Thánh khúc Giáng sinh, suốt cả đời, anh đã cố để huýt chúng cho thạo, nhưng bất thành, tiếng sáo của anh nghe như tiếng con chim sẻ đỏ vậy, anh huýt được nhưng không đúng nhạc, cứ mỗi ba nốt là anh lại nâng lên nửa cung như thể đang cố dựng dậy những tiền bối âm nhạc xa xưa, có lẽ là từ tận phong cách Lydia và Phrygia, mà cũng có thể là bất cứ kiểu nhạc nào cho phép anh huýt sáo sai gần hết bài nhưng vẫn đủ để người ta biết đó là bài gì. Theobald cứ đứng trước lò sưởi và nhẹ nhàng huýt đi huýt lại hai điệu quen này cho đến tận khi Ernest rời phòng. Mọi chuyện giờ đây, ở nơi này, cảnh vật vẫn như xưa nhưng lòng người đã khác, khiến Ernest gần như mất thăng bằng hoàn toàn.

Nó ra ngoài tản bộ về phía đầm nước sau nhà, và tự khuây khỏa mình bằng một hơi thuốc. Chẳng bao lâu sau, nó đã thấy mình đang đứng nơi cửa nhà của người xà ích, vốn đã kết hôn với một người hầu cũng trong nhà nó tên là Susan, người đã chăm cho nó từ lúc nó mới được năm hay sáu tuổi và rất thân với nó. Nó vào nhà ngồi trước lò sưởi, còn bà thì đi ủi đồ nơi chiếc bàn trước cửa sổ, và mùi vải nóng bốc lên cả căn bếp.

Christina ngăn không cho Susan đứng về phía Ernest. Nó biết rõ như thế, và đã không nhờ bà giúp đỡ gì, thậm chí cả về tinh thần cũng vậy. Nó đến gặp, là vì nó thích bà, và cũng bởi vì nó biết nói chuyện với bà sẽ cho nó biết nhiều điều mà nó chẳng thể kiếm được từ người nào khác.

‘Ôi, cậu chủ Ernest,’ Susan nói, ‘tại sao cậu không trở về khi cha mẹ tội nghiệp của cậu mong mỏi? Tôi chắc rằng mẹ cậu đã hàng trăm lần như một nói với tôi rằng muốn mọi chuyện được trở lại hết như thời trước đây.’

Ernest cười thầm, và thấy có giải thích cho Susan vì sao nó cười cũng vô ích, nên nó chẳng nói gì.

‘Trong một hai ngày đầu, tôi tưởng như bà ấy chẳng bao giờ qua nổi, bà nói đó là án phạt dành cho bà về những gì bà đã từng làm và từng nói trong suốt những năm về trước, trước cả khi gặp cha cậu, và nếu tôi không ngăn

lại thì chẳng biết bà ấy còn nói thêm gì nữa, bà giống như người mất hồn vậy, và bảo rằng sẽ chẳng một ai lân cận còn được nói chuyện với bà nữa. Rồi ngày hôm sau, có bà Bushby đến thăm (chính là bà Cowey), mẹ cậu luôn quý bà ấy, và dường như cuộc gặp này đã tăng sức cho bà, bởi hôm sau bà đã bán hết áo quần của mình, mà chúng tôi cứ tưởng là bà đem chúng đi sửa lại, rồi người ta từ xa hàng dặm cũng đều đến thăm bà, và bà nói là mình đã phải băng qua dòng sông đau khổ, nhưng

Chúa đã biến mọi chuyện thành tốt lành cho bà.'

'Ôi, đúng vậy, Susan ạ,' bà chủ nói với tôi, 'chắc chắn như vậy. Những ai được Chúa thương, Người sẽ uốn nắn họ, Susan ạ,' và rồi bà ấy lại bắt đầu khóc. 'Còn về con tôi,' bà chủ tiếp tục nói, 'hoàn cảnh đó tự nó tạo ra, nó phải nhận lấy, khi nó ra khỏi tù cha nó sẽ biết phải làm gì tốt nhất, và cậu chủ Ernest phải thấy biết ơn khi có được một người cha quá tử tế và cũng đã phải chịu đựng quá nhiều như vậy.' rồi việc cậu không chịu gặp họ đã khiến mẹ cậu đau khổ khủng khiếp. Cha cậu thì chẳng nói gì cả, cậu biết là cha cậu không bao giờ nói nhiều trừ khi cực kỳ nổi nóng mà thôi, nhưng mẹ cậu cứ dẫn vật suốt mấy ngày, và tôi cũng chưa bao giờ thấy ông chủ âm thầm đến vậy, nhưng nhờ Chúa, sau vài ngày nó cũng qua, và tôi đã chẳng thấy được là cha và mẹ cậu đã đổi khác đi nhiều từ dạo đó, cho đến tận khi mẹ cậu đổ bệnh tôi mới hay.'

Đêm hôm đó, lúc về nhà Ernest tham dự giờ kinh rất nghiêm túc, và sáng hôm sau cũng vậy. Cha nó đọc bài về di nguyện của David truyền cho Salomon về việc phải xử thế nào với Simey, nhưng nó chẳng chú ý lắng nghe làm gì. Nhưng rồi suốt ngày hôm đó, nó đã bị làm méch lòng nhiều lần nên đến tối lại thấy thật khó chịu bức bối. Nó quỳ sát Charlotte và đáp những lời kinh một cách chiếu lệ, dù không qua loa quá mức để con bé khỏi nghĩ là nó cố ý làm thế, nhưng cũng đủ để khiến nó không chắc Ernest có ác ý gì khi làm vậy hay không, và đến khi, như thường lệ, buộc phải cầu nguyện xin được ơn thật lòng lương thiện và tận tâm, nó cố ý nhấn mạnh chữ 'thật lòng.' Tôi không biết liệu Charlotte có để ý gì hay không, nhưng kể từ hôm đó, con bé đều giữ một khoảng cách với nó khi quỳ cầu nguyện. Ernest cam đoan với tôi đó là điều hãn học duy nhất nó làm trong suốt thời

gian ở lại Battersby. Lúc đi lên phòng mình, vốn đã được nhóm lửa lò sưởi để nó vừa lòng, Ernest chú ý đến điều mà nó đã nhận thấy ngay khi vừa về đến nhà, đó là có một tấm bảng chữ vàng được đóng khung và treo trên giường nó với dòng chữ ‘Ngày dài hay ngày chán nản, cuối cùng cũng xong khi tiếng chuông nguyện buổi chiều vang lên.’ Nó tự hỏi những người như nhà nó sao có thể để một tấm bảng như thế này trong phòng dành cho khách được cơ chứ, nhưng nó cho qua việc này và nghĩ: ‘Giữa ‘chán nản’ và ‘dài’ không đủ khác nghĩa để dùng từ ‘hay’ nhưng mình cho là cũng được, không sao.’ Tôi tin là Christina đã mua tấm bảng này ở buổi bán hàng từ thiện để quyên góp xây một nhà thờ nào gần đó, và đã mua thì phải dùng, ý nghĩa câu đó quá đánh động và tấm bảng thực sự rất đẹp nữa. Nhưng dù thế nào đi nữa, chẳng có gì mĩa mai hơn khi đặt nó trong phòng ngủ của Ernest, dù chắc chắn chẳng ai chủ tâm sắp xếp như vậy.

Đến hôm sau, ngày thứ ba Ernest về nhà, bệnh tình Christina lại tái phát. Suốt hai ngày vừa qua, cô không đau đớn gì và ngủ rất ngon, sự hiện diện của đứa con trai đầu đường như đã nâng đỡ cô, và cô thường nói mãi rằng mình thật có phúc khi trong giờ chết được bao quanh bởi một gia đình quá hạnh phúc, quá kính sợ Thiên Chúa, và quá gần bó, nhưng lúc này cô bắt đầu nghĩ vẩn vơ và cảm nhận rõ hơn cái chết đang đến dần, và dường như đối với cô, nó đang giống lên một hồi chuông báo động hơn cả ngày Tận thế nữa.

Nhiều lần cô đánh liều trở lại vấn đề tội lỗi của mình, và nài xin Theobald bảo đảm chút gì đó rằng cô sẽ được tha tội. Cô ám chỉ rằng danh tiếng mục sư của anh đang xuống thấp, và như thế anh chẳng thể bảo đảm cho vợ mình sẽ được lên Thiên Đàng. Điều này đã đánh đúng điểm kích động, khiến anh rụt lại và đáp lời với cái hất hàm rõ ràng là do mất kiên nhẫn, ‘Nhưng, Christina, em được tha tội,’ và rồi dứt khoát tránh nói chuyện tiếp khi dùng đến một thứ rất nghiêm trang là đọc kinh lạ Cha. Lúc đọc xong, anh rời khỏi phòng và gọi Ernest lại bảo rằng anh không thể mong Christina sẽ trụ thêm lâu hơn nữa đâu.

Joey cũng chẳng thể xoa dịu những dẫn vật của Christina hơn gì Theobald, thực sự nó cũng chỉ là bản sao thứ cấp của anh mà thôi. Cuối

cùng đến lượt Ernest, người vốn không thích can thiệp vào chuyện gì, phải ra tay. Và nó đến ngồi cạnh mẹ, để cô tuôn ra những đau khổ của mình với nó, mà chẳng cần phải khuyến khích hay ngăn cản gì.

Christina nói rằng cô biết mình chưa từ bỏ tất cả vì Chúa Kitô, và đó là điều đang đè nặng trong lòng cô. Cô đã từ bỏ rất nhiều, và cứ mỗi năm trôi qua, cô luôn cố để từ bỏ hơn nữa, nhưng đến bây giờ cô biết rất rõ rằng cô không có được sự hưởng thưởng đáng phải có. Nếu như cô có được mức độ như vậy thì hẳn cô đã được có những thị kiến trực tiếp với Chúa rồi, trong khi đó dù Chúa đã thương tình viếng thăm một cách trực tiếp và rõ mặt với một trong những đứa con yêu dấu của cô, nhưng lại chưa bao giờ cho cô được như thế, kể cả Theobald cũng vậy.

Những lời này vốn là cô tự nói với mình hơn là nhắm đến Ernest, nhưng chúng khiến nó tò mò. Nó muốn biết liệu thiên thần đã hiện ra với Joey hay Charlotte. Nó hỏi cô, nhưng cô lại có vẻ ngạc nhiên như thể cô cho là đáng ra nó phải biết hết mọi chuyện này, rồi cô nhớ lại, ‘À, đúng rồi, con chẳng biết gì về chuyện này, và có lẽ thế là tốt.’ Ernest tất nhiên không thể gây áp lực để bắt cô nói, nên chẳng bao giờ nó biết được ai trong số máu mủ của nó đã được mặt đối mặt với một thiên thần bất tử cả. Những người khác chẳng bao giờ nhắc gì về chuyện này với nói, có lẽ do họ xấu hổ hay do họ sợ nó sẽ không tin chuyện này và rồi sẽ phạm thượng hơn, nó cũng chẳng biết nữa.

Từ lúc đó, Ernest thường nghĩ về chuyện này. Nó cố để tìm hiểu chuyện từ Susan, người nó nghĩ chắc chắn sẽ biết, nhưng Charlotte đã ra tay trước nó mất rồi. ‘Không, cậu chủ Ernest à,’ Susan trả lời khi nó vừa chồm hỏi, ‘mẹ cậu đã nhờ cô Charlotte nhắc với tôi là tôi không được nói gì về chuyện đó, và tôi sẽ làm theo lời bà ấy.’ Tất nhiên đã như thế thì chẳng mong hỏi được gì thêm. Nhiều lần Ernest thấy rằng trong thực tế, niềm tin của Charlotte chẳng hơn gì nó, và điều này chỉ khiến tăng thêm những phỏng đoán của nó, nhưng khi nhớ lại cách con bé đã bỏ nhăm lá thư xin cộng đoàn Crampsford cầu nguyện, nó thấy có gì đó không đúng. ‘mình cho rằng,’ nó ảo não tự nhủ, ‘xét đến cùng thì đúng là con bé có đức tin.’

Rồi Christina lại bắt đầu trở lại nói mãi về chuyện cô thiếu ý thức tâm linh, thậm chí cô còn lái nhai về chuyện cô từng thích ăn dôi lợn, thật sự là

cô đã bỏ thói quen này nhiều năm về trước, nhưng suốt bao nhiêu năm rông trước đó chẳng phải cô đã cố chấp ăn chúng mãi dù đã biết là không được phép đó hay sao. Xa hơn, cô còn than trách hoài về những lỗi phạm gì đó trước lúc cô kết hôn nữa.

Ernest ngắt lời cô, ‘mẹ yêu quý của con,’ nó nói, ‘mẹ đang yếu sức còn trí óc cũng đã suy nhược, bây giờ, những người khác có thể đánh giá về mẹ tốt hơn mẹ tự đánh giá nhiều. Con bảo đảm rằng, có lẽ đối với con, mẹ là người vợ và người mẹ biết từ bỏ nhất và tận tâm nhất trên đời này. Thậm chí nếu xét trên lý thuyết, mẹ đã không thực sự từ bỏ tất cả mọi sự vì Chúa Kitô, thì trong thực tế mẹ đã làm hết sức có thể rồi, và còn làm tốt hơn bất kỳ ai khác. Con tin rằng mẹ sẽ không chỉ là một vị thánh, mà còn là một vị thánh xuất chúng nữa.’

Christina mừng rỡ khi nghe những lời này. ‘Con đã cho mẹ hy vọng, con đã cho mẹ được hy vọng,’ cô kêu lên và thôi khóc lóc. Cô bắt Ernest phải cam đoan với cô hết lần này đến lần khác rằng nó trang trọng tin chắc những gì nó vừa nói, lúc này vấn đề cô quan tâm không phải là việc làm một vị thánh xuất chúng, chỉ cần được là kẻ nhỏ mọn nhất trong nước trời cũng đủ khiến cô thỏa mãn rồi, miễn sao đừng phải vào hỏa ngục khủng khiếp là được. Nỗi sợ hỏa ngục đó cứ bao trùm lấy cô, và dù Ernest có nói gì vẫn không hoàn toàn xua tan nó đi được. Tôi phải thừa nhận là cô thật vô ơn bởi sau hơn một giờ được Ernest an ủi, cô lại cầu nguyện cho nó được mọi ơn lành trong cuộc đời này, bởi cô luôn sợ rằng nó là người duy nhất trong gia đình sẽ chẳng được lên thiên đàng gặp mặt cô, nhưng lúc này trí óc cô vẫn vợ và gần như không ý thức được Ernest đang ở với mình, thực sự thì trí lực của cô đã trở lại nguyên trạng như trước lúc cô đổ bệnh rồi.

Vào ngày Chủ nhật, Ernest đến dự lễ nhà thờ, tất nhiên phải vậy rồi, và nó để ý thấy trong suốt thời gian nó vắng mặt, làn thoái triều của phái Phúc âm đã suy sụp và rút xuống xa hơn nữa. Như thường lệ, cha nó vẫn đến nhà thờ bằng lối băng qua vườn nhà và thêm một cánh đồng lúa. Lúc trước, anh vẫn thường đội chiếc mũ cao, mang áo choàng lễ và dải băng giáo sỹ, nhưng bây giờ, Ernest để ý thấy cha nó không còn đeo dải băng nữa và ôi trời, thật quá kinh ngạc, thay vì chiếc áo choàng lễ bây giờ cha nó mang một cái áo

surplice. Toàn bộ phụng vụ cũng đã thay đổi, chẳng thể gọi nó là theo kiểu thượng phái, bởi Theobald dù thế nào đi nữa sẽ chẳng bao giờ chịu như vậy, nhưng dù gì thì cái vẻ lộn xộn nhếch nhác cũ, tôi có thể gọi như vậy, đã hoàn toàn biến mất. Đàn nhạc đệm đã bị dọn đi khi Ernest còn là một đứa trẻ, nhưng suốt nhiều năm sau khi đưa cây đàn phong cầm về, Theobald vẫn không cho người ta hát thánh ca. Khi Ernest còn học ở Cambridge, Charlotte và Christina đã thuyết phục được Theobald cho hát thánh ca trở lại, và thậm chí còn trở lại quá đổi lỗi thời với nhạc của lord Mornington, Dr Dupuis và một số người khác. Theobald không thích như vậy, nhưng anh đã cho làm vậy, hoặc cho phép người ta làm như vậy.

Rồi Christina nói với anh, ‘anh yêu dấu, anh có biết không, em thực sự nghĩ là,’ (nghĩ bất kỳ cái gì Christina cũng luôn ‘thực sự’) ‘người ta rất thích hát thánh ca, và đó sẽ là cách để đưa nhiều người vốn lâu nay xa cách trở về với Giáo hội. Ngày hôm qua, em vừa nói chuyện này với bà Goodhew và bà cô Wright, và họ *khá* là đồng ý với em, họ luôn miệng nói rằng chúng ta nên hát câu ‘Vinh Danh Cha’ vào cuối mỗi Thánh vịnh thay vì chỉ đọc nó.’

Theobald có vẻ buồn, anh cảm thấy những lời hát như đang dâng lên và nuốt dần lấy anh, nhưng chẳng hiểu vì sao anh cũng lại thấy khao khát hơn là đối đầu với nó. Vậy nên anh cho mọi người từ đây trở đi được hát câu ‘Vinh Danh Cha’, dù anh không thích chuyện này.

‘Thực sự mà nói, mẹ yêu à,’ Charlotte nói khi cả hai đã thuyết phục được Theobald, ‘mẹ không nên gọi bài đó là ‘Vinh Danh Cha’ mà phải gọi là ‘Vinh danh’ thôi.’

‘Tất nhiên rồi, con yêu,’ và từ đó Christina chỉ dùng từ ‘Vinh danh’ để gọi kinh đó. Rồi cô nghĩ rằng Charlotte thật là một cô gái thông minh, và con bé phải được kết hôn với một giám mục trở lên mới xứng. Có lần Theobald đi nghỉ hè dài ngày bất thường, và anh chẳng tìm được ai để tạm đảm nhiệm xứ của mình ngoài một mục sư Thượng phái. Đây là một người có tiếng nói trong vùng, và làm chủ một gia sản riêng đáng kể, nhưng lại không được đề bạt. Vào độ hè, ông ta thường đến giúp các mục sư bạn khác, và nhờ vậy mà Theobald có thể đi xa được vài tuần. Tuy nhiên, lúc trở về, anh thấy không chỉ kinh Vinh Danh, mà toàn bộ các Thánh vịnh đều đã được hát thay vì đọc.

Ngay khi Theobald vừa về, vị mục sư bạn thế giá, Christina và Charlotte đã dám đứng ra nhận chuyện này và cười trừ, ông mục sư kia vừa cười vừa huênh hoang, Christina vừa cười vừa dỗ ngọt Theobald, còn Charlotte thì dùng những lời tình cảm quá độ, hơn nữa, mọi chuyện cũng đã rồi, và chẳng thể hoàn lại được, nên bực tức cũng chẳng được ích gì, do vậy, từ đó các Thánh vịnh đều được hát lên, nhưng trong lòng Theobald chẳng chút thích thú mà thậm chí còn ghét cay ghét đắng chuyện này nữa.

Suốt thời gian anh vắng nhà, cái gì đã cho phép bà Goodhew và bà cô Wright hướng về phía Đông khi đọc kinh Tin cơ chứ? Theobald còn ghét việc này hơn cả chuyện hát thánh ca nữa. Khi anh rón rén mở miệng nói đôi chút về chuyện này trong buổi tối sau giờ lễ, Charlotte bảo, ‘Thực ra mà nói, cha *phải* gọi đó là ‘Kinh Tin kính’ chứ không phải ‘kinh Tin’, và Theobald rùng mình bực bội, khịt mũi tỏ vẻ khinh thường, nhưng Charlotte vốn lì lợm giống các dì Jane và Eliza của nó, hơn nữa việc này cũng quá nhỏ nhặt, nên cuối cùng Theobald cười phá lên và cho qua. ‘Về phần Charlotte,’ Christina nghĩ, ‘mình tin là nó biết tất cả mọi thứ.’ rồi như vậy, bà Goodhew và bà cô Wright vẫn tiếp tục quay về phía đông khi đọc kinh Tin Kính, và dần dần những người khác cũng làm theo như thế, chẳng bao lâu số còn lại cũng đành làm theo họ, và cả Theobald cũng phải làm thế như thế từ đầu anh đã xem chuyện này là đúng đắn hợp lý vậy, nhưng dù gì anh vẫn không thích nó. Charlotte dần dần cố bắt anh đọc ‘alleluia’ thay vì ‘hallelujah’, nhưng như thế là đi quá xa, và Theobald nhất quyết không chịu, nên con bé sợ và thôi không dám nữa.

Rồi Christina, Charlotte và những người khác dần dần thay đổi hết mọi thứ, bây giờ một câu trong Thánh vịnh được hát hai lần, và giữa các Thánh vịnh họ đổi từ cung trưởng qua cung thứ và ngược lại, (mà tôi nghĩ các bạn đọc cũng như tôi sẽ chẳng thấy có lý gì để họ phải làm vậy cả), rồi họ hát thêm bài ‘Thánh ca xưa và nay,’ và như tôi đã nói, họ không cho Theobald mang dải băng yêu thích của anh nữa, rồi còn buộc anh phải giảng trong bộ áo surplice, và phải làm Bí tích Thánh Thể mỗi tháng một lần thay vì năm lần một năm như trước đây. Theobald chống đỡ trong vô vọng những tác động vô hình đang chống lại tất cả những gì quen thuộc với anh, và cũng là

những gì định hình rõ nhất lập trường vốn có của anh. Chuyện này là gì, ra làm sao, anh chẳng rõ, và cũng chẳng biết chính xác phải làm gì, nhưng có một điều anh hoàn toàn nhận thức được là dù anh làm gì rồi chuyện này cũng sẽ xóa mòn anh, bởi nó quá mạnh và Christina cùng Charlotte hăng máu hơn anh nhiều, rồi cuối cùng đích đến của mọi chuyện này sẽ là gì ngoài đồng hóa với Roma chứ? Rồi còn việc trang trí lễ Phục sinh nữa! Trang trí lễ Giáng sinh thì hợp lý, nhưng trang trí cho cả lễ Phục sinh nữa ư! Thôi, thôi, không phải trong thời của anh.

Những gì vừa kể trên cũng chính là thực trạng của Giáo hội anh giáo suốt bốn mươi năm qua. Toàn bộ đều được quy theo chỉ một hướng. Một vài người biết rõ họ muốn gì, và chi phối những người như Christina và Charlotte, rồi những kẻ như hai người họ lại chi phối những người như bà Goodhew và bà cô Wright, và rồi hai người này lại bảo cho những người như ông chồng Goodhew và những cô Wright khác nên làm gì, rồi từ đó những đứa con nhà Goodhew và rồi cả cộng đoàn đều làm theo họ, cứ như thế những người như Theobald chẳng thể làm được gì nữa. Từng bước một, từng ngày, từng năm, từng giáo xứ, và từng giáo phận đã biến đổi như thế. Cũng bởi vậy mà Giáo hội anh giáo bây giờ chẳng còn thiện cảm gì với thuyết Tiến hóa hay thuyết Di truyền biến đổi.

Ernest nghĩ về những việc này, rồi nhớ lại những mưu mẹo của Christina và Charlotte, cũng như chi tiết hành động của họ mà tôi chẳng muốn nêu ra để khỏi làm xấu đi câu chuyện của mình, nó cũng nhớ lại lời phản đối thường thấy trên miệng cha nó rằng mọi chuyện sẽ chỉ dẫn đến cái kết là đồng hóa với Roma mà thôi. Khi còn là một đứa trẻ, nó tin tưởng chắc chắn điều này, nhưng giờ đây nó chỉ mỉm cười khi thấy rằng rõ ràng đó là chuyện tất yếu phải xảy ra, nhưng tệ hại thay chưa bao giờ Theobald nghĩ được như thế, ý tôi là nghĩ đến sự sụp đổ hoàn toàn của cả một hệ thống cũ. Và lúc này, Ernest vui mừng khi thấy được niềm hy vọng rằng một ngày nào đó sự vô lý và vô thực của Giáo hội sẽ chấm hết cùng sự sụp đổ của nó. Từ đó, Ernest bắt đầu nghĩ khác đi, không chỉ bởi nó thấy rõ hơn rằng những niềm tin lâu nay đều là giả dối, hay đúng ra là hơn chín phần mười các giáo sỹ, những người, giống như nó, cũng nhận thức được rằng những dấu chỉ hữu

hình bên ngoài của họ đang lỗi thời, mà còn bởi nó biết vấn đề này rất phức tạp và xáo trộn đến nỗi chẳng thể quyết định được thực sự cần phải xử lý như thế nào. Cũng vậy, bây giờ khi đã thấy mọi thứ rõ ràng hơn, nó biết rõ hơn bản chất của những con sói đội lốt chiên non, những kẻ thèm khát máu tươi, và nhảy mừng hoan hỉ khi thấy thế nào con mồi cũng sẽ nằm trong vuốt chúng. Giáo hội vẫn mang tinh thần đúng đắn, nhưng những thông điệp của nó thì không còn được như vậy. Còn vị Thượng tế của Khoa học lại họa được đúng tinh thần xác thực trong những thông điệp của mình. Những người như Theobald, vốn chỉ làm những gì họ đang làm bởi xem đó có vẻ là điều đúng đắn, nhưng trong lòng lại không thích mà cũng chẳng tin, thật sự thì chính họ, trong tất cả mọi lớp người, là những người ít gây hại nhất cho sự hòa bình và tự do của nhân loại. Một người đang sợ hãi sẽ làm mọi chuyện với sự kiên cường đến mức thô bỉ và tự đại. Xét một cách công tâm, chúng ta không thể kể những tính xấu này cho hàng giáo sĩ anh quốc được.

Khi buổi lễ kết thúc, nhiều nông dân trong làng đến chào và bắt tay Ernest. Nó nhận thấy tất cả mọi người đều đã biết về vận may của nó. Sự thật là Theobald khi vừa biết chuyện đã kể ngay với hai, ba người ngồi lê đôi mách nhất làng, và cứ thế câu chuyện nhanh chóng lan rộng ra. ‘Như thế này lại đơn giản hóa mọi chuyện,’ Ernest tự nhủ, ‘và thế là tốt.’ Nó lịch sự với bà Goodhew vì tôn trọng chồng bà, nhưng làm ngơ ra mặt với bà cô Wright bởi biết bà ta cũng chỉ là một phiên bản của Charlotte mà thôi. Một tuần trôi qua trong lặng lẽ, trong đó có hai, ba lần cả nhà cùng cử hành bí tích với nhau quanh giường bệnh của Christina. Theobald ngày càng lộ rõ sự mất kiên nhẫn của mình, nhưng may thay Christina (người thậm chí nếu có khỏe cũng sẽ sẵn sàng không thừa nhận như vậy) ngày càng yếu hơn và ý thức cũng rời rạc hơn, nên cô khó lòng nhận ra được điều đó. Sau khi Ernest đã về nhà được khoảng một tuần thì mẹ nó rơi vào cơn hôn mê suốt hai ngày, và cuối cùng đã ra đi rất yên bình hết như mặt biển hòa vào bầu trời giữa chốn đại dương mênh mông vào một ngày mù sương và chẳng ai nói được đâu là điểm giao nhau giữa biển và trời. Thật sự, cô đã chết đi với hiện thực cuộc sống và như thế sẽ bớt đau đớn hơn là tỉnh dậy với đầy những ảo tưởng vô ích trong đời.

‘Bà ấy đã là niềm an ủi và mỏ neo cho cuộc đời ta suốt ba mươi năm,’ Theobald nói, ngay khi mọi chuyện vừa qua, ‘nhưng chẳng thể mong giữ được lâu hơn nữa,’ và rồi anh vùi vào chiếc khăn tay để giấu đi khuôn mặt thiếu cảm xúc của mình.

Ernest về lại London ngay sau ngày mẹ nó mất, và trở lại dự tang lễ với sự hộ tống của tôi. Nó muốn tôi gặp cha nó để tránh bất kỳ hiểu lầm nào về di chúc của cô Alethea, và tôi cũng là một người bạn cũ của gia đình nên việc tôi đến đó chẳng có gì lạ cả. Dù Christina có nhiều sai lầm nhưng nói cho đúng thì tôi vẫn thích cô ấy. Cô sẽ băm vằm Ernest hay bất kỳ ai thành từng mảnh vụn chỉ để làm vừa lòng những mong muốn nhỏ nhặt nhất của chồng mình, nhưng ngoài Theobald ra cô sẽ chẳng làm thế vì bất kỳ ai khác, và bao lâu Ernest chưa cản đường cô thì cô vẫn hết mực yêu quý nó. Tự bản chất, thậm chí cô là người có tâm tính tốt, sẵn sàng dễ chịu với mọi người hơn là làm méch lòng họ, và rất sẵn lòng làm những việc tốt, miễn là nó đừng bắt cô phải quá cố gắng, cũng như không gây tổn hại gì cho Theobald. Việc chỉ có ít tiền không thành vấn đề với cô, bất kỳ ai nếu biết dè sẻn đủ cho những áo quần tối cần thiết thì chừng đó tiền là đủ rồi. Khi nghe Ernest kể về giờ phút cuối đời của cô, tôi không thể không động lòng, thực sự đứa con trai của chính cô cũng khó có thể động lòng được hơn thế, bởi vậy, ngay lập tức, tôi bằng lòng xuống dự tang lễ, có lẽ tôi cũng bị tác động bởi mong muốn gặp Charlotte và Joey, do tôi thấy tò mò khi nghe con đỡ đầu của tôi kể về chúng.

Tôi thấy Theobald có vẻ cực kỳ ổn. Tất cả mọi người đều nói rằng anh đã rất vững vàng trước biến cố này. Thực sự có một hai lần anh lắc đầu và nói rằng Christina là nguồn an ủi và là mỏ neo cho cuộc đời anh suốt hơn ba mươi năm nhưng bây giờ đã thôi không còn nữa. Tôi ở lại đó qua ngày hôm sau, cũng là ngày Chủ nhật, và lên đường về nhà vào sáng thứ hai sau khi đã nói với Theobald tất cả những gì con trai anh muốn tôi nói ra. Theobald nhờ tôi giúp anh viết giùm mộ bia cho Christina.

‘Tôi sẽ nói,’ anh bảo, ‘càng ít càng tốt, những lời tán dương người đã khuất gần như là vừa không cần thiết và không thật. Mộ bia của Christina sẽ chẳng nên có những thứ như thế. Tôi sẽ ghi tên cô ấy, ngày sinh và ngày

mất, và tất nhiên phải viết rằng cô ấy là vợ tôi, rồi tôi nghĩ là nên thêm một vài chữ đơn giản, những dòng cô ấy yêu thích chẳng hạn, và tôi cho rằng chẳng gì phù hợp hơn dòng này, ‘Phúc cho những ai trong sạch vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa.’”

Tôi bảo là tôi thấy ý tưởng của anh rất hay, và quyết định sẽ làm vậy. Nên Ernest được nhờ đi thuê ông Prosser, người thợ khắc đá ở ngôi làng gần nhất, và ông ta bảo câu mà Theobald đã chọn ở trên nằm trong ‘Tám mối Phúc thật.’



Trên đường chúng tôi trở về London, Ernest bắt đầu vạch kế hoạch chi tiêu cho một, hai năm tiếp theo. Tôi muốn nó thử tái nhập vào xã hội, nhưng nó gặt ngay như thể đó là thứ cuối cùng nó có ý muốn làm. Ngoại trừ vài người bạn thân thiết, còn lại nó luôn mang một ác cảm không thể xóa bỏ đối với toàn xã hội. ‘Con đã luôn ghét những người đó,’ nó nói, ‘và họ luôn ghét con và sẽ luôn ghét con. Con là một Ishmael^[40] từ bản chất cũng như do ngẫu nhiên và do hoàn cảnh, nhưng nếu con tránh xa xã hội này thì con sẽ ít bị tổn thương hơn Ishmael. Chính từ thời khắc dẫn thân vào xã hội, Ishmael bắt đầu bị búa vây tổn hại tư bề.’

Tôi rất tiếc khi nghe nó nói như thế, bởi dù người ta có mạnh bao nhiêu đi chăng nữa, chắc chắn khi nối kết với người khác anh ta có thể nâng cao năng lực đó hơn là lúc hành động một mình. Tôi cũng đã bảo với nó như vậy.

‘Con không quan tâm,’ nó trả lời, ‘đến việc con có tối đa hóa được năng lực của mình hay không, con chẳng biết liệu con có năng lực mạnh mẽ nào không nữa, nhưng nếu có thì con dám nói rằng nó sẽ tự có cách vận dụng riêng nó. Con sẽ sống như con thích, chứ không phải như người ta thích, nhờ cô Alethea mà con có thể được hưởng niềm vui xa xỉ là sống một cuộc sống kín đáo trầm lặng theo ý muốn của mình,’ nó nói với giọng vui vẻ, ‘và con muốn như thế. Bố biết là con thích viết lách,’ nó dừng vài phút rồi nói tiếp, ‘con đã là một nhà văn hạng xoàng suốt nhiều năm qua. Và nếu như con có đạt đến được đỉnh cao nào đó, thì hẳn phải là trong nghề cầm bút.’

Nhận định này của nó tôi vốn đã xác định từ lâu rồi.

‘Tốt rồi,’ nó nói tiếp, ‘có nhiều việc cần được lên tiếng mà chẳng một ai dám nói ra, nhiều sự giả dối cần bị công kích mà chưa ai làm vậy. Đường

như con có thể nói lên những điều mà không một ai ở anh quốc này ngoại trừ chính con dám mạo hiểm nói ra, mà đó lại là những điều phải được thét lên thành tiếng lớn mới phải.’

Tôi bảo nó, ‘Nhưng ai sẽ nghe đây? Nếu con nói những điều mà chẳng một ai dám nói thì chẳng phải nó cũng có nghĩa là ngoại trừ con ra tất cả mọi người đều hiểu được rằng lúc này chưa thể nói về chúng được, hay sao?’

‘Có lẽ vậy,’ nó nói, ‘nhưng con chẳng cần biết. Con đang khao khát muốn làm việc này, và số mệnh của con là nói lên chúng.’

Tôi biết sẽ chẳng có gì ngăn cản nổi nó, nên tôi để nó làm việc đó và hỏi xem những vấn đề nào ngay từ cái nhìn đầu tiên đã khiến nó đặc biệt khao khát muốn viết đến đổ máu vì chúng.

‘Hôn nhân,’ nó trả lời ngay, ‘và việc xử lý tài sản của một người vừa qua đời. Kitô giáo đã gắn chặt với những vấn đề tinh thần rồi, và nếu không phải thế thì cũng chẳng thiếu những người khác viết về chủ đề này. Còn hiện nay, vấn đề cần được nói ra chính là hôn nhân và hệ thống gia đình.’

Tôi lãnh đạm trả lời, ‘Đó thực sự là một tổ ong chúa đó con à.’

‘Đúng,’ nó trả lời với giọng cũng chẳng hăng hái hơn gì tôi, ‘nhưng tổ ong chúa chính xác là những gì con muốn. Tuy nhiên, trước khi bắt đầu chọc vào cái này, con cho rằng mình nên đi du lịch thêm vài năm nữa, chủ yếu để khám phá xem thử hiện nay, quốc gia nào tốt nhất, lịch sự nhất, và đáng yêu nhất, và cũng để xem thử vị trí đó trong quá khứ vốn thuộc về quốc gia nào nữa. Con muốn biết được người ta đang và đã sống thế nào, cũng như tìm hiểu về phong tục của họ.’

‘Dù chỉ mới thoáng có những ý niệm rất mơ hồ về việc này, nhưng con có một ấn tượng chung rằng, không kể quê hương chúng ta, thì những quốc gia mạnh mẽ nhất và hòa nhã nhất được biết đến gồm có nước Ý hiện đại, Hy Lạp và Roma cổ đại, cùng với những Đảo quốc ở Nam Dương. Con tin theo lẽ thường thì những con người dễ thương này không chạy theo chủ nghĩa thuần túy, nhưng con muốn đến tìm xem những gì người ta chưa thấy ra, và họ chính là lời giải thực tế cho vấn đề ‘Điều gì là tốt nhất cho con người?’ rồi con muốn quan sát họ và tìm hiểu xem cách họ sống như thế nào. Chúng

ta hãy xác định hiện thực trước rồi mới đấu tranh về vấn đề khuynh hướng đạo đức sau.’

‘Thực sự thì,’ tôi vui vẻ nói, ‘con muốn có một thời gian đầy hứng thú và vui vẻ.’

‘Chẳng hứng thú mà cũng không tẻ nhạt hơn những người hạnh phúc nhất mọi thời đại mà con có thể sẽ tìm ra được đâu. Nhưng thôi, chúng ta nên đổi chủ đề ở đây.’ Nó đưa tay vào túi áo và lấy ra một lá thư. ‘Sáng nay, cha con đã đưa cho con lá thư bị mở triện này.’ Nó chuyền qua cho tôi, và tôi thấy đó là một lá thư Christina đã viết trước khi sinh đứa con cuối cùng, mà tôi cũng đã cho các bạn xem lá thư này trong những chương trước rồi.

‘Và con không thấy lá thư này,’ tôi bảo nó, ‘có tác động gì đến quyết định mà con vừa nói với bố về kế hoạch vừa rồi đó chứ?’

Nó mỉm cười rồi trả lời, ‘Không. Nhưng nếu bố có thời gian để kể lại và chuyển cuộc đời lang bạt chẳng đáng gì của con thành tiểu thuyết thì phiên bố đưa lá thư này vào đó với.’

‘Tại sao lại thế?’ tôi nói, mà lòng thấy như thể lá thư này phải được giữ xa khỏi tầm mắt soi mói của công chúng vậy.

‘Bởi mẹ con hẳn đã mong nó được xuất bản, nếu bà biết là bố viết về con và bố có trong tay lá thư này, thì điều bà mong muốn nhất chính là bố hãy công bố nó ra. Bởi vậy nếu bố có viết thì hãy làm như thế đi.’ Và do đó tôi đã làm thế thật.

Trong vòng một tháng Ernest đã biến dự định của mình thành hiện thực, và cũng đã sắp xếp hết tất cả những gì cần thiết cho các con của nó, rồi lên đường trước khi Giáng Sinh về.

Tôi cứ dõi theo nó và biết rằng nó đang đi thăm thú gần như hết mọi nơi trên đời này, nhưng chỉ dừng lại những nơi nó thấy người dân đặc biệt dễ thương và dễ chịu. Nó bảo rằng nó đã viết đầy hàng loạt quyển ghi chú, và tôi chẳng chút nghi ngờ gì về điều đó. Cuối cùng, nó về lại anh quốc năm 1867, với hành lý phủ đầy những mẫu quảng cáo của vô số khách sạn từ đây cho đến tận Nhật Bản. Trông nó rám nắng và trắng kiện, và vẻ ngoài đẹp hơn rất nhiều như thể nó đã hấp thụ được vẻ đẹp của người dân ở những nơi mà nó từng đặt chân đến vậy. Sau khi trở lại căn hộ cũ ở khu Thánh Đường,

nó tái nhập vào cuộc sống thật dễ dàng như thể chưa từng có chuyến đi xa nào. Một trong những việc đầu tiên chúng tôi làm là đi thăm bọn trẻ. Sau khi bắt tàu đến Gravesend, rồi từ đó đi bộ khoảng vài dặm dọc bờ sông đến ngôi nhà biệt lập mà Ernest đã nhờ đôi vợ chồng tốt bụng nuôi dưỡng bọn trẻ. Hôm đó là một sáng tháng Tư dễ chịu, với làn gió trong lành thổi nhẹ nhàng từ biển, triều đang lên, và dòng sông trông thật sống động với những con thuyền đang lên theo gió và triều dâng. Đám mòng biển chao lượn trên đầu chúng tôi, và hai bên bờ những nơi triều lên chưa dâng đều phủ kín cỏ biển, tất cả mọi thứ đều mang hương vị biển cả, và làn gió trong lành thổi trên mặt nước khiến tôi cảm thấy đói bụng hơn bình thường. Tôi thật chẳng tìm đâu ra nơi nào có không khí tốt lành cho bọn trẻ hơn ở đây, và khen Ernest vì đã biết chọn chỗ tốt cho con cái mình.

Khi cách ngôi nhà khoảng nửa dặm, chúng tôi nghe thấy tiếng trẻ con đang reo hò cười đùa, và có thể thấy được rất đông bé trai bé gái đang nô đùa rượt đuổi nhau. Lúc đầu, chúng tôi chẳng thể nhận ra được hai đứa trẻ của mình, nhưng ngay lập tức phân biệt được khi đến gần hơn, bởi những đứa trẻ khác đều mắt xanh và tóc hoe, còn hai đứa con của Ernest lại có màu mắt đậm và tóc thẳng.

Chúng tôi đã viết thư báo là sẽ đến, nhưng cũng bảo họ đừng nói gì với bọn trẻ, nên chúng chẳng chú ý gì nhiều đến chúng tôi và chỉ xem như những người lạ khác, vốn chẳng thường ghé đến nơi này ngoại trừ những người thích biển, mà chúng tôi rõ ràng không phải như vậy rồi. Tuy nhiên, chúng nhanh chóng chú ý nhiều đến chúng tôi khi thấy chúng tôi mang bên mình những bọc dây cam và bánh kẹo, quá nhiều so với trí tưởng tượng bé nhỏ của chúng có thể nghĩ đến. Lúc đầu, chúng tôi rất khó để kéo chúng lại gần. Những đứa trẻ này hệt như lũ ngựa con, rất tò mò, nhưng cũng cực kỳ nhút nhát và khó lấy lòng. Có tất cả chín đứa trẻ, năm trai hai gái là con của ông bà Rolling, và còn lại là hai đứa con của Ernest. Tôi chưa bao giờ thấy nhiều trẻ con dễ thương đến vậy, các bé trai trông thật dày dặn, khỏe mạnh, và bạo dạn với đôi mắt sáng như chim ưng, bé gái lớn rất xinh xắn sắc sảo, bé còn lại thì vẫn còn quá nhỏ. Khi ngắm chúng, tôi nghĩ rằng nếu tôi có con

cái thì chẳng mong một nơi ở nào tốt hơn nơi này, và chẳng mong bạn bè nào cho chúng tốt hơn đám trẻ này đâu.

Georgie và Alice, hai đứa con của Ernest, rõ ràng đang chơi như người một nhà với chúng, và gọi ông bà rolling là cậu và dì. Khi được đưa đến đây, chúng hẳn còn quá nhỏ, nên được xem như thể vừa mới được sinh ra trong nhà này vậy. Chúng chẳng hề biết rằng chúng tôi đã trả rất hậu cho vợ chồng nhà này để chăm sóc chúng. Ernest hỏi xem sau này lớn lên chúng muốn làm gì. Tất cả bọn trẻ đều chỉ có chung một ý nghĩ, cả Georgie cũng vậy, là muốn làm một người gác xà lan. Đúng là những con vịt con chẳng thể có được ao ước nào khác ngoài việc được xuống nước.

‘Còn con muốn làm gì, Alice?’ Ernest hỏi con bé.

‘Ôi,’ nó trả lời, ‘con sẽ cưới anh Jack đây, và làm vợ một người coi xà lan.’

Jack là đứa trẻ lớn nhất, khoảng độ mười hai tuổi, và khá cứng cáp, có lẽ nó cũng là hình ảnh của ông Rolling vào độ tuổi chùng đó. Khi nhìn vào thằng bé vốn rất thẳng thắn và được nuôi nấng tốt này, tôi có thể thấy Ernest đang cùng suy nghĩ với tôi là Alice hầu như chẳng thể kiếm được ai khác tốt hơn Jack nữa đâu.

‘Lại đây nào Jack, cậu bé của ta,’ Ernest gọi, ‘ta cho con một shilling này.’ Thằng nhỏ lúng túng và gần như chẳng thể lại gần chúng tôi dù trước đó vốn đã gần gũi chúng tôi đôi chút, bởi từ trước đến giờ, cũng có những người cho nó vài xu, nhưng chưa một ai cho nó vài shilling bao giờ. Cha nó nhẹ nhàng kéo tai và đẩy nó đến chỗ chúng tôi.

‘Jack là một đứa trẻ tốt,’ Ernest nói với ông Rolling, ‘tôi chắc như vậy.’

‘Vâng,’ ông chủ nhà trả lời, ‘nó là một đứa trẻ khá tốt, chỉ có điều tôi chẳng thể bắt nó học đọc và viết. Nó không thích đến trường, và đó là điều duy nhất tôi phiền lòng. Tôi chẳng biết có chuyện gì xảy ra với đám con tôi và con ông nữa, ông Pontifex ạ, bởi chẳng đứa nào trong chúng thích đọc sách cả, dù chúng vốn học rất nhanh. Thế đó, còn bé Jack đây, nó gần như sẽ là một người gác xà lan giỏi như tôi vậy.’ rồi ông nhìn đám con mình với vẻ đầy trù mến và tự hào.

‘Tôi nghĩ,’ Ernest bảo ông Rolling, ‘nếu nó muốn cưới Alice lúc lớn hơn, thì rất tốt, và nó sẽ được tặng bao nhiêu xà lan tùy thích. Còn trong lúc đó, ông Rolling à, hãy cứ dùng tiền theo cách của ông, và làm sao cho hữu ích tùy ý ông sắp đặt.’

Tôi gần như chẳng cần nói các bạn cũng thấy Ernest rất dễ dãi với hai vợ chồng nhà Rolling, tuy nhiên nó nhấn mạnh một điều khoản là họ không được buôn lậu nữa, và không được để bọn trẻ dính vào việc này, bởi có nguồn tin báo cho nó biết rằng một trong những nguồn sống của nhà này là nhờ vào buôn lậu. Ông Rolling không thấy phiền lòng gì khi phải bỏ việc này, và tôi tin rằng thế nào suốt những năm qua nhà này cũng đã bị những viên chức tuần tra ven biển nghi ngờ về tội trốn thuế rồi.

‘Tại sao con lại phải tách chúng khỏi nơi chúng đang ở,’ Ernest bảo với tôi khi đang trên tàu về nhà, ‘để rồi gửi chúng đến trường, nơi mà chúng sẽ chẳng thấy hạnh phúc chút nào, và là nơi sẽ khiến chúng phải lo lắng nhiều? Georgie muốn làm một người gác xà lan, cứ để nó làm như thế càng sớm càng tốt, nó có thể khởi đầu tốt đẹp với việc này hết như mọi việc khác, rồi nếu nó thể hiện được sự tiến bộ, con có thể xem xét hỗ trợ và giúp cho mọi việc của nó dễ dàng hơn, còn nếu nó không có chí tiến thủ, thì chẳng có gì thúc đẩy nó tiến lên nổi.’

Tôi tin rằng Ernest đang nghĩ đến một bài giảng về giáo dục nói chung, và về con đường ban đầu mà các thanh niên nên đi theo, nghĩa là vận dụng tiền bạc và sức lực tay chân ngang nhau, khởi nghiệp từ một vị thế xã hội thấp hơn của cha mẹ, và thậm chí còn xuống xa hơn vị thế thực của mình nữa. Nhưng tôi đã nghĩ về chuyện này quá nhiều rồi, hơn nữa chuyến đi bộ và làn gió nhẹ đã khiến tôi thấy buồn ngủ, nên từ trước lúc tàu qua nhà ga Greenhithe, tôi đã chìm sâu vào giấc ngủ khoan khoái rồi.



Ernest đã độ ba mươi hai hay ba mươi ba tuổi, và cũng đã dẫn bước vào cuộc sống mới được ba bốn năm rồi. Bây giờ nó đã ổn định ở London, và bắt đầu chuyên tâm viết lách. Cho đến lúc này, nó vẫn thể hiện được tiềm năng, nhưng lại chưa viết được tác phẩm nào trọn vẹn, và thực sự phải thêm thêm ba, bốn năm sau người ta mới biết đến tên tuổi nó.

Như tôi đã nói, cuộc sống của nó rất trầm lặng, gần như chẳng gặp ai ngoại trừ tôi và vài người bạn thân lâu năm của tôi. Chúng tôi cùng Ernest tạo thành một nhóm, và ngoài số này ra, nó gần như chẳng biết đến ai nữa.

Chi phí của nó chủ yếu hao tổn vào những chuyến du lịch thường xuyên tùy hứng của nó, nhưng bây giờ nó chỉ đi đâu đó ngắn ngày mà thôi. Sống như thế một năm nó tiêu hết khoảng một ngàn năm trăm bảng, số thu nhập còn lại nó đem cho người khác nếu thấy người đó xứng đáng, hoặc để lại chờ dịp nào đó thích hợp mà dùng đến chúng.

Tôi vẫn biết là nó đang viết gì đó, nhưng chúng tôi quá khác biệt về tư tưởng, nên ngầm hiểu cho nhau và hiếm khi nhắc đến chuyện này, mà như thế tôi chẳng hay biết nó đang chuẩn bị xuất bản sách cho đến một ngày nó đem đến và hiên ngang giới thiệu với tôi quyển sách của nó. Tôi mở ra và thấy đó là một loạt bài vừa mang tính thần học vừa mang tính xã hội, có vẻ như được viết bởi sáu hay bảy người khác nhau, cùng nhìn nhận một vấn đề từ nhiều quan điểm khác biệt.

Người ta vẫn chưa lãng quên quyển sách trừ danh ‘Luận Bình,’ và Ernest đã khôn ngoan biến ít nhất hai bài của nó có giọng văn như thể được viết bởi một giám mục vậy. Các bài trong quyển này đều ủng hộ Giáo hội anh giáo, và đều đưa ra những kiến nghị từ bên trong Giáo hội. Thoạt nhìn qua nội

dung có thể thấy đó là tác phẩm của khoảng sáu người có kinh nghiệm và địa vị cao quyết tâm đối diện với những vấn đề hóc búa ngày nay từ chính trong lòng Giáo hội, và làm vậy một cách táo bạo không thua gì những địch thù của Giáo hội đang làm chính việc đó từ bên ngoài.

Có một bài viết về những dấu chỉ bên ngoài của sự Phục sinh, một bài khác viết về luật hôn nhân của những quốc gia xuất chúng nhất từ quá khứ cho đến hiện tại, bài khác nữa dành để cân nhắc nhiều vấn đề cần phải được mở lại và xem xét lại về giá trị của chúng trong trường hợp giáo lý của Giáo hội anh giáo không còn giữ được vai trò thẩm quyền về đạo đức của mình nữa, còn có một bài nói về một vấn đề thuần túy xã hội hơn là sự nghèo khó của tầng lớp trung lưu, một bài nữa lại bàn về tính xác thật hay đúng hơn là tính xác thật của bốn sách Tin mừng, bài khác lại nhắm đến chủ đề ‘Chủ nghĩa Duy lý phi lý,’ và còn hai hay ba bài khác nữa.

Tất cả chúng đều được viết một cách mạnh mẽ không chút e dè như thể tác giả của chúng là những bậc thẩm quyền vậy, và tất cả đều cho rằng Giáo hội đang tuyên bố một niềm tin thật khó chấp nhận đối với những ai đã quen cân nhắc dựa trên chứng cứ rõ ràng, nhưng quyển sách này cũng cho rằng có quá nhiều chân lý giá trị gần như đã bị xáo đồng với những sai lỗi đáng ra không nên để bị trộn lẫn vào đây. Nhấn mạnh như thế thật chẳng khác gì cãi cùn về quyền trị vì của Nữ hoàng khi vin vào cái cơ Vua William Kẻ chinh phục là con hoang.

Có một bài nói rằng dù thật bất tiện khi phải thay đổi từ ngữ dùng trong kinh nguyện và tín điều, nhưng sẽ chẳng có gì bất tiện khi lạng lẽ thay đổi ý nghĩa của các từ trong đó. Và nó cũng chỉ rõ rằng đây là những gì đã thực sự diễn ra trong ngành luật và được mang tên sự phát triển và thích nghi của luật pháp, hơn nữa đó là một phương pháp chính đáng và thuận tiện mang lại hiệu quả thực sự dù trong bất kỳ thời đại nào. Bài này cũng khuyến nghị Giáo hội nên áp dụng phương pháp đó.

Một bài khác lại táo bạo bác bỏ việc Giáo hội dựa vào lý luận. Hiển nhiên rằng nền tảng tối cùng của Giáo hội là, và phải là, đức tin, ngoài nó ra, người ta không thể tin tưởng vào một nền tảng tối cùng nào khác. Người viết tuyên bố rằng nếu như thế thì Giáo hội không thể bị lật đổ bởi lý luận. Giống như

tất cả mọi thứ khác, Giáo hội thiết lập trên một giả định tiên khởi, chính là đức tin, và nếu nó có bị lật đổ thì cũng phải bị lật đổ do đức tin, chính là đức tin của những con người sống dễ mến hơn, đáng yêu hơn, có giáo dục hơn, và tất nhiên là có khả năng thắng vượt khó khăn hơn. Bất kỳ phái nào thể hiện được sự ưu việt trong những mặt này có lẽ sẽ thắng vượt tất cả, nhưng lại chẳng một ai có thể giữ sự tiến bộ của mình được lâu dài. Kitô giáo vẫn đúng bao lâu nó còn nâng đỡ vẻ đẹp, và đúng là nó đã làm rất tốt điều này. Nhưng Kitô giáo sai lầm bao lâu nó nuôi dưỡng sự xấu xa, và đúng là nó cũng tiến rất xa trong việc này. Bởi thế nó không đúng một chút hay sai một chút, xét cho cùng, khi đi xa hơn trong việc này người ta có thể khiến mọi chuyện tệ hơn, khôn ngoan nhất là nên sống với nó, làm những gì tốt nhất và tránh những việc tệ nhất. Người viết còn cảnh báo rằng chúng ta sẽ trở thành những kẻ khùng bố ngược đãi người khác như một lẽ tất yếu khi chúng ta bắt đầu cảm nhận mạnh mẽ một vấn đề gì đó, bởi thế không nên làm vậy, chúng ta không nên có cảm nhận quá mạnh về Giáo hội anh giáo. Chúng ta nên là những người theo anh giáo, nhưng nên theo một cách lãnh đạm, bởi trong số những người quan tâm quá nhiều đến tôn giáo hay vô tôn giáo hiếm khi thấy ai được giáo dục tốt và đáng mến. Tự bản thân Giáo hội nên học giống Giáo hội Laodicea để có thể giữ vững chính mình, còn mỗi thành viên trong Giáo hội cũng chỉ nên nhiệt tâm trong việc cố gắng lãnh đạm hết sức có thể.

Tập sách này đầy dũng khí của một kẻ vừa tin chắc vừa hoàn toàn không có chút tin tưởng gì, dường như nó là tác phẩm của những những người có một đường hướng tự đặt với hai tay lái là chủ trương quá khích một bên và tính nhẹ dạ ở bên còn lại, họ như những người nếu thuận lợi cho mình, thì chắc chắn sẽ chặt phăng nút thắt Gordius^[41], họ chẳng e dè định kiến nào về mặt lý thuyết và cũng chẳng sợ những thứ thiếu lý lẽ trong thực tiễn, bởi với họ chúng chỉ là những thứ mang chủ tâm ác ý và phi lý mà thôi. Họ nêu ra những kết luận thận trọng, cẩn mật và dễ chịu. Lập luận họ có được đều lấy từ những ngòi bút cấp tiến nhất thời này. Tất cả những gì họ đấu tranh để đoạt lấy đều đã được ban cho họ, nhưng nói chung, hoa trái chiến thắng vốn chỉ trao cho những ai đã có được nó rồi mà thôi.

Có lẽ đoạn văn thu hút nhiều sự chú ý nhất nằm trong một bài nói về những chế độ hôn nhân khác nhau trên toàn thế giới. Nó như thế này:

‘Nếu người ta yêu cầu chúng ta kiến tạo, thì việc dưỡng dục tốt sẽ là tảng đá góc trong công trình lớn của chúng ta. Chúng ta phải biết rằng dưỡng dục luôn tồn tại cách ý thức hoặc vô thức trong tâm trí tất cả mọi con người với tư cách là đức tin tâm điểm nhờ đó mà chúng ta sống, vận động và hiện hữu, và cũng chính nó là tiêu chuẩn cho tất cả mọi sự để biết được liệu sự gì tốt hay xấu dựa trên việc nó tạo thuận lợi hay chống lại sự dưỡng dục.

Như thế nghĩa là người ta nên được dưỡng dục tốt, và nên dưỡng dục tốt người khác, chính dáng vẻ, cái đầu, đôi tay, bàn chân, giọng nói, cách hành xử và trang phục sẽ là bằng chứng cho điều này, để ai ai khi nhìn vào anh ta đều thấy được rằng anh ta có được một gia sản phong phú và gần như tự mình cũng sẽ làm việc đó cho người khác, chính đó là *desiderandum*, điều đáng mong đợi. Và đối với phụ nữ cũng như vậy. Con số lớn nhất những con người được dưỡng dục tốt và phúc lợi lớn nhất cho những người như thế, chính là điều thiện hảo cao nhất mà tất cả mọi chính phủ, mọi quy ước xã hội, mọi ngành nghệ thuật, văn học và khoa học phải nhắm đến cách trực tiếp hay gián tiếp. Thánh nhân chính là những người trong tiềm thức luôn nhắm đến điều này trong khi làm việc lẫn lúc tiêu khiển.’

Nếu Ernest tự mình đứng tên xuất bản tác phẩm này tôi nghĩ rằng nó sẽ chết yểu từ lúc lên khuôn, nhưng nó đã chọn đúng kiểu hành văn gợi trí tò mò của người ta, và như tôi đã nói, nó khôn khéo dùng vài lời bóng gió khiến các nhà phê bình sẽ nghĩ rằng chẳng có kẻ nào đủ liều lĩnh để viết kiểu như thế nếu không phải là một giám mục, hoặc ít ra cũng là người có một thẩm quyền nhất định nào đó. Người ta đồn rằng một trong số các tác giả của quyển này là một quan tòa lừng danh, và từ đó, chẳng bao lâu sau sáu hay bảy giám mục và quan tòa hàng đầu đã hội nhau lại để viết một tập sách, dự định sẽ vượt cả quyển ‘luận Bình’ đồng thời sẽ xóa tan tác động của quyển sách này vốn vẫn còn nổi tiếng đến nay.

Với chúng ta, các nhà phê bình là những người thích những cảm xúc mạnh mẽ, và với họ cũng như với bất kỳ ai khác, *omne ignotum pro magnifico*, những gì không hiểu được là những gì được xem là huyền diệu

phi thường. Quyển sách này thật sự có giá trị và đồng thời cũng chuyển tải được tính hài hước, châm biếm hợp lý, và đúng đắn. Đôi khi có nhiều người chỉ chú ý đến và nghiên cứu nó chỉ bởi tác giả của nó, còn nếu không, chắc chẳng bao giờ họ thèm lướt qua đâu. Một trong những tuần báo bán chạy nhất đã tán dương nó và tuyên bố đây là quyển sách hay nhất được viết kể từ tập ‘Các lá thư Tỉnh lẻ’ của Pascal^[42]. Cứ mỗi một tháng tuần báo này luôn tìm ra được một bức tranh đẹp nhất từng được vẽ kể từ sau một tuyệt phẩm nào đó, hoặc một lời châm biếm hay nhất từng được nói ra kể từ thời của Swift, hay một thứ tuyệt vời vô song nào đó từng xuất hiện kể từ một tuyệt phẩm nào đó khác. Nếu Ernest tự nhận là tác giả trong quyển sách này, và người ta biết nó chẳng có tên tuổi gì cả, thì thế nào cũng sẽ viết khác đi. Các nhà phê bình đang nghĩ là mình đang lấy lòng một Công tước hay thậm chí là một Vương công nào đó, và cứ cố gắng hết sức mình cho đến khi thấy ra người họ đang tán dương chỉ là một anh Brown, Jones hay Robinson nào đó mà thôi. Rồi họ thất vọng, và thường thì chẳng thèm quan tâm đến anh chàng tác giả tội nghiệp này nữa.

Ernest không hiểu nhiều về thế giới văn học như tôi, và tôi e rằng nó sẽ hơi kích động khi một mai thức dậy bỗng thấy mình nổi tiếng. Nó là con của Christina, và có lẽ những gì nó làm được cũng phần nào nhờ vào cái tính tự hào đôi khi quá độ được thừa kế từ mẹ nó. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, nó thấy ra được tất cả mọi chuyện của giới văn học này, và lặng lẽ quyết tâm viết một loạt sách mới, trong đó nó nhấn mạnh những điều mà chẳng ai dám nói cho dù họ có thể, hay không thể nói và cho dù có muốn nói ra bao nhiêu đi chăng nữa.

Nét văn của Ernest không được tốt lắm. Tôi có lần nói vui với nó rằng nó giống như người của thế kỷ trước, và cái nét văn đó sẽ chẳng làm được gì ngoài việc làm xấu đi những tập sách này.

Nó cười mà bảo rằng đúng ra nó phải giống một vài nhà văn hiện đại mà nó biết, với những tập sách quá nghèo nàn đến nỗi chẳng gì có thể kéo họ lên nổi ngoại trừ cái nét văn của họ.

Tôi nhớ ra là sau khi một trong những quyển này xuất bản tôi đã tình cờ gặp bà Jubb, người vốn lâu nay được nhận một khoản trợ cấp nhỏ hằng tuần

từ Ernest. Hôm ấy, vì lý do gì đó, trong khoảng vài phút, chỉ còn lại bà và tôi trong phòng làm việc của Ernest. Tôi bảo bà ấy, ‘Cậu Pontifex vừa viết một quyển sách khác đó, bà Jubb à.’

‘Ôi lạy Chúa, mới đây à,’ bà kêu lên, ‘thực sự là vậy à? Đúng là một quý ông! Là sách về tình yêu à!’ Và bà già tội lỗi này ném cho tôi một ánh mắt đưa tình dưới hai hàng mi già cỗi. Tôi chẳng biết tôi có nói gì để khiến bà ta làm như vậy không nữa, mà có lẽ là không, nhưng bà ta cứ lao lên nhanh hết sức có thể rồi kể rằng Bell đã cho bà một vé xem opera, ‘Thì, tất nhiên là tôi đã đi. Tôi chẳng hiểu gì hết bởi người ta toàn nói tiếng Pháp, nhưng tôi thấy được chân họ rồi. Ôi ông thân mến, ông à! Tôi e là tôi sẽ chẳng còn ở đây được bao lâu nữa, và khi cậu Pontifex thấy tôi nằm trong quan tài, hẳn cậu ấy sẽ nói, ‘Bà Jubb tội nghiệp, bà chẳng còn được ba hoa tán chuyện nữa rồi,’ nhưng may phước, tôi vẫn chưa quá già, và tôi còn đang đi học nhảy nữa đây.’ lúc này Ernest bước vào và cuộc nói chuyện được đổi sang chủ đề khác. Bà Jubb hỏi xem lúc hoàn thành quyển này rồi, nó còn dự định viết thêm nữa không. ‘Tất nhiên rồi,’ Ernest trả lời, ‘Tôi luôn luôn viết, đây là bản thảo cho quyển kế tiếp,’ và nó cho bà xem cả một chồng giấy.

‘Ôi thế là,’ bà ta kêu lên, ‘ôi thôi, đây đúng là bản thảo đấy à? Tôi thường nghe người ta nói về bản thảo, nhưng chưa bao giờ tôi nghĩ là mình sống được đến ngày tự mắt nhìn thấy nó một lần. Hay quá! Vậy đây là bản thảo thật chứ?’

Nơi cửa sổ phòng làm việc của Ernest có vài cây phong lữ và chúng trông không được vừa mắt cho lắm, Ernest hỏi bà Jubb xem bà có hiểu về hoa hay không. ‘Tôi hiểu ngôn ngữ loài hoa chứ,’ bà nói kèm theo ánh mắt đưa tình ớn lạnh, và đến đây thì chúng tôi tiễn bà đi, trước lúc ra về bà cố lấy lòng chúng tôi bằng cách xin lần khác sẽ đến thăm, và bà biết thế nào mình cũng sẽ được ưng thuận bởi Ernest thấy thích bà.



Và lúc này tôi buộc phải đưa câu chuyện của mình đến hồi kết.

Những chương trước được tôi viết ngay sau khi sự việc vừa xảy ra, nghĩa là vào mùa xuân năm 1867. Trong thời gian đó, tôi đã dần viết thêm câu chuyện câu chuyện của mình rồi, nhưng thỉnh thoảng vẫn phải sửa đổi chỗ này chỗ khác. Còn bây giờ là mùa thu năm 1882, và nếu tôi không chóng hoàn tất quyển này, có lẽ tôi sẽ chẳng bao giờ làm được điều đó nữa, bởi tôi đã tám mươi hai tuổi và dù sức khỏe vẫn tốt nhưng vẫn chẳng thể giấu đi sự thật rằng tôi đã già mất rồi. Bản thân Ernest cũng đã được bốn mươi bảy tuổi, dù trông nó có vẻ trẻ hơn nhiều.

Ernest đang giàu hơn bao giờ hết, bởi nó vẫn chẳng kết hôn và khối cổ phiếu London and North-Western của nó đã tăng lên gần gấp đôi. Do hoàn toàn không có năng lực để tái đầu tư khoản thu nhập của mình, nó đành phải tích lũy chúng. Kể từ lúc bỏ cửa hàng đến giờ, nó vẫn sống trong căn hộ ở khu Thánh Đường mà tôi đã chọn cho nó, bởi chẳng ai có thể khuyên được nó bỏ tiền mua một ngôi nhà cả. Nó bảo rằng nhà của mình là bất cứ nơi nào có một khách sạn tốt, vậy là tuyệt vời. Những lúc ở London, nó thích làm việc một cách kín tiếng. Còn khi rời thành phố, nó chẳng thấy luyến tiếc gì mấy, và nó không thích bị ràng buộc vào một nơi cố định. ‘Con chẳng có khái niệm về cái luật là mua sữa thì rẻ hơn nuôi một con bò.’ Nó bảo tôi vậy.

Trước đây tôi đã nói với các bạn về bà Jubb, bây giờ tôi nghĩ mình nên nói thêm chút ít còn lại nữa. Bây giờ bà ta đã rất già, nhưng như lời hãnh diện của bà, thì chẳng ai còn sống có thể nói được bà đã bao nhiêu tuổi rồi, bởi cái bà ở phố Old Kent đã chết và có lẽ đã mang theo xuống mồ bí mật này. Tuy nhiên, dù đã già, bà vẫn ở trong căn nhà cũ và vẫn phải chặt vật

xoay xở để sống, tôi không biết là bà phải vất vả với tiền bạc như vậy, nhưng dù gì như thế khiến cho bà chẳng có đủ tiền để uống rượu nhiều hơn mức cần thiết. Chẳng ích gì khi cố giúp bà ngoại trừ việc trợ cấp mỗi tuần và đừng bao giờ cho bà được ứng trước đồng nào hết. Ngày thứ bảy nào, bà ta cũng đem cái bàn là đi cầm lấy bốn xu, và đến sáng thứ hai lúc được nhận trợ cấp lại đi lấy về với giá bốn xu rưỡi, và cứ làm thế mãi suốt mười năm gần đây. Chúng tôi biết rằng, bao lâu bà vẫn chưa bán đứt cái bàn là, thì bà vẫn còn có thể giải quyết được vấn đề tiền bạc của mình theo cái cách vụng trộm đó, nên chúng tôi cứ để như vậy. Nếu đến lúc bà ta không thể chuộc lại nổi cái bàn là, chúng tôi mới bắt đầu can thiệp. Chẳng biết tại sao, nhưng có điều gì đó ở bà ta cứ luôn gợi cho tôi nhớ đến một người vốn chẳng có gì giống bà ta cả, ý tôi là Christina, mẹ của Ernest. Lần cuối cùng tôi ngồi buôn chuyện dài giờ với bà Jubb là cách đây hai năm trước, khi bà ta đến thăm tôi thay vì ghé nhà Ernest. Bà nói rằng bà gặp một chiếc xe ngựa đi ra ngay khi bà vừa đến cầu thang, và đã thấy cha của cậu Pontifex thò cái đầu xấu xí của ông ta ra khỏi cửa, nên bà phải đến tìm gặp tôi, bởi bà chẳng dễ gì chịu khó cúi chào cái loại người như ông ấy. Bà thú nhận là đang rất xui xẻo, các khách trọ đối xử với bà quá bạc, họ bỏ đi mà chẳng trả tiền trọ và cũng không để lại gì có giá, nhưng hôm nay bà lại đang thấy rất hạnh phúc. Bà đã được một bữa tối ngon miệng với món thịt heo nấu với đậu xanh. Bà đã khóc mừng vì món đó, nhưng rồi bà lại bắt đầu ngờ nghệch, mà với tuổi của bà thì đúng là phải vậy.

‘Và còn Bell nữa,’ bà ta tiếp tục, dù tôi chẳng thấy cả đồng chuyện này có chút liên hệ gì với nhau, ‘ai ai cũng sẽ thấy thật đáng chán khi giờ này nó đang đến nhà nguyện, mẹ nó đang chuẩn bị đi gặp Chúa Giêsu và với tôi thế là hết, nhưng mà bà ta sẽ chẳng chết đâu, mỗi ngày bà ấy còn uống được nửa chai sâm banh, và còn Grigg với đồng bài giảng của anh ta, ông biết đó, anh ta hỏi Bell xem tôi có thực sự truy lạc hay không, mà không, tôi không như vậy, ngoại trừ lúc còn trẻ, lúc nào tôi cũng sẵn sàng ‘bay đêm’ ở Holborn, và nếu tôi có áo quần để diện và còn đủ răng thì thế nào tôi cũng sẽ làm thế ngay bây giờ. Tôi đã mất Watkins yêu dấu của mình rồi, nhưng tất nhiên không thể không mất được, rồi tôi còn mất Rose yêu quý nữa. Những tên

bóng ngu ngốc đến và đi trên xe ngựa rồi lãnh lấy bệnh viêm phổi. Khi tôi hôn Rose yêu quý ở hành lang Pullen rồi cô ấy cho tôi miếng sườn, tôi chẳng bao giờ nghĩ là sẽ không bao giờ được gặp lại cô nữa, và các ông bạn của cô cũng mến cô nhiều như vậy, dù họ đã có vợ hết rồi. Tôi dám cá là giờ này cô ấy đang ngà ngà say đó. Nếu cô có thể gặp tôi lần nữa, và thấy những ngón tay xấu xí của tôi, thì thế nào cô ấy cũng sẽ khóc, và tôi sẽ bảo rằng, ‘Đừng có lo, con yêu, ta ổn mà.’ Ôi! Ông ơi, trời đang chuẩn bị mưa. Tôi ghét đêm thứ bảy ẩm ướt, các cô mang vớ trắng^[43] tội nghiệp còn phải kiếm ăn nữa mà,’ ... v.v.

Người ta bảo đáng ra tuổi tác phải bào mòn bà già tội lỗi vô thân này, nhưng không phải vậy. Dù bà ta đã sống thế nào đi nữa, thì đúng là bà đã sống rất hợp với nó. Nhiều lần bà bắt chúng tôi phải hiểu rằng bà còn rất hấp dẫn với đàn ông, rồi những lúc sau lại nói bằng giọng điệu hơi khác đi một chút. Bà không cho phép bất kỳ ai kể cả Joe King được phép chạm vào môi bà suốt mười năm qua. Và ngày nào bà cũng phải ăn một miếng sườn cừu. ‘À, nhưng mà, đáng ra ông phải được thấy thời xuân sắc lúc tôi mới mười bảy tuổi. Tôi giống hệt người mẹ tội nghiệp của tôi, bà ấy rất đẹp, dù tôi không nên nói như thế. Bà có làn môi và hàm răng rất đẹp. Thật là tội lỗi khi đem chôn chung hàm răng đó với bà.’

Tôi chỉ biết có một điều, mà theo bà tự nhận, có thể khiến cho bà thấy choáng. Đó là việc con trai bà Tom và vợ nó Topsy đang dạy cho con cái chữ thề. ‘Ôi, thật kinh khủng, bực mình quá đáng,’ bà kêu lên, ‘dù chẳng rõ nghĩa nhưng tôi đã bảo nó là một con sâu ngu vì rượu.’ Tôi tin là ngược với lời vừa nói, thực sự bà ta rất thích cái việc dạy chữ thề này.

‘Nhưng mà, bà Jubb à,’ tôi bảo, ‘vợ của Tom không phải là Topsy. Bà thường gọi cô ấy là Pheeb mà.’

‘À, đúng rồi,’ bà ta trả lời, ‘nhưng Pheeb cư xử quá tệ, nên bây giờ là Topsy.’

Cách đây một năm, con gái Alice của Ernest đã kết hôn cùng cậu bạn thuở nhỏ của mình. Ernest cho chúng tất cả những gì chúng xin, và thậm chí còn hơn thế nữa. Chúng đã sinh được cho nó một đứa cháu, và tôi tin là sẽ còn thêm nhiều nữa. Còn Georgie, con trai Ernest, dù chỉ mới hai mươi mốt tuổi

đã làm chủ một tàu hơi nước loại tốt nhờ được cha nó mua cho. Từ năm mười ba tuổi nó đã bắt đầu đi xà lan chở gạch cùng với hai vợ chồng Rolling và Jack, chồng của Alice, từ Rochester đến thượng nguồn sông Thames, rồi cha nó mua cho nó và Jack mỗi đứa một chiếc xà lan riêng, rồi đến thuyền, và cuối cùng là mỗi đứa một chiếc thuyền hơi nước. Tôi chẳng biết chính xác cách người ta kiếm tiền từ thuyền hơi nước như thế nào, nhưng đó là một cách kiếm tiền bình thường, và nghĩ lui nghĩ tới tôi thấy rằng việc này kiếm được rất khá. Georgie có khuôn mặt rất giống cha nó, nhưng theo những gì tôi thấy được, thì nó không có nét sắc sảo thể hiện thiên hướng văn chương nào, nó có tính khôi hài tương đối và nền tảng thường thức tốt, nhưng rõ ràng trong nó là một bản năng theo thiên hướng thực dụng. Tôi cho rằng nơi nó là hình ảnh của Theobald trong bộ đồ đi thuyền, hơn là của Ernest. Còn nhân vật chính của chúng ta vẫn thường hai lần một năm, xuống Battersby và ở lại với cha mình vài ngày cho đến tận khi anh qua đời, cả hai vẫn giữ mối giao hảo tuyệt vời, dù cho các giáo sỹ bạn của Theobald cứ mở miệng ra là nói đến ‘những quyển sách tồi tệ của ông Ernest Pontifex’. Có lẽ sự hòa hợp, hay đúng hơn là không gây hấn, giữa hai bên là nhờ Theobald chưa bao giờ đọc bất kỳ một quyển sách nào của con mình, và Ernest tất nhiên cũng chẳng bao giờ nói chút gì về chúng trước mặt anh. Như tôi đã nói, cả hai sống rất tốt với nhau, nhưng chắc chắn đó cũng là nhờ Ernest không thường xuyên về nhà và mỗi lần về cũng chẳng ở lại nhà quá lâu. Có một lần Theobald muốn Ernest đưa cháu về cho anh gặp mặt, nhưng nó biết là chúng sẽ chẳng thích việc này, nên đã không làm vậy.

Đôi khi Theobald lên London vì vài việc vặt vãnh và ghé thăm phòng làm việc của Ernest, anh thường đem cho nó hai bó rau diếp, hay bó cải bắp, hoặc năm sáu cây cải bó trong một mảnh giấy gói hàng, và nói với nó rằng anh biết ở London này khó mà tìm được rau tươi nên anh đem lên cho nó một ít. Ernest thường phải giải thích với anh rằng nó không cần rau làm gì, và anh không cần phải đem cho nó nữa, nhưng Theobald cương quyết không chịu, tôi tin là do anh cực kỳ muốn làm những gì con trai mình không thích, nhưng dù gì thì việc này cũng quá nhỏ không cần phải để ý.

Anh vừa mất cách đây một năm, khi một sáng nọ, người ta phát hiện ra anh đã yên nghỉ trên giường sau khi viết cho con trai mình lá thư sau:

‘Ernest yêu quý,

Ta chẳng có gì đặc biệt để viết, nhưng lá thư của con đã nằm dưới đáy hỏa lò của những lá thư chưa được trả lời, nghĩa là nơi túi áo của ta quá lâu rồi, và ta thấy đã đến lúc cần phải hồi đáp cho con.

Ta vẫn cực kỳ khỏe mạnh và có thể tự mình đi bộ năm hay sáu dặm một cách thoải mái, vào tuổi này ta chẳng biết sẽ trụ được bao lâu nữa, mà thời gian thì cứ vụt qua như chim bay. Buổi sáng ta bận rộn với việc chăm cây cối, nhưng đến chiều nay thì rất chán.

Cái chính phủ tệ hại này làm gì với Ireland vậy không biết? Chính xác thì ta chẳng mong họ sẽ nổi cơn tam bành với ông Gladstone, nhưng nếu có con bò điên nào cứ truy đuổi ông ấy, thì thế nào ông sẽ chẳng thể trở lại nữa đâu, ta chẳng lấy làm tiếc cho ông ta chút nào. Ngài nghị Hartington không hoàn toàn là người mà ta muốn đảm đương chức vị đó, nhưng dù gì ông ta cũng hơn xa Gladstone.

Ta nhớ Charlotte, em gái con rất nhiều. Con bé chăm lo việc nhà cho ta, và ta có thể kể với nó bất kỳ ưu phiền nhỏ nhặt nào, còn giờ đây Joey cũng đã kết hôn rồi, ta chẳng biết mình sẽ ra sao nếu một trong số chúng không thỉnh thoảng về thăm và chăm sóc cho ta. Niềm an ủi duy nhất bây giờ là Charlotte có thể khiến cho chồng nó hạnh phúc, và anh ta cũng gần xứng đáng làm chồng của nó.

Hãy tin tưởng ở ta, Cha yêu quý của con,

THEOBALD PONTIFEX’

Tôi nên nói thêm là dù Theobald nói như thế Charlotte vừa mới kết hôn đây, nhưng thực sự việc này đã được sáu năm rồi, bây giờ con bé được ba mươi tám tuổi và sống với người chồng kém nó đến bảy tuổi.

Chắc hẳn Theobald đã qua đời yên bình trong giấc ngủ. Liệu một người đã chết có bị xem là đã chết hoàn toàn hay không? Người ta thấy nơi anh những triệu chứng của cái chết, nhưng về phần mình, anh không những chưa chết mà thậm chí còn không nghĩ là mình đang chết nữa. Như thế có gì đó giống như sống dở chết dở. Anh cho thấy quá nhiều biểu hiện sự sống đến

nỗi tôi cho rằng xét cho cùng thì nghĩ rằng anh đang sống sẽ dễ hơn là nghĩ rằng anh chưa từng sinh ra, nhưng chỉ có thể được như vậy khi không suy xét mọi sự quá khắt khe mà thôi.

Tuy nhiên, đây không phải là nhận định chung về anh, mà nhận định chung thường là những gì chân thực nhất.

Ernest đã nhận quá nhiều lời chia buồn và thương tiếc dành cho cha nó. ‘Ông ấy không bao giờ,’ lời của bác sỹ Martin, người đã giúp Ernest chào đời, ‘nói dù chỉ một lời ác khẩu với bất kỳ ai. Bất cứ ai từng được tiếp xúc với ông đều không chỉ thích, mà còn cực kỳ quý mến ông nữa.’

‘Một con người làm việc với sự công chính và công bằng trên mức hoàn hảo,’ vị luật sư gia đình thêm vào, ‘Tôi chưa bao giờ phải vất vả, cũng như chưa từng phải xử lý bất kỳ giao dịch chậm trễ nào vì ông ấy.’

‘Chúng ta sẽ tiếc nhớ ông ấy,’ giám mục viết thư chia buồn đến Joey với những lời lẽ ấm áp nhất. Còn những người nghèo thì bàng hoàng. ‘Giếng nước luôn có sẵn cho mọi người,’ một bà già nói, ‘cho đến khi nó cạn khô,’ và bà ta cũng chỉ nói những lời hết như cảm nghĩ của mọi người khác. Ernest biết rằng những cảm giác thương tiếc chung này là thật bởi đây là một mất mát không dễ gì bù đắp. Nó thấy rằng trên thế giới này chỉ có ba người không thật tâm tán dương cha nó, và đó đáng ra phải là ba người cuối cùng có thể hờ hững với chuyện này, chính là Joey, Charlotte và bản thân Ernest. Nó ghét cay ghét đắng bản thân mình mỗi khi nhận ra nó đang cùng suy nghĩ với Joey và Charlotte trong bất kỳ vấn đề nào, nhưng may thay, nó buộc phải che giấu mọi thương cảm dành cho Theobald hết mức có thể, không phải bởi những gì anh đã gây cho nó, đó chỉ là những chuyện quá lâu rồi nên chẳng còn nhớ làm gì nữa, nhưng là bởi anh sẽ chẳng bao giờ cho phép nó nghĩ về anh bằng cái cảm giác thương mến mà nó luôn cố dành cho anh. Bao lâu hai cha con còn dùng những lời sáo rỗng với nhau thì mọi chuyện vẫn ổn, nhưng nếu chỉ cần chệch ra ngoài lối mòn rách nát này một chút mà thôi, thì Ernest luôn luôn cảm thấy những bản năng của cha nó bắt đầu lộ ra và đối đầu với nó ngay lập tức. Khi công kích, cha nó bắt bẻ hết sức có thể mọi lời miệng nó phát ra và thể hiện sự thỏa mãn rõ ràng mỗi khi nó bị lúng túng và rụt lại. Những lời của ông bác sỹ già khi nói Theobald

chẳng nói phạm đến ai là hoàn toàn đúng với mọi người, ngoại trừ nó, và nó còn biết rất rõ là chẳng một ai ngấm ngấm bôi xấu thanh danh của nó hơn là chính cha nó. Đây là một chuyện thường tình và rất tự nhiên, thường xảy ra khi người con đúng, người cha sai, và ông ta không chấp nhận như thế nếu như vẫn còn cách gì đó, dù không tốt, để thay đổi nó.

Tuy nhiên, thật khó để nói xem liệu đâu mới là căn nguyên của mối bất hòa này. Nguyên nhân không phải do Ernest đã từng ở trong tù, bởi Theobald cũng nhanh chóng quên hết chuyện này hết như chín phần mười các ông bố khác mà thôi. Chắc chắn một phần chuyện này là do bởi tính khí của hai cha con không hợp nhau, nhưng tôi tin rằng nguyên do chính yếu là bởi Ernest đã sống quá sức độc lập và giàu có ngay khi nó còn quá trẻ, và như thế người cha già Theobald đã bị tước đi quyền hạn được bươi móc tung hứng chọc giỡn nó, mà anh thấy là đáng ra mình phải có. Cái thú được làm khổ người khác một cách vụn vặt và an toàn đã có sẵn trong máu anh kể từ ngày anh bảo bà vú nuôi rằng anh sẽ giữ bà lại đó để hành hạ bà. Tôi cho rằng tất cả chúng ta cũng có tính đó. Và tôi tin chắc hầu hết các ông bố, đặc biệt là những mục sư đều giống như Theobald vậy.

Trong thực tế, Theobald cũng chẳng ưa gì Joey hay Charlotte hơn Ernest chút nào đâu. Tôi tin rằng, anh chẳng thích ai hay bất kỳ cái gì, hoặc giả anh có thích được một ai đó, thì chỉ có thể là người quản gia của anh, vốn chăm sóc cho anh lúc anh không khỏe, và quan tâm nhiều cũng như tin tưởng rằng anh là người tốt nhất và giỏi giang nhất trên đời. Tôi chẳng biết liệu sau khi được nghe di chúc của Theobald, người hầu tin cẩn và gắn bó này còn tiếp tục nghĩ về anh được như thế nữa hay không. Còn trong số con cái, đứa con duy nhất anh cho là đã cư xử hiếu thảo với anh chính là đứa con đã bị chết ngay khi vừa mới sinh được một ngày. Và anh gần như chẳng bao giờ tỏ vẻ nhớ Christina cũng như không bao giờ nhắc đến tên cô, nhưng người ta lại cho là anh làm vậy bởi quá đau lòng khi mất cô. Cũng có thể là vậy, nhưng tôi nghĩ là không.

Những đồ dùng của Theobald đều được đem đi bán đấu giá, trong đó có cả quyển Tân Cựu Ước hòa hợp mà anh đã biên soạn sưu tầm suốt nhiều năm rất rõ ràng và tỉ mỉ, cùng với một bộ sưu tập lớn các bài giảng mà anh

đã tự tay viết nên. Và hai vật này mỗi thứ đem về được chín xu. Tôi ngạc nhiên khi nghe biết Joey đã không chịu bỏ ra khoảng ba hay bốn shilling vốn có thể mua lại hết đồng hồ này, nhưng Ernest cho tôi biết rằng Joey thậm chí còn ghét cha mình hơn cả nó nữa, và chỉ muốn vứt bỏ hết tất cả những gì có liên quan đến Theobald mà thôi.

Lúc này cả Joey và Charlotte đều đã lập gia đình rồi. Và hai đứa con trai của Theobald hiếm khi gặp gỡ nói chuyện với nhau. Tất nhiên, theo di chúc của cha, Ernest chẳng nhận được thứ gì, và chuyện này từ lâu đã được hai người ngầm hiểu với nhau rồi.

Charlotte vẫn tinh ranh như thường, thỉnh thoảng nó mời Ernest đến thăm và ở lại nhà vợ chồng nó gần Dover, tôi cho rằng con bé làm vậy bởi nó biết những lời mời của nó sẽ khiến Ernest thấy khó chịu. Mọi lá thư con bé viết đều mang giọng điệu kiêu kỳ kẻ cả, thật khó để nói thẳng nhưng lúc nào nhận thư của con bé Ernest đều có cảm giác như chúng được viết bởi một người đã được trực tiếp chuyện trò với thiên thần vậy. ‘Thật là lạ đời,’ Ernest từng bảo tôi, ‘vị thiên thần đã khiến cho Charlotte trở nên như thế này hẳn phải thật quái đản.’

‘Anh có thích ý tưởng về một vùng biển nhỏ biển động không?’ lời trong thư Charlotte gửi Ernest cách đây không lâu, ‘mỏm vách đá sẽ sớm sáng lên nhờ những cây thạch nam, cây kim tước đã không còn nữa, và khi đã xem qua ngọn đồi ở Ewell, em nghĩ là cây thạch nam sẽ nảy nở ở đây, nhưng dù có chúng hay không, vách đá vẫn luôn đẹp tuyệt vời, và nếu anh đến, em sẽ chuẩn bị sẵn một phòng ấm cúng để anh có góc nghỉ ngơi cho riêng mình. Mười chín shilling và sáu xu là giá cho vé khứ hồi với chuyến về trong vòng một tháng. Anh nên quyết định đến hay không tùy vào ý thích của anh, chỉ như thế chúng em mới có thể hy vọng sẽ cố gắng khiến cho anh vui được, và anh đừng để chuyện này làm nặng lòng mình nếu anh thấy bị ép buộc phải đến thăm chúng em như thế này.’

‘Lúc gặp ác mộng,’ Ernest nói với tôi lúc nó cười và chỉ tôi xem lá thư của em nó, ‘con mơ thấy mình đang ở trong nhà Charlotte.’

Những lá thư của con bé được cho là viết rất tốt, và tôi tin là gia đình Theobald cho rằng Charlotte có năng khiếu văn học thực sự vượt xa Ernest.

Đôi lúc, chúng tôi nghĩ rằng con bé viết thư cho anh nó chỉ để nói, ‘Đây này, anh nghĩ rằng mình là người duy nhất trong nhà có thể viết văn hay sao, hãy đọc đi! Và nếu anh cần bổ sung bút pháp cho quyển sách mới của mình, thì cứ rút ra từ lá thư này tùy thích.’ Tôi dám nói rằng con bé viết rất tốt, nhưng lại bị sa vào việc lạm dụng quá nhiều những từ ‘hy vọng,’ ‘cảm thấy,’ ‘nỗ lực,’ ‘rạng rỡ,’ và ‘một ít,’ con bé gần như không thể viết một trang mà không có những từ này, thậm chí có từ được lặp lại nhiều lần. Như thế khiến cho văn phong của nó trở nên nhàm chán, đơn điệu.

Ernest vẫn đam mê âm nhạc như xưa, thậm chí còn hơn nữa, và những năm gần đây nó lấn sân qua cả mảng soạn nhạc. Nó vẫn thấy việc này khá khó khăn, và luôn gặp vấn đề khi chuyển từ cung Đô sang cung Đô thăng và không thể trở về lại cung cũ được.

‘Chuyển sang cung Đô thăng,’ nó bảo, ‘giống như thể một cô gái yếu đuối đang đi xe điện ngầm, và thấy mình bị lạc ở quận Shepherd’s Bush, mà chẳng biết nên đi về đâu. Làm sao để cô ấy an toàn về lại được nhà ga Clapham Junction? Mà kể cả nhà ga Clapham Junction cũng không đúng, bởi nó vẫn giống như quăng giáng bầy, rất dễ dẫn đến trùng âm, và rồi sẽ khiến con phải chuyển sang bất kỳ nốt kết nào có thể.’

Nói chuyện về âm nhạc khiến tôi nhớ đến một cuộc nói chuyện cách đây không lâu giữa Ernest với bà Skinner và con gái đầu của họ. Tiến sỹ Skinner đã rời Roughborough và đảm nhận chức vụ trưởng một nhà thờ chính tòa ở miền Trung, một vị trí hợp nhất đối với ông. Khi biết ông đang ở gần nhà mình, Ernest đến thăm như một người quen cũ, và được niềm nở mời ở lại dùng bữa trưa.

Ba mươi năm trôi qua đã nhuộm trắng đôi lông mày rậm của ông, dù đầu tóc giả của ông không trắng đi nổi. Tôi tin rằng nếu không có đầu tóc đó thì thế nào ông cũng được chỉ định làm giám mục rồi.

Giọng nói và cử chỉ của ông vẫn hệt như trước, và khi Ernest chú ý thấy có một tấm bản đồ Roma treo trong phòng lớn, và buộc miệng nói về chính phủ Ý, ngài tiến sỹ đáp lại với giọng phô trương thường thấy của mình, ‘Đúng rồi, chính phủ ^[44] quốc, hay nói theo kiểu của ta là, chính phủ Ý quốc.’ Sau khi thể hiện được mình, ông rút một hơi thuốc dài qua kẽ miệng và phà

khói thanh thản vào hư không, đúng hết phong cách của ông thời còn làm hiệu trưởng. Trong bữa ăn, đúng là ông có nói rằng mình ‘gần như không thể nghĩ đến bất kỳ chuyện gì khác,’ nhưng rồi ông đính chính ngay và thay bằng, ‘gần như không thể nuôi dưỡng những ý tưởng vô ích,’ có vẻ ông rất hài lòng thoải mái sau khi đã kịp chữa lời. Ernest vẫn thấy tiến sỹ đặt những tập tác phẩm quen thuộc của trên kệ sách phòng ăn, nhưng lại chẳng thấy quyển ‘Roma hay Kinh Thánh?’ ở đâu cả.

‘Và anh vẫn thích âm nhạc như trước chứ, anh Pontifex?’ cô Skinner hỏi Ernest trong bữa ăn.

‘Một số thể loại nhạc thì đúng, cô Skinner ạ, nhưng cô biết đó tôi chưa bao giờ thích nhạc hiện đại.’

‘Chẳng lẽ nó khủng khiếp lắm à? Anh không nghĩ là chính anh mới thế hay sao?’ cô còn định nói tiếp, ‘đáng ra,’ nhưng lại bỏ lửng, thấy là mình nói vậy cũng đủ rồi.

‘Tôi hẳn sẽ thích nhạc hiện đại, nếu tôi có thể, tôi đã cố cả đời để thích nó, nhưng càng thêm tuổi tôi càng thấy khó hợp với nó.’

‘Xin hỏi, anh nghĩ nhạc hiện đại bắt nguồn từ đâu?’

‘Từ Sebastian Bach.’

‘Và anh không thích Beethoven à?’

‘Không, lúc còn trẻ tôi từng nghĩ là tôi thích ông ấy, nhưng bây giờ tôi biết mình chưa bao giờ thực sự thích Beethoven cả.’

‘À! Làm sao anh có thể nói vậy được chứ? Anh không thể hiểu nổi ông ấy, anh sẽ chẳng nói như thế nếu hiểu được ông. Đối với tôi chỉ cần có một bản nhạc của Beethoven là đã quá đủ. Chỉ cần như thế là tôi thấy hạnh phúc rồi.’

Ernest rất thích cái tính mạnh mẽ vốn được truyền từ cha của cô, mà cô càng lớn tuổi thì sự giống nhau di truyền này càng mạnh hơn nữa và thể hiện ra cả nơi giọng điệu nói chuyện của cô. Nó vẫn còn nhớ lời tôi kể về ván cờ tôi từng chơi với ông tiến sỹ, và giờ đây nó tưởng như đang nghe cô Skinner nói với một giọng nghe sao mà giống hết như lời mộ chí vậy:

‘Xin phép

Có lẽ tôi sẽ lấy ngay một bản nhạc của Beethoven hay một nốt móc đôi

Từ một trong những Bài không tên của Mendelssohn'

Sau bữa ăn trưa, khi chỉ còn nó ngồi tiếp chuyện khoảng nửa giờ với tiến sỹ, Ernest đã dùng những lời tán dương hết mực khiến ông vô cùng hài lòng và khoái trá. Ông bật dậy và gật gù. ‘Những lời này,’ ông nói, với giọng điệu riêng của mình, ‘rất có giá trị với ta.’ Ernest đáp lại ngay, ‘Thưa thầy, đó chỉ là một phần nhỏ thôi trong vô vàn tình cảm mà những học sinh cũ dành cho thầy,’ và cả hai nhảy lên vui vẻ với nhau ở cuối dãy bàn ăn phía trước cánh cửa sổ màu hồng nhìn ra khu vườn nhỏ trơ trụi. Lúc này cũng đã đến giờ Ernest phải ra về, rồi vài ngày sau, tiến sỹ viết thư bảo nó rằng những nhà phê bình của nó là một *σκληροι και αντιτυποι*, và cũng là một *ανεκπληκτοι*. Ernest còn nhớ được từ *σκληροι*, và cũng biết những chữ còn lại có lẽ có nghĩa là *tự nhiên*, nên nó thấy không có gì phải thắc mắc thêm. Khoảng một hai tháng sau, tiến sỹ Skinner cũng về trời.

‘Ông ta là một ông già ngớ ngẩn, Ernest ạ,’ tôi bảo nó, ‘và con không nên động lòng vì người như thế.’

‘Con không thể cầm lòng được,’ nó đáp lại, ‘ông ấy quá già nên con thấy giống như mình đang chơi với một đứa trẻ vậy.’

Đôi khi Ernest giống hệt như những người suy nghĩ tích cực, và bắt mình làm việc quá sức, rồi lúc mệt nhoài có vài lần nó gặp thấy tiến sỹ Skinner và Theobald trách móc mắng nhiếc nó trong mơ, nhưng ngoài điều này ra thì hai người này chẳng còn làm phiền gì nó được nữa.

Đối với tôi, Ernest hệt như một đứa con trai, và thậm chí còn hơn nữa. Đôi khi, ví dụ như lúc nói chuyện về những quyển sách của nó, tôi hơi lo rằng tôi đã cư xử với nó quá giống một người cha, và như thế là hơi quá so với vai trò của mình, nhưng nếu có như vậy thì tôi tin là nó sẽ bỏ quá cho tôi. Những quyển sách của nó là thứ duy nhất mà hai chúng tôi không đồng thuận với nhau. Tôi muốn nó viết giống như những người khác, và đừng xúc phạm quá nhiều độc giả, nhưng nó bảo rằng văn phong cũng hệt như màu tóc của nó, không thể đổi được, và nó phải viết như thế hoặc chẳng viết gì cả.

Với toàn thể cộng đồng, nó không được ưa thích cho lắm. Người ta thừa nhận nó có tài năng nhưng lại thường xem đó là một dạng tài năng lạ thường

không thiết thực, và dù nó có viết nghiêm túc đến thế nào đi nữa, vẫn cứ bị xem là đang nói đùa mà thôi. Quyển sách đầu tiên của nó đã thành công nhờ những nguyên do mà tôi đã nói ở trên, nhưng những quyển sau lại hoàn toàn thất bại. Nó là một trong số những kẻ mang vận rủi, cứ mỗi quyển sách trình làng, ngay lập tức bị các nhà phê bình châm chích và chế nhạo, nhưng lại trở thành một ‘tác phẩm tuyệt vời’ ngay khi một quyển sách khác xuất hiện và thay thế vào vị trí tội nghiệp của quyển sách trước.

Suốt cả đời nó chẳng bao giờ mời một nhà phê bình nào dùng bữa với mình. Tôi đã nói mãi với nó rằng làm vậy là rất dại dột, nhưng rồi tôi nhận thấy đây lại là những lời duy nhất từ miệng tôi có thể khiến nó nổi cơn tam bành.

‘Thứ có thể có giá trị với con là,’ nó nói, ‘liệu người ta có đọc sách của con hay không? Người ta có thể phải bận tâm đến chuyện thăng tiến danh vọng, nhưng con có quá nhiều tiền rồi nên chẳng cần thêm nữa, và nếu sách của con có gì đó thì dần dần nó sẽ tự bộc lộ ra. Con không biết và cũng chẳng bận tâm nhiều xem thử chúng hay dở thế nào. Liệu một người đúng mực sẽ nghĩ thế nào về tác phẩm của chính mình đây? Có một số người viết những tác phẩm ngu ngốc nằm trong số những kẻ mới cầm bút và những kẻ xoàng xĩnh hạng ba. Tại sao con lại phải phàn nàn vì bị xếp chung với hạng xoàng đó? Nếu một người hoàn toàn không tầm thường, thì hãy cứ mừng vì như vậy đi, ngoài ra, một ngày nào đó, những quyển sách sẽ phải tự thân khẳng định giá trị của chúng, và ngày đó đến càng sớm càng tốt.’

Cách đây không lâu, tôi đã nói chuyện với nhà xuất bản của nó. ‘anh Pontifex,’ ông ta nói, ‘là một *homo unius libri*, người cả đời chỉ có được một quyển, nhưng chẳng ích gì khi nói với anh ta chuyện này.’

Tôi có thể thấy được nhà xuất bản này đã không còn tin tưởng vào vị thế văn đàn của Ernest nữa, và ông xem nó là một kẻ chỉ có thất bại mà thôi bởi đã dám làm một hành động quá bạo gan. ‘anh ấy rất đơn độc, ông Overton ạ,’ nhà xuất bản nói tiếp. ‘anh ấy chẳng có đồng bạn gì hết, và lại gây thù chuốc oán không chỉ với giới tôn giáo, mà còn với cả giới văn học và khoa học. Ngày nay chẳng ai làm thế cả. Nếu một người muốn thăng tiến, thì anh

ta phải thuộc một nhóm nào đó, mà anh Pontifex chẳng thuộc nhóm nào, thậm chí cũng chẳng tham gia bất kỳ câu lạc bộ nào nữa.’

Tôi đáp lời ông ta rằng, ‘anh Pontifex rất giống Othello, chỉ có một điểm khác, đó là kiểu căm ghét của anh ấy không khôn ngoan nhưng rất đúng đắn. Và nếu như có quen biết với những người tai to mặt lớn trong ngành văn học và khoa học, hẳn anh ấy cũng chẳng thích thú gì họ, giữa anh Pontifex và họ chẳng mối liên kết tự nhiên nào cả, và nếu như anh ấy có quan hệ với họ thì kết cục sẽ còn tệ hại cho anh ấy hơn lúc đầu nữa. Bản năng mách bảo anh ấy làm như thế, cho nên anh tránh xa hết thầy bọn họ, và công kích bất cứ lúc nào thấy họ đáng phải chịu như thế. Tôi vẫn hy vọng rằng có lẽ thế hệ trẻ sẽ lắng nghe anh ấy hơn thế hệ này.’

‘Tôi chẳng biết liệu có ý nghĩ nào khinh suất và bất khả thi hơn những gì ông vừa nói hay không nữa.’ nhà xuất bản bảo với tôi như thế.

Còn lời đáp của Ernest cho tất cả những chuyện này chỉ có một - ‘Chờ xem.’

Đó là bước tiến mới nhất anh bạn nhỏ của tôi vừa đạt được. Thật sự thì lúc này nó sẽ chẳng cố gắng để lập một cái trường Đại học Bệnh học Phần hồn nữa đâu, nhưng tôi phải để cho các bạn quyết định xem liệu có sự tương đồng nào giữa một Ernest của cái Đại học Bệnh học Phần hồn đó với một Ernest cương quyết nhắm đến thế hệ kế tiếp hơn thế hệ hiện tại này hay không. Nó bảo rằng nó tin chắc không có mối tương đồng nào đâu, và mỗi năm nó rước mình Thánh chỉ một lần để vừa đủ tránh rắc rối, bởi nó e sợ nếu đi nhiều thì sẽ lại bốc đồng lao vào một ý tưởng nào đó khác nữa. Làm như thế khiến nó mệt mỏi, nhưng đôi lúc nó bảo tôi, ‘chẳng người nào có được một ý tưởng đáng để được người ta giữ lấy trừ phi anh ta biết cách chối bỏ chúng dễ dàng và nhẹ nhàng vì đức mến.’ Về chính trị, nó quá thiên về phái Bảo thủ, và ủng hộ cả về lá phiếu lẫn quyền lợi. Còn về tất cả những mặt khác, nó là một người cấp tiến hàng đầu. Cha và ông nội của nó đúng là sẽ chẳng thể hiểu nổi chút suy nghĩ nào của nó đâu, nhưng chính những người thân thiết với nó cũng không hề biết rằng trong thâm tâm họ đang mong nó sống thật khác đi so với bản chất thực sự của chính nó.

• Chú Thích •

▣ Mẫu anh (acre): tương đương với 4047 mét vuông.

^[2] Giotto di Bondone (1267 - 1337), họa sĩ và kiến trúc sư người Ý. Fra Filippo Lippi (1406 - 1469), họa sĩ thành Florentine nước Ý.

^[3] Oliver Cromwell (25.4.1599 – 3.9.1658), nhà lãnh đạo chính trị và quân sự người Anh.

^[4] 1 bảng (pound) bằng 20 shilling; 1 crown bằng 5 shilling; 1 guinea bằng 21 shilling; 1 shilling bằng 12 xu (pence) (vào thời tác giả viết quyển này, còn ngày nay một shilling bằng 5 xu); Đồng vàng (sovereign) với giá trị là một bảng, nhưng thường phải cao hơn nhiều và ít dùng trong giao dịch.

5 3.000 shilling = 150 bảng

^[6] Bản ba mươi chín điều về Tôn giáo là những tuyên bố lịch sử xác định giáo lý của Giáo hội anh dựa trên những tranh luận trong công cuộc Cải cách ở nước anh, ban hành đầu tiên năm 1563.

^[1] Ý nói về Charles Darwin, người khơi mào thuyết Tiến hóa.

^[8] Missolonghi là một thành phố miền Tây Hy Lạp. Christina chực khóc khi nghe tên thành phố này bởi đây cũng là nơi Byron, tác giả những tiểu thuyết lãng mạn mà cô yêu thích, qua đời.

^[9] Theo truyền thống trong thời Tudor, mọi người ném giày lên xe của đôi vợ chồng mới cưới để chúc may mắn.

^[10] 1 yard = 0,914 mét

[☞](#) 1 panh = 0,57 lít

^[12] Ernest – cái tên có nguồn gốc từ Đức, nghĩa là đứng đắn, nghiêm túc, tha thiết, chiến đấu đến tận cùng.

^[13] Cửa hẹp là đường dẫn đến Thiên đàng theo lời dạy của Chúa Giêsu, nghĩa là phải sống hi sinh hơn, và thoát ra khỏi lối đi thường có của thế gian.

^[14] Jonadab, con ông rechab truyền cho con cháu suốt đời không bao giờ được uống rượu, không được xây nhà để ở, không có vườn nho, ruộng đất, và hạt giống gì cả. Và họ đã vâng lời đúng như thế, nên làm đẹp lòng Thiên Chúa, được sống yên bình mãi về sau. (Chương 15, sách Geremia, Cựu Ước, Kinh Thánh) Khi nghĩ đến chuyện này, Theobald có ý muốn con cái mình học theo tính vâng lời chấp hành mọi lời được truyền dạy cho dù có phi lý đến đâu đi nữa.

^[15] Vẫn là tích về con cháu ông Jonadab nhưng lần này nhắm đến ý khác, đó là về việc người ta dù có được tài sản bao nhiêu đi nữa, vẫn nên sống như thế không có gì, để nhờ đó được an bình yên ổn.

^[16] Trong Kinh Thánh, Chúa Giêsu có dạy các môn đệ rằng: ‘Các con hãy khôn ngoan như con rắn, và hãy đơn sơ như chim Bồ Câu’ (mt 10, 16). Đây cũng là một so sánh ngược dành cho tiến sỹ Skinner.

^[17] Phái Whig (thành lập 1678 – giải tán 1868) trong thời kỳ câu chuyện này diễn ra, phái Whig chủ trương quốc hội có quyền cao hơn vua, tách Giáo hội Anh khỏi Giáo hội Công giáo Roma, bãi bỏ chế độ nô lệ và mở rộng quyền bầu cử.

^[18] A.M.D.G. Chính xác là chữ viết tắt của câu khẩu hiệu dòng Tên (Jesuits) ‘Ad Majorem Dei Gloriam,’ nghĩa là ‘Để vinh quang Thiên Chúa cả sáng hơn’. Ông tiến sỹ lại chuyển A.M.D.G. Thành ‘Ad Mariam Dei Genetricem’ và ‘Ave Maria Dei Genetrix’ nghĩa là ‘Vì mẹ Maria mẹ Thiên Chúa’, cả hai cách dùng đều sai. Còn Theobald đã chuyển đúng cụm từ này.

^[19] Trong Kinh Thánh viết rằng, người Ai Cập bắt người Do Thái làm nô lệ và không chịu giải phóng cho họ về quê hương theo lệnh Thiên Chúa, nên Thiên Chúa trừng phạt bằng cách cho bảy tai ương giáng xuống dân Ai Cập, mà tai ương cuối cùng và nặng nề nhất chính là giết chết tất cả mọi con trai đầu lòng của người Ai Cập. Ở đây, ý Theobald là muốn được giải thoát khỏi Ernest cho rồi.

^[20] Lời này trích trong Kinh Thánh, lc 16, 19.31

^[21] Thể thơ alcaics: một thể thơ Hy Lạp, được cho là phát xuất từ alcaeus, nhà thơ sống vào khoảng 600 năm trước Công Nguyên.

^[22] Quyển ‘Dấu tích lịch sử tự nhiên của Cuộc Sáng tạo’ (Vestiges of the Natural history of Creation) của Robert Chambers.

^[23] Quyển ‘luận Bình’ (Essays and reviews) biên tập bởi John William Parker.

^[24] Quyển ‘lịch sử văn minh’ (history of Civilisation) của Henry Thomas Buckle.

^[25] Quyền ‘Bàn về tự do’ (liberty) của John Stuart mill.

^[26] Saolo là tên của thánh Phaolo trước khi gia nhập Kitô giáo. Lúc đầu Saolo chuyên đi bắt bớ và ngược đãi các Kitô hữu, rồi có một phép lạ xảy đến, khiến ông hồi tâm và theo đạo, cùng đổi tên thành Phaolo.

^[27] Maximilien Robespierre (06.5.1758 – 28.4.1794), lãnh đạo phái Jacobins cũng là lãnh tụ đầu tiên và ảnh hưởng nhất của cách mạng Pháp.

^[28] Hydra, con rắn chín đầu trong thần thoại Hy Lạp, chặt một đầu nó lại mọc ra hai đầu khác.

^[29] Anh giáo Thượng Phái (High Church) thiên nhiều về lễ nghi và tư tưởng khá tương đồng với Giáo hội Công Giáo Roma. Anh Giáo hạ Phái (Low Church) có xu hướng hạn chế lễ nghi và cơ cấu trong Giáo hội, qua điểm này, thể hiện sự tách biệt với Giáo hội Công Giáo Roma.

^[30] Lấy ý từ một câu của Chúa Giêsu, ‘Ngôn sứ có bị rẻ rúng, thì cũng chỉ là ở chính quê hương mình, hay giữa đám bà con thân thuộc, và trong gia đình mình mà thôi’ (mc 6, 4).

^[31] Thomas Paine (29.10.1737 – 08.6.1809) là nhà văn, nhà phát minh, bậc trí thức cấp tiến, nhà cách mạng, và một trong những nhà lập quốc của hoa Kỳ.

^[32] Câu này lấy ý từ dụ ngôn Lazaro ăn mỳ và người phú hộ giàu có trích trong Kinh Thánh (lc 16, 19-26).

^[33] Kinh Thánh có bốn sách kể về cuộc đời Chúa Giêsu, gọi là Tin mừng, được viết bởi bốn người khác nhau với nội dung có chút khác biệt, nên thường gọi là bốn trình thuật Tin mừng.

^[34] Thomas Carlyle (04.12.1795 – 05.02.1881), người Scotland, là triết gia, nhà văn trào phúng, nhà bình luận, sử gia và giảng viên trong thời đại Victoria. Ông vốn có dự định làm nhà truyền giáo theo ý muốn cha mẹ, nhưng về sau trong thời gian học đại học Edinburgh, ông đã thay đổi đức tin của mình.

^[35] Trích từ một tích trong Kinh Thánh, Chúa Giêsu đã nói với những người đạo đức giả rằng ‘Cũng như mười tám người kia bị tháp Siloam đổ xuống đè chết, các ông tưởng họ là những người mắc tội nặng hơn tất cả mọi người ở thành Giê-ru-sa-lem sao? Tôi nói cho các ông biết: không phải thế đâu’ (Lc 13, 4) Ý là những người chịu tai ương không phải do tội lỗi của họ.

^[36] Cổ tích anh quốc tin rằng rắc muối vào đuôi chim sẽ khiến nó đờ ra và bắt được nó.

^[37] Melchisedek nhân vật trong Kinh Thánh Cựu Ước, người được Chúa gọi.

^[38] George Berkeley (12.3.1685 – 14.01.1753), còn được gọi là Giám mục Berkeley (ông là giám mục Cloyne), là nhà triết học Anh-Ireland với thành tựu chính là đã phát triển một thuyết mà ông gọi là thuyết phi vật chất (immaterialism) tóm gọn với câu ‘esse est percipi’ (hiện hữu là được nhận thức).

^[39] Lấy ý từ tiểu thuyết ‘Coningsby’ của Benjamin Disraeli xuất bản năm 1844.

¹⁴⁰ Ishmael là đứa con bị bỏ rơi của abraham, tổ phụ dân Do Thái.

^[41] Nút thắt Gordius: ý muốn nói đến một vấn đề cực kỳ hóc búa gần như là bất khả thi, đây là một tích từ thời Hy Lạp cổ kể rằng vua Gordius thắt một loạt nút cực khó và nói rằng ai gỡ được đám nút dây này sẽ là vua cả á châu, Alexandre Đại Đế đã gỡ cả đám nút chỉ bằng một nhát gươm.

^[42] ‘Provincial letters’ của Blaise Pascal.

^[43] Cô gái mang vớ trắng có nghĩa ám chỉ các cô gái điếm.

^[44] Chữ Ý thay bằng Í, bởi ông Skinner có thói quen phát âm theo những gì ông cho là đúng và bay bổng, dù thường thì chẳng đúng chút nào.